Department of the Treasury

Internal Revenue Service

Thuế Thu Nhập Liên Bang của quý vị

Dành cho Cá Nhân

Ấn phẩm 17

Catalog Number 74585O

Để sử dụng trong việc chuẩn bị

Tờ khai **2020**

TAX GUIDE 2020

FOR INDIVIDUALS

Nhận các mẫu đơn và thông tin khác nhanh hơn và dễ dàng hơn tại:

- ***IRS.gov*** (English)
- ***IRS.gov/Spanish*** (Español)
- ***IRS.gov/Chinese*** (中文)
- ***IRS.gov/Korean*** (한국어)
- ***IRS.gov/Russian*** (Русский)
- ***IRS.gov/Vietnamese*** (Tiếng Việt)

Department of the Treasury

Internal Revenue Service

Thuế Thu Nhập Liên Bang của quý vị

Dành cho Cá Nhân

Nội dung

Quy định mới 1

Nhắc nhở 2

Giới thiệu 3

Phần Một. Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập 5
- 1 Thông tin khai thuế 5
- 2 Tình Trạng Khai Thuế 21
- 3 Người phụ thuộc 26
- 4 Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính 37

Phần Hai. Thu Nhập và Điều Chỉnh Thu Nhập 47
- 5 Tiền Công, Tiền Lương và Các Khoản Thu Nhập Khác 48
- 6 Thu nhập từ tiền lãi 56
- 7 Quyền lợi an sinh xã hội và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương 63
- 8 Thu nhập khác 68
- 9 Trương Mục Hưu Trí Cá Nhân (IRA) 78

Phần Ba. Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn, Khấu Trừ Từng Khoản và Các Khoản Khấu Trừ Khác 92
- 10 Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn 92
- 11 Các khoản thuế 96
- 12 Khấu Trừ Từng Khoản Khác 101

Phần Bốn. Tính Thuế, Tín Dụng Hoàn Lại và Không Hoàn Lại 106
- 13 Cách Tính Thuế 106
- 14 Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác 109

Bảng thuế năm 2020 112

Mẫu Tính Thuế 2020 124

Khung Thuế Suất 2020 125

Quyền của quý vị với tư cách là người đóng thuế 126

Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế 127

Chỉ mục 130

Nơi nộp hồ sơ khai thuế 139

Tất cả các tài liệu trong ấn phẩm này đều có thể in lại tùy ý. Nội dung trích dẫn đến Thuế Thu Nhập Liên Bang của Quý Vị (2020) *phải đúng.*

Phần giải thích và ví dụ trong ấn phẩm này phản ánh cách diễn giải của Sở Thuế Vụ về:

- Luật thuế do Quốc Hội ban hành,
- Các quy định của Bộ Ngân Khố, và
- Phán quyết của Tòa Án.

Tuy nhiên, thông tin được cung cấp không tính đến hết mọi tình huống và không có mục đích thay thế cho luật pháp hay thay đổi ý nghĩa của nó.

Ấn phẩm này trình bày một số chủ đề mà về chủ đề đó, tòa có thể ra phán quyết có lợi cho người đóng thuế hơn là theo sự diễn giải của IRS. Cho đến khi những cách diễn giải khác này được giải quyết theo phán quyết của tòa thượng thẩm hoặc bằng một cách nào đó, ấn phẩm này vẫn tiếp tục thể hiện cách diễn giải của IRS.

Tất cả những người đóng thuế có các quyền quan trọng khi làm việc với IRS. Các quyền này được mô tả trong *Quyền của Quý Vị với tư cách là Người Đóng Thuế* ở mặt sau của ấn phẩm này.

Quy định mới

Mục này tóm tắt các thay đổi quan trọng về thuế và có hiệu lực trong năm 2020. Hầu hết các thay đổi này được thảo luận chi tiết hơn xuyên suốt ấn phẩm này.

Nội dung khai triển trong tương lai. Để biết thông tin mới nhất về các chủ đề liên quan đến luật thuế được trình bày trong ấn phẩm này, như quy chế được ban hành sau khi ấn phẩm này được công bố, vui lòng truy cập *IRS.gov/Pub17*.

Các thay đổi trong Ấn Phẩm 17. Trong ấn bản này, chúng tôi đã xóa bỏ các chương có từ năm 2019 sau đây: 6, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 22, 24, 25, 26, 29, 30, 31, 33, 34, 35 và 36. Quý vị có thể xem lại hầu hết thông tin mà trước đây đã có trong các chương đó của ấn bản ban đầu. Vui lòng xem các thay đổi trong Ấn Phẩm 17 của năm 2020 ở phần sau.

Ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế. Hãy nộp hồ sơ khai thuế của quý vị không muộn hơn ngày 15 tháng 4 năm 2021. Xem chương 1.

Thanh toán tác động kinh tế. Bất kỳ khoản thanh toán tác động kinh tế nào mà quý vị nhận được đều không bị đánh thuế khi tính thuế thu nhập liên bang nhưng sẽ làm giảm tín thuế trợ cấp khôi phục kinh tế của quý vị.

Tín thuế trợ cấp khôi phục kinh tế. Khoản tín thuế này được tính giống như khoản thanh toán tác động kinh tế của năm trước, chỉ trừ số tiền là dựa trên năm thuế 2020 thay cho năm thuế 2019 (hoặc năm thuế 2018 nếu không có thông tin về năm thuế 2019). Mức tín thuế tối đa là $1.200 ($2.400 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế) cộng với $500 cho mỗi trẻ đủ tiêu chuẩn. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR, dòng 30.

Bản tu chính Mẫu 1040-NR. Mẫu 1040-NR đã được tu chính để bám sát hơn với định dạng của Mẫu 1040 và 1040-SR. Bắt đầu từ năm 2020, Mẫu 1040-NR sẽ sử dụng Bản Khai 1, 2 và 3.

Đóng góp từ thiện. Nếu quý vị không liệt kê từng khoản khấu trừ của mình trong Bản Khai A (Mẫu 1040), quý vị có thể đủ điều kiện để được khấu trừ các khoản đóng góp từ thiện lên đến $300. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR, dòng 10b.

Tạm ngưng áp dụng giới hạn đóng góp bằng tiền mặt. Đối với năm thuế 2020, một số khoản đóng góp bằng tiền mặt mà quý vị đã thực hiện không bị áp dụng giới hạn 60% đối với các khoản đóng góp bằng tiền mặt. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 526.

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn đã tăng. Với năm 2020, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn đã tăng cho tất cả những người khai thuế. Số tiền cụ thể là:

- Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – $12.400;
- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người góa vợ/góa chồng đủ điều kiện – $24.800; và
- Chủ gia đình – $18.650.

Xem chương 10.

Tiền ảo. Trong năm 2020, nếu quý vị có thực hiện một giao dịch có liên quan đến tiền ảo, quý vị sẽ phải trả lời câu hỏi tại trang 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Xem phần *Tiền Ảo* trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR. Năm 2019, câu hỏi này nằm trong Bản Khai 1.

Đóng góp IRA được khấu trừ. Không còn áp dụng quy định phải dưới 70 1/2 tuổi mới được khấu trừ cho các khoản đóng góp cho IRA. Xem hướng dẫn cho Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 19.

Miễn thuế thời kỳ virus corona cho một số cá nhân. Đạo Luật Viện Trợ, Cứu Trợ và An Ninh Kinh Tế Thời Kỳ Virus Corona (Coronavirus Aid, Relief, and Economic Security, CARES) cho phép một số cá nhân nộp Bản Khai SE (Mẫu 1040) hoặc Bản Khai H (Mẫu 1040) để hoãn nộp 50% thuế an sinh xã hội áp dụng cho giai đoạn bắt đầu từ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Để biết thêm thông tin, hãy xem hướng dẫn cho Bản Khai SE (Mẫu 1040) hoặc Bản Khai H (Mẫu 1040). Để biết thông tin về việc báo cáo hoãn thuế, hãy xem hướng dẫn cho Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 12e.

Phân phối vì đại dịch Virus Corona. Quy chế gần đây có các quy định mới liên quan đến việc rút tiền được ưu đãi thuế, bao gồm thu nhập và hoàn trả cho những cá nhân được chẩn đoán mắc virus corona hoặc bị thiệt hại kinh tế do đại dịch. Xem phần *Phân Phối Vì Đại Dịch Virus Corona* trong Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Phân phối thiên tai đủ điều kiện. Các quy tắc đặc biệt quy định về phân phối ưu đãi thuế và các khoản hoàn trả đối với một số chương trình hưu trí cho những người đóng thuế phải chịu thiệt hại kinh tế từ các trận thiên tai lớn trong năm thuế 2018, 2019 và 2020. Đối với hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị, các khoản phân phối thiên tai đủ điều kiện này là các khoản phân phối trong Mẫu 8915-C năm 2020, các khoản Phân Phối Và Hoàn Trả Trong Kế hoạch Hưu Trí Do Thảm Họa 2018 Đủ Điều Kiện, và các hướng dẫn của nó; Mẫu 8915-D năm 2020, các khoản Phân Phối Và Hoàn Trả Trong Kế hoạch Hưu Trí Do Thảm Họa 2019 Đủ Điều Kiện, và các hướng dẫn của nó; Mẫu 8915-E năm 2020, các khoản Phân Phối Và Hoàn Trả Trong Kế hoạch Hưu Trí Do Thảm Họa 2020 Đủ Điều Kiện, và các hướng dẫn của nó;. Xem chương 9.

Tín dụng cho thời gian nghỉ phép vì lý do gia đình và y tế cho một số cá nhân tự doanh. Đạo luật Cứu Trợ Coronavirus Đầu Tiên Cho Gia Đình (Families First Coronavirus Relief Act, FFCRA) giúp đỡ các cá nhân tự doanh bị ảnh hưởng do virus corona bằng cách cung cấp các khoản tín dụng cho thời gian nghỉ phép có lương vì lý do y tế và gia đình tương đương với các khoản tín dụng mà người sử dụng lao động phải cấp cho nhân viên của họ để hưởng lương nghỉ phép đủ điều kiện vì lý do gia đình và y tế, được trả trong giai đoạn bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem hướng dẫn cho Mẫu 7202 và Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 12b.

Mẫu 1040-X, Hồ Sơ Thuế Lợi Tức Cá Nhân Hoa Kỳ Được Điều Chỉnh. Bắt đầu từ mùa hè năm ngoái, người nộp thuế đã có thể nộp Mẫu 1040-X theo phương thức điện tử bằng cách sử dụng các sản phẩm phần mềm thuế có sẵn. Mẫu 1040-X điện tử sẽ được triển khai theo từng giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, chỉ các Mẫu 1040 và 1040-SR của năm thuế 2019 mới có thể được sửa đổi theo phương thức điện tử. Người nộp thuế vẫn sẽ được chọn gửi bản cứng của Mẫu 1040-X và nên làm theo hướng dẫn để chuẩn bị và gửi bản cứng.

Bản Khai LEP (Mẫu 1040), Yêu Cầu Thay Đổi Ngôn Ngữ Ưu Tiên. Bản Khai LEP là một biểu mẫu mới cho phép người nộp thuế nêu rõ ưu tiên nhận thông báo văn bản từ IRS bằng một ngôn ngữ không phải tiếng Anh. Để biết thêm thông tin, bao gồm những ngôn ngữ có sẵn và cách nộp hồ sơ, hãy xem Bản Khai LEP.

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Mức trả tiền áp dụng cho việc sử dụng xe hơi của doanh nghiệp năm 2020 là 57,5 cent/dặm. Mức trả tiền áp dụng cho việc sử dụng xe hơi để nhận dịch vụ chăm sóc y tế hoặc di chuyển năm 2020 là 17 cent/dặm. Xem phần *Các Chi Phí Di Chuyển* trong Ấn Phẩm 3, Hướng Dẫn Thuế cho Lực Lượng Vũ Trang.

Khoản miễn giảm thuế tối thiểu thay thế (Alternative minimum tax hay AMT) tăng lên. Khoản miễn giảm AMT đã tăng lên đến $72.900 ($113.400 nếu là vợ chồng khai chung hoặc người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn; $56.700 nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Các mức thu nhập mà từ đó khoản AMT bắt đầu giảm đã tăng lên đến $518.400 (hoặc $1.036.800 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hay người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn).

Tiền khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn. Mẫu tính toán được đơn giản hóa giúp tính tiền khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn của quý vị hiện giờ là Mẫu 8995, Cách Tính Đơn Giản cho Tiền Khấu Trừ Thu Nhập Kinh Doanh Đủ Tiêu Chuẩn. Nếu quý vị không đáp ứng các yêu cầu để nộp Mẫu 8995, hãy dùng Mẫu 8995-A, Tiền Khấu Trừ Thu Nhập Kinh Doanh Đủ Tiêu Chuẩn. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo hướng dẫn cho từng mẫu.

Tín thuế nhận con nuôi. Năm 2020, tín thuế nhận con nuôi và loại trừ cho quyền lợi do nhận con nuôi được nhà tuyển dụng cung cấp đều đã tăng lên $14.300 trên mỗi trẻ đủ điều kiện. Số tiền bắt đầu giảm nếu quý vị có tổng thu nhập đã điều chỉnh theo luật thuế mới (modified adjusted gross income, MAGI) vượt quá $214.520 và trừ hết hoàn toàn nếu MAGI của quý vị bằng $254.520 trở lên.

Mã Số Cá Nhân Bảo Vệ Danh Tính (IP PIN, Identity Protection Personal Identification Number). Các IP PIN được tạo mới mỗi ngày. Năm nay, các mã này nhìn chung sẽ được gửi đi muộn nhất vào giữa tháng 1 năm 2021. Hãy sử dụng IP PIN này trên hồ sơ khai thuế 2020 của quý vị cũng như bất kỳ hồ sơ khai thuế cho năm cũ nào mà quý vị nộp vào năm 2021.

Các Thay Đổi của Ấn Phẩm 17 Năm 2020

Lưu ý. Ấn phẩm này không đề cập đến các chủ đề được liệt kê trong bảng sau. Vui lòng xem ấn bản ban đầu.

Chương Đã Bị Xóa	Tiêu Đề Chương	Ấn Bản Ban Đầu
6	Thu nhập từ tiền boa	*Ấn Phẩm 531, Báo Cáo Thu nhập Từ Tiền Boa*
8	Cổ Tức và Các Khoản Phân Phối Khác	*Ấn Phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư*
9	Thu Nhập và Chi Phí Cho Thuê	*Ấn Phẩm 527, Nhà Cho Thuê Để Ở (Bao Gồm Nhà Cho Thuê Nghỉ Dưỡng)*
10	Chương Trình Hưu Trí, Hưu Bổng và Niên Kim	*Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Từ Hưu Bổng và Niên Kim*
13	Cơ Bản về Tài Sản	*Ấn Phẩm 551, Cơ Bản Về Tài Sản*
14	Bán Tài Sản	*Ấn Phẩm 550*
15	Bán Nhà Của Quý Vị	*Ấn Phẩm 523, Bán Nhà của Quý Vị*
16	Báo Cáo Về Lợi Nhuận và Thiệt Hại	*Ấn Phẩm 550*
18	Tiền cấp dưỡng sau ly hôn	*504, Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân*
19	Những Điều Chỉnh Liên Quan Đến Giáo Dục	*Ấn Phẩm 970, Quyền Lợi Thuế cho Giáo Dục*
20	Các Điều Chỉnh Khác về Thu Nhập	*Ấn Phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng Và Ô Tô*
22	Chi phí y tế và nha khoa	*Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế Và Nha Khoa*
24	Chi phí lãi vay	*Ấn Phẩm 550* *Ấn Phẩm 936, Khấu Trừ Lãi Thế Chấp Nhà*
25	Đóng góp từ thiện	*561, Xác Định Giá Trị Tài Sản Quyên Tặng* *Ấn Phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện*
26	Tổn Thất Phi Kinh Doanh Do Tai Biến và Trộm Cắp	*547, Tổn Thất, Thiên Tai và Trộm Cắp*
29	Thuế đánh trên Thu Nhập Không Do Lao Động của Một Số Trẻ Em	*929, Quy Định Thuế dành cho Trẻ Em và Người Phụ Thuộc*
30	Tín thuế dành cho việc chăm sóc con nhỏ và người phụ thuộc	*Ấn Phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc*
31	Tín Thuế dành cho Người Già hay Người Bị Khuyết Tật	*524, Tín Thuế dành cho Người Già hay Người Bị Khuyết Tật*
33	Tín thuế giáo dục	*Ấn Phẩm 970, Quyền Lợi Thuế cho Giáo Dục*
34	Tín Thuế Thu Nhập Do Lao Động (EIC)	*Ấn Phẩm 596, Tín Thuế Thu Nhập Do Lao Động (EIC)*
35	Tín Thuế Bảo Phí	*Ấn Phẩm 974, Tín Thuế Bảo Phí (PTC)*
36	Các Tín Thuế Khác	

Nhắc nhở

Dưới đây là các nội dung nhắc nhở quan trọng và các khoản khác có thể giúp quý vị nộp hồ sơ khai thuế 2020. Nhiều thay đổi trong số này được giải thích chi tiết hơn ở phần sau của ấn phẩm này.

Các quy định đặc biệt áp dụng cho lợi nhuận đủ điều kiện trong Quỹ Cơ Hội Đủ Điều Kiện. Nếu có lợi nhuận đủ điều kiện, quý vị có thể đầu tư phần lợi nhuận đó vào Quỹ Cơ Hội Đủ Điều Kiện (Quỹ QO, Qualified Opportunity Fund) và được chọn hoãn một phần hoặc toàn bộ phần lợi nhuận có thể tính vào trong thu nhập. Quý vị được hoãn phần lợi nhuận này cho đến ngày bán hoặc quy đổi khoản đầu tư hoặc đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, tùy theo ngày nào đến trước. Quý vị cũng có thể không tính lợi nhuận trong hoạt động bán hay trao đổi hoặc một khoản đầu tư trong Quỹ QO vô thời hạn nếu nắm giữ khoản đầu tư đó trong ít nhất 10 năm. Để biết thông tin về loại lợi nhuận nào cho phép quý vị được chọn các quy định này, hãy xem Hướng Dẫn cho Bản Khai D (Mẫu 1040). Để biết thông tin về cách lựa chọn các quy định đặc biệt này, hãy xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8949.

Nhập số an sinh xã hội (SSN, social security number) của quý vị. Nhập SSN trong phần bỏ trống được cung cấp trên mẫu đơn khai thuế. Nếu quý vị đã khai thuế chung cho năm 2019 và đang khai thuế chung cho năm 2020 với cùng người vợ/chồng đó, hãy nhập tên và SSN của hai vợ chồng theo đúng thứ tự như trên hồ sơ khai thuế 2019. Xem chương 1.

Giữ an toàn cho hồ sơ thuế tránh khỏi nguy cơ bị mạo danh. Sự mạo danh xảy ra khi có người sử dụng thông tin cá nhân của quý vị, như tên, SSN hoặc thông tin nhận dạng khác, khi chưa có sự cho phép của quý vị, để thực hiện hành vi gian lận hoặc phạm tội khác. Kẻ mạo danh có thể sử dụng SSN của quý vị để tìm việc làm hoặc nộp hồ sơ khai thuế bằng SSN của quý vị để nhận tiền hoàn thuế. Để biết thêm thông tin về mạo danh và cách giảm nguy cơ này cho bản thân, vui lòng tham khảo chương 1.

Số nhận diện người đóng thuế. Quý vị phải cung cấp số nhận diện người đóng thuế cho từng người mà quý vị lấy làm căn cứ để yêu cầu phúc lợi thuế nhất định. Quy định này áp dụng ngay cả khi người đó sinh năm 2020. Số này thường là SSN của người đó. Xem chương 1.

Thu nhập từ nước ngoài. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ và có thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), quý vị phải khai báo toàn bộ phần thu nhập đó trên hồ

sơ khai thuế, trừ khi được miễn thực hiện theo luật hoặc hiệp ước thuế. Điều này vẫn áp dụng dù quý vị sống tại Hoa Kỳ hay ngoài Hoa Kỳ, không quan trọng là quý vị có nhận Mẫu W-2 hay Mẫu 1099 từ bên thanh toán nước ngoài hay không. Yêu cầu báo cáo áp dụng với thu nhập do lao động (ví dụ như tiền công và tiền boa) cũng như thu nhập không do lao động (ví dụ như tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận đầu tư, lương hưu, tiền cho thuê nhà và tiền bản quyền).

Nếu quý vị sinh sống ngoài Hoa Kỳ, quý vị có thể được loại trừ một phần hoặc toàn bộ thu nhập kiếm được ở nước ngoài của mình. Để biết chi tiết, xem Ấn phẩm 54, Hướng Dẫn Về Thuế Cho Công Dân Hoa Kỳ Và Ngoại Nhân Thường Trú Ở Nước Ngoài.

Tài sản tài chánh ngoại quốc. Nếu quý vị có tài sản tài chánh ngoại quốc trong năm 2020, quý vị có thể phải nộp Mẫu 8938 cùng với hồ sơ khai thuế. Xem Mẫu 8938 và hướng dẫn cho mẫu này hoặc truy cập *IRS.gov/Form8938* để biết chi tiết.

Tự động gia hạn nộp hồ sơ khai thuế thêm 6 tháng. Quý vị có thể được tự động gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế thêm 6 tháng. Xem chương 1.

Nộp thuế. Quý vị có thể nộp thuế bằng cách thanh toán điện tử trực tuyến; từ một thiết bị di động bằng ứng dụng IRS2Go; hoặc bằng tiền mặt hay séc hoặc chi phiếu. Thủ tục thanh toán điện tử nhanh gọn, dễ dàng và đến nơi sớm hơn là gửi qua đường bưu điện với phương thức séc hoặc chi phiếu. Xem chương 1.

Các cách nộp hồ sơ khai thuế nhanh hơn. Sở Thuế Vụ hỗ trợ các cách nộp thông tin hồ sơ khai thuế nhanh chóng, chính xác mà không cần nộp tờ khai thuế trên giấy. Quý vị có thể sử dụng dịch vụ *khai thuế điện tử* của IRS (việc khai thuế qua mạng thông tin điện tử). Xem chương 1.

Khai thuế điện tử miễn phí. Quý vị có thể khai thuế 2020 trực tuyến và miễn phí. Xem chương 1.

Thay đổi địa chỉ của quý vị. Nếu quý vị thay đổi địa chỉ, hãy thông báo cho IRS. Xem chương 1.

Hoàn thuế cho hồ sơ khai thuế nộp muộn. Nếu quý vị đã đến hạn hoàn thuế nhưng chưa nộp hồ sơ khai thuế, thường thì quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế (tính cả thời gian gia hạn) để nhận được số tiền hoàn thuế đó. Xem chương 1.

Hồ sơ khai thuế không đúng. Sở Thuế Vụ đã công bố danh sách những lập trường được xác định là không đúng. Hình phạt do nộp hồ sơ khai thuế không đúng là $5.000. Xem chương 1.

Nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thế có sai sót. Quý vị có thể phải trả hình phạt nếu quý vị gửi yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thế có sai sót. Xem chương 1.

Truy cập tài khoản trực tuyến. Quý vị phải xác thực danh tính của mình. Để đăng nhập an toàn vào tài khoản thuế liên bang của quý vị, truy cập *IRS.gov/Account*. Hãy xem số tiền quý vị còn nợ, kiểm tra lịch sử nộp thuế trong 24 tháng, sử dụng các phương án thanh toán trực tuyến và tạo hay điều chỉnh hợp đồng chi trả trực tuyến. Quý vị cũng có thể truy cập hồ sơ thuế trực tuyến.

Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe. Nếu quý vị cần có bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, hãy truy cập *HealthCare.gov* để tìm hiểu về các lựa chọn bảo hiểm y tế cho bản thân và gia đình, cách mua bảo hiểm y tế cũng như cách để đủ tiêu chuẩn được hỗ trợ tài chính khi mua bảo hiểm y tế.

Tiết Lộ, Luật Quyền Riêng Tư và thông tin giảm bớt thủ tục giấy tờ. Luật Tái Cơ Cấu và Cải Tổ của IRS năm 1998, Luật Quyền Riêng Tư năm 1974 và Luật Giảm Thiểu Các Loại Thủ Tục Hành Chánh năm 1980 quy định rằng khi chúng tôi yêu cầu quý vị cung cấp thông tin, trước hết chúng tôi phải cho quý vị biết rằng chúng tôi có quyền hợp pháp để đề nghị cung cấp thông tin, lý do của đề nghị đó, thông tin sẽ được sử dụng như thế nào, điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi không nhận được thông tin, và việc quý vị phản hồi là tự nguyện, bắt buộc để nhận phúc lợi hay là bắt buộc theo luật. Quý vị có thể tìm thấy toàn văn tuyên bố về chủ đề này trong hướng dẫn mẫu đơn khai thuế của quý vị.

Ủy thác *khai thuế điện tử* cho người khai thuế hộ. Hầu hết những người khai thuế hộ được trả thù lao đều phải *khai thuế điện tử* trong quá trình chuẩn bị và nộp hồ sơ. Người khai thuế hộ của quý vị có thể thông báo cho quý vị về yêu cầu này cũng như các phương án phù hợp với quý vị.

Tổng Thanh Tra của Bộ Ngân Khố về Điều Hành Thuế Vụ. Nếu muốn bí mật khai báo hành vi sai trái, lãng phí, gian lận hoặc lạm dụng do một nhân viên IRS thực hiện, quý vị có thể gọi tới số 800-366-4484 (gọi số 800-877-8339 nếu quý vị bị điếc, khiếm thính hoặc khuyết tật giọng nói và đang phải sử dụng thiết bị điện báo đánh chữ (TTY, teletype)/thiết bị viễn thông cho người điếc (TDD, telecommunications device for the deaf)). Quý vị có thể tiếp tục giấu tên.

Ảnh chụp trẻ mất tích. IRS tự hào là đối tác của *National Center for Missing & Exploited Children® (NCMEC)*. Các bức ảnh chụp trẻ mất tích được Trung Tâm lựa chọn có thể xuất hiện trong ấn phẩm này, ở các trang mà lẽ ra có thể bỏ trống. Quý vị có thể giúp đưa các em nhỏ này về nhà bằng cách xem ảnh và gọi số 1-800-THE-LOST (800-843-5678) nếu nhận ra một đứa trẻ nào đó.

Giới thiệu

Ấn phẩm này đề cập các quy định chung đối với việc nộp thuế thu nhập liên bang. Nội dung này bổ sung cho thông tin được nêu trong hướng dẫn trên mẫu đơn khai thuế của quý vị. Nó giải thích luật thuế để đảm bảo quý vị chỉ nộp khoản thuế mà quý vị nợ, không hơn.

Cách sắp xếp trong ấn phẩm này. Ấn Phẩm 17 tuân thủ sát sao Mẫu 1040, Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập Cá Nhân Hoa Kỳ, và Mẫu 1040-SR, Hồ Sơ Khai Thuế cho Người Cao Tuổi, và ba Bản Khai từ 1 đến 3 của các mẫu này. Ấn Phẩm 17 được chia thành bốn phần. Mỗi phần được chia nhỏ thành các chương. Nhìn chung, hầu hết các chương giải thích về một dòng trên mẫu hoặc một dòng trên một trong ba bản khai. Phần giới thiệu ở đầu mỗi phần sẽ liệt kê (các) bản khai sẽ được nói đến trong phần đó.

Mục lục ở bên trong trang bìa, phần giới thiệu của từng phần và mục lục tra cứu ở phía cuối ấn phẩm là những công cụ hữu ích giúp quý vị tìm được thông tin mà quý vị cần.

Nội dung trong ấn phẩm này. Ấn phẩm này bắt đầu từ quy định nộp hồ sơ khai thuế. Nó giải thích:

1. Những ai phải nộp hồ sơ khai thuế,
2. Khi nào đến hạn nộp hồ sơ khai thuế,
3. Cách khai thuế *điện tử*, và
4. Thông tin chung khác.

Ấn phẩm sẽ giúp quý vị xác định xem mình đủ tiêu chuẩn cho tình trạng khai thuế nào, quý vị có thể yêu cầu xét người phụ thuộc nào không và thu nhập mà quý vị nhận được có phải chịu thuế không. Ấn phẩm tiếp tục giải thích về mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn, các loại chi phí mà quý vị có thể khấu trừ và các loại tín thuế mà quý vị có thể nhận để giảm thuế.

Xuyên suốt ấn phẩm này là các ví dụ cho thấy luật thuế áp dụng ra sao ở các tình huống điển hình. Từ đầu đến cuối ấn phẩm cũng có các lưu đồ và bảng biểu giúp trình bày thông tin thuế một cách dễ hiểu.

Nhiều chủ đề trong số các chủ đề được nói đến trong ấn phẩm này được trình bày chi tiết hơn ở các ấn phẩm khác của Sở Thuế Vụ. Tham chiếu đến các ấn phẩm khác đó cũng được cung cấp để quý vị được biết.

Biểu tượng. Các ký hiệu đồ họa nhỏ hoặc biểu tượng được sử dụng để thu hút sự chú ý của quý vị tới những thông tin đặc biệt. Xem Bảng 1 để xem giải thích về từng biểu tượng được sử dụng trong ấn phẩm này.

Nội dung nào không được nói đến trong ấn phẩm này. Có thể sẽ có một số tài liệu mà quý vị thấy hữu ích nhưng không được đưa vào ấn phẩm này, song quý vị có thể tìm thấy trong sách hướng dẫn mẫu đơn khai thuế của quý vị. Sách này có các danh sách:

- Nơi khai báo một số khoản nhất định được thể hiện trên các tài liệu thông tin, và
- Các Chủ Đề về Thuế mà quý vị có thể đọc tại *IRS.gov/TaxTopics*.

Nếu quý vị điều hành doanh nghiệp riêng hoặc có thu nhập khác do tự làm chủ, như trông trẻ hoặc bán đồ thủ công, hãy tham khảo các ấn phẩm sau đây để biết thêm thông tin.

- Ấn Phẩm 334, Hướng Dẫn Thuế cho Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ.
- Ấn Phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh.
- Ấn Phẩm 587, Sử Dụng Nhà Riêng cho Mục Đích Kinh Doanh.

Trợ giúp từ IRS. Có nhiều cách để quý vị nhận sự trợ giúp từ IRS. Các cách này được giải thích trong phần *Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế* ở cuối ấn phẩm này.

Ý kiến và đề xuất. Chúng tôi xin hoan nghênh ý kiến của quý vị về ấn phẩm này cũng như đề xuất của quý vị cho các lần tái bản trong tương lai.

Quý vị có thể gửi ý kiến cho chúng tôi qua địa chỉ *IRS.gov/FormComments*. Hoặc quý vị có thể gửi thư đến Internal Revenue Service, Tax Forms and Publications, 1111 Constitution Ave. NW, IR-6526, Washington, DC 20224.

Dù chúng tôi không thể trả lời từng người cho từng ý kiến nhận được, song chúng tôi trân trọng thông tin phản hồi của quý vị và sẽ cân nhắc ý kiến cũng như đề xuất của quý vị khi sửa đổi các mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và ấn phẩm của mình. Vui lòng **không** gửi những câu hỏi về thuế, hồ sơ khai thuế hoặc các khoản tiền đến địa chỉ trên.

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của quý vị. Nếu quý vị

có một câu hỏi nào đó về thuế nhưng chưa được giải đáp trong ấn phẩm này hoặc phần *Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế* ở cuối ấn phẩm này, hãy truy cập trang Trợ Lý Thuế Tương Tác của IRS tại địa chỉ *IRS.gov/Help/ITA*. Tại trang này, quý vị có thể tìm các chủ đề thông qua tính năng tìm kiếm hoặc bằng cách hiển thị các danh mục được liệt kê.

Nhận mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và các ấn phẩm. Truy cập *IRS.gov/Forms* để tải xuống các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm mới nhất và của năm trước.

Đặt mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và các ấn phẩm. Truy cập *IRS.gov/OrderForms* để đặt các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành; gọi 800-829-3676 để đặt các mẫu và hướng dẫn của năm trước. IRS sẽ xử lý đơn đặt các mẫu và ấn phẩm của quý vị sớm nhất có thể. Không gửi lại các yêu cầu mà quý vị đã gửi cho chúng tôi. Quý vị có thể nhận được các mẫu và ấn phẩm nhanh hơn qua mạng.

Sứ mệnh của IRS. Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho người nộp thuế Hoa Kỳ bằng cách giúp họ hiểu và hoàn thành trách nhiệm thuế của mình cũng như thi hành luật pháp với sự liêm chính và công bằng với tất cả mọi người.

Bảng 1. **Chú Giải Biểu Tượng**

Biểu tượng	Giải thích
CAUTION	Mục có thể gây ra những vấn đề đặc biệt cho quý vị, hoặc cảnh báo về quy chế đang chờ phê chuẩn và có thể sẽ được ban hành sau khi ấn phẩm này được in.
	Một trang mạng Internet hoặc địa chỉ thư điện tử.
	Một địa chỉ mà quý vị có thể cần đến.
RECORDS	Thứ quý vị nên lưu giữ riêng cho mình.
	Mục mà quý vị có thể cần tính hoặc một mẫu tính toán mà quý vị có thể cần hoàn tất và lưu lại trong hồ sơ của quý vị.
	Số điện thoại quan trọng.
TIP	Thông tin hữu ích mà quý vị có thể cần đến.

Phần Một.

Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập

Bốn chương trong phần này cung cấp thông tin cơ bản trên hệ thống thuế. Các chương này hướng dẫn quý vị những bước đầu tiên để điền một hồ sơ khai thuế. Phần này cũng cung cấp thông tin về người phụ thuộc và trình bày các yêu cầu về lưu giữ hồ sơ, tính năng khai thuế điện tử *(việc khai thuế qua mạng thông tin điện tử) của IRS, các khoản hình phạt nhất định và hai phương pháp được sử dụng để nộp thuế trong năm: khấu lưu thuế và thuế phỏng định.*

Các bản khai của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bản Khai 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập; và*
- *Bản Khai 3 (Phần II), Khoản Thanh Toán Khác và Tín Thuế Hoàn Lại.*

1.

Thông tin khai thuế

Quy định mới

Bản tu chính Mẫu 1040-NR. Mẫu 1040-NR đã được tu chính để bám sát hơn với định dạng của Mẫu 1040 và 1040-SR. Bắt đầu từ năm 2020, Mẫu 1040-NR sẽ sử dụng Bản Khai 1, 2 và 3.

Đối tượng phải khai thuế. Nhìn chung, thu nhập quý vị có thể nhận được trước khi phải khai thuế đã tăng lên. Xem Bảng 1-1, Bảng 1-2, và Bảng 1-3 để biết số tiền cụ thể.

Nhắc nhở

Khai thuế trực tuyến. Thay vì nộp hồ sơ khai thuế trên giấy, quý vị có thể nộp hồ sơ điện tử thông qua hệ thống *khai thuế điện tử* của IRS. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo mục *Tại Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử* ở phần sau.

Truy cập tài khoản trực tuyến (chỉ áp dụng cho người nộp thuế cá nhân). Truy cập *IRS.gov/Account* để truy cập thông tin về tài khoản thuế liên bang của quý vị một cách an toàn.

- Xem số tiền nợ, thanh toán trực tuyến hoặc thiết lập thỏa thuận thanh toán trực tuyến.
- Truy cập trực tuyến hồ sơ thuế của quý vị.
- Xem lịch sử thanh toán trong 24 tháng qua của quý vị.
- Truy cập trang *IRS.gov/SecureAccess* để tìm hiểu quy trình xác thực danh tính bắt buộc.

Thay đổi địa chỉ của quý vị. Nếu quý vị thay đổi địa chỉ, quý vị cần thông báo cho Sở Thuế Vụ. Quý vị có thể sử dụng Mẫu 8822 để thông báo cho Sở Thuế Vụ về thay đổi này. Xem phần *Thay Đổi Địa Chỉ*, trong mục *Điều gì sẽ xảy ra sau khi tôi nộp hồ sơ khai thuế*.

Nhập số an sinh xã hội của quý vị. Quý vị phải nhập số an sinh xã hội (SSN) của mình vào khoảng trống được cung cấp trên hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị khai thuế chung, nhập các SSN tương ứng với thứ tự tên.

Chuyển khoản hoàn thuế trực tiếp. Thay vì nhận chi phiếu giấy, quý vị có thể yêu cầu chuyển khoản trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản của quý vị mở tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác. Xem phần *Chuyển Khoản Trực Tiếp* trong mục *Hoàn thuế*. Nếu lựa chọn chuyển khoản hoàn thuế trực tiếp, quý vị có thể chia tiền hoàn thuế vào hai hoặc ba tài khoản.

Thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại. Nếu nợ thuế bổ sung, quý vị có thể thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại. Xem mục *Phương Thức Thanh Toán* ở phần sau.

Thỏa thuận trả dần. Nếu quý vị không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo hồ sơ khai thuế, quý vị có thể đề nghị trả dần hàng tháng. Xem phần *Thỏa Thuận Trả Dần*, ở phần sau, trong mục *Số Tiền Quý Vị Nợ*. Quý vị có thể đăng ký trực tuyến thỏa thuận thanh toán nếu quý vị nợ thuế liên bang, tiền lãi và hình phạt.

Tự động gia hạn 6 tháng. Quý vị có thể được tự động gia hạn 6 tháng để nộp hồ sơ khai thuế nếu trước ngày đến hạn khai thuế, quý vị nộp Mẫu 4868. Xem mục *Tự Động Gia Hạn* ở phần sau.

Phục vụ trong khu vực chiến sự. Quý vị sẽ có thêm thời gian để giải quyết các vấn đề thuế của mình nếu quý vị là thành viên Lực Lượng Vũ Trang đã tham gia phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc nếu quý vị đã phục vụ trong khu vực chiến sự hỗ trợ Lực Lượng Vũ Trang. Xem phần *Cá Nhân Phục Vụ Trong Khu Vực Chiến Sự*, trong mục *Thời Điểm Nộp Hồ Sơ Khai Thuế*.

Mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi. Nếu trẻ được đưa đến nhà quý vị với mục đích nhận con nuôi hợp pháp và quý vị không kịp xin số an sinh xã hội cho trẻ để nộp hồ sơ khai thuế, quý vị có thể xin mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN). Để biết thêm thông tin, xem mục *Số An Sinh Xã Hội (SSN)* ở phần sau.

Số nhận diện người đóng thuế cho ngoại nhân. Nếu quý vị hoặc người phụ thuộc của quý vị là người nước ngoài không thường trú hoặc thường trú không có và không đủ điều kiện xin cấp số an sinh xã hội, hãy nộp Mẫu W-7, Đơn Xin Sấp Số Nhận Diện Người Nộp Thuế Cá Nhân cho Sở Thuế Vụ. Để biết thêm thông tin, xem mục *Số An Sinh Xã Hội (SSN)* ở phần sau.

Gia hạn số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN). Một số ITIN phải được gia hạn. Nếu quý vị chưa sử dụng ITIN của mình trên hồ sơ khai thuế Hoa Kỳ ít nhất một lần trong 3 năm qua, hoặc nếu ITIN của quý vị có các chữ số giữa là 88, (9NN-88-NNNN), 90, 91, 92, 94, 95, 96, 97, 98 hoặc 99 và đã được chỉ định trước năm 2013, mã số này sẽ hết hạn vào cuối năm 2020 và phải được gia hạn nếu quý vị cần nộp hồ sơ khai thuế liên bang Hoa Kỳ trong năm 2021. Quý vị không cần gia hạn ITIN nếu quý vị không bắt buộc phải nộp hồ sơ khai thuế liên bang. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin tại địa chỉ *IRS.gov/ITIN*.

TIP *ITIN với chữ số giữa từ 70 đến 87 đã hết hạn và cũng phải gia hạn nếu quý vị cần nộp hồ sơ khai thuế trong năm 2021 và chưa gia hạn ITIN.*

Bản đệ trình về thuế không đúng. Sở Thuế Vụ đã công bố danh sách những lập trường được xác định là không đúng. Hình phạt do nộp hồ sơ khai thuế không đúng là $5.000. Ngoài ra, mức phạt $5.000 sẽ áp dụng cho bản đệ trình về thuế không đúng khác. Để biết thêm thông tin, xem mục *Hình Phạt Dân Sự* ở phần sau.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế không.
- Cách nộp hồ sơ điện tử.
- Cách nộp hồ sơ miễn phí.
- Thời gian, cách thức và địa điểm nộp hồ sơ khai thuế.
- Điều gì xảy ra nếu quý vị nộp quá ít hoặc quá nhiều thuế.
- Quý vị nên giữ những chứng từ nào và trong thời gian bao lâu.
- Cách thay đổi hồ sơ khai thuế mà quý vị đã nộp.

Tôi có phải Nộp Hồ Sơ Khai Thuế không?

Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang nếu quý vị là công dân hoặc cư dân Hoa Kỳ hoặc cư dân Puerto Rico đồng thời đáp ứng yêu cầu khai thuế cho bất kỳ hạng mục nào dưới đây áp dụng với quý vị.

1. Các cá nhân nói chung. (Có những quy tắc đặc biệt áp dụng với người vợ/chồng còn lại, người thi hành, người quản lý, đại diện pháp lý, công dân Hoa Kỳ và cư dân sống bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, cư dân Puerto Rico và cá nhân có thu nhập từ tài sản có nguồn gốc Hoa Kỳ.)
2. Người phụ thuộc.
3. Một số trẻ em dưới 19 tuổi hoặc học sinh/sinh viên học toàn thời gian.
4. Người tư doanh.
5. Ngoại nhân.

Yêu cầu khai thuế cho từng hạng mục được giải thích trong chương này.

Yêu cầu khai thuế sẽ áp dụng ngay cả khi quý vị không nợ thuế.

TIP *Ngay cả khi quý vị không phải nộp hồ sơ khai thuế, sẽ có lợi cho quý vị nếu quý vị thực hiện việc này. Xem* Đối Tượng Cần Nộp Hồ Sơ Khai Thuế *ở phần sau.*

CAUTION *Chỉ nộp một hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang trong năm bất kể quý vị có bao nhiêu công việc, nhận được bao nhiêu Mẫu W-2 hay đã sống ở bao nhiêu tiểu bang trong năm. Không nộp nhiều hơn một hồ sơ khai thuế gốc trong cùng một năm, ngay cả khi quý vị chưa nhận được tiền hoàn thuế hoặc chưa nhận được phản hồi từ Sở Thuế Vụ sau khi quý vị nộp hồ sơ.*

Cá nhân - Nói chung

Nếu quý vị là công dân hoặc cư dân Hoa Kỳ, việc quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế hay không phụ thuộc vào ba yếu tố.

1. Tổng thu nhập của quý vị.
2. Tình trạng khai thuế của quý vị.
3. Tuổi của quý vị.

Để tìm hiểu quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế hay không, tham khảo Bảng 1-1, Bảng 1-2, và Bảng 1-3. Ngay cả khi không bảng nào cho thấy rằng quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế, quý vị có thể cần nộp hồ sơ khai thuế để nhận tiền hoàn thuế. Xem *Đối Tượng Cần Nộp Hồ Sơ Khai Thuế* ở phần sau.

Tổng thu nhập. Bao gồm tất cả thu nhập mà quý vị nhận được dưới dạng tiền, hàng hóa, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế. Cũng bao gồm thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ hoặc từ việc bán căn nhà chính của quý vị (ngay cả khi quý vị có thể loại trừ tất cả hoặc một phần). Bao gồm một phần trợ cấp an sinh xã hội của quý vị nếu:

1. Quý vị đã lập gia đình, nộp hồ sơ khai thuế riêng và quý vị chung sống với vợ/chồng của mình bất kỳ thời điểm nào trong năm 2020; hoặc
2. Một nửa trợ cấp an sinh xã hội cộng với tổng thu nhập khác của quý vị và bất kỳ khoản tiền lãi miễn thuế nào lớn hơn $25.000 ($32.000 nếu vợ chồng khai chung hồ sơ thuế).

Nếu áp dụng (1) hoặc (2), tham khảo Hướng dẫn Mẫu 1040 và 1040-SR hoặc Ấn phẩm 915, Quyền Lợi An Sinh Xã Hội và Quyền Lợi Tương Đương Hưu Trí Đường Sắt, để biết mức quyền lợi an sinh xã hội mà quý vị phải tính vào tổng thu nhập.

Các loại thu nhập phổ biến được thảo luận trong *Phần 2* của ấn phẩm này.

Bảng 1-1. **Yêu Cầu Khai Thuế Năm 2020 đối với Hầu Hết Người Nộp Thuế**

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	VÀ tại thời điểm cuối năm 2020 quý vị ...*	THÌ hãy nộp hồ sơ khai thuế nếu tổng thu nhập của quý vị đạt tối thiểu...**
Độc thân	dưới 65 tuổi	$12.400
	65 tuổi trở lên	$14.050
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế* **	dưới 65 tuổi (cả hai vợ chồng)	$24.800
	65 tuổi trở lên (vợ/chồng)	$26.100
	65 tuổi trở lên (cả hai vợ chồng)	$27.400
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	ở độ tuổi bất kỳ	$5
Chủ gia đình	dưới 65 tuổi	$18.650
	65 tuổi trở lên	$20.300
Người góa vợ/chồng đủ điều kiện	dưới 65 tuổi	$24.800
	65 tuổi trở lên	$26.100

* Nếu quý vị sinh ngày 1 tháng 1 năm 1956, quý vị được coi là 65 tuổi tại thời điểm cuối năm 2020. (Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2020 hoặc nếu quý vị đang chuẩn bị hồ sơ khai thuế cho người đã qua đời trong năm 2020, tham khảo Ấn phẩm 501.)

** Tổng thu nhập nghĩa là tất cả thu nhập mà quý vị nhận được dưới dạng tiền, hàng hóa, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế, bao gồm thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ hoặc từ việc bán căn nhà chính của quý vị (ngay cả khi quý vị có thể loại trừ tất cả hoặc một phần). Không bao gồm trợ cấp an sinh xã hội của quý vị trừ khi (a) quý vị là đối tượng vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và đã sống với vợ/chồng của mình tại bất kỳ thời điểm nào trong năm 2020; hoặc (b) một nửa trợ cấp an sinh xã hội cộng với thu nhập khác và tiền lãi miễn thuế của quý vị lớn hơn $25.000 ($32.000 đối với trường hợp vợ chồng khai chung hồ sơ thuế). Nếu áp dụng (a) hoặc (b), tham khảo Hướng Dẫn Mẫu 1040 và 1040-SR hoặc Ấn phẩm 915 để tính phần quyền lợi an sinh xã hội chịu thuế mà quý vị phải tính vào tổng thu nhập. Tổng thu nhập bao gồm lãi, nhưng không bao gồm lỗ, theo báo cáo trên Mẫu 8949 hoặc Bản Khai D. Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh, ví dụ số tiền trên Bản Khai C, dòng 7, hoặc Bản Khai F, dòng 9. Tuy nhiên, khi tính tổng thu nhập, không trừ các khoản lỗ để giảm thu nhập, bao gồm bất kỳ khoản lỗ nào trên Bản Khai C, dòng 7, hoặc Bản Khai F, dòng 9.

*** Nếu quý vị không sống với vợ/chồng tại thời điểm cuối năm 2020 (hoặc vào ngày vợ/chồng của quý vị qua đời) và tổng thu nhập của quý vị ở mức tối thiểu là $5, quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế bất kể tuổi tác của quý vị.

Tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng. Các tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington, và Wisconsin. Nếu quý vị và vợ/chồng sống tại tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng, quý vị thường phải tuân theo luật tiểu bang để xác định đâu là tài sản chung của vợ chồng và đâu là thu nhập riêng. Để biết chi tiết, xem Mẫu 8958 và Ấn phẩm 555.

Người cùng chung sống ở Nevada, Washington và California. Người cùng chung sống đã đăng ký ở Nevada, Washington hoặc California thường phải khai báo một nửa thu nhập chung của cá nhân và người cùng chung sống. Xem Ấn phẩm 555.

Cá nhân tư doanh. Nếu quý vị là người tự doanh, tổng thu nhập của quý vị bao gồm số tiền ở dòng 7 của Bản Khai C (Mẫu 1040), Lãi hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Kinh Doanh; và dòng 9 của Bản Khai F (Mẫu 1040), Lãi hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Nông Nghiệp. Xem mục *Người Tư Doanh*, ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin về yêu cầu khai thuế của quý vị.

CAUTION *Nếu quý vị không khai báo tất cả thu nhập từ hoạt động tư doanh của mình, mức quyền lợi an sinh xã hội của quý vị có thể thấp hơn khi quý vị nghỉ hưu.*

Tình trạng khai thuế. Tình trạng khai thuế của quý vị phụ thuộc vào việc quý vị còn độc thân hay đã kết hôn và hoàn cảnh gia đình của quý vị. Tình trạng khai thuế của quý vị được xác định vào ngày cuối cùng trong năm chịu thuế của quý vị, tức ngày 31 tháng 12 đối với hầu hết người nộp thuế. Xem chương 2 để tìm hiểu về từng tình trạng khai thuế.

Tuổi. Nếu quý vị từ 65 tuổi trở lên tại thời điểm cuối năm, thông thường quý vị có thể có mức tổng thu nhập cao hơn những người nộp thuế khác trước khi quý vị phải khai thuế. Xem Bảng 1-1. Quý vị được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của quý vị. Ví dụ: nếu sinh nhật lần thứ 65 của quý vị là ngày 1 tháng 1 năm 2021, thì trong năm 2020 quý vị được coi là 65 tuổi.

Người vợ/chồng còn lại, Người thi hành, Người quản lý, và Đại diện pháp lý

Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế cuối cùng cho người quá cố (một người đã qua đời) nếu đáp ứng hai điều kiện sau.

- Quý vị là vợ/chồng còn lại, người thi hành, người quản lý hoặc đại diện pháp lý.
- Người quá cố đáp ứng yêu cầu khai thuế vào ngày qua đời.

Để biết thêm thông tin về quy tắc nộp hồ sơ khai thuế cuối cùng cho người quá cố, tham khảo Ấn phẩm 559.

Công Dân Hoa Kỳ và Ngoại Nhân Thường Trú Ở Nước Ngoài

Để xác định quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế hay không, tính vào tổng thu nhập của quý vị bất kỳ khoản thu nhập nào mà quý vị nhận được từ nước ngoài, bao gồm thu nhập có thể loại trừ theo điều khoản miễn thuế đối với thu nhập do lao động ở nước ngoài. Để tìm hiểu thông tin về các quy định thuế đặc biệt có thể áp dụng đối với quý vị, tham khảo Ấn phẩm 54. Ấn phẩm này được đăng tải trực tuyến đồng thời được cung cấp tại hầu hết các đại sứ quán và lãnh sự quán Hoa Kỳ. Xem *Cách Nhận Trợ Giúp Về Thuế* ở mặt sau của ấn phẩm này.

Cư dân Puerto Rico

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ đồng thời là cư dân hợp pháp của Puerto Rico, quý vị thường phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho năm mà quý vị đáp ứng yêu cầu về thu nhập. Quy định này bổ sung cho yêu cầu pháp lý mà theo đó quý vị có thể phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập với Puerto Rico.

Nếu quý vị là cư dân Puerto Rico trong cả năm, tổng thu nhập tại Hoa Kỳ của quý vị không bao gồm thu nhập từ các nguồn bên trong
Puerto Rico. Tuy nhiên, tổng thu nhập của quý vị sẽ bao gồm phần thu nhập mà quý vị nhận được cho những dịch vụ mà quý vị cung cấp với tư cách là nhân viên của Hoa Kỳ hoặc một cơ quan Hoa Kỳ. Nếu quý vị nhận thu nhập từ các nguồn Puerto Rico không chịu thuế Hoa Kỳ, quý vị phải giảm mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình. Vì vậy, mức thu nhập mà quý vị phải có trước khi bắt buộc nộp hồ sơ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ thấp hơn số tiền quy định ở Bảng 1-1 hoặc Bảng 1-2. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 570.

Cá nhân có thu nhập từ tài sản Hoa Kỳ

Nếu quý vị có thu nhập từ Guam, Khối Thịnh Vượng Chung Quần Đảo Bắc Mariana, Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Quần Đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng khi xác định liệu quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang Hoa Kỳ hay không. Ngoài ra, quý vị có thể phải khai thuế với chính quyền từng đảo. Xem Ấn phẩm 570 để tìm hiểu thêm thông tin.

Người phụ thuộc

Nếu quý vị là người phụ thuộc (đối tượng đáp ứng phép thử người phụ thuộc trong chương 3), tham khảo Bảng 1-2 để tìm hiểu liệu quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế hay không. Quý vị phải khai thuế nếu tình huống của quý vị được mô tả trong Bảng 1-3.

Trách nhiệm của cha mẹ. Thông thường, trẻ em chịu trách nhiệm nộp hồ sơ khai thuế của bản thân và nộp số thuế trên hồ sơ khai thuế. Nếu trẻ phụ thuộc phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập nhưng không thể nộp do tuổi tác hoặc bất kỳ lý do nào khác, thì cha mẹ, người giám hộ hoặc người chịu trách nhiệm pháp lý khác phải nộp hồ sơ khai thuế cho trẻ. Nếu trẻ không thể ký hồ sơ khai thuế, thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải ký tên của trẻ, tiếp đó ghi "Bởi (chữ ký của quý vị), cha mẹ của trẻ vị thành niên."

Thu nhạp của trẻ em. Số tiền trẻ kiếm được từ hoạt động cung cấp dịch vụ được tính vào tổng thu nhập của trẻ chứ không tính vào tổng thu nhập của cha mẹ. Quy tắc này được áp dụng ngay cả khi theo pháp luật địa phương, cha mẹ của trẻ có quyền đối với thu nhập của con và có thể thực sự đã nhận khoản thu nhập này. Nhưng nếu trẻ không nộp thuế đến hạn trên thu nhập của mình, cha mẹ sẽ phải chịu trách nhiệm đối với khoản thuế này.

Một Số Trẻ Em Dưới 19 Tuổi hoặc Học Sinh/Sinh Viên Học Toàn Thời Gian

Nếu thu nhập duy nhất của trẻ là tiền lãi và cổ tức (bao gồm phân phối lợi nhuận đầu tư và cổ tức Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska), trẻ dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm 2020 hoặc là học sinh/sinh viên học toàn thời gian dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm 2020 đồng thời đáp ứng một số điều kiện khác, cha mẹ có thể lựa chọn tính thu nhập của trẻ vào hồ sơ khai thuế của mình. Trong trường hợp này, trẻ không phải nộp hồ sơ khai thuế. Xem mục *Lựa Chọn Dành Cho Cha Mẹ Khi Khai Báo Lợi Nhuận và Cổ Tức Của Con* tại Ấn phẩm 929, Quy Định Thuế Dành Cho Trẻ Em Và Người Phụ Thuộc.

Người tư doanh

Quý vị là người tư doanh nếu quý vị:

- Thực hiện hoạt động thương mại hay kinh doanh với tư cách kinh nghiệp tư nhân do một người làm chủ,
- Là một người làm việc theo hợp đồng độc lập,
- Là thành viên của công ty hợp danh, hoặc
- Đang tự kinh doanh dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Tư doanh có thể bao gồm công việc ngoài hoạt động thương mại toàn thời gian thông thường của quý vị, ví dụ như công việc bán thời gian mà quý vị làm ở nhà hoặc ngoài công việc thường xuyên của quý vị.

Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế nếu tổng thu nhập của quý vị bằng tối thiểu mức thu nhập yêu cầu khai thuế cho tình trạng khai thuế và độ tuổi của quý vị (được trình bày trong Bảng 1-1). Ngoài ra, quý vị phải nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và Bản Khai SE (Mẫu 1040), Thuế Tự Doanh, nếu:

1. Thu nhập ròng của quý vị từ việc tự kinh doanh (không bao gồm thu nhập của nhân viên nhà thờ) là $400 trở lên, hoặc
2. Quý vị có thu nhập nhân viên nhà thờ từ $108,28 trở lên. (Xem Bảng 1-3.)

Sử dụng Bản Khai SE (Mẫu 1040) để tính thuế tự doanh của quý vị. Thuế tư doanh tương ứng với thuế an sinh xã hội và Medicare khấu lưu từ tiền lương của người lao động. Để biết thêm thông tin về loại thuế này, tham khảo Ấn phẩm 334, Hướng Dẫn Thuế cho Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ.

Nhân viên của chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ làm việc tại Hoa Kỳ cho tổ chức quốc tế, chính phủ nước ngoài hoặc cơ quan thuộc sở hữu hoàn toàn của chính phủ nước ngoài và đơn vị sử dụng lao động của quý vị không phải khấu lưu thuế an sinh xã hội và Medicare từ tiền lương của quý vị, thì quý vị phải tính thu nhập từ các dịch vụ thực hiện ở Hoa Kỳ vào thu nhập ròng từ công việc tư doanh.

Mục sư. Quý vị phải tính thu nhập từ các dịch vụ mà quý vị đã thực hiện với tư cách là mục sư vào thu nhập ròng từ công việc tư doanh, trừ trường hợp quý vị được miễn thuế tư doanh. Quy tắc này đồng thời áp dụng đối với y sĩ Khoa Học Cơ Đốc và các thành viên của dòng tu, những người không tuyên thệ sống trong nghèo khó. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 517.

Ngoại nhân

Tình trạng ngoại nhân của quý vị (thường trú, không thường trú hoặc tình trạng kép) quyết định quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập hay không và bằng cách nào.

Các quy tắc được sử dụng để xác định tình trạng ngoại nhân của quý vị được đề cập trong Ấn phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân.

Ngoại nhân thường trú. Nếu quý vị là ngoại nhân thường trú trong cả năm, quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế theo các quy tắc tương tự áp dụng đối với công dân Hoa Kỳ. Sử dụng những biểu mẫu được đề cập trong ấn phẩm này.

Ngoại nhân không thường trú. Nếu quý vị là ngoại nhân không thường trú, quy tắc và biểu mẫu thuế áp dụng cho quý vị khác với quy tắc và biểu mẫu áp dụng cho công dân Hoa Kỳ và ngoại nhân thường trú. Xem Ấn phẩm 519 để tìm hiểu liệu luật thuế thu nhập Hoa Kỳ có áp dụng với quý vị hay không và quý vị cần nộp những biểu mẫu nào.

Người nộp thuế có tình trạng kép. Nếu quý vị là ngoại nhân thường trú trong một phần của năm tính thuế đồng thời là ngoại nhân không thường trú trong phần còn lại của năm, thì quý vị là người nộp thuế có tình trạng kép. Những quy tắc khác nhau sẽ áp dụng cho mỗi phần của năm. Để tìm hiểu thông tin về người nộp thuế có tình trạng kép, tham khảo Ấn phẩm 519.

Đối Tượng Nên Nộp Hồ Sơ Khai Thuế

Ngay cả khi quý vị không bắt buộc phải khai thuế, quý vị vẫn nên nộp hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang để nhận tiền hoàn thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây áp dụng.

1. Quý vị có khoản khấu lưu thuế thu nhập liên bang hoặc đã nộp thuế ước tính.
2. Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế thu nhập từ việc làm. Tham khảo Ấn phẩm 596, Tín Thuế Thu Nhập Từ Việc Làm (EIC), để biết thêm thông tin.
3. Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế trẻ em bổ sung. Xem chương 14 để tìm hiểu thêm thông tin.
4. Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế bảo phí. Tham khảo Ấn phẩm 974, Tín Thuế Bảo Phí (PTC), để biết thêm thông tin.
5. Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế bảo hiểm y tế. Xem Mẫu 8885, Tiền Thuế Miễn Trừ Về Bao Trả Cho Dịch Vụ Sức Khỏe và các hướng dẫn trong mẫu này, để biết thêm thông tin.
6. Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế cơ hội Mỹ. Tham khảo Ấn phẩm 970, Mức Thuế Được Miễn cho Giáo Dục, và để biết thêm thông tin.
7. Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế liên bang đối với nhiên liệu. Xem chương 13 để tìm hiểu thêm thông tin.

Bảng 1-2. **Yêu Cầu Khai Thuế Năm 2020 đối với Người Phụ Thuộc**

Xem chương 3 để tìm hiểu điều kiện để một người có thể xin xét quý vị là người phụ thuộc.

Nếu cha mẹ của quý vị (hoặc người khác) có thể xin xét quý vị là người phụ thuộc, hãy sử dụng bảng này để tìm hiểu liệu quý vị có phải nộp hồ sơ khai thuế hay không. (Xem Bảng 1-3 để biết các tình huống khác khi quý vị phải khai thuế.)

Trong bảng này, thu nhập không do lao động bao gồm tiền lãi chịu thuế, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Ngoài ra, thu nhập không do lao động còn bao gồm phụ cấp thất nghiệp, quyền lợi an sinh xã hội chịu thuế, hưu bổng, niên kim và phân phối thu nhập không do lao động từ quỹ tín thác. Thu nhập do lao động bao gồm tiền lương, tiền công, tiền boa, phí dịch vụ chuyên môn, học bổng và trợ cấp học tập nghiên cứu chịu thuế. (Xem mục *Học bổng và trợ cấp học tập nghiên cứu* ở chương 8.) Tổng thu nhập là tổng thu nhập do lao động và thu nhập không do lao động của quý vị.

Người phụ thuộc độc thân-Quý vị **65 tuổi** trở lên hoặc bị mù?

☐ **Không.** Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế nếu **bất kỳ** điều kiện nào dưới đây là đúng.
- Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức $1.100.
- Thu nhập do lao động của quý vị cao hơn mức $12.400.
- Tổng thu nhập của quý vị cao hơn **mức lớn hơn** giữa:
  - $1.100, hoặc
  - Thu nhập do lao động của quý vị (tối đa $12.050) cộng $350.

☐ **Có.** Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế nếu **bất kỳ** điều kiện nào dưới đây là đúng.
- Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức $2.750 ($4.400 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù).
- Thu nhập do lao động của quý vị cao hơn mức $14.050 ($15.700 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù).
- Tổng thu nhập của quý vị cao hơn **mức lớn hơn** giữa:
  - $2.750 ($4.400 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù), hoặc
  - Thu nhập do lao động của quý vị (tối đa $12.050) cộng $2.000 ($3.650 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù).

Người phụ thuộc đã kết hôn- Quý vị **65 tuổi** trở lên hoặc bị mù?

☐ **Không.** Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế nếu **bất kỳ** điều kiện nào dưới đây là đúng.
- Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức $1.100.
- Thu nhập do lao động của quý vị cao hơn mức $12.400.
- Tổng thu nhập của quý vị tối thiểu là $5 và vợ/chồng của quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng đồng thời khấu trừ từng khoản.
- Tổng thu nhập của quý vị cao hơn **mức lớn hơn** giữa:
  - $1.100, hoặc
  - Thu nhập do lao động của quý vị (tối đa $12.050) cộng $350.

☐ **Có.** Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế nếu **bất kỳ** điều kiện nào dưới đây là đúng.
- Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức $2.400 ($3.700 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù).
- Thu nhập do lao động của quý vị cao hơn mức $13.700 ($15.000 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù).
- Tổng thu nhập của quý vị tối thiểu là $5 và vợ/chồng của quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng đồng thời khấu trừ từng khoản.
- Tổng thu nhập của quý vị cao hơn **mức lớn hơn** giữa:
  - $2.400 ($3.700 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù), hoặc
  - Thu nhập do lao động của quý vị (tối đa $12.050) cộng $1.650 ($2.950 với đối tượng 65 tuổi trở lên **và** bị mù).

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR

Sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR để nộp hồ sơ khai thuế. (Tuy nhiên, nên tham khảo thêm mục *Tại Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử* ở phần sau.)

Quý vị có thể sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR để báo cáo tất cả các loại thu nhập, khấu trừ và tín thuế.

Tại Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử?

Khai thuế điện tử

Nếu tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) của quý vị nhỏ hơn một số tiền nhất định, quý vị đủ điều kiện sử dụng *Free File*, dịch vụ phần mềm thuế miễn phí do đối tác của Sở Thuế Vụ cung cấp, để chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế *điện tử* miễn phí. Nếu thu nhập của quý vị cao hơn số tiền này, quý vị vẫn đủ điều kiện nhận mẫu Free File có thể điền thông tin, phiên bản điện tử của các biểu mẫu bằng giấy của Sở Thuế Vụ. Bảng 1-4 liệt kê cách thức miễn phí để khai thuế điện tử.

Hệ thống *khai thuế điện tử* của IRS sử dụng tự động hóa để thay thế hầu hết các bước thủ công cần thiết để xử lý hồ sơ khai thuế trên giấy. Do đó, việc xử lý hồ sơ *khai thuế điện tử* sẽ nhanh hơn và chính xác hơn so với quy trình xử lý hồ sơ khai thuế trên giấy. Tuy nhiên, giống như hồ sơ khai thuế trên giấy, quý vị có trách nhiệm đảm bảo rằng hồ sơ khai thuế của quý vị chứa thông tin chính xác và được nộp đúng hạn.

Nếu hồ sơ khai thuế của quý vị được nộp thông qua hệ thống *khai thuế điện tử* của IRS, quý vị sẽ nhận được xác nhận rằng hồ sơ khai thuế của quý vị đã được nhận. Nếu quý vị nợ thuế, quý vị có thể *khai thuế điện tử* và nộp thuế điện tử. Sở Thuế Vụ đã xử lý hơn một tỷ hồ sơ *khai thuế điện tử* một cách an toàn và bảo mật. Việc sử dụng hệ thống *khai thuế điện tử* không ảnh hưởng đến cơ hội được Sở Thuế Vụ kiểm tra hồ sơ khai thuế của quý vị.

Yêu cầu về chữ ký trên hồ sơ khai thuế điện tử. Để khai thuế bằng phương thức điện tử, quý vị phải ký điện tử trên hồ sơ khai thuế bằng mã số nhận diện cá nhân (PIN). Nếu quý vị khai thuế trực tuyến, quý vị phải sử dụng mã PIN Tự Chọn. Đối với năm 2020, nếu chúng tôi cấp cho quý vị mã số nhận dạng cá nhân bảo vệ danh tính (IP PIN) (như được mô tả chi tiết hơn bên dưới), quý vị phải điền đủ sáu chữ số của mã IP PIN vào ô mã IP PIN bên cạnh chỗ điền nghề nghiệp để hoàn thiện chữ ký điện tử của quý vị. Việc không cung cấp mã IP PIN đã phát hành trên hồ sơ khai thuế điện tử sẽ dẫn đến chữ ký không hợp lệ và tờ khai bị từ chối. Nếu quý vị đang khai thuế chung và cả hai người nộp thuế đã được cấp mã IP PIN, hãy nhập cả hai mã IP PIN vào khoảng trống quy định. Nếu quý vị khai thuế điện tử thông qua người hành nghề thuế, quý vị có thể sử dụng mã PIN Tự Chọn hoặc mã PIN Người Hành Nghề.

Mã PIN Tự Chọn. Phương thức mã PIN Tự Chọn cho phép quý vị tạo mã PIN của riêng mình. Nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, quý vị và vợ/chồng của quý vị cần tạo mã PIN cho mỗi người và nhập hai mã PIN này làm chữ ký điện tử.

Mã PIN là kết hợp năm chữ số bất kỳ mà quý vị lựa chọn ngoại trừ năm số không. Nếu quý vị sử dụng mã PIN, quý vị sẽ không phải ký và gửi bất kỳ biểu mẫu nào - kể cả Mẫu W-2.

Hồ sơ khai thuế điện tử của quý vị chỉ được coi là tờ khai có chữ ký hợp lệ khi có mã PIN; họ; ngày sinh; IP PIN của quý vị, nếu có; và tổng thu nhập đã điều chỉnh (adjusted gross income, AGI) từ tờ khai thuế thu nhập liên bang năm 2019 đã nộp ban đầu của quý vị, nếu có. Nếu khai chung, hồ sơ khai thuế điện tử của quý vị cũng phải có mã PIN; họ; ngày sinh; IP PIN của vợ/chồng quý vị, nếu có; và AGI, nếu có, để được coi là đã có chữ ký hợp lệ. Không sử dụng AGI trên hồ sơ đã sửa đổi (Mẫu 1040-X) hoặc sửa lỗi chiết tính do Sở Thuế Vụ thực hiện. AGI là số tiền hiển thị trên Mẫu 1040 năm 2019 hoặc Mẫu 1040-SR, dòng 8b. Nếu không có sẵn hồ sơ khai thuế thu nhập năm 2019, quý vị có thể yêu cầu bản ghi thông qua công cụ tự phục vụ tự động của chúng tôi. Truy cập *IRS.gov/Transcript*. (Nếu quý vị đã nộp hồ sơ điện tử vào năm ngoái, quý vị và người vợ/chồng nộp chung có thể sử dụng mã PIN của năm trước để xác minh danh tính của mình thay vì sử dụng AGI của năm trước. Mã PIN của năm trước là mã PIN gồm năm chữ số mà quý vị đã sử dụng để ký điện tử trên hồ sơ khai thuế năm 2019 của mình.) Quý vị cũng sẽ được yêu cầu nhập ngày sinh của mình.

Quý vị không thể sử dụng phương thức mã PIN Tự Chọn nếu quý vị là người nộp hồ sơ khai thuế lần đầu dưới 16 tuổi tại thời điểm cuối năm 2020.

Mã PIN Người Hành Nghề. Phương thức mã PIN Người Hành Nghề cho phép quý vị ủy quyền cho người hành nghề thuế nhập hoặc tạo mã PIN của quý vị. Hồ sơ khai thuế điện tử của quý vị chỉ được coi là tờ khai có chữ ký hợp lệ khi có mã PIN; họ; ngày sinh; IP PIN của quý vị, nếu có. Nếu khai chung, hồ sơ khai thuế điện tử của quý vị cũng phải có mã PIN; họ; ngày sinh và IP PIN của vợ/chồng quý vị, nếu có, để được coi là hồ sơ khai thuế đã có chữ ký hợp lệ. Người hành nghề có thể cung cấp cho quý vị thông tin chi tiết.

Mẫu 8453. Quý vị phải gửi Mẫu 8453 bằng giấy nếu quý vị phải đính kèm một số biểu mẫu nhất định hoặc những tài liệu khác không thể nộp dưới hình thức điện tử. Để biết chi tiết, xem Mẫu 8453. Để biết thêm thông tin, truy cập *IRS.gov/efile*.

Bảng 1-3. **Các Tình Huống Khác Mà Quý Vị Phải Nộp Hồ Sơ Khai Thuế Năm 2020**

Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế nếu có bất kỳ điều kiện nào trong bảy điều kiện dưới đây áp dụng cho năm 2020.	
1.	Quý vị nợ thuế đặc biệt, bao gồm bất kỳ khoản nào dưới đây. **a.** Thuế tối thiểu thay thế. **b.** Thuế bổ sung đối với chương trình đủ điều kiện, bao gồm trương mục hưu trí cá nhân (IRA) hoặc tài khoản được ưu đãi thuế khác. Nhưng nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế chỉ vì quý vị nợ khoản thuế này, quý vị có thể nộp riêng **Mẫu 5329**. **c.** Thuế lao động của hộ gia đình. Nhưng nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế chỉ vì quý vị nợ khoản thuế này, quý vị có thể nộp riêng **Bản Khai H**. **d.** Thuế an sinh xã hội và Medicare trên tiền boa mà quý vị không báo cáo cho đơn vị sử dụng lao động hoặc tiền lương quý vị nhận được từ đơn vị sử dụng lao động không khấu lưu thuế này. **e.** Các khoản thuế phải nộp, bao gồm thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu hoặc thuế RRTA trên tiền boa mà quý vị đã báo cáo cho đơn vị sử dụng lao động của mình trên bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn và thuế bổ sung đối với tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe. Xem hướng dẫn cho Bản Khai 2 (Mẫu 1040), dòng 8. **f.** Thuế tính từ đầu. Xem hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR, dòng 16 và Bản Khai 2 (Mẫu 1040), dòng 7b và 8.
2.	Quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu nộp hồ sơ khai thuế chung) đã nhận phân bổ từ tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe, Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hoặc Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage.
3.	Quý vị có thu nhập ròng từ công việc tư doanh ở mức tối thiểu $400.
4.	Quý vị nhận mức lương từ $108,28 trở lên từ nhà thờ hoặc tổ chức đủ điều kiện do nhà thờ kiểm soát được miễn thuế an sinh xã hội của đơn vị sử dụng lao động và Medicare.
5.	Tiền trả trước tín thuế bảo phí đã được thanh toán cho quý vị, vợ/chồng của quý vị hoặc người phụ thuộc đã đăng ký bảo hiểm sức khỏe trên thị trường. Quý vị hoặc bất cứ ai đã đăng ký cho quý vị sẽ nhận được Mẫu 1095-A cho biết số tiền trả trước.
6.	Tiền trả trước tín thuế bảo hiểm y tế đã được thanh toán cho quý vị, vợ/chồng của quý vị hoặc người phụ thuộc. Quý vị hoặc bất cứ ai đã đăng ký cho quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-H cho biết số tiền trả trước.
7.	Quý phải tính số tiền này vào thu nhập theo mục 965 hoặc quý vị có nghĩa vụ thuế ròng theo mục 965 mà quý đang trả dần theo mục 965(h) hoặc được hoãn bằng cách thực hiện lựa chọn theo mục 965(i).

Mã PIN Bảo Vệ Danh Tính. Nếu Sở Thuế Vụ cấp cho quý vị số nhận diện cá nhân bảo vệ danh tính (IP PIN) vì quý vị là nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính, nhập mã này vào khoảng trống được cung cấp trên mẫu đơn khai thuế của quý vị. Nếu Sở Thuế Vụ không cung cấp cho quý vị mã số này, để trống những khoảng trống này. Để biết thêm thông tin, xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.

Giấy ủy quyền. Nếu đại lý ký hồ sơ khai thuế cho quý vị, quý vị phải nộp giấy ủy quyền (POA). Đính kèm POA vào Mẫu 8453 và nộp theo hướng dẫn của biểu mẫu đó. Xem mục *Chữ ký*, ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin về POA.

Hồ sơ khai thuế tiểu bang. Ở hầu hết các tiểu bang, quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế tiểu bang điện tử đồng thời với hồ sơ khai thuế liên bang của mình. Để biết thêm thông tin, hãy tham vấn văn phòng Sở Thuế Vụ địa phương, cơ quan thuế tiểu bang, chuyên gia thuế hoặc truy cập trang web IRS tại địa chỉ *IRS.gov/efile*.

Hoàn thuế. Quý vị có thể nhận chi phiếu hoàn thuế gửi qua đường bưu điện hoặc quý vị có thể nhận tiền hoàn thuế trực tiếp vào tài khoản chi trả bằng chi phiếu hoặc tài khoản tiết kiệm của mình hoặc chia vào hai hay ba tài khoản. Với *khai thuế điện tử*, tiền hoàn thuế của quý vị sẽ được trả nhanh hơn so với khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế trên giấy.

Đối với hồ sơ khai thuế bằng giấy, quý vị có thể không nhận được toàn bộ tiền hoàn thuế nếu quý vị nợ một số khoản tiền quá hạn nhất định, bao gồm thuế liên bang, thuế thu nhập tiểu bang, các khoản nợ phụ cấp thất nghiệp của tiểu bang, trợ cấp con cái, trợ cấp vợ/chồng hoặc một số khoản nợ phi thuế liên bang khác, ví dụ như các khoản tiền vay sinh viên. Xem phần *Bù trừ các khoản nợ* trong mục *Hoàn thuế* ở phần sau.

Bảng 1-4.**Cách thức miễn phí để *khai thuế điện tử***

Sử dụng Free File để nhận phần mềm thuế miễn phí và *khai thuế điện tử* miễn phí.

- Đối tác của Sở Thuế Vụ cung cấp miễn phí các sản phẩm có thương hiệu.
- Nhiều người nộp thuế đủ điều kiện sử dụng phần mềm Free File.
- Tất cả mọi người đủ điều kiện sử dụng các Mẫu Free File Có Thể Điền Thông Tin, phiên bản điện tử của các biểu mẫu bằng giấy của Sở Thuế Vụ.
- Phần mềm Free File và các Mẫu Free File Có Thể Điền Thông Tin chỉ được cung cấp tại địa chỉ *IRS.gov/FreeFile*.

Sử dụng VITA/TCE để nhận trợ giúp miễn phí về thuế từ các tình nguyện viên và *khai thuế điện tử* miễn phí.

- Các tình nguyện viên chuẩn bị hồ sơ khai thuế của quý vị và *khai thuế điện tử* miễn phí.
- Một số địa điểm còn cung cấp phần mềm tự khai.
- Quý vị đủ điều kiện dựa trên thu nhập hoặc tuổi của quý vị.
- Các địa điểm được đặt trên toàn quốc. Tìm địa điểm gần quý vị bằng cách truy cập *IRS.gov/VITA*.

Yêu cầu hoàn thuế. Thông tin về hồ sơ khai thuế của quý vị thường sẽ được cung cấp trong vòng 24 giờ sau khi Sở Thuế Vụ nhận được *hồ sơ khai thuế điện tử* của quý vị. Xem mục *Thông tin hoàn thuế* ở phần sau.

Số tiền quý vị nợ. Để tránh bị phạt và lãi chậm thanh toán, hãy nộp thuế đầy đủ không muộn hơn ngày 15 tháng 4 năm 2021. Xem mục *Phương Thức Thanh Toán*, ở phần sau để tìm hiểu phương thức thanh toán số tiền mà quý vị nợ.

Sử Dụng Máy Tính Cá Nhân Của Quý Vị

Quý vị có thể khai thuế một cách nhanh chóng, dễ dàng và thuận tiện bằng máy tính cá nhân của mình. Máy tính có kết nối Internet và phần mềm khai thuế là tất cả những gì quý vị cần. Hơn hết, quý vị có thể thoải mái *khai thuế điện tử* tại nhà 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Phần mềm khai thuế được Sở Thuế Vụ chấp thuận được cung cấp để sử dụng trực tuyến trên Internet, để tải xuống từ Internet và tại các cửa hàng bán lẻ. Để tìm hiểu thông tin, truy cập *IRS.gov/efile*.

Thông qua Đơn vị sử dụng lao động và các Tổ chức tài chính

Một số doanh nghiệp cung cấp *khai thuế điện tử* miễn phí cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng của mình. Các doanh nghiệp khác cung cấp với một khoản phí. Trao đổi với đơn vị sử dụng lao động hoặc tổ chức tài chính của quý vị xem họ có cung cấp dịch vụ *khai thuế điện tử* của IRS dưới hình thức quyền lợi của nhân viên, thành viên và khách hàng hay không.

Trợ Giúp Miễn Phí Với Hồ Sơ Khai Thuế Của Quý Vị

Chương Trình Hỗ Trợ Khai Thuế Thu Nhập Tình Nguyện (VITA) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho những người thông thường kiếm được $57.000 trở xuống và người nộp thuế có trình độ tiếng Anh hạn chế cần hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ khai thuế. Chương Trình Tư Vấn Thuế Vụ Cho Người Cao Tuổi (TCE) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho tất cả những người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về hưu bổng và các vấn đề liên quan đến hưu trí dành riêng cho người cao niên.

Quý vị có thể truy cập IRS.gov để tìm hiểu các lựa chọn để chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế của mình, bao gồm.

- **Free File.** Truy cập *IRS.gov/FreeFile*. Tìm hiểu quý vị có đủ điều kiện sử dụng phần mềm thương hiệu để chuẩn bị và *khai điện tử* hồ sơ khai thuế liên bang miễn phí hay không.
- **VITA.** Truy cập *IRS.gov/VITA*, tải ứng dụng IRS2Go miễn phí, hoặc gọi 800-906-9887 để tìm địa điểm VITA gần nhất cung cấp hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ khai thuế miễn phí.
- **TCE.** Truy cập *IRS.gov/TCE*, tải ứng dụng IRS2Go miễn phí, hoặc gọi 888-227-7669 để tìm địa điểm TCE gần nhất cung cấp hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ khai thuế miễn phí.

Tìm một Chuyên Gia Thuế

Nhiều chuyên gia thuế khai thuế điện tử cho khách hàng của mình. Quý vị có thể tự nhập mã PIN của mình hoặc hoàn thành Mẫu 8879, Ủy Quyền Chữ Ký *khai thuế điện tử* của IRS, để ủy quyền cho chuyên gia thuế nhập mã PIN trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Lưu ý. Các chuyên gia thuế có thể tính phí cho dịch vụ *khai thuế điện tử* của IRS. Mức phí có thể thay đổi tùy thuộc vào từng chuyên gia và các dịch vụ cụ thể được cung cấp.

Thời Điểm Phải Nộp Hồ Sơ Khai Thuế?

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 là ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế thu nhập năm 2020 nếu quý vị sử dụng niên lịch. Để xem nhanh ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế có hoặc không có gia hạn thời gian nộp hồ sơ (được thảo luận sau), tham khảo Bảng 1-5.

Nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính (năm kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào ngoại trừ tháng 12 hoặc năm có 52-53 tuần), thì hồ sơ khai thuế thu nhập của quý vị sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính của quý vị.

Bảng 1-5. **Thời Điểm Nộp Hồ Sơ Khai Thuế Năm 2020 Của Quý Vị**

Đối với công dân và thường trú nhân Hoa Kỳ nộp hồ sơ khai thuế theo niên lịch.

	Đối với hầu hết người nộp thuế	Đối Với Một Số Người Nộp Thuế Ngoài Hoa Kỳ
Không có yêu cầu gia hạn	Ngày 15 tháng 4 năm 2021	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Gia hạn tự động	Ngày 15 tháng 10 năm 2021	Ngày 15 tháng 10 năm 2021

Khi ngày đến hạn để thực hiện bất kỳ hành động nào vì mục đích thuế - khai thuế, nộp thuế, v.v... - rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, thì ngày đến hạn sẽ được lùi đến ngày làm việc tiếp theo.

Nộp hồ sơ khai thuế trên giấy đúng hạn. Hồ sơ khai thuế trên giấy của quý vị sẽ được nộp đúng hạn nếu được gửi trong một phong bì đề đúng địa chỉ, trả đủ bưu phí và được đóng dấu bưu điện trước ngày đến hạn. Nếu quý vị gửi hồ sơ khai thuế bằng thư bảo đảm, ngày đăng ký là ngày đóng dấu bưu điện. Đăng ký là bằng chứng cho thấy hồ sơ khai thuế đã được gửi. Nếu quý vị gửi hồ sơ khai thuế bằng thư bảo đảm và biên nhận của quý vị được nhân viên bưu điện đóng dấu bưu điện, thì ngày trên biên nhận là ngày đóng dấu bưu điện. Biên nhận thư có đóng dấu bưu điện là bằng chứng cho thấy hồ sơ khai thuế đã được gửi.

Dịch vụ chuyển phát tư nhân. Nếu quý vị sử dụng dịch vụ chuyển phát tư nhân do Sở Thuế Vụ chỉ định để gửi hồ sơ khai thuế của mình, thì ngày theo dấu bưu điện thường là ngày dịch vụ chuyển phát cá nhân ghi nhận trong cơ sở dữ liệu hoặc đánh dấu trên nhãn gửi thư. Dịch vụ chuyển phát tư nhân có thể cho quý vị biết cách lấy bằng chứng văn bản về ngày này.

Dưới đây là các dịch vụ chuyển phát tư nhân được chỉ định.

- United Parcel Service (UPS): UPS Next Day Air Early A.M., UPS Next Day Air, UPS Next Day Air Saver, UPS 2nd Day Air, UPS 2nd Day Air A.M., UPS Worldwide Express Plus, và UPS Worldwide Express.
- Federal Express (FedEx): FedEx First Overnight, FedEx Priority Overnight, FedEx Standard Overnight, FedEx 2 Day, FedEx International Next Flight Out, FedEx International Priority, FedEx International First, và FedEx International Economy.
- DHL Express 9:00, DHL Express 10:30, DHL Express 12:00, DHL Express Worldwide, DHL Express Envelope, DHL Import Express 10:30, DHL Import Express 12:00 và DHL Import Express Worldwide.

Để kiểm tra thông tin cập nhật về danh sách dịch vụ chuyển phát tư nhân được chỉ định, truy cập *IRS.gov/PDS*. Để tìm địa chỉ gửi thư của Sở Thuế Vụ nếu quý vị sử dụng dịch vụ chuyển phát tư nhân, truy cập *IRS.gov/PDSStreetAddresses*.

Dịch vụ chuyển phát tư nhân có thể cho quý vị biết cách lấy bằng chứng văn bản về ngày gửi thư.

Nộp hồ sơ khai thuế điện tử đúng hạn. Nếu quý vị sử dụng hệ thống *khai thuế điện tử* của IRS, thì hồ sơ khai thuế của quý vị được coi là nộp đúng hạn nếu đơn vị truyền gửi hồ sơ khai thuế điện tử được ủy quyền đóng dấu bưu điện trước ngày đến hạn. Đơn vị truyền gửi hồ sơ khai thuế điện tử được ủy quyền là thành viên chương trình *khai thuế điện tử* của IRS, đơn vị này sẽ truyền thông tin khai thuế điện tử trực tiếp đến Sở Thuế Vụ.

Dấu bưu điện điện tử là một bản ghi về thời điểm đơn vị truyền gửi hồ sơ khai thuế điện tử được ủy quyền nhận được truyền gửi hồ sơ khai thuế điện tử của quý vị trên hệ thống chủ. Ngày và giờ trong múi giờ của quý vị quyết định liệu hồ sơ khai thuế điện tử của quý vị có nộp đúng hạn hay không.

Nộp hồ sơ khai thuế trễ hạn. Nếu quý vị không nộp hồ sơ khai thuế trước ngày đến hạn, quý vị có thể phải trả tiền lãi và hình phạt do không khai thuế. Để biết thêm thông tin, xem mục *Hình phạt* ở phần sau. Đồng thời tham khảo phần *Tiền lãi* trong mục *Số Tiền Quý Vị Nợ* ở phần sau.

Nếu đã đến hạn hoàn thuế nhưng quý vị không nộp hồ sơ khai thuế, quý vị thường phải nộp hồ sơ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn hoàn thuế (bao gồm thời gian gia hạn) để nhận số tiền hoàn thuế này.

Ngoại nhân không thường trú. Nếu quý vị là ngoại nhân không thường trú và nhận tiền lương chịu khấu lưu thuế thu nhập Hoa Kỳ, hồ sơ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ năm 2020 của quý vị (Mẫu 1040-NR) đến hạn vào:

- Ngày 15 tháng 4 năm 2021, nếu quý vị sử dụng niên lịch; hoặc
- Ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính, nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính.

Nếu quý vị nhận tiền lương phải chịu khấu lưu thuế thu nhập của Hoa Kỳ, hồ sơ khai thuế của quý vị đến hạn vào:

- Ngày 15 tháng 6 năm 2021 nếu quý vị sử dụng niên lịch; hoặc
- Ngày 15 của tháng thứ 6 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính, nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính.

Xem Ấn phẩm 519 để tìm hiểu thêm thông tin về khai thuế.

Khai thuế cho người quá cố. Nếu quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cuối cùng cho người nộp thuế đã qua đời trong năm (người quá cố), hồ sơ khai thuế sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm tính thuế thông thường của người quá cố. Xem Ấn phẩm 559.

Gia Hạn Thời Gian Khai Thuế

Quý vị có thể được gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế. Có ba loại tình huống mà quý vị có thể đủ điều kiện để được gia hạn.

- Gia hạn tự động.
- Quý vị đang ở bên ngoài Hoa Kỳ.
- Quý vị đang phục vụ trong khu vực chiến sự.

Gia Hạn Tự Động

Nếu quý vị không thể nộp hồ sơ khai thuế năm 2020 của mình trước ngày đến hạn, quý vị có thể được gia hạn 6 tháng tự động.

Ví dụ: Nếu hồ sơ khai thuế của quý vị đến hạn vào ngày 15 tháng 4 năm 2021, quý vị sẽ có thêm thời gian cho đến ngày 15 tháng 10 năm 2021 để nộp hồ sơ.

CAUTION *Nếu quý vị không trả tiền thuế trước ngày đến hạn thông thường (ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người nộp thuế), quý vị sẽ nợ lãi. Quý vị cũng có thể bị tính phí phạt, nội dung này sẽ được đề cập ở phần sau.*

Cách xin gia hạn tự động. Quý vị có thể xin gia hạn tự động bằng cách:

1. Sử dụng tính năng *khai thuế điện tử* của IRS (khai thuế điện tử), hoặc
2. Nộp mẫu đơn bản giấy.

Tùy chọn *khai thuế điện tử*. Có hai cách quý vị có thể sử dụng hệ thống *khai thuế điện tử* để gia hạn thời gian khai thuế. Hoàn thành Mẫu 4868 để sử dụng làm trang tính. Nếu quý vị nghĩ rằng quý vị có thể nợ thuế khi khai thuế, sử dụng *Phần II* của biểu mẫu để ước tính số dư đến hạn. Nếu quý vị *khai điện tử* Mẫu 4868 và gửi cho Sở Thuế Vụ, không gửi Mẫu 4868 giấy.

Khai thuế điện tử sử dụng máy tính cá nhân của quý vị hoặc thông qua chuyên gia thuế. Quý vị có thể sử dụng gói phần mềm thuế với máy tính cá nhân của mình hoặc thông qua chuyên gia thuế để nộp Mẫu 4868 theo phương thức điện tử. Free File và các mẫu Free File Có Thể Điền Thông Tin có sẵn tại địa chỉ IRS.gov, cho phép quý vị chuẩn bị và *khai điện tử* Mẫu 4868 miễn phí. Quý vị sẽ cần cung cấp một số thông tin nhất định từ hồ sơ khai thuế năm 2019 của mình. Nếu quý vị muốn thanh toán bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình, tham khảo phần *Thanh toán trực tuyến* trong mục *Phương Thức Thanh Toán*, ở phần sau của chương này.

Khai thuế điện tử và thanh toán bằng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của quý vị. Quý vị có thể được gia hạn bằng cách thanh toán một phần hoặc toàn bộ số thuế ước tính đến hạn bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ hoặc bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của quý vị. Quý vị có thể thực hiện việc này qua điện thoại hoặc Internet. Quý vị không nộp Mẫu 4868. Xem phần *Thanh toán trực tuyến* trong mục *Phương Thức Thanh Toán*, ở phần sau của chương này.

Nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Quý vị có thể xin gia hạn thời gian khai thuế bằng cách nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Nếu quý vị là người nộp thuế theo năm tài chính, quý vị phải nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Gửi đến địa chỉ được nêu trong hướng dẫn của biểu mẫu.

Nếu quý vị muốn thực hiện thanh toán với mẫu này, hãy viết chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền trả cho "United States Treasury." Ghi số SSN, số điện thoại ban ngày và "2020 Form 4868" trên chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền của quý vị.

Thời điểm khai thuế. Quý vị phải đề nghị gia hạn tự động trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế. Quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế bất kỳ lúc nào trước khi kết thúc thời gian gia hạn 6 tháng.

Thời điểm quý vị nộp hồ sơ khai thuế. Nhập khoản thanh toán mà quý vị đã thực hiện liên quan đến việc gia hạn thời gian khai thuế trên Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 9.

Cá nhân bên ngoài Hoa Kỳ

Quý vị được cho phép tự động gia hạn 2 tháng, mà không cần nộp Mẫu 4868 (cho đến ngày 15 tháng 6 năm 2021, nếu quý vị sử dụng niên lịch), để gửi hồ sơ khai thuế năm 2020 và nộp mọi khoản thuế thu nhập liên bang đến hạn nếu:

1. Quý vị là công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ; và
2. Vào ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế:
   a. Quý vị đang sống bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ và Puerto Rico, đồng thời địa điểm kinh doanh hoặc vị trí làm việc chính của quý vị ở bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ và Puerto Rico; hoặc
   b. Quý vị đang phục vụ trong quân đội hoặc hải quân và đang làm nhiệm vụ bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ và Puerto Rico.

Tuy nhiên, nếu quý vị nộp tiền thuế đến hạn sau ngày đến hạn thông thường (ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người nộp thuế), tiền lãi sẽ được tính từ ngày đó cho đến ngày thuế được nộp.

Nếu quý vị phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc khu vực nhiệm vụ nguy hiểm đủ tiêu chuẩn, quý vị có thể đủ điều kiện xin gia hạn thời gian khai thuế lâu hơn. Xem mục *Cá Nhân Phục Vụ Trong Khu Vực Chiến Sự*, ở phần sau để tìm hiểu những quy tắc đặc biệt áp dụng với quý vị.

Người nộp thuế đã kết hôn. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế chung, chỉ cần vợ hoặc chồng đáp ứng điều kiện gia hạn tự động này. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng, quy định gia hạn tự động chỉ áp dụng cho đối tượng đủ điều kiện.

Cách xin gia hạn. Để xin gia hạn tự động, quý vị phải gửi bản tường trình giải thích tình huống giúp quý vị đủ điều kiện xin gia hạn kèm theo hồ sơ khai thuế. (Xem các tình huống được liệt kê trong mục (2) ở phần trên.)

Gia hạn sau 2 tháng. Nếu quý vị không thể nộp hồ sơ khai thuế trong khoảng thời gian 2 tháng gia hạn tự động, quý vị có thể xin gia hạn thêm 4 tháng, tổng cộng là 6 tháng. Nộp Mẫu 4868 và đánh dấu vào ô ở dòng 8.

Không gia hạn thêm. Thông thường sẽ không được gia hạn hơn 6 tháng. Tuy nhiên, nếu quý vị ở bên ngoài Hoa Kỳ và đáp ứng các phép thử nhất định, quý vị có thể được gia hạn dài hơn. Để biết thêm thông tin, xem mục *Thời Điểm Khai Thuế và Nộp Thuế* trong Ấn phẩm 54.

Cá Nhân Phục Vụ Trong Khu Vực Chiến Sự

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp tiền thuế mà quý vị nợ và nộp đơn yêu cầu hoàn thuế sẽ tự động được gia hạn nếu quý vị phục vụ trong khu vực chiến sự. Quy tắc này áp dụng cho thành viên của Lực Lượng Vũ Trang, cũng như thành viên đội thương thuyền phục vụ trên các tàu dưới quyền kiểm soát hoạt động của Bộ Quốc Phòng, nhân viên Hội Chữ Thập Đỏ, phóng viên được công nhận và dân thường dưới sự chỉ đạo của Lực Lượng Vũ Trang hỗ trợ cho Lực Lượng Vũ Trang.

Khu vực chiến sự. Khu vực chiến sự là bất kỳ khu vực nào được Tổng Thống Hoa Kỳ chỉ định thông qua lệnh hành pháp là khu vực mà Lực Lượng Vũ Trang Hoa Kỳ đang tham chiến hoặc đã tham chiến. Một khu vực sẽ trở thành khu vực chiến sự và không còn là khu vực chiến sự vào ngày do Tổng thống chỉ định thông qua lệnh hành pháp. Trong phạm vi gia hạn tự động, thuật ngữ "khu vực chiến sự" bao gồm những khu vực dưới đây.

1. Khu vực bán đảo Ả Rập, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 1 năm 1991.
2. Khu vực Kosovo, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 1999.
3. Khu vực Afghanistan, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2001.

Xem Ấn phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về các địa điểm trong từng khu vực chiến sự. Ấn phẩm 3 còn cung cấp thông tin về những quyền lợi thuế khác dành cho quân nhân phục vụ trong khu vực chiến sự.

Thời gian gia hạn. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế đến hạn, nộp đơn yêu cầu hoàn thuế và thực hiện những hành động khác với Sở Thuế Vụ được gia hạn theo hai bước. Thứ nhất, thời hạn của quý vị được gia hạn thêm 180 ngày sau thời hạn muộn hơn của:

1. Ngày cuối cùng quý vị ở trong khu chiến sự hoặc ngày cuối cùng khu vực đó đáp ứng điều kiện là khu chiến sự, hoặc
2. Ngày cuối cùng của bất kỳ lần nhập viện đủ tiêu chuẩn liên tục nào (được định nghĩa ở phần sau) do chấn thương khi phục vụ ở khu chiến sự.

Thứ hai, ngoài 180 ngày, thời hạn của quý vị còn được gia hạn bằng số ngày còn lại để thực hiện hành động với Sở Thuế Vụ khi quý vị vào khu vực chiến sự. Ví dụ, quý vị có 3 1/2 tháng (1 tháng 1 – 15 tháng 4) để nộp hồ sơ khai thuế. Số ngày còn lại trong khoảng thời gian này kể từ khi quý vị vào khu vực chiến sự (hoặc toàn bộ 3 1/2 tháng nếu quý vị vào khu vực chiến sự trước thời điểm đầu năm) sẽ được cộng vào 180 ngày. Xem mục *Gia Hạn Thời Hạn* trong Ấn phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin.

Các quy tắc về gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế cũng áp dụng khi quý vị được triển khai bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ (cách xa địa điểm đóng quân thường trực của quý vị) trong khi tham gia cuộc hành quân dự phòng được chỉ định.

Nhập viện đủ tiêu chuẩn. Việc nhập viện phải là kết quả của chấn thương gặp phải khi phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc khi tham gia hành quân dự phòng. Nhập viện đủ tiêu chuẩn có nghĩa là:

- Bất kỳ lần nhập viện nào bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, và
- Nhập viện trong thời gian tối đa 5 năm ở trong lãnh thổ Hoa Kỳ.

Xem Ấn phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin về nhập viện đủ tiêu chuẩn.

Cách Chuẩn Bị Hồ Sơ Khai Thuế?

Phần này giải thích cách chuẩn bị sẵn sàng để điền hồ sơ khai thuế cùng thời điểm báo cáo thu nhập và chi phí của quý vị. Phần này cũng giải thích cách hoàn thành các mục nhất định trên biểu mẫu. Bảng

1-6 có thể giúp ích cho quý vị khi chuẩn bị hồ sơ khai thuế trên giấy.

Bảng 1-6. **Sáu Bước Chuẩn Bị Hồ Sơ Khai Thuế Trên Giấy**

1 —	Tập hợp chứng từ về thu nhập và chi phí của quý vị.
2 —	Lấy các biểu mẫu, bản khai và ấn phẩm mà quý vị cần.
3 —	Điền hồ sơ khai thuế của quý vị.
4 —	Kiểm tra hồ sơ khai thuế để đảm bảo thông tin chính xác.
5 —	Ký tên và ghi ngày trên hồ sơ khai thuế của quý vị.
6 —	Đính kèm tất cả các biểu mẫu và bản khai theo yêu cầu.

Hồ sơ khai thuế điện tử. Để tìm hiểu thông tin mà quý vị có thể thấy hữu ích khi chuẩn bị hồ sơ khai thuế điện tử, tham khảo mục *Tại Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử?*, ở phần trên.

Biểu mẫu thuế thay thế. Quý vị không thể sử dụng biểu mẫu thuế của riêng quý vị trừ trường hợp biểu mẫu này đáp ứng những yêu cầu được giải thích trong Ấn phẩm 1167.

Mẫu W-2. Nếu quý vị là người lao động, quý vị sẽ nhận được Mẫu W-2 từ đơn vị sử dụng lao động của mình. Quý vị sẽ cần thông tin từ mẫu này để chuẩn bị hồ sơ khai thuế. Xem *Mẫu W-2* trong mục *Tín Thuế Khấu Lưu và Thuế Ước Tính cho Năm 2020* ở chương 4.

Đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải cung cấp hoặc gửi Mẫu W-2 cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2021. Nếu biểu mẫu này được gửi qua đường bưu điện, quý vị nên dành đủ thời gian để nhận trước khi liên hệ với đơn vị sử dụng lao động. Nếu quý vị vẫn không nhận được biểu mẫu trước ngày 15 tháng 2, Sở Thuế Vụ có thể giúp quý vị bằng cách yêu cầu đơn vị sử dụng lao động cung cấp mẫu này. Khi quý vị yêu cầu trợ giúp từ Sở Thuế Vụ, hãy chuẩn bị cung cấp những thông tin sau.

- Tên, địa chỉ (bao gồm mã bưu điện) và số điện thoại của quý vị.
- SSN của quý vị.
- Ngày nhận việc của quý vị.
- Tên, địa chỉ (bao gồm mã bưu điện) và số điện thoại của đơn vị sử dụng lao động.

Mẫu 1099. Nếu quý vị nhận được một số hình thức thu nhập nhất định, quý vị có thể nhận được Mẫu 1099. Ví dụ: nếu quý vị nhận được tiền lãi chịu thuế từ $10 trở lên, người trả tiền phải cung cấp hoặc gửi Mẫu 1099 cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2021 (hoặc trước ngày 15 tháng 2 năm 2021, nếu do người môi giới cung cấp). Nếu biểu mẫu này được gửi qua đường bưu điện, quý vị nên dành đủ thời gian để nhận trước khi liên hệ với người trả tiền. Nếu quý vị vẫn không nhận được biểu mẫu muộn nhất vào ngày 15 tháng 2 (hoặc ngày 1 tháng 3 năm 2021, nếu do người môi giới cung cấp), hãy gọi đến Sở Thuế Vụ để được trợ giúp.

Thời Điểm Báo Cáo Thu Nhập và Chi Phí?

Quý vị phải tính thu nhập chịu thuế trên cơ sở năm chịu thuế. "Năm chịu thuế" là chu kỳ kế toán hàng năm được sử dụng để lưu giữ chứng từ cũng như để báo cáo thu nhập và chi phí. Quý vị phải hạch toán thu nhập và chi phí của mình theo cách thể hiện rõ ràng thu nhập chịu thuế của quý vị. Cách quý vị thực hiện quy trình hạch toán được gọi là phương pháp kế toán. Phần này giải thích quý vị có thể sử dụng những chu kỳ và phương pháp kế toán nào.

Chu kỳ kế toán

Hầu hết hồ sơ khai thuế cá nhân áp dụng một niên lịch - 12 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Nếu quý vị không sử dụng niên lịch, chu kỳ kế toán của quý vị là năm theo lịch tài chính. Năm theo lịch tài chính thông thường là khoảng thời gian 12 tháng kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào ngoại trừ tháng 12. Năm tài chính 52-53 tuần thay đổi từ 52 đến 53 tuần và luôn kết thúc vào cùng một ngày trong tuần.

Quý vị chọn chu kỳ kế toán (năm chịu thuế) khi nộp hồ sơ khai thuế thu nhập lần đầu. Chu kỳ kế toán không thể dài hơn 12 tháng.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chu kỳ kế toán, bao gồm cách thay đổi chu kỳ kế toán của quý vị, tham khảo Ấn phẩm 538.

Phương pháp kế toán

Phương pháp kế toán của quý vị là cách quý vị hạch toán thu nhập và chi phí của mình. Hầu hết người nộp thuế sử dụng phương pháp thu chi bằng tiền mặt hoặc phương pháp kế toán tích lũy. Quý vị chọn phương pháp kế toán khi nộp hồ sơ khai thuế thu nhập lần đầu. Nếu quý vị muốn thay đổi phương pháp kế toán của mình sau đó, quý vị thường phải xin chấp thuận của Sở Thuế Vụ. Sử dụng Mẫu 3115 để đề nghị thay đổi phương pháp kế toán.

Phương pháp thu chi bằng tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp này, hãy báo cáo tất cả các khoản thu nhập trong năm mà quý vị nhận được trên thực tế hoặc ngầm hiểu. Thông thường, quý vị sẽ khấu trừ tất cả các chi phí trong năm mà quý vị thực sự chi trả. Đây là phương pháp mà hầu hết người nộp thuế cá nhân sử dụng.

Khoản thu vào ngầm hiểu. Nói chung, quý vị nhận ngầm hiểu thu nhập khi số tiền này được ghi có vào tài khoản của quý vị hoặc để sẵn cho quý vị tự do sử dụng. Quý vị không cần thực sự sở hữu khoản tiền đó. Ví dụ: tiền lãi được ghi có trên tài khoản ngân hàng của quý vị vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ là thu nhập chịu thuế đối với quý vị trong năm 2020 nếu quý vị có thể rút tiền trong năm 2019 (ngay cả khi số tiền không được nhập trong hồ sơ của quý vị hoặc tới năm 2021 quý vị mới rút số tiền này).

Khấu trừ tiền lương. Nếu đơn vị sử dụng lao động dùng tiền lương của quý vị để trả các khoản nợ của quý vị, hoặc nếu tiền lương của quý vị bị phong tỏa hoặc khấu trừ, toàn bộ khoản tiền này được coi là khoản thu vào ngầm hiểu của quý vị. Quý vị phải tính khoản tiền lương này vào thu nhập trong năm quý vị nhận được.

Các khoản nợ đã trả cho quý vị. Nếu một người khác xóa bỏ hoặc trả các khoản nợ của quý vị (nhưng không phải dưới hình thức quà tặng hoặc khoản vay), số tiền này được coi là khoản thu vào ngầm hiểu của quý vị và thông thường quý vị phải tính khoản tiền này vào tổng thu nhập trong năm. Xem mục *Các Khoản Nợ Được Xóa Bỏ* ở chương 8 để tìm hiểu thêm thông tin.

Thanh toán cho bên thứ ba. Nếu bên thứ ba được trả thu nhập từ tài sản mà quý vị sở hữu, phần thu nhập này được coi là khoản thu vào ngầm hiểu của quý vị. Tình huống này giống như khi quý vị thực sự nhận được thu nhập và sau đó mang trả cho bên thứ ba.

Thanh toán cho đại lý. Thu nhập mà đại lý nhận cho quý vị là thu nhập ngầm hiểu của quý vị trong năm mà đại lý nhận được. Nếu quý vị nêu rõ trong hợp đồng rằng thu nhập của quý vị sẽ được trả cho người khác, quý vị phải tính vào tổng thu nhập của mình khi người đó nhận được số tiền này.

Chi phiếu đã nhận hoặc khả dụng. Chi phiếu hợp lệ được cung cấp cho quý vị trước khi kết thúc năm chịu thuế là khoản thu vào ngầm hiểu của quý vị trong năm đó. Chi phiếu được "cung cấp cho quý vị" bao gồm chi phiếu quý vị đã nhận được, nhưng chưa chuyển thành tiền mặt hoặc ký thác. Ví dụ, chi phiếu trả lương cuối cùng trong năm mà đơn vị sử dụng lao động gửi cho quý vị để nhận tại văn phòng trước khi kết thúc năm. Chi phiếu này được coi là khoản thu vào ngầm hiểu của quý vị trong năm đó cho dù quý vị có nhận được chi phiếu trước khi kết thúc năm hay không hoặc đợi nhận chi phiếu qua đường bưu điện sau khi kết thúc năm.

Không phải là khoản thu vào ngầm hiểu. Có thể có những dữ kiện cho thấy quý vị đã không nhận ngầm hiểu thu nhập.

Ví dụ: Alice Johnson, một giáo viên, đã đồng ý với điều kiện của hội đồng nhà trường rằng, khi cô vắng mặt, cô sẽ chỉ nhận được phần chênh lệch giữa lương bình thường và lương của giáo viên dạy thay do hội đồng nhà trường thuê. Vì vậy, Alice đã không nhận ngầm hiểu số tiền lương bị giảm để trả cho giáo viên dạy thay.

Phương pháp kế toán tích lũy. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, quý vị thường báo cáo thu nhập khi kiếm được thay vì khi nhận được. Thông thường, quý vị sẽ khấu trừ chi phí của mình tại thời điểm phát sinh thay vì tại thời điểm quý vị thanh toán những chi phí này.

Thu nhạp trả trước. Thu nhập trả trước thường được tính vào tổng thu nhập trong năm quý vị nhận được. Phương pháp kế toán của quý vị không ảnh hưởng đến quy tắc này miễn là thu nhập khả dụng đối với quý vị. Khoản trả trước có thể bao gồm tiền thuê hoặc tiền lãi mà quý vị nhận trước và tiền trả cho các dịch vụ mà quý vị sẽ thực hiện sau đó.

Có thể được cho phép hoãn thuế có giới hạn cho đến năm chịu thuế tiếp theo đối với một số khoản trả trước. Xem Ấn phẩm 538 để tìm hiểu thông tin cụ thể.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về các phương pháp kế toán, bao gồm cách thay đổi phương pháp kế toán của quý vị, tham khảo Ấn phẩm 538.

Số An Sinh Xã hội (SSN)

Quý vị phải nhập SSN trên hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị đã kết hôn, hãy nhập SSN cho quý vị và vợ/chồng của quý vị, cho dù quý vị khai thuế chung hay riêng.

Nếu quý vị khai thuế chung, nhập SSN tương ứng với thứ tự tên. Sử dụng thứ tự này khi gửi các biểu mẫu và tài liệu khác cho Sở Thuế Vụ.

Khi khai thuế chung, nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị không có SSN (hoặc ITIN) được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn của hồ sơ khai thuế năm 2020 (bao gồm thời gian gia hạn), quý vị không thể yêu cầu một số lợi ích thuế nhất định trên hồ sơ khai thuế năm 2020 ban đầu hoặc sửa đổi.

Kiểm tra để đảm bảo rằng tên và SSN trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, W-2 và 1099 khớp với thông tin trên thẻ an sinh xã hội của quý vị. Nếu không, một số khoản khấu trừ và tín thuế trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR có thể bị giảm hoặc không được cho phép và quý vị có thể không nhận được tín thế cho thu nhập an sinh xã hội. Nếu Mẫu W-2 hiển thị SSN hoặc tên không chính xác, thông báo cho đơn vị sử dụng lao động của quý vị hoặc đại lý phát hành biểu mẫu càng sớm càng tốt để đảm bảo thu nhập của quý vị được ghi có vào hồ sơ an sinh xã hội. Nếu tên hoặc SSN trên thẻ an sinh xã hội của quý vị không chính xác, hãy gọi cho Sở An Sinh Xã Hội (SSA) theo số 800-772-1213.

Thay đổi tên. Nếu quý vị thay đổi tên của mình vì kết hôn, ly hôn, v.v..., quý vị phải báo cáo thay đổi cho văn phòng SSA địa phương trước khi nộp hồ sơ khai thuế. Thủ tục này giúp tránh chậm chễ trong quá trình xử lý hồ sơ khai thuế và hoàn thuế cho quý vị. Thủ tục này cũng bảo vệ lợi ích an sinh xã hội trong tương lai của quý vị.

SSN của người phụ thuộc. Quý vị phải cung cấp SSN của từng người phụ thuộc mà quý vị xin xét, bất kể tuổi của người phụ thuộc. Yêu cầu này áp dụng đối với tất cả người phụ thuộc (không chỉ con của quý vị) được khai trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Con của quý vị phải có SSN hợp lệ cho việc làm được cấp trước ngày đến hạn của hồ sơ khai thuế năm 2020 (bao gồm thời gian gia hạn) để được coi là trẻ đủ điều kiện nhận một số lợi ích thuế nhất định trên hồ sơ khai thuế năm 2020 ban đầu hoặc sửa đổi của quý vị. Xem chương 14 và Ấn phẩm. 596.

Trường hợp ngoại lệ. Nếu con quý vị sinh ra và qua đời trong năm 2020 và không có SSN, hãy nhập "ĐÃ QUA ĐỜI" vào cột (2) của phần *Người phụ thuộc* trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử hoặc hồ sơ bệnh viện của con. Tài liệu phải chứng minh rằng con còn sống khi sinh.

Không có SSN. Gửi Mẫu SS-5, Đơn Xin Cấp Thẻ An Sinh Xã Hội tới văn phòng SSA địa phương để xin cấp SSN cho quý vị hoặc người phụ thuộc của quý vị. Quy trình này thường kéo dài khoảng 2 tuần trước khi quý vị nhận được SSN. Nếu quý vị hoặc người phụ thuộc của quý vị không đủ điều kiện xin cấp SSN, tham khảo mục *Số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN)* ở phần sau.

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc ngoại nhân thường trú, quý vị phải xuất trình bằng chứng về tuổi, danh tính và quốc tịch hoặc tình trạng ngoại nhân với Mẫu SS-5. Nếu quý vị từ 12 tuổi trở lên và chưa bao giờ được cấp SSN, quý vị phải trực tiếp mang bằng chứng này đến văn phòng SSA.

Mẫu SS-5 được cung cấp tại văn phòng SSA, trên Internet tại địa chỉ *SSA.gov*, hoặc bằng cách gọi đến số 800-772-1213. Nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào về những tài liệu mà quý vị có thể sử dụng làm bằng chứng về tuổi tác, danh tính hoặc quốc tịch, hãy liên hệ với văn phòng SSA.

Nếu người phụ thuộc của quý vị không có SSN vào thời điểm đến hạn nộp hồ sơ khai thuế, quý vị có thể muốn xin gia hạn thời gian khai thuế, như đã giải thích ở phần trên trong mục *Thời Điểm Nộp Hồ Sơ Khai Thuế*.

Nếu quý vị không cung cấp SSN theo yêu cầu hoặc nếu quý vị cung cấp SSN không chính xác, tiền thuế của quý vị có thể tăng và tiền hoàn thuế có thể giảm.

Mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN). Nếu quý vị đang trong quá trình xin nhận con nuôi là công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ và không thể xin cấp SSN cho trẻ cho đến khi thủ tục nhận con nuôi hoàn tất, quý vị có thể xin cấp ATIN để sử dụng thay vì SSN.

Gửi Mẫu W-7A, Đơn xin số nhận diện người đóng thuế để hợp thức hóa việc nhận con nuôi Hoa Kỳ cho Sở Thuế Vụ để xin cấp ATIN nếu tất cả những điều kiện dưới đây đều đúng.

- Quý vị có trẻ em sống chung với quý vị, trẻ đã được đưa đến nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp.
- Quý vị không thể lấy SSN hiện có của trẻ mặc dù quý vị đã cố gắng hợp lý để lấy SSN từ cha mẹ đẻ, cơ quan sắp xếp nhận con nuôi và những người khác.
- Quý vị không thể lấy SSN cho trẻ từ SSA do thủ tục nhận con nuôi chưa hoàn tất.
- Quý vị có đủ điều kiện để xin xét trẻ là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của mình.

Sau khi thủ tục nhận con nuôi hoàn tất, quý vị phải nộp đơn xin cấp SSN cho trẻ. Quý vị không thể tiếp tục sử dụng ATIN.

Xem Mẫu W-7A để tìm hiểu thêm thông tin.

Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú. Nếu vợ/chồng của quý vị là ngoại nhân không cư trú, vợ/chồng của quý vị phải có SSN hoặc ITIN nếu:

- Quý vị nộp hồ sơ khai thuế chung, hoặc
- Vợ/chồng của quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng.

Nếu vợ/chồng của quý vị không đủ điều kiện xin cấp SSN, tham khảo phần thảo luận dưới đây về ITIN.

Số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN). Sở Thuế Vụ sẽ cấp cho quý vị mã ITIN nếu quý vị là ngoại nhân không thường trú hoặc thường trú và quý vị không có cũng như không đủ điều kiện xin cấp SSN. Quy định này cũng áp dụng cho vợ/chồng hoặc người phụ thuộc là ngoại nhân. Để đăng ký ITIN, nộp Mẫu W-7 cho Sở Thuế Vụ. Quy trình này thường kéo dài khoảng 7 tuần trước khi quý vị nhận được ITIN. Nhập ITIN trên hồ sơ khai thuế của quý vị ở bất kỳ mục nào yêu cầu SSN.

Đảm bảo rằng ITIN của quý vị chưa hết hạn. Nếu quý vị chưa sử dụng ITIN của mình trên hồ sơ khai thuế Hoa Kỳ ít nhất một lần trong 3 năm qua, hoặc nếu ITIN của quý vị có các chữ số giữa là 88, (9NN-88-NNNN), 90, 91, 92, 94, 95, 96, 97, 98 hoặc 99 và đã được chỉ định trước năm 2013, mã số này sẽ hết hạn vào cuối năm 2020 và phải được gia hạn nếu quý vị cần nộp hồ sơ khai thuế liên bang Hoa Kỳ trong năm 2021. Quý vị không cần gia hạn ITIN nếu quý vị không bắt buộc phải nộp hồ sơ khai thuế liên bang. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin tại địa chỉ *IRS.gov/ITIN*.

ITIN với chữ số giữa từ 70 đến 87 đã hết hạn và cũng phải gia hạn nếu quý vị cần nộp hồ sơ khai thuế trong năm 2021 và chưa gia hạn ITIN.

Nếu quý vị đang nộp đơn xin cấp ITIN cho bản thân, vợ/chồng hoặc người phụ thuộc của quý vị để khai thuế, hãy gửi kèm hồ sơ khai thuế hoàn chỉnh với Mẫu W-7 của quý vị. Xem hướng dẫn Mẫu W-7 để biết cách thức và nơi nộp đơn.

Quý vị không thể nộp hồ sơ khai thuế điện tử *với ITIN trong niên lịch mà ITIN được cấp; tuy nhiên, quý vị có thể* khai thuế điện tử *trong những năm tiếp theo.*

ITIN chỉ sử dụng cho mục đích thuế. ITIN chỉ sử dụng cho mục đích thuế liên bang. Mã này không mang lại cho quý vị quyền lợi an sinh xã hội hay thay đổi tình trạng việc làm hoặc nhập cư của quý vị theo luật Hoa Kỳ.

Hình phạt cho hành vi không cung cấp số an sinh xã hội. Nếu quý vị không cung cấp SSN của quý vị hoặc SSN của vợ/chồng hoặc người phụ thuộc của quý vị theo yêu cầu, quý vị có thể phải trả hình phạt. Xem nội dung thảo luận về *Hình phạt*, ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin.

SSN trên thư từ. Nếu quý vị gửi thư cho Sở Thuế Vụ về tài khoản thuế của mình, nêu rõ SSN của quý vị (cùng tên và SSN của vợ/chồng quý vị, nếu quý vị khai thuế chung) trong thư. Vì SSN được dùng để xác định tài khoản của quý vị, điều này giúp Sở Thuế Vụ kịp thời phản hồi thư của quý vị.

Quỹ Vận Động Tranh Cử Tổng Thống

Quỹ này tài trợ các chiến dịch tranh cử Tổng thống. Quỹ cũng tài trợ cho các nghiên cứu nhi khoa. Nếu quý vị muốn đóng góp $3 vào quỹ này, vui lòng đánh dấu vào ô. Nếu quý vị khai thuế chung, vợ/chồng của quý vị cũng có thể đóng góp $3 vào quỹ. Nếu quý vị đánh dấu ô này, tiền thuế hoặc tiền hoàn thuế của quý vị sẽ không thay đổi.

Tính toán

Thông tin sau đây có thể hữu ích cho quá trình hoàn thiện hồ sơ khai thuế.

Làm tròn. Quý vị có thể làm tròn số tiền xu trên hồ sơ khai thuế và các bản khai. Nếu quý vị làm tròn, quý vị phải làm tròn tất cả các khoản tiền. Để làm tròn, giảm số tiền dưới 50 xu và tăng số tiền từ 50 đến 99 xu đến đồng đô la tiếp theo. Ví dụ: $1,39 sẽ được làm tròn thành $1 và $2,50 sẽ được làm tròn thành $3.

Nếu quý vị phải thêm hai hoặc nhiều khoản để tính số tiền cần nhập trên một dòng, giữ nguyên phần xu lẻ khi cộng và chỉ làm tròn tổng số.

Nếu quý vị nhập số tiền bao gồm phần xu lẻ, hãy nhớ sử dụng dấu thập phân. Không có cột xu trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Số tiền bằng nhau. Nếu quý vị được yêu cầu nhập số tiền nhỏ hơn hoặc lớn hơn trong hai số tiền bằng nhau, hãy nhập số tiền đó.

Số tiền âm. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế bằng giấy và quý vị cần nhập số tiền âm, đặt số tiền đó trong dấu ngoặc đơn thay vì sử dụng dấu trừ. Để cộng số tiền dương và số âm, cộng tất cả các số tiền dương với nhau rồi trừ đi số tiền âm.

Tài liệu đính kèm

Tùy thuộc vào hình thức quý vị nộp hồ sơ khai thuế và khoản mục được báo cáo trên hồ sơ khai thuế của quý vị, quý vị có thể phải hoàn thành các bản khai và biểu mẫu bổ sung đồng thời đính kèm vào hồ sơ khai thuế giấy của quý vị.

TIP *Quý vị có thể khai thuế không cần giấy tờ thông qua hệ thống* khai thuế điện tử *của IRS. Quý vị không phải đính kèm hay gửi bất kỳ biểu mẫu nào, kể cả Mẫu W-2 của quý vị. Xem mục* Tại Sao Tôi Nên Nộp Hồ Sơ Điện Tử*, ở phần trên.*

Mẫu W-2. Mẫu W-2 là bản kê khai từ đơn vị sử dụng lao động của quý vị về tiền lương và các khoản thù lao khác đã trả cho quý vị cũng như các khoản thuế đã khấu lưu từ lương của quý vị. Quý vị sẽ nhận Mẫu W-2 từ mỗi đơn vị sử dụng lao động. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế giấy, hãy đính kèm bản sao Mẫu W-2 vào vị trí chỉ định trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem *Mẫu W-2* trong chương 4.

Mẫu 1099-R. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-R cho biết thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu và quý vị nộp hồ sơ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm bản sao mẫu này vào vị trí chỉ định trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm các biểu mẫu và bản khai vào sau Mẫu 1040 hoặc 1040-SR theo "Số Thứ Tự Tài Liệu Đính Kèm" hiển thị ở góc trên bên phải của biểu mẫu hoặc bản khai. Sau đó, sắp xếp tất cả các bản kê khai hoặc tài liệu đính kèm khác có liên quan theo thứ tự tương ứng với các biểu mẫu và bản khai và đính kèm vào sau cùng. Không đính kèm những tài liệu không cần thiết.

Người Được Chỉ Định Làm Bên Thứ Ba

Nếu quý vị muốn cho phép người lập hồ sơ, một người bạn, người nhà hoặc bất kỳ người nào khác do quý vị chọn để trao đổi về hồ sơ khai thuế 2020 với IRS, hãy đánh dấu vào ô "Có" trong mục "Người Hay Đơn Vị Được Chỉ Định Làm Thành Viên Thứ Ba" trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Ngoài ra, nhập tên, số điện thoại của người được chỉ định và năm chữ số mà người được chỉ định chọn làm mã số nhận diện cá nhân (PIN).

Nếu quý vị đánh dấu vào ô "Có", quý vị và vợ/chồng quý vị trong trường hợp khai thuế chung, sẽ cho phép IRS gọi cho người được chỉ định để trả lời mọi câu hỏi phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ khai thuế của quý vị. Quý vị cũng đang ủy quyền cho người được chỉ định:

- Cung cấp thông tin còn thiếu trong tờ khai của quý vị cho IRS;
- Gọi cho IRS để biết thông tin về việc xử lý hồ sơ khai thuế hoặc trạng thái hoàn trả các khoản tiền được thanh toán của quý vị;
- Nhận bản sao của các thông báo hoặc bản ghi liên quan đến hồ sơ khai thuế của quý vị, theo yêu cầu; và
- Trả lời một số thông báo IRS nhất định về lỗi chiết tính, đền bù (xem phần *Hoàn Thuế* ở sau) và chuẩn bị hồ sơ khai thuế.

Quý vị không ủy quyền cho người được chỉ định nhận chi phiếu hoàn thuế, ràng buộc quý vị bởi bất kỳ điều khoản nào (bao gồm nghĩa vụ thuế bổ sung) hoặc đại diện cho quý vị trước Sở Thuế Vụ. Nếu quý vị muốn mở rộng phạm vi ủy quyền cho người được chỉ định, tham khảo Ấn phẩm 947.

Việc ủy quyền sẽ tự động hết hiệu lực không muộn hơn ngày đến hạn (không cho phép gia hạn) nộp hồ sơ khai thuế năm 2021. Ngày đến hạn là ngày 18 tháng 4 năm 2022, đối với hầu hết mọi người.

Xem hướng dẫn cho biểu mẫu của quý vị để tìm hiểu thêm thông tin.

Chữ ký

Quý vị phải ký tên và ghi ngày trên hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị khai thuế chung, cả quý vị và vợ/chồng của quý vị phải ký tên trên hồ sơ khai thuế, kể cả khi chỉ một trong hai người có thu nhập.

CAUTION *Nếu quý vị khai thuế chung, cả hai vợ chồng thường phải chịu thuế và toàn bộ nghĩa vụ thuế có thể được tính cho vợ hoặc chồng. Xem* chương 2.

Hồ sơ khai thuế của quý vị không được coi là hồ sơ hợp lệ trừ khi quý vị ký tên theo các yêu cầu trong hướng dẫn hồ sơ khai thuế.

Quý vị phải ký tay chữ ký của mình trên tờ khai nếu quý vị nộp bản giấy. Chữ ký kỹ thuật số, điện tử hoặc chữ ký đánh máy không phải là chữ ký hợp lệ cho Mẫu 1040 hoặc 1040-SR được nộp trên giấy.

Nếu quý vị khai thuế bằng hình thức điện tử, quý vị có thể sử dụng chữ ký điện tử để ký vào hồ sơ khai thuế của mình theo các yêu cầu trong hướng dẫn hồ sơ khai thuế.

Việc quý vị không ký vào hồ sơ khai thuế của theo các yêu cầu này có thể khiến quý vị không được hoàn thuế.

Nhập nghề nghiệp của quý vị. Nếu quý vị khai thuế chung, hãy nhập cả nghề nghiệp của quý vị và nghề nghiệp của vợ/chồng quý vị.

Khi nào người khác có thể ký thay quý vị. Quý vị có thể chỉ định đại lý ký tên vào hồ sơ khai thuế của quý vị nếu quý vị:

1. Không thể ký tờ khai thuế vì bệnh tật hoặc thương tích,
2. Vắng mặt tại Hoa Kỳ trong ít nhất 60 ngày liên tục trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế, hoặc
3. Được văn phòng IRS tại khu vực của quý vị cho phép làm như vậy.

Giấy ủy quyền. Hồ sơ khai thuế có chữ ký của đại lý trong bất kỳ trường hợp nào trên đây phải có giấy ủy quyền (POA) đính kèm cho phép đại lý ký thay quý vị. Quý vị có thể sử dụng POA nêu rõ đại lý được ủy quyền ký hồ sơ khai thuế hoặc quý vị có thể sử dụng Mẫu 2848. Phần I của Mẫu 2848 phải nêu rõ rằng đại lý được ủy quyền ký hồ sơ khai thuế.

Người bảo hộ, người giám hộ hoặc người được ủy thác khác do tòa án chỉ định. Nếu quý vị là người bảo hộ, người giám hộ hoặc người được ủy thác khác do tòa án chỉ định cho một cá nhân không đủ năng lực về tinh thần hoặc thể chất phải khai thuế, hãy ký tên của quý vị cho cá nhân đó. Gửi Mẫu 56.

Không thể ký. Nếu người nộp thuế có đủ năng lực về tinh thần nhưng không thể ký vào hồ sơ khai thuế hoặc POA, "chữ ký" hợp lệ được xác định theo luật tiểu bang. Chữ ký hợp lệ có thể là bất cứ hình thức nào thể hiện rõ ràng ý định ký của người nộp thuế. Ví dụ, "chữ X" của người nộp thuế với chữ ký của hai nhân chứng có thể được coi là chữ ký hợp lệ theo luật tiểu bang.

Vợ/chồng không thể ký. Nếu vợ/chồng của quý vị không thể ký vì bất kỳ lý do gì, tham khảo mục *Ký hồ sơ khai thuế chung* ở chương 2.

Hồ sơ khai thuế của trẻ em. Nếu trẻ phải khai thuế nhưng không thể ký vào hồ sơ khai thuế, cha mẹ, người giám hộ của trẻ hoặc một người chịu trách nhiệm pháp lý khác phải ký tên của trẻ, tiếp đó ghi "Bởi (chữ ký của quý vị), cha mẹ của trẻ vị thành niên."

Người giúp khai thuế được trả tiền

Thông thường, bất kỳ ai được quý vị trả tiền để chuẩn bị, hỗ trợ chuẩn bị hoặc xem xét hồ sơ khai thuế của quý vị phải ký tên và điền vào các ô trống khác, bao gồm Mã Số Thuế Của Người Giúp Khai Thuế (PTIN), trong phần dành cho người giúp khai thuế được trả tiền trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Nhiều người giúp khai thuế được yêu cầu *khai thuế điện tử* cho hồ sơ khai thuế mà họ chuẩn bị. Người giúp khai thuế sẽ ký hồ sơ khai thuế *điện tử* bằng phần mềm khai thuế của mình. Tuy nhiên, quý vị có thể chọn lập hồ sơ khai thuế trên giấy nếu muốn. Trong trường hợp này, người giúp khai thuế được trả tiền có thể ký vào hồ sơ khai thuế bằng tay, sử dụng con dấu cao su hoặc thiết bị cơ khí. Người giúp khai thuế phải chịu trách nhiệm cá nhân cho việc đóng dấu chữ ký của mình trên hồ sơ khai thuế.

Nếu người giúp khai thuế là người tự doanh (nghĩa là không được thuê bởi bất kỳ cá nhân hay doanh nghiệp nào để chuẩn bị hồ sơ khai thuế), họ cần đánh dấu vào ô tự doanh trong phần "Chỉ Dành Cho Người Giúp Khai Thuế Được Trả Tiền" trên hồ sơ khai thuế.

Người giúp khai thuế phải cung cấp cho quý vị bản sao hồ sơ khai thuế của quý vị ngoài bản sao đã nộp cho Sở Thuế Vụ.

Nếu quý vị tự chuẩn bị hồ sơ khai thuế, để trống phần này. Nếu người khác chuẩn bị hồ sơ khai thuế cho quý vị và không tính phí, người đó không nên ký vào hồ sơ khai thuế của quý vị.

Nếu quý vị có thắc mắc về việc liệu người giúp khai thuế có phải ký vào hồ sơ khai thuế của quý vị hay không, liên hệ với một văn phòng bất kỳ của Sở Thuế Vụ.

Hoàn thuế

Khi hoàn thành hồ sơ khai thuế của mình, quý vị sẽ xác định liệu quý vị có trả nhiều thuế thu nhập hơn số tiền quý vị nợ hay không. Nếu có, quý vị có thể được hoàn lại số tiền đã nộp thừa hoặc quý vị có thể chọn áp dụng toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán vượt mức cho tiền thuế ước tính của năm tiếp theo (2021).

CAUTION *Nếu quý vị chọn áp dụng khoản thanh toán vượt mức năm 2020 cho tiền thuế ước tính năm 2021, quý vị không thể thay đổi quyết định và sẽ không được hoàn thuế sau ngày đến hạn (không có gia hạn) của hồ sơ khai thuế năm 2020.*

Làm theo Hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR để hoàn thành các mục nhập để yêu cầu hoàn thuế và/hoặc để áp dụng khoản thanh toán vượt mức cho tiền thuế ước tính năm 2021.

Nếu số tiền hoàn thuế cho năm 2020 lớn, quý vị có thể muốn giảm số thuế thu nhập khấu lưu từ lương của mình trong năm 2021. Xem chương 4 để tìm hiểu thêm thông tin.

DIRECT DEPOSIT *Simple. Safe. Secure.* Thay vì nhận chi phiếu giấy, quý vị có thể yêu cầu chuyển khoản trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản chi trả bằng chi phiếu hoặc tài khoản tiết kiệm của quý vị, bao gồm trương mục hưu trí cá nhân (IRA). Làm theo Hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR để yêu cầu chuyển khoản trực tiếp. Nếu không thể chuyển khoản trực tiếp, Sở Thuế Vụ sẽ gửi chi phiếu.

Không yêu cầu chuyển tiền hoàn thuế vào tài khoản không đứng tên quý vị. Không cho phép người giúp khai thuế chuyển tiền hoàn thuế của quý vị vào tài khoản của họ. Số lần chuyển khoản trực tiếp vào một tài khoản hoặc thẻ ghi nợ trả trước được giới hạn trong ba lần hoàn thuế một năm. Sau khi vượt quá giới hạn này, chi phiếu giấy sẽ được gửi thay thế. Tìm hiểu thêm tại *IRS.gov/Individuals/Direct-Deposit-Limits*.

IRA. Quý vị có thể yêu cầu chuyển khoản trực tiếp tiền hoàn thuế (hoặc một phần) vào IRA truyền thống, Roth IRA hoặc SEP-IRA, nhưng không thể yêu cầu chuyển vào SIMPLE IRA. Quý vị phải thiết lập IRA tại một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính trước khi yêu cầu chuyển khoản trực tiếp.

TreasuryDirect®. Quý vị có thể yêu cầu chuyển tiền hoàn thuế vào tài khoản trực tuyến TreasuryDirect® để mua chứng khoán khả mại và trái phiếu tiết kiệm của Bộ Ngân khố Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, truy cập *http://go.usa.gov/3KvcP*.

Chia nhỏ tiền hoàn thuế. Nếu quý vị chọn hình thức chuyển khoản trực tiếp, quý vị có thể chia nhỏ tiền hoàn thuế và gửi vào hai hoặc ba tài khoản hoặc mua trái phiếu tiết kiệm sê-ri I giấy trị giá tối đa $5.000. Hoàn thành Mẫu 8888 và đính kèm hồ sơ khai thuế của quý vị.

Trả thừa ít hơn một đô la. Nếu khoản thanh toán vượt mức của quý vị ít hơn một đô la, quý vị sẽ không được hoàn thuế trừ khi quý vị có yêu cầu bằng văn bản.

Rút chi phiếu hoàn thuế. Rút chi phiếu hoàn thuế ngay sau khi quý vị nhận được chi phiếu. Chi phiếu sẽ hết hạn vào ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ 12 sau khi phát hành.

Nếu chi phiếu của quý vị hết hạn, quý vị có thể nộp đơn lên Sở Thuế Vụ để xin phát hành lại.

Tiền hoàn thuế nhiều hơn hoặc ít hơn mong đợi. Nếu quý vị nhận được chi phiếu hoàn số tiền thuế mà quý vị không được hưởng hoặc hoàn lại khoản thanh toán vượt mức lẽ ra phải được ghi có vào thuế ước tính, đừng rút chi phiếu. Hãy gọi cho Sở Thuế Vụ.

Nếu quý vị nhận được chi phiếu với số tiền hoàn thuế nhiều hơn yêu cầu, đừng rút chi phiếu cho đến khi quý vị nhận được thông báo giải thích khoản chênh lệch.

Nếu chi phiếu hoàn thuế của quý vị ít hơn số tiền quý vị đã yêu cầu, chi phiếu này phải kèm theo thông báo giải thích khoản chênh lệch. Việc rút chi phiếu không ngăn quý vị yêu cầu hoàn thuế bổ sung.

Nếu quý vị không nhận được thông báo và quý vị có thắc mắc về số tiền hoàn thuế của mình, quý vị nên đợi 2 tuần. Nếu quý vị vẫn chưa nhận được thông báo, hãy gọi cho Sở Thuế Vụ.

Bù trừ các khoản nợ. Nếu quý vị đến hạn được hoàn thuế nhưng chưa thanh toán số tiền nợ, thì toàn bộ hoặc một phần tiền hoàn thuế của quý vị có thể được dùng để thanh toán toàn bộ hoặc một phần số tiền quá hạn. Các khoản quá hạn bao gồm thuế thu nhập liên bang quá hạn, các khoản nợ liên bang khác (ví dụ như khoản vay sinh viên), thuế thu nhập tiểu bang, tiền cấp dưỡng cho con cái và vợ/chồng và nợ phụ cấp thất nghiệp của tiểu bang. Quý vị sẽ nhận được thông báo nếu số tiền hoàn thuế mà quý vị yêu cầu đã được bù trừ cho các khoản nợ của quý vị.

Hồ sơ khai thuế chung và vợ/chồng bị ảnh hưởng. Khi nộp đơn khai thuế chung và chỉ có vợ hoặc chồng có nợ quá hạn, người còn lại có thể được coi là vợ/chồng bị ảnh hưởng. Người vợ/chồng bị ảnh hưởng nên nộp Mẫu 8379, Phân Bổ Cho Vợ/Chồng Bị Ảnh Hưởng, nếu cả hai điều kiện sau đây áp dụng và vợ/chồng muốn được hoàn lại phần thanh toán vượt mức của mình trên hồ sơ khai thuế chung.

1. Quý vị không có nghĩa vụ pháp lý phải trả số tiền quá hạn.
2. Quý vị đã thực hiện và báo cáo các khoản thanh toán thuế (ví dụ như thuế thu nhập liên bang khấu lưu từ tiền lương của quý vị hoặc các khoản thanh toán thuế ước tính), hoặc yêu cầu tín thuế được hoàn lại (tham khảo các khoản tín thuế được liệt kê trong mục *Đối Tượng Nên Nộp Hồ Sơ Khai Thuế*, ở phần trên.

Lưu ý. Nếu nơi cư trú của người vợ/chồng bị ảnh hưởng nằm ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng vào bất kỳ thời điểm nào trong năm chịu thuế, các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8379.

Nếu quý vị chưa khai thuế chung và quý vị biết rằng khoản hoàn thuế chung của quý vị sẽ được bù trừ, gửi Mẫu 8379 kèm theo hồ sơ khai thuế của quý vị. Quý vị sẽ nhận được tiền hoàn thuế của mình trong vòng 14 tuần kể từ ngày nộp hồ sơ khai thuế giấy hoặc trong vòng 11 tuần kể từ ngày nộp hồ sơ khai thuế điện tử.

Nếu quý vị đã khai thuế chung và tiền hoàn thuế chung của quý vị đã được bù trừ, nộp riêng Mẫu 8379. Nếu nộp sau khi bù trừ, có thể mất tối đa 8 tuần để quý vị nhận được tiền hoàn thuế. Không đính kèm hồ sơ khai thuế đã nộp trước đó, mà đính kèm bản sao tất cả các Mẫu W-2 và W-2G cho cả hai vợ chồng và bất kỳ Mẫu 1099 nào cho thấy số thuế thu nhập đã khấu lưu. Việc xử lý Mẫu 8379 có thể bị trì hoãn nếu những biểu mẫu này không được đính kèm, hoặc nếu biểu mẫu không đầy đủ khi nộp.

Mẫu đơn 8379 riêng phải được nộp cho mỗi năm chịu thuế để được xem xét.

CAUTION *Đơn yêu cầu của vợ/chồng bị ảnh hưởng khác với yêu cầu cứu trợ vợ/chồng vô can. Người vợ/chồng bị ảnh hưởng sử dụng Mẫu 8379 để yêu cầu phân chia số tiền thuế nộp thừa được quy cho mỗi người. Người vợ/chồng vô can sử dụng Mẫu 8857, Yêu Cầu Cứu Trợ Vợ/Chồng Vô Can, để đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm liên đới về thuế, tiền lãi và hình phạt trên hồ sơ khai thuế chung đối với các khoản mục của người kia (hoặc vợ/chồng cũ) đã được báo cáo không chính xác trên hồ sơ khai thuế chung. Để tìm hiểu thông tin về vợ/chồng vô can, tham khảo phần* Giảm nhẹ trách nhiệm liên đới *trong mục* Khai Thuế Chung *ở chương 2.*

Số Tiền Quý Vị Nợ

Khi hoàn thành hồ sơ khai thuế của mình, quý vị sẽ xác định liệu quý vị đã trả đủ số tiền thuế mà quý vị nợ hay chưa. Nếu quý vị nợ thuế bổ sung, quý vị nên trả kèm theo hồ sơ khai thuế của mình.

TIP *Quý vị không phải trả nếu số tiền quý vị nợ nhỏ hơn $1.*

Nếu Sở Thuế Vụ tính thuế cho quý vị, quý vị sẽ nhận được hóa đơn tiền thuế đến hạn. Quý vị phải thanh toán hóa đơn này trong vòng 30 ngày (hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế, nếu muộn hơn). Xem *Thuế do Sở Thuế Vụ Tính* ở chương 13.

CAUTION *Nếu quý vị không nộp thuế khi đến hạn, quý vị có thể phải trả hình phạt do không nộp thuế. Xem mục* Hình phạt *ở phần sau. Để biết thêm thông tin về số dư đến hạn của quý vị, tham khảo Ấn phẩm 594.*

TIP *Nếu số tiền quý vị nợ cho năm 2020 lớn, quý vị có thể muốn tăng số thuế thu nhập khấu lưu từ lương của mình hoặc thanh toán thuế ước tính cho năm 2021. Xem* chương 4 *để tìm hiểu thêm thông tin.*

Phương Thức Thanh Toán

Quý vị có thể thanh toán trực tuyến, qua điện thoại, bằng thiết bị di động, bằng tiền mặt, bằng chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền. Không gộp thuế ước tính cho năm 2021 vào khoản thanh toán này. Thay vào đó, hãy thanh toán riêng thuế ước tính.

Chi phiếu hoặc thanh toán không hợp lệ. Mức phạt cho hành vi gửi chi phiếu không hợp lệ cho Sở Thuế Vụ là $25 hoặc 2% giá trị chi phiếu, tùy mức nào cao hơn. Mức phạt này cũng áp dụng cho những hình thức thanh toán khác nếu Sở Thuế Vụ không nhận được tiền.

Thanh toán trực tuyến. Thanh toán trực tuyến rất tiện lợi và an toàn đồng thời giúp đảm bảo rằng chúng tôi nhận được tiền thanh toán của quý vị đúng hạn.

Quý vị có thể thanh toán trực tuyến bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình thông qua IRS Direct Pay hoặc Hệ Thống Thanh Toán Thuế Liên Bang Điện Tử (EFTPS), hoặc bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.

Để thanh toán thuế trực tuyến hoặc để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập *IRS.gov/Payments*.

Thanh toán qua điện thoại. Thanh toán qua điện thoại là một phương thức thanh toán điện tử an toàn và bảo mật khác. Sử dụng một trong các phương thức sau.

- EFTPS.
- Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.

Để sử dụng EFTPS, quý vị phải đăng ký trực tuyến hoặc yêu cầu gửi đơn đăng ký qua đường bưu điện. Để thanh toán với EFTPS, gọi 800-555-4477 (Tiếng Anh) hoặc 800-244-4829 (Tiếng Tây Ban Nha). Người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói có thể sử dụng thiết bị TTY/TDD, gọi theo số 800-733-4829. Để biết thêm thông tin về EFTPS, truy cập *IRS.gov/Payments* hoặc *EFTPS.gov*.

Để thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, quý vị có thể gọi cho một trong các nhà cung cấp dịch vụ sau. Phí dịch vụ của những nhà cung cấp

này khác nhau tùy theo nhà cung cấp, loại thẻ và số tiền thanh toán.

WorldPay US, Inc.
844-PAY-TAX-8™ (844-729-8298)
www.payUSAtax.com

Official Payments
888-UPAY-TAX™ (888-872-9829)
www.officialpayments.com

Link2Gov Corporation
888-PAY-1040™ (888-729-1040)
www.PAY1040.com

Để cập nhật thông tin mới nhất về phương thức thanh toán qua điện thoại, truy cập *IRS.gov/Payments*.

Thanh toán bằng thiết bị di động. Để thanh toán qua thiết bị di động của quý vị, hãy tải xuống ứng dụng IRS2Go.

Thanh toán bằng tiền mặt. Tiền mặt là tùy chọn thanh toán trực tiếp cho cá nhân được cung cấp thông qua các đối tác bán lẻ với tối đa $1.000 mỗi ngày cho mỗi giao dịch. Để thanh toán bằng tiền mặt, trước tiên quý vị phải đăng ký trực tuyến tại *www.officialpayments.com*.

Thanh toán bằng chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền. Viết chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền gửi "Bộ Ngân Khố Hoa Kỳ" cho toàn bộ số tiền đến hạn. Không gửi tiền mặt. Không đính kèm tiền thanh toán với hồ sơ khai thuế của quý vị. Ghi chính xác tên, địa chỉ, SSN, số điện thoại ban ngày, năm chịu thuế và số biểu mẫu lên mặt trước của chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền. Nếu quý vị khai thuế chung, nhập SSN hiển thị đầu tiên trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Thông báo cho người nộp thuế xuất trình chi phiếu. Khi quý vị viết chi phiếu để thanh toán, quý vị cho phép chúng tôi sử dụng thông tin từ chi phiếu của quý vị để thực hiện chuyển khoản điện tử một lần từ tài khoản của quý vị hoặc để xử lý thanh toán dưới hình thức giao dịch chi phiếu. Khi chúng tôi sử dụng thông tin từ chi phiếu của quý vị để thực hiện chuyển khoản điện tử, tiền có thể được rút khỏi tài khoản của quý vị ngay ngày chúng tôi nhận được khoản thanh toán của quý vị và quý vị sẽ không nhận lại chi phiếu từ tổ chức tài chính của mình.

Không chấp nhận chi phiếu $100 triệu trở lên. Sở Thuế Vụ không thể chấp nhận một chi phiếu duy nhất (bao gồm chi phiếu ngân hàng có bảo chứng) cho số tiền $100.000.000 ($100 triệu) trở lên. Nếu quý vị thanh toán $100 triệu trở lên bằng chi phiếu, quý vị phải chia khoản thanh toán vào 2 chi phiếu hoặc hơn với mỗi chi phiếu có giá trị thấp hơn $100 triệu. Hạn mức này không áp dụng đối với các phương thức thanh toán khác (ví dụ như thanh toán điện tử). Vui lòng cân nhắc phương thức thanh toán khác ngoài chi phiếu nếu số tiền thanh toán trên $100 triệu.

Các khoản thuế ước tính. Không gộp thuế ước tính năm 2021 khi thanh toán cho hồ sơ khai thuế thu nhập năm 2020 của quý vị. Xem chương 4 để tìm hiểu thông tin về cách nộp thuế ước tính.

Tiền lãi

Tiền lãi sẽ được tính trên khoản thuế mà quý vị không trả trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế. Tiền lãi sẽ được tính kể cả khi quý vị được gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế.

TIP *Nếu Sở Thuế Vụ tính thuế cho quý vị, để tránh bị tính lãi do chậm thanh toán, quý vị phải thanh toán hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế của quý vị, tùy ngày nào muộn hơn. Để tìm hiểu thông tin, tham khảo mục* Thuế Do Sở Thuế Vụ Tính *ở chương 13.*

Lãi tính trên hình phạt. Tiền lãi được tính trên hình phạt do không khai thuế, hình phạt do thiếu chính xác và hình phạt do gian lận tính từ ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế (bao gồm thời gian gia hạn) cho đến ngày thanh toán. Tiền lãi tính trên các khoản hình phạt khác bắt đầu vào ngày thông báo và yêu cầu, nhưng không tính trên các khoản hình phạt được thanh toán trong vòng 21 ngày theo lịch kể từ ngày thông báo (hoặc trong vòng 10 ngày làm việc nếu thông báo yêu cầu thanh toán $100.000 trở lên).

Tiền lãi do lỗi hoặc chậm trễ của Sở Thuế Vụ. Tất cả hoặc một phần tiền lãi tính cho quý vị sẽ được xóa bỏ nếu khoản tiền lãi đó là do lỗi hoặc chậm trễ không hợp lý của viên chức hoặc nhân viên Sở Thuế Vụ khi thực hiện hành động hành pháp hoặc hành động quản lý.

Hành động hành pháp là hành động mang tính thủ tục hoặc máy móc diễn ra trong quá trình xử lý vụ việc của quý vị. Hành động quản lý bao gồm hoạt động điều chuyển nhân sự và đào tạo nhân sự mở rộng. Quyết định liên quan đến việc áp dụng đúng luật thuế liên bang không phải là hành động hành pháp hay hành động quản lý.

Tiền lãi chỉ được xóa bỏ nếu quý vị không chịu trách nhiệm ở mọi khía cạnh quan trọng đối với tình huống sai sót hoặc chậm trễ và Sở Thuế Vụ đã thông báo cho quý vị bằng văn bản về khoản thiếu hụt hoặc khoản thanh toán. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 556.

Tiền lãi và một số hình phạt nhất định có thể tạm dừng trong khoảng thời gian giới hạn nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn) và Sở Thuế Vụ không cung cấp cho quý vị thông báo cụ thể về trách nhiệm pháp lý của quý vị cùng cơ sở của trách nhiệm đó trước khi kết thúc khoảng thời gian 36 tháng bắt đầu vào ngày muộn hơn của:

- Ngày nộp hồ sơ khai thuế, hoặc
- Ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế mà không liên quan đến gia hạn.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 556.

Thỏa thuận trả dần

Nếu quý vị không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo hồ sơ khai thuế, quý vị có thể đề nghị trả dần hàng tháng toàn bộ hoặc một phần. Tuy nhiên, quý vị sẽ bị tính lãi và có thể bị tính phí phạt chậm thanh toán đối với tiền thuế chưa thanh toán vào ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế, kể cả khi yêu cầu trả dần của quý vị được chấp thuận. Nếu yêu cầu của quý vị được chấp thuận, quý vị cũng phải trả một khoản phí. Để hạn chế tiền lãi và phí phạt, hãy trả càng nhiều tiền thuế càng tốt theo hồ sơ khai thuế của quý vị. Nhưng trước khi yêu cầu thỏa thuận trả dần, quý vị nên cân nhắc các phương án thay thế khác ít tốn kém hơn, ví dụ như vay ngân hàng hoặc thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Để đăng ký thỏa thuận trả dần trực tuyến, truy cập *IRS.gov/OPA*. Quý vị cũng có thể sử dụng Mẫu 9465.

Ngoài thanh toán bằng chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền, quý vị có thể sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc thanh toán trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện thanh toán theo thỏa thuận trả dần. Xem mục *Phương Thức Thanh Toán*, ở phần trên.

Quà Tặng Để Giảm Nợ Công

Quý vị có thể đóng góp (tặng quà) để giảm phần nợ công. Nếu quý vị muốn làm như vậy, hãy lập chi phiếu riêng cho "Văn Phòng Dịch Vụ Tài Chính."

Gửi chi phiếu của quý vị đến:

Văn Phòng Dịch Vụ Tài Chính
ATTN: Bộ phận G
P.O. Box 2188
Parkersburg, WV 26106-2188

Hoặc gửi chi phiếu riêng trong phong bì cùng với hồ sơ khai thuế thu nhập của quý vị. Không thêm quà tặng này vào bất kỳ khoản thuế nào mà quý vị nợ.

Để tìm hiểu thông tin về cách tặng quà trực tuyến, truy cập *TreasuryDirect.gov* và nhấp vào "Cách Đóng Góp để Giảm Nợ".

Quý vị có thể khấu trừ quà tặng này như một khoản đóng góp từ thiện trên hồ sơ khai thuế của năm tới nếu quý vị khấu trừ từng khoản trên Bản khai A (Mẫu 1040).

Tên và địa chỉ

Sau khi quý vị hoàn thiện hồ sơ khai thuế của hình, điền tên và địa chỉ của quý vị vào vị trí thích hợp trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

CAUTION *Quý vị phải ghi SSN của mình vào đúng vị trí trên hồ sơ khai thuế.*

Hộp thư. Nếu bưu điện không gửi thư đến địa chỉ đường phố của quý vị và quý vị có hộp thư bưu điện, hãy nhập số hộp thư bưu điện ở dòng cho địa chỉ nhà hiện tại thay vì địa chỉ đường phố.

Địa chỉ nước ngoài. Nếu địa chỉ của quý vị ở bên ngoài Hoa Kỳ hay thuộc địa hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ, nhập tên thành phố vào dòng thích hợp trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Không nhập bất kỳ thông tin nào khác trên dòng đó, nhưng cần điền thông tin vào khoảng trống phía dưới.

1. Tên quốc gia ở nước ngoài.
2. Tỉnh/bang/quận ở nước ngoài.
3. Mã bưu chính nước ngoài.

Không viết tắt tên quốc gia. Thực hiện theo thông lệ của quốc gia khi nhập mã bưu chính và tên tỉnh, quận hoặc tiểu bang.

Tôi Nộp Hồ Sơ Khai Thuế Ở Đâu?

Sau khi hoàn thiện hồ sơ khai thuế, quý vị phải gửi hồ sơ khai thuế cho Sở Thuế Vụ. Quý vị có thể gửi qua đường bưu điện hoặc quý vị có thể gửi dưới hình thức điện tử. Xem mục *Tai Sao Tôi Nên Nộp Hồ Sơ Điện Tử*, ở phần trên.

Gửi hồ sơ khai thuế của quý vị qua đường bưu điện. Gửi hồ sơ khai thuế của quý vị qua đường bưu điện đến địa chỉ nêu trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.

Điều Gì Sẽ Xảy Ra Sau Khi Tôi Nộp Hồ Sơ Khai Thuế?

Sau khi gửi hồ sơ khai thuế của mình cho Sở Thuế Vụ, quý vị có thể có một số câu hỏi. Phần này thảo luận về những thắc mắc của quý vị liên quan đến việc lưu giữ chứng từ, tiền hoàn thuế và những việc cần làm nếu quý vị chuyển đi.

Tôi Nên Giữ Những Chứng Từ Nào?

Phần này thảo luận lý do tại sao quý vị nên lưu giữ chứng từ, những loại chứng từ quý vị nên giữ và quý vị nên giữ chứng từ trong bao lâu.

RECORDS Quý vị phải lưu chứng từ để có thể lập hồ sơ khai thuế thu nhập đầy đủ và chính xác. Luật pháp không yêu cầu bất kỳ mẫu chứng từ đặc biệt nào. Tuy nhiên, quý vị nên giữ tất cả biên lai, chi phiếu đã hủy hoặc bằng chứng thanh toán khác và bất kỳ chứng từ nào khác để hỗ trợ khoản khấu trừ và tín thuế mà quý vị yêu cầu.

Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu hoàn thuế, quý vị phải có khả năng chứng minh rằng quý vị đã nộp thừa tiền thuế bằng chứng từ.

Phần này không thảo luận về các loại chứng từ mà quý vị nên lưu giữ khi điều hành một doanh nghiệp. Để tìm hiểu thông tin về chứng từ kinh doanh, tham khảo Ấn phẩm 583, Khởi Sự Kinh Doanh và Lưu Giữ Chứng Từ.

Tại Sao Cần Lưu Giữ Chứng Từ?

Chứng từ đầy đủ giúp quý vị:

- **Xác định nguồn thu nhập.** Chứng từ có thể xác định các nguồn thu nhập để giúp quý vị tách biệt thu nhập kinh doanh và thu nhập phi kinh doanh cũng như thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế.
- **Theo dõi chi phí.** Quý vị có thể sử dụng chứng từ để xác định những chi phí mà quý vị có thể yêu cầu khấu trừ. Điều này giúp quý vị xác định liệu quý vị có thể khấu trừ từng khoản trên hồ sơ khai thuế của mình không.
- **Theo dõi cơ sở của tài sản.** Quý vị cần lưu giữ chứng từ thể hiện cơ sở tài sản của quý vị. Cơ sở tài sản bao gồm chi phí ban đầu hoặc cơ sở khác của tài sản và bất kỳ cải tiến nào mà quý vị đã thực hiện.
- **Chuẩn bị hồ sơ khai thuế.** Quý vị cần các chứng từ để chuẩn bị hồ sơ khai thuế.
- **Hỗ trợ các khoản mục được báo cáo trên hồ sơ khai thuế.** Sở Thuế Vụ có thể đặt câu hỏi về một khoản mục trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Chứng từ sẽ giúp quý vị giải trình bất kỳ khoản mục nào và tính toán mức thuế chính xác. Nếu quý vị không thể xuất trình chứng từ chính xác, quý vị có thể phải trả thêm thuế và bị phạt.

Các Loại Chứng Từ Cần Lưu Giữ

Sở Thuế Vụ không quy định cụ thể cách thức lưu giữ chứng từ. Hãy lưu giữ chứng từ theo cách cho phép quý vị và Sở Thuế Vụ xác định mức thuế chính xác của quý vị.

Quý vị có thể sử dụng sổ chi phiếu để ghi chép thu nhập và chi phí của mình. Quý vị cũng cần giữ các chứng từ, ví dụ như biên lai và phiếu bán hàng, có thể giúp chứng minh khoản khấu trừ.

Trong phần này, quý vị sẽ tìm thấy hướng dẫn về các loại chứng từ cơ bản mà mọi người nên giữ. Phần này cũng cung cấp hướng dẫn về các loại chứng từ cụ thể mà quý vị nên giữ cho những khoản mục nhất định.

Chứng từ điện tử. Tất cả yêu cầu áp dụng cho sổ sách và chứng từ bản cứng đồng thời áp dụng cho hệ thống lưu trữ điện tử duy trì sổ sách và chứng từ thuế. Khi quý vị thay thế sổ sách và chứng từ bản cứng, quý vị phải duy trì hệ thống lưu trữ điện tử trong khoảng thời gian cần thiết cho hoạt động quản lý luật thuế.

Để tìm hiểu chi tiết về yêu cầu đối với hệ thống lưu trữ điện tử, tham khảo Thủ Tục Thu Thuế 97-22, trên trang 9 của Bản Tin Thuế Vụ 1997-13 tại địa chỉ *IRS.gov/pub/irs-irbs/irb97-13.pdf*.

Bản sao hồ sơ khai thuế. Quý vị nên giữ bản sao hồ sơ khai thuế trong hồ sơ thuế của mình. Bản sao hồ sơ khai thuế có thể giúp quý vị chuẩn bị hồ sơ khai thuế trong tương lai, và quý vị sẽ cần tài liệu này nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi hoặc khi quý vị bị kiểm toán. Bản sao hồ sơ khai thuế và những chứng từ khác có thể hữu ích cho người còn sống, người thi hành hoặc người quản lý di sản của quý vị.

Nếu cần, quý vị có thể yêu cầu bản sao hồ sơ khai thuế và tất cả các tài liệu đính kèm (bao gồm Mẫu W-2) từ Sở Thuế Vụ bằng cách sử dụng Mẫu 4506. Quý vị phải trả phí để lấy bản sao hồ sơ khai thuế. Để tìm hiểu thông tin về chi phí và nơi nộp hồ sơ, tham khảo hướng dẫn cho Mẫu 4506.

Nếu quý vị chỉ cần thông tin từ hồ sơ khai thuế của mình, quý vị có thể xin bản ghi theo một trong những cách sau.

- Truy cập *IRS.gov/Transcript*.
- Gọi 800-908-9946.
- Sử dụng Mẫu 4506-T hoặc Mẫu 4506T-EZ.

Không áp dụng lệ phí cho bản ghi. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 4506-T.

Chứng Từ Cơ Bản

Chứng từ cơ bản là tài liệu mà mọi người nên giữ. Đây là những chứng từ chứng minh thu nhập và chi phí của quý vị. Nếu quý vị sở hữu nhà hoặc các khoản đầu tư, chứng từ cơ bản mà quý vị nên giữ bao gồm những tài liệu liên quan đến các khoản mục đó.

Thu nhập. Chứng từ cơ bản chứng minh số tiền quý vị báo cáo là thu nhập trên hồ sơ khai thuế của mình. Thu nhập của quý vị có thể bao gồm tiền lương, cổ tức, tiền lãi, và phân bổ từ công ty hợp danh hoặc công ty S. Chứng từ của quý vị còn có thể chứng minh một số khoản nhất định không phải chịu thuế, ví dụ như tiền lãi được miễn thuế.

Lưu ý. Nếu quý vị nhận được Mẫu W-2, giữ Bản sao C cho đến khi quý vị bắt đầu nhận quyền lợi an sinh xã hội. Điều này sẽ giúp bảo vệ quyền lợi của quý vị trong trường hợp có thắc mắc về chứng từ việc làm hoặc thu nhập của quý vị trong một năm cụ thể.

Chi phí. Chứng từ cơ bản chứng minh các chi phí mà quý vị yêu cầu khấu trừ (hoặc xin tín thuế) trên hồ sơ khai thuế của mình. Các khoản khấu trừ của quý vị có thể bao gồm tiền cấp dưỡng ly hôn, đóng góp từ thiện, lãi thế chấp và thuế bất động sản. Quý vị còn có thể xin tín thuế cho chi phí giữ trẻ.

Nhà ở. Chứng từ cơ bản cho phép quý vị xác định giá trị cơ bản hoặc giá trị cơ bản có điều chỉnh của căn nhà. Quý vị cần thông tin này để xác định liệu quý vị có lãi hay lỗ khi bán nhà hoặc để tính khấu hao nếu quý vị sử dụng một phần căn nhà của mình cho mục đích kinh doanh hoặc cho thuê. Chứng từ của quý vị phải thể hiện giá mua, chi phí quyết toán hoặc chi phí kết thúc cùng chi phí của bất kỳ cải tiến nào. Chứng từ cũng có thể thể hiện bất kỳ tổn thất bất ngờ nào được khấu trừ và tiền bồi thường bảo hiểm cho những tổn thất bất ngờ này.

Để tìm hiểu thông tin chi tiết về giá trị cơ bản, bao gồm chi phí quyết toán hoặc chi phí kết thúc được tính vào căn nhà của quý vị, tham khảo Ấn phẩm 551, Căn Cứ về Tài Sản.

Khi quý vị bán nhà, chứng từ của quý vị phải thể hiện giá bán và chi phí bán, ví dụ như hoa hồng. Để tìm hiểu thông tin về việc bán nhà, tham khảo Ấn phẩm 523, Bán Nhà của Quý Vị.

Đầu tư. Chứng từ cơ bản cho phép quý vị xác định cơ sở của khoản đầu tư và liệu quý vị có lãi hay lỗ khi thanh lý khoản đầu tư này. Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và quỹ tương hỗ. Chứng từ của quý vị phải thể hiện giá mua, giá bán và hoa hồng. Chứng từ còn có thể thể hiện các khoản cổ tức được tái đầu tư, chia tách cổ phiếu và cổ tức, phí bán và chiết khấu phát hành ban đầu (OID).

Để tìm hiểu thông tin về cổ phiếu, trái phiếu và quỹ tương hỗ, tham khảo Ấn phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư, và Ấn phẩm 551.

Chứng Từ thanh Toán

Một trong những chứng từ cơ bản cần giữ là chứng từ thanh toán. Quý vị nên giữ chứng từ này để chứng minh cho những số tiền nhất định ghi trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Chứng từ thanh toán không phải là bằng chứng cho thấy khoản mục yêu cầu của quý vị được cho phép. Ngoài ra, quý vị nên giữ những tài liệu khác giúp chứng minh khoản mục đó được cho phép.

Thông thường, quý vị chứng minh việc thanh toán bằng biên lai tiền mặt, bảng sao kê tài khoản tài chính, bảng sao kê thẻ tín dụng, chi phiếu đã hủy hoặc chi phiếu thay thế. Nếu quý vị thanh toán bằng tiền mặt, quý vị sẽ nhận được biên lai ghi ngày tháng và có chữ ký cho biết số tiền và lý do thanh toán.

Nếu quý vị thanh toán bằng tài khoản ngân hàng của mình, quý vị có thể chứng minh việc thanh toán bằng bảng sao kê tài khoản.

Sao kê tài khoản. Quý vị có thể chứng minh việc thanh toán bằng sao kê tài khoản tài chính hợp pháp do ngân hàng của quý vị hoặc tổ chức tài chính khác lập.

Sao kê lương. Một số chi phí được khấu trừ có thể được khấu lưu từ lương của quý vị, ví dụ như bảo phí bảo hiểm y tế. Quý vị nên giữ bảng sao kê lương cuối năm hoặc cuối kỳ của mình để làm bằng chứng cho việc thanh toán những chi phí này.

Giữ Chứng Từ Trong Bao Lâu

Quý vị phải lưu giữ chứng từ cho đến khi những chứng từ còn cần thiết cho công tác quản trị bất kỳ điều khoản nào của Luật Thuế Vụ. Nói chung, quy định này có nghĩa là quý vị phải lưu giữ chứng từ hỗ trợ các khoản mục hiển thị trên hồ sơ khai thuế của mình cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho hồ sơ khai thuế đó.

Khoảng thời gian giới hạn là khoảng thời gian mà quý vị có thể sửa đổi hồ sơ khai thuế của mình để yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế hoặc Sở Thuế Vụ có thể đánh thuế bổ sung. Bảng 1-7 trình bày khoảng thời gian giới hạn áp dụng cho hồ sơ khai thuế thu nhập. Trừ khi có quy định khác, năm là khoảng thời gian bắt đầu sau khi hồ sơ khai thuế được nộp. Hồ sơ khai thuế nộp trước ngày đến hạn được coi là được nộp vào ngày đến hạn.

Bảng 1-7. **Khoảng thời gian giới hạn**

	NẾU quý vị...	THÌ khoảng thời gian là...
1	Nộp hồ sơ khai thuế và (2), (3) và (4) không áp dụng đối với quý vị	3 năm.
2	Không báo cáo thu nhập mà quý vị cần báo cáo và thu nhập này cao hơn 25% tổng thu nhập hiển thị trên hồ sơ khai thuế của quý vị	6 năm.
3	Nộp hồ sơ khai thuế gian lận	Không giới hạn.
4	Không nộp hồ sơ khai thuế	Không giới hạn.
5	Nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế sau khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế	Thời điểm muộn hơn giữa 3 năm và 2 năm sau khi nộp thuế.
6	Nộp đơn xin xét lỗ từ chứng khoán vô giá trị hoặc khấu trừ nợ khó đòi	7 năm.

Tài sản. Giữ chứng từ liên quan đến tài sản cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho năm mà quý vị thanh lý tài sản theo diện chịu thuế. Quý vị phải lưu giữ những chứng từ này làm cơ sở tính toán lãi lỗ khi quý vị bán hoặc thanh lý tài sản theo cách khác.

Nói chung, nếu quý vị nhận được tài sản dưới hình thức trao đổi không chịu thuế, giá trị tài sản của quý vị bằng giá trị tài sản mà quý vị đã từ bỏ. Quý vị phải lưu giữ chứng từ về tài sản cũ, cũng như tài sản mới, cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho năm mà quý vị thanh lý tài sản mới theo diện chịu thuế.

Thông tin hoàn thuế

Quý vị có thể truy cập trực tuyến để kiểm tra trạng thái hoàn thuế năm 2020 24 giờ sau khi Sở Thuế Vụ nhận được hồ sơ khai thuế *đã nộp điện tử* của quý vị hoặc 4 tuần sau khi quý vị gửi hồ sơ khai thuế bằng giấy qua đường bưu điện. Nếu quý vị đã nộp Mẫu 8379 cùng với hồ sơ khai thuế của mình, hãy đợi 14 tuần (11 tuần nếu quý vị nộp hồ sơ điện tử) trước khi kiểm tra trạng thái hoàn thuế của mình. Chuẩn bị sẵn bản sao hồ sơ khai thuế năm 2020 vì quý vị sẽ cần biết tình trạng khai thuế, SSN đầu tiên hiển thị trên hồ sơ khai thuế và số tiền hoàn thuế làm tròn chính xác. Để kiểm tra tiền hoàn thuế của quý vị, thực hiện một trong các bước sau.

- Truy cập *IRS.gov/Refunds*.
- Tải ứng dụng IRS2Go miễn phí về điện thoại thông minh của quý vị và sử dụng ứng dụng này để kiểm tra trạng thái hoàn thuế của quý vị.
- Gọi đến đường dây nóng tự động về hoàn thuế theo số 800-829-1954.

Lãi Trên Tiền Hoàn Thuế

Nếu quý vị đến hạn được hoàn thuế, quý vị có thể nhận được tiền lãi trên khoản tiền này. Lãi suất được điều chỉnh hàng quý.

Nếu việc hoàn thuế được thực hiện trong vòng 45 ngày sau ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế của quý vị, quý vị sẽ không được trả lãi. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế sau ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn), quý vị sẽ không được trả lãi nếu việc hoàn thuế được thực hiện trong vòng 45 ngày sau ngày quý vị nộp hồ sơ. Nếu việc hoàn thuế không được thực hiện trong khoảng thời gian 45 ngày trên, tiền lãi sẽ được trả kể từ ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc từ ngày quý vị nộp hồ sơ, tùy ngày nào muộn hơn.

Chấp nhận chi phiếu hoàn thuế không thay đổi quyền yêu cầu hoàn thuế bổ sung và tiền lãi của quý vị. Nộp đơn yêu cầu trong khoảng thời gian áp dụng. Xem *Hồ Sơ Khai Thuế Sửa Đổi và Yêu Cầu Hoàn Thuế* ở phần sau. Nếu quý vị không chấp nhận chi phiếu hoàn thuế, tiền lãi sẽ không được trả thêm cho khoản thanh toán vượt mức bao gồm trong chi phiếu.

Lãi tính trên tiền hoàn thuế sai. Tất cả hoặc một phần tiền lãi tính cho quý vị do hoàn thuế sai thường sẽ được xóa bỏ. Tiền lãi được tính cho khoảng thời gian trước khi yêu cầu hoàn trả được thực hiện sẽ được xóa bỏ trừ khi:

1. Quý vị, hoặc người có liên quan đến quý vị, đã gây ra tình huống hoàn thuế sai theo bất kỳ cách nào; hoặc
2. Tiền hoàn thuế lớn hơn $50.000.

Ví dụ: nếu quý vị yêu cầu hoàn thuế $100 trên hồ sơ khai thuế của mình, nhưng Sở Thuế Vụ đã mắc lỗi và gửi cho quý vị $1.000, quý vị sẽ không bị tính lãi cho khoảng thời gian giữ số tiền chênh lệch $900. Tuy nhiên, quý vị phải hoàn trả $900 khi Sở Thuế Vụ yêu cầu.

Thay đổi địa chỉ của quý vị

Nếu quý vị đã chuyển đi, hãy khai thuế theo địa chỉ mới của mình.

Nếu quý vị chuyển đi sau khi nộp hồ sơ khai thuế, quý vị cần cung cấp cho Sở Thuế Vụ thông báo rõ ràng và ngắn gọn về thông tin thay đổi địa chỉ của quý vị. Thông báo có thể bằng văn bản, điện tử hoặc bằng miệng. Gửi thông báo bằng văn bản đến Trung tâm Sở Thuế Vụ phục vụ địa chỉ cũ của quý vị. Quý vị có thể dùng Mẫu 8822, Thay Đổi Địa Chỉ. Nếu quý vị đang đợi nhận tiền hoàn thuế, thông báo cho bưu điện phục vụ địa chỉ cũ của quý vị. Điều này sẽ giúp chuyển tiếp chi phiếu đến địa chỉ mới của quý vị (trừ khi quý vị chọn chuyển khoản trực tiếp tiền hoàn thuế). Để biết thêm thông tin, xem Thủ Tục Thu Thuế 2010-16, 2010-19 I.R.B. 664, tại địa chỉ *IRS.gov/irb/2010-19_IRB/ar07.html*.

Đảm bảo ghi rõ SSN của quý vị (cùng tên và SSN của vợ/chồng quý vị nếu quý vị khai thuế chung) trong thư từ gửi cho Sở Thuế Vụ.

Điều Gì Sẽ Xảy Ra Nếu Tôi Mắc Sai Lầm?

Sai sót có thể làm chậm trễ thủ tục hoàn thuế hoặc dẫn đến thông báo được gửi cho quý vị. Nếu quý vị phát hiện ra lỗi, quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi hoặc yêu cầu hoàn thuế.

Hồ Sơ Khai Thuế Sửa Đổi và Yêu Cầu Hoàn Thuế

Quý vị nên sửa đổi hồ sơ khai thuế của mình nếu sau khi nộp, quý vị nhận thấy rằng:

1. Quý vị đã không báo cáo một số khoản thu nhập,
2. Quý vị đòi hỏi khoản khấu trừ và tín thuế mà quý vị không nên đòi hỏi,
3. Quý vị không yêu cầu khoản khấu trừ hoặc tín thuế mà quý vị đáng ra có thể yêu cầu, hoặc
4. Quý vị nên xin xét tình trạng khai thuế khác. (Sau khi quý vị khai thuế chung, quý vị không thể chọn nộp hồ sơ khai thuế riêng cho năm đó sau ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế.) Tuy nhiên, người thi hành có thể thực hiện thay đổi này cho người vợ/chồng đã qua đời.)

Nếu quý vị cần bản sao hồ sơ khai thuế của mình, tham khảo phần *Bản sao hồ sơ khai thuế* trong mục *Các Loại Chứng Từ Cần Lưu Giữ*, ở phần trước trong chương này.

Mẫu 1040-X. Sử dụng Mẫu 1040-X để sửa đổi hồ sơ khai thuế mà quý vị đã nộp.

Hoàn thiện Mẫu 1040-X. Trên Mẫu 1040-X, nhập thu nhập, các khoản khấu trừ và tín thuế như quý vị đã khai báo ban đầu trên hồ sơ khai thuế; nội dung thay đổi cùng các khoản đã điều chỉnh. Sau đó, tính thuế trên số thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh và số tiền quý vị nợ hoặc số tiền hoàn thuế của quý vị.

Nếu quý vị nợ thuế, Sở Thuế Vụ cung cấp một số tùy chọn thanh toán. Xem mục *Phương Thức Thanh Toán*, ở phần trên. Số thuế nợ sẽ không được khấu trừ vào bất kỳ số tiền nào quý vị đã ghi có cho khoản thuế ước tính của mình.

Nếu quý vị không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo hồ sơ khai thuế, quý vị có thể đề nghị trả dần hàng tháng. Xem mục *Thỏa Thuận Trả Dần*, ở phần trên.

Nếu quý vị đã nộp thừa tiền thuế, quý vị có thể được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán vượt mức, hoặc quý vị có thể áp dụng tất cả hoặc một phần số tiền đó cho khoản thuế ước tính của mình. Nếu quý vị chọn nhận tiền hoàn thuế, khoản tiền đó sẽ được gửi riêng với khoản tiền hoàn thuế hiển thị trên hồ sơ khai thuế ban đầu của quý vị.

Mẫu 1040-X. Khi điền Mẫu 1040-X, đừng quên ghi rõ năm khai thuế ban đầu của quý vị và giải thích tất cả những thay đổi mà quý vị đã thực hiện. Đính kèm bất kỳ biểu mẫu hoặc bản khai nào cần thiết để giải trình nội dung thay đổi của quý vị. Gửi Mẫu 1040-X tới Trung Tâm Sở Thuế Vụ phục vụ khu vực quý vị hiện đang sống (theo Hướng dẫn cho Biểu mẫu 1040-X). Tuy nhiên, nếu quý vị nộp Mẫu 1040-X

để phản hồi thông báo mà quý vị nhận được từ Sở Thuế Vụ, hãy gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trên thông báo.

Nộp một biểu mẫu riêng cho mỗi năm thuế liên quan.

Thời gian nộp yêu cầu hoàn thuế. Thông thường, quý vị phải nộp đơn xin xét tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế trong vòng 3 năm sau ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế ban đầu hoặc trong vòng 2 năm sau ngày quý vị trả thuế, tùy thời điểm nào muộn hơn. Hồ sơ khai thuế nộp trước ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn) được coi là nộp vào ngày đến hạn (kể cả khi ngày đến hạn là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp). Khoảng thời gian này sẽ tạm dừng trong khi quý vị không có khả năng tài chính, nội dung này được thảo luận ở phần sau.

Nếu ngày cuối cùng để xin xét tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, quý vị có thể nộp đơn yêu cầu vào ngày làm việc tiếp theo.

Nếu quý vị không nộp đơn yêu cầu trong khoảng thời gian này, quý vị có thể không được nhận tín thuế hoặc tiền hoàn thuế.

Thảm họa được liên bang tuyên bố. Nếu quý vị bị ảnh hưởng bởi một thảm họa được liên bang tuyên bố, quý vị có thể có thêm thời gian để nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi. Xem Ấn phẩm 556 để biết chi tiết.

Yêu cầu hoàn thuế được bảo vệ. Nói chung, yêu cầu bảo vệ là yêu cầu chính thức hoặc hồ sơ khai thuế sửa đổi xin xét tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế thường dựa trên tranh chấp pháp lý hiện tại hoặc những thay đổi dự kiến trong luật thuế hoặc luật khác. Quý vị gửi yêu cầu bảo vệ khi quyền được hoàn thuế của quý vị phụ thuộc vào sự kiện trong tương lai và có thể không xác định được cho đến khi hết thời hiệu. Yêu cầu bảo vệ hợp lệ không cần phải liệt kê số tiền cụ thể hoặc yêu cầu hoàn thuế ngay lập tức. Tuy nhiên, yêu cầu bảo vệ hợp lệ phải:

- Bằng văn bản và có chữ ký;
- Bao gồm tên, địa chỉ, SSN hoặc ITIN của quý vị và những thông tin liên hệ khác:
- Xác định và mô tả tình huống bất thường ảnh hưởng đến đơn yêu cầu;
- Cảnh báo rõ ràng cho Sở Thuế Vụ về tính chất cơ bản của đơn yêu cầu; và
- Xác định (các) năm cụ thể yêu cầu hoàn thuế.

Gửi yêu cầu bảo vệ hoàn thuế của quý vị đến địa chỉ được nêu trong Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X ở mục *Nơi Nộp Hồ Sơ Khai Thuế*.

Nói chung, Sở Thuế Vụ sẽ trì hoãn hành động khi có yêu cầu bảo vệ cho đến khi tình huống bất thường được giải quyết.

Giới hạn số tiền hoàn thuế. Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm sau ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế, tín thuế và tiền hoàn thuế không thể nhiều hơn phần thuế đã trả trong khoảng thời gian 3 năm (cộng với thời gian gia hạn để khai thuế) ngay trước khi quý vị nộp yêu cầu. Khoảng thời gian này sẽ tạm dừng trong khi quý vị không có khả năng tài chính, nội dung này được thảo luận ở phần sau.

Thuế đã nộp. Các khoản thanh toán, bao gồm cả các khoản thanh toán thuế ước tính, được thực hiện trước ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn) của hồ sơ khai thuế ban đầu được coi là thanh toán vào ngày đến hạn. Ví dụ, thuế thu nhập khấu lưu trong năm được coi là đã thanh toán vào ngày đến hạn khai thuế, ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người nộp thuế.

Ví dụ 1. Quý vị đã thực hiện thanh toán thuế ước tính $500 và được tự động gia hạn đến ngày 15 tháng 10 năm 2017 để nộp hồ sơ khai thuế thu nhập năm 2016 của mình. Khi quý vị khai thuế vào ngày đó, quý vị trả thêm $200 tiền thuế. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2020, quý vị nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi và yêu cầu hoàn lại $700. Vì quý vị đã nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm sau khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế ban đầu, quý vị có thể được hoàn lại số tiền tối đa $700, tiền thuế đã nộp trong vòng 3 năm cộng với thời gian gia hạn 6 tháng ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu.

Ví dụ 2. Tình huống giống như ở *Ví dụ 1*, ngoại trừ quý vị đã khai thuế vào ngày 30 tháng 10 năm 2017, 2 tuần sau khi thời gian gia hạn kết thúc. Quý vị trả thêm $200 vào ngày đó. Vào ngày 31 tháng 10 năm 2020, quý vị nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi và yêu cầu hoàn lại $700. Mặc dù quý vị đã nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm kể từ ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế ban đầu, tiền hoàn thuế bị giới hạn ở mức $200, tiền thuế đã nộp trong vòng 3 năm cộng với thời gian gia hạn 6 tháng ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu. Khoản thuế ước tính $500 đã nộp trước thời hạn đó sẽ không được hoàn lại hoặc ghi có.

Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu hơn 3 năm sau khi quý vị khai thuế, tín thuế hoặc tiền hoàn thuế không thể nhiều hơn số thuế quý vị đã nộp trong vòng 2 năm ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu.

Ví dụ: Quý vị nộp hồ sơ khai thuế năm 2016 vào ngày 15 tháng 4 năm 2017. Quý vị đã trả $500 tiền thuế. Vào ngày 5 tháng 11 năm 2018, sau khi kiểm tra hồ sơ khai thuế năm 2016, quý vị phải trả thêm $200 tiền thuế. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2020, quý vị gửi yêu cầu hoàn lại $300. Tuy nhiên, vì quý vị đã nộp đơn yêu cầu hơn 3 năm sau khi quý vị khai thuế, tiền hoàn thuế bị giới hạn ở mức $200 mà quý vị đã nộp trong 2 năm ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu.

Không có khả năng tài chính. Khoảng thời gian để yêu cầu hoàn thuế sẽ tạm dừng trong khoảng thời gian quý vị không có khả năng tài chính. Đối với hồ sơ khai thuế thu nhập chung, chỉ cần vợ hoặc chồng không có khả năng tài chính trong thời gian tạm dừng. Quý vị không có khả năng tài chính khi quý vị không thể quản lý các vấn đề tài chính của mình do suy giảm thể chất hoặc tinh thần có thể xác định được về mặt y tế có thể dẫn đến tử vong hoặc tình trạng này đã kéo dài hoặc có thể kéo dài trong khoảng thời gian liên tục không dưới 12 tháng. Tuy nhiên, quý vị không được coi là không có khả năng tài chính trong bất kỳ khoảng thời gian nào mà vợ/chồng của quý vị hoặc bất kỳ người nào khác được ủy quyền thay mặt quý vị trong các vấn đề tài chính.

Để xin xét tình trạng không có khả năng tài chánh, quý vị phải gửi những văn bản dưới đây cùng với yêu cầu hoàn thuế của quý vị.

1. Báo cáo từ bác sĩ đủ điều kiện của quý vị nêu rõ:
   a. Tên và mô tả về tình trạng suy giảm thể chất hoặc tinh thần của quý vị;
   b. Ý kiến y tế của bác sĩ cho biết tình trạng suy giảm đã ngăn cản quý vị quản lý các vấn đề tài chính của mình;
   c. Ý kiến y tế của bác sĩ cho biết tình trạng suy giảm này đã hoặc có thể dẫn đến tử vong, hoặc tình trạng này đã kéo dài, hoặc có thể kéo dài, ít nhất 12 tháng;
   d. Khoảng thời gian cụ thể (theo hiểu biết tốt nhất của bác sĩ); và
   e. Xác nhận sau do bác sĩ ký: "Tôi xin xác nhận rằng, theo hiểu biết và niềm tin của tôi, những tuyên bố trên là đúng, chính xác và đầy đủ."
2. Tuyên bố của người ký tên yêu cầu xét tín thuế hoặc hoàn thuế rằng không ai, kể cả vợ/chồng của quý vị, được ủy quyền thay mặt quý vị trong các vấn đề tài chính trong khoảng thời gian quý vị không có khả năng tài chính (hoặc ngày chính xác mà một người được ủy quyền thay mặt quý vị).

Ngoại lệ đối với các trường hợp hoàn thuế đặc biệt. Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu một khoản mục trong danh sách sau, quy định về ngày và hạn mức được thảo luận ở phần trên có thể không áp dụng. Những khoản mục này và nơi tìm hiểu thêm thông tin như sau.

- Nợ xấu. Tham khảo Ấn phẩm 550.
- Chứng khoán không có giá trị. Tham khảo Ấn phẩm 550.
- Thuế nước ngoài đã nộp hoặc cộng dồn. Xem Ấn phẩm 514.
- Hoàn nhập lỗ hoạt động ròng. Xem Ấn phẩm 536.
- Hoàn nhập một số tín thuế kinh doanh. Xem Mẫu 3800.
- Yêu cầu dựa trên thỏa thuận với Sở Thuế Vụ về gia hạn thời gian tính thuế.

Xử lý yêu cầu hoàn thế. Yêu cầu hoàn thuế thường được xử lý trong 8-12 tuần sau khi yêu cầu được nộp. Yêu cầu của quý vị có thể được chấp nhận là đã nộp, không được cho phép hoặc phải kiểm tra. Nếu yêu cầu được kiểm tra, thủ tục giống như khi kiểm tra hồ sơ khai thuế sẽ được thực hiện.

Nếu yêu cầu của quý vị không được cho phép, quý vị sẽ nhận được giải thích về lý do không cho phép.

Đệ trình yêu cầu của quý vị ra tòa. Quý vị có thể kiện đòi tiền hoàn thuế trước tòa, nhưng trước tiên quý vị phải nộp đơn khiếu nại kịp thời tới Sở Thuế Vụ. Nếu Sở Thuế Vụ từ chối yêu cầu của quý vị hoặc không xử lý yêu cầu của quý vị trong vòng 6 tháng sau khi quý vị nộp đơn, quý vị có thể đệ trình yêu cầu của mình ra tòa. Để tìm hiểu thông tin về nghĩa vụ chứng minh trong thủ tục tố tụng tại tòa án, tham khảo Ấn phẩm 556.

Sở Thuế Vụ cung cấp phương thức trực tiếp để chuyển yêu cầu của quý vị ra tòa nếu:

- Quý vị đang nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế chỉ dựa trên thuế thu nhập tranh chấp hoặc các vấn đề về thuế bất động sản hoặc thuế quà tặng được xem xét trong các hồ sơ khai thuế đã kiểm tra trước đây của quý vị và
- Quý vị muốn đưa vụ việc của mình ra tòa thay vì kháng nghị trong Sở Thuế Vụ.

Khi quý vị nộp đơn khiếu nại tới Sở Thuế Vụ, quý vị sẽ được sử dụng phương thức trực tiếp bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đề nghị từ chối ngay lập tức khiếu nại của quý vị. Thông báo về việc không cho phép khiếu nại sẽ được gửi cho quý vị.

Quý vị có 2 năm kể từ ngày gửi thông báo không cho phép khiếu nại để nộp đơn kiện đòi tiền hoàn thuế tại Tòa Án Quận có thẩm quyền của Hoa Kỳ hoặc tại Tòa Án Khiếu nại Liên bang Hoa Kỳ.

Tiền lãi từ tiền hoàn thuế. Nếu quý vị nhận được tiền hoàn thuế do hồ sơ khai thuế sửa đổi, tiền lãi sẽ được trả trên số tiền này kể từ ngày đến hạn của hồ sơ khai thuế ban đầu hoặc ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế ban đầu, tùy ngày nào muộn hơn, cho đến ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi. Tuy nhiên, nếu việc hoàn thuế không được thực hiện trong vòng 45 ngày sau khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi, tiền lãi sẽ được trả cho đến ngày tiền hoàn thuế được thanh toán.

Giảm tiền hoàn thuế. Tiền hoàn thuế của quý vị có thể giảm bởi nghĩa vụ thuế bổ sung áp dụng đối với quý vị.

Ngoài ra, tiền hoàn thuế của quý vị có thể giảm bởi số tiền nợ thuế liên bang quá hạn, thuế thu nhập tiểu bang, nợ trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang, tiền cấp dưỡng cho con cái, tiền cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc các khoản nợ liên bang phi thuế khác, ví dụ như các khoản vay sinh viên. Nếu vợ/chồng quý vị nợ những khoản này, tham khảo phần *Bù trừ các khoản nợ* trong mục *Hoàn thuế*, ở trên để nắm được thủ tục hoàn thuế chính xác.

Ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế tiểu bang. Nếu hồ sơ khai thuế của quý vị thay đổi vì bất kỳ lý do gì, thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế thu nhập tiểu bang của quý vị. Điều này bao gồm những thay đổi được thực hiện do Sở Thuế Vụ kiểm tra hồ sơ khai thuế của quý vị. Liên hệ cơ quan thuế tiểu bang để tìm hiểu thêm thông tin.

Hình phạt

Luật pháp quy định các hình phạt đối với hành vi không khai thuế hoặc nộp thuế theo yêu cầu.

Hình phạt dân sự

Nếu quý vị không khai thuế và nộp thuế trước ngày đến hạn, quý vị có thể phải trả hình phạt. Quý vị cũng có thể phải trả hình phạt nếu quý vị khai thấp đáng kể tiền thuế của mình, khai thấp một giao dịch phải báo cáo, nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín dụng có sai sót, gửi đệ trình thuế không đúng hoặc không cung cấp SSN hoặc ITIN của quý vị. Nếu quý vị cung cấp thông tin gian lận khi khai thuế, quý vị có thể phải trả hình phạt gian lận dân sự.

Nộp hồ sơ khai thuế trễ hạn. Nếu quý vị không nộp hồ sơ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn), quý vị có thể phải nộp hình phạt do không khai thuế. Mức phạt thường là 5% cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng chậm nộp hồ sơ khai thuế, nhưng không quá 25%. Hình phạt được tính trên số tiền thuế chưa thanh toán tại ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn).

Gian lạn. Nếu việc quý vị không nộp hồ sơ khai thuế là do gian lận, quý vị sẽ bị phạt 15% cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng chậm nộp hồ sơ khai thuế, tối đa là 75%.

Hồ sơ khai thuế nộp muộn hơn 60 ngày. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế của mình hơn 60 ngày sau ngày đến hạn hoặc ngày đến hạn đã được gia hạn, mức phạt tối thiểu là số tiền nhỏ hơn của $435 hoặc 100% thuế chưa thanh toán.

Trường hợp ngoại lệ. Quý vị sẽ không phải trả hình phạt nếu quý vị có thể chứng minh rằng quý vị không nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn vì lý do chính đáng chứ không phải do cố ý bỏ qua.

Nộp thuế trễ hạn. Quý vị sẽ phải trả hình phạt cho hành vi không nộp thuế bằng 1/2 1% (0,50%) số thuế chưa thanh toán của quý vị cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng, sau ngày đến hạn mà khoản thuế đó chưa được thanh toán. Hình phạt này không áp dụng trong thời gian tự động gia hạn 6 tháng để nộp hồ sơ khai thuế nếu quý vị đã thanh toán ít nhất 90% nghĩa vụ thuế thực tế của mình vào hoặc trước ngày đến hạn khai thuế và thanh toán số dư khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế.

Mức phạt hàng tháng cho hành vi không nộp thuế bằng một nửa mức thông thường (0,25% thay vì 0,50%) nếu thỏa thuận trả dần có hiệu lực cho tháng đó. Quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn) để đủ điều kiện được giảm hình phạt này.

Nếu thông báo về ý định đánh thuế được ban hành, mức phạt sẽ tăng lên 1% vào đầu tháng đầu tiên bắt đầu ít nhất 10 ngày sau ngày thông báo được ban hành. Nếu thông báo và yêu cầu thanh toán ngay lập tức được phát hành, mức phạt sẽ tăng lên 1% vào đầu tháng đầu tiên bắt đầu sau ngày thông báo và yêu cầu được ban hành.

Hình phạt không được nhiều hơn 25% số thuế chưa thanh toán của quý vị. Quý vị sẽ không phải trả hình phạt nếu quý vị có thể chứng minh rằng quý vị có lý do chính đáng khi không nộp thuế đúng hạn.

Hình phạt tổng hợp. Nếu cả hình phạt cho hành vi không nộp hồ sơ khai thuế và không nộp thuế (thảo luận ở trên) áp dụng trong bất kỳ tháng nào, mức phạt 5% (hoặc 15%) cho hành vi không nộp hồ sơ khai thuế được giảm xuống bằng mức phạt cho hành vi không nộp thuế. Tuy nhiên, nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế của mình hơn 60 ngày sau ngày đến hạn hoặc ngày đến hạn đã được gia hạn, mức phạt tối thiểu là số tiền nhỏ hơn của $435 hoặc 100% thuế chưa thanh toán.

Hình phạt do thiếu chính xác. Quý vị có thể phải trả tiền phạt do thiếu chính xác nếu quý vị nộp thuế thấp hơn vì:

1. Quý vị thể hiện sự sơ suất hoặc coi thường các quy tắc hoặc quy định,
2. Quý vị khai thấp đáng kể thuế thu nhập của mình,
3. Quý vị yêu cầu quyền lợi về thuế cho một giao dịch thiếu bản chất kinh tế, hoặc
4. Quý vị không khai báo tài sản tài chánh ngoại quốc.

Mức phạt bằng 20% số tiền trả thiếu. Mức phạt là 40% đối với bất kỳ phần nào của khoản thanh toán thiếu liên quan đến giao dịch không có bản chất kinh tế không được khai báo hoặc giao dịch tài sản tài chính nước ngoài không được khai báo. Hình phạt sẽ không được tính trên bất kỳ phần nào của khoản thanh toán dưới mức mà hình phạt đối với hành vi gian lận (thảo luận ở phần sau) được tính.

Sơ suất hoặc coi thường. Thuật ngữ "sơ suất" bao gồm việc không thực hiện một nỗ lực hợp lý để tuân thủ luật thuế hoặc thể hiện mức độ thận trọng thông thường và hợp lý khi chuẩn bị hồ sơ khai thuế. Sơ suất cũng bao gồm việc không lưu giữ đầy đủ sổ sách và chứng từ. Quý vị sẽ không phải trả hình phạt do sơ suất nếu quý vị có cơ sở hợp lý cho lập trường của mình.

Thuật ngữ "coi thường" bao gồm hành vi coi thường có tính chất bất cẩn, thiếu thận trọng hoặc cố ý.

Khai báo đầy đủ. Quý vị có thể tránh được hình phạt cho hành vi coi thường các quy tắc hoặc quy định nếu quý vị khai báo đầy đủ trong hồ sơ khai thuế về lập trường có cơ sở hợp lý. Xem mục *Báo cáo khai báo* ở phần sau.

Trường hợp ngoại lệ này sẽ không áp dụng cho khoản mục gắn với phương pháp tránh thuế hợp pháp. Ngoài ra, quy tắc này sẽ không áp dụng nếu quý vị không giữ sổ sách và chứng từ đầy đủ, hoặc không thể chứng minh các khoản mục một cách hợp lý.

Khai báo thấp đáng kể thuế thu nhạp. Quý vị khai thấp thuế của mình nếu thuế ghi trên hồ sơ khai thuế của quý vị thấp hơn số thuế chính xác. Mức khai thấp được coi là đáng kể nếu cao hơn mức lớn hơn của 10% số thuế chính xác hoặc $5.000. Tuy nhiên, số tiền khai thấp có thể giảm xuống nếu việc khai thấp là do:

1. Thẩm quyền trọng yếu, hoặc
2. Khai báo đầy đủ và cơ sở hợp lý.

Nếu một khoản mục trên hồ sơ khai thuế của quý vị gắn với phương pháp tránh thuế hợp pháp, sẽ không có giảm trừ cho việc khai báo đầy đủ. Tuy nhiên, sẽ có giảm trừ cho lập trường với thẩm quyền đáng kể, nhưng chỉ khi quý vị có cơ sở hợp lý để tin rằng cách xử lý thuế của quý vị có nhiều khả năng là đúng chứ không phải là cách xử lý không chính xác.

Thẩm quyền đáng kể. Việc có hay đã có thẩm quyền đáng kể cho cách xử lý thuế đối với một khoản mục phụ thuộc vào sự kiện thực tế và hoàn cảnh. Một số khoản mục có thể được xem xét là ý kiến của tòa án, quy định của Kho bạc, quy định thuế vụ, thủ tục thu thuế và các thông báo và tuyên bố do Sở Thuế Vụ ban hành và được xuất bản trong Bản Tin Thuế Vụ liên quan đến các trường hợp giống hoặc tương tự như của quý vị.

Báo cáo công khai. Để khai báo đầy đủ thông tin liên quan về cách xử lý thuế của quý vị đối với một khoản mục, sử dụng Mẫu 8275. Quý vị cũng phải có cơ sở hợp lý để xử lý khoản mục này theo cách quý vị đã làm.

Trong các trường hợp chỉ khai thấp đáng kể, các khoản mục đáp ứng yêu cầu của Thủ Tục Thu Thuế 2019-42 (hoặc phiên bản cập nhật mới hơn) được coi là khai báo đầy đủ trên hồ sơ khai thuế của quý vị mà không cần nộp Mẫu 8275.

Sử dụng Mẫu 8275-R để khai báo các khoản mục hoặc lập trường trái với quy định.

Giao dịch thiếu bản chất kinh tế. Để biết thêm thông tin về bản chất kinh tế, tham khảo phần 7701(o).

Tài sản tài chính nước ngoài. Để biết thêm thông tin về các tài sản tài chính nước ngoài chưa khai báo, tham khảo mục 6662(j).

Nguyên nhân hợp lý. Quý vị sẽ không phải trả hình phạt nếu quý vị đưa ra lý do chính đáng (nguyên nhân hợp lý) cho cách xử lý một khoản mục của quý vị. Quý vị cũng phải chứng minh rằng quý vị đã hành động một cách thiện chí. Quy tắc này không áp dụng đối với giao dịch thiếu bản chất kinh tế.

Nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thế có sai sót. Quý vị có thể phải trả hình phạt nếu quý vị gửi yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thế có sai sót. Mức phạt bằng 20% số tiền không được phép của yêu cầu, trừ khi quý vị có thể trình bày cơ sở hợp lý cho cách xử lý một khoản mục của quý vị. Tuy nhiên, số tiền không được cho phép do giao dịch thiếu bản chất kinh tế sẽ không được coi là có cơ sở hợp lý. Hình phạt sẽ không được tính trên bất kỳ phần nào của số tiền không được cho phép của yêu cầu liên quan đến tín thuế thu nhập do lao động hoặc là cơ sở để tính hình phạt do thiếu chính xác hoặc hình phạt cho hành vi gian lận.

Nộp hồ sơ khai thuế không đúng. Quý vị có thể phải trả khoản hình phạt $5.000 đô la nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế không phù hợp hoặc các bản đệ trình không đúng khác. Hồ sơ khai thuế không phù hợp là hồ sơ không bao gồm đủ thông tin để tính thuế chính xác hoặc chứa thông tin cho thấy rõ ràng rằng thuế được báo cáo là không chính xác. Để biết thêm thông tin về hồ sơ khai thuế không phù hợp, bản đệ trình về thuế không đúng và danh sách những lập trường được xác định là không phù hợp, tham khảo Thông báo 2010-33, 2010-17 I.R.B. 609, tại địa chỉ *IRS.gov/irb/2010-17_IRB/ar13.html*.

Quý vị sẽ phải trả hình phạt nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế hoặc bản đệ trình thuộc loại này trên cơ sở lập trường không phù hợp hoặc mong muốn trì hoãn hoặc can thiệp vào công tác quản lý luật thuế liên bang. Điều này bao gồm việc thay đổi hoặc làm nổi bật ngôn ngữ in sẵn phía trên khoảng trống dành cho chữ ký của quý vị.

Hình phạt này được bổ sung vào bất kỳ hình phạt nào khác do pháp luật quy định.

Gian lận. Nếu có khoản tiền thuế trả dưới mức trên hồ sơ khai thuế của quý vị là do gian lận, thì mức phạt 75% số thuế trả dưới mức do gian lận sẽ được cộng vào thuế của quý vị.

Hồ sơ khai thuế chung. Hình phạt gian lận khi khai thuế chung không áp dụng cho vợ/chồng trừ khi một phần của khoản thanh toán dưới mức là do người vợ/chồng đó gian lận.

Không cung cấp SSN. Nếu quý vị không cung cấp SSN của mình hoặc SSN của người khác khi được yêu cầu trên hồ sơ khai thuế, bản sao kê hoặc tài liệu khác, quý vị sẽ phải chịu khoản hình phạt $50 cho mỗi lần không cung cấp. Quý vị cũng sẽ phải chịu khoản hình phạt $50 nếu quý vị không cung cấp SSN của mình cho người khác khi được yêu cầu trong hồ sơ khai thuế, bảng sao kê hoặc tài liệu khác.

Ví dụ: nếu quý vị có tài khoản ngân hàng thu lãi, quý vị phải cung cấp SSN của mình cho ngân hàng. Mã số này phải được ghi trên Mẫu 1099-INT hoặc bảng sao kê khác mà ngân hàng gửi cho quý vị. Nếu quý vị không cung cấp cho ngân hàng SSN của mình, quý vị sẽ phải trả khoản hình phạt $50. (Quý vị cũng có thể phải "khấu lưu" thuế thu nhập dự phòng. Xem chương 4.)

Quý vị sẽ không phải trả hình phạt nếu quý vị có thể chứng minh rằng việc không cung cấp là do nguyên nhân hợp lý và không phải do cố ý bỏ qua.

Hình phạt hình sự

Quý vị có thể bị truy tố hình sự (đưa ra xét xử) vì những hành vi như:

1. Trốn thuế;
2. Cố ý không nộp hồ sơ khai thuế, không cung cấp thông tin hoặc không nộp thuế cần nộp;
3. Gian lận và khai báo sai sự thật;
4. Chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế gian lận; hoặc
5. Mạo danh.

Trộm Cắp Danh Tính

Trộm cắp danh tính xảy ra khi ai đó sử dụng thông tin cá nhân của quý vị như tên, SSN hoặc thông tin nhận diện khác mà không có sự cho phép của quý vị, để thực hiện hành vi gian lận hoặc các hành vi tội phạm khác. Kẻ mạo danh có thể sử dụng SSN của quý vị để tìm việc làm hoặc nộp hồ sơ khai thuế bằng SSN của quý vị để nhận tiền hoàn thuế.

Để giảm rủi ro cho quý vị:

- Bảo vệ SSN của quý vị,
- Đảm bảo chủ lao động bảo vệ SSN của quý vị và
- Thận trọng khi chọn người giúp khai thuế chuyên nghiệp.

Nếu hồ sơ thuế của quý vị bị ảnh hưởng bởi hành vi trộm cắp danh tính và quý vị nhận được thông báo từ Sở Thuế Vụ, hãy phản hồi ngay lập tức cho cá nhân có tên và số điện thoại in trên thông báo hoặc thư của Sở Thuế Vụ.

Nếu SSN của quý vị đã bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc quý vị nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính liên quan đến thuế, truy cập *IRS.gov/IdentityTheft* để tìm hiểu những bước quý vị nên thực hiện.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 5027.

Nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính đang chịu tổn hại về kinh tế hoặc gặp phải vấn đề có tính chất hệ thống hoặc đang tìm kiếm trợ giúp để giải quyết những vấn đề về thuế chưa được giải quyết thông qua các kênh thông thường, có thể đủ điều kiện nhận được trợ giúp của Dịch Vụ Biện Hộ Cho Người Nộp Thuế (TAS). Quý vị có thể liên hệ với TAS bằng cách gọi cho đường dây trợ giúp của Dịch Vụ Biện Hộ Cho Người Nộp Thuế Quốc Gia theo số 877-777-4778 hoặc 800–829–4059 (TTY/TDD). Người bị điếc hoặc khiếm thính cũng có thể liên hệ với Sở Thuế Vụ thông qua các dịch vụ chuyển tiếp như Dịch Vụ Chuyển Tiếp Liên Bang, có sẵn tại địa chỉ *GSA.gov/fedrelay*.

Bảo vệ quý vị khỏi các email đáng ngờ hoặc những âm mưu lừa đảo. Lừa đảo là việc tạo và sử dụng email và trang web được thiết kế bắt chước email và trang web kinh doanh hợp pháp. Hình thức phổ biến nhất là hành động gửi email đến người dùng giả mạo là một doanh nghiệp hợp pháp có tiếng để lừa người dùng cung cấp thông tin cá nhân sẽ được sử dụng để trộm cắp danh tính.

Sở Thuế Vụ không bắt đầu liên hệ với người nộp thuế qua email. Ngoài ra, Sở Thuế Vụ không yêu cầu thông tin cá nhân chi tiết qua email hoặc yêu cầu người nộp thuế cung cấp PIN, mật khẩu hoặc thông tin truy cập bí mật tương tự cho thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc tài khoản tài chính khác.

Nếu quý vị nhận được một email không mong muốn tự xưng là từ Sở Thuế Vụ, hãy chuyển tiếp thư về địa chỉ *phishing@irs.gov*. Quý vị cũng có thể báo cáo hành vi sử dụng sai mục đích tên, biểu tượng, biểu mẫu hoặc tài sản khác của Sở Thuế Vụ cho Tổng Thanh Tra của Bộ Ngân Khố về Điều Hành Thuế Vụ theo số điện thoại miễn phí 800-366-4484. Quý vị có thể chuyển tiếp các email đáng ngờ tới Ủy Ban Thương Mại Liên Bang (FTC) theo địa chỉ *spam@uce.gov* hoặc báo cáo tại *ftc.gov/complaint*. Quý vị có thể liên hệ theo địa chỉ *ftc.gov/idtheft* hoặc gọi 877-IDTHEFT (877-438-4338). Nếu quý vị là nạn nhân của hành vi trộm cắp danh tính, tham khảo *IdentityTheft.gov* hoặc Ấn phẩm 5027. Người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói và có thể sử dụng thiết bị TTY/TDD, gọi theo số 866-653-4261.

Truy cập *IRS.gov/IDProtection* để tìm hiểu thêm về hành vi trộm cắp danh tính và cách giảm thiểu rủi ro của quý vị.

2.

Tình Trạng Khai Thuế

Những Quy Định Mới

Học phí và lệ phí. Việc khấu trừ học phí và lệ phí được gia hạn đối với học phí và lệ phí đủ điều kiện đã nộp trong các năm 2018, 2019 và 2020, tính theo niên lịch. Không yêu cầu khấu trừ cho các chi phí đã thanh toán sau năm 2020 trừ khi tín thuế được gia hạn lần nữa.

Giới thiệu

Chương này giúp quý vị xác định tình trạng khai thuế để sử dụng. Có năm tình trạng khai thuế.

- Độc Thân.
- Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế.
- Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế.
- Chủ Gia Đình.
- Người Góa Vợ/Chồng Đủ Điều Kiện.

TIP *Nếu có nhiều tình trạng khai thuế áp dụng với quý vị, chọn tình trạng khai thuế sẽ cho quý vị mức thuế thấp nhất.*

Quý vị phải xác định tình trạng khai thuế của mình trước khi có thể xác định liệu quý vị có phải khai thuế hay không (chương 1), mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn (chương 10) và mức thuế của quý vị (chương 11). Quý vị còn sử dụng tình trạng khai thuế của mình để xác định liệu quý vị có đủ điều kiện xin xét một số khoản khấu trừ và tín thuế nhất định hay không.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **501** Người Phụ Thuộc, Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế
- ❑ **503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em Và Người Phụ Thuộc
- ❑ **519** Hướng Dẫn về Thuế Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân
- ❑ **555** Tài Sản Chung Của Vợ Chồng
- ❑ **559** Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý
- ❑ **925** Hoạt Động Thụ Động và Quy Tắc Rủi Ro

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Tình Trạng Hôn Nhân

Nhìn chung, tình trạng khai thuế của quý vị phụ thuộc vào việc quý vị được coi là chưa kết hôn hay đã kết hôn.

Người chưa kết hôn. Quý vị được coi là chưa kết hôn trong cả năm nếu, vào ngày cuối cùng của năm chịu thuế, quý vị:

- Chưa kết hôn, hoặc
- Đã ly thân hợp pháp với vợ/chồng của quý vị theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân.

Tình trạng đã kết hôn hay ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân của quý vị chịu sự điều chỉnh của luật tiểu bang.

Người đã ly hôn. Nếu quý vị ly hôn theo án lệnh cuối cùng vào ngày cuối cùng của năm, quý vị được coi là chưa kết hôn trong cả năm.

Ly hôn và tái hôn. Nếu quý vị ly hôn với mục đích duy nhất là để nộp hồ sơ khai thuế với tình trạng cá nhân chưa kết hôn, đồng thời tại thời điểm ly hôn quý vị dự định và trên thực tế tái hôn trong năm chịu thuế tiếp theo, quý vị và vợ/chồng của quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế với tình trạng là cá nhân đã kết hôn trong cả hai năm.

Hôn nhân bị hủy bỏ. Nếu quý vị nhận được lệnh hủy bỏ của tòa án, trong đó đưa ra phán quyết rằng hôn nhân hợp lệ không tồn tại, quý vị được coi là chưa kết hôn kể cả khi quý vị đã khai thuế chung trong những năm trước đó. Nộp Mẫu 1040-X, Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập Cá Nhân Hoa Kỳ Sửa Đổi, yêu cầu tình trạng độc thân hoặc chủ hộ gia đình cho tất cả những năm chịu thuế bị ảnh hưởng bởi lệnh hủy bỏ và chưa hết thời hiệu nộp hồ sơ khai thuế. Thông thường, đối với tín thuế và hoàn thuế, quý vị phải nộp Mẫu 1040-X trong vòng 3 năm (bao gồm thời gian gia hạn) sau ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế ban đầu hoặc trong vòng 2 năm sau ngày quý vị đóng thuế, tùy thời điểm nào muộn hơn. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế ban đầu sớm (ví dụ vào ngày 1 tháng 3), hồ sơ khai thuế của quý vị được coi là nộp vào ngày đến hạn (thường là ngày 15 tháng 4). Tuy nhiên, nếu quý vị được gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế (ví dụ: đến ngày 15 tháng 10) nhưng quý vị đã nộp sớm hơn và chúng tôi nhận được vào ngày 1 tháng 7, hồ sơ khai thuế của quý vị được coi là nộp vào ngày 1 tháng 7.

Chủ gia đình hoặc người góa vợ/chồng đủ điều kiện. Nếu quý vị được coi là chưa kết hôn, quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế với tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình hoặc người góa vợ/chồng đủ điều kiện. Xem mục *Chủ Gia Đình* và *Người Góa Vợ/Chồng Đủ Điều Kiện* để tìm hiểu liệu quý vị có đủ tiêu chuẩn hay không.

Người đã kết hôn. Nếu quý vị được coi là đã kết hôn, quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể khai thuế chung hoặc khai thuế riêng.

Coi như đã kết hôn. Quý vị được coi là đã kết hôn trong cả năm nếu, vào ngày cuối cùng của năm chịu thuế, quý vị và vợ/chồng của quý vị đáp ứng một trong các tiêu chí sau.

1. Quý vị đã kết hôn và sống chung.
2. Quý vị sống chung dưới hình thức hôn nhân theo thông luật được công nhận ở tiểu bang nơi quý vị đang sống hoặc ở tiểu bang mà hôn nhân theo thông luật bắt đầu.
3. Quý vị đã kết hôn và sống xa nhau, nhưng không ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân.
4. Quý vị đang ly thân theo lệnh cho phép ly hôn tạm thời (chưa phải cuối cùng).

Vợ/chồng qua đời trong năm. Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm, quý vị được coi là đã kết hôn trong cả năm cho mục đích xác định tình trạng khai thuế.

Nếu quý vị không tái hôn trước khi kết thúc năm chịu thuế, quý vị có thể khai thuế chung cho mình và người vợ/chồng đã qua đời của mình. Trong 2 năm tiếp theo, quý vị có thể được hưởng các quyền lợi đặc biệt được mô tả ở phần sau trong mục *Người Góa Vợ/Chồng Đủ Điều Kiện*.

Nếu quý vị tái hôn trước khi kết thúc năm chịu thuế, quý vị có thể khai thuế chung với người vợ/chồng mới của mình. Tình trạng khai thuế của người vợ/chồng đã qua đời của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế cho năm đó.

Người đã kết hôn sống xa nhau. Nếu quý vị sống xa vợ/chồng của mình và đáp ứng một số tiêu chí nhất định, quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế với tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình kể cả khi quý vị chưa ly hôn hoặc ly thân hợp pháp. Nếu quý vị đủ điều kiện nộp hồ sơ khai thuế với tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình thay vì vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị sẽ cao hơn. Ngoài ra, mức thuế của quý vị có thể thấp hơn và quý vị có thể xin xét tín thuế thu nhập từ việc làm. Xem mục *Chủ Gia Đình*ở phần sau.

Độc thân

Tình trạng khai thuế của quý vị là độc thân nếu quý vị được coi là chưa kết hôn và quý vị không đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế khác. Để xác định tình trạng hôn nhân của quý vị, tham khảo mục *Tình Trạng Hôn Nhân* ở phần trên.

Người góa vợ/chồng. Tình trạng khai thuế của quý vị có thể là độc thân nếu quý vị góa vợ/chồng trước ngày 1 tháng 1 năm 2020 và không tái hôn trước cuối năm 2020. Tuy nhiên, quý vị có thể sử dụng tình trạng khai thuế khác sẽ cho quý vị mức thuế thấp hơn. Xem mục *Chủ Gia Đình* và *Người Góa Vợ/Chồng Đủ Điều Kiện* ở phần sau để tìm hiểu liệu quý vị có đủ tiêu chuẩn hay không.

Cách nộp hồ sơ khai thuế. Trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, khai báo tình trạng khai thuế độc thân của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô "Độc Thân" ở dòng *Tình Trạng Khai Thuế* trên đầu biểu mẫu. Sử dụng cột *Độc Thân* của Khung Thuế Suất, hoặc Phần A của Mẫu Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế

Quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế nếu quý vị được coi là đã kết hôn và cả quý vị và vợ/chồng của quý vị đồng ý nộp hồ sơ khai thuế chung. Khi khai thuế chung, quý vị và vợ/chồng của quý vị báo cáo thu nhập kết hợp và khấu trừ chi phí kết hợp được phép của hai vợ chồng. Quý vị có thể khai thuế chung kể cả khi một trong hai người không có thu nhập hoặc các khoản khấu trừ.

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị quyết định khai thuế chung, thuế của quý vị có thể thấp hơn tổng thuế cho các tình trạng khai thuế khác. Ngoài ra, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị (nếu quý vị không khấu trừ từng khoản) có thể cao hơn và quý vị có thể đủ điều kiện nhận những lợi ích thuế không áp dụng cho các tình trạng khai thuế khác.

Cách nộp hồ sơ khai thuế. Trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, khai báo tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô "Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế" ở dòng *Tình Trạng Khai Thuế* trên đầu biểu mẫu. Sử dụng cột *Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế* của Khung Thuế Suất, hoặc Phần B của Mẫu Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

TIP *Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị đều có thu nhập, quý vị có thể tính thuế của mình trên cả hồ sơ khai thuế chung và hồ sơ khai thuế riêng (sử dụng tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Quý vị có thể chọn phương pháp cung cấp cho hai vợ chồng mức thuế kết hợp thấp hơn trừ khi được yêu cầu vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.*

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm, quý vị được coi là đã kết hôn trong cả năm và có thể chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế. Xem phần *Vợ/chồng qua đời trong năm*, trong mục *Người đã kết hôn*, ở trên để tìm hiểu thêm thông tin.

Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2021 trước khi nộp hồ sơ khai thuế năm 2020, quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế trên hồ sơ khai thuế năm 2020 của mình.

Người đã ly hôn. Nếu quý vị ly hôn theo án lệnh cuối cùng vào ngày cuối cùng của năm, quý vị được coi là chưa kết hôn trong cả năm đó và quý vị không thể chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế.

Nộp Hồ Sơ Khai Thuế Chung

Quý vị và vợ/chồng của quý vị phải khai báo tất cả thu nhập và các khoản khấu trừ của hai vợ chồng trên hồ sơ khai thuế chung.

Chu kỳ kế toán. Hai vợ chồng quý vị phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán nhưng có thể sử dụng các phương pháp kế toán khác nhau. Xem mục *Chu Kỳ Kế Toán* và *Phương Pháp Kế Toán* ở chương 1.

Trách nhiệm chung. Hai vợ chồng quý vị có thể phải chịu trách nhiệm chung và cá nhân đối với tiền thuế, tiền lãi hoặc tiền phạt phải trả trên hồ sơ khai thuế chung. Điều này có nghĩa là nếu vợ hoặc chồng không trả tiền thuế đến hạn, người còn lại có thể phải trả. Hoặc, nếu vợ hoặc chồng không khai báo thuế chính xác, cả hai vợ chồng có thể phải chịu trách nhiệm đóng thuế bổ sung theo đánh giá của Sở Thuế Vụ. Vợ hoặc chồng có thể phải chịu trách nhiệm đối với tất cả tiền thuế phải trả kể cả trong trường hợp tất cả thu nhập là của người kia.

Quý vị có thể muốn nộp hồ sơ khai thuế riêng nếu:

- Quý vị tin rằng vợ/chồng của quý vị không báo cáo hết toàn bộ thu nhập của họ, hoặc
- Quý vị không muốn chịu trách nhiệm đối với số thuế phải trả nếu vợ/chồng của quý vị không có đủ thuế đã khấu lưu hoặc không nộp đủ thuế ước tính.

Người nộp thuế đã ly hôn. Quý vị có thể phải chịu trách nhiệm chung và cá nhân đối với tiền thuế, tiền lãi và tiền phạt phải trả trên hồ sơ khai thuế

chung trước khi ly hôn. Trách nhiệm này có thể áp dụng ngay cả khi lệnh cho phép ly hôn của quý vị phán quyết rằng vợ/chồng cũ của quý vị sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ số tiền nào phải trả trên các hồ sơ khai thuế chung đã nộp trước đó.

Giảm trách nhiệm chung. Trong một số trường hợp, vợ hoặc chồng có thể được giảm trách nhiệm chung về thuế, tiền lãi và tiền phạt khi khai thuế chung cho các khoản mục đã báo cáo sai trong hồ sơ khai thuế chung của người kia. Quý vị có thể yêu cầu cứu trợ bất kể trách nhiệm pháp lý nhỏ đến đâu.

Có ba hình thức giảm nhẹ.

1. Giảm nhẹ cho vợ/chồng vô can.
2. Phân tách trách nhiệm (chỉ áp dụng cho người nộp hồ sơ khai thuế chung đã ly hôn, góa vợ/chồng, ly thân hợp pháp hoặc không sống cùng nhau trong 12 tháng tính đến ngày nộp đề nghị giảm nhẹ).
3. Giảm nhẹ công bằng.

Quý vị phải nộp Mẫu 8857, Yêu Cầu Giảm nhẹ cho Vợ/Chồng Vô Can, để yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm chung. Ấn phẩm 971, Giảm nhẹ cho Vợ/Chồng Vô Can giải thích các hình thức giảm nhẹ này và đối tượng đủ điều kiện tiếp nhận.

Ký hồ sơ khai thuế chung. Để hồ sơ khai thuế được coi là hồ sơ khai thuế chung, cả hai vợ chồng thường phải ký tên trên hồ sơ.

Vợ/chồng qua đời trước khi ký. Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trước khi ký tên trên hồ sơ khai thuế, người thi hành hoặc người quản lý phải ký tên vào hồ sơ khai thuế cho vợ/chồng của quý vị. Nếu quý vị hoặc người khác chưa được chỉ định làm người thi hành hoặc người quản lý, quý vị có thể ký tên vào hồ sơ khai thuế cho vợ/chồng của mình đồng thời điền "Nộp đơn với tư cách là người vợ/chồng còn lại" ở phần ký tên trên hồ sơ.

Vợ/chồng vắng nhà. Nếu vợ/chồng quý vị vắng nhà, quý vị cần chuẩn bị hồ sơ khai thuế, ký tên và gửi cho vợ/chồng của quý vị ký để có thể nộp đúng hạn.

Thương tích hoặc bệnh tật ngăn cản việc ký tên. Nếu vợ/chồng của quý vị không thể ký tên do bệnh tật hoặc thương tích và yêu cầu quý vị ký thay cho anh ấy hoặc cô ấy, quý vị có thể ký tên của vợ/chồng quý vị vào khoảng trống thích hợp trên hồ sơ khai thuế sau đó ghi "Bởi (tên của quý vị), Chồng (hoặc Vợ)." Đảm bảo ký vào đúng khoảng trống dành cho chữ ký. Gửi bản tường trình có ghi ngày và có chữ ký của quý vị kèm theo hồ sơ khai thuế. Bản tường trình phải ghi rõ số biểu mẫu của hồ sơ khai thuế mà quý vị đang nộp, năm chịu thuế và lý do vợ/chồng của quý vị không thể ký tên đồng thời phải nêu rõ rằng vợ/chồng của quý vị đã đồng ý để quý vị ký thay.

Ký tên với tư cách là người giám hộ của vợ/chồng. Nếu quý vị là người giám hộ cho vợ/chồng không đủ năng lực về tinh thần, quý vị có thể ký hồ sơ khai thuế cho vợ/chồng của quý vị với tư cách là người giám hộ.

Vợ/chồng ở khu vực chiến sự. Quý vị có thể ký hồ sơ khai thuế chung cho vợ/chồng của quý vị nếu vợ/chồng của quý vị không thể ký do đang phục vụ trong khu vực chiến sự (ví dụ như Khu Vực Vịnh Ba Tư, Serbia, Montenegro, Albania hoặc Afghanistan), kể cả trong trường hợp quý vị không có giấy ủy quyền hoặc tuyên bố khác. Gửi bản tường trình có chữ ký giải thích rằng vợ/chồng của quý vị đang phục vụ trong khu vực chiến sự kèm theo hồ sơ khai thuế. Để biết thêm thông tin về các quy tắc thuế đặc biệt áp dụng với những người đang phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc những người đang ở tình trạng mất tích khi phục vụ trong khu vực chiến sự, tham khảo Ấn phẩm 3, Hướng Dẫn Thuế Cho Lực Lượng Vũ Trang.

Giấy ủy quyền. Để quý vị có thể ký hồ sơ khai thuế cho vợ/chồng của quý vị trong bất kỳ trường hợp nào trong số này, quý vị phải gửi giấy ủy quyền (POA) cho phép quý vị ký thay vợ/chồng của mình kèm theo hồ sơ khai thuế. Quý vị có thể sử dụng POA nêu rõ rằng quý vị được ủy quyền ký hồ sơ khai thuế hoặc quý vị có thể sử dụng Mẫu 2848. Phần I của Mẫu 2848 phải nêu rõ rằng quý vị được ủy quyền ký hồ sơ khai thuế.

Ngoại nhân không thường trú hoặc ngoại nhân có tình trạng kép. Nói chung, một cặp vợ chồng đã kết hôn không thể nộp hồ sơ khai thuế chung nếu một trong hai người là ngoại nhân không thường trú tại bất kỳ thời điểm nào trong năm chịu thuế. Tuy nhiên, nếu vợ hoặc chồng là ngoại nhân không thường trú hoặc ngoại nhân có tình trạng kép đã kết hôn với công dân Hoa Kỳ hoặc ngoại nhân thường trú tại thời điểm cuối năm, hai vợ chồng có thể chọn nộp hồ sơ khai thuế chung. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế chung, quý vị và vợ/chồng của quý vị đều được coi là thường trú nhân Hoa Kỳ trong cả năm chịu thuế. Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân.

Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế

Quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế khi quý vị đã kết hôn. Tình trạng khai thuế này có thể có lợi cho quý vị nếu quý vị chỉ muốn chịu trách nhiệm đối với số thuế của riêng quý vị hoặc nếu tình trạng khai thuế này dẫn tới mức thuế thấp hơn so với khi khai thuế chung.

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị không đồng ý khai thuế chung, quý vị phải sử dụng tình trạng khai thuế này trừ khi quý vị đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình, nội dung này sẽ được thảo luận ở phần sau.

Quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình nếu quý vị được coi là chưa kết hôn vì quý vị sống xa vợ/chồng đồng thời đáp ứng một số tiêu chí nhất định (trình bày trong mục *Chủ Gia Đình* ở phần sau). Quy tắc này có thể áp dụng với quý vị kể cả khi quý vị chưa ly hôn hoặc ly thân hợp pháp. Nếu quý vị đủ điều kiện nộp hồ sơ khai thuế với tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình, thay vì vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, mức thuế của quý vị có thể thấp hơn, quý vị có thể xin xét tín thuế thu nhập từ việc làm và một số quyền lợi khác, đồng thời mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị sẽ cao hơn. Tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình cho phép quý vị chọn áp dụng mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn kể cả khi vợ/chồng của quý vị chọn khấu trừ từng khoản. Xem mục *Chủ Gia Đình* ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin.

TIP *Thông thường, mức thuế kết hợp mà quý vị sẽ phải trả trên hồ sơ khai thuế riêng thường cao mức thuế kết hợp trên hồ sơ khai thuế chung vì những lý do được trình bày trong mục* Quy Tắc Đặc Biệt *ở phần sau. Tuy nhiên, trừ trường hợp quý vị được yêu cầu khai thuế riêng, quý vị nên tính thuế theo cả hai cách (khai thuế chung và khai thuế riêng). Bằng cách này, quý vị có thể đảm bảo rằng mình đang sử dụng tình trạng khai thuế dẫn đến mức thuế kết hợp thấp nhất. Khi tính thuế kết hợp của một cặp vợ chồng, quý vị có thể cần xem xét thuế tiểu bang cũng như thuế liên bang.*

Cách nộp hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị khai thuế riêng, quý vị thường chỉ báo cáo thu nhập, các khoản tín thuế và khấu trừ của riêng quý vị.

Chọn tình trạng khai thuế này bằng cách đánh dấu vào ô "Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế" trên dòng *Tình Trạng Khai Thuế* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Điền tên đầy đủ của vợ/chồng quý vị và SSN hoặc ITIN vào ô trống ở cuối phần *Tình Trạng Khai Thuế*. Nếu vợ/chồng của quý vị không có và không bắt buộc phải có SSN hoặc ITIN, hãy điền "NRA" vào chỗ trống dành cho SSN của vợ/chồng quý vị. Sử dụng cột *Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế* của Khung Thuế Suất, hoặc Phần C của Mẫu Tính Thuế, để tính thuế của quý vị.

Quy Tắc Đặc Biệt

Nếu quý vị chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, các quy tắc đặc biệt sau sẽ được áp dụng. Do những quy tắc đặc biệt này, mức thuế quý vị phải trả trên hồ sơ khai thuế riêng thường cao hơn mức thuế ứng với tình trạng khai thuế khác mà quý vị đủ tiêu chuẩn sử dụng.

1. Thuế suất của quý vị thường cao hơn so với thuế suất áp dụng với hồ sơ khai thuế chung.
2. Số tiền miễn trừ để tính thuế tối thiểu thay thế của quý vị bằng một nửa số tiền cho phép trên hồ sơ khai thuế chung.
3. Quý vị không thể nhận tín thuế cho các chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc trong hầu hết các trường hợp, và số tiền quý vị có thể loại trừ từ thu nhập theo chương trình hỗ trợ chăm sóc người phụ thuộc của đơn vị sử dụng lao động sẽ giới hạn ở mức $2.500 (thay vì mức $5.000 áp dụng với trường hợp khai thuế chung). Tuy nhiên, nếu quý vị sống ly thân hợp pháp hoặc sống xa vợ/chồng, quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế riêng và vẫn được nhận tín thuế. Để tìm hiểu thêm thông tin về các khoản chi phí, tín thuế và loại trừ này, xem *Tình Trạng Khai Thuế Của Quý Vị Là Gì?* trong Ấn phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.
4. Quý vị không thể xin tín thuế thu nhập từ việc làm.
5. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị không thể xin loại trừ hoặc tín thuế cho chi phí nhận con nuôi.
6. Quý vị không thể xin tín thuế giáo dục (tín thuế cơ hội Mỹ và tín thuế học tập trọn đời), khấu trừ lãi khoản vay sinh viên hoặc khấu trừ học phí và lệ phí.
7. Quý vị không thể loại trừ thu nhập từ tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ tiêu chuẩn mà quý vị đã sử dụng cho các chi phí giáo dục đại học.
8. Nếu quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm:
   a. Quý vị không thể xin xét tín thuế dành cho người già hay người bị khuyết tật, và
   b. Quý vị phải tính trợ cấp an sinh xã hội hoặc trợ cấp hưu trí đường sắt tương đương mà quý vị nhận được vào thu nhập với tỷ lệ cao hơn (tối đa 85%).

9. Các khoản tín thuế và khấu trừ dưới đây sẽ giảm theo mức thu nhập và bằng một nửa so với mức áp dụng trong trường hợp khai thuế chung:
   a. Tín thuế trẻ em và tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác, và
   b. Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí.
10. Giới hạn khấu trừ tiền vốn bị lỗ của quý vị là $1.500 (thay vì $3.000 áp dụng với hồ sơ khai thuế chung).
11. Nếu vợ/chồng của quý vị khấu trừ từng khoản, quý vị không thể xin xét mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Nếu quý vị có thể xin xét mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cơ bản của quý vị bằng một nửa số tiền được cho phép đối với hồ sơ khai thuế chung.

Giới hạn tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) Nếu AGI của quý vị trên hồ sơ khai thuế riêng thấp hơn so với mức trên hồ sơ khai thuế chung, quý vị có thể khấu trừ số tiền lớn hơn đối với một số khoản khấu trừ bị AGI giới hạn, ví dụ như chi phí y tế.

Trương mục hưu trí cá nhân (IRA). Quý vị không thể khấu trừ tất cả hoặc một phần tiền đóng góp vào IRA truyền thống nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị đã tham gia chương trình hưu trí dành cho nhân viên tại nơi làm việc trong năm. Mức khấu trừ của quý vị sẽ giảm hoặc bị loại bỏ nếu thu nhập của quý vị nhiều hơn một số tiền nhất định. Số tiền này thấp hơn nhiều đối với những cá nhân đã kết hôn nộp hồ sơ khai thuế riêng và sống cùng nhau tại bất kỳ thời điểm nào trong năm. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem mục *Quý Vị Có Thể Khấu Trừ Bao Nhiêu* ở chương 9.

Lỗ từ hoạt động cho thuê. Nếu quý vị tích cực tham gia hoạt động cho thuê bất động sản thụ động dẫn đến thua lỗ, quý vị thường có thể khấu trừ tiền lỗ từ thu nhập không thụ động của mình với mức tối đa $25.000. Khoản khấu trừ này được gọi là "trợ cấp đặc biệt." Tuy nhiên, những người đã kết hôn nộp hồ sơ khai thuế riêng sống cùng nhau tại bất kỳ thời điểm nào trong năm không thể xin xét khoản trợ cấp đặc biệt này. Những người đã kết hôn nộp hồ sơ khai thuế riêng sống xa nhau tại mọi thời điểm trong năm được phép nhận khoản trợ cấp đặc biệt tối đa $12.500 cho khoản lỗ từ hoạt động bất động sản thụ động. Xem *Hoạt Động Cho Thuê* trong Ấn phẩm 925, Hoạt Động Thụ Động và Quy Tắc Rủi Ro, để biết thêm thông tin.

Tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng. Nếu quý vị sống tại tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng và nộp hồ sơ khai thuế riêng, thu nhập của quý vị có thể được coi là thu nhập riêng hoặc thu nhập chung cho các mục đích liên quan đến thuế thu nhập. Các tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington, và Wisconsin. Tham khảo Ấn phẩm 555, Tài Sản Chung Của Vợ Chồng, để tìm hiểu thêm thông tin.

Khai Thuế Chung Sau Khi Khai Thuế Riêng

Quý vị có thể thay đổi tình trạng khai thuế của mình từ khai thuế riêng thành khai thuế chung bằng cách nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi sử dụng Mẫu 1040-X.

Thông thường, quý vị có thể đổi sang tình trạng khai thuế chung bất kỳ lúc nào trong vòng 3 năm kể từ ngày đáo hạn hồ sơ khai thuế riêng hoặc các hồ sơ khai thuế. Thời hạn này không bao gồm thời gian gia hạn. Hồ sơ khai thuế riêng bao gồm hồ sơ khai thuế do quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị nộp sử dụng tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, độc thân hoặc chủ hộ gia đình.

Khai Thuế Riêng Sau Khi Khai Thuế Chung

Sau khi quý vị khai thuế chung, quý vị không thể chọn nộp hồ sơ khai thuế riêng cho năm đó sau ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Trường hợp ngoại lệ. Đại diện cá nhân cho người quá cố có thể thay đổi từ tình trạng khai thuế chung do người vợ/chồng còn lại lựa chọn thành tình trạng khai thuế riêng cho người quá cố. Đại diện cá nhân có 1 năm kể từ ngày đến hạn hồ sơ khai thuế (bao gồm thời gian gia hạn) để thực hiện thay đổi. Xem Ấn phẩm 559, Người Còn Lại, Người Thi Hành và Người Quản Lý, để tìm hiểu thêm thông tin về việc nộp hồ sơ khai thuế cho người quá cố.

Chủ gia đình

Quý vị có thể khai thuế với tư cách chủ hộ gia đình nếu quý vị đáp ứng tất cả những yêu cầu sau.

1. Quý vị chưa kết hôn hoặc được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm. Xem mục *Tình Trạng Hôn Nhân* ở phần trên, và *Được Coi Là Chưa Kết Hôn* ở phần sau.
2. Quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm.
3. Một người đủ điều kiện đã sống trong nhà với quý vị hơn nửa năm (trừ trường hợp vắng mặt tạm thời, ví dụ như đi học). Tuy nhiên, nếu người đủ điều kiện là cha mẹ phụ thuộc của quý vị, họ không nhất thiết phải sống với quý vị. Xem *Quy tắc đặc biệt dành cho cha mẹ* ở phần sau, trong mục *Người Đủ Điều Kiện*.

TIP *Nếu quý vị đủ điều kiện nộp hồ sơ khai thuế với tư cách chủ hộ gia đình, mức thuế của quý vị thường sẽ thấp hơn mức thuế áp dụng với tình trạng khai thuế độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Quý vị cũng sẽ nhận được mức khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn so với mức khấu trừ áp dụng nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế theo diện độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.*

Cách nộp hồ sơ khai thuế. Chọn tình trạng khai thuế của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô "Chủ Gia Đình" trên dòng *Tình Trạng Khai Thuế* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu đứa trẻ giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này không được khai báo là người phụ thuộc của quý vị trong phần *Người Phụ Thuộc* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Tình Trạng Khai Thuế*. Sử dụng cột *Chủ gia đình* của Khung Thuế Suất, hoặc Phần D của Mẫu Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

Được Coi Là Chưa Kết Hôn

Để đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình, quý vị phải chưa kết hôn hoặc được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm. Quý vị được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm chịu thuế nếu quý vị đáp ứng tất cả các tiêu chí sau.

1. Quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng. Hồ sơ khai thuế riêng bao gồm hồ sơ khai thuế sử dụng tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, độc thân hoặc chủ hộ gia đình.
2. Quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm chịu thuế.
3. Vợ/chồng của quý vị đã không sống trong nhà của quý vị trong 6 tháng cuối cùng của năm chịu thuế. Vợ/chồng của quý vị được coi là sống trong nhà của quý vị kể cả khi người đó tạm thời vắng mặt vì hoàn cảnh đặc biệt. Xem *Vắng mặt tạm thời* trong mục *Người Đủ Điều Kiện* ở phần sau.
4. Nhà của quý vị là nơi ở chính của con, con riêng hoặc con nuôi của quý vị trong hơn nửa năm. (Xem *Nhà của người đủ điều kiện* trong mục *Người Đủ Điều Kiện* ở phần sau để tìm hiểu các quy tắc áp dụng cho trẻ sinh ra, qua đời hoặc vắng mặt tạm thời trong năm.)
5. Quý vị phải có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, quý vị đáp ứng tiêu chí này nếu quý vị không thể khai báo trẻ là người phụ thuộc chỉ vì người cha/mẹ không bảo dưỡng có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc bằng cách sử dụng các quy tắc được mô tả ở phần *Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau)* trong mục *Trẻ Đủ Điều Kiện* ở chương 3, hoặc được nhắc tới trong phần *Tiêu Chí Đánh Giá Hỗ Trợ Đối Với Con Của Cha Mẹ Đã Ly Hôn Hoặc Ly Thân (Hoặc Cha Mẹ Sống Xa Nhau)* trong mục *Thân Nhân Đủ Điều Kiện* ở chương 3. Các quy tắc chung để khai báo trẻ là người phụ thuộc được giải thích ở Chương 3.

CAUTION *Nếu quý vị được coi là đã kết hôn trong một phần của năm và sống tại tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng (được liệt kê ở phần trên trong mục* Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế*), các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng khi xác định thu nhập và chi phí của quý vị. Xem Ấn phẩm 555 để tìm hiểu thêm thông tin.*

Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú. Quý vị được coi là chưa kết hôn cho mục đích xác định tình trạng chủ hộ gia đình nếu vợ/chồng của quý vị là ngoại nhân không thường trú tại bất kỳ thời điểm nào trong năm và quý vị không chọn coi vợ/chồng không phải là thường trú nhân của mình là ngoại nhân thường trú. Tuy nhiên, vợ/chồng của quý vị không phải là người đủ điều kiện cho mục đích xác định tình trạng chủ hộ gia đình. Quý vị phải có một người đủ điều kiện khác đồng thời đáp ứng các tiêu chí khác để đủ tiêu chuẩn nộp đơn với tư cách chủ hộ gia đình.

Lựa chọn coi vợ/chồng là thường trú nhân. Quý vị được coi là đã kết hôn nếu quý vị chọn coi vợ/chồng của mình là ngoại nhân thường trú. Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 519.

Duy Trì Nhà Ở

Để đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình, quý vị phải trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm. Quý vị có thể xác định liệu quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở hay chưa bằng cách sử dụng Bảng 2-1.

Chi phí quý vị cần tính vào. Tính vào chi phí duy trì nhà ở, ví dụ như tiền thuê nhà, lãi vay thế chấp, thuế bất động sản, bảo hiểm cho ngôi nhà, sửa chữa, tiện ích và thực phẩm ăn ở nhà.

Mẫu tính toán 2-1. **Chi Phí Duy Trì Nhà Ở**

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

	Số Tiền Quý Vị Đã Trả	Tổng Chi Phí
Thuế tài sản	$	$
Chi phí lãi vay thế chấp		
Tiền thuê		
Phí tiện ích		
Sửa chữa/Bảo trì		
Bảo hiểm tài sản		
Thực phẩm ăn ở nhà		
Các chi phí gia đình khác		
Tổng cộng	$	$
Trừ tổng **số tiền quý vị đã trả**		(_____)
Số tiền người khác đã trả		$
Nếu tổng số tiền quý vị đã trả nhiều hơn số tiền người khác đã trả, quý vị đáp ứng yêu cầu trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở.		

Chi phí quý vị không tính vào. Không tính chi phí quần áo, giáo dục, điều trị y tế, nghỉ dưỡng, bảo hiểm nhân thọ hay đi lại. Ngoài ra không tính giá trị cho thuê của ngôi nhà mà quý vị sở hữu hoặc giá trị các dịch vụ của quý vị hoặc của một thành viên trong gia đình quý vị.

Người Đủ Điều Kiện

Xem Bảng 2-1 để tìm hiểu về người đủ điều kiện. Bất kỳ người nào không được mô tả trong Bảng 2-1 không phải là người đủ điều kiện.

Ví dụ 1 - Con. Con trai chưa kết hôn sống với quý vị cả năm và 18 tuổi vào cuối năm. Cháu đã không tự cung cấp hơn một nửa số tiền cấp dưỡng cho bản thân và không đáp ứng các tiêu chí để trở thành trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác. Vì vậy, cháu là trẻ đủ điều kiện của quý vị (tham khảo mục *Trẻ Đủ Điều Kiện* ở chương 3) và, bởi vì cháu còn độc thân, cháu là người đủ điều kiện của quý vị để xét tình trạng chủ hộ gia đình.

Ví dụ 2 - Trẻ không đủ điều kiện. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ con trai của quý vị 25 tuổi vào cuối năm và tổng thu nhập của cháu là $5.000. Vì cháu không đáp ứng tiêu chí tuổi tác (được giải thích trong mục *Trẻ Đủ Điều Kiện* ở chương 3), cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị. Vì cháu không đáp ứng tiêu chí tổng thu nhập (được giải thích trong mục *Thân Nhân Đủ Điều Kiện* ở chương 3), cháu không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Vì vậy, cháu không phải là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích xác định tình trạng chủ hộ gia đình.

Ví dụ 3 - Bạn gái. Bạn gái của quý vị đã sống với quý vị cả năm. Mặc dù cô ấy có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tiêu chí đánh giá tổng thu nhập và hỗ trợ (được giải thích ở chương 3), cô ấy không phải là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích xác định tình trạng chủ hộ gia đình vì cô ấy không có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục *Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị* ở chương 3. Xem Bảng 2-1.

Ví dụ 4 - Con của bạn gái. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 3*, ngoại trừ đứa con trai 10 tuổi của bạn gái quý vị cũng sống với quý vị cả năm. Cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị và vì cháu là trẻ đủ điều kiện của bạn gái quý vị, cháu không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị (tham khảo mục *Tiêu Chí Không Phải Trẻ Đủ Điều Kiện* ở chương 3). Vì vậy, cháu không phải là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích xác định tình trạng chủ hộ gia đình.

Nhà của người đủ điều kiện. Thông thường, người đủ điều kiện phải sống với quý vị hơn nửa năm.

Quy tắc đặc biệt dành cho cha mẹ. Nếu người đủ điều kiện của quý vị là cha hoặc mẹ của quý vị, quý vị có thể đủ tiêu chuẩn nộp hồ sơ khai thuế với tư cách chủ hộ gia đình kể cả khi cha hoặc mẹ của quý vị không sống với quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải có thể khai báo cha hoặc mẹ mình là người phụ thuộc. Ngoài ra, quý vị phải trả hơn một nửa chi phí duy trì ngôi nhà là nơi ở chính trong cả năm cho cha hoặc mẹ mình.

Nếu quý vị trả hơn một nửa chi phí cho cha mẹ ở nhà an dưỡng hoặc nhà dành cho người cao tuổi, quý vị được coi là đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nơi ở chính cho cha mẹ quý vị.

Qua đời hoặc sinh ra. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách chủ hộ gia đình kể cả khi cá nhân giúp quý vị đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế này được sinh ra hoặc qua đời trong năm. Nếu cá nhân đó là trẻ đủ điều kiện của quý vị, thì trẻ phải sống với quý vị hơn một thời gian khi còn sống. Nếu cá nhân đó là bất kỳ ai khác, tham khảo Ấn phẩm 501.

Vắng mặt tạm thời. Quý vị và người đủ điều kiện của quý vị được coi là sống cùng nhau kể cả khi một hoặc cả hai người tạm thời vắng mặt ở nhà vì những hoàn cảnh đặc biệt, ví dụ như bệnh tật, giáo dục, kinh doanh, nghỉ dưỡng, nghĩa vụ quân sự hoặc bị giam giữ trong cơ sở dành cho trẻ vị thành niên. Quý vị phải có thể giả định hợp lý rằng người vắng mặt sẽ trở về nhà sau thời gian tạm vắng. Quý vị phải tiếp tục duy trì nhà ở trong thời gian vắng mặt.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách chủ hộ gia đình kể cả khi đứa trẻ là người đủ điều kiện của quý vị bị bắt cóc. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 501.

Người góa vợ/chồng đủ điều kiện

Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2020, quý vị có thể sử dụng tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế cho năm 2020 nếu quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này khi vợ/chồng của quý vị còn sống. Năm mất là năm cuối cùng mà quý vị có thể khai thuế chung với người vợ/chồng đã qua đời của mình. Xem mục *Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế* ở phần trên.

Quý vị có thể đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế người góa vợ/chồng đủ điều kiện trong 2 năm sau năm vợ/chồng của quý vị qua đời. Ví dụ: nếu vợ/chồng của quý vị qua đời vào năm 2019 và quý vị chưa tái hôn, quý vị có thể sử dụng tình trạng khai thuế này cho năm 2020 và 2021.

Tình trạng khai thuế này cho phép quý vị sử dụng thuế suất khai thuế chung và mức khấu trừ tiêu chuẩn cao nhất (nếu quý vị không khấu trừ từng khoản). Tình trạng này không cho phép quý vị khai thuế chung.

Cách nộp hồ sơ khai thuế. Chọn tình trạng khai thuế của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô "Người góa vợ/chồng đủ điều kiện" trên dòng *Tình Trạng Khai Thuế* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu đứa trẻ giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này không được khai báo là người phụ thuộc của quý vị trong phần *Người Phụ Thuộc* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Tình Trạng Khai Thuế*. Sử dụng cột *Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế* của Khung Thuế Suất, hoặc Phần B của Mẫu Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

Quy tắc đủ điều kiện. Quý vị đủ điều kiện nộp hồ sơ khai thuế năm 2020 với tình trạng khai thuế người góa vợ/chồng đủ điều kiện nếu quý vị đáp ứng tất cả các tiêu chí sau.

- Quý vị có quyền khai thuế chung với vợ/chồng của quý vị trong năm vợ/chồng của quý vị qua đời. Quý vị không nhất thiết đã khai thuế chung trên thực tế.
- Vợ/chồng của quý vị đã qua đời trong năm 2018 hoặc 2019 và quý vị không tái hôn trước khi kết thúc năm 2020.
- Quý vị có con hoặc con riêng (không phải con nuôi) mà quý vị có thể khai báo là người phụ thuộc hoặc đã có thể khai báo là người phụ thuộc ngoại trừ trường hợp, cho năm 2020:

  a. Trẻ có tổng thu nhập từ $4.300 trở lên,

  b. Trẻ đã khai thuế chung, hoặc

  c. Quý vị có thể là đối tượng khai báo người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của người khác.

  Nếu trẻ không được khai báo là người phụ thuộc của quý vị trong phần *Người Phụ Thuộc* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Tình Trạng Khai Thuế*. Nếu quý vị không điền tên, chúng tôi sẽ mất nhiều thời gian hơn để xử lý hồ sơ khai thuế của quý vị.
- Trẻ đã sống trong nhà quý vị cả năm, ngoại trừ những lần vắng mặt tạm thời. Xem phần *Vắng*

Bảng 2-1. **Ai Là Người Đủ Điều Kiện Giúp Quý Vị Đủ Tiêu Chuẩn Khai Thuế Với Tư Cách Chủ Gia Đình?**[1]

Chú ý. Xem nội dung của chương này để nắm được những yêu cầu khác mà quý vị phải đáp ứng để xin xét tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình.

NẾU với quý vị người đó là . . .	**VÀ. . .**	**THÌ người đó là. . .**
trẻ đủ điều kiện (ví dụ như con trai, con gái hoặc cháu đã sống với quý vị hơn nửa năm và đáp ứng một số tiêu chí khác)[2]	người này độc thân	người đủ điều kiện, cho dù trẻ có đáp ứng *Tiêu Chí Xét Tình Trạng Công Dân hoặc Thường Trú Nhân* trong chương 3 hay không.
	người này đã kết hôn **và** quý vị có thể khai báo họ là người phụ thuộc	người đủ điều kiện.
	người này đã kết hôn **và** quý vị không thể khai báo họ là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.[3]
thân nhân đủ điều kiện[4] là cha hoặc mẹ của quý vị	quý vị có thể khai báo họ là người phụ thuộc[5]	người đủ điều kiện.[6]
	quý vị không thể khai báo họ là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.
thân nhân đủ điều kiện[4] ngoài cha hoặc mẹ của quý vị (ví dụ như ông bà, anh/em trai hoặc chị/em gái đáp ứng các tiêu chí nhất định)	người này đã sống với quý vị hơn nửa năm **và** có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục *Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị* ở chương 3 **và** quý vị có thể khai báo họ là người phụ thuộc[5]	người đủ điều kiện.
	người này đã không sống với quý vị hơn nửa năm	không phải là người đủ điều kiện.
	không có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục *Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị* ở chương 3 **và chỉ** là thân nhân đủ điều kiện của quý vị vì họ đã sống với quý vị cả năm với tư cách là thành viên trong gia đình quý vị	không phải là người đủ điều kiện.
	quý vị không thể khai báo họ là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.

[1] Một người không thể giúp nhiều hơn một người nộp thuế đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình trong năm.

[2] Thuật ngữ trẻ đủ điều kiện được định nghĩa ở chương 3. **Lưu ý.** Nếu quý vị là cha mẹ không bảo dưỡng, thì thuật ngữ "trẻ đủ điều kiện" cho tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình không bao gồm trẻ đủ điều kiện chỉ dựa trên các quy tắc được mô tả ở phần *Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau)* trong mục *Trẻ Đủ Điều Kiện* ở chương 3. Nếu quý vị là cha mẹ bảo dưỡng và những quy tắc trên áp dụng, thì đứa trẻ đó thường là trẻ đủ điều kiện của quý vị cho tình trạng khai thuế chủ hộ gia đình mặc dù đứa trẻ đó không phải là trẻ đủ điều kiện mà quý vị có thể khai báo là người phụ thuộc.

[3] Người này là người đủ điều kiện nếu lý do duy nhất khiến quý vị không thể khai báo họ là người phụ thuộc là vì quý vị, hoặc vợ/chồng của quý vị nếu nộp hồ sơ khai thuế chung, có thể là đối tượng khai báo người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của người khác.

[4] Thuật ngữ thân nhân đủ điều kiện được định nghĩa ở chương 3.

[5] Nếu quý vị có thể khai báo một người là người phụ thuộc chỉ vì thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, người đó không phải là người đủ điều kiện. Xem mục *Thỏa Thuận Cấp Dưỡng Đa Phương* ở chương 3.

[6] Xem *Quy tắc đặc biệt dành cho cha mẹ* trong mục *Người Đủ Điều Kiện*, ở phần trước.

mặt tạm thời, trong mục *Chủ Gia Đình*. Có một số trường hợp ngoại lệ, được mô tả ở phần sau, đối với trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm và đối với trẻ bị bắt cóc.

- Quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm. Xem phần *Duy Trì Nhà Ở*, trong mục *Chủ Gia Đình*.

Ví dụ: Vợ của John mất năm 2018. John chưa tái hôn. Trong suốt năm 2019 và 2020, John tiếp tục duy trì nhà ở cho bản thân và con của mình, người sống với anh và người mà anh có thể khai báo là người phụ thuộc. Trong năm 2018, John có quyền nộp hồ sơ khai thuế chung cho mình và người vợ đã khuất. Trong năm 2019 và 2020, anh có thể nộp hồ sơ khai thuế với tư cách người góa vợ đủ điều kiện. Sau năm 2020, anh có thể khai thuế với tư cách chủ hộ gia đình nếu đủ điều kiện.

Qua đời hoặc sinh ra. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách người góa vợ/chồng đủ điều kiệnkhi đứa trẻ giúp quý vị đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế này được sinh ra hoặc qua đời trong năm. Quý vị phải trả hơn một nửa chi phí duy trì ngôi nhà là nơi ở chính của trẻ trong suốt thời gian trẻ còn sống.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách người góa vợ/chồng đủ điều kiện kể cả khi đứa trẻ giúp quý vị đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế này đã bị bắt cóc. Xem Ấn phẩm 501.

CAUTION *Như đã đề cập ở phần trên, tình trạng khai thuế này chỉ có hiệu lực trong 2 năm sau năm vợ/chồng của quý vị qua đời.*

3.

Người phụ thuộc

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Người phụ thuộc – Thông thường, quý vị có thể khai báo trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của mình là người phụ thuộc.
- Yêu cầu về số an sinh xã hội (SSN) đối với người phụ thuộc-quý vị phải khai SSN của bất kỳ người nào mà quý vị khai báo là người phụ thuộc.

Cách khai báo người phụ thuộc. Trên trang 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên người phụ thuộc của quý vị vào phần *Người Phụ Thuộc*.

Bảng 3-1. **Tổng Quan Về Các Quy Tắc Khai Báo Người Phụ Thuộc**

Chú ý. Bảng này chỉ là tổng quan về các quy tắc. Để biết chi tiết, xem phần còn lại của chương này.

- Quý vị không thể khai báo bất kỳ người phụ thuộc nào nếu quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung) có thể là đối tượng khai báo người phụ thuộc của một người nộp thuế khác.
- Quý vị không thể khai báo một người đã kết hôn khai thuế chung là người phụ thuộc trừ khi hồ sơ khai thuế chung đó chỉ được nộp để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.
- Quý vị không thể khai báo một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là công dân Hoa Kỳ, ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ, người mang quốc tịch Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân của Canada hoặc Mexico.[1]
- Quý vị không thể khai báo một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là **trẻ đủ điều kiện** hoặc **thân nhân đủ điều kiện**của quý vị.

Tiêu Chí Để Xác Định Trẻ Đủ Điều Kiện	Tiêu Chí Để Xác Định Thân Nhân Đủ Điều Kiện
1. Trẻ phải là con trai, con gái, con riêng, trẻ nhận nuôi, anh/em trai, chị/em gái, anh/em trai cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha, chị/em gái cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha, anh/em trai là con riêng của mẹ kế/cha dượng, chị/em gái là con riêng của mẹ kế/cha dượng của quý vị, hoặc hậu duệ của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên. 2. Trẻ phải (a) dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung); (b) dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm, là học sinh/sinh viên và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung); hoặc (c) ở bất kỳ độ tuổi nào nếu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn. 3. Trẻ phải sống với quý vị hơn nửa năm.[2] 4. Trẻ không được cấp dưỡng hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. 5. Trẻ không được khai thuế chung trong năm (trừ khi hồ sơ khai thuế đó được nộp chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp). Nếu trẻ đáp ứng các quy tắc để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người, chỉ một người có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện. Xem mục *Trẻ Đủ Điều Kiện Của Nhiều Hơn Một Người* ở phần sau để tìm hiểu ai là người có quyền khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện.	1. Người đó không thể là trẻ đủ điều kiện của quý vị hoặc trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người nộp thuế nào khác. 2. Người đó (a) phải có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục *Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị*, hoặc (b) phải sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị[2] (và mối quan hệ của hai người không được vi phạm luật địa phương). 3. Tổng thu nhập của trong năm của người đó phải dưới $4.300.[3] 4. Quý vị phải cung cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ cho người đó trong năm.[4]

[1] Có ngoại lệ đối với trường hợp con nuôi.

[2] Có ngoại lệ đối với trường hợp vắng mặt tạm thời, trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), và trẻ bị bắt cóc.

[3] Có trường hợp ngoại lệ nếu người đó là người khuyết tật và có thu nhập từ nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật.

[4] Có ngoại lệ đối với trường hợp thỏa thuận trợ cấp đa phương, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), và trẻ bị bắt cóc.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **501** Người Phụ Thuộc, Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế
- ❑ **503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em Và Người Phụ Thuộc
- ❑ **526** Đóng góp từ thiện (tiếng Anh)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **2120** Tuyên Bố Cấp Dưỡng Đa Phương
- ❑ **8332** Tuyên Bố Nhường Quyền/Thu Hồi Tuyên Bố Nhường Quyền Yêu Cầu Miễn Thuế Đối Với Con Của Cha/Mẹ Bảo Dưỡng

Người phụ thuộc

Thuật ngữ "người phụ thuộc" có nghĩa là:

- Trẻ đủ điều kiện, hoặc
- Thân nhân đủ điều kiện.

Thuật ngữ trẻ đủ điều kiện và thân nhân đủ điều kiện được định nghĩa ở phần sau.

Tất cả những yêu cầu cần đáp ứng để khai báo người phụ thuộc được tóm tắt trong Bảng 3-1.

Quản gia, người giúp việc hoặc người phục vụ. Nếu những người này làm việc cho quý vị, quý vị không thể khai báo họ là người phụ thuộc.

Tín thuế trẻ em. Quý vị có thể được hưởng tín thuế trẻ em cho trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi tại thời điểm cuối năm nếu quý vị khai báo đứa trẻ đó là người phụ thuộc. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 14.

Tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác. Quý vị có thể được hưởng tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác đối với mỗi trẻ đủ điều kiện không phải là trẻ đủ điều kiện nhận tín thuế trẻ em và đối với mỗi thân nhân đủ điều kiện. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 14.

Ngoại lệ

Kể cả khi quý vị có trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện, quý vị chỉ có thể khai báo người đó là người phụ thuộc khi đáp ứng ba tiêu chí dưới đây.

1. Tiêu chí đối với người nộp thuế về người phụ thuộc.
2. Tiêu chí về khai thuế chung.
3. Tiêu chí xét tình trạng cư trú.

Ba tiêu chí này được giải thích chi tiết ở đây.

Tiêu Chí Đối Với Người Nộp Thuế Về Người Phụ Thuộc

Nếu quý vị có thể là đối tượng khai báo người phụ thuộc của một người khác, quý vị không thể khai báo bất kỳ ai khác là người phụ thuộc. Kể cả khi quý vị có trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện, quý vị không thể khai báo người đó là người phụ thuộc.

Nếu quý vị đang khai thuế chung và vợ/chồng của quý vị có thể là đối tượng khai báo người phụ thuộc của người khác, quý vị và vợ/chồng của quý vị không thể khai báo bất kỳ người phụ thuộc nào trên hồ sơ khai thuế chung của mình.

Tiêu Chí Về Khai Thuế Chung

Thông thường, quý vị không thể khai báo một người đã kết hôn là người phụ thuộc nếu người đó khai thuế chung.

Trường hợp ngoại lệ. Quý vị có thể khai báo một người khai thuế chung là người phụ thuộc nếu người đó và vợ/chồng của họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1-Trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung. Quý vị chu cấp cho cô con gái 18 tuổi của mình và cô đã sống với quý vị cả năm trong khi chồng cô tham gia Lực Lượng Vũ Trang. Anh ta kiếm được $25.000 trong năm. Cặp vợ chồng này khai thuế chung. Quý vị không thể khai báo con gái mình là người phụ thuộc.

Ví dụ 2-Trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế đã khấu lưu. Con trai 18 tuổi của quý vị và người vợ 17 tuổi có $800 tiền lương từ công việc bán thời gian và không có thu nhập nào khác. Hai cháu đã sống với quý vị cả năm. Cả hai không bắt buộc phải nộp hồ sơ khai thuế chung. Hai cháu không có con. Thuế đã được trừ từ lương của hai vợ chồng nên hai cháu khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn lại số tiền thuế khấu lưu. Trường hợp ngoại lệ cho tiêu chí về khai thuế chung được áp dụng, vì vậy quý vị không mất quyền khai báo từng người trong số họ là người phụ thuộc chỉ vì họ khai thuế chung. Quý vị có thể khai báo mỗi người trong số họ là người phụ thuộc nếu đáp ứng tất cả các tiêu chí xác định người phụ thuộc.

Ví dụ 3-Trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ không có khoản thuế nào được khấu trừ từ tiền lương của con trai quý vị hoặc của vợ anh. Tuy nhiên, họ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ với giá trị $124 và được hoàn lại số tiền này. Vì yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ là lý do để họ nộp hồ sơ khai thuế, họ không nộp hồ sơ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp. Trường hợp ngoại lệ cho tiêu chí về khai thuế chung không áp dụng, vì vậy quý vị không thể khai báo bất kỳ ai trong số họ là người phụ thuộc.

Tiêu Chí Xét Tình Trạng Cư Trú

Thông thường, quý vị không thể khai báo một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là công dân Hoa Kỳ, ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ, người mang quốc tịch Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân của Canada hoặc Mexico. Tuy nhiên, có một trường hợp ngoại lệ đối với con nuôi, như được giải thích ở phần kế tiếp.

Ngoại lệ đối với con nuôi. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc người mang quốc tịch Hoa Kỳ đã nhận nuôi hợp pháp một đứa trẻ không phải là công dân Hoa Kỳ, ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ hoặc người mang quốc tịch Hoa Kỳ, thì tiêu chí này được đáp ứng nếu đứa trẻ đó sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị cả năm. Trường hợp ngoại lệ này cũng áp dụng nếu trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp của quý vị.

Nơi thường trú của trẻ. Trẻ thường là công dân hoặc thường trú nhân tại quốc gia của cha mẹ mình.

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ khi con quý vị được sinh ra, trẻ có thể là công dân Hoa Kỳ và đáp ứng tiêu chí này kể cả khi người cha/mẹ kia là ngoại nhân không thường trú và trẻ được sinh ra ở nước ngoài.

Nơi thường trú của học sinh/sinh viên nước ngoài. Sinh viên nước ngoài được đưa đến đất nước này theo chương trình trao đổi giáo dục quốc tế đủ điều kiện và được đưa vào nhà người Mỹ trong một khoảng thời gian tạm thời thường không phải là thường trú nhân Hoa Kỳ và không đáp ứng tiêu chí này. Quý vị không thể khai báo họ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, nếu quý vị cung cấp nhà ở cho sinh viên nước ngoài, quý vị có thể được khấu trừ đóng góp từ thiện. Xem *Chi Phí Trả Cho Học Sinh/Sinh Viên Nước Ngoài Sống Cùng Quý Vị* trong Ấn phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện.

Người mang quốc tịch Hoa Kỳ. Người mang quốc tịch Hoa Kỳ là một cá nhân, mặc dù không phải là công dân Hoa Kỳ, nhưng có nghĩa vụ trung thành với Hoa Kỳ. Người mang quốc tịch Hoa Kỳ bao gồm Người Samoa Thuộc Hoa Kỳ và Cư Dân Quần Đảo Bắc Mariana đã chọn trở thành người mang quốc tịch Hoa Kỳ thay vì công dân Hoa Kỳ.

Trẻ Đủ Điều Kiện

Trẻ phải đáp ứng năm tiêu chí để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Năm tiêu chí này bao gồm:

1. Mối Quan Hệ,
2. Tuổi Tác,
3. Tình Trạng Cư Trú,
4. Hỗ Trợ, và
5. Khai Thuế Chung.

Các tiêu chí này được giải thích trong phần kế tiếp.

CAUTION *Nếu trẻ đáp ứng năm tiêu chí để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người, có các quy tắc mà quý vị phải áp dụng để xác định người nào có thể thực sự khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện. Xem mục* Trẻ Đủ Điều Kiện Của Nhiều Hơn Một Người *ở phần sau.*

Tiêu Chí Mối Quan Hệ

Để đáp ứng tiêu chí này, trẻ phải là:

- Con trai, con gái, con riêng của vợ hay của chồng, con nuôi của quý vị, hoặc hậu duệ (ví dụ, cháu gọi là ông/bà) của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên; hoặc
- Anh em trai, chị em gái, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, con riêng của bố/mẹ hoặc hậu duệ (ví dụ như cháu) của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của quý vị. Thuật ngữ "con nuôi" bao gồm trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp của quý vị.

Trẻ nhận nuôi. Trẻ nhận nuôi là một cá nhân được đưa tới sống với quý vị bởi một cơ quan có thẩm quyền sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em hoặc theo bản án, án lệnh hoặc phán quyết khác của tòa án có thẩm quyền.

Tiêu Chí Tuổi Tác

Để đáp ứng tiêu chí này, trẻ phải là:

- Dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung);
- Học sinh/sinh viên dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung); hoặc
- Ở bất kỳ độ tuổi nào nếu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn vào thời điểm bất kỳ trong năm.

Ví dụ: Con trai quý vị tròn 19 tuổi vào ngày 10 tháng 12. Trừ khi cháu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn hoặc là học sinh/sinh viên, cháu sẽ không đáp ứng tiêu chí tuổi tác vì, tại thời điểm cuối năm, cháu không **dưới** 19 tuổi.

Trẻ phải nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị. Để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị, trẻ không bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn phải nhỏ tuổi hơn quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, trẻ phải nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị nhưng không nhất thiết phải nhỏ tuổi hơn cả hai vợ chồng.

Ví dụ 1-Trẻ không nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị. Anh trai của quý vị 23 tuổi, đang là sinh viên và chưa lập gia đình, sống với hai vợ chồng quý vị. Quý vị chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ cho anh ấy. Anh ấy không bị khuyết tật. Hai vợ chồng quý vị đều 21 tuổi, và quý vị khai thuế chung. Anh trai của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì anh ấy không nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị.

Ví dụ 2-Trẻ nhỏ tuổi hơn vợ/chồng của quý vị nhưng không nhỏ tuổi hơn quý vị. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ vợ/chồng của quý vị 25 tuổi. Vì anh trai của quý vị nhỏ tuổi hơn vợ/chồng của quý vị và hai vợ chồng quý vị khai thuế

chung, anh trai của quý vị là trẻ đủ điều kiện của quý vị, mặc dù anh ấy không nhỏ tuổi hơn quý vị.

Định nghĩa học sinh/sinh viên. Để đủ điều kiện là học sinh/sinh viên, trong một khoảng thời gian nào đó của mỗi 5 tháng bất kỳ trong năm theo niên lịch, trẻ phải là:

1. Học sinh/sinh viên toàn thời gian tại một trường học có đội ngũ giáo viên giảng dạy, khóa học thường xuyên và một nhóm học sinh/sinh viên thường xuyên theo học tại trường; hoặc
2. Học sinh/sinh viên tham gia khóa đào tạo toàn thời gian tại trang trại do một trường học được mô tả trong (1), hoặc của tiểu bang, quận hoặc cơ quan chính quyền địa phương tổ chức.

5 tháng theo niên lịch không nhất thiết phải diễn ra liên tiếp.

Sinh viên toàn thời gian. Sinh viên toàn thời gian là học sinh/sinh viên đăng ký số giờ học hoặc các khóa học mà theo tiêu chuẩn của trường học là toàn thời gian.

Định nghĩa trường học. Trường học có thể là trường tiểu học; trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông; trường cao đẳng; trường đại học; hoặc trường kỹ thuật, dạy nghề, hoặc cơ khí. Tuy nhiên, khóa đào tạo tại chỗ, trường đào tạo từ xa hoặc trường chỉ cung cấp các khóa học qua Internet không được tính là trường học.

Học sinh trung học dạy nghề. Sinh viên tham gia chương trình "co-op" (thực tập hưởng lương) trong ngành/nghề kinh doanh tư nhân như một phần của khóa học chính quy tại trường và đào tạo thực hành được coi là học sinh/sinh viên toàn thời gian.

Khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn. Trẻ bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn nếu cả hai điều kiện sau áp dụng.

- Trẻ không thể tham gia vào bất kỳ hoạt động có lợi đáng kể nào vì tình trạng thể chất hoặc tinh thần.
- Bác sĩ xác định tình trạng này đã kéo dài hoặc có thể kéo dài liên tục trong ít nhất một năm hoặc có thể dẫn đến tử vong.

Tiêu Chí Xét Tình Trạng Cư Trú

Để đáp ứng tiêu chí này, trẻ phải sống với quý vị hơn nửa năm. Có những ngoại lệ cho trường hợp vắng mặt tạm thời, trẻ sinh ra hoặc qua đời trong năm, trẻ bị bắt cóc, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân.

Vắng mặt tạm thời. Trẻ được coi là đã sống với quý vị trong khoảng thời gian khi một trong hai người hoặc cả hai tạm thời vắng mặt vì những hoàn cảnh đặc biệt như:

- Bệnh tật,
- Giáo dục,
- Làm việc,
- Nghỉ dưỡng,
- Phục vụ trong quân ngũ, hoặc
- Bị giam giữ tại cơ sở dành cho trẻ vị thành niên.

Trẻ qua đời hoặc được sinh ra. Trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm được coi là đã sống với quý vị hơn nửa năm nếu nhà của quý vị là nơi ở của trẻ trong hơn một nửa thời gian khi trẻ còn sống trong năm. Quy tắc này cũng áp dụng nếu trẻ sống với quý vị hơn nửa năm ngoại trừ khoảng thời gian bắt buộc nằm viện sau khi sinh.

Trẻ còn sống khi sinh. Quý vị có thể khai báo người phụ thuộc đối với trẻ còn sống khi sinh trong năm, kể cả khi trẻ chỉ sống trong giây lát. Luật của tiểu bang hoặc địa phương phải coi trẻ là còn sống khi sinh. Phải có bằng chứng cho thấy trẻ còn sống khi sinh thể hiện trên tài liệu chính thức, ví dụ như giấy khai sinh. Trẻ phải là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của quý vị và tất cả các tiêu chí khác để khai báo trẻ là người phụ thuộc phải được đáp ứng.

Trẻ chết trước khi sinh. Quý vị không thể khai báo trẻ chết trước khi sinh là người phụ thuộc.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể coi trẻ đã đáp ứng tiêu chí xét tình trạng cư trú kể cả khi trẻ bị bắt cóc. Xem Ấn phẩm 501 để tìm hiểu chi tiết.

Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau). Trong hầu hết các trường hợp, do tiêu chí xét tình trạng cư trú, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ bảo dưỡng. Tuy nhiên, trẻ sẽ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ không bảo dưỡng nếu cả bốn điều kiện sau đều đúng.

1. Cha mẹ:
   a. Đã ly hôn hoặc ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân;
   b. Đã ly thân theo thỏa thuận ly thân bằng văn bản; hoặc
   c. Đã không sống cùng nhau vào mọi thời điểm trong 6 tháng cuối năm, cho dù họ đã hay đã từng kết hôn.
2. Trẻ đã nhận được hơn một nửa số tiền cấp dưỡng của mình trong năm từ cha mẹ.
3. Trẻ thuộc quyền giám hộ của cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ trong hơn nửa năm.
4. Một trong hai điều kiện sau đây là đúng.
   a. Cha/mẹ bảo dưỡng ký văn bản tuyên bố, được thảo luận ở phần sau, rằng họ sẽ không khai báo trẻ là người phụ thuộc trong năm, và cha/mẹ không bảo dưỡng sẽ đính kèm văn bản tuyên bố này vào hồ sơ khai thuế của mình. (Nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 1984 và trước năm 2009, xem mục *Lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 1984 và trước năm 2009*, được thảo luận ở phần sau. Nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 2008, xem mục *Lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 2008*, được thảo luận ở phần sau.)
   b. Lệnh cho phép ly hôn, lệnh cấp dưỡng sau ly thân hoặc văn bản thỏa thuận ly thân trước năm 1985 áp dụng cho năm 2020 nêu rõ rằng cha/mẹ không bảo dưỡng có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc, án lệnh hoặc thỏa thuận không thay đổi sau năm 1984 để quy định rằng cha/mẹ không bảo dưỡng không thể khai báo trẻ là người phụ thuộc đồng thời cha/mẹ không bảo dưỡng cung cấp tối thiểu $600 tiền cấp dưỡng cho trẻ trong năm.

Nếu tất cả các điều kiện từ (1) đến (4) đều đúng, thì chỉ có cha/mẹ không bảo dưỡng mới có thể:

- Khai báo trẻ là người phụ thuộc, và
- Khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em hoặc tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác.

Tuy nhiên, điều này không cho phép cha/mẹ không bảo dưỡng xin xét tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, tín thuế thu nhập từ việc làm hoặc tín thuế cho bảo hiểm y tế. Thao khảo mục *Áp dụng quy tắc người chiến thắng chung cuộc đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau)* ở phần sau.

Ví dụ-Tín thuế thu nhạp từ việc làm. Kể cả khi các điều kiện từ (1) đến (4) đều đúng và cha/mẹ bảo dưỡng ký Mẫu 8332 hoặc một tuyên bố cơ bản tương tự trong đó nêu rõ rằng họ sẽ không khai báo trẻ là người phụ thuộc trong năm 2020, điều này không cho phép cha/mẹ không bảo dưỡng khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện để xin xét tín thuế thu nhập từ việc làm. Cha/mẹ bảo dưỡng hoặc người nộp thuế khác, nếu đủ điều kiện, có thể khai báo trẻ để nhận tín thuế thu nhập từ việc làm.

Cha/mẹ bảo dưỡng và cha/mẹ không bảo dưỡng. Cha/mẹ bảo dưỡng là cha/mẹ mà trẻ đã sống với số đêm nhiều hơn trong năm. Người cha/mẹ còn lại là cha/mẹ không bảo dưỡng.

Nếu cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân trong năm và trẻ sống với cả cha và mẹ trước khi ly thân thì cha/mẹ bảo dưỡng là người mà trẻ em đã sống cùng nhiều đêm hơn trong thời gian còn lại của năm.

Trẻ được coi là sống với cha/mẹ trong một đêm nếu trẻ ngủ:

- Ở nhà của cha/mẹ, dù người đó có mặt hay không; hoặc
- Ở nơi có mặt cha/mẹ, khi trẻ không ngủ ở nhà của cha/mẹ (ví dụ, cha/mẹ và con đi nghỉ cùng nhau).

Số đêm bằng nhau. Nếu trẻ sống với cha và mẹ với một số đêm bằng nhau trong năm, cha/mẹ nuôi dưỡng là người có tổng thu nhập đã điều chỉnh (Adjusted Gross Income, AGI) cao hơn.

31 tháng 12. Đêm 31 tháng 12 được coi là một phần của năm. Ví dụ: đêm ngày 31 tháng 12 năm 2020 được coi là một phần của năm 2020.

Trẻ sống độc lạp. Nếu tình trạng của trẻ là sống độc lập theo luật tiểu bang, trẻ được coi là không sống với cha hoặc mẹ. Xem *Ví dụ 5* và *6*.

Vắng mặt. Nếu trẻ không ở cùng cha/mẹ vào một đêm cụ thể (ví dụ, trẻ ở nhà một người bạn), trẻ được coi là sống với cha/mẹ mà trẻ thường sống cùng trong đêm đó, trừ trường hợp vắng mặt. Nhưng nếu không thể xác định trẻ thường sống với cha hay mẹ hoặc nếu đứa trẻ không sống với cha hoặc mẹ vào đêm đó, trẻ được coi là không sống với cha hoặc mẹ vào đêm đó.

Cha/mẹ làm việc vào ban đêm. Nếu do lịch trình làm việc ban đêm của cha/mẹ, trẻ sống trong nhiều ngày hơn, mà không phải đêm, với cha/mẹ làm việc vào ban đêm, người đó được coi là cha/mẹ bảo dưỡng. Vào ngày đi học, trẻ được coi là đang sống tại nơi ở chính đã đăng ký với trường.

Ví dụ 1-Trẻ sống với cha hoặc mẹ trong nhiều đêm hơn. Hai vợ chồng quý vị đã ly hôn và có con. Trong năm 2020, con sống với quý vị 210

đêm và với vợ/chồng cũ của quý vị 156 đêm. Quý vị là cha mẹ bảo dưỡng.

Ví dụ 2-Trẻ đi trại hè. Trong năm 2020, con gái của quý vị luân phiên sống với cha/mẹ mỗi tuần. Vào mùa hè, con đi trại hè 6 tuần. Trong thời gian ở trại hè, con được coi là sống với quý vị trong 3 tuần và với vợ/chồng cũ của quý vị là cha/mẹ của trẻ trong 3 tuần vì đây là khoảng thời gian trẻ sẽ sống với mỗi người nếu trẻ không đi trại hè.

Ví dụ 3-Trẻ em sống với cha và mẹ trong số đêm bằng nhau. Con trai của quý vị sống với quý vị 180 đêm trong năm và cũng sống với vợ/chồng cũ của quý vị, cha/mẹ của con, 180 đêm. AGI của quý vị là $40.000. AGI của vợ/chồng cũ của quý vị là $25.000. Quý vị được coi là cha mẹ bảo dưỡng của con trai quý vị vì quý vị có AGI cao hơn.

Ví dụ 4-Trẻ ở nhà của cha/mẹ nhưng với người cha/mẹ còn lại. Con trai của quý vị thường sống với quý vị trong tuần và với vợ/chồng cũ của quý vị là cha/mẹ của trẻ vào mỗi cuối tuần. Quý vị bị ốm và phải nhập viện. Vợ/chồng cũ sống trong nhà của quý vị với con trai của quý vị trong 10 ngày liên tục khi quý vị ở bệnh viện. Con trai của quý vị được coi là sống với quý vị trong khoảng thời gian 10 ngày này vì con sống trong nhà của quý vị.

Ví dụ 5-Trẻ sống độc lạp từ tháng 5. Khi con trai quý vị tròn 18 tuổi vào tháng 5 năm 2020, con trai của quý vị được coi là sống độc lập theo luật của bang nơi con sinh sống. Vì vậy, con không thuộc quyền giám hộ của cha mẹ mình trong hơn nửa năm. Quy tắc đặc biệt đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân không được áp dụng.

Ví dụ 6-Trẻ sống độc lạp từ tháng 8. Con gái của quý vị sống với quý vị từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 5 năm 2020 và sống với vợ/chồng cũ của quý vị là cha/mẹ của trẻ từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến hết năm. Trẻ tròn 18 tuổi và được coi là sống độc lập theo luật tiểu bang vào ngày 1 tháng 8 năm 2020. Vì trẻ được coi là không sống với cha/mẹ kể từ ngày 1 tháng 8, trẻ được coi là sống với quý vị với số đêm nhiều hơn trong năm 2020. Quý vị là cha mẹ bảo dưỡng.

Tuyên bố bằng văn bản. Cha mẹ bảo dưỡng phải sử dụng Mẫu 8332 hoặc một tài liệu tương tự (với cùng thông tin theo yêu cầu trên biểu mẫu) để đưa ra tuyên bố bằng văn bản qua đó nhường quyền yêu cầu miễn thế đối với trẻ cho chamẹ không bảo dưỡng. Mặc dù số tiền miễn thuế bằng 0 cho năm chịu thuế 2020, nhưng văn bản này cho phép cha/mẹ không bảo dưỡng xin xét tín thuế trẻ em, tín thuế trẻ em bổ sung và tín thuế cho những người phụ thuộc khác, nếu có, cho trẻ. Cha mẹ không bảo dưỡng phải đính kèm bản sao của biểu mẫu hoặc tuyên bố vào hồ sơ khai thuế của mình.

Quyền yêu cầu miễn thuế có thể có giá trị cho 1 năm, cho một số năm cụ thể (ví dụ: cách năm) hoặc cho tất cả các năm trong tương lai, như được nêu cụ thể trong tuyên bố.

Án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 1984 và trước năm 2009. Nếu án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân có hiệu lực sau năm 1984 và trước năm 2009, cha mẹ không bảo dưỡng có thể đính kèm một số trang nhất định từ án lệnh hoặc thỏa thuận thay cho Mẫu 8332. Án lệnh hoặc thỏa thuận phải nêu rõ ba nội dung sau.

1. Cha mẹ không bảo dưỡng có thể khai báo con là người phụ thuộc mà không cần quan tâm đến bất kỳ điều kiện nào, ví dụ như trả tiền hỗ trợ.
2. Cha mẹ không bảo dưỡng sẽ không khai báo con là người phụ thuộc trong năm.
3. Những năm mà cha mẹ không bảo dưỡng, thay vì cha mẹ bảo dưỡng, có thể khai báo con là người phụ thuộc.

Cha mẹ không bảo dưỡng phải đính kèm tất cả các trang sau đây của án lệnh hoặc thỏa thuận vào hồ sơ khai thuế của mình.

- Trang bìa (ghi số an sinh xã hội của người cha/mẹ còn lại trên trang này).
- Các trang bao gồm tất cả thông tin đã nêu trong mục (1) đến (3) ở trên.
- Trang chữ ký có chữ ký của người cha/mẹ còn lại và ngày của thỏa thuận.

Án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 2008. Cha mẹ không bảo dưỡng không thể đính kèm các trang từ án lệnh hoặc thỏa thuận thay cho Mẫu 8332 nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 2008. Cha mẹ bảo dưỡng phải ký Mẫu 8332 hoặc một tuyên bố tương tự với mục đích duy nhất là nhường quyền yêu cầu miễn thuế của cha mẹ bảo dưỡng đối với con, và cha mẹ không bảo dưỡng phải đính kèm một bản sao vào hồ sơ khai thuế của họ. Biểu mẫu hoặc tuyên bố phải nhường quyền yêu cầu của cha mẹ bảo dưỡng đối với con mà không kèm theo bất kỳ điều kiện nào. Ví dụ: việc nhường quyền không được phụ thuộc vào việc chi trả tiền hỗ trợ của cha mẹ không bảo dưỡng.

CAUTION *Cha mẹ không bảo dưỡng phải đính kèm những thông tin theo yêu cầu kể cả khi thông tin đó đã được nộp cùng với hồ sơ khai thuế trong năm trước đó.*

Thu hồi tuyên bố nhường quyền yêu cầu miễn thuế. Cha mẹ bảo dưỡng có thể thu hồi tuyên bố nhường quyền yêu cầu miễn thuế. Để việc thu hồi có hiệu lực cho năm 2020, cha mẹ bảo dưỡng phải gửi (hoặc nỗ lực hợp lý để gửi) thông báo bằng văn bản về việc thu hồi cho cha mẹ không bảo dưỡng trong năm 2019 hoặc sớm hơn. Cha mẹ bảo dưỡng có thể sử dụng Phần III của Mẫu 8332 cho mục đích này và phải đính kèm bản sao văn bản thu hồi vào hồ sơ khai thuế của mình cho mỗi năm chịu thuế mà họ khai báo con là người phụ thuộc do đã thu hồi.

Cha mẹ tái hôn. Nếu quý vị tái hôn, tiền hỗ trợ do vợ/chồng mới của quý vị cung cấp được coi như do quý vị cung cấp.

Cha mẹ chưa từng kết hôn. Quy tắc đặc biệt dành cho cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân này cũng áp dụng cho cha mẹ chưa từng kết hôn và sống xa nhau tại mọi thời điểm trong 6 tháng cuối năm.

Tiêu Chí Đánh Giá Hỗ Trợ (Để Xác Định Trẻ Đủ Điều Kiện)

Để đáp ứng tiêu chí này, trẻ không thể tự cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm.

Tiêu chí này khác với tiêu chí đánh giá hỗ trợ để xác định thân nhân đủ điều kiện, được mô tả ở phần sau. Tuy nhiên, để tìm hiểu hỗ trợ bao gồm những gì và không bao gồm những gì, xem mục *Tiêu Chí Đánh Giá Hỗ Trợ (Để Xác Định Thân Nhân Đủ Điều Kiện)*, ở phần sau. Nếu quý vị không chắc liệu trẻ có cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân hay không, Mẫu tính toán 3-1 có thể hữu ích với quý vị.

Ví dụ: Quý vị đã chu cấp $4.000 cho cậu con trai 16 tuổi của mình trong năm. Con có một công việc bán thời gian và tự chu cấp $6.000 cho bản thân. Con đã tự chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Con không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị.

Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng. Các khoản thanh toán mà quý vị nhận được để chu cấp cho trẻ nhận nuôi từ cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được coi là tiền hỗ trợ do cơ quan này cung cấp. Tương tự, các khoản thanh toán mà quý vị nhận được để chu cấp cho trẻ nhận nuôi từ tiểu bang hoặc quận được coi là tiền hỗ trợ do tiểu bang hoặc quận cung cấp.

Nếu quý vị không thực hiện hoạt động thương mại hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng và các khoản chi phí tự chi trả chưa được hoàn trả của quý vị khi chăm sóc trẻ nhận nuôi chủ yếu là để mang lại lợi ích cho một tổ chức đủ điều kiện nhận các khoản đóng góp từ thiện được khấu trừ, những chi phí này sẽ được khấu trừ như các khoản đóng góp từ thiện nhưng không được coi là tiền hỗ trợ mà quý vị đã chu cấp. Để tìm hiểu thêm thông tin về khấu trừ các khoản đóng góp từ thiện, xem Ấn phẩm 526. Nếu chi phí chưa được hoàn trả của quý vị không được khấu trừ theo diện đóng góp từ thiện, những chi phí này có thể đủ điều kiện trở thành tiền hỗ trợ mà quý vị đã chu cấp.

Nếu quý vị thực hiện hoạt động thương mại hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng, chi phí chưa được hoàn trả của quý vị không được coi là tiền hỗ trợ mà quý vị đã chu cấp.

Ví dụ 1. Lauren, một trẻ được nhận nuôi, đã sống với ông bà Smith trong 3 tháng cuối năm. Gia đình Smith chăm sóc cho Lauren vì họ muốn nhận cháu làm con nuôi (mặc dù cháu không được sắp xếp để làm con nuôi của họ). Họ không chăm sóc cho Lauren như một hoạt động thương mại hay công việc kinh doanh hay để mang lại lợi ích cho cơ quan đã sắp xếp cháu ở nhà của họ. Các khoản chi phí chưa được hoàn trả của gia đình Smith không được khấu trừ theo diện đóng góp từ thiện nhưng được coi là khoản hỗ trợ mà họ đã cung cấp cho Lauren.

Ví dụ 2. Quý vị đã chu cấp $3.000 cho đứa trẻ 10 tuổi mà quý vị nhận nuôi trong năm. Chính quyền tiểu bang đã chu cấp $4.000 và số tiền này được coi là tiền hỗ trợ do tiểu bang chu cấp không phải do trẻ tự chu cấp. Xem *Hỗ trợ của tiểu bang (trợ cấp, phiếu thực phẩm, nhà ở, v.v.)* ở phần sau. Trẻ nhận nuôi của quý vị đã không tự chu cấp một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm.

Học bổng. Học bổng mà trẻ là học sinh/sinh viên nhận được không được tính đến khi xác định liệu trẻ có tự chu cấp một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân hay không.

Tiêu Chí Về Khai Thuế Chung (Để Xác Định Trẻ Đủ Điều Kiện)

Để đáp ứng tiêu chí này, trẻ không thể khai thuế chung trong năm.

Trường hợp ngoại lệ. Trường hợp ngoại lệ đối với tiêu chí về khai thuế chung được áp dụng nếu trẻ và vợ/chồng của trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1-Trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung. Quý vị chu cấp cho cô con gái 18 tuổi của mình và cô đã

Mẫu tính toán 3-1. **Mẫu Tính Toán Xác Định Hỗ Trợ** *Giữ để lưu hồ sơ của quý vị*

Số Tiền Thuộc Về Người Quý Vị Đã Hỗ Trợ

1. Nhập tổng số tiền thuộc về người mà quý vị đã hỗ trợ, bao gồm thu nhập nhận được (chịu thuế và không chịu thuế) và số tiền đã vay trong năm, cộng với số tiền trong tài khoản tiết kiệm và các tài khoản khác vào đầu năm. Không bao gồm số tiền do tiểu bang cung cấp; thay vào đó ghi số tiền này ở dòng 23 . . . . . **1.** _____

2. Nhập số tiền ở dòng 1 đã được sử dụng để hỗ trợ người đó . . . . . **2.** _____

3. Nhập số tiền ở dòng 1 đã được sử dụng cho các mục đích khác . . . . . **3.** _____

4. Nhập tổng số tiền trong tài khoản tiết kiệm và các tài khoản khác của người đó vào cuối năm . . . . . **4.** _____

5. Cộng các dòng từ 2 đến 4. (Số tiền này phải bằng số tiền ở dòng 1.) . . . . . **5.** _____

Chi phí Cho Toàn Bộ Hộ Gia Đình (nơi người quý vị hỗ trợ sống)

6. Chỗ ở (hoàn thành dòng 6a hoặc 6b):

a. Nhập tổng số tiền thuê đã trả . . . . . **6a.** _____

b. Nhập giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà. Nếu người được quý vị hỗ trợ sở hữu căn nhà, điền số tiền này ở dòng 21 . . . . . **6b.** _____

7. Nhập tổng chi phí ăn uống . . . . . **7.** _____

8. Nhập tổng chi phí tiện ích (sưởi ấm, chiếu sáng, nước, v.v., không bao gồm trong dòng 6a hoặc 6b) . . . . . **8.** _____

9. Nhập tổng số tiền sửa chữa (không bao gồm trong dòng 6a hoặc 6b) . . . . . **9.** _____

10. Nhập tổng các chi phí khác. Không bao gồm các chi phí duy trì nhà ở, ví dụ như lãi thế chấp, thuế bất động sản và bảo hiểm . . . . . **10.** _____

11. Cộng các dòng từ 6a đến 10. Đây là tổng chi phí của hộ gia đình . . . . . **11.** _____

12. Nhập tổng số người sống trong hộ gia đình . . . . . **12.** _____

Chi Phí Cho Người Mà Quý Vị Hỗ Trợ

13. Chia dòng 11 cho dòng 12. Đây là phần của người đó trong chi phí của hộ gia đình . . . . . **13.** _____

14. Nhập tổng chi phí quần áo của người đó . . . . . **14.** _____

15. Nhập tổng chi phí giáo dục của người đó . . . . . **15.** _____

16. Nhập tổng chi phí y tế và nha khoa của người đó không được bảo hiểm thanh toán hoặc hoàn lại . . . . . **16.** _____

17. Nhập tổng chi phí du lịch và giải trí của người đó . . . . . **17.** _____

18. Nhập tổng các chi phí khác của người đó . . . . . **18.** _____

19. Cộng các dòng từ 13 đến 18. Đây là tổng chi phí hỗ trợ của người đó trong năm . . . . . **19.** _____

Người Đó Có Cung Cấp Hơn Một Nửa Tiền Hỗ Trợ Cho Bản Thân Không?

20. Nhân dòng 19 với 50% (0,50) . . . . . **20.** _____

21. Nhập số tiền từ dòng 2, cộng với số tiền từ dòng 6b nếu người quý vị hỗ trợ sở hữu căn nhà. Đây là số tiền mà người đó đã cung cấp để hỗ trợ cho bản thân . . . . . **21.** _____

22. Dòng 21 có lớn hơn dòng 20 không?

☐ **Không.** Quý vị đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ để người này trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Nếu người này cũng đáp ứng các tiêu chí khác để được xác định là trẻ đủ điều kiện, dừng ở đây; không hoàn thành các dòng 23–26. Nếu không, chuyển đến dòng 23 và điền vào phần còn lại của bảng tính để xác định liệu người này có phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị hay không.

☐ **Có.** Quý vị không đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ để xác định người này là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của quý vị. **Dừng ở đây.**

Quý Vị Đã Chu Cấp Nhiều Hơn Một Nửa?

23. Nhập số tiền mà những người khác đã chu cấp cho người đó. Bao gồm các khoản do tiểu bang, địa phương và các tổ chức hoặc cơ quan phúc lợi khác cung cấp. Không bao gồm bất kỳ số tiền nào đã nhập ở dòng 1 . . . . . **23.** _____

24. Cộng dòng 21 và 23 . . . . . **24.** _____

25. Lấy dòng 19 trừ đi dòng 24. Đây là số tiền quý vị đã chu cấp cho người đó . . . . . **25.** _____

26. Dòng 25 có lớn hơn dòng 20 không?

☐ **Có.** Quý vị đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ để người này là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

☐ **Không.** Quý vị không đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ để người này là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Quý vị không thể khai báo người này là người phụ thuộc trừ khi quý vị có thể làm như vậy theo thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, tiêu chí đánh giá hỗ trợ cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân, hoặc quy tắc đặc biệt dành cho trẻ bị bắt cóc. Xem *Thỏa Thuận Cấp Dưỡng Đa Phương* hoặc *Tiêu Chí Đánh Giá Hỗ Trợ Đối Với Con Của Cha Mẹ Đã Ly Hôn Hoặc Ly Thân (Hoặc Cha Mẹ Sống Xa Nhau)*, hoặc *Trẻ bị bắt cóc* trong mục *Thân Nhân Đủ Điều Kiện*.

sống với quý vị cả năm trong khi chồng cô tham gia Lực Lượng Vũ Trang. Anh ta kiếm được $25.000 trong năm. Cặp vợ chồng này khai thuế chung. Vì con gái của quý vị và chồng cô ấy khai thuế chung nên cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị.

Ví dụ 2-Trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung để yêu cầu hoàn thuế đã khấu lưu. Con trai 18 tuổi của quý vị và người vợ 17 tuổi có $800 tiền lương từ công việc bán thời gian và không có thu nhập nào khác. Hai cháu đã sống với quý vị cả năm. Cả hai không bắt buộc phải nộp hồ sơ khai thuế chung. Hai cháu không có con. Thuế đã được trừ từ lương của hai vợ chồng nên hai cháu khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn lại số tiền thuế khấu lưu. Trường hợp ngoại lệ đối với tiêu chí về khai thuế chung được áp dụng, vì vậy con trai quý vị có thể là trẻ đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tất cả các tiêu chí khác.

Ví dụ 3-Trẻ nộp hồ sơ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ không có khoản thuế nào được khấu trừ từ tiền lương của con trai quý vị hoặc của vợ anh. Tuy nhiên, họ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ với giá trị $124 và được hoàn lại số tiền này. Vì yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ là lý do để họ nộp hồ sơ khai thuế, họ không nộp hồ sơ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp. Trường hợp ngoại lệ đối với tiêu chí khai thuế chung không được áp dụng, vì vậy con trai quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị.

Trẻ Đủ Điều Kiện Của Nhiều Hơn Một Người

TIP *Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác, chủ đề này không áp dụng cho quý vị và quý vị không cần phải đọc thêm. Chủ đề này cũng không áp dụng với quý vị nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác ngoại trừ vợ/chồng của quý vị, người mà quý vị dự định khai thuế chung.*

CAUTION *Nếu trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ không bảo dưỡng theo các quy tắc dành cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) được mô tả ở phần trên, xem mục* Áp dụng quy tắc người chiến thắng chung cuộc đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) *ở phần sau.*

Trong một số trường hợp, trẻ đáp ứng các tiêu chí về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người. Mặc dù trẻ là trẻ đủ điều kiện của mỗi người trong số những người này, chỉ một người thực sự có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tất cả các quyền lợi về thuế dưới đây (với điều kiện người đó đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng khoản trợ cấp).

1. Tín thuế trẻ em và tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác.
2. Tình trạng khai thuế chủ gia đình.
3. Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc.
4. Loại trừ khỏi thu nhập đối với trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc.
5. Tín thuế thu nhập từ việc làm.

Người còn lại không thể nhận bất kỳ quyền lợi nào trong số này dựa trên trẻ đủ điều kiện đó. Nói cách khác, quý vị và người đó không thể thỏa thuận phân chia những quyền lợi này giữa hai người.

Quy tắc người chiến thắng chung cuộc. Để xác định người nào có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện để yêu cầu năm quyền lợi thuế này, quy tắc người chiến thắng chung cuộc sau đây sẽ được áp dụng.

- Nếu chỉ một trong số những người này là cha/mẹ của trẻ, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người đó.
- Nếu cha mẹ khai thuế chung và có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ.
- Nếu cha mẹ không khai thuế chung nhưng cả cha và mẹ đều khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện của mình, Sở Thuế Vụ sẽ coi trẻ là trẻ đủ điều kiện của người mà trẻ đã sống cùng trong khoảng thời gian dài hơn trong năm. Nếu trẻ sống với cha và mẹ trong khoảng thời gian bằng nhau, Sở Thuế Vụ sẽ coi trẻ là trẻ đủ điều kiện của người có tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) cao hơn trong năm.
- Nếu không có cha/mẹ nào có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao nhất trong năm.
- Nếu cha/mẹ của trẻ có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện nhưng không có người nào làm như vậy thì trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao nhất trong năm, nhưng chỉ khi AGI của người đó cao hơn AGI cao nhất của bất kỳ cha mẹ nào của trẻ có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện.

Theo các quy tắc người chiến thắng chung cuộc này, quý vị và những người khác có thể chọn người nào trong số quý vị có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện.

TIP *Quý vị có thể đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập từ việc làm theo các quy định đối với người nộp thuế không có trẻ đủ điều kiện nếu quý vị có một trẻ đủ điều kiện cho tín thuế thu nhập từ việc làm mà người nộp thuế khác khai báo là trẻ đủ điều kiện của họ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 596.*

Ví dụ 1-Trẻ em sống với cha mẹ và ông bà. Quý vị và con gái 3 tuổi Jane sống với mẹ của quý vị cả năm. Quý vị 25 tuổi, chưa kết hôn và AGI của quý vị là $9.000. AGI của mẹ quý vị là $15.000. Cha của Jane không sống với quý vị hay con gái của quý vị. Quý vị chưa ký Mẫu 8332 (hay một tuyên bố tương tự).

Jane là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và mẹ quý vị vì cháu đáp ứng các tiêu chí về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả quý vị và mẹ quý vị. Tuy nhiên, chỉ một trong hai người có thể khai cháu là trẻ đủ điều kiện. Jane không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác, kể cả cha cháu. Quý vị đồng ý để mẹ quý vị khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là mẹ quý vị có thể khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện để nhận tất cả năm quyền lợi thuế được liệt kê ở trên, nếu bà đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng quyền lợi đó (và nếu quý vị không khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện để nhận bất kỳ quyền lợi thuế nào trong số đó).

Ví dụ 2-Cha mẹ có AGI cao hơn ông bà. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ AGI của quý vị là $18.000. Vì AGI của mẹ quý vị không cao hơn của quý vị, nên bà không thể khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện. Chỉ quý vị mới có thể khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 3-Hai người khai báo cùng một đứa trẻ. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc quý vị và mẹ quý vị đều khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, quý vị, với tư cách là mẹ của trẻ, là người duy nhất được phép khai báo Jane là trẻ đủ điều kiện. Sở Thuế Vụ sẽ không cho phép mẹ quý vị yêu cầu năm quyền lợi thuế được liệt kê trước đó dựa trên Jane. Tuy nhiên, mẹ của quý vị có thể đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập từ việc làm với tư cách là người nộp thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 4-Trẻ đủ điều kiện được phân chia giữa hai người. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ quý vị còn có hai con nhỏ khác là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và mẹ quý vị. Chỉ một trong số quý vị có thể khai mỗi đứa trẻ là trẻ đủ điều kiện. Tuy nhiên, nếu AGI của mẹ quý vị cao hơn của quý vị, quý vị có thể cho phép mẹ quý vị khai báo một hoặc nhiều con là trẻ đủ điều kiện. Ví dụ, nếu quý vị khai báo một trẻ, mẹ quý vị có thể khai báo hai trẻ còn lại.

Ví dụ 5-Người nộp thuế là trẻ đủ điều kiện. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ quý vị mới 18 tuổi và không tự chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Vì vậy, quý vị là trẻ đủ điều kiện của mẹ mình. Nếu bà có thể khai báo quý vị là người phụ thuộc, quý vị không thể khai báo con gái mình là người phụ thuộc do *Tiêu Chí Người Nộp Thuế Là Người Phụ Thuộc*, được giải thích ở phần trên.

Ví dụ 6-Cha mẹ ly thân. Quý vị, chồng và con trai 10 tuổi sống với nhau đến ngày 1 tháng 8 năm 2020 thì chồng quý vị chuyển ra khỏi nhà. Trong tháng 8 và tháng 9, con trai sống với quý vị. Trong phần còn lại của năm, cháu sống với chồng quý vị là cha của cháu. Con trai quý vị là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và chồng quý vị vì cháu đã sống với mỗi người hơn nửa năm đồng thời đáp ứng các tiêu chí về mối quan hệ, tuổi tác, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. Tại thời điểm cuối năm, quý vị và chồng vẫn chưa ly hôn, ly thân hợp pháp hoặc ly thân theo văn bản thỏa thuận ly thân nên không thể áp dụng quy tắc đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau).

Quý vị và chồng quý vị sẽ khai thuế riêng. Chồng quý vị đồng ý để quý vị khai báo con trai là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là, nếu chồng quý vị không khai báo con trai quý vị là trẻ đủ điều kiện, quý vị có thể khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em và loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc (nếu quý vị đủ điều kiện tiếp nhận từng quyền lợi thuế này). Tuy nhiên, quý vị không thể sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình vì quý vị và chồng quý vị không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm. Vì vậy, tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không thể yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm hay tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc.

Ví dụ 7-Cha mẹ ly thân khai báo cùng một con. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 6*, ngoại trừ việc quý vị và chồng quý vị đều khai báo con trai là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, chỉ có chồng quý vị mới được khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do, trong suốt năm 2020, cháu đã sống với anh ấy lâu hơn với quý vị. Nếu quý vị xin xét tín thuế trẻ em cho con trai mình, Sở Thuế Vụ sẽ không cho phép quý vị yêu cầu tín thuế trẻ em. Nếu

quý vị không có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác, Sở Thuế Vụ cũng sẽ không cho phép quý vị yêu cầu loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Ngoài ra, do quý vị và chồng quý vị không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm nên chồng quý vị không thể sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình. Vì vậy, tình trạng khai thuế của chồng quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và anh ấy không thể yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm hay tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc.

Ví dụ 8-Cha mẹ chưa kết hôn. Quý vị, con trai 5 tuổi của quý vị và cha cháu đã sống với nhau cả năm. Quý vị và cha của con trai quý vị không kết hôn. Con trai quý vị là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và cha cháu vì cháu đáp ứng các tiêu chí về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. AGI của quý vị là $12.000 và AGI của cha cháu là $14.000. Cha cháu đồng ý để quý vị khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là quý vị có thể khai báo con trai mình là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em, tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc và tín thuế thu nhập từ việc làm, nếu quý vị đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng loại quyền lợi thuế này (và nếu cha của con trai quý vị không khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện để nhận bất kỳ quyền lợi thuế nào trong số này).

Ví dụ 9-Cha mẹ chưa kết hôn khai báo cùng một con. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 8*, ngoại trừ việc quý vị và cha của con trai quý vị đều khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, chỉ cha cháu mới được khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do AGI của anh ấy, $14.000, cao hơn AGI của quý vị, $12.000. Nếu quý vị xin xét tín thuế trẻ em cho con trai mình, Sở Thuế Vụ sẽ không cho phép quý vị yêu cầu khoản tín thuế này. Nếu quý vị không có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác, Sở Thuế Vụ cũng sẽ không cho phép quý vị sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc cũng như loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Tuy nhiên, quý vị có thể yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm với tư cách là người nộp thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 10-Con không sống với cha mẹ. Quý vị và cháu gái 7 tuổi, con của chị gái quý vị, sống với mẹ quý vị cả năm. Quý vị 25 tuổi và AGI của quý vị là $9.300. AGI của mẹ quý vị là $15.000. Cha mẹ của cháu gái quý vị nộp hồ sơ khai thuế chung, có AGI dưới $9.000, và không sống với quý vị hay con của họ. Cháu gái quý vị là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và mẹ quý vị vì cháu đáp ứng các tiêu chí về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả quý vị và mẹ quý vị. Tuy nhiên, chỉ mẹ quý vị mới có thể khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do AGI của mẹ quý vị, $15.000, cao hơn AGI của quý vị, $9.300.

Áp dụng quy tắc người chiến thắng chung cuộc đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau). Nếu trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ không bảo dưỡng theo các quy tắc được mô tả trước đó đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), thì chỉ cha mẹ không bảo dưỡng mới có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc đồng thời yêu cầu tín thuế trẻ em hoặc tín thuế cho những người phụ thuộc khác cho trẻ. Tuy nhiên, chỉ cha mẹ bảo dưỡng mới có thể yêu cầu tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc hoặc loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, đồng thời chỉ cha mẹ bảo dưỡng mới có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc để nhận tín thuế bảo hiểm y tế. Ngoài ra, cha mẹ không bảo dưỡng không được khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện cho tình trạng khai thuế chủ gia đình hoặc tín thuế thu nhập từ việc làm. Thay vào đó, cha mẹ bảo dưỡng, nếu đủ điều kiện, hoặc người đủ điều kiện khác có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận hai quyền lợi đó. Nếu trẻ là trẻ đủ điều kiện của nhiều người để nhận những quyền lợi trên, quy tắc người chiến thắng chung cuộc được giải thích trên đây sẽ giúp xác định liệu cha mẹ bảo dưỡng hay một người đủ điều kiện khác có thể khai báo trẻ là trẻ đủ điều kiện hay không.

Ví dụ 1. Quý vị và con trai 5 tuổi sống cả năm với mẹ quý vị, người đã chi trả toàn bộ chi phí để duy trì ngôi nhà. AGI của quý vị là $10.000. AGI của mẹ quý vị là $25.000. Cha của con trai quý vị không sống với quý vị hay con trai.

Theo quy tắc được giải thích ở phần trên áp dụng với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), con trai quý vị được coi là trẻ đủ điều kiện của cha cháu, người có thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho con. Do đó, quý vị không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho con trai mình. Tuy nhiên, những quy tắc này không cho phép cha của con trai quý vị khai báo con là trẻ đủ điều kiện để xin xét tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, tín thuế thu nhập từ việc làm hay tín thuế cho bảo hiểm y tế.

Quý vị và mẹ quý vị không có quyền lợi về chi phí chăm sóc trẻ em hay trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, vì vậy cả hai người đều không thể yêu cầu tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc hoặc loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Ngoài ra, không ai trong số quý vị đủ điều kiện nhận tín thuế bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, cháu là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và mẹ quý vị cho tình trạng khai thuế chủ gia đình và tín thuế thu nhập từ việc làm vì cháu đáp ứng các tiêu chí về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. (Tiêu chí đánh giá hỗ trợ không áp dụng đối với tín thuế thu nhập từ việc làm.) Tuy nhiên, quý vị đồng ý để mẹ mình khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là bà có thể khai báo cháu cho tình trạng khai thuế chủ gia đình và tín thuế thu nhập từ việc làm nếu đủ điều kiện và nếu quý vị không khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập từ việc làm. (Quý vị không thể sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình vì mẹ quý vị đã trả toàn bộ chi phí duy trì nhà ở.) Quý vị có thể yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm với tư cách là người nộp thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 2. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ AGI của quý vị là $25.000 và AGI của mẹ quý vị là $21.000. Mẹ quý vị không thể khai báo con trai quý vị là trẻ đủ điều kiện cho bất kỳ mục đích nào vì AGI của bà không cao hơn AGI của quý vị.

Ví dụ 3. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ quý vị và mẹ đều khai báo con trai quý vị là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập từ việc làm. Mẹ quý vị cũng khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện để sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình. Quý vị, với tư cách là mẹ của cháu, sẽ là người duy nhất được phép khai báo cháu là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập do lao động. Sở Thuế Vụ sẽ không cho phép mẹ quý vị sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình trừ khi bà có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác. Mẹ của quý vị không thể yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm với tư cách người nộp thuế không có trẻ đủ điều kiện vì AGI của bà cao hơn mức $15.820.

Thân Nhân Đủ Điều Kiện

Một người phải đáp ứng bốn tiêu chí để trở thành thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Bốn tiêu chí này bao gồm:

1. Tiêu chí không phải là trẻ đủ điều kiện,
2. Tiêu chí thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ,
3. Tiêu chí tổng thu nhập, và
4. Tiêu chí hỗ trợ.

Tuổi. Không giống như trẻ đủ điều kiện, thân nhân đủ điều kiện có thể ở mọi lứa tuổi. Không áp dụng tiêu chí tuổi tác với thân nhân đủ điều kiện.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể coi trẻ là thân nhân đủ điều kiện của mình ngay cả khi trẻ bị bắt cóc. Xem Ấn phẩm 501 để tìm hiểu chi tiết.

Tiêu Chí Không Phải Là Trẻ Đủ Điều Kiện

Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu trẻ là trẻ đủ điều kiện của quý vị hoặc trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người nộp thuế nào khác.

Ví dụ 1. Con gái 22 tuổi của quý vị, đang là sinh viên, sống với quý vị và đáp ứng tất cả các tiêu chí để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Cháu không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Ví dụ 2. Con trai 2 tuổi của quý vị sống với cha mẹ quý vị và đáp ứng tất cả các tiêu chí để trở thành trẻ đủ điều kiện của họ. Cháu không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Ví dụ 3. Con trai quý vị sống với quý vị nhưng không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì cháu đã 30 tuổi và không đáp ứng tiêu chí tuổi tác. Cháu có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tiêu chí tổng thu nhập và tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Ví dụ 4. Cháu trai 13 tuổi của quý vị sống với mẹ của cháu 3 tháng, với bác ruột 4 tháng và với quý vị 5 tháng trong năm. Cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì cháu không đáp ứng tiêu chí xét tình trạng cư trú. Cháu có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tiêu chí tổng thu nhập và tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Trẻ của người không bắt buộc phải nộp hồ sơ khai thuế. Trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người nộp thuế nào khác và do đó có thể đủ điều kiện là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu cha/mẹ của trẻ (hoặc người khác mà trẻ được xác định là trẻ đủ điều kiện của người đó) không bắt buộc phải khai thuế thu nhập hoặc:

- Không nộp hồ sơ khai thuế thu nhập, hoặc
- Nộp hồ sơ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1-Không bắt buộc khai thuế. Quý vị chu cấp cho một người bạn không có quan hệ quyến thuộc với quý vị và đứa con 3 tuổi của cô ấy, hai người đã sống với quý vị cả năm trong nhà của quý vị. Bạn của quý vị không có thu nhập, không bắt buộc phải khai thuế năm 2020 và không khai thuế cho năm 2020. Cả bạn quý vị và con cô ấy đều là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Ví dụ 2-Nộp hồ sơ khai thuế để yêu cầu hoàn thuế. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ bạn của quý vị có $1.500 tiền lương trong năm và thuế đã được khấu lưu từ tiền lương của cô ấy. Cô ấy khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu trừ và không yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm hay bất kỳ khoản tín thuế hoặc khấu trừ nào khác. Cả bạn quý vị và con cô ấy đều là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Ví dụ 3-Yêu cầu tín thuế thu nhạp từ việc làm. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ bạn của quý vị có $8.000 tiền lương trong năm và yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm trên hồ sơ khai thuế của cô ấy. Con của bạn quý vị là trẻ đủ điều kiện của một người nộp thuế khác (bạn của quý vị), vì vậy quý vị không thể khai báo cháu là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Ngoài ra, quý vị không thể khai báo bạn của quý vị là thân nhân đủ điều kiện do tiêu chí tổng thu nhập được giải thích ở phần sau.

Trẻ em ở Canada hoặc Mexico. Quý vị có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc kể cả trong trường hợp trẻ sống ở Canada hoặc Mexico. Nếu trẻ không sống với quý vị, trẻ không đáp ứng tiêu chí xét tình trạng cư trú để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Tuy nhiên, trẻ vẫn có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Nếu những người mà trẻ sống cùng không phải là công dân Hoa Kỳ và không có thu nhập từ Hoa Kỳ, những người này không phải là "người nộp thuế," thì trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người nộp thuế nào khác. Nếu trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người nộp thuế nào khác, trẻ là thân nhân đủ điều kiện của quý vị khi đáp ứng tiêu chí tổng thu nhập và tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Quý vị không thể khai báo người phụ thuộc đối với trẻ sống ở các quốc gia khác ngoài Canada hoặc Mexico, trừ khi trẻ là công dân Hoa Kỳ, ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ hoặc người mang quốc tịch Hoa Kỳ. Có trường hợp ngoại lệ đối với con nuôi đã sống với quý vị cả năm. Xem *Tiêu Chí Xét Tình Trạng Cư Trú* ở phần trên.

Ví dụ: Quý vị chu cấp cho tất cả các con của mình, 6, 8 và 12 tuổi, các cháu sống ở Mexico với mẹ quý vị và không có thu nhập. Quý vị độc thân và sống ở Hoa Kỳ. Mẹ quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ và không có thu nhập Hoa Kỳ, vì vậy bà không phải là "người nộp thuế." Con của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì các cháu không đáp ứng tiêu chí xét tình trạng cư trú. Nhưng vì các cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người nộp thuế nào khác, các cháu là thân nhân đủ điều kiện của quý vị và quý vị có thể khai báo các cháu là người phụ thuộc. Quý vị cũng có thể khai báo mẹ mình là người phụ thuộc nếu đáp ứng tiêu chí tổng thu nhập và tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Tiêu Chí Thành Viên Hộ Gia Đình Hoặc Mối Quan Hệ

Để đáp ứng tiêu chí này, một người phải:

1. Sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị, hoặc
2. Có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục *Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị* ở phần sau.

Nếu trong năm có bất kỳ thời điểm nào người đó là vợ/chồng của quý vị, thì người đó không thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị. Một người có quan hệ với quý vị theo bất kỳ cách nào sau đây không cần phải sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị để đáp ứng tiêu chí này.

- Con của quý vị, con riêng của vợ/chồng quý vị, trẻ nhận nuôi hoặc hậu duệ của bất kỳ người nào trong số họ (ví dụ: cháu của quý vị). (Con nuôi hợp pháp được coi là con của quý vị.)
- Anh em trai, chị em gái, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc con riêng của cha/mẹ của quý vị.
- Cha, mẹ, ông bà hoặc tổ tiên trực hệ khác của quý vị, nhưng không bao gồm cha mẹ nuôi.
- Cha dượng hoặc mẹ kế của quý vị.
- Con trai hoặc con gái của anh/em trai hoặc chị/em gái của quý vị.
- Con trai hoặc con gái của anh/em trai cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha hoặc chị/em gái cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha của quý vị.
- Anh/em trai hoặc chị/em gái của cha hoặc mẹ quý vị.
- Con rể, con dâu, cha vợ/cha chồng, mẹ vợ/mẹ chồng, anh/em rể hoặc chị/em dâu của quý vị.

Bất kỳ mối quan hệ nào được thiết lập bởi hôn nhân sẽ không kết thúc khi qua đời hoặc ly hôn.

Ví dụ: Quý vị và vợ bắt đầu chu cấp cho cha của vợ quý vị, một người góa vợ, trong năm 2014. Vợ quý vị mất năm 2019. Dù vợ quý vị đã qua đời, cha vợ của quý vị vẫn tiếp tục đáp ứng tiêu chí này, kể cả khi ông không sống cùng quý vị. Quý vị có thể khai báo ông là người phụ thuộc nếu đáp ứng tất cả các tiêu chí khác, bao gồm tiêu chí tổng thu nhập và tiêu chí đánh giá hỗ trợ.

Trẻ nhận nuôi. Trẻ nhận nuôi là một cá nhân được đưa tới sống với quý vị bởi một cơ quan có thẩm quyền sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em hoặc theo bản án, án lệnh hoặc phán quyết khác của tòa án có thẩm quyền.

Hồ sơ khai thuế chung. Nếu quý vị khai thuế chung, người này có thể có quan hệ với quý vị hoặc vợ/chồng quý vị. Ngoài ra, người này không cần phải có quan hệ với người vợ/chồng cung cấp hỗ trợ.

Ví dụ, chú của vợ/chồng quý vị nhận được hơn một nửa tiền hỗ trợ cho bản thân từ quý vị có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị, mặc dù ông không sống với quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị và vợ/chồng quý vị khai thuế riêng, chú của vợ/chồng quý vị chỉ có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu ông sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị.

Vắng mặt tạm thời. Một người được coi là sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị trong khoảng thời gian khi một trong hai người hoặc cả hai tạm thời vắng mặt vì những hoàn cảnh đặc biệt như:

- Bệnh tật,
- Giáo dục,
- Làm việc,
- Nghỉ dưỡng,
- Phục vụ trong quân ngũ, hoặc
- Bị giam giữ tại cơ sở dành cho trẻ vị thành niên.

Nếu người đó được đưa vào viện dưỡng lão trong một khoảng thời gian không xác định để chăm sóc y tế liên tục, trường hợp này được coi là vắng mặt tạm thời.

Qua đời hoặc sinh ra. Một người đã qua đời trong năm, nhưng sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị cho đến khi qua đời, sẽ đáp ứng tiêu chí này. Quy tắc này cũng áp dụng đối với trẻ được sinh ra trong năm và sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị trong suốt thời gian còn lại của năm. Tiêu chí này cũng được đáp ứng nếu trẻ sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị ngoại trừ khoảng thời gian bắt buộc nằm viện sau khi sinh.

Nếu người phụ thuộc của quý vị qua đời trong năm và quý vị đủ điều kiện để khai báo người đó là người phụ thuộc khi họ còn sống, quý vị vẫn có thể khai báo người đó là người phụ thuộc.

Ví dụ: Mẹ quý vị mất ngày 15/1. Bà đáp ứng các tiêu chí để trở thành thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Quý vị có thể khai báo bà là người phụ thuộc.

Vi phạm luật địa phương. Một người sẽ không đáp ứng tiêu chí này nếu tại thời điểm bất kỳ trong năm mối quan hệ giữa quý vị và người đó vi phạm luật địa phương.

Ví dụ: Bạn gái của quý vị sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị cả năm. Tuy nhiên, mối quan hệ của quý vị và cô ấy đã vi phạm luật ở tiểu bang nơi quý vị sống vì cô ấy đã kết hôn với người khác. Do đó, cô ấy không đáp ứng tiêu chí này và quý vị không thể khai báo cô ấy là người phụ thuộc.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của quý vị. Thuật ngữ "con nuôi" bao gồm trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp của quý vị.

Anh chị em họ. Anh chị em họ của quý vị chỉ đáp ứng tiêu chí này nếu họ sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị. Anh chị em họ là hậu duệ của anh/em trai hoặc chị/em gái của bố hoặc mẹ quý vị.

Tiêu Chí Tổng Thu Nhập

Để đáp ứng tiêu chí này, tổng thu nhập của một người trong năm phải dưới $4.300.

Định nghĩa tổng thu nhập. Tổng thu nhập bao gồm tất cả thu nhập dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế.

Trong hoạt động kinh doanh sản xuất, buôn bán hoặc khai thác mỏ, tổng thu nhập là tổng doanh thu thuần trừ đi giá vốn hàng bán, cộng với mọi thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh.

Tổng các khoản thu từ bất động sản cho thuê được tính vào tổng thu nhập. Không khấu trừ thuế, tiền sửa chữa hoặc các chi phí khác khi xác định tổng thu nhập từ tài sản cho thuê.

Tổng thu nhập bao gồm phần của một đối tác trong tổng thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh (không tính trên thu nhập ròng).

Tổng thu nhập còn bao gồm tất cả các khoản trợ cấp thất nghiệp chịu thuế, quyền lợi an sinh xã hội chịu thuế và một số khoản trợ cấp học bổng và nghiên cứu. Học bổng mà học sinh/sinh viên nhận được và được sử dụng để trả học phí, lệ phí, mua đồ dùng học tập, sách và thiết bị cần thiết cho những khóa học cụ thể thường không được tính vào tổng thu nhập. Để tìm hiểu thêm thông tin về học bổng, xem chương 8.

Người phụ thuộc khuyết tật làm việc tại nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật. Cho mục đính xem xét tiêu chí tổng thu nhập, tổng thu nhập của một cá nhân bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn vào bất kỳ thời điểm nào trong năm không bao gồm thu nhập từ các dịch vụ mà cá nhân đó thực hiện tại nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật. Các dịch vụ chăm sóc y tế được cung cấp tại nơi huấn nghiệp phải là lý do chính khiến cá nhân này làm việc ở đây. Ngoài ra, thu nhập phải bắt nguồn từ các hoạt động tại nơi huấn nghiệp gắn liền với hoạt động chăm sóc y tế.

"Nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật" là trường học:

- Tổ chức hướng dẫn hoặc đào tạo đặc biệt, được thiết kế để giảm nhẹ tình trạng khuyết tật của cá nhân; và
- Được điều hành bởi một số tổ chức được miễn thuế hoặc bởi tiểu bang, thuộc địa của Hoa Kỳ, phân khu chính trị thuộc tiểu bang hoặc thuộc địa, Hoa Kỳ, hoặc Đặc khu Columbia.

Khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn được định nghĩa trong mục *Trẻ Đủ Điều Kiện*, ở phần trên.

Tiêu Chí Đánh Giá Hỗ Trợ (Để Xác Định Thân Nhân Đủ Điều Kiện)

Để đáp ứng tiêu chí này, thông thường quý vị phải chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người trong năm theo niên lịch.

Tuy nhiên, nếu hai người trở lên cùng chu cấp, nhưng không ai chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người, xem mục *Thỏa Thuận Trợ Cấp Đa Phương* ở phần sau.

Cách xác định liệu quý vị có đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ hay không. Quý vị xác định mình có chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người hay không bằng cách so sánh số tiền quý vị đã đóng góp để hỗ trợ cho người đó với tổng số tiền hỗ trợ mà người đó nhận được từ tất cả các nguồn. Tổng số tiền hỗ trợ bao gồm số tiền mà người đó tự chu cấp cho bản thân.

Quý vị có thể sử dụng Mẫu tính toán 3-1 để xác định liệu quý vị có chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của một người hay không.

Nguồn tiền riêng của một người không được sử dụng để hỗ trợ. Các nguồn tiền riêng của một người không được tính là tiền hỗ trợ trừ trường hợp nguồn tiền đó được sử dụng cho mục đích này.

Ví dụ: Mẹ của quý vị đã nhận được $2.400 tiền quyền lợi an sinh xã hội và $300 tiền lãi. Bà đã trả $2.000 cho chỗ ở và $400 để giải trí. Bà gửi tiết kiệm $300.

Mặc dù mẹ quý vị nhận được tổng cộng $2.700 ($2.400 + $300), bà chỉ trả $2.400 ($2.000 + $400) để chu cấp cho bản thân. Nếu quý vị đã chi hơn $2.400 để chu cấp cho bà và bà không nhận được khoản hỗ trợ nào khác, quý vị đã chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của bà.

Tiền lương của trẻ được sử dụng để tự chu cấp. Quý vị không thể tính khoản hỗ trợ mà trẻ tự chi trả từ tiền lương của mình vào phần đóng góp hỗ trợ của quý vị, kể cả khi quý vị là người trả lương.

Năm cung cấp hỗ trợ. Năm quý vị cung cấp hỗ trợ là năm quý vị trả tiền hỗ trợ, kể cả khi quý vị trả tiền hỗ trợ bằng tiền đi vay mà quý vị hoàn trả vào năm sau đó.

Nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính để báo cáo thu nhập, quý vị phải cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người phụ thuộc trong năm theo niên lịch mà năm theo lịch tài chính của quý vị bắt đầu.

Tiền phân bổ cho người phụ thuộc của thành viên Lực Lượng Vũ Trang. Phần tiền phân bổ do chính phủ đóng góp và phần trích từ tiền lương quân đội của quý vị đều được coi là do quý vị chu cấp khi xác định quý vị có chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ hay không. Nếu tiền phân bổ của quý vị được sử dụng để hỗ trợ những người không phải những người mà quý vị chỉ định, quý vị có thể khai báo họ là người phụ thuộc nếu đủ điều kiện.

Ví dụ: Quý vị đang phục vụ trong Lực Lượng Vũ Trang. Quý vị ủy quyền phân bổ tiền cho người mẹ góa chồng của mình và bà dùng số tiền này để chu cấp cho bản thân và em gái của bà. Nếu tiền phân bổ chiếm hơn một nửa tiền hỗ trợ của mỗi người, quý vị có thể khai báo mỗi người trong số họ là người phụ thuộc, nếu họ đủ điều kiện, mặc dù quý vị chỉ ủy quyền phân bổ tiền cho mẹ mình.

Trợ cấp nhà ở được miễn thuế. Các khoản trợ cấp này được đối xử giống như tiền phân bổ cho người phụ thuộc khi tính toán tiền hỗ trợ. Tiền lương phân bổ và trợ cấp nhà ở cơ bản được miễn thuế đều được coi là tiền hỗ trợ do quý vị chu cấp.

Thu nhập được miễn thuế. Khi tính toán tổng số tiền hỗ trợ của một người, hãy tính cả thu nhập được miễn thuế, tiền tiết kiệm và tiền đi vay được dùng để hỗ trợ người đó. Thu nhập được miễn thuế bao gồm một số khoản quyền lợi an sinh xã hội, trợ cấp xã hội, tiền bảo hiểm nhân thọ không chịu thuế, tiền phân bổ cho gia đình của thành viên Lực Lượng Vũ Trang, hưu bổng không chịu thuế và tiền lãi được miễn thuế.

Ví dụ 1. Quý vị chu cấp $4.000 để hỗ trợ cho mẹ mình trong năm. Bà có $600 thu nhập do lao động, $4.800 quyền lợi an sinh xã hội không chịu thuế và $200 tiền lãi được miễn thuế. Bà sử dụng tất cả số tiền này để chu cấp cho bản thân. Quý vị không thể khai báo mẹ mình là người phụ thuộc vì $4.000 mà quý vị chu cấp không chiếm hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của bà là $9.600 ($4.000 + $600 + $4.800 + $200).

Ví dụ 2. Cháu gái của quý vị có một khoản vay sinh viên trị giá $2.500 và sử dụng số tiền này để trả học phí đại học. Cá nhân cháu chịu trách nhiệm về khoản vay. Quý vị chu cấp $2.000 để hỗ trợ cho cháu. Quý vị không thể khai báo cháu mình là người phụ thuộc vì quý vị chu cấp ít hơn một nửa số tiền hỗ trợ của cháu.

Quyền lợi an sinh xã hội. Nếu một cặp vợ chồng nhận trợ cấp thông qua chi phiếu được trả cho cả hai người, một nửa tổng số tiền này được coi là tiền hỗ trợ cho mỗi người, trừ trường hợp họ có thể chứng minh khác đi.

Nếu trẻ nhận quyền lợi an sinh xã hội và sử dụng số tiền này để hỗ trợ cho bản thân thì khoản trợ cấp đó được coi là do trẻ tự chu cấp.

Hỗ trợ của tiểu bang (trợ cấp xã hội, phiếu thực phẩm, nhà ở, v.v.). Các khoản trợ cấp do tiểu bang cung cấp cho những người có hoàn cảnh khó khăn thường được coi là tiền hỗ trợ của tiểu bang. Tuy nhiên, các khoản thanh toán dựa trên nhu cầu của người nhận sẽ không được coi là được sử dụng hoàn toàn để hỗ trợ cho người đó nếu có thể chứng minh rằng một phần của những khoản thanh toán này không được sử dụng cho mục đích đó.

Chăm sóc nuôi dưỡng. Các khoản thanh toán mà quý vị nhận được để chu cấp cho trẻ nhận nuôi từ cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được coi là tiền hỗ trợ do cơ quan này cung cấp. Xem mục *Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng*, ở phần trên.

Nhà cho người cao tuổi. Nếu quý vị trả trước một lần tiền dịch vụ nhà cho người cao tuổi để chăm sóc thân nhân của quý vị đến cuối đời và số tiền được thanh toán dựa trên tuổi thọ của người đó, số tiền hỗ trợ mà quý vị chu cấp mỗi năm bằng số tiền trả trước một lần chia cho tuổi thọ của thân nhân. Số tiền hỗ trợ mà quý vị chu cấp còn bao gồm bất kỳ khoản tiền nào khác mà quý vị đã cung cấp trong năm.

Tổng Số Tiền Hỗ Trợ

Để xác định liệu quý vị có chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của một người hay không, trước tiên quý vị phải xác định tổng số tiền hỗ trợ được cung cấp cho người đó. Tổng số tiền hỗ trợ bao gồm số tiền được chi trả để cung cấp thực phẩm, chỗ ở, quần áo, giáo dục, chăm sóc y tế và nha khoa, giải trí, phương tiện đi lại và các nhu cầu cần thiết tương tự.

Thông thường, số tiền của một khoản mục hỗ trợ là chi phí phát sinh để cung cấp khoản mục đó. Đối với chỗ ở, số tiền hỗ trợ là giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở.

Các chi phí không liên quan trực tiếp đến bất kỳ thành viên nào trong hộ gia đình, ví dụ như chi phí thực phẩm cho hộ gia đình, phải được chia cho các thành viên trong hộ gia đình.

Ví dụ 1. Grace Brown, mẹ của Mary Miller, sống với Frank và Mary Miller cùng hai con của họ. Grace nhận được $2.400 quyền lợi an sinh xã hội, bà dùng số tiền này để chi trả cho quần áo, phương tiện đi lại và giải trí. Grace không có thu nhập nào khác. Tổng chi phí thực phẩm của Frank và Mary cho hộ gia đình là $5.200. Họ trả $1.200 chi phí thuốc men và y tế cho Grace. Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở được cung cấp cho Grace là $1.800 một năm, dựa trên giá cho thuê của những chỗ ở có điều kiện tương tự. Tính tổng số tiền hỗ trợ của Grace như sau.

Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở	$ 1.800
Quần áo, phương tiện đi lại và giải trí	2.400
Chi phí y tế	1.200
Thực phẩm (1/5 của $5.200)	1.040
Tổng số tiền hỗ trợ	$6.440

Tiền hỗ trợ mà Frank và Mary cung cấp, $4.040 ($1.800 chỗ ở + $1.200 chi phí y tế + $1.040 thực phẩm), chiếm hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ $6.440 của Grace.

Ví dụ 2. Cha mẹ quý vị sống với quý vị, vợ/chồng và hai con quý vị trong căn nhà mà quý vị sở hữu. Giá trị cho thuê hợp lý của phần chỗ ở dành cho cha mẹ quý vị là $2.000 một năm ($1.000 mỗi người), bao gồm đồ chi phí nội thất và dịch vụ tiện ích. Cha của quý vị nhận được $4.200 tiền hưu bổng không chịu thuế, ông dùng số tiền này để chi trả các khoản hỗ trợ như quần áo, phương tiện đi lại và giải trí cho bản thân ông và vợ ông với mức bằng nhau. Tổng chi phí thực phẩm của quý vị cho hộ gia đình là $6.000. Giá trị hóa đơn điện, nước, sưởi ấm của quý vị là $1.200. Mẹ của quý vị có $600 chi phí nằm viện và y tế mà quý vị đã trả trong năm. Tính tổng số tiền hỗ trợ của cha mẹ quý vị như sau.

Hỗ trợ được cung cấp	Cha	Mẹ
Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở	$1.000	$1.000
Hưu bổng được dùng để hỗ trợ cho họ	2.100	2.100
Thực phẩm (1/6 của $6.000)	1.000	1.000
Chi phí y tế cho mẹ		600
Tổng số tiền hỗ trợ của cha mẹ	$4.100	$4.700

Quý vị phải áp dụng tiêu chí đánh giá hỗ trợ riêng cho từng người. Quý vị chu cấp $2.000 ($1.000 chỗ ở + $1.000 thực phẩm) trong tổng số tiền hỗ trợ $4.100 của cha mình – ít hơn một nửa. Quý vị chu cấp $2.600 cho mẹ mình ($1.000 chỗ ở + $1.000 thực phẩm + $600 y tế) – hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ $4.700 của bà. Quý vị đáp ứng tiêu chí đánh giá hỗ trợ đối với mẹ quý vị, nhưng không đáp ứng tiêu chí này đối với cha quý vị. Chi phí dịch vụ tiện ích và sưởi ấm được tính vào giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở, vì vậy chi phí này không được xem xét riêng.

Chỗ ở. Nếu quý vị cung cấp chỗ ở cho một người, quý vị được coi là cung cấp khoản hỗ trợ tương đương với giá trị cho thuê hợp lý của căn phòng, căn hộ, căn nhà hoặc nơi cư trú khác mà người đó sống. Giá trị cho thuê hợp lý bao gồm chi phí sử dụng đồ nội thất và đồ gia dụng cũng như chi phí sưởi ấm và các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp.

Định nghĩa giá trị cho thuê hợp lý. Giá trị cho thuê hợp lý là số tiền mà quý vị có thể mong đợi nhận được một cách hợp lý từ người lạ cho cùng loại hình chỗ ở. Giá trị này được sử dụng thay cho các chi phí thực tế như thuế, lãi vay, khấu hao, sơn, bảo hiểm, tiện ích cùng chi phí đồ nội thất và đồ gia dụng. Trong một số trường hợp, giá trị cho thuê hợp lý có thể bằng giá thuê đã trả.

Nếu quý vị cung cấp toàn bộ chi phí chỗ ở, số tiền hỗ trợ mà quý vị chu cấp là giá trị cho thuê hợp lý của căn phòng mà người đó sử dụng hoặc một phần giá trị cho thuê hợp lý của toàn bộ nơi cư trú nếu người đó sử dụng toàn bộ căn nhà của quý vị. Nếu quý vị không cung cấp toàn bộ chi phí chỗ ở, tổng giá trị cho thuê hợp lý phải được chia dựa trên số tiền cho nơi ở mà quý vị cung cấp. Nếu quý vị chỉ cung cấp một phần và người đó cung cấp phần còn lại, giá trị cho thuê hợp lý phải được chia cho cả hai người theo số tiền mà mỗi người cung cấp.

Ví dụ: Cha mẹ quý vị sống miễn phí trong căn nhà mà quý vị sở hữu. Căn nhà có giá trị cho thuê hợp lý là $5.400 một năm và được trang bị nội thất, bao gồm giá trị cho thuê hợp lý là $3.600 cho căn nhà và $1.800 cho đồ nội thất. Giá trị cho thuê hợp lý không bao gồm chi phí sưởi ấm và các dịch vụ tiện ích khác. Nhà có đầy đủ nội thất thuộc sở hữu của cha mẹ quý vị. Quý vị trả $600 hóa đơn tiện ích cho họ. Chi phí dịch vụ tiện ích thường không được tính vào tiền thuê nhà ở khu vực mà cha mẹ quý vị sống. Do đó, tổng giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở là $6.000 ($3.600 giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà không có đồ đạc + $1.800 dành cho đồ nội thất do cha mẹ quý vị cung cấp + $600 chi phí dịch vụ tiện ích) trong đó quý vị được coi là đã cung cấp $4.200 ($3.600 + $600).

Người sống trong nhà riêng của mình. Tổng giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà mà một người sở hữu được coi là khoản hỗ trợ do người đó đóng góp.

Sống với ai đó không phải trả tiền thuê nhà. Nếu quý vị sống với một người trong nhà của người đó mà không phải trả tiền thuê, quý vị phải giảm số tiền mà quý vị cung cấp để hỗ trợ cho người đó bằng giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở mà người đó cung cấp cho quý vị.

Tài sản. Tài sản được cung cấp để hỗ trợ được tính bằng giá trị thị trường hợp lý của tài sản đó. Giá trị thị trường hợp lý là giá bán của tài sản trên thị trường. Đây là mức giá thỏa thuận giữa người mua và người bán có thiện chí, không bắt buộc phải hành động và cả hai đều có kiến thức hợp lý về các sự kiện liên quan.

Chi phí vốn. Tài sản cố định, ví dụ như đồ nội thất, đồ gia dụng và ô tô mua cho một người trong năm có thể được tính vào tổng số tiền hỗ trợ trong một số trường hợp nhất định.

Các ví dụ dưới đây cho biết khi nào tài sản cố định được hoặc không được tính vào tiền hỗ trợ.

Ví dụ 1. Quý vị mua một chiếc máy cắt cỏ trị giá $200 cho đứa con 13 tuổi của mình. Con được giao nhiệm vụ cắt tỉa bãi cỏ. Vì máy cắt cỏ mang lại lợi ích cho tất cả các thành viên trong gia đình, không tính chi phí máy cắt cỏ vào tiền hỗ trợ cho con quý vị.

Ví dụ 2. Quý vị mua một chiếc tivi trị giá $150 làm quà sinh nhật cho đứa con 12 tuổi của mình. Tivi được đặt trong phòng ngủ của con. Quý vị có thể tính chi phí mua tivi vào tiền hỗ trợ cho con quý vị.

Ví dụ 3. Quý vị trả $5.000 mua xe và đăng ký xe dưới tên quý vị. Quý vị và cô con gái 17 tuổi của quý vị sử dụng chiếc xe với mức ngang nhau. Vì quý vị sở hữu chiếc xe và không tặng cho con gái quý vị để sử dụng riêng, không tính chi phí xe vào tổng số tiền hỗ trợ của con gái quý vị. Tuy nhiên, quý vị có thể tính các chi phí phụ để vận hành chiếc xe vì lợi ích của con vào tiền hỗ trợ của con gái quý vị.

Ví dụ 4. Con trai 17 tuổi của quý vị sử dụng tiền cá nhân để mua một chiếc xe với giá $4.500. Quý vị chu cấp phần còn lại tiền hỗ trợ của con, $4.000. Vì chiếc xe do con trai quý vị mua và sở hữu nên giá trị thị trường hợp lý của chiếc xe ($4.500) phải được tính vào tiền hỗ trợ của con. Con đã cung cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ $8.500 của bản thân ($4.500 + $4.000), vì vậy con không phải trẻ đủ điều kiện của quý vị. Quý vị đã không chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của con, vì vậy con không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Quý vị không thể khai báo con trai mình là người phụ thuộc.

Phí bảo hiểm y tế. Phí bảo hiểm y tế mà quý vị trả, bao gồm phí bảo hiểm Medicare bổ sung, được tính vào tiền hỗ trợ mà quý vị cung cấp.

Quyền lợi bảo hiểm y tế. Các quyền lợi bảo hiểm y tế, bao gồm quyền lợi Medicare cơ bản và bổ sung, không phải là một phần của hỗ trợ.

Các khoản thanh toán học phí và phụ cấp theo Đạo luật GI Bill. Số tiền mà các cựu chiến binh nhận được theo Đạo luật GI Bill để thanh toán học phí và trợ cấp khi họ đi học được tính vào tổng số tiền hỗ trợ.

Ví dụ: Trong năm, con trai của quý vị nhận được $2.200 từ chính phủ theo Đạo luật GI Bill. Con sử dụng số tiền này cho việc học của mình. Quý vị cung cấp số tiền hỗ trợ còn lại của con, $2.000. Vì quyền lợi GI được tính vào tổng số tiền hỗ trợ, tổng số tiền hỗ trợ của con trai quý vị là $4.200 ($2.200 + $2.000). Quý vị không chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của con.

Chi phí chăm sóc trẻ em. Nếu quý vị trả tiền cho ai đó để cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em hoặc người phụ thuộc, quý vị có thể tính các khoản thanh toán này vào số tiền mà quý vị đã cung cấp để hỗ trợ cho con hoặc người phụ thuộc bị khuyết tật, kể cả khi quý vị yêu cầu tín thuế cho các khoản thanh toán này. Để tìm hiểu thông tin về tín thuế, xem Ấn phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.

Các khoản mục hỗ trợ khác. Các khoản mục khác có thể được coi là tiền hỗ trợ tùy theo dữ kiện thực tế trong từng trường hợp.

Không Tính Vào Tổng Số Tiền Hỗ Trợ

Các khoản mục sau không được tính vào tổng số tiền hỗ trợ.

1. Thuế thu nhập liên bang, tiểu bang và địa phương do một người trả từ thu nhập của bản thân.
2. Thuế an sinh xã hội và Medicare do cá nhân trả từ thu nhập của bản thân.
3. Phí bảo hiểm nhân thọ.
4. Chi phí tang lễ.
5. Học bổng mà con quý vị nhận được nếu con là học sinh/sinh viên.
6. Trợ Cấp Giáo Dục của Người Còn Sống và Người Phụ Thuộc được sử dụng để hỗ trợ cho trẻ nhận được các khoản trợ cấp này.

Thỏa Thuận Trợ Cấp Đa Phương

Trong một số trường hợp, không ai cung cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của một người. Thay vào đó, hai hoặc nhiều người, mỗi người trong số đó có thể khai báo người đó là người phụ thuộc, nhưng về tiêu chí đánh giá hỗ trợ, tất cả họ đã cung cấp nhiều hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người đó.

Khi tình huống này xảy ra, quý vị có thể thỏa thuận rằng bất kỳ ai trong số quý vị cung cấp hơn 10% số tiền hỗ trợ của người đó, nhưng chỉ một người, sẽ có thể khai báo người đó là người phụ thuộc. Mỗi người trong số những người còn lại phải ký tuyên bố đồng ý không khai báo người đó là người phụ thuộc trong năm. Người khai báo người đó là người phụ thuộc phải lưu những tuyên bố có chữ ký này vào hồ sơ của mình. Tuyên bố cấp dưỡng đa phương của từng người đã đồng ý không khai báo người đó là người phụ thuộc phải được đính kèm hồ sơ khai thuế của người khai báo người đó là người phụ thuộc. Có thể sử dụng Mẫu 2120 cho mục đích này.

Quý vị có thể khai báo một người là người phụ thuộc theo thỏa thuận trợ cấp đa phương đối với người có quan hệ với quý vị hoặc người đã sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị.

Ví dụ 1. Quý vị, chị gái và hai anh trai chu cấp toàn bộ tiền hỗ trợ của mẹ quý vị trong năm. Quý vị chu cấp 45%, chị gái quý vị chu cấp 35%, và hai anh trai của quý vị mỗi người chu cấp 10%. Quý vị hoặc chị gái của quý vị có thể khai báo bà là người phụ thuộc. Người kia phải ký tuyên bố đồng ý không khai báo bà là người phụ thuộc. Người tuyên bố bà là người phụ thuộc phải đính kèm Mẫu 2120, hoặc một tờ khai tương tự, vào hồ sơ của họ và phải giữ tuyên bố có chữ ký của người kia trong hồ sơ của mình. Vì hai anh trai không cung cấp nhiều hơn 10% số tiền hỗ trợ, cả hai không thể khai báo mẹ quý vị là người phụ thuộc và không phải ký tuyên bố.

Ví dụ 2. Quý vị và anh trai mỗi người chu cấp 20% số tiền hỗ trợ cho mẹ quý vị trong năm. 60% số tiền hỗ trợ còn lại của bà do hai người khác không có quan hệ quyến thuộc với bà cung cấp ở mức ngang nhau. Bà không sống với họ. Vì hơn một nửa số tiền hỗ trợ của bà được cung cấp bởi những người không đủ điều kiện khai báo bà là người phụ thuộc, không ai có thể khai báo bà là người phụ thuộc.

Ví dụ 3. Cha quý vị sống với quý vị và nhận được 25% tiền hỗ trợ từ an sinh xã hội, 40% từ quý vị, 24% từ anh trai (bác của quý vị) và 11% từ một người bạn. Quý vị hoặc bác có thể khai báo cha quý vị là người phụ thuộc nếu người còn lại ký tuyên bố không khai báo. Người khai báo cha quý vị là người phụ thuộc phải đính kèm Mẫu 2120, hoặc một tờ khai tương tự, vào hồ sơ khai thuế của mình đồng thời phải lưu vào hồ sơ tuyên bố có chữ ký của người đồng ý không khai báo ông là người phụ thuộc.

Tiêu Chí Đánh Giá Hỗ Trợ Cho Con Của Cha Mẹ Đã Ly Hôn Hoặc Ly Thân (Hoặc Cha Mẹ Sống Xa Nhau)

Trong hầu hết các trường hợp, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) sẽ là trẻ đủ điều kiện của một trong hai người. Xem phần *Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau)* trong mục *Trẻ Đủ Điều Kiện* ở phần trên. Tuy nhiên, nếu trẻ không đáp ứng yêu cầu để trở thành trẻ đủ điều kiện của cha hoặc mẹ, trẻ có thể là thân nhân đủ điều kiện của một trong hai người. Nếu quý vị nghĩ rằng trường hợp này có thể áp dụng với quý vị, xem Ấn phẩm 501.

Số An Sinh Xã Hội Cho Người Phụ Thuộc

Quý vị phải khai báo số an sinh xã hội (SSN) của bất kỳ người phụ thuộc nào mà quý vị liệt kê trong phần *Người Phụ Thuộc* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

CAUTION *Nếu quý vị không khai báo SSN của người phụ thuộc khi được yêu cầu, hoặc nếu quý vị khai báo SSN không chính xác, một số quyền lợi thuế nhất định có thể không được cho phép.*

Không có SSN. Nếu một người mà quý vị muốn khai báo là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của quý vị không có SSN, quý vị hoặc người đó phải nộp đơn xin cấp SSN càng sớm càng tốt bằng cách nộp Mẫu SS-5, Đơn Xin Cấp Thẻ An Sinh Xã Hội, tới Sở An Sinh Xã Hội (Social Security Administration, SSA). Quý vị có thể lấy Mẫu SS-5 trực tuyến tại địa chỉ *SSA.gov* hoặc tại văn phòng SSA địa phương.

Thường mất khoảng 2 tuần để nhận SSN sau khi SSA có tất cả những thông tin cần thiết. Nếu quý vị không có SSN cần thiết trước ngày đến hạn khai thuế, quý vị có thể nộp Mẫu 4868 để gia hạn thời gian khai thuế.

Sinh và mất trong năm 2020. Nếu con quý vị được sinh ra rồi qua đời trong năm 2020 và quý vị không có SSN cho con, quý vị có thể đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử hoặc hồ sơ bệnh viện của con. Tài liệu phải cho thấy con còn sống khi sinh. Với trường hợp này, điền "ĐÃ QUA ĐỜI" vào cột (2) trong phần *Người Phụ Thuộc* trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị.

Ngoại nhân hoặc người được nhận làm con nuôi không có SSN. Nếu người phụ thuộc của quý vị không có và không thể xin cấp SSN, quý vị phải khai số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN) hoặc mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN) thay cho SSN.

Số nhận diện người đóng thuế cho ngoại nhân. Nếu người phụ thuộc của quý vị là ngoại nhân thường trú hoặc không thường trú không có và không đủ điều kiện xin cấp SSN, người phụ thuộc của quý vị phải nộp đơn đăng ký số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN). Để tìm hiểu chi tiết về cách đăng ký, xem Mẫu W-7, Đơn Xin Sở Thuế Vụ Cấp Số Nhận Diện Người Nộp Thuế Cá Nhân.

Số nhận diện người đóng thuế cho người được nhận làm con nuôi. Nếu quý vị có trẻ được một cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em có thẩm quyền sắp xếp ở cùng quý vị, quý vị có thể khai báo trẻ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, nếu quý vị không thể xin cấp SSN hoặc ITIN cho trẻ, quý vị phải xin Sở Thuế Vụ cấp mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN) cho trẻ. Xem Mẫu W-7A, Đơn Xin Cấp Số Nhận Diện Người Nộp Thuế Cho Trường Hợp Nhận Con Nuôi Đang Chờ Xử Lý Ở Hoa Kỳ, để tìm hiểu chi tiết.

4.

Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính

Quy Định Mới cho Năm 2020

Ngày đến hạn cho việc gia hạn các khoản thuế ước tính. Ngày đến hạn nộp các biểu mẫu thuế ước tính và nộp thuế ước tính đã được hoãn lại đến ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Quy Định Mới cho Năm 2021

Những thay đổi về luật thuế cho năm 2021. Nếu quý vị đang xem xét mức khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương của mình cũng như tính số tiền thuế ước tính, hãy cân nhắc những thay đổi của luật thuế có hiệu lực trong năm 2021. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 505, Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính.

Nhắc nhở

Thuế ước tính theo điều khoản safe habour (không vi phạm một quy tắc nhất định) dành cho người đóng thuế có thu nhập cao hơn. Nếu tổng thu nhập đã điều chỉnh năm 2020 của quý vị cao hơn $150.000 ($75.000 nếu quý vị đã kết hôn và khai thuế riêng), để tránh bị phạt thuế ước tính, số tiền thuế quý vị phải đóng là con số nhỏ hơn giữa 90% thuế ước tính cho năm 2021 và 110% số tiền thuế đã khai trong hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị.

Giới thiệu

Nội dung của chương này trình bày cách thức đóng thuế dựa trên tiền lương hoặc thu nhập mà quý vị nhận được trong năm. Nhìn chung, thuế thu nhập liên bang là loại thuế vừa làm vừa trả. Có hai cách để đóng thuế vừa làm vừa trả.

- ***Khấu Lưu Thuế.*** Nếu quý vị là người lao động, nhà tuyển dụng của quý vị có thể khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương chi trả cho quý vị. Ngoài ra, thuế thu nhập có thể bị khấu lưu từ một số nguồn thu nhập khác, chẳng hạn như lương hưu, tiền thưởng, hoa hồng và tiền thắng bài bạc. Số tiền khấu lưu sẽ được nộp cho Sở Thuế Vụ dưới danh nghĩa của quý vị.
- ***Thuế ước tính.*** Nếu quý vị không nộp thuế của mình thông qua khấu lưu, hoặc không nộp đủ thuế theo cách đó, thì quý vị có thể phải trả thuế ước tính. Nhìn chung, những người tự kinh doanh sẽ phải đóng thuế theo cách này. Ngoài ra, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính cho các khoản thu nhập như cổ tức, tiền lãi, lợi nhuận đầu tư, tiền cho thuê và tiền tác quyền. Thuế ước tính được sử dụng không chỉ để trả thuế thu nhập mà còn để chi trả thuế tư doanh và thuế tối thiểu thay thế.

Chương này mô tả các phương pháp này. Ngoài ra, chương cũng giải thích những nội dung dưới đây.

- ***Tín thuế cho khấu lưu và thuế ước tính.*** Khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế thu nhập năm 2020, hãy lấy tín thuế cho tất cả các khoản thuế thu nhập đã khấu lưu từ tiền lương, tiền công, lương hưu của quý vị, v.v. và cho khoản thuế ước tính mà quý vị đã đóng cho năm 2020. Ngoài ra hãy lấy tín thuế cho bất kỳ khoản thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt vượt mức nào đã được khấu lưu. Xem Ấn phẩm 505
- ***Hình phạt do trả thiếu.*** Nếu quý vị không đóng đủ thuế trong năm, thông qua khấu lưu hoặc nộp thuế ước tính, quý vị có thể phải trả hình phạt. Trong hầu hết các trường hợp, Sở Thuế Vụ có thể tính mức phạt này cho quý vị. Tham khảo *Tiền Phạt Do Trả Thiếu cho Năm 2020* ở cuối chương này.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

❑ **505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính

Mẫu (và Hướng dẫn)

❑ **W-4** Chứng Chỉ Tạm Thu Thuế của Nhân Viên

❑ **W-4P** Giấy Chứng Nhận Khấu Lưu Hưu Trí hoặc Thanh Toán Niên Kim

❑ **W-4S** Yêu Cầu Khấu Lưu Thuế Thu Nhập Liên Bang từ Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh

❑ **W-4V** Yêu Cầu Khấu Lưu Tự Nguyện

❑ **1040-ES** Thuế Ước Tính cho Cá Nhân

❑ **2210** Số Tiền Nợ Còn Thiếu của Thuế Ước Tính cho Cá Nhân, Bất Động Sản và Quỹ Tín Thác

❑ **2210-F** Số Tiền Nợ Còn Thiếu của Thuế Ước Tính cho Nông Dân và Ngư Dân

Khấu Lưu Thuế cho Năm 2021

Nội dung của phần này trình bày khấu lưu thuế thu nhập đối với:

- Tiền lương và tiền công,
- Tiền boa,
- Các quyền lợi phụ chịu thuế,
- Trợ cấp nghỉ ốm,
- Hưu bổng và niên kim,
- Tiền thắng đánh bạc,
- Trợ cấp thất nghiệp, và
- Các khoản chi trả liên bang nhất định.

Phần này sẽ giải thích các quy tắc khấu lưu thuế cho mỗi loại hình thu nhập nêu trên.

Ngoài ra, phần này cũng đề cập đến khấu lưu thuế dự phòng đối với tiền lãi, cổ tức và các khoản thanh toán khác.

Tiền lương và Tiền công

Hầu hết nhân viên đóng thuế thu nhập thông qua hình thức khấu lưu từ lương. Tiền lương của quý vị bao gồm tiền lương thông thường, tiền thưởng, hoa hồng và trợ cấp nghỉ phép. Bao gồm các khoản hoàn trả và các khoản phụ cấp chi phí khác được trả theo một chương trình phi trách nhiệm. Tham khảo mục *Lương Bổng Bổ Sung* ở phần sau để biết thêm thông tin về các khoản hoàn trả và khoản trợ cấp được trả theo một chương trình phi trách nhiệm.

Nếu thu nhập của quý vị không đạt đến mức phải đóng thuế thu nhập trong năm, quý vị có thể được miễn khấu lưu thuế. Điều này sẽ được giải thích trong mục *Miễn Khấu Lưu Thuế* ở phần sau.

Quý vị có thể yêu cầu đơn vị sử dụng lao động của mình khấu lưu thuế thu nhập từ thù lao phi tiền mặt và các khoản lương khác không phải chịu khấu lưu. Nếu chủ lao động của quý vị không đồng ý khấu lưu thuế, hoặc lương không đủ để khấu lưu, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính, như được thảo luận ở sau trong phần *Thuế Ước Tính cho Năm 2021*.

Quân nhân về hưu. Tiền lương hưu quân đội cũng được khấu lưu thuế thu nhập theo cùng một cách như tiền lương thông thường, ngay cả khi nó được xem là lương hưu hoặc niên kim cho các mục đích thuế khác.

Người làm thuê tại nhà. Nếu quý vị là người làm thuê tại nhà, quý vị có thể yêu cầu đơn vị sử dụng lao động khấu lưu thuế thu nhập từ tiền công trả cho quý vị. Người làm thuê tại nhà là nhân viên làm công việc nhà tại nhà riêng, câu lạc bộ của đại học địa phương, hoặc hội nam sinh hoặc hội nữ sinh địa phương.

Thuế chỉ bị khấu lưu khi quý vị muốn được khấu lưu và đơn vị sử dụng lao động của quý vị đồng ý khấu lưu. Nếu quý vị không có đủ thuế thu nhập đã khấu lưu, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính, sẽ được thảo luận ở phần sau trong mục *Thuế Ước Tính cho Năm 2021*.

Công nhân nông trại. Nhìn chung, thuế thu nhập sẽ được khấu lưu từ tiền công quý vị nhận được bằng tiền mặt cho công việc trên nông trại trừ khi đơn vị sử dụng lao động của quý vị thực hiện cả hai điều sau:

- Trả công cho quý vị với số tiền dưới $150 trong năm, và
- Có tổng chi tiêu cho lao động nông nghiệp dưới mức $2.500 trong năm.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Khi người lao động nghỉ việc để thực hiện nghĩa vụ quân sự, một số đơn vị sử dụng lao động bù đắp phần chênh lệch giữa lương quân sự và lương dân sự. Các khoản thanh toán cho người lao động đang tại ngũ trong thời gian hơn 30 ngày sẽ bị khấu lưu thuế thu nhập, nhưng sẽ không bị khấu lưu thuế an sinh xã hội, Medicare, hoặc trợ cấp thất nghiệp liên bang (FUTA). Tiền công và khấu lưu thuế sẽ được báo cáo trên Mẫu W-2, Báo Cáo Lương Bổng và Thuế.

Xác Định Số Tiền Thuế Đã Khấu Lưu Theo Mẫu W-4

Thuế thu nhập mà đơn vị sử dụng lao động giữ lại từ tiền lương thông thường của quý vị phụ thuộc vào hai điều.

- Số tiền quý vị nhận được trong mỗi kỳ lương.
- Thông tin quý vị cung cấp cho chủ lao động của mình trên Mẫu W-4.

Mẫu W-4 đưa ra các bước để giúp quý vị xác định khoản khấu lưu của mình. Chỉ hoàn thành các Bước 2 - 4 nếu chúng áp dụng cho trường hợp của quý vị.

- **Bước 1.** Nhập thông tin cá nhân của quý vị bao gồm tình trạng khai thuế của quý vị.
- **Bước 2.** Hoàn thành bước này nếu quý vị làm nhiều công việc cùng một lúc hoặc là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị cùng vợ/chồng của mình đều có việc làm.
- **Bước 3.** Hoàn thành bước này nếu quý vị xin xét người phụ thuộc.
- **Bước 4.** Hoàn thành bước tùy chọn này để thực hiện các điều chỉnh khác.
  *Thu nhập khác
  *Các khoản khấu trừ
  *Khấu lưu thêm

Công Việc Mới

Khi quý vị bắt đầu một công việc mới, quý vị phải điền vào Mẫu W-4 và đưa lại cho đơn vị sử dụng lao động của quý vị. Đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải có bản sao của mẫu đơn này. Nếu sau này quý vị cần thay đổi thông tin, quý vị phải điền vào mẫu đơn mới.

Nếu quý vị chỉ làm việc một phần trong năm (chẳng hạn như bắt đầu làm việc sau khi đã qua năm mới), mức khấu lưu thuế của quý vị có thể rất cao. Quý vị có thể tránh tình trạng khấu lưu vượt mức nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị đồng ý sử dụng phương pháp một phần của năm. Tham khảo *Phương Pháp Một Phần Của Năm* trong chương 1 của Ấn phẩm 505 để tìm hiểu thêm thông tin.

Người lao động cũng đang nhận thu nhập hưu trí. Nếu quý vị đang nhận lương hưu hoặc thu nhập niên kim và bắt đầu một công việc mới, quý vị sẽ cần phải nộp Mẫu W-4 cho đơn vị sử dụng lao động mới của mình. Tuy nhiên, quý vị có thể tách phần khấu lưu từ lương hưu và công việc mới theo bất kỳ cách nào.

Thay Đổi Mức Khấu Lưu Của Quý Vị

Trong năm có thể xảy ra những thay đổi về tình trạng hôn nhân của quý vị, các điều chỉnh, khoản khấu trừ hoặc tín thuế mà quý vị dự kiến yêu cầu trên hồ sơ khai thuế của mình. Nếu xảy ra những thay đổi trên, quý vị có thể cần nộp cho đơn vị sử dụng lao động của mình Mẫu W-4 mới để thay đổi tình trạng khấu lưu của quý vị.

Nhìn chung, quý vị có thể nộp Mẫu W-4 mới bất cứ khi nào quý vị muốn thay đổi thông tin đã nhập vào Mẫu W-4 của mình vì bất kỳ lý do nào.

Thay đổi mức khấu lưu của quý vị cho năm 2022. Nếu có sự kiện xảy ra trong năm 2021 làm thay đổi số tiền khấu lưu mà quý vị phải đóng cho năm 2022, quý vị phải cung cấp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới không muộn hơn ngày 1 tháng 12 năm 2021. Nếu sự kiện đó xảy ra vào tháng 12 năm 2021, hãy nộp Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày.

Kiểm Tra Khoản Khấu Lưu Của Quý Vị

Sau khi đã nộp Mẫu W-4 cho đơn vị sử dụng lao động của mình, quý vị có thể kiểm tra xem số thuế bị khấu lưu từ lương của mình là quá thấp hay quá cao. Nếu mức khấu lương thuế của quý vị quá thấp hoặc quá cao, quý vị cần nộp Mẫu W-4 mới cho đơn vị sử dụng lao động của mình để thay đổi mức khấu lưu của quý vị. Quý vị nên cố gắng để mức khấu lưu phù hợp với nghĩa vụ thuế thực tế của mình. Nếu khấu lưu không đủ thuế, quý vị sẽ bị nợ thuế vào cuối năm và có thể phải trả lãi và hình phạt. Nếu mức khấu lưu thuế quá cao, quý vị sẽ mất cơ hội sử dụng đồng tiền đó cho đến khi quý vị được hoàn thuế. Thường xuyên kiểm tra mức khấu lưu của quý vị nếu có những thay đổi về cuộc sống cá nhân hoặc tình hình tài chính hoặc những thay đổi về luật có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thuế của quý vị.

Lưu ý. Quý vị không thể cung cấp cho đơn vị sử dụng lao động của quý vị một khoản thanh toán để trang trải khoản khấu lưu trên tiền lương và tiền công cho các kỳ trả lương trước đây hoặc khoản thanh toán cho thuế ước tính.

Hoàn thành Mẫu W-4 và Bảng tính toán

Mẫu W-4 có các bảng tính toán để hỗ trợ quý vị tính toán chính xác số tiền khấu lưu mà quý vị có thể khai. Các bảng tính toán chỉ để quý vị lưu lại. Quý vị không cung cấp các bảng tính toán này cho đơn vị sử dụng lao động của mình.

Bảng Tính Toán Nhiều Công Việc. Nếu quý vị có thu nhập từ hai công việc trở lên cùng một lúc, hoặc là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị cùng vợ/chồng của mình đều có việc làm, hãy hoàn thành Bảng Tính Toán Nhiều Công Việc trong Mẫu W-4.

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị muốn khai thuế riêng, hãy tính mức khấu lưu của quý vị bằng bảng tính toán riêng dựa trên thu nhập cá nhân, khoản điều chỉnh, khoản khấu trừ và tín thuế của riêng quý vị.

Bảng Tính Toán Khoản Khấu Trừ. Sử dụng Bảng Tính Toán Khoản Khấu Trừ trên Mẫu W-4 nếu quý vị dự định khấu trừ từng khoản hoặc khai một số điều chỉnh đối với thu nhập và quý vị muốn giảm mức

khấu lưu của mình. Ngoài ra hãy hoàn thành bảng tính toán này khi quý vị có thay đổi cho những khoản này để xem quý vị có cần thay đổi mức khấu lưu không.

Tính Được Số Tiền Thuế Khấu Lưu Chính Xác

Trong hầu hết mọi trường hợp, thuế khấu lưu từ lương của quý vị sẽ gần đúng với số tiền thuế mà quý vị tính trên hồ sơ khai thuế nếu tuân thủ hai quy tắc sau.

- Quý vị hoàn thành chính xác tất cả các bảng tính toán của Mẫu W-4 áp dụng cho quý vị.
- Quý vị nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình khi có thay đổi.

Tuy nhiên, do các bảng tính toán này và phương pháp khấu lưu có thể không bao quát hết tất cả các tình huống có thể xảy ra, quý vị có thể không tính được mức khấu lưu chính xác. Điều này có thể rơi vào các tình huống sau.

- Quý vị đã kết hôn và cả hai vợ chồng quý vị đều đi làm.
- Quý vị có từ hai công việc trở lên cùng một lúc.
- Quý vị có nguồn thu nhập ngoài lương như tiền lãi, cổ tức, tiền cấp dưỡng, trợ cấp thất nghiệp hoặc thu nhập do tự làm chủ.
- Quý vị sẽ phải đóng thêm thuế cho hồ sơ của mình, chẳng hạn như thuế tư doanh.
- Mức khấu lưu của quý vị dựa trên thông tin đã khai trong Mẫu W-4 cho phần lớn thời gian trong năm.
- Quý vị chỉ làm việc một phần trong năm.
- Quý vị thay đổi số tiền khấu lưu của mình trong năm.

Phương pháp tiền lương cộng dồn. Nếu quý vị thay đổi số tiền khấu lưu của mình trong năm, số tiền thuế đã khấu lưu cho giai đoạn trước khi quý vị thực hiện thay đổi có thể đã quá cao hoặc quá thấp. Quý vị có thể bù đắp phần chênh lệnh này nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị sử dụng phương pháp khấu lưu tiền lương cộng dồn cho thời gian còn lại trong năm. Quý vị phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho đơn vị sử dụng lao động của mình để yêu cầu họ sử dụng phương pháp này.

Để đủ điều kiện, quý vị phải được trả lương cho cùng một loại kỳ lương (hàng tuần, hai tuần một lần, v.v.) kể từ đầu năm.

Ấn phẩm 505

Để đảm bảo quý vị tính đúng số tiền thuế khấu lưu, tham khảo Ấn phẩm 505. Nó sẽ giúp quý vị so sánh giữa tổng số tiền thuế sẽ được khấu lưu trong năm với số thuế mà quý vị có thể điền trên hồ sơ. Nó cũng sẽ giúp quý vị xác định số tiền thuế cần khấu lưu bổ sung, nếu có, cho mỗi ngày lương để tránh tình trạng nợ thuế khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế của mình. Nếu quý vị đóng không đủ thuế khấu lưu, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính, như được giải thích trong phần sau tại mục *Thuế Ước Tính cho Năm 2021*.

TIP *Quý vị có thể sử dụng Công Cụ Ước Tính Tiền Khấu Lưu Thuế tại IRS.gov/W4App, thay vì Ấn phẩm 505 hoặc các bảng tính toán đính kèm với Mẫu W-4, để xác định xem liệu quý vị cần tăng hay giảm mức khấu lưu của mình hay không.*

Các Quy Tắc Mà Đơn Vị Sử Dụng Lao Động Của Quý Vị Phải Tuân Theo

Hiểu rõ một số quy tắc khấu lưu mà đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải tuân thủ có thể hữu ích cho quý vị. Những quy tắc này có thể ảnh hưởng đến cách điền Mẫu W-4 và cách xử lý các vấn đề có thể phát sinh.

Mẫu W-4 Mới. Khi quý vị bắt đầu công việc mới, đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải yêu cầu quý vị hoàn thành Mẫu W-4. Bắt đầu từ ngày trả lương đầu tiên của quý vị, đơn vị sử dụng lao động của quý vị sẽ sử dụng thông tin mà quý vị khai trên mẫu đơn này để tính mức khấu lưu áp dụng cho quý vị.

Nếu sau này quý vị nộp Mẫu W-4 mới, đơn vị sử dụng lao động của quý vị có thể sử dụng mẫu mới trong thời gian sớm nhất có thể. Hạn chót để mẫu đơn mới có hiệu lực là bắt đầu kỳ lương đầu tiên kết thúc vào ngày 30 hoặc nhiều ngày hơn sau khi quý vị nộp mẫu đơn này.

Không nộp Mẫu W-4. Nếu quý vị không nộp Mẫu W-4 cho đơn vị sử dụng lao động của mình, thì đơn vị này phải khấu lưu thuế ở mức cao nhất, như áp dụng cho người độc thân.

Hoàn thuế đã khấu lưu. Nếu quý vị phát hiện mình đang chịu mức thuế khấu lưu quá cao do quý vị đã không kê khai đúng số tiền khấu lưu mà quý vị được hưởng, quý vị phải nộp cho đơn vị sử dụng lao động của mình Mẫu W-4 mới. Đơn vị sử dụng lao động của quý vị không thể hoàn lại thuế đã khấu lưu trước đó. Thay vào đó, hãy khai đầy đủ số tiền đã khấu lưu khi quý vị nộp tờ khai thuế.

Tuy nhiên, nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị đã khấu lưu nhiều hơn số tiền thuế khai trên Mẫu W-4 mà quý vị đang áp dụng, quý vị không phải hoàn thành Mẫu W-4 mới để giảm mức khấu lưu của quý vị xuống đúng số tiền đã khai. Đơn vị sử dụng lao động của quý vị có thể hoàn trả số tiền đã được khấu lưu không chính xác. Nếu quý vị không được hoàn trả, Mẫu W-2 của quý vị sẽ phản ánh đầy đủ số tiền khấu lưu thực tế mà quý vị sẽ kê khai trong hồ sơ khai thuế của mình.

Miễn Khấu Lưu Thuế

Nếu quý vị yêu cầu miễn khấu lưu thuế, đơn vị sử dụng lao động của quý vị sẽ không khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ tiền lương của quý vị. Miễn khấu lưu thuế chỉ áp dụng đối với thuế thu nhập, không áp dụng đối với khấu lưu thuế an sinh xã hội, Medicare, hoặc FUTA.

Quý vị chỉ có thể yêu cầu miễn khấu lưu thuế cho năm 2021 nếu thuộc cả hai trường hợp sau.

- Cho năm 2020, quý vị có quyền hoàn lại tất cả các khoản thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu do quý vị đã không phát sinh nghĩa vụ thuế.
- Cho năm 2021, quý vị dự kiến sẽ được hoàn lại tất cả các khoản thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu do quý vị dự kiến sẽ không phát sinh nghĩa vụ thuế.

Sinh viên. Nếu quý vị là sinh viên, quý vị không được tự động miễn khấu lưu thuế. Tham khảo chương 1 để tìm hiểu xem liệu quý vị có phải khai thuế hay không. Nếu quý vị chỉ làm việc bán thời gian hoặc chỉ trong thời gian hè, quý vị có thể đủ điều kiện để được miễn khấu lưu thuế.

Từ 65 tuổi trở lên hoặc bị khiếm thị. Nếu quý vị từ 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, hãy sử dụng Bảng tính toán 1-1 hoặc 1-2 trong chương 1 của Ấn phẩm 505 để hỗ trợ quý vị xác định liệu quý vị có đủ điều kiện được miễn khấu lưu thuế hay không. Không sử bảng tính toán nếu quý vị sẽ khấu trừ từng khoản hoặc yêu cầu tín thuế trên hồ sơ khai thuế năm 2021 của mình. Thay vào đó, hãy tham khảo *Khấu trừ từng khoản hoặc yêu cầu tín thuế* trong chương 1 của Ấn phẩm 505.

Yêu cầu miễn khấu lưu thuế. Để yêu cầu miễn khấu lưu thuế, quý vị phải nộp Mẫu W-4 cho đơn vị sử dụng lao động của mình. Ghi chữ "Miễn khấu lưu thuế" vào mẫu đơn trong khoảng trống bên dưới Bước 4(c) và hoàn thành các bước nộp đơn của mẫu.

Nếu quý vị đã yêu cầu miễn khấu lưu thuế, tuy nhiên, sau đó có những tình huống thay đổi khiến cho cuối cùng quý vị phải đóng thuế thu nhập, quý vị phải nộp Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Nếu quý vị đã yêu cầu miễn khấu lưu thuế cho năm 2021, tuy nhiên, quý vị dự kiến sẽ có phát sinh thuế thu nhập cho năm 2022, quý vị phải nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 1 tháng 12 năm 2021.

Yêu cầu về tình trạng miễn khấu lưu thuế của quý vị có thể được Sở Thuế Vụ xem xét.

Miễn khấu lưu thuế chỉ áp dụng trong 1 năm. Quý vị phải nộp Mẫu W-4 mới cho đơn vị sử dụng lao động của mình trước ngày 15 tháng 2 hàng năm để duy trì tình trạng miễn khấu lưu thuế.

Lương Bổng Bổ Sung

Lương bổng bổ sung bao gồm tiền thưởng, hoa hồng, lương giờ phụ trội, trợ cấp nghỉ phép, tiền lương trả khi nghỉ bệnh nhất định và phụ cấp chi phí theo một số chương trình nhất định. Đơn vị trả lương có thể tính mức khấu lưu trên lương bổng bổ sung theo cùng phương pháp đã áp dụng cho tiền lương thông thường của quý vị. Tuy nhiên, nếu những khoản thanh toán này được xác định là tách biệt với tiền lương thường của quý vị thì đơn vị sử dụng lao động hoặc đơn vị khác trả lương bổng bổ sung có thể khấu lưu thuế thu nhập từ các khoản tiền lương này theo tỷ lệ cố định.

Các khoản phụ cấp chi phí. Các khoản bồi hoàn hoặc các khoản phụ cấp chi phí khác do đơn vị sử dụng lao động của quý vị chi trả theo một chương trình phi trách nhiệm sẽ được xem là lương bổng bổ sung.

Các khoản bồi hoàn hoặc các khoản phụ cấp chi phí khác được chi trả theo một chương trình có trách nhiệm ngoài các khoản chi phí đã được chứng minh sẽ được xem là chi trả theo chương trình phi trách nhiệm nếu quý vị không hoàn trả số tiền vượt mức trong khoảng thời gian hợp lý.

Để biết thêm thông tin về các chương trình phụ cấp chi phí có trách nhiệm và phi trách nhiệm, tham khảo Ấn phẩm 505.

Hình phạt

Quý vị có thể phải đóng khoản hình phạt $500 nếu thuộc các trường hợp sau.

- Quý vị kê khai hoặc yêu cầu mức khấu lưu trên Mẫu W-4 nhằm làm giảm số thuế cần khấu lưu.
- Quý vị không có cơ sở hợp lý cho việc kê khai đó hoặc mức khấu lưu tại thời điểm quý vị chuẩn bị Mẫu W-4.

Ngoài ra còn có hình phạt hình sự đối với trường hợp cố tình cung cấp thông tin sai lệch hoặc gian lận trong Mẫu W-4 hoặc cố ý không cung cấp thông tin có thể làm tăng số tiền khấu lưu. Hình phạt khi bị kết

án có thể là phạt tiền lên đến $1.000 hoặc phạt tù tối đa 1 năm, hoặc cả hai hình phạt trên.

Những hình phạt này sẽ được áp dụng nếu quý vị cố tình và chủ ý khai sai Mẫu W-4 nhằm giảm hoặc loại bỏ mức khấu lưu thuế phù hợp. Sai sót đơn giản hoặc nhầm lẫn do sơ suất sẽ không dẫn đến một trong những hình phạt trên.

Tiền boa

Tiền boa quý vị nhận được khi thực hiện công việc được xem là một phần tiền lương của quý vị. Quý vị phải khai tiền boa trên tờ khai thuế của mình trên cùng dòng với tiền lương thông thường của quý vị. Tuy nhiên, thuế sẽ không được khấu lưu trực tiếp vào thu nhập từ tiền boa mà từ tiền lương thông thường của quý vị. Tuy nhiên, đơn vị sử dụng lao động sẽ căn cứ vào tiền boa quý vị báo cáo để xác định số tiền cần phải khấu lưu từ tiền lương thông thường của quý vị.

Để biết thêm thông tin về cách báo cáo tiền boa của quý vị đến chủ lao động và về các quy tắc khấu lưu đối với thu nhập tiền boa, hãy tham khảo Ấn phẩm 531, mục Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Boa.

Đơn vị sử dụng lao động tính số tiền khấu lưu như thế nào. Tiền boa mà quý vị báo cáo cho đơn vị sử dụng lao động của mình sẽ được tính vào thu nhập cho tháng mà quý vị khai thuế. Đơn vị sử dụng lao động của quý vị có thể tính mức khấu lưu của quý vị theo một trong hai cách sau.

- Khấu lưu theo tỷ lệ thường trên tổng của tiền lương và tiền boa mà quý vị đã báo cáo.
- Khấu lưu theo tỷ lệ thường trên tiền lương của quý vị cộng với tỷ lệ phần trăm tiền boa mà quý vị đã báo cáo.

Tiền lương không đủ để đóng thuế. Nếu tiền lương thông thường của quý vị không đủ để đơn vị sử dụng lao động của quý vị khấu lưu tất cả các khoản thuế phải nộp (bao gồm thuế thu nhập, thuế an sinh xã hội và Medicare (hoặc thuế hưu trí đường sắt tương đương)) dựa trên tiền lương cộng với tiền boa của quý vị, quý vị có thể đưa thêm tiền cho đơn vị sử dụng lao động của mình để nộp cho khoản thiếu hụt này. Tham khảo Ấn phẩm 531 để biết thêm thông tin.

Tiền boa được phân bổ. Đơn vị sử dụng lao động của quý vị không phải khấu lưu thuế thu nhập, thuế Medicare, thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt trên bất kỳ khoản tiền boa được phân bổ nào. Mức khấu lưu chỉ được tính trên tiền lương cộng với tiền boa mà quý vị đã báo cáo. Đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải hoàn trả lại cho quý vị bất kỳ khoản thuế nào đã bị khấu lưu không chính xác. Tham khảo Ấn phẩm 531 để biết thêm thông tin.

Các Quyền Lợi Phụ Chịu Thuế

Giá trị của một số quyền lợi phụ phi tiền mặt mà quý vị nhận được từ đơn vị sử dụng lao động được xem là một phần tiền lương của quý vị. Thông thường, chủ lao động của quý vị phải khấu lưu thuế thu nhập cho những quyền lợi này từ tiền lương thông thường của quý vị.

Để biết thông tin về quyền lợi phụ, tham khảo mục *Quyền Lợi Phụ* trong phần *Lương Bổng Của Nhân Viên* trong chương 5.

Mặc dù giá trị quý vị có được từ việc sử dụng ô tô, xe tải hoặc phương tiện di chuyển cơ giới khác do đơn vị sử dụng lao động cung cấp đều phải chịu thuế, tuy nhiên, đơn vị sử dụng lao động của quý vị có thể chọn không khấu lưu thuế thu nhập trên số tiền này. Đơn vị sử dụng lao động phải thông báo cho quý vị biết nếu áp dụng lựa chọn này.

Để biết thêm thông tin về việc khấu lưu các quyền lợi phụ chịu thuế, tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 505.

Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh

Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh là khoản thanh toán cho quý vị thay cho tiền lương thông thường trong thời gian quý vị tạm thời nghỉ việc do ốm đau hoặc thương tật cá nhân. Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh chỉ được trả qua một chương trình mà đơn vị sử dụng lao động của quý vị là một bên tham gia.

Nếu quý vị nhận tiền lương trả khi nghỉ bệnh từ đơn vị sử dụng lao động của quý vị hoặc đại lý của đơn vị sử dụng lao động thì số tiền lương này sẽ chịu khấu lưu thuế thu nhập. Với đại lý không chi trả tiền lương thông thường cho quý vị, họ có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập theo tỷ lệ cố định.

Tuy nhiên, nếu quý vị nhận tiền lương trả khi nghỉ bệnh từ bên thứ ba không phải là đại lý của đơn vị sử dụng lao động của quý vị, thuế thu nhập chỉ được khấu lưu khi quý vị chọn hình thức khấu lưu. Tham khảo *Mẫu W-4S* ở phần sau.

Nếu quý vị nhận được các khoản thanh toán theo một chương trình mà đơn vị sử dụng lao động của quý vị không tham gia (chẳng hạn như chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc y tế mà quý vị đã trả tất cả phí bảo hiểm), thì các khoản thanh toán đó không phải là tiền lương trả khi nghỉ bệnh và thường không phải chịu thuế.

Các thỏa thuận công đoàn. Nếu quý vị nhận tiền lương trả khi nghỉ bệnh theo thỏa ước lao động tập thể giữa công đoàn của quý vị và đơn vị sử dụng lao động của quý vị, số tiền khấu lưu thuế thu nhập có thể được xác định dựa trên thỏa thuận này. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện công đoàn hoặc đơn vị sử dụng lao động của quý vị.

Mẫu W-4S. Nếu quý vị chọn khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương trả khi nghỉ bệnh do bên thứ ba chi trả, chẳng hạn như công ty bảo hiểm, quý vị phải điền vào Mẫu W-4S. Quý vị sẽ tìm thấy bảng tính toán trong phần hướng dẫn để giúp quý vị tính được số tiền quý vị muốn khấu lưu. Hướng dẫn cũng đưa ra một số hạn chế có thể được áp dụng.

Hãy nộp mẫu đơn đã điền cho đơn vị chi trả tiền lương khi nghỉ bệnh của quý vị. Đơn vị chi trả này sẽ khấu lưu thuế thu nhập theo chỉ dẫn của quý vị điền trong đơn.

Thuế ước tính. Nếu quý vị không yêu cầu khấu lưu trên Mẫu W-4S, hoặc nếu quý vị không có đủ tiền khấu lưu thuế, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính. Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu lưu thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải chịu hình phạt. Tham khảo mục *Tiền Phạt Do Trả Thiếu cho Năm 2020* ở cuối chương này.

Hưu bổng và Niên kim

Thuế thu nhập thường sẽ được khấu lưu từ lương hưu hoặc các khoản phân phối niên kim trừ khi quý vị chọn không khấu lưu từ nguồn thu nhập này. Quy tắc này áp dụng cho các khoản phân phối đến từ:

- Trương mục hưu trí cá nhân (IRA) truyền thống;
- Một công ty bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng quyên tặng, niên kim hoặc bảo hiểm nhân thọ;
- Chương trình chi trả lương hưu, niên kim hoặc chia sẻ lợi nhuận;
- Chương trình thưởng cổ phiếu; và
- Bất kỳ chương trình nào khác làm trì hoãn thời gian quý vị nhận trợ cấp.

Số tiền khấu lưu sẽ phụ thuộc vào việc quý vị nhận các khoản thanh toán dàn trải trong hơn một năm (khoản thanh toán định kỳ), hoặc trong vòng 1 năm (khoản thanh toán không định kỳ) hoặc là khoản phân phối chuyển qua đủ điều kiện (ERD). Việc khấu lưu thuế thu nhập từ ERD là bắt buộc.

Thông tin bổ sung. Để có thêm thông tin về khấu lưu thuế trên lương hưu và niên kim, bao gồm cả phần thảo luận của Mẫu W-4P, tham khảo mục *Hưu bổng và Niên kim* trong chương 1 của Ấn phẩm 505.

Tiền thắng bài bạc

Thuế thu nhập được khấu lưu ở mức cố định là 24% đối với một số hình thức thắng bài bạc.

Tiền thắng bài bạc từ $5.000 trở lên từ các nguồn sau sẽ chịu khấu lưu thuế thu nhập.

- Bất kỳ hình thức rút thăm trúng thưởng; cá cược, bao gồm các khoản chi trả cho người thắng cuộc trong các giải đấu poker; hoặc tiền trúng xổ số.
- Bất kỳ các hình thức cá cược nào khác, nếu số tiền thắng cược ít nhất gấp 300 lần số tiền đặt cược.

Không phân biệt quý vị sẽ nhận tiền thắng bài bạc bằng hình thức nào, tiền mặt, tài sản hay niên kim. Việc thắng bài bạc không trả bằng tiền mặt sẽ được quy đổi theo giá trị hợp lý của thị trường.

Trường hợp ngoại lệ. Tiền thắng bài bạc từ trò chơi Bingo, Keno và máy đánh bạc thường không bị khấu lưu thuế thu nhập. Tuy nhiên, quý vị có thể cần cung cấp cho đơn vị chi trả số an sinh xã hội để tránh bị khấu lưu thuế. Tham khảo mục *Khấu lưu thuế dự phòng trên tiền thắng bài bạc* trong chương 1 của Ấn phẩm 505. Nếu quý vị nhận tiền thắng bài bạc không bị khấu lưu thuế, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính. Tham khảo mục *Thuế Ước Tính cho Năm 2021* ở phần sau.

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu lưu thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục *Tiền Phạt Do Trả Thiếu cho Năm 2020* ở cuối chương này.

Mẫu W-2G. Nếu đơn vị chi trả khấu lưu thuế thu nhập từ tiền thắng bài bạc của quý vị, quý vị phải nhận được Mẫu W-2G, Tiền Thắng Bài Bạc Nhất Định, thể hiện số tiền mà quý vị thắng bài bạc và số tiền khấu lưu. Báo cáo thuế khấu lưu trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c.

Trợ Cấp Thất Nghiệp

Quý vị có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập từ khoản trợ cấp thất nghiệp. Để thực hiện lựa chọn này, hãy điền Mẫu W-4V (hoặc mẫu tương tự do đơn vị chi trả cung cấp) và đưa mẫu này cho đơn vị chi trả.

Tất cả các khoản trợ cấp thất nghiệp đều bị chịu thuế. Nếu quý vị không có khấu lưu thuế thu nhập, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính. Tham khảo mục *Thuế Ước Tính cho Năm 2021* ở phần sau.

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu lưu thuế, hoặc cả hai

hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục *Tiền Phạt Do Trả Thiếu cho Năm 2020* ở cuối chương này.

Khoản Chi Trả Liên Bang

Quý vị có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập từ một số khoản chi trả liên bang mà quý vị nhận được. Những khoản chi trả này gồm có.

1. Quyền lợi an sinh xã hội.
2. Quyền lợi hưu trí đường sắt bậc 1.
3. Các khoản vay của công ty tín dụng hàng hóa mà quý vị chọn để tính vào tổng thu nhập của mình.
4. Các khoản thanh toán theo Đạo Luật Nông Nghiệp Năm 1949 (7 U.S.C. 1421 và tiếp theo), được sửa đổi, hoặc theo tiêu đề II của Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai (Disaster Assistance Act) Năm 1988, được xem là tiền bảo hiểm với lý do nhận được vì:
   a. Cây trồng của quý vị bị phá hủy hoặc thiệt hại do hạn hán, lũ lụt, hoặc thiên tai khác; hoặc
   b. Quý vị không thể trồng trọt do ảnh hưởng của thiên tai được mô tả trong phần (a).
5. Bất kỳ các khoản chi trả nào khác theo luật liên bang được Bộ Trưởng phê duyệt.

Để thực hiện lựa chọn này, hãy điền Mẫu W-4V (hoặc mẫu tương tự do đơn vị chi trả cung cấp) và đưa mẫu này cho đơn vị chi trả.

Nếu quý vị không chọn khấu lưu thuế thu nhập, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính. Tham khảo mục *Thuế Ước Tính cho Năm 2021* ở phần sau.

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu lưu thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục *Tiền Phạt Do Trả Thiếu cho Năm 2020* ở cuối chương này.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về việc xử lý thuế đối với quyền lợi an sinh xã hội và trợ cấp hưu trí đường sắt, tham khảo chương 7. Lấy Ấn phẩm 225, Hướng Dẫn Thuế Cho Nông Dân, để biết thêm thông tin về việc xử lý thuế đối với các khoản vay của công ty tín dụng hàng hóa hoặc các khoản chi trả cho vụ mùa do thiên tai.

Khấu Lưu Thuế Dự Phòng

Ngân hàng hoặc doanh nghiệp có chi trả cho quý vị hình thức thu nhập nhất định cần phải nộp bảng kê khai thông tin (Mẫu 1099) cho Sở Thuế Vụ. Bảng kê khai thông tin sẽ cho biết số tiền mà quý vị được chi trả trong năm. Thông tin về họ tên và số nhận diện người đóng thuế (TIN) của quý vị sẽ được đưa vào bảng kê này. Mã số TIN này được giải thích trong chương 1 tại mục *Số An Sinh Xã Hội (SSN)*.

Các khoản chi trả này thường không bị khấu lưu thuế. Tuy nhiên, khấu lưu thuế "dự phòng" là bắt buộc trong một số trường hợp nhất định. Khấu lưu thuế dự phòng có thể áp dụng cho hầu hết các hình thức chi trả được báo cáo trong Mẫu 1099.

Đơn vị chi trả phải khấu lưu thuế theo tỷ lệ cố định là 24% trong các trường hợp sau.

- Quý vị không cung cấp cho đơn vị chi trả mã số TIN của mình theo quy định.
- Đơn vị chi trả được thông báo từ Sở Thuế Vụ rằng mã số TIN mà quý vị cung cấp không chính xác.
- Quý vị được yêu cầu phải xác nhận quý vị không thuộc diện khấu lưu thuế dự phòng, nhưng quý vị đã không xác nhận.
- Sở Thuế Vụ thông báo cho đơn vị chi trả bắt đầu khấu lưu thuế trên tiền lãi hoặc cổ tức của quý vị vì quý vị đã báo cáo không đầy đủ tiền lãi hoặc cổ tức trên tờ khai thuế thu nhập của quý vị. Sở Thuế Vụ sẽ chỉ thực thi biện pháp này sau khi đã gửi 4 thông báo nhắc nhở qua email cho quý vị.

Truy cập *IRS.gov/Businesses/Small-Businesses-Self-Employed/Backup-Withholding* để biết thêm thông tin về các hình thức chi trả bị khấu lưu thuế dự phòng.

Hình phạt. Việc cung cấp sai thông tin để tránh khấu lưu thuế dự phòng đều có thể dẫn đến các hình phạt dân sự và hình phạt hình sự. Khoản hình phạt dân sự là $500. Sau khi bị kết án, hình phạt hình sự sẽ là phạt tiền lên đến $1.000 hoặc phạt tù đến 1 năm, hoặc cả hai hình phạt này.

Thuế Ước Tính cho Năm 2021

Thuế ước tính là phương pháp được sử dụng để nộp thuế đối với thu nhập không phải chịu thuế tạm thu. Phương pháp này áp dụng cho thu nhập do tự làm chủ, tiền lãi, cổ tức, tiền cấp dưỡng, tiền cho thuê, tiền thu được từ việc bán tài sản, từ giải thưởng và phần thưởng. Quý vị cũng có thể phải đóng thuế ước tính nếu số tiền thuế thu nhập được khấu lưu từ tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập khác của quý vị không đủ.

Thuế ước tính được áp dụng cho thuế thu nhập và thuế tư doanh, cũng như các loại thuế và số tiền khác được báo cáo trong hồ sơ khai thuế của quý vị. Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu lưu thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng hình phạt. Nếu quý vị không đóng đủ thuế trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán (tham khảo mục *Thời Điểm Nộp Thuế Ước Tính* ở phần sau), quý vị có thể sẽ bị phạt ngay cả khi quý vị đến hạn được hoàn thuế khi nộp hồ sơ khai thuế của mình. Để biết thông tin về thời điểm áp dụng khoản tiền phạt, vui lòng tham khảo *Hình Phạt Do Trả Thiếu cho Năm 2020* ở cuối chương này.

Đối Tượng Không Phải Chịu Thuế Ước Tính

Nếu quý vị có thu nhập từ tiền lương hoặc tiền công, quý vị có thể tránh việc nộp thuế ước tính bằng cách đề nghị đơn vị sử dụng lao động của quý vị khấu lưu mức thuế cao hơn từ thu nhập của quý vị. Để đề nghị, vui lòng nộp Mẫu W-4 mới cho đơn vị sử dụng lao động của quý vị. Xem chương 1 của Ấn phẩm 505.

Thuế ước tính không bắt buộc. Quý vị không phải nộp thuế ước tính cho năm 2021 nếu quý vị thỏa cả ba điều kiện sau.

- Quý vị không phát sinh nghĩa vụ thuế cho năm 2020.
- Quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc ngoại nhân thường trú trong cả năm.
- Thuế năm 2020 của quý vị bao gồm khoảng thời gian 12 tháng.

Quý vị không phát sinh nghĩa vụ thuế cho năm 2020 nếu tổng số thuế phải đóng là $0 hoặc quý vị không phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập. Để hiểu rõ hơn về "tổng số thuế" cho năm 2020, vui lòng tham khảo Ấn phẩm 505, chương 2.

Đối Tượng Phải Nộp Thuế Ước Tính

Nếu quý vị nợ thuế bổ sung cho năm 2020, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính cho năm 2021.

Quý vị có thể tham khảo các quy tắc chung sau đây làm hướng dẫn khai thuế cho cả năm để tính xem liệu quý vị đã khấu lưu đủ thuế, hoặc có cần tăng mức khấu lưu hoặc nộp thuế ước tính hay không.

Quy tắc chung. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải nộp thuế ước tính cho năm 2021 nếu rơi vào hai trường hợp sau.

1. Quý vị có khả năng nợ thuế với số tiền ít nhất $1.000 cho năm 2021 sau khi trừ đi các khoản khấu lưu và tín thuế được hoàn lại.
2. Quý vị ước tính khoản khấu lưu cộng với tín thuế được hoàn lại của mình thấp hơn con số nhỏ hơn, giữa:
   a. 90% số tiền thuế được thể hiện trên hồ sơ khai thuế năm 2021 của quý vị, hoặc
   b. 100% số tiền thuế được thể hiện trên hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị (tuy nhiên, cần tham khảo mục *Các quy tắc đặc biệt dành cho nông dân, ngư dân và người đóng thuế có thu nhập cao hơn* ở phần sau). Hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị phải bao gồm khoảng thời gian 12 tháng.

CAUTION *Nếu kết quả từ việc áp dụng các quy tắc chung nêu trên cho thấy quý vị chưa khấu lưu đủ thuế, hãy sử dụng Bảng Tính Toán Thuế Ước Tính năm 2021 trong Ấn phẩm 505 để tính toán chính xác hơn.*

Các quy tắc đặc biệt dành cho nông dân, ngư dân và người đóng thuế có thu nhạp cao hơn. Nếu ít nhất hai phần ba tổng thu nhập của quý vị trong năm 2020 và 2021 bắt nguồn từ hoạt động nông nghiệp hoặc đánh bắt thủy hải sản, hãy áp dụng tỷ lệ 66²/₃% thay vì 90% trong dòng (2a) của mục *Quy tắc chung* ở phần trước đó. Nếu AGI của quý vị cho năm 2020 cao hơn $150.000 ($75.000 nếu tình trạng khai thuế của quý vị cho năm 2021 là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế), hãy áp dụng tỷ lệ 110% thay vì 100% trong dòng (2b) của mục *Quy tắc chung* ở phần trước đó. Tham khảo Hình 4-A và Ấn phẩm 505, chương 2, để tìm hiểu thêm thông tin.

Ngoại nhân. Ngoại nhân thường trú và không thường trú có thể phải đóng thuế ước tính. Ngoại nhân thường trú phải tuân theo các quy tắc trong chương này trừ khi có lưu ý khác. Ngoại nhân không thường trú phải lấy Mẫu 1040-ES (NR), Thuế Ước Tính Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân Không Thường Trú.

Quý vị là ngoại nhân nếu quý vị không phải là công dân hoặc không có quốc tịch Hoa Kỳ. Quý vị là ngoại nhân thường trú nếu quý vị có thẻ xanh hoặc đáp ứng tiêu chí cư trú đáng kể. Để biết thêm thông tin về tiêu chí tình trạng cư trú đáng kể, tham khảo Ấn phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân.

Người nộp thuế đã kết hôn. Nếu quý vị đủ điều kiện để thanh toán các khoản thuế ước tính nộp

Hình 4-A. **Quý Vị Có Phải Nộp Thuế Ước Tính Không?**

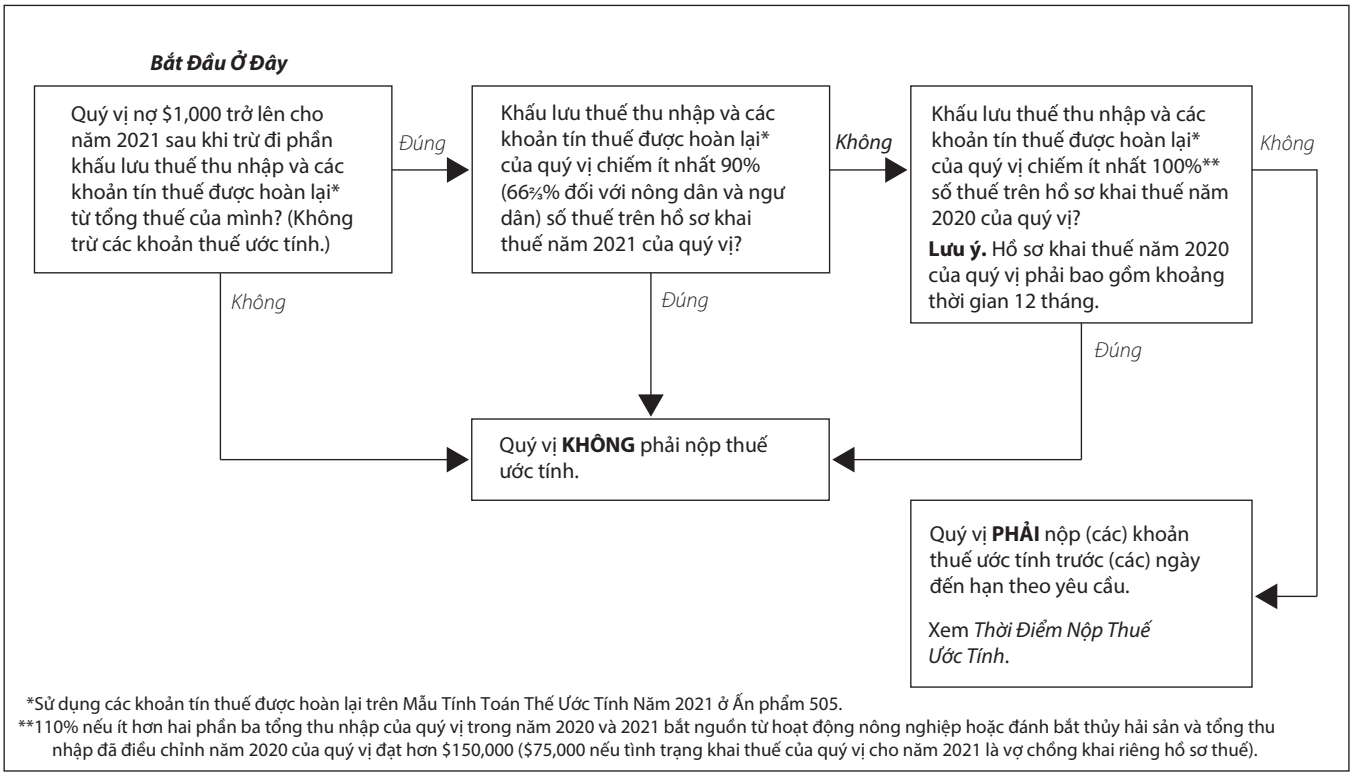

*Sử dụng các khoản tín thuế được hoàn lại trên Mẫu Tính Toán Thế Ước Tính Năm 2021 ở Ấn phẩm 505.

**110% nếu ít hơn hai phần ba tổng thu nhập của quý vị trong năm 2020 và 2021 bắt nguồn từ hoạt động nông nghiệp hoặc đánh bắt thủy hải sản và tổng thu nhập đã điều chỉnh năm 2020 của quý vị đạt hơn $150,000 ($75,000 nếu tình trạng khai thuế của quý vị cho năm 2021 là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế).

chung, hãy áp dụng các quy tắc được thảo luận tại đây cho thu nhập ước tính nộp chung của quý vị.

Quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể thanh toán thuế ước tính nộp chung ngay cả khi quý vị không sống cùng nhau.

Tuy nhiên, quý vị và vợ/chồng của quý vị không thể thanh toán thuế ước tính nộp chung trong các trường hợp sau:

- Quý vị đã ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân,
- Quý vị và vợ/chồng của quý vị có các năm chịu thuế khác nhau, hoặc
- Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú (trừ khi người này lựa chọn được xem là ngoại nhân thường trú cho mục đích thuế (tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 519)).

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị không thể nộp thuế ước tính, hãy áp dụng các quy tắc này cho thu nhập ước tính riêng của quý vị. Việc thanh toán các khoản thuế ước tính nộp chung hoặc riêng sẽ không ảnh hưởng đến việc lựa chọn khai chung hoặc khai riêng hồ sơ thuế cho năm 2021.

Hồ sơ khai thuế riêng năm 2020 và hồ sơ khai thuế chung năm 2021. Nếu quý vị dự định nộp hồ sơ khai thuế chung với vợ/chồng của mình cho năm 2021 nhưng quý vị đã khai thuế riêng cho năm 2020, thuế năm 2020 của quý vị sẽ là tổng số thuế hiển thị trên hồ sơ khai thuế riêng của quý vị. Quý vị đã nộp hồ sơ khai thuế riêng nếu quý vị thuộc diện độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Hồ sơ khai thuế chung năm 2020 và hồ sơ khai thuế riêng năm 2021. Nếu quý vị dự định nộp hồ sơ khai thuế riêng cho năm 2021 nhưng quý vị đã nộp hồ sơ khai thuế chung cho năm 2020, thuế năm 2020 của quý vị là phần thuế của quý vị trên hồ sơ khai thuế chung. Quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng nếu quý vị thuộc diện độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Để tính phần thuế của quý vị trên hồ sơ khai thuế chung, trước tiên hãy tính số tiền thuế mà quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể đã đóng nếu quý vị khai thuế riêng cho năm 2020 và sử dụng cùng tình trạng khai thuế cho năm 2021. Sau đó, nhân số tiền thuế trên tờ khai chung với tỷ lệ sau.

$$\frac{\text{Tiền thuế mà quý vị có thể đã nộp nếu khai thuế riêng}}{\text{Tổng số tiền thuế mà quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể đã nộp nếu khai thuế riêng}}$$

Ví dụ: Joe và Heather đã khai thuế chung cho năm 2020 trên tổng thu nhập chịu thuế là $48.500 với số thuế phải đóng là $5.428. Trong tổng thu nhập chịu thuế $48.500 thì phần thu nhập của Joe là $40.100 và phần còn lại của Heather. Năm 2021, họ dự định khai riêng hồ sơ thuế. Joe tính phần thuế của mình trên hồ sơ khai thuế chung năm 2020 như sau.

Số tiền thuế trên thu nhập chịu thuế $40.100 nếu khai thuế riêng . .	$4,618
Số tiền thuế trên thu nhập chịu thuế $8.400 nếu khai thuế riêng . . .	843
Tổng	$5,461
Tỷ lệ của Joe trong tổng số ($4.618 ÷ $5.461)	85%
Phần thuế của Joe trên hồ sơ khai thuế chung là ($5.428 × 85%)	$4,614

Cách Xác Định Thuế Ước Tính

Để tính thuế ước tính, quý vị phải tính tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI), thu nhập chịu thuế, các loại thuế, các khoản khấu trừ và các khoản tín thuế trong năm.

Sẽ hữu ích nếu quý vị sử dụng thu nhập, khoản khấu trừ và tín thuế năm 2020 của mình làm điểm bắt đầu để tính thuế ước tính cho năm 2021. Sử dụng tờ khai thuế liên bang năm 2020 của quý vị làm hướng dẫn. Quý vị có thể sử dụng Mẫu 1040-ES và Ấn phẩm 505 để tính thuế ước tính của quý vị. Ngoại nhân không thường trú sử dụng Mẫu 1040-ES (NR) và Ấn phẩm 505 để tính thuế ước tính (xem chương 8 của Ấn phẩm 519 để tìm hiểu thêm thông tin).

Quý vị phải thực hiện điều chỉnh nếu có những thay đổi về tình trạng cá nhân và những thay đổi trong luật thuế. Để thảo luận về những thay đổi này, hãy truy cập *IRS.gov*.

Để tìm hiểu thêm thông tin đầy đủ về cách tính thuế ước tính của quý vị cho năm 2021, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 505.

Thời Điểm Nộp Thuế Ước Tính

Vì mục đích nộp thuế ước tính, một năm chịu thuế được chia thành bốn kỳ nộp thuế. Mỗi kỳ sẽ có ngày đến hạn nộp thuế cụ thể. Nếu quý vị không đóng đủ thuế trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán, quý vị có thể sẽ bị tính phí phạt ngay cả khi quý vị đến hạn được hoàn thuế khi nộp hồ sơ khai thuế thu nhập của mình. Dưới đây là các kỳ nộp thuế thanh toán và ngày đến hạn.

Kỳ thuế:	Ngày đến hạn:*
Ngày 1 tháng 1–Ngày 31 tháng 3	Ngày 15 tháng 4
Ngày 1 tháng 4–Ngày 31 tháng 5	Ngày 15 tháng 6
Ngày 1 tháng 6–Ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 9
Ngày 1 tháng 9–Ngày 31 tháng 12	Ngày 18 tháng 1 năm sau

*Tham khảo *Thứ Bảy, Chủ nhật, quy tắc ngày lễ* và *Thanh toán vào tháng 1*.

Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc nghỉ lễ. Nếu ngày đến hạn thanh toán thuế ước tính rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, thì khoản đóng thuế vẫn được xem là đúng hạn nếu quý vị thanh toán vào ngày tiếp theo không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp.

Thanh toán vào tháng 1. Nếu quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm 2021 trước ngày 31 tháng 1 năm 2022 và thanh toán phần thuế còn nợ, quý vị không cần phải thanh toán vào ngày 18 tháng 1 năm 2022.

Người nộp thuế theo năm tài chính. Nếu năm chịu thuế của quý vị không bắt đầu vào ngày 1 tháng 1, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES cho ngày đến hạn thanh toán của quý vị.

Thời Điểm Bắt Đầu

Quý vị không phải thanh toán thuế ước tính cho đến khi quý vị có thu nhập phát sinh nghĩa vụ đóng thuế thu nhập. Nếu quý vị có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ thanh toán đầu tiên, quý vị phải thực hiện khoản thanh toán đầu tiên trước ngày đến hạn cho kỳ thanh toán đầu tiên. Quý vị có thể thanh toán toàn bộ tiền thuế ước tính của mình tại thời điểm đó, hoặc quý vị có thể trả dần. Nếu quý vị chọn trả dần, hãy thanh toán khoản trả dần đầu tiên trước ngày đến hạn của kỳ thanh toán đầu tiên. Tiến hành thanh toán các khoản trả dần còn lại trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán.

Không có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ đầu tiên. Nếu quý vị không có thu nhập chịu thuế ước tính cho đến kỳ thanh toán sau, quý vị phải thực hiện khoản thanh toán đầu tiên trước ngày đến hạn của kỳ đó. Quý vị có thể thanh toán toàn bộ thuế ước tính trước ngày đến hạn cho kỳ đó hoặc quý vị có thể trả dần trước ngày đến hạn của kỳ đó và ngày đến hạn cho các kỳ còn lại.

Bảng 4-1. **Ngày Đến Hạn Chung cho Khoản Trả Dần Thuế Ước Tính**

Nếu đây là lần đầu tiên quý vị có thu nhập chịu thuế ước tính:	Trả dần trước:*	Trả dần sau trước: *
Trước ngày 1 tháng 4	Ngày 15 tháng 4	Ngày 15 tháng 6 Ngày 15 tháng 9 Ngày 15 tháng 1 năm sau
Ngày 1 tháng 4–Ngày 31 tháng 5	Ngày 15 tháng 6	Ngày 15 tháng 9 Ngày 15 tháng 1 năm sau
Ngày 1 tháng 6–Ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 9	Ngày 15 tháng 1 năm sau
Sau ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 1 năm sau	(Không có)

*Tham khảo *Thứ Bảy, Chủ nhật, quy tắc ngày lễ* và *Thanh toán vào tháng 1*.

Số tiền thuế phải nộp để tránh bị phạt. Để xác định số tiền thuế mà quý vị phải đóng cho mỗi kỳ đến hạn, tham khảo mục *Cách Tính Số Tiền Cho Từng Kỳ Thanh Toán* ở phần sau.

Cách Tính Số Tiền Cho Từng Kỳ Thanh Toán

Quý vị phải đóng đủ số thuế ước tính trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán để tránh bị phạt cho kỳ thanh toán đó. Quý vị có thể xác định số tiền thuế phải đóng cho mỗi kỳ thanh toán theo phương pháp trả dần định kỳ hoặc phương pháp trả dần thu nhập hàng năm. Các phương pháp này được mô tả trong chương 2 của Ấn phẩm 505. Nếu quý vị không đóng đủ thuế trong mỗi kỳ thanh toán, quý vị có thể sẽ bị tính phí phạt ngay cả khi quý vị đến hạn được hoàn thuế khi nộp hồ sơ khai thuế của mình.

Nếu quý vị thấy nội dung thảo luận về *Không có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ đầu tiên* hoặc thảo luận sau đó về *Thay đổi về thuế ước tính* áp dụng cho trường hợp của mình, quý vị nên xem thêm *Phương Thức Trả Dần Thu Nhập Hàng Năm* trong chương 2 của Ấn phẩm. 505 để có thông tin giúp tránh bị phạt thuế.

Hình phạt do trả thiếu. Theo phương pháp trả dần định kỳ, nếu số tiền đóng thuế ước tính của quý vị cho mỗi kỳ thấp hơn một phần tư tổng số thuế ước tính của quý vị, quý vị có thể bị phạt do trả thiếu thuế ước tính cho kỳ đó khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế. Theo phương pháp trả dần thu nhập hàng năm, các khoản thanh toán thuế ước tính của quý vị sẽ thay đổi theo thu nhập, tuy nhiên, việc thanh toán thuế ước tính cho mỗi kỳ là bắt buộc. Tham khảo *Hướng Dẫn cho Mẫu 2210* để tìm hiểu thêm thông tin.

Thay đổi thuế ước tính. Sau khi quý vị thực hiện thanh toán thuế ước tính, quý vị có thể phải tính lại số tiền thuế ước tính của mình nếu có những thay đổi về thu nhập, các điều chỉnh, các khoản khấu trừ hoặc tín thuế. Vui lòng thanh toán dư nợ thuế ước tính đã điều chỉnh chưa thanh toán trước ngày đến hạn của khoản thanh toán tiếp theo sau khi thay đổi hoặc khoản trả dần trước ngày đến hạn cho kỳ này và ngày đến hạn cho các kỳ thanh toán còn lại.

Khoản Thanh Toán Thuế Ước Tính Không Bắt Buộc

Quý vị không phải thanh toán thuế ước tính nếu khoản khấu lưu trong mỗi kỳ thanh toán tối thiểu bằng với:

- Một phần tư khoản thanh toán hàng năm bắt buộc của quý vị, hoặc
- Khoản trả dần thu nhập hàng năm bắt buộc của quý vị cho kỳ thanh toán đó.

Quý vị cũng không phải nộp thuế ước tính nếu quý vị đóng đủ thuế thông qua hình thức khấu lưu để giữ số tiền mà quý vị nợ trên hồ sơ khai thuế dưới $1.000.

Cách Nộp Thuế Ước Tính

Có nhiều cách để nộp thuế ước tính.

- Ghi có lại khoản thanh toán vượt mức cho hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị vào thuế ước tính năm 2021 của quý vị.
- Nộp thuế bằng chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của quý vị, hoặc thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng thông qua hệ thống thanh toán qua điện thoại hoặc qua Internet.
- Gửi thanh toán của quý vị (chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền) kèm theo chứng từ thanh toán từ Mẫu 1040-ES.

Ghi Có Khoản Thanh Toán Vượt Mức

Nếu quý vị chứng minh khoản thanh toán vượt mức thuế quy định sau khi hoàn thành Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2020 của mình, quý vị có thể bù trừ một phần hoặc toàn bộ khoản thanh toán vượt mức này vào thuế ước tính cho năm 2021 của quý vị. Tại dòng 36 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy nhập số tiền mà quý vị muốn được cấn trừ vào thuế ước tính thay vì hoàn thuế. Hãy tính đến số tiền quý vị được cấn trừ khi xác định các khoản thanh toán thuế ước tính.

Quý vị không thể cấn trừ khoản thanh toán vượt mức vào thuế ước tính hoặc hoàn thuế cho đến khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế cho năm tiếp theo. Quý vị cũng không thể sử dụng khoản thanh toán vượt mức này dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Thanh Toán Trực Tuyến

Sở Thuế Vụ cung cấp tùy chọn thanh toán điện tử phù hợp cho quý vị. Thanh toán trực tuyến rất tiện lợi, an toàn đồng thời giúp đảm bảo rằng chúng tôi nhận được tiền thanh toán của quý vị đúng hạn. Để thanh toán thuế trực tuyến hoặc để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập *IRS.gov/Payments*. Quý vị có thể thanh toán bằng bất kỳ phương thức nào sau đây.

- **Trả Trực Tiếp của IRS.** Để chuyển khoản trực tuyến trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm của quý vị mà không tốn phí, hãy truy cập *IRS.gov/Payments*.
- **Thanh Toán bằng Thẻ.** Để thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, hãy truy cập *IRS.gov/Payments*. Các nhà cung cấp dịch vụ này sẽ tính phí giao dịch.
- **Rút Ngân Quỹ Điện Tử (EFW).** Đây là tùy chọn tích hợp *khai thuế điện tử*/thanh toán điện tử chỉ được cung cấp khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế liên bang điện tử thông qua phần mềm lập

hồ sơ khai thuế, thông qua chuyên gia tư vấn thuế hoặc Sở Thuế Vụ tại *IRS.gov/Payments*.

- **Hợp Đồng Thanh Toán Trực Tuyến.** Nếu quý vị không thể đóng đủ số thuế vào ngày đến hạn của tờ khai thuế, quý vị có thể đăng ký thỏa thuận trả dần hàng tháng trực tuyến tại *IRS.gov/Payments*. Sau khi hoàn thành quy trình trên mạng, quý vị sẽ được thông báo ngay để biết hợp đồng của mình có được chấp thuận hay không. Có tính phí người dùng.
- **IRS2GO.** Đây là ứng dụng trên thiết bị di động của Sở Thuế Vụ. Quý vị có thể tải xuống ứng dụng để sử dụng các tính năng Thanh Toán Trực Tiếp hoặc Thanh Toán Bằng Thẻ.

Thanh Toán qua Điện Thoại

Thanh toán qua điện thoại là một phương thức thanh toán điện tử an toàn và bảo mật khác. Sử dụng một trong các phương thức sau: **(1)** gọi đến một trong những nhà cung cấp thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, hoặc **(2)** sử dụng Hệ Thống Trả Thanh Toán Thuế Liên Bang Dạng Điện Tử (Electronic Federal Tax Payment System, EFTPS).

Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng. Hãy gọi cho một trong những nhà cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Phí dịch vụ của những nhà cung cấp này khác nhau tùy theo nhà cung cấp, loại thẻ và số tiền thanh toán.

WorldPay US, Inc.
844-PAY-TAX-8™ (844-729-8298)
www.payUSAtax.com

Official Payments Corporation
888-UPAY-TAX™ (888-872-9829)
www.officialpayments.com

Link2Gov Corporation
888-PAY-1040™ (888-729-1040)
www.PAY1040.com

EFTPS. Để sử dụng EFTPS, quý vị phải đăng ký trực tuyến hoặc yêu cầu gửi đơn đăng ký qua đường bưu điện. Để thanh toán với EFTPS, gọi 800-555-4477 (Tiếng Anh) hoặc 800-244-4829 (Tiếng Tây Ban Nha). Người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói và có thể sử dụng thiết bị TTY/TDD, gọi theo số 800-733-4829. Để biết thêm thông tin về EFTPS, truy cập *IRS.gov/Payments* hoặc *www.EFTPS.gov*.

Thanh Toán qua Thiết Bị Di Động

Để thanh toán qua thiết bị di động của quý vị, hãy tải xuống ứng dụng IRS2Go.

Thanh Toán bằng Tiền Mặt

Tiền mặt là tùy chọn thanh toán trực tiếp cho cá nhân được cung cấp thông qua các đối tác bán lẻ với tối đa $1.000 mỗi ngày cho mỗi giao dịch. Để thanh toán bằng tiền mặt, trước tiên quý vị phải đăng ký trực tuyến tại *www.officialpayments.com*, nhà cung cấp Dịch Vụ Thanh Toán Chính Thức của chúng tôi.

Thanh Toán Bằng Chi Phiếu Hoặc Lệnh Phiếu Thông Qua Chứng Từ Thanh Toán Thuế Ước Tính

Trước khi gửi thanh toán qua đường bưu điện thông qua chứng từ thanh toán thuế ước tính, vui lòng cân nhắc các phương thức thay thế. Các phương thức thanh toán điện tử an toàn, nhanh chóng và dễ sử dụng mà chúng tôi cung cấp có thể phù hợp cho quý vị.

Nếu quý vị chọn gửi thanh toán qua đường bưu điện, mỗi khoản thanh toán thuế ước tính bằng chi phiếu hoặc lệnh phiếu phải kèm theo chứng từ thanh toán lấy từ Mẫu 1040-ES.

Trong năm 2020, nếu quý vị:

- Đã thực hiện ít nhất một khoản thanh toán thuế ước tính không thông qua phương tiện điện tử,
- Đã không sử dụng phần mềm hoặc người giúp khai thuế có trả phí để lập hoặc nộp hồ sơ khai thuế của quý vị,

thì quý vị sẽ nhận được một bản sao của Mẫu 1040-ES cho năm 2021 cùng với chứng từ thanh toán.

Các chứng từ thanh toán kèm theo sẽ được in sẵn tên, địa chỉ và số an sinh xã hội của quý vị. Hãy sử dụng chứng từ in sẵn để giúp quý vị tiết kiệm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm sai sót và tiết kiệm chi phí xử lý.

Vui lòng sử dụng phong bì có cửa sổ giấy bóng được gửi kèm cùng với gói gồm Mẫu 1040-ES của quý vị. Nếu quý vị sử dụng phong bì của riêng mình, hãy đảm bảo rằng quý vị gửi chứng từ thanh toán của quý vị đến địa chỉ được hiển thị trên hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES dành cho khu vực quý vị sinh sống.

Không chấp nhận chi phiếu $100 triệu trở lên. Sở Thuế Vụ không thể chấp nhận một chi phiếu duy nhất (bao gồm chi phiếu ngân hàng có bảo chứng) cho số tiền $100.000.000 ($100 triệu) trở lên. Nếu quý vị thanh toán $100 triệu trở lên bằng chi phiếu, quý vị phải chia khoản thanh toán vào hai chi phiếu hoặc hơn với mỗi chi phiếu có giá trị thấp hơn $100 triệu. Hạn mức này không áp dụng đối với các phương thức thanh toán khác (ví dụ như thanh toán điện tử). Vui lòng cân nhắc phương thức thanh toán khác ngoài chi phiếu nếu số tiền thanh toán trên $100 triệu.

Lưu ý. Những tiêu chí này có thể thay đổi mà không báo trước. Nếu quý vị không nhận được gói hồ sơ có Mẫu 1040-ES và quý vị được yêu cầu thanh toán thuế ước tính, quý vị phải truy cập *IRS.gov/Form1040ES* và in bản sao Mẫu 1040-ES có bao gồm bốn chứng từ thanh toán chưa điền. Hoàn thành một trong những biểu mẫu này và thực hiện thanh toán đúng hạn để tránh bị phạt thanh toán trễ.

CAUTION *Không sử dụng địa chỉ hiển thị trên Hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR để tính khoản thanh toán thuế ước tính của quý vị.*

Nếu quý vị không trả thuế ước tính vào năm ngoái, quý vị có thể yêu cầu Mẫu 1040-ES từ Sở Thuế Vụ (xem tại bìa sau bên trong ấn phẩm này) hoặc tải mẫu đơn này từ IRS.gov. Hãy làm theo hướng dẫn để đảm bảo quý vị sử dụng đúng chứng từ.

Các khoản thuế ước tính nộp chung. Nếu quý vị khai hồ sơ thuế chung và thanh toán thuế ước tính nộp chung, hãy nhập tên và số an sinh xã hội vào chứng từ thanh toán theo đúng thứ tự sẽ xuất hiện trên tờ khai thuế chung.

Thay đổi địa chỉ của quý vị. Quý vị phải thông báo cho Sở Thuế Vụ nếu quý vị sẽ thanh toán thuế ước tính và đã thay đổi địa chỉ trong năm. Hoàn thành Mẫu 8822 về Thay Đổi Địa Chỉ, và gửi mẫu đơn này đến địa chỉ được hiển thị trong hướng dẫn cho mẫu đơn đó.

Tín Thuế cho Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính cho Năm 2020

Khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế thu nhập năm 2020, hãy lấy tín thuế cho tất cả các khoản thuế thu nhập và thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt vượt mức quy định đã được khấu lưu từ tiền lương, tiền công, lương hưu của quý vị, v.v. Ngoài ra hãy lấy tín thuế cho thuế ước tính quý vị đã đóng cho năm 2020. Các khoản tín thuế này sẽ được trừ vào tổng số tiền thuế của quý vị. Do các khoản tín thuế này có thể được hoàn lại, quý vị nên nộp tờ khai thuế và xin xét những khoản tín thuế này ngay cả khi quý vị không nợ thuế.

Hai hoặc nhiều đơn vị sử dụng lao động. Nếu quý vị đã làm việc cho hai đơn vị sử dụng lao động trở lên trong năm 2020 và được trả mức lương cao hơn $137.700, mức thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt bậc 1 khấu lưu từ tiền lương của quý vị có thể rất cao. Quý vị có thể yêu cầu khoản khấu lưu vượt mức được cấn trừ vào thuế thu nhập của mình khi quý vị nộp hồ sơ khai thuế. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR để biết thêm thông tin.

Khấu lưu thuế

Nếu quý vị có thuế thu nhập được khấu lưu trong năm 2020, quý vị phải gửi bản sao kê có thể hiện thu nhập và thuế khấu lưu của quý vị trước ngày 31 tháng 1 năm 2021. Tùy thuộc vào nguồn thu nhập của mình, quý vị sẽ nhận được:

- Mẫu W-2, Báo Cáo Lương Bổng và Thuế;
- Mẫu W-2G, Một Số Khoản Tiền Thắng Đánh Bạc; hoặc
- Một mẫu trong loạt 1099.

Mẫu W-2 và Mẫu W-2G. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm Mẫu W-2 cùng với hồ sơ khai thuế thu nhập của quý vị. Đính kèm Mẫu W-2G cùng với hồ sơ khai thuế của quý vị nếu hồ sơ này thể hiện bất kỳ khoản thuế thu nhập liên bang nào được khấu lưu từ tiền thắng bài bạc của quý vị.

Quý vị phải nhận được ít nhất hai bản sao của mỗi mẫu đơn này. Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm một bản sao ở mặt trước của hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang của quý vị. Vui lòng giữ lại một bản sao để lưu trữ. Ngoài ra, quý vị cũng sẽ nhận được bản sao để nộp cùng với hồ sơ khai thuế của tiểu bang và địa phương.

Mẫu W-2

Chủ lao động của quý vị phải cung cấp hoặc gửi Mẫu W-2 cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2021. Quý vị sẽ nhận được một Mẫu W-2 riêng từ mỗi đơn vị sử dụng lao động nơi quý vị đang làm việc.

Nếu quý vị ngừng làm việc trước khi kết thúc năm 2020, chủ lao động của quý vị có thể đã cung

cấp cho quý vị Mẫu W-2 vào bất kỳ lúc nào sau khi quý vị ngừng làm việc. Tuy nhiên, chủ lao động của quý vị phải cung cấp hoặc gửi mẫu đơn này cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2021.

Nếu quý vị yêu cầu cung cấp mẫu đơn này, đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải gửi nó cho quý vị trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của quý vị hoặc trong vòng 30 ngày sau khi thanh toán khoản lương cuối cùng cho quý vị, tùy thuộc thời điểm nào đến sau.

Nếu quý vị chưa nhận được Mẫu W-2 trước ngày 31 tháng 1, quý vị nên hỏi lại đơn vị sử dụng lao động của mình. Nếu quý vị không nhận được mẫu đơn này trước đầu Tháng Hai, hãy gọi cho Sở Thuế Vụ.

Mẫu W-2 cho biết tổng số tiền lương, trợ cấp khác, thuế thu nhập, thuế an sinh xã hội và thuế Medicare của quý vị đã được khấu lưu trong năm. Bao gồm thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu (giống như minh họa trong ô 2 của Mẫu W-2) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25a.

Ngoài ra, Mẫu W-2 được sử dụng để báo cáo bất kỳ khoản tiền lương chịu thuế được chi trả khi nghỉ bệnh mà quý vị nhận được và bất kỳ thuế thu nhập nào đã được khấu lưu từ tiền lương trả khi nghỉ bệnh.

Mẫu W-2G

Nếu quý vị có tiền thắng bài bạc trong năm 2020, bên thanh toán có thể đã khấu lưu thuế thu nhập. Nếu thuế đã được khấu lưu, bên thanh toán sẽ cung cấp cho quý vị Mẫu W-2G thể hiện số tiền quý vị thắng và số thuế đã khấu lưu.

Báo cáo số tiền thắng bài bạc của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040). Lấy tín thuế cho số tiền thuế đã khấu lưu trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c.

Loạt 1099

Hầu hết các biểu mẫu trong loạt 1099 sẽ không được nộp cùng hồ sơ khai thuế của quý vị. Những mẫu này sẽ được cung cấp cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2021 (hoặc đối với Mẫu 1099-B, 1099-S và một số Mẫu 1099-MISC, sẽ được cung cấp không muộn hơn ngày 15 tháng 2 năm 2021). Trừ khi được hướng dẫn nộp bất kỳ biểu mẫu nào trong số này cùng với hồ sơ khai thuế, hãy lưu giữ chúng trong hồ sơ của quý vị. Trong loạt mẫu này có một số mẫu khác nữa nhưng không được liệt kê. Xem hướng dẫn cho Mẫu 1099 cụ thể để biết thêm thông tin.

Mẫu 1099-R. Đính kèm Mẫu 1099-R vào hồ sơ khai thuế của quý vị nếu ô 4 cho thấy thuế thu nhập liên bang đã được khấu lưu. Gộp số tiền đã khấu lưu vào tổng số tiền ở dòng 25b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khấu lưu thuế dự phòng. Nếu quý vị phải khấu lưu thuế dự phòng trên thu nhập nhận được trong năm 2020, gộp số tiền đã khấu lưu, thể hiện trên Mẫu 1099, vào tổng số tiền ở dòng 25b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Biểu Mẫu Không Đúng

Nếu quý vị nhận được biểu mẫu với thông tin không chính xác, quý vị nên yêu cầu bên thanh toán cung cấp biểu mẫu sửa đổi. Gọi đến số điện thoại hoặc viết thư đến địa chỉ được cung cấp trên biểu mẫu để liên hệ với bên thanh toán. Mẫu W-2G hoặc Mẫu 1099 sửa đổi mà quý vị nhận được sẽ có dấu "X" ở ô "ĐÃ SỬA ĐỔI" trên đầu biểu mẫu. Một biểu mẫu đặc biệt, Mẫu W-2c, Báo Cáo Lương Bổng Và Thuế Sửa Đổi, được dùng để sửa đổi Mẫu W-2.

Trong một số tình huống nhất định, quý vị sẽ nhận được hai biểu mẫu thay cho biểu mẫu ban đầu không chính xác. Tình huống này xảy ra khi số nhận diện người nộp thuế của quý vị sai hoặc thiếu, tên và địa chỉ của quý vị sai hoặc quý vị nhận được loại biểu mẫu sai (ví dụ: Mẫu 1099-DIV, Cổ Tức và Tiền Phân Phối thay vì Mẫu 1099-INT, Thu Nhập Từ Tiền Lãi). Một biểu mẫu mới mà quý vị nhận được sẽ giống với biểu mẫu không chính xác hoặc có cùng thông tin không chính xác, nhưng tất cả số tiền sẽ bằng không. Biểu mẫu này có dấu "X" ở ô "ĐÃ SỬA ĐỔI" trên đầu biểu mẫu. Biểu mẫu mới thứ hai phải trình bày tất cả các thông tin chính xác, được lập như bản gốc (ô "ĐÃ SỬA ĐỔI" sẽ không được đánh dấu).

Biểu Mẫu Nhận Được Sau Khi Nộp Hồ Sơ Khai Thuế

Nếu quý vị nộp hồ sơ khai thuế và sau đó nhận được biểu mẫu về thu nhập mà quý vị đã không khai báo trên hồ sơ khai thuế của mình, quý vị nên báo cáo khoản thu nhập này và nhận tín thuế cho số tiền thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Hồ Sơ Thuế Thu Nhập Cá Nhân Hoa Kỳ Được Điều Chỉnh.

Hồ Sơ Khai Thuế Riêng

Nếu quý vị đã kết hôn nhưng khai thuế riêng, quý vị chỉ có thể nhận tín thuế cho phần thuế khấu lưu từ thu nhập của chính quý vị. Không khai báo số tiền khấu lưu từ thu nhập của vợ/chồng quý vị. Tuy nhiên, các quy tắc khác có thể áp dụng nếu quý vị sống ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng.

Các bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng được liệt kê ở chương 2. Để tìm thêm thông tin về những quy tắc này và một số trường hợp ngoại lệ, tham khảo Ấn phẩm 555, Tài Sản Chung Của Vợ Chồng.

Thuế Ước Tính

Lấy tín thuế cho tất cả các khoản thanh toán thuế ước tính cho năm 2020 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 26. Khai báo số tiền trả nhiều hơn mức quy định từ năm 2019 mà quý vị đã ghi có vào thuế ước tính năm 2020 của mình.

Thay đổi tên. Nếu quý vị đổi tên và quý vị đã trả thuế ước tính bằng tên cũ, đính kèm một bản tường trình ngắn gọn trên mặt trước của hồ sơ khai thuế bằng giấy, trong đó nêu rõ:

- Thời điểm quý vị thanh toán,
- Số tiền thanh toán mỗi đợt,
- Tên của quý vị khi quý vị thực hiện thanh toán và
- Số an sinh xã hội của quý vị.

Bản tường trình này phải bao gồm các khoản thanh toán mà quý vị đã thực hiện chung với vợ/chồng của mình cũng như bất kỳ khoản thanh toán nào quý vị thực hiện riêng.

Quý vị phải báo cáo thay đổi cho Sở An Sinh Xã Hội. Thủ tục này giúp tránh chậm chễ trong quá trình xử lý hồ sơ khai thuế và hoàn thuế cho quý vị.

Hồ Sơ Khai Thuế Riêng

Nếu quý vị và vợ/chồng quý vị thanh toán riêng thuế ước tính cho năm 2020 và quý vị nộp hồ sơ khai thuế riêng, quý vị chỉ có thể nhận tín thuế cho các khoản thanh toán của mình.

Nếu quý vị thanh toán thuế ước tính chung, quý vị phải quyết định cách phân chia các khoản thanh toán giữa hai hồ sơ khai thuế. Một trong hai người có thể khai báo toàn bộ số thuế ước tính đã thanh toán và người còn lại sẽ không khai báo, hoặc quý vị có thể chia theo bất kỳ cách nào khác tùy vào thỏa thuận của hai vợ chồng. Nếu quý vị không thể thống nhất cách thức phân chia, quý vị phải chia các khoản thanh toán tương ứng với thuế cá nhân của mỗi người trên hồ sơ khai thuế riêng cho năm 2020.

Người Nộp Thuế Đã Ly Hôn

Nếu quý vị thanh toán chung thuế ước tính cho năm 2020 và quý vị đã ly hôn trong năm, quý vị hoặc vợ/chồng cũ của quý vị có thể khai báo tất cả các khoản thanh toán chung hoặc mỗi người có thể khai báo một phần. Nếu quý vị không thể thống nhất về cách thức phân chia, quý vị phải chia các khoản thanh toán tương ứng với thuế cá nhân của mỗi người trên hồ sơ khai thuế riêng cho năm 2020.

Nếu quý vị khai báo bất kỳ khoản thanh toán chung nào trên hồ sơ khai thuế của mình, nhập số an sinh xã hội (SSN) của vợ/chồng cũ vào khoảng trống trên mặt trước của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu quý vị ly hôn và tái hôn trong năm 2020, nhập SSN của người vợ/chồng hiện tại vào khoảng trống trên mặt trước của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Ngoài ra, trên dòng chấm bên cạnh dòng 26, nhập SSN của vợ/chồng cũ của quý vị, sau đó điền "DIV."

Tiền Phạt Do Nộp Thiếu cho năm 2020

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức khấu lưu thuế hoặc thanh toán đúng hạn thuế ước tính, quý vị sẽ thuộc diện nộp thiếu thuế ước tính và có thể bị phạt.

Nói chung, quý vị sẽ không phải trả tiền phạt cho năm 2020 nếu áp dụng bất kỳ điều nào sau đây.

- Tổng số tiền khấu lưu và các khoản thanh toán thuế ước tính của quý vị ít nhất bằng thuế năm 2019 của quý vị (hoặc 110% thuế năm 2019 nếu AGI của quý vị hơn $150.000, $75.000 nếu tình trạng khai thuế năm 2020 của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế) và quý vị đã nộp thuế ước tính đúng hạn;
- Số dư thuế đến hạn trên hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị không vượt quá 10% tổng số thuế năm 2020 và quý vị đã nộp tất cả thuế ước tính bắt buộc đúng hạn;
- Tổng số thuế năm 2020 của quý vị trừ đi số tiền đã khấu lưu và các khoản tín thuế được hoàn lại ở mức thấp hơn $1.000;
- Quý vị không có tiền nợ thuế cho năm 2019 và năm chịu thuế 2019 của quý vị là 12 tháng; hoặc
- Quý vị đã không có bất kỳ khoản thuế khấu lưu nào và tiền thuế cho năm hiện tại của quý vị trừ đi thuế lao động của hộ gia đình ở mức dưới $1.000.

Ngày đến hạn sau khi gia hạn cho các khoản thuế ước tính của năm 2020. Ngày đến hạn nộp

các biểu mẫu thuế ước tính và nộp thuế ước tính đã được hoãn lại đến ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Để biết thêm thông tin, hãy xem phần *Hỏi Đáp về Thời Hạn Nộp Hồ Sơ và Thời Hạn Thanh Toán* tại trang IRS.gov.

Nông dân và ngư dân. Các quy tắc đặc biệt được áp dụng nếu quý vị là nông dân hoặc ngư dân. Tham khảo *Hướng Dẫn cho Mẫu 2210-F* để tìm hiểu thêm thông tin.

Sở Thuế Vụ có thể tính mức phạt cho quý vị. Nếu quý vị nghĩ rằng quý vị nợ hình phạt nhưng quý vị không muốn tự mình tính toán khi khai thuế, quý vị có thể không phải làm vậy. Thông thường, Sở Thuế Vụ sẽ tính hình phạt cho quý vị và gửi cho quý vị hóa đơn. Tuy nhiên, nếu quý vị nghĩ rằng quý vị có thể giảm hoặc loại bỏ hình phạt của mình, quý vị phải khai Mẫu 2210 hoặc Mẫu 2210-F và đính kèm vào hồ sơ khai thuế bằng giấy của mình. Tham khảo *Hướng Dẫn cho Mẫu 2210* để tìm hiểu thêm thông tin.

Phần Hai.

Thu Nhập và Điều Chỉnh Thu Nhập

Năm chương trong phần này trình bày về nhiều loại thu nhập và các điều chỉnh đối với thu nhập. Các chương này giải thích thu nhập nào bị tính thuế và không bị tính thuế, cũng như thảo luận về một số điều chỉnh đối với thu nhập mà quý vị có thể thực hiện để tính tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình.

Các bản khai của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bản Khai 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập;*
- *Bản Khai 2 (Phần II), Các Loại Thuế Khác; và*
- *Bản Khai 3 (Phần II), Khoản Thanh Toán Khác và Tín Thuế Hoàn Lại.*

Bảng V. **Các Điều Chỉnh Khác về Thu Nhập**

Sử dụng bảng này để tìm thông tin về các nội dung điều chỉnh khác đối với thu nhập không được đề cập trong phần này của ấn phẩm.

NẾU quý vị đang tìm kiếm thêm thông tin về khoản khấu trừ cho...	**HÃY xem...**
đóng góp vào tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe	*Ấn Phẩm 969, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác*.
chi phí di chuyển	*Ấn Phẩm 3, Sổ Chỉ Dẫn Khai Thuế cho Quân Đội*.
phần trong thuế tự doanh của quý vị	*chương 11*.
bảo hiểm y tế cho những người tự doanh	*Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế và Nha Khoa*.
khoản thanh toán các chương trình đủ điều kiện, SEP và SIMPLE của người tự doanh	*Ấn Phẩm 560, Chương Trình Hưu Trí cho Doanh Nghiệp Nhỏ*.
tiền phạt trên khoản rút tiết kiệm trước hạn	*chương 6*.
đóng góp vào chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA	*Ấn Phẩm 969*.
khấu hao hoặc chi phí trồng rừng	*chương 7 và 8 của Ấn Phẩm 535, Các Chi Phí Kinh Doanh*.
đóng góp vào chương trình hưu trí theo mục 501(c)(18)(D) Luật Thuế Vụ	*Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế*.
chi phí từ việc cho thuê tài sản cá nhân	*chương 8*.
một số khoản hoàn trả bắt buộc của khoản trợ cấp thất nghiệp bổ sung (sub-pay)	*chương 8*.
chi phí cho nhà ở nước ngoài	*chương 4 của Ấn Phẩm 54, Hướng Dẫn Về Thuế Cho Công Dân Hoa Kỳ Và Ngoại Nhân Thường Trú Ở Nước Ngoài*.
thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm cho chủ lao động của quý vị	*chương 8*.
đóng góp của một số bộ trưởng hoặc tuyên úy cho chương trình theo mục 403(b) của Luật Thuế Vụ	*Ấn Phẩm 517, An Sinh Xã Hội Và Những Thông Tin Khác Cho Thành Viên Giới Tăng Lữ Và Người Làm Việc Liên Quan Đến Tôn Giáo*.
phí luật sư và một số loại chi phí cho các hành động liên quan đến khoản thưởng của IRS cho người tố cáo	*Ấn Phẩm 525*.

5.

Tiền Công, Tiền Lương và Các Khoản Thu Nhập Khác

Nhắc nhở

Tăng hạn mức đóng góp thù lao hoãn thuế. Nếu quý vị tham gia chương trình 401(k), 403(b), hoặc Chương Trình Tiết Kiệm Để Dành của chính phủ liên bang, tổng số tiền hàng năm mà quý vị có thể đóng góp sẽ tăng lên $19.500. Quy định này cũng áp dụng cho hầu hết các chương trình 457.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về thù lao mà người lao động nhận được cho các dịch vụ mà mình cung cấp, ví dụ như tiền công, tiền lương và quyền lợi phụ. Những chủ đề dưới đây sẽ được đề cập.

- Tiền thưởng và phần thưởng.
- Quy tắc đặc biệt đối với một số người lao động.
- Trợ cấp ốm đau và thương tật.

Chương này giải thích khoản thu nhập nào được tính vào và không được tính vào tổng thu nhập của người lao động.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **463** Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng Và Ô Tô
- ❑ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ❑ **524** Tín Thuế dành cho Người Già hay Người Bị Khuyết Tật
- ❑ **525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- ❑ **526** Đóng góp từ thiện
- ❑ **550** Thu Nhập Đầu Tư và Chi Phí
- ❑ **554** Hướng Dẫn Thuế Cho Người Cao Tuổi
- ❑ **575** Hưu Bổng và Thu Nhập Niên Kim
- ❑ **907** Quy định Nổi Bật Về Thuế Đối Với Người Khuyết Tật
- ❑ **926** Hướng Dẫn Thuế Cho Đơn Vị Sử Dụng Lao Động Là Hộ Gia Đình
- ❑ **3920** Miễn Thuế Cho Nạn Nhân Của Các Cuộc Tấn Công Khủng Bố

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Thù Lao Của Người Lao Động

Phần này thảo luận về các hình thức thù lao khác nhau được trả cho người lao động, bao gồm quyền lợi phụ, đóng góp chương trình hưu trí, quyền chọn cổ phiếu và tài sản bị hạn chế.

Mẫu W-2. Nếu quý vị là người lao động, quý vị sẽ nhận được Mẫu W-2 từ đơn vị sử dụng lao động, cho biết mức lương quý vị nhận được cho các dịch vụ của mình. Khai báo tiền lương của quý vị vào dòng 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, kể cả khi quý vị không nhận được Mẫu W-2.

Trong một số trường hợp, đơn vị sử dụng lao động không bắt buộc phải cung cấp Mẫu W-2 cho quý vị. Đơn vị sử dụng lao động không bắt buộc phải cung cấp cho quý vị Mẫu W-2 nếu quý vị làm công việc gia đình tại nhà của đơn vị sử dụng lao động và nhận ít hơn $2.200 bằng tiền mặt trong năm theo niên lịch đồng thời quý vị không bị khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ tiền công của mình. Công việc gia đình là công việc được thực hiện trong hoặc xung quanh nhà của đơn vị sử dụng lao động. Một số ví dụ về người lao động làm công việc gia đình bao gồm:

- Người trông trẻ,
- Người trông nom nhà cửa,
- Nhân viên vệ sinh nhà cửa,
- Người giúp việc gia đình,
- Tài xế,
- Chuyên viên chăm sóc sức khỏe tại nhà,
- Quản gia,
- Người giúp việc,
- Bảo mẫu,
- Y tá riêng, và
- Thợ làm vườn.

Tham khảo Bản Khai H (Mẫu 1040), Thuế Lao Động Của Hộ Gia Đình, tài liệu hướng dẫn, và Ấn phẩm 926 để biết thêm thông tin.

Nếu quý vị đã cung cấp các dịch vụ, ngoài các dịch vụ được thực hiện với tư cách người làm việc theo hợp đồng độc lập, và đơn vị sử dụng lao động không khấu lưu thuế an sinh xã hội và Medicare từ tiền lương của quý vị, quý vị phải nộp Mẫu 8919, Thuế An Sinh Xã Hội Và Medicare Chưa Thu Trên Tiền Lương, kèm theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Tham khảo Mẫu 8919 và tài liệu hướng dẫn để tìm hiểu thêm thông tin về cách tính tiền lương và thuế chưa khai báo cũng như cách khai báo những khoản này trên hồ sơ khai thuế thu nhập của quý vị.

Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em. Nếu quý vị cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em, tại nhà của trẻ, tại nhà của quý vị hoặc địa điểm kinh doanh khác, tiền lương quý vị nhận được phải được tính vào thu nhập của quý vị. Nếu quý vị không phải là người lao động, quý vị có thể là tư doanh và phải khai báo các khoản thanh toán cho dịch vụ của quý vị vào Bản Khai C (Mẫu 1040), Lãi Hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Kinh Doanh. Nói chung, quý vị không phải là người lao động trừ khi quý vị phải tuân theo ý chí và chịu sự kiểm soát của người thuê quý vị về nội dung công việc và cách thức thực hiện.

Trông trẻ. Nếu quý vị được trả tiền để trông trẻ, kể cả thân nhân hay trẻ em hàng xóm, dù thường xuyên hay chỉ định kỳ, các quy tắc đối với người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em sẽ áp dụng cho quý vị.

Thuế lao động. Cho dù quý vị là người lao động hay người tư doanh, thu nhập của quý vị có thể phải chịu thuế tư doanh. Tham khảo hướng dẫn của Bản Khai C và SE (Mẫu 1040) nếu quý vị là tự doanh. Đồng thời tham khảo Ấn phẩm 926 để biết thêm thông tin.

Thù Lao Khác

Phần này thảo luận về các hình thức thù lao khác được trả cho người lao động.

Tiền hoa hồng tạm ứng và các khoản thu nhập do lao động khác. Nếu quý vị nhận được tiền hoa hồng tạm ứng hoặc những khoản khác cho các dịch vụ sẽ được thực hiện trong tương lai và quý vị là người nộp thuế theo phương pháp tiền mặt, quý vị phải tính các khoản này vào thu nhập của mình trong năm quý vị nhận được.

Nếu quý vị hoàn trả tiền hoa hồng chưa được hưởng hoặc các khoản khác trong cùng năm quý vị nhận được, hãy giảm số tiền tính vào thu nhập của quý vị, số tiền giảm bằng số tiền hoàn trả. Nếu quý vị hoàn trả trong năm chịu thuế sau đó, quý vị có thể khấu trừ từng khoản tiền hoàn trả trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16, hoặc quý vị có thể nhận một khoản tín dụng cho năm đó. Tham khảo mục *Các khoản hoàn trả* ở chương 8.

Các khoản phụ cấp và bồi hoàn. Nếu quý vị nhận được phụ cấp hoặc bồi hoàn cho chi phí đi lại, vận chuyển hoặc các chi phí kinh doanh khác từ đơn vị sử dụng lao động, tham khảo Ấn phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng Và Ô Tô. Nếu quý vị được bồi hoàn chi phí thuyên chuyển, tham khảo Ấn phẩm 521, Chi Phí Thuyên Chuyển.

Lệnh yêu cầu trả lương truy lĩnh. Nếu quý vị nhận được tiền lương truy lĩnh theo thỏa thuận hòa giải hoặc phán quyết của tòa án, quý vị phải tính số tiền này vào thu nhập của mình. Số tiền trên bao gồm các khoản thanh toán cho tổn thất, phí bảo hiểm nhân thọ chưa thanh toán và phí bảo hiểm sức khỏe chưa thanh toán của quý vị. Đơn vị sử dụng lao động sẽ báo cáo khoản thanh toán này cho quý vị trên Mẫu W-2.

Tiền thưởng và phần thưởng. Nếu quý vị nhận được tiền thưởng hoặc phần thưởng (tiền mặt, hàng hóa, dịch vụ) từ đơn vị sử dụng lao động, quý vị phải tính giá trị của tiền thưởng và phần thưởng vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, nếu đơn vị sử dụng lao động chỉ hứa sẽ trả cho quý vị tiền thưởng hoặc phần thưởng vào một thời điểm nào đó trong tương lai, khoản tiền đó sẽ không chịu thuế cho đến khi quý vị nhận được hoặc có thể sử dụng.

Thưởng thành tích cho người lao động. Nếu quý vị nhận được phần thưởng là tài sản cá nhân hữu hình (ngoài tiền mặt, phiếu quà tặng hoặc tương đương) cho thâm niên công tác hoặc thành tích an toàn, quý vị thường có thể loại trừ giá trị của phần thưởng khỏi thu nhập của mình. Số tiền quý vị có thể loại trừ giới hạn ở mức chi phí của đơn vị sử dụng lao động và không được nhiều hơn $1.600 cho các phần thưởng chương trình đủ điều kiện hoặc $400 cho các phần thưởng chương trình không đủ điều kiện đối với tất cả các phần thưởng mà quý vị nhận được trong năm. Đơn vị sử dụng lao động có thể cho quý vị biết phần thưởng của quý vị có phải là phần thưởng chương trình đủ điều kiện hay không. Đơn vị sử dụng lao động phải tổ chức trao thưởng trang trọng, trong những điều kiện và hoàn cảnh

không tạo ra nghi vấn rằng phần thưởng này là một khoản thù lao trá hình.

Tuy nhiên, quy định loại trừ không áp dụng đối với các loại phần thưởng sau.

- Phần thưởng thâm niên công tác nếu quý vị nhận được phần thưởng này cho thời gian công tác dưới 5 năm hoặc nếu quý vị đã nhận phần thưởng thâm niên công tác trong năm hoặc 4 năm trước đó.
- Phần thưởng thành tích an toàn nếu quý vị là cán bộ quản lý, quản trị viên, nhân viên văn thư hoặc nhân viên chuyên môn khác hoặc nếu hơn 10% người lao động đủ điều kiện đã từng nhận được phần thưởng thành tích an toàn trong năm.

Ví dụ: Ben Green nhận được ba phần thưởng thành tích cho người lao động trong năm: một phần thưởng chương trình không đủ điều kiện là chiếc đồng hồ đeo tay trị giá $250, hai phần thưởng chương trình đủ điều kiện là dàn âm thanh nổi trị giá $1.000 và bộ gậy đánh gôn trị giá $500. Giả sử các yêu cầu đối với phần thưởng chương trình đủ điều kiện được đáp ứng, giá trị mỗi phần thưởng kể trên sẽ được loại trừ khỏi thu nhập. Tuy nhiên, vì tổng giá trị phần thưởng $1.750 lớn hơn mức $1.600, Ben phải tính $150 ($1.750 – $1.600) vào thu nhập của mình.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Đây là bất kỳ khoản tiền nào mà đơn vị sử dụng lao động trả cho quý vị trong khoảng thời gian không quá 30 ngày khi quý vị làm nhiệm vụ trong lực lượng đồng phục liên bang đồng thời tương ứng với toàn bộ hoặc một phần tiền lương mà quý vị đáng lẽ được nhận từ đơn vị sử dụng lao động trong khoảng thời gian đó. Khoản tiền này được coi là tiền công và phải chịu khấu lưu thuế thu nhập, nhưng không phải thuế FICA hay FUTA. Khoản thanh toán trên được báo cáo là tiền công trên Mẫu W-2.

Trợ cấp sinh hoạt phí của chính phủ. Hầu hết các khoản thanh toán mà nhân viên dân sự của Chính phủ Hoa Kỳ nhận được khi làm việc ở nước ngoài đều phải chịu thuế. Tuy nhiên, một số khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế. Ấn phẩm 516, Nhân Viên Dân Sự Của Chính Phủ Hoa Kỳ Làm Nhiệm Vụ Ở Nước Ngoài, giải thích quy tắc xử lý thuế đối với các khoản trợ cấp, chênh lệch cùng những khoản tiền lương đặc biệt khác mà quý vị nhận được khi làm việc ở nước ngoài.

Chương trình thù lao hoãn thuế không đủ điều kiện. Đơn vị sử dụng lao động có thể báo cáo cho quý vị tổng số tiền hoãn thuế trong năm theo chương trình thù lao hoãn thuế không đủ điều kiện trên Mẫu W-2, ô 12, sử dụng mã Y. Số tiền này không tính vào thu nhập của quý vị.

Tuy nhiên, nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong năm chịu thuế, chương trình không đáp ứng một số yêu cầu nhất định hoặc không vận hành theo những yêu cầu đó, tất cả số tiền hoãn thuế theo chương trình cho năm chịu thuế hiện tại và tất cả các năm chịu thuế trước đó trong phạm vi đã trả và chưa khai báo trong thu nhập sẽ được tính vào thu nhập của quý vị cho năm hiện tại. Số tiền này được gộp trong tiền lương của quý vị, ở Mẫu W-2, ô 1 hoặc ở Mẫu W-2, ô 12, sử dụng mã Z.

Ngân phiếu nhận được cho các dịch vụ. Nếu đơn vị sử dụng lao động cung cấp cho quý vị ngân phiếu bảo đảm để thanh toán cho các dịch vụ của quý vị, quý vị phải tính giá trị thị trường hợp lý (thường là giá trị chiết khấu) của ngân phiếu vào thu nhập trong năm quý vị nhận được ngân phiếu. Sau đó, khi quý vị nhận tiền thanh toán trên ngân phiếu, một phần tương ứng của mỗi khoản thanh toán là khoản thu hồi giá trị thị trường hợp lý mà quý vị đã tính vào thu nhập của mình trước đó. Không tính số tiền này vào thu nhập của quý vị một lần nữa. Tính phần còn lại của khoản thanh toán vào thu nhập của quý vị trong năm nhận thanh toán.

Nếu đơn vị sử dụng lao động cung cấp cho quý vị ngân phiếu không có bảo đảm và không thể chuyển nhượng để thanh toán cho các dịch vụ của quý vị, tiền thanh toán trên ngân phiếu được ghi có vào số tiền gốc của ngân phiếu là thu nhập thù lao khi quý vị nhận được.

Trợ cấp thôi việc. Nếu quý vị nhận được trợ cấp thôi việc khi việc làm của quý vị với đơn vị sử dụng lao động chấm dứt hoặc bị hủy bỏ, quý vị phải tính số tiền này vào thu nhập của mình.

Tiền lương nghỉ phép tích lũy. Nếu quý vị là nhân viên liên bang và nhận thanh toán một lần cho số ngày nghỉ phép tích lũy hàng năm khi quý vị nghỉ hưu hoặc từ chức, số tiền này sẽ được tính vào tiền lương trên Mẫu W-2 của quý vị.

Nếu quý vị từ chức ở một cơ quan và được một cơ quan khác tuyển dụng lại, quý vị có thể phải hoàn trả một phần tiền nghỉ phép hàng năm thanh toán một lần của mình cho cơ quan thứ hai. Quý vị có thể trừ số tiền quý vị đã hoàn trả trong cùng năm chịu thuế mà quý vị nhận được từ tổng lương. Đính kèm hồ sơ khai thuế của quý vị bản sao biên lai hoặc bản sao kê do cơ quan nhận hoàn trả cung cấp để giải trình phần chênh lệch giữa tiền lương trên hồ sơ khai thuế và tiền lương trên Mẫu W-2 của quý vị.

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc làm thay thế. Nếu quý vị chấp nhận mức trợ cấp thôi việc thấp hơn để có thể nhận dịch vụ hỗ trợ tìm việc làm thay thế (ví dụ như đào tạo về kỹ năng viết sơ yếu lý lịch và phỏng vấn), quý vị phải tính mức trợ cấp thôi việc khi chưa giảm vào thu nhập.

Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh. Tiền mà quý vị nhận được từ đơn vị sử dụng lao động khi quý vị bị ốm hoặc bị thương là một phần tiền lương hoặc tiền công của quý vị. Ngoài ra, quý vị phải tính vào thu nhập của mình các khoản tiền lương trả khi nghỉ bệnh nhận được từ bất kỳ bên thanh toán nào dưới đây.

- Quỹ phúc lợi.
- Quỹ bệnh tật hoặc thương tật của tiểu bang.
- Hiệp hội đơn vị sử dụng lao động hoặc người lao động.
- Công ty bảo hiểm, nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị đã trả tiền cho chương trình.

Tuy nhiên, nếu quý vị tự thanh toán phí hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc bảo hiểm sức khỏe, quyền lợi được hưởng theo hợp đồng này sẽ không phải chịu thuế. Để tìm hiểu thêm thông tin, tham khảo Ấn phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế.

Thuế an sinh xã hội và Medicare do đơn vị sử dụng lao động chi trả. Nếu quý vị và đơn vị sử dụng lao động có thỏa thuận rằng đơn vị sử dụng lao động sẽ trả thuế an sinh xã hội và Medicare mà không khấu trừ khoản tiền trên từ tổng lương của quý vị, quý vị phải báo cáo số tiền thuế đã trả cho quý vị là tiền lương chịu thuế trên hồ sơ khai thuế. Khoản thanh toán này cũng được coi là tiền lương để tính thuế an sinh xã hội và Medicare cũng như quyền lợi an sinh xã hội và Medicare của quý vị. Tuy nhiên, khoản thanh toán này không được coi là tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare nếu quý vị là người làm việc trong hộ gia đình hoặc người làm việc trong nông trại.

Quyền tăng giá cổ phiếu. Không tính quyền tăng giá cổ phiếu do đơn vị sử dụng lao động cấp vào thu nhập cho đến khi quý vị thực hiện (sử dụng) quyền. Khi quý vị sử dụng quyền, quý vị được nhận thanh toán tiền mặt bằng giá trị thị trường hợp lý của cổ phiếu công ty vào ngày sử dụng trừ đi giá trị thị trường hợp lý vào ngày quyền được cấp. Quý vị phải tính khoản thanh toán bằng tiền mặt trên vào thu nhập của mình trong năm quý vị sử dụng quyền.

Quyền Lợi Phụ

Quyền lợi phụ gắn với việc thực hiện các dịch vụ được tính vào thu nhập của quý vị như một khoản thù lao trừ khi quý vị trả giá trị thị trường hợp lý cho những quyền lợi này hoặc nếu được loại trừ theo luật. Việc hạn chế thực hiện dịch vụ (ví dụ: theo giao ước không cạnh tranh) được coi là thực hiện dịch vụ cho mục đích của quy tắc này.

Chu kỳ kế toán. Quý vị phải sử dụng cùng chu kỳ kế toán mà đơn vị sử dụng lao động áp dụng để báo cáo quyền lợi phụ không phải tiền mặt và phải chịu thuế của mình. Đơn vị sử dụng lao động có thể lựa chọn báo cáo quyền lợi phụ không phải tiền mặt và phải chịu thuế bằng cách sử dụng một trong các quy tắc sau.

- Quy tắc chung: quyền lợi được báo cáo cho tròn một năm theo niên lịch (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12).
- Quy tắc chu kỳ kế toán đặc biệt: quyền lợi được cung cấp trong 2 tháng cuối cùng của năm theo niên lịch (hoặc khoảng thời gian ngắn hơn) được coi là cung cấp trong năm theo niên lịch tiếp theo. Ví dụ, mỗi năm đơn vị sử dụng lao động của quý vị báo cáo giá trị quyền lợi đã cung cấp trong 2 tháng cuối của năm trước và 10 tháng đầu của năm hiện tại.

Đơn vị sử dụng lao động không bắt buộc phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán cho mỗi hình thức quyền lợi phụ, nhưng phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán cho tất cả người lao động nhận một hình thức quyền lợi cụ thể.

Quý vị phải sử dụng cùng chu kỳ kế toán mà quý vị dùng để báo cáo quyền lợi để yêu cầu khấu trừ chi phí kinh doanh cho người lao động (ví dụ: sử dụng ô tô).

Mẫu W-2. Đơn vị sử dụng lao động phải khai báo tất cả quyền lợi phụ chịu thuế vào ô 1 của Mẫu W-2 như tiền lương, tiền boa, và các khoản thù lao khác và, nếu có, vào ô 3 và 5 như tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare. Mặc dù không bắt buộc, đơn vị sử dụng lao động có thể khai báo tổng giá trị quyền lợi phụ ở ô 14 (hoặc trên một tờ khai riêng). Tuy nhiên, nếu đơn vị sử dụng lao động cung cấp cho quý vị phương tiện đi lại và tính 100% giá trị thuê hàng năm vào thu nhập của quý vị, đơn vị sử dụng lao động phải báo cáo riêng giá trị này cho quý vị trong ô 14 (hoặc trên một tờ khai riêng).

Chương Trình Bảo Hiểm Tai Nạn Hoặc Sức Khỏe

Trong hầu hết các trường hợp, giá trị chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe mà đơn vị sử dụng lao động cung cấp cho quý vị không được tính vào thu nhập của quý vị. Quyền lợi mà quý vị nhận được từ chương trình có thể phải chịu thuế, nội dung này được trình bày ở phần sau trong mục *Trợ Cấp Ốm Đau Và Thương Tật*.

Để tìm hiểu thông tin về các khoản mục trong phần này, ngoài bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo Ấn phẩm 969, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác.

Bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động để cung cấp bảo hiểm cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn thường không được tính vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, phần đóng góp thông qua tài khoản chi tiêu linh hoạt hoặc một cơ chế tương tự do đơn vị sử dụng lao động cung cấp sẽ được tính vào thu nhập của quý vị. Số tiền này sẽ được báo cáo là tiền lương trong ô 1 của Mẫu W-2.

Phần đóng góp của quý vị vào chương trình sẽ được thảo luận trong Ấn phẩm. 502, Chi Phí Y Tế Và Nha Khoa.

Đóng góp cho chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA. Phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động cho chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA của quý vị thường không được tính vào thu nhập của quý vị. Tổng số tiền đóng góp sẽ được báo cáo ở ô 12 của Mẫu W-2 với mã R. Quý vị phải khai báo số tiền này trên Mẫu 8853, Chương Trình Tiết Kiệm Miễn Thuế Archer MSA Và Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn. Nộp mẫu này kèm theo hồ sơ khai thuế.

Tài khoản chi tiêu linh hoạt cho y tế (FSA y tế). Nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị cung cấp FSA y tế đủ điều kiện là chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe, số tiền giảm lương và bồi hoàn chi phí chăm sóc y tế của quý vị, trong hầu hết các trường hợp, không được tính vào thu nhập của quý vị.

Lưu ý. Có quy định về hạn mức đóng góp giảm lương đối với FSA y tế cho các năm chương trình bắt đầu sau năm 2012. Đối với các năm chịu thuế bắt đầu từ 2020, hạn mức (được điều chỉnh theo lạm phát) đối với phần giảm lương tự nguyện của người lao động để đóng góp vào FSA y tế là $2.750.

Tài khoản bồi hoàn y tế (Health Reimbursement Arrangement, HRA). Nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị cung cấp HRA đủ điều kiện là chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe, tiền bảo hiểm và bồi hoàn chi phí chăm sóc y tế của quý vị thường không được tính vào thu nhập của quý vị.

Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe (Health Savings Account, HSA). Nếu quý vị là cá nhân đủ điều kiện, quý vị và bất kỳ người nào khác, bao gồm đơn vị sử dụng lao động hoặc một thành viên trong gia đình, có thể đóng góp vào HSA của quý vị. Các khoản đóng góp, ngoài phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động, được khấu trừ trên hồ sơ khai thuế của quý vị cho dù quý vị có khấu trừ từng khoản hay không. Phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động không được tính vào thu nhập của quý vị. Tiền phân phối từ HSA được sử dụng để thanh toán các chi phí y tế đủ điều kiện sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị. Tiền phân phối không được sử dụng cho các chi phí y tế đủ điều kiện sẽ được tính vào thu nhập của quý vị. Xem Ấn phẩm 969 để tìm hiểu yêu cầu của HSA.

Phần đóng góp của tổ chức hợp tác kinh doanh vào HSA của người góp vốn không phải là phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động. Phần đóng góp này được coi như một khoản phân phối tiền và sẽ không được tính vào tổng thu nhập của người góp vốn. Phần đóng góp của tổ chức hợp tác kinh doanh vào HSA của người góp vốn cho các dịch vụ được cung cấp được coi là khoản thanh toán bảo đảm và sẽ được tính vào tổng thu nhập của người góp vốn. Trong cả hai trường hợp, người góp vốn có thể khấu trừ phần đóng góp vào HSA của người góp vốn.

Phần đóng góp của Công ty S vào HSA 2% của cổ đông-người lao động cho các dịch vụ được cung cấp được coi là khoản thanh toán đảm bảo và sẽ được tính vào tổng thu nhập của cổ đông-người lao động. Cổ đông-người lao động có thể khấu trừ phần đóng góp vào HSA của cổ đông-người lao động.

Phân phối quỹ HSA đủ điều kiện. Quý vị có thể thực hiện phân phối một lần từ trương mục hưu trí cá nhân (IRA) vào HSA và quý vị thường sẽ không phải tính số tiền phân phối này vào thu nhập của mình.

Hỗ Trợ Nhận Con Nuôi

Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập của mình số tiền hoặc chi phí mà đơn vị sử dụng lao động đã chi trả cho chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện liên quan đến việc quý vị nhận nuôi một trẻ đủ tiêu chuẩn. Tham khảo Hướng Dẫn cho Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện, để tìm hiểu thêm thông tin.

Đơn vị sử dụng lao động sẽ báo cáo quyền lợi do nhận con nuôi ở ô 12 của Mẫu W-2 với mã T. Quyền lợi này cũng được khai báo là tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare ở ô 3 và 5. Tuy nhiên, quyền lợi này không được khai báo là tiền lương ở ô 1. Để xác định số tiền chịu thuế và không chịu thuế, quý vị phải hoàn thành Phần III của Mẫu 8839. Nộp mẫu này kèm theo hồ sơ khai thuế.

Quyền Lợi Giá Trị Tối Thiểu

Nếu đơn vị sử dụng lao động cung cấp cho quý vị một sản phẩm hoặc dịch vụ với giá trị quá nhỏ để hạch toán hợp lý, quý vị thường không phải tính giá trị của những sản phẩm hoặc dịch vụ này vào thu nhập của mình. Trong hầu hết các trường hợp, không tính vào thu nhập của quý vị giá trị chiết khấu tại nhà ăn của công ty, tiền taxi về nhà khi làm thêm giờ và các buổi dã ngoại của công ty.

Quà tặng ngày lễ. Nếu đơn vị sử dụng lao động tặng cho quý vị gà tây, giăm bông hoặc các vật phẩm chỉ có giá trị danh nghĩa khác vào lễ Giáng Sinh hoặc những ngày lễ khác, không tính giá trị món quà vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, nếu đơn vị sử dụng lao động tặng quý vị tiền mặt hoặc quà tặng tương đương tiền mặt, quý vị phải tính khoản tiền này vào thu nhập của mình.

Hỗ Trợ Giáo Dục

Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập của mình tối đa $5.250 tiền hỗ trợ giáo dục đủ điều kiện do đơn vị sử dụng lao động cung cấp. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 970, Quyền Lợi Thuế Cho Giáo Dục.

Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn

Trong hầu hết các trường hợp, chi phí cho phạm vi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn tối đa $50.000 do đơn vị sử dụng lao động (hoặc đơn vị sử dụng lao động trước đây) cung cấp cho quý vị sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải tính vào thu nhập chi phí bảo hiểm do đơn vị sử dụng lao động cung cấp cao hơn mức chi phí cho phạm vi bảo hiểm $50.000 trừ đi số tiền quý vị trả để mua bảo hiểm.

Để tìm hiểu các trường hợp ngoại lệ, tham khảo *Loại trừ toàn bộ chi phí* và *Tính thuế toàn bộ chi phí* ở phần sau.

Nếu đơn vị sử dụng lao động của quý vị cung cấp phạm vi bảo hiểm hơn $50.000, số tiền tính vào thu nhập sẽ được báo cáo như một phần tiền lương của quý vị ở ô 1 của Mẫu W-2. Ngoài ra, số tiền này sẽ được khai báo riêng ở ô 12 với mã C.

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn. Bảo hiểm này là bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn (bảo hiểm trong một khoảng thời gian cố định) và:

- Cung cấp quyền lợi bồi thường tử vong chung,
- Được cung cấp cho một nhóm người lao động,
- Được cung cấp theo chính sách do chủ lao động thực hiện, và
- Cung cấp số tiền bảo hiểm cho mỗi người lao động dựa trên một công thức gây cản trở đối với lựa chọn cá nhân.

Quyền lợi vĩnh viễn. Nếu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn của quý vị bao gồm các quyền lợi vĩnh viễn, ví dụ như giá trị đóng phí một lần hoặc giá trị giải ước, quý vị phải tính vào thu nhập của mình, dưới dạng tiền lương, chi phí các quyền lợi vĩnh viễn trừ đi số tiền quý vị phải trả để nhận những quyền lợi này. Đơn vị sử dụng lao động có thể cho quý vị biết số tiền cần tính vào thu nhập của quý vị.

Tiền tử tuất do tai nạn. Bảo hiểm trả tiền tử tuất do tai nạn hoặc các quyền lợi bồi thường tử vong khác nhưng không cung cấp quyền lợi bồi thường tử vong chung (ví dụ: bảo hiểm du lịch) không phải là bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn.

Đơn vị sử dụng lao động trước đây. Nếu đơn vị sử dụng lao động trước đây của quý vị cung cấp hơn $50.000 phạm vi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn trong năm, số tiền tính vào thu nhập của quý vị được báo cáo là tiền lương ở ô 1 của Mẫu W-2. Ngoài ra, số tiền này được khai báo riêng ở ô 12 với mã C. Ô 12 cũng sẽ thể hiện số tiền thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên phạm vi bảo hiểm vượt mức, với mã M và N. Quý vị phải trả các khoản thuế này cùng với hồ sơ khai thuế thu nhập của mình. Khai báo các khoản này ở Bản Khai 2 (Mẫu 1040), dòng 8, và làm theo hướng dẫn trong đó.

Hai hoặc nhiều đơn vị sử dụng lao động. Số tiền loại trừ cho bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do đơn vị sử dụng lao động cung cấp không được vượt quá chi phí cho phạm vi bảo hiểm $50.000, cho dù bảo hiểm được cung cấp bởi một đơn vị sử dụng lao động hay nhiều đơn vị sử dụng lao động. Nếu hai hoặc nhiều đơn vị sử dụng lao động cung cấp phạm vi bảo hiểm lớn hơn $50.000, số tiền được báo cáo là tiền lương trên Mẫu W-2 sẽ không đúng. Quý vị phải tính toán số tiền để khai báo trong thu nhập của quý vị. Lấy số tiền quý vị tính ra trừ đi số tiền được báo cáo với mã C ở ô 12 của Mẫu W-2, cộng kết quả với số tiền lương được báo cáo ở ô 1, sau đó khai báo tổng số trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Tính toán chi phí chịu thuế. Sử dụng Bảng tính toán 5-1 để tính số tiền cần báo cáo trong thu nhập của quý vị.

Bảng tính toán 5-1. **Tính Toán Chi Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Để Khai Báo Trong Thu Nhập**

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

1. Nhập tổng giá trị phạm vi bảo hiểm của quý vị từ (các) đơn vị sử dụng lao động	**1.**	
2. Hạn mức loại trừ đối với bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do đơn vị sử dụng lao động cung cấp	**2.**	*50.000*
3. Lấy dòng 1 trừ dòng 2	**3.**	
4. Chia dòng 3 cho $1.000. Tính chẵn đến hàng chục	**4.**	
5. Chuyển đến Bảng 5-1. Sử dụng tuổi của quý vị vào ngày cuối cùng của năm chịu thuế, tìm nhóm tuổi ở cột bên trái và nhập chi phí từ cột bên phải tương ứng với nhóm tuổi của quý vị.	**5.**	
6. Nhân dòng 4 với dòng 5	**6.**	
7. Nhập số tháng bảo hiểm đầy đủ với chi phí này	**7.**	
8. Nhân dòng 6 với dòng 7	**8.**	
9. Nhập phí bảo hiểm quý vị đã trả mỗi tháng	**9.**	
10. Nhập số tháng quý vị đã trả phí bảo hiểm	**10.**	
11. Nhân dòng 9 với dòng 10	**11.**	
12. Lấy dòng 8 trừ đi dòng 11. **Khai báo số tiền này vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương**	**12.**	

Bảng 5-1. **Chi Phí $1.000 Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Trong 1 Tháng**

Tuổi	Chi phí
Dưới 25	$ 0.05
25 đến 29	0.06
30 đến 34	0.08
35 đến 39	0.09
40 đến 44	0.10
45 đến 49	0.15
50 đến 54	0.23
55 đến 59	0.43
60 đến 64	0.66
65 đến 69	1.27
70 trở lên	2.06

Ví dụ: Quý vị 51 tuổi và làm việc cho công ty A và B. Cả hai công ty này đều cung cấp bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn cho quý vị trong cả năm. Phạm vi bảo hiểm của quý vị là $35.000 với công ty A và $45.000 với công ty B. Quý vị trả phí bảo hiểm $4,15 một tháng theo chương trình nhóm của công ty B. Quý vị tính số tiền cần khai báo trong thu nhập của mình như trình bày ở Bảng tính toán 5-1. Tính Toán Chi Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Để Khai Báo Trong Thu Nhập-Minh họa dưới đây.

Bảng tính toán 5-1. **Tính Toán Chi Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Để Khai Báo Trong Thu Nhập-Minh họa**

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

1. Nhập tổng giá trị phạm vi bảo hiểm của quý vị từ (các) đơn vị sử dụng lao động	**1.**	*80.000*
2. Hạn mức loại trừ đối với bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do đơn vị sử dụng lao động cung cấp	**2.**	*50.000*
3. Lấy dòng 1 trừ dòng 2	**3.**	*30.000*
4. Chia dòng 3 cho $1.000. Tính chẵn đến hàng chục	**4.**	*30.0*
5. Chuyển đến Bảng 5-1. Sử dụng tuổi của quý vị vào ngày cuối cùng của năm chịu thuế, tìm nhóm tuổi ở cột bên trái và nhập chi phí từ cột bên phải tương ứng với nhóm tuổi của quý vị.	**5.**	*0.23*
6. Nhân dòng 4 với dòng 5	**6.**	*6.90*
7. Nhập số tháng bảo hiểm đầy đủ với chi phí này	**7.**	*12*
8. Nhân dòng 6 với dòng 7	**8.**	*82.80*
9. Nhập phí bảo hiểm quý vị đã trả mỗi tháng	**9.**	*4.15*
10. Nhập số tháng quý vị đã trả phí bảo hiểm	**10.**	*12*
11. Nhân dòng 9 với dòng 10	**11.**	*49.80*
12. Lấy dòng 8 trừ đi dòng 11. **Khai báo số tiền này vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương**	**12.**	*33.00*

Loại trừ toàn bộ chi phí. Quý vị không phải chịu thuế đối với chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn nếu bất kỳ trường hợp nào dưới đây áp dụng.

1. Quý vị bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn và đã nghỉ việc.
2. Đơn vị sử dụng lao động là người thụ hưởng hợp đồng cho toàn bộ thời gian bảo hiểm có hiệu lực trong năm chịu thuế.
3. Một tổ chức từ thiện (được định nghĩa ở Ấn phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện) mà các khoản đóng góp cho tổ chức này được khấu trừ là người thụ hưởng duy nhất của hợp đồng bảo hiểm cho toàn bộ thời gian bảo hiểm có hiệu lực trong năm chịu thuế. (Quý vị không được khấu trừ tiền đóng góp từ thiện khi chỉ định tổ chức từ thiện là người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm của quý vị.)
4. Chương trình đã tồn tại vào ngày 1 tháng 1 năm 1984, và:
   a. Quý vị đã nghỉ hưu trước ngày 2 tháng 1 năm 1984 và được bảo hiểm theo chương trình đó vào thời điểm quý vị nghỉ hưu, hoặc
   b. Quý vị đủ 55 tuổi trước ngày 2 tháng 1 năm 1984 và được chủ lao động hoặc tổ chức tiền nhiệm của chủ lao động đó tuyển dụng trong năm 1983.

Tính thuế toàn bộ chi phí. Quý vị phải chịu thuế đối với toàn bộ chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn nếu một trong các trường hợp dưới đây áp dụng.

- Bảo hiểm được cung cấp bởi đơn vị sử dụng lao động thông qua quỹ tín thác của người lao động đủ điều kiện, ví dụ như quỹ hưu trí hoặc chương trình niên kim đủ điều kiện.
- Quý vị là nhân viên chủ chốt và chương trình của đơn vị sử dụng lao động ưu đãi cho những nhân viên chủ chốt.

Dịch Vụ Lập Kế Hoạch Hưu Trí

Nói chung, không khai báo giá trị các dịch vụ lập kế hoạch hưu trí đủ điều kiện được cung cấp cho quý vị và vợ/chồng quý vị bởi chương trình hưu trí đủ tiêu chuẩn của đơn vị sử dụng lao động. Các dịch vụ đủ điều kiện bao gồm tư vấn lập kế hoạch hưu trí, thông tin về chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động và thông tin cho biết chương trình này có thể phối hợp với chương trình thu nhập hưu trí cá nhân tổng thể của quý vị như thế nào. Quý vị không thể loại trừ giá trị dịch vụ hỗ trợ khai thuế, kế toán, pháp lý hoặc môi giới do đơn vị sử dụng lao động cung cấp.

Vận chuyển

Nếu đơn vị sử dụng lao động cung cấp cho quý vị quyền lợi phụ về vận chuyển đủ điều kiện, quý vị có thể loại trừ quyền lợi này khỏi thu nhập của mình, với hạn mức nhất định. Quyền lợi phụ về vận chuyển đủ điều kiện là:

- Vận chuyển bằng phương tiện giao thông trên đường cao tốc (ví dụ như xe van) giữa nhà ở và nơi làm việc của quý vị,
- Vé phương tiện giao thông, hoặc
- Bãi đỗ xe đủ tiêu chuẩn.

Số tiền mặt mà đơn vị sử dụng lao động bồi hoàn cho những chi phí này theo thỏa thuận bồi hoàn cũng được loại trừ. Tuy nhiên, tiền bồi hoàn cho vé phương tiện giao thông chỉ được loại trừ nếu phiếu mua hàng hoặc vật phẩm tương tự chỉ có thể dùng để đổi lấy vé phương tiện giao thông không có sẵn để phân phát trực tiếp cho quý vị.

Hạn mức loại trừ. Mức loại trừ đối với quyền lợi phụ về phương tiện đi lại và vé phương tiện giao thông không được nhiều hơn $270 một tháng.

Mức loại trừ đối với quyền lợi phụ về bãi đỗ xe đủ tiêu chuẩn không được nhiều hơn $270 một tháng.

Nếu quyền lợi có giá trị cao hơn các hạn mức này, phần vượt quá phải được tính vào thu nhập của quý vị.

Phương tiện giao thông đường cao tốc. Đây là phương tiện giao thông trên đường cao tốc có ít nhất sáu chỗ cho người lớn (không bao gồm lái xe). Tối thiểu 80% quãng đường di chuyển của chiếc xe là:

- Để đưa đón người lao động từ nhà đến nơi làm việc và ngược lại, và
- Cho các chuyến đi mà người lao động chiếm ít nhất một nửa số chỗ ngồi của người lớn trên xe (không bao gồm lái xe).

Vé phương tiện giao thông. Bao gồm vé, mã thông báo, thẻ, phiếu mua hàng hoặc vật phẩm tương tự cho phép một người sử dụng phương tiện giao thông đại chúng (bao gồm phương tiện công cộng và tư nhân) miễn phí hoặc với giá được giảm hoặc sử dụng phương tiện giao thông đường cao

tốc do một người kinh doanh vận tải điều khiển được cung cấp như một khoản thù lao.

Bãi đỗ xe đủ tiêu chuẩn. Bao gồm bãi đỗ xe được cung cấp cho người lao động tại hoặc gần địa điểm kinh doanh của đơn vị sử dụng lao động. Còn bao gồm bãi đỗ xe được cung cấp tại hoặc gần địa điểm mà từ đó người lao động đi tới nơi làm việc bằng phương tiện giao thông đại chúng, phương tiện giao thông đường cao tốc hoặc đi chung xe. Không bao gồm bãi đỗ xe tại hoặc gần nhà của người lao động.

Đóng Góp Chương Trình Hưu Trí

Phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động vào chương trình hưu trí đủ điều kiện cho quý vị không được tính vào thu nhập tại thời điểm đóng góp. (Đơn vị sử dụng lao động có thể cho quý vị biết chương trình hưu trí của quý vị có đủ điều kiện hay không.) Tuy nhiên, chi phí bảo hiểm nhân thọ kèm theo chương trình sẽ có thể phải tính vào thu nhập. Tham khảo *Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn* ở phần trên, trong mục *Quyền Lợi Phụ*.

Nếu đơn vị sử dụng lao động đóng góp vào một chương trình không đủ điều kiện cho quý vị, quý vị phải khai báo phần đóng góp này trong thu nhập của mình như tiền lương cho năm chịu thuế mà các khoản đóng góp được thực hiện. Tuy nhiên, nếu quyền lợi của quý vị theo chương trình không thể chuyển nhượng hoặc có nguy cơ cao bị tịch thu (quý vị có khả năng mất quyền lợi này) tại thời điểm đóng góp, quý vị không phải khai báo giá trị quyền lợi trong thu nhập của mình cho đến khi quyền lợi này có thể chuyển nhượng hoặc không còn chịu nguy cơ cao bị tịch thu.

TIP *Để tìm hiểu thông tin về tiền phân phối từ các chương trình hưu trí, tham khảo Ấn phẩm 575, Thu Nhập Hưu Trí Và Niên Kim (hoặc Ấn phẩm 721, Hướng Dẫn Về Thuế Đối Với Quyền Lợi Hưu trí Của Dịch Vụ Dân Sự Hoa Kỳ, nếu quý vị là nhân viên liên bang hoặc nhân viên liên bang đã về hưu).*

Hoãn thuế tự chọn. Nếu quý vị được bao trả bởi một số chương trình hưu trí nhất định, quý vị có thể lựa chọn để đơn vị sử dụng lao động đóng góp một phần thù lao của quý vị vào quỹ hưu trí, thay vì trả cho quý vị. Số tiền quý vị dành ra (được gọi là hoãn thuế tự chọn) được coi là phần đóng góp của đơn vị sử dụng lao động cho một chương trình đủ điều kiện. Hoãn thuế tự chọn, ngoại trừ khoản đóng góp Roth được chỉ định (sẽ thảo luận ở phần sau), không được tính vào tiền lương chịu thuế thu nhập tại thời điểm đóng góp. Thay vào đó, khoản này sẽ chịu thuế thu nhập khi được phân bổ từ chương trình. Tuy nhiên, tiền hoãn thuế tự chọn sẽ được tính vào tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare tại thời điểm đóng góp.

Hoãn thuế tự chọn bao gồm đóng góp tự chọn vào các chương trình hưu trí sau.

1. Hợp đồng tiền mặt hoặc thu nhập hoãn thuế (chương trình 401(k)).
2. Chương Trình Tiết Kiệm Để Dành cho nhân viên liên bang.
3. Chương trình hưu trí đơn giản hóa trích từ lương cho người lao động (Salary Reduction Simplified Employee Pension Plan, SARSEP).
4. Chương trình ưu đãi tiết kiệm đối ứng cho người lao động (chương trình Savings Incentive Match Plans for Employees, SIMPLE).
5. Chương trình niên kim được hoãn thuế (các chương trình theo mục 403(b)).
6. Các chương trình theo mục 501(c)(18)(D).
7. Các chương trình theo mục 457.

Hợp đồng đóng góp tự động đủ điều kiện. Đối với hợp đồng đóng góp tự động đủ điều kiện, đơn vị sử dụng lao động có thể coi như quý vị đã lựa chọn đóng góp một phần thù lao của quý vị vào một chương trình theo mục 401(k). Quý vị sẽ nhận được thông báo bằng văn bản về quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đóng góp tự động đủ điều kiện. Thông báo phải giải thích:

- Quyền lựa chọn không thực hiện đóng góp tự chọn hoặc thực hiện đóng góp với tỷ lệ khác; và
- Các khoản đóng góp sẽ được đầu tư như thế nào khi quý vị không đưa ra quyết định đầu tư.

Quý vị phải được cho một khoảng thời gian hợp lý sau khi nhận được thông báo và trước khi khoản đóng góp tự chọn đầu tiên được thực hiện để lựa chọn hình thức đóng góp.

Hạn mức hoãn thuế chung. Cho năm 2020, trong hầu hết các trường hợp, quý vị được phép hoãn thuế cho tối đa $19.500 tiền đóng góp vào các chương trình được liệt kê ở mục (1) đến (3) và (5) trên đây. Hạn mức đối với các chương trình SIMPLE là $13.500. Hạn mức cho các chương trình theo mục 501(c)(18)(D) là mức thấp hơn giữa $7.000 và 25% số tiền đóng góp của quý vị. Hạn mức cho các chương trình theo mục 457 là mức thấp hơn giữa số tiền thù lao phải tính vào và $19.500. Số tiền hoãn thuế theo hạn mức của chương trình cụ thể là một phần của hạn mức hoãn thuế chung.

Đóng góp Roth được chỉ định. Đơn vị sử dụng lao động với các chương trình theo mục 401(k) và 403(b) có thể xây dựng chương trình đóng góp Roth đủ điều kiện để quý vị có thể lựa chọn chỉ định một phần hoặc toàn bộ tiền hoãn thuế tự chọn vào chương trình của quý vị là khoản đóng góp Roth sau thuế. Đóng góp Roth được chỉ định được coi như các khoản hoãn thuế tự chọn, ngoại trừ việc khoản đóng góp này sẽ được tính vào thu nhập tại thời điểm đóng góp.

Hoãn thuế vượt mức. Đơn vị sử dụng lao động hoặc người quản trị chương trình của quý vị có thể áp dụng hạn mức năm thích hợp khi xác định mức đóng góp vào chương trình của quý vị. Tuy nhiên, quý vị có trách nhiệm theo dõi tổng số tiền hoãn thuế để đảm bảo rằng số tiền này không vượt quá hạn mức chung.

Nếu quý vị dành ra nhiều hơn hạn mức, phần vượt quá thường sẽ được tính vào thu nhập của quý vị cho năm đó, trừ khi quý vị có khoản hoãn thuế vượt quá là đóng góp Roth được chỉ định. Xem Ấn phẩm 525 thảo luận về việc xử lý thuế đối với hoãn thuế vượt mức.

Đóng góp bổ sung. Quý vị có thể được phép đóng góp bổ sung (hoãn thuế tự chọn bổ sung) nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên tại thời điểm cuối năm chịu thuế.

Quyền Chọn Cổ Phiếu

Nếu quý vị nhận được quyền chọn mua/bán cổ phiếu hoặc tài sản khác không theo luật định để thanh toán cho dịch vụ của quý vị, quý vị thường sẽ có thu nhập khi nhận được quyền chọn, khi quý vị thực hiện quyền chọn (sử dụng quyền chọn để mua/bán cổ phiếu hoặc tài sản khác), hoặc khi quý vị bán hoặc thanh lý quyền chọn. Tuy nhiên, nếu quyền chọn của quý vị là quyền chọn cổ phiếu luật định, quý vị sẽ không có thu nhập cho đến khi quý vị bán hoặc giao dịch cổ phiếu của mình. Đơn vị sử dụng lao động có thể cho quý vị biết quyền chọn của quý vị là loại nào. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 525.

Tài Sản Bị Hạn Chế

Trong hầu hết các trường hợp, nếu quý vị nhận tài sản cho các dịch vụ của mình, quý vị phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản vào thu nhập trong năm quý vị nhận được tài sản này. Tuy nhiên, nếu quý vị nhận được cổ phiếu hoặc tài sản khác có những hạn chế nhất định ảnh hưởng đến giá trị, quý vị không phải khai báo giá trị của tài sản vào thu nhập cho đến khi tài sản thuộc quyền sở hữu của quý vị. (Mặc dù quý vị có thể lựa chọn tính giá trị của tài sản vào thu nhập của mình trong năm tài sản được chuyển cho quý vị.) Để biết thêm thông tin, tham khảo mục *Tài Sản Bị Hạn Chế* trong Ấn phẩm 525.

Cổ tức nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế. Cổ tức mà quý vị nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế được coi là thù lao chứ không phải là thu nhập cổ tức. Đơn vị sử dụng lao động phải khai báo khoản thanh toán này trên Mẫu W-2 của quý vị.

Cổ phiếu mà quý vị lựa chọn tính vào thu nhập. Cổ tức quý vị nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế mà quý vị đã chọn tính vào thu nhập của mình trong năm nhận chuyển nhượng được coi như bất kỳ khoản cổ tức nào khác. Hãy báo cáo khoản này như cổ tức trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Để tìm hiểu nội dung thảo luận về cổ tức, tham khảo Ấn phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư.

Để tìm hiểu thông tin về cách xử lý cổ tức được báo cáo trên Mẫu W-2 và Mẫu 1099-DIV của quý vị, xem *Cổ tức nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế* trong Ấn phẩm 525.

Quy Tắc Đặc Biệt Đối Với Một Số Người Lao Động

Phần này trình bày các quy tắc đặc biệt đối với một số loại hình việc làm nhất định: thành viên của giới tăng lữ, thành viên của các dòng tu, người làm việc cho đơn vị sử dụng lao động nước ngoài, quân nhân và tình nguyện viên.

Giáo sĩ

Thông thường, nếu quý vị là thành viên giới tăng lữ, quý vị phải tính vào thu nhập của mình tiền cúng dường và lệ phí cử hành đám cưới, lễ rửa tội, đám tang, thánh lễ, v.v. ngoài tiền lương của quý vị. Nếu tiền cúng dường được gửi cho tổ chức tôn giáo, quý vị sẽ không phải chịu thuế.

Nếu quý vị là thành viên của một tổ chức tôn giáo và quý vị đóng góp các khoản thu nhập từ bên ngoài của mình cho tổ chức tôn giáo, quý vị vẫn phải khai báo những khoản thu nhập này vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, quý vị có thể được hưởng khấu trừ đóng góp từ thiện cho số tiền đã đóng góp cho tổ chức. Tham khảo Ấn phẩm 526.

Hưu bổng. Hưu bổng hoặc tiền hưu trí trả cho thành viên của giới tăng lữ thường được đối xử như bất kỳ khoản hưu bổng hoặc niên kim nào khác. Khoản tiền này phải được khai báo ở dòng 5a và 5b trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nhà ở. Quy tắc đặc biệt về nhà ở áp dụng cho các thành viên của giới tăng lữ. Theo các quy tắc này, quý vị sẽ không tính vào thu nhập của mình giá trị cho thuê nhà (bao gồm chi phí dịch vụ tiện ích) hoặc tiền trợ cấp thuê nhà chỉ định được cung cấp như một phần tiền lương của quý vị. Tuy nhiên, mức loại trừ không thể nhiều hơn mức chi trả hợp lý cho các dịch vụ của quý vị. Nếu quý vị thanh toán chi phí dịch vụ tiện ích, quý vị có thể loại trừ khoản trợ cấp được chỉ định cho chi phí dịch vụ tiện ích, lên tới mức chi phí thực tế của quý vị. Nhà ở và trợ cấp phải được cung cấp như tiền thù lao cho dịch vụ của quý vị với tư cách là mục sư đã được tấn phong, cấp phép và ủy nhiệm. Tuy nhiên, quý vị phải khai báo giá trị cho thuê của căn nhà hoặc tiền trợ cấp thuê nhà là thu nhập tự doanh trên Bản Khai SE (Mẫu 1040) nếu quý vị phải chịu thuế tự doanh. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 517, An Sinh Xã Hội Và Những Thông Tin Khác Cho Thành Viên Giới Tăng Lữ Và Người Làm Việc Liên Quan Đến Tôn Giáo.

Thành Viên Của Các Dòng Tu

Nếu quý vị là thành viên của một dòng tu đã tuyên thệ sống trong nghèo khó, cách quý vị xử lý thu nhập mà quý vị từ bỏ và chuyển cho dòng tu phụ thuộc vào việc các dịch vụ của quý vị có được thực hiện cho dòng tu hay không.

Dịch vụ thực hiện cho dòng tu. Nếu quý vị thực hiện các dịch vụ với tư cách là người đại diện của dòng tu khi thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của dòng tu, không khai báo vào thu nhập của quý vị số tiền đã chuyển cho dòng tu.

Nếu dòng tu chỉ thị quý vị thực hiện dịch vụ cho một cơ quan khác của nhà thờ giám sát hoặc tổ chức liên kết, quý vị được coi là đang thực hiện các dịch vụ với tư cách là người đại diện của dòng tu. Tiền công quý vị kiếm được với tư cách người đại diện của dòng tu mà quý vị chuyển lại cho dòng tu sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

Ví dụ: Quý vị là thành viên của dòng tu và đã tuyên thệ sống trong nghèo khó. Quý vị từ bỏ quyền lợi đối với thu nhập của mình và chuyển cho dòng tu tất cả tiền lương và tiền công mà quý vị kiếm được. Quý vị là một y tá đã đăng ký, vì vậy dòng tu đã phân công quý vị làm việc tại bệnh viện, một tổ chức liên kết của nhà thờ. Tuy nhiên, quý vị vẫn chịu sự chỉ đạo và kiểm soát chung của dòng tu. Quý vị được coi là người đại diện của dòng tu và tiền lương quý vị kiếm được tại bệnh viện mà quý vị chuyển lại cho dòng tu sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

Dịch vụ thực hiện bên ngoài dòng tu. Nếu quý vị được chỉ thị làm việc bên ngoài dòng tu, dịch vụ của quý vị không phải là thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của dòng tu trừ khi những dịch vụ này đáp ứng cả hai yêu cầu dưới đây.

- Dịch vụ này thường là nhiệm vụ của các thành viên trong dòng tu.
- Dịch vụ này là một phần nhiệm vụ mà quý vị phải thực hiện cho hoặc thay mặt dòng tu với tư cách là người đại diện.

Nếu quý vị là người lao động của bên thứ ba, dịch vụ mà quý vị thực hiện cho bên thứ ba sẽ không được coi là theo chỉ đạo hoặc yêu cầu của dòng tu. Số tiền quý vị nhận được cho những dịch vụ này được tính vào thu nhập của quý vị, kể cả khi quý vị đã tuyên thệ sống trong nghèo khó.

Ví dụ: Mark Brown là thành viên của một dòng tu và đã tuyên thệ sống trong nghèo khó. Anh từ bỏ toàn bộ quyền lợi đối với thu nhập của mình và chuyển thu nhập cho dòng tu.

Mark là giáo viên. Anh được cấp trên trong dòng tu chỉ thị xin việc tại một trường tư thục miễn thuế. Mark trở thành nhân viên của trường và theo yêu cầu của anh, trường trả tiền lương trực tiếp cho dòng tu.

Vì Mark là nhân viên của trường, anh thực hiện dịch vụ cho trường thay vì với tư cách là người đại diện của dòng tu. Tiền lương Mark nhận được khi làm việc cho trường sẽ được tính vào thu nhập của anh.

Đơn vị sử dụng lao động nước ngoài

Các quy tắc đặc biệt sẽ áp dụng nếu quý vị làm việc cho một đơn vị sử dụng lao động nước ngoài.

Công dân Hoa Kỳ. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ làm việc tại Hoa Kỳ cho chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, đại sứ quán nước ngoài hoặc bất kỳ đơn vị sử dụng lao động nước ngoài nào, quý vị phải khai báo tiền lương vào thu nhập của mình.

Thuế an sinh xã hội và Medicare. Quý vị được miễn thuế an sinh xã hội và Medicare nếu quý vị được tuyển dụng tại Hòa Kỳ bởi một tổ chức quốc tế hoặc chính phủ nước ngoài. Tuy nhiên, quý vị phải nộp thuế tư doanh trên thu nhập từ các dịch vụ thực hiện tại Hoa Kỳ, cho dù quý vị không phải là người tư doanh. Quy tắc này cũng áp dụng nếu quý vị là nhân viên của một cơ quan thuộc sở hữu hoàn toàn của chính phủ nước ngoài đủ điều kiện.

Nhân viên của các tổ chức quốc tế hoặc chính phủ nước ngoài. Thù lao mà quý vị nhận được khi làm việc chính thức cho tổ chức quốc tế được miễn thuế thu nhập liên bang nếu quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc quý vị là công dân Philippines (cho dù quý vị có phải là công dân Hoa Kỳ hay không).

Thù lao mà quý vị nhận được khi làm việc chính thức cho chính phủ nước ngoài được miễn thuế thu nhập liên bang nếu tất cả điều kiện sau đều đúng.

- Quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc quý vị là công dân Philippines (cho dù quý vị có phải là công dân Hoa Kỳ hay không).
- Công việc của quý vị giống như công việc của nhân viên Hoa Kỳ ở nước ngoài.
- Chính phủ nước ngoài cung cấp quyền lợi miễn thuế ngang bằng cho nhân viên của Hoa Kỳ tại quốc gia của mình.

Từ bỏ tình trạng ngoại nhân. Nếu quý vị là ngoại nhân làm việc cho chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế và quý vị nộp đơn từ bỏ theo mục 247(b) của Đạo Luật Nhập Cư Và Quốc Tịch để giữ tình trạng nhập cư của mình, các quy tắc khác có thể áp dụng. Tham khảo mục *Đơn Vị Sử Dụng Lao Động Nước Ngoài* trong Ấn Phẩm 525.

Việc làm ở nước ngoài. Để tìm hiểu thông tin về xử lý thuế đối với thu nhập kiếm được ở nước ngoài, tham khảo Ấn phẩm 54.

Quân đội

Các khoản thanh toán mà quý vị nhận khi tham gia nghĩa vụ quân sự thường phải chịu thuế như tiền lương, ngoại trừ tiền hưu trí, phải chịu thuế như một khoản hưu bổng. Phụ cấp thường không phải chịu thuế. Để tìm hiểu thông tin về xử lý thuế đối với phụ cấp và trợ cấp quân sự, tham khảo Ấn phẩm 3, Hướng Dẫn Thuế Cho Lực Lượng Vũ Trang.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Khoản tiền mà đơn vị sử dụng lao động trả cho quý vị trong thời gian quý vị phục vụ trong lực lượng đồng phục liên bang được coi là thù lao. Khoản tiền lương này phải chịu khấu lưu thuế thu nhập và được báo cáo trên Mẫu W-2. Tham khảo nội dung thảo luận trong mục *Thù Lao Khác* ở phần sau.

Tiền hưu trí quân đội. Nếu tiền hưu trí của quý vị dựa trên tuổi tác hoặc thời gian công tác, khoản tiền đó phải chịu thuế và sẽ được tính vào thu nhập của quý vị như một khoản hưu bổng ở dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Không tính vào thu nhập của quý vị tiền hưu trí hoặc tiền lương trả trước để cung cấp niên kim cho vợ/chồng hoặc con của quý vị theo Chương Trình Bảo Vệ Gia Đình Của Quân Nhân Đã Nghỉ Hưu hoặc Chương Trình Phúc lợi Cho Người Còn Sống.

Để tìm hiểu nội dung thảo luận về niên kim cho người còn sống, tham khảo Ấn phẩm 575, Thu nhập từ Hưu Bổng và Niên Kim.

Thương tật. Nếu quý vị nghỉ hưu do thương tật, tham khảo *Hưu Bổng Thương Tật Của Chính Phủ Và Quân Đội* trong mục *Trợ Cấp Ốm Đau Và Thương Tậtở* phần sau.

Trợ cấp cho cựu chiến binh. Không tính vào thu nhập của quý vị tiền trợ cấp cho cựu chiến binh theo luật, quy định hoặc thông lệ hành chính do Bộ Cựu Chiến Binh (VA) quản lý. Các khoản tiền sau đây trả cho cựu chiến binh hoặc gia đình của họ không phải chịu thuế.

- Trợ cấp giáo dục, đào tạo và sinh hoạt phí.
- Bồi thường thương tật và lương hưu cho thương binh được trả cho cựu chiến binh hoặc gia đình của họ.
- Trợ cấp nhà ở được thiết kế cho người sử dụng xe lăn.
- Trợ cấp phương tiện cơ giới cho cựu chiến binh bị mất thị lực hoặc khả năng sử dụng các chi.
- Tiền bảo hiểm của cựu chiến binh và cổ tức được trả cho cựu chiến binh hoặc người thụ hưởng, bao gồm tiền thu được từ hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp của cựu chiến binh được trả trước khi qua đời.
- Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm mà quý vị có thể ký gửi với VA.
- Quyền lợi theo chương trình chăm sóc người phụ thuộc.
- Tiền tử tuất trả cho thân nhân còn sống của thành viên Lực Lượng Vũ Trang mất sau ngày 10 tháng 9 năm 2001.
- Các khoản thanh toán theo chương trình làm việc kết hợp trị liệu được trả lương.
- Tiền thưởng của tiểu bang hoặc phân khu chính trị cho việc phục vụ trong khu vực chiến sự.

Tình nguyện viên

Quy tắc xử lý thuế đối với số tiền mà quý vị nhận được khi làm nhân viên tình nguyện cho Tổ Chức Hòa Bình Hoa Kỳ hoặc một cơ quan tương tự được đề cập trong nội dung thảo luận dưới đây.

Tổ Chức Hòa Bình Hoa Kỳ Phụ cấp sinh hoạt mà quý vị nhận được khi làm tình nguyện viên hoặc lãnh đạo tình nguyện cho Tổ Chức Hòa Bình Hoa Kỳ để trang trải chi phí nhà ở, dịch vụ tiện ích, đồ dùng gia đình, thực phẩm và quần áo thường được miễn thuế.

Phụ cấp chịu thuế. Tuy nhiên, các khoản phụ cấp sau đây phải được tính vào thu nhập của quý vị và sẽ được báo cáo như tiền lương.

- Phụ cấp trả cho vợ/chồng và con nhỏ ở tuổi vị thành niên của quý vị khi quý vị là lãnh đạo tình nguyện tham gia huấn luyện ở Hoa Kỳ.
- Phụ cấp sinh hoạt mà Giám đốc Tổ Chức Hòa Bình Hoa Kỳ chỉ định là thù lao cơ bản. Đây là các khoản phụ cấp cho chi phí cá nhân như giúp việc, giặt là và bảo dưỡng quần áo, vui chơi, giải trí, đi lại, và các chi phí linh tinh khác.
- Phụ cấp nghỉ phép.
- Trợ cấp tái hòa nhập hoặc thanh toán nghỉ việc. Quý vị được coi là đã nhận các khoản phụ cấp này khi tiền phụ cấp được ghi có vào tài khoản của quý vị.

Ví dụ: Gary Carpenter, một tình nguyện viên của Tổ Chức Hòa Bình Hoa Kỳ, nhận được $175 mỗi tháng tiền trợ cấp tái hòa nhập trong thời gian phục vụ của anh, sẽ được trả một lần khi kết thúc thời gian phục vụ. Mặc dù Gary không thể sử dụng tiền trợ cấp cho đến khi kết thúc thời gian làm nhiệm vụ, anh phải khai báo số tiền này vào thu nhập hàng tháng khi tài khoản của anh được ghi có.

Tình Nguyện Viên Phục Vụ Hoa Kỳ (Volunteers in Service to America, VISTA). Nếu quý vị là tình nguyện viên VISTA, quý vị phải khai báo các khoản phụ cấp ăn ở được trả cho quý vị như tiền lương.

Các chương trình của Tổ Chức Dịch Vụ Người Cao Tuổi Quốc Gia. Không tính vào thu nhập số tiền quý vị nhận được cho các dịch vụ hỗ trợ hoặc tiền bồi hoàn cho các chi phí tự chi trả từ các chương trình sau.

- Chương Trình Tình Nguyện Viên Cao Niên Đã Nghỉ Hưu (Retired Senior Volunteer Program, RSVP).
- Chương Trình Ông Bà Nuôi.
- Chương Trình Đồng Hành Với Người Cao Tuổi.

Tổ Chức Dịch Vụ Của Các Giám Đốc Đã Nghỉ Hưu (Service Corps of Retired Executives, SCORE). Nếu quý vị nhận được tiền thanh toán cho các dịch vụ hỗ trợ hoặc tiền bồi hoàn cho các chi phí tự chi trả từ SCORE, không khai báo số tiền này vào tổng thu nhập.

Tư vấn thuế tình nguyện. Không tính vào thu nhập của quý vị số tiền bồi hoàn mà quý vị nhận được cho chi phí đi lại, ăn uống và các chi phí khác phát sinh trong quá trình quý vị tiếp nhận đào tạo hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn thuế thu nhập liên bang cho người cao tuổi (TCE).

Quý vị có thể khấu trừ như một khoản đóng góp từ thiện đối với các chi phí tự chi trả chưa được bồi hoàn của mình khi tham gia chương trình hỗ trợ khai thuế thu nhập tình nguyện (Volunteer Income Tax Assistance, VITA). Tham khảo Ấn phẩm 526.

Trợ Cấp Ốm Đau Và Thương Tật

Phần này thảo luận về trợ cấp ốm đau và thương tật, bao gồm hưu bổng thương tật, hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tiền bồi thường cho người lao động và các phúc lợi khác.

Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải báo cáo vào thu nhập số tiền mà quý vị nhận được do bệnh tật và thương tật cá nhân thông qua chương trình bảo hiểm sức khỏe hoặc tai nạn do đơn vị sử dụng lao động chi trả. Nếu quý vị và đơn vị sử dụng lao động cùng chi trả cho chương trình, chỉ số tiền mà quý vị nhận được tương ứng với phần thanh toán của đơn vị sử dụng lao động sẽ được báo cáo là thu nhập. Tuy nhiên, một số khoản thanh toán có thể không phải chịu thuế đối với quý vị. Để tìm hiểu thông tin về các khoản thanh toán không chịu thuế, tham khảo mục *Hưu Bổng Thương Tật Của Chính Phủ Và Quân Đội* và *Trợ Cấp Ốm Đau Và Thương Tật Khác*, ở phần sau.

TIP *Không báo cáo vào thu nhập số tiền bồi hoàn các chi phí y tế phát sinh của quý vị sau khi chương trình được thiết lập.*

Chi phí do quý vị thanh toán. Nếu quý vị thanh toán toàn bộ chi phí của chương trình bảo hiểm sức khỏe hoặc tai nạn, không tính số tiền quý vị nhận được từ chương trình cho bệnh tật và thương tật cá nhân vào thu nhập trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Nếu chương trình bồi hoàn cho quý vị những chi phí y tế mà quý vị đã khấu trừ trong một năm trước đó, quý vị có thể phải khai báo một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi hoàn vào thu nhập của mình. Tham khảo phần Sẽ Thế Nào Nếu Quý Vị Nhận Được Khoản Bồi Thường Bảo Hiểm Sau Một Năm? trong Ấn phẩm 502, Chi Phí Y Tế Và Nha Khoa.

Chương trình phúc lợi tự chọn. Trong hầu hết các trường hợp, nếu quý vị được bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe thông qua chương trình phúc lợi tự chọn và phí bảo hiểm không được tính vào thu nhập của quý vị, quý vị không được coi là đã trả phí bảo hiểm và quý vị phải khai báo bất kỳ quyền lợi nào nhận được vào thu nhập của mình. Nếu phí bảo hiểm được tính vào thu nhập của quý vị, quý vị được coi là đã trả phí bảo hiểm và bất kỳ quyền lợi nào mà quý vị nhận được đều không phải chịu thuế.

Hưu Bổng Thương Tật

Nếu quý vị nghỉ hưu do thương tật, quý vị phải khai báo trong thu nhập bất kỳ khoản trợ cấp thương tật nào mà quý vị nhận được theo chương trình do đơn vị sử dụng lao động chi trả. Quý vị phải báo cáo các khoản trợ cấp thương tật chịu thuế của mình như tiền lương ở dòng 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho đến khi quý vị đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu. Tuổi nghỉ hưu tối thiểu là tuổi mà quý vị có thể nhận hưu bổng hoặc niên kim lần đầu tiên nếu quý vị không bị tàn tật.

TIP *Quý vị có thể được nhận tín thuế nếu quý vị bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn khi quý vị nghỉ hưu. Để tìm hiểu thông tin về khoản tín thuế này và định nghĩa về thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, tham khảo Ấn phẩm 524, Tín Thuế dành cho Người Già hay Người Bị Khuyết Tật.*

Bắt đầu từ ngày sau khi quý vị đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu, các khoản thanh toán quý vị nhận được sẽ phải chịu thuế như hưu bổng hoặc niên kim. Khai báo khoản tiền này ở dòng 5a và 5b trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Các quy tắc báo cáo hưu bổng được giải thích trong mục Hưu Bổng Khuyết Tật trong Ấn phẩm 575.

Để tìm hiểu thông tin về các khoản trợ cấp thương tật từ chương trình của chính phủ được cung cấp để thay thế cho bồi thường thất nghiệp, tham khảo *Quyền Lợi Thất Nghiệp* trong chương 8.

Chương trình hưu trí và chia sẻ lợi nhuận. Nếu quý vị nhận được tiền thanh toán từ chương trình hưu trí hoặc chương trình chia sẻ lợi nhuận không cung cấp tiền hưu trí cho thương tật, không coi các khoản thanh toán này là hưu bổng thương tật. Khoản thanh toán này phải được báo cáo là hưu bổng hoặc niên kim. Để tìm hiểu thêm thông tin về hưu bổng, tham khảo Ấn phẩm 575.

Tiền lương nghỉ phép tích lũy. Nếu quý vị nghỉ hưu do thương tật, khoản thanh toán một lần mà quý vị nhận được cho tiền lương nghỉ phép tích lũy được coi là tiền lương. Số tiền này không phải là trợ cấp thương tật. Khai báo số tiền này vào thu nhập trong năm chịu thuế mà quý vị nhận được.

Hưu Bổng Thương Tật Của Chính Phủ Và Quân Đội

Một số khoản hưu bổng thương tật của chính phủ và quân đội không phải chịu thuế.

Thương tật gắn với quá trình phục vụ. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập số tiền mà quý vị nhận được dưới hình thức hưu bổng, niên kim hoặc trợ cấp tương tự cho thương tật và bệnh tật cá nhân do làm nhiệm vụ tại một trong các lực lượng sau của chính phủ.

- Các lực lượng vũ trang của bất kỳ quốc gia nào.
- Cục Quản Lý Khí Quyển Và Đại Dương Quốc Gia.
- Dịch Vụ Y Tế Công Cộng.
- Dịch Vụ Ngoại Giao.

Điều kiện để loại trừ. Không tính trợ cấp thương tật vào thu nhập của quý vị nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây áp dụng.

1. Quý vị có quyền nhận trợ cấp thương tật trước ngày 25 tháng 9 năm 1975.
2. Quý vị là thành viên của một lực lượng chính phủ hoặc thành phần dự bị của lực lượng này, hoặc có cam kết ràng buộc bằng văn bản để trở thành thành viên, vào ngày 24 tháng 9 năm 1975.
3. Quý vị nhận được trợ cấp thương tật cho chấn thương liên quan đến chiến đấu. Đây là thương tật hoặc bệnh tật cá nhân:
   a. Là kết quả trực tiếp của xung đột vũ trang;
   b. Xảy ra khi quý vị tham gia vào lực lượng cực kỳ nguy hiểm;
   c. Xảy ra trong điều kiện mô phỏng chiến tranh, bao gồm các bài tập huấn luyện như diễn tập; hoặc
   d. Do phương tiện chiến tranh gây ra.
4. Quý vị sẽ được quyền nhận tiền bồi thường thương tật từ Bộ Cựu Chiến Binh (VA) nếu quý vị nộp đơn xin. Số tiền loại trừ của quý vị theo

điều kiện này bằng với số tiền quý vị có thể được nhận từ VA.

Hưu bổng dựa trên số năm công tác. Nếu quý vị nhận được hưu bổng dựa trên số năm công tác, trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải khai báo vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, nếu tiền hưu bổng đủ điều kiện loại trừ theo diện thương tật gắn với quá trình phục vụ (đã thảo luận ở phần trên), không tính vào thu nhập phần hưu bổng mà quý vị có thể đã nhận được nếu hưu bổng được chi trả dựa trên tỷ lệ thương tật. Quý vị phải khai báo phần còn lại của tiền hưu bổng vào thu nhập của quý vị.

Quyết định hồi tố của VA. Nếu quý vị nghỉ hưu từ lực lượng vũ trang dựa trên số năm công tác và sau đó được VA xếp hạng thương tật có giá trị hồi tố gắn với quá trình phục vụ, trợ cấp thương tật của quý vị cho khoảng thời gian hồi tố được loại trừ khỏi thu nhập với mức tối đa là số tiền trợ cấp thương tật của VA mà quý vị có thể đã được nhận. Quý vị có thể yêu cầu hoàn lại số thuế đã nộp trên khoản tiền được loại trừ (tùy thuộc vào thời hiệu) bằng cách nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi trên Mẫu 1040-X cho từng năm trong thời gian hồi tố. Quý vị phải gửi kèm mỗi Mẫu 1040-X bản sao của Quyết định chính thức cấp trợ cấp hồi tố của VA. Quyết định phải nêu rõ số tiền đã khấu lưu và ngày hiệu lực của trợ cấp.

Nếu quý vị nhận được trợ cấp thôi việc do thương tật trả một lần và sau đó được nhận trợ cấp thương tật của VA, loại trừ 100% số tiền trợ cấp thôi việc khỏi thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải tính vào thu nhập của mình mọi khoản trợ cấp tái hòa nhập trả một lần hoặc trợ cấp thôi việc không do thương tật khác mà quý vị nhận được sau khi mãn hạn nghĩa vụ, kể cả khi sau đó quý vị được VA xếp hạng thương tật có hiệu lực hồi tố.

Thời gian giới hạn đặc biệt. Trong hầu hết các trường hợp, theo thời gian giới hạn, yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế phải được nộp trong vòng 3 năm kể từ khi khai thuế hoặc 2 năm kể từ khi nộp thuế. Tuy nhiên, nếu quý vị nhận được quyết định xếp hạng thương tật gắn với quá trình phục vụ có hiệu lực hồi tố, thời gian giới hạn sẽ được kéo dài thêm 1 năm bắt đầu từ ngày quyết định. Khoảng thời gian gia hạn 1 năm này áp dụng cho các yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế nộp sau ngày 17 tháng 6 năm 2008 và không áp dụng cho bất kỳ năm chịu thuế nào bắt đầu hơn 5 năm trước ngày quyết định.

Tấn công khủng bố hoặc hành động quân sự. Không tính vào thu nhập của quý vị tiền trợ cấp thương tật mà quý vị nhận được cho thương tích do hậu quả trực tiếp của một cuộc tấn công khủng bố nhằm vào Hòa Kỳ (hoặc các đồng minh), dù ở bên trong hay bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc do hành động quân sự. Xem Ấn phẩm 3920 và Ấn phẩm 907 để tìm hiểu thêm thông tin.

Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn trong hầu hết các trường hợp được coi là hợp đồng bảo hiểm tai nạn và sức khỏe. Số tiền quý vị nhận được từ hợp đồng này (ngoài cổ tức của chủ hợp đồng hoặc tiền hoàn lại phí bảo hiểm) trong hầu hết các trường hợp đều được loại trừ khỏi thu nhập như số tiền nhận được cho thương tật hoặc bệnh tật cá nhân. Để yêu cầu loại trừ cho các khoản thanh toán trên cơ sở hàng ngày hoặc định kỳ khác theo hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, quý vị phải nộp Mẫu 8853 cùng với hồ sơ khai thuế của mình.

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn là hợp đồng bảo hiểm chỉ cung cấp bảo hiểm cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn. Hợp đồng phải:

- Được bảo đảm có thể tái tục;
- Không quy định giá trị giải ước bằng tiền mặt hoặc các khoản tiền khác có thể được thanh toán, chuyển nhượng, cầm cố hoặc vay mượn;
- Quy định rằng khoản hoàn trả, ngoài khoản hoàn trả khi người được bảo hiểm tử vong hoặc giải ước hoàn toàn hoặc hủy bỏ hoàn toàn hợp đồng cũng như cổ tức theo hợp đồng chỉ có thể được sử dụng để giảm phí mua bảo hiểm trong tương lai hoặc gia tăng các quyền lợi trong tương lai; và
- Trong hầu hết các trường hợp, không thanh toán hay bồi hoàn chi phí phát sinh cho các dịch vụ hoặc hạng mục có thể được bồi hoàn theo Medicare, ngoại trừ trường hợp Medicare là bên chi trả phụ hoặc hợp đồng thực hiện thanh toán hàng ngày hoặc trên cơ sở định kỳ khác mà không liên quan đến chi phí.

Dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn. Dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn là:

- Các dịch vụ chẩn đoán, dự phòng, trị liệu, chữa trị, điều trị, giảm nhẹ và phục hồi chức năng cần thiết cũng như các dịch vụ chăm sóc cá nhân và duy trì; và
- Các dịch vụ được yêu cầu bởi một cá nhân bị bệnh mãn tính và được cung cấp theo chương trình chăm sóc do bác sĩ chăm sóc sức khỏe được cấp phép chỉ định.

Cá nhân bị bệnh mãn tính. Cá nhân bị bệnh mãn tính là người đã được chứng nhận bởi chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép trong vòng 12 tháng trước đó là một trong những đối tượng sau.

- Một cá nhân, trong ít nhất 90 ngày, không thể thực hiện tối thiểu hai hoạt động sinh hoạt hàng ngày mà không cần trợ giúp đáng kể do mất khả năng hoạt động. Hoạt động sinh hoạt hàng ngày là ăn uống, đi vệ sinh, di chuyển, tắm rửa, mặc quần áo và tiết dục.
- Một cá nhân yêu cầu giám sát đáng kể để được bảo vệ khỏi các mối đe dọa đối với sức khỏe và an toàn do suy giảm nhận thức nghiêm trọng.

Hạn mức loại trừ. Quý vị thường có thể loại trừ khỏi tổng thu nhập tối đa $380 mỗi ngày cho năm 2020. Tham khảo *Hạn mức loại trừ,* trong phần *Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn, ở* mục *Trợ Cấp Ốm Đau Và Thương Tật Khác* trong Ấn phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin.

Tiền bồi thường cho người lao động

Số tiền quý vị nhận được dưới hình thức tiền bồi thường cho bệnh nghề nghiệp hoặc thương tật cho người lao động được miễn thuế hoàn toàn nếu được trả theo đạo luật tiền bồi thường cho người lao động hoặc một quy chế có cùng bản chất với đạo luật tiền bồi thường cho người lao động. Quy tắc loại trừ cũng được áp dụng cho thân nhân còn sống của quý vị. Tuy nhiên, quy tắc loại trừ không áp dụng với các khoản trợ cấp từ chương trình hưu trí mà quý vị nhận được dựa trên tuổi tác, thời gian công tác hoặc số tiền đã đóng góp vào chương trình, kể cả trong trường hợp quý vị nghỉ hưu do bệnh nghề nghiệp hoặc thương tích.

CAUTION *Nếu một phần tiền bồi thường cho người lao động của quý vị làm giảm quyền lợi an sinh xã hội hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt tương đương nhận được, phần đó được coi là quyền lợi an sinh xã hội (hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt tương đương) và có thể phải chịu thuế. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 915, Quyền lợi an sinh xã hội Và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương.*

Quay trở lại làm việc. Nếu quý vị trở lại làm việc sau khi đủ điều kiện để nhận tiền bồi thường cho người lao động, tiền lương quý vị nhận được để thực hiện các công việc nhẹ nhàng sẽ chịu thuế như tiền lương.

Trợ Cấp Ốm Đau Và Thương Tật Khác

Ngoài hưu bổng thương tật và niên kim, quý vị có thể nhận các khoản thanh toán khác cho bệnh tật hoặc thương tích.

Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh ngành đường sắt. Tiền lương trả khi nghỉ bệnh mà quý vị nhận được theo Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp Đường Sắt phải chịu thuế và quý vị phải khai báo số tiền này vào thu nhập. Tuy nhiên, không khai báo vào thu nhập nếu tiền trợ cấp được trả cho thương tích xảy ra khi đang làm nhiệm vụ.

Nếu quý vị nhận được thu nhập do thương tật, tham khảo mục *Hưu Bổng Thương Tật* ở phần trên.

Đạo Luật Lương Bổng Cho Nhân Viên Liên Bang (Federal Employees' Compensation Act, FECA). Tiền thanh toán nhận được theo Đạo Luật này cho thương tật hoặc bệnh tật cá nhân bao gồm tiền thanh toán cho người thụ hưởng trong trường hợp tử vong không phải chịu thuế. Tuy nhiên, quý vị phải chịu thuế trên số tiền lương tiếp tục trả mà quý vị nhận được theo Đạo Luật này cho tối đa 45 ngày trong khi yêu cầu được xem xét quyết định. Báo cáo khoản thu nhập này là tiền lương. Ngoài ra, tiền thanh toán cho thời gian nghỉ ốm trong khi yêu cầu được xử lý sẽ phải chịu thuế và phải được tính vào thu nhập của quý vị như một khoản tiền lương.

CAUTION *Nếu một phần số tiền quý vị nhận được theo FECA làm giảm quyền lợi an sinh xã hội hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt tương đương nhận được, phần đó được coi là quyền lợi an sinh xã hội (hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt tương đương) và có thể phải chịu thuế. Xem Ấn phẩm 554 để tìm hiểu thêm thông tin.*

Các khoản bồi thường khác. Nhiều khoản tiền khác mà quý vị nhận như tiền bồi thường cho bệnh tật hoặc thương tật sẽ không phải chịu thuế. Bao gồm các khoản tiền sau.

- Các khoản bồi thường thiệt hại mà quý vị nhận được cho thương tật hoặc bệnh tật thể chất, cho dù được trả một lần hay trả theo kỳ.
- Các quyền lợi nhận được theo chính sách bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe do quý vị hoặc đơn vị sử dụng lao động đóng phí bảo hiểm nhưng quý vị phải tính những quyền lợi này vào thu nhập của mình.
- Trợ cấp thương tật mà quý vị nhận được khi mất thu nhập hoặc khả năng kiếm tiền do thương tích theo hợp đồng bảo hiểm xe ô tô không có lỗi.
- Tiền bồi thường mà quý vị nhận được nếu mất vĩnh viễn hoặc mất khả năng sử dụng một bộ

phận hoặc chức năng của cơ thể, hoặc bị biến dạng vĩnh viễn. Khoản bồi thường này chỉ dựa trên thương tật chứ không dựa trên thời gian quý vị nghỉ việc. Những quyền lợi này sẽ không chịu thuế kể cả khi đơn vị sử dụng lao động trả tiền cho chương trình bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cung cấp những quyền lợi này.

Bồi hoàn chi phí chăm sóc y tế. Tiền bồi hoàn cho chi phí chăm sóc y tế thường không phải chịu thuế. Tuy nhiên, số tiền này có thể làm giảm mức khấu trừ chi phí y tế của quý vị. Để tìm hiểu thêm thông tin, tham khảo Ấn phẩm 502.

6.

Thu nhập từ tiền lãi

Những Quy Định Mới

Thay đổi về thuế suất. Quy chế gần đây đã sửa đổi thuế suất và khung thuế được sử dụng để tính thuế trên thu nhập không do lao động trong năm 2020 với một số trẻ em nhất định. Xem Hướng Dẫn Điền Mẫu 8615 hoặc Ấn Phẩm 929 để biết thêm thông tin.

Nhắc nhở

Thu nhập từ nước ngoài. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ có thu nhập từ tiền lãi từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), quý vị cần phải báo cáo thu nhập đó trong hồ sơ khai thuế của mình trừ khi thu nhập đó được miễn thuế theo luật pháp Hoa Kỳ. Điều này được áp dụng dù quý vị đang sinh sống ở bên trong hay bên ngoài Hoa Kỳ và quý vị có nhận được Mẫu 1099 từ người nộp thuế nước ngoài hay không.

Tự động gia hạn 6 tháng. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099 báo cáo thu nhập từ tiền lãi của mình muộn và cần thêm thời gian để nộp hồ sơ khai thuế, quý vị có thể yêu cầu gia hạn thời gian nộp hồ sơ thêm 6 tháng. Xem *Tự Động Gia Hạn* trong chương 1.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Các loại thu nhập từ tiền lãi.
- Lãi suất nào phải chịu thuế và lãi suất nào không chịu thuế.
- Thời điểm báo cáo thu nhập từ tiền lãi.
- Cách thức báo cáo thu nhập từ tiền lãi trong hồ sơ khai thuế của quý vị.

Hầu hết các khoản tiền lãi mà quý vị nhận được hoặc được ghi nhận trong tài khoản của mình và có thể rút ra đều được coi là thu nhập chịu thuế. Các ngoại lệ đối với quy định này sẽ được thảo luận sau trong chương này.

Quý vị có thể khấu trừ các chi phí mà quý vị đã bỏ ra để kiếm được thu nhập này trong Bản Khai A (Mẫu 1040) nếu quý vị liệt kê từng khoản khấu trừ của mình. Xem *Tiền vay để đầu tư vào chứng thư gửi tiền định kỳ* ở sau và chương 12.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **537** Bán Hàng Trả Góp
- ❑ **550** Thu Nhập Đầu Tư và Chi Phí
- ❑ **1212** Hướng Dẫn về Công Cụ Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **Bản Khai A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ❑ **Bản Khai B (Mẫu 1040)** Lãi Suất và Cổ Tức Thông Thường
- ❑ **8615** Thuế đối với Một Số Trẻ Em Có Thu Nhập Không Do Lao Động
- ❑ **8814** Cha Mẹ Chọn Báo Cáo Tiền Lãi và Thu Nhập của Con
- ❑ **8815** Loại trừ Tiền Lãi Từ Loạt Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ EE và I Được Phát Hành Sau Năm 1989
- ❑ **8818** Mẫu Tùy Chọn Để Ghi Lại Việc Mua Loạt Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ EE và I Được Phát Hành Sau Năm 1989

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Thông tin chung

Một số mục về lãi thông thường được đề cập ở đây.

RECORDS **Lưu giữ hồ sơ.** Quý vị nên lưu giữ danh sách thể hiện các nguồn thu nhập từ tiền lãi và số tiền lãi nhận được trong năm. Ngoài ra, hãy lưu giữ các mẫu đơn mà quý vị nhận được có ghi thu nhập từ tiền lãi của quý vị (ví dụ: Mẫu 1099-INT) như loại giấy tờ quan trọng trong hồ sơ của quý vị.

Thuế đánh trên thu nhập không do lao động của một số trẻ em. Một phần thu nhập không do lao động trong năm 2020 của trẻ có thể bị đánh thuế theo mức thuế của cha mẹ. Nếu vậy, quý vị phải hoàn thành Mẫu 8615 và đính kèm với hồ sơ khai thuế của trẻ. Nếu không, quý vị không phải hoàn thành Mẫu 8615 và thu nhập của trẻ sẽ bị đánh thuế theo mức thuế riêng của trẻ.

Một số phụ huynh có thể lựa chọn tính cả tiền lãi và cổ tức của con vào hồ sơ khai thuế của cha mẹ. Nếu được, hãy sử dụng Mẫu 8814 sử dụng cho mục đích này.

Để biết thêm thông tin về thuế đối với thu nhập không do lao động của trẻ em và sự lựa chọn của cha mẹ, hãy xem *Mẫu 8615*.

Người thụ hưởng tài sản hoặc quỹ ủy thác. Tiền lãi quý vị nhận được với tư cách là người thụ hưởng tài sản hoặc quỹ ủy thác thường là thu nhập chịu thuế. Quý vị sẽ nhận được Bản Khai K-1 (Mẫu 1041), Phần Thu Nhập, Khoản Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v., của Người Thụ Hưởng từ người được ủy thác. Bản sao của Bản Khai K-1 (Mẫu 1041) và các hướng dẫn của nó sẽ cho quý vị biết chỗ để báo cáo thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị.

Số Nhận Diện Người Đóng Thuế (TIN). Quý vị phải cung cấp tên và TIN của mình (hoặc số an sinh xã hội (SSN), số nhận diện đơn vị sử dụng lao động (EIN) hoặc số nhận diện thuế cá nhân (ITIN)) đối với bất kỳ người nào được luật thuế liên bang yêu cầu để làm hồ sơ khai thuế, báo cáo hoặc tài liệu khác liên quan đến quý vị. Điều này bao gồm cả người trả lãi. Nếu quý vị không cung cấp TIN của mình cho người trả lãi, quý vị có thể phải nộp phạt hoặc bị tạm giữ một số tiền trên lương để trả thuế hàng năm.

TIN cho tài khoản chung. Nếu tiền trong tài khoản chung thuộc về một cá nhân, hãy liệt kê tên của người đó trước trên tài khoản và cung cấp TIN của người đó cho người phải trả tiền. (Để biết thông tin về người sở hữu các quỹ trong tài khoản chung, xem *Tài khoản chung* sau đây.) Nếu tài khoản chung bao gồm nhiều quỹ kết hợp, hãy cung cấp TIN của người có tên được liệt kê đầu tiên trên tài khoản. Lý do là vì chỉ một tên và SSN duy nhất có thể được ghi trên Mẫu 1099.

Những quy định này áp dụng cho cả quyền sở hữu chung của một cặp vợ chồng và quyền sở hữu chung của các cá nhân khác. Ví dụ: nếu quý vị mở một tài khoản tiết kiệm chung với con cái bằng cách sử dụng quỹ của con, hãy liệt kê tên trẻ trước trên tài khoản và cung cấp TIN của trẻ.

Tài khoản giám hộ cho trẻ. Nếu con của quý vị là chủ sở hữu thực tế của một tài khoản được ghi tên quý vị với tư cách là người giám hộ cho trẻ, hãy cung cấp TIN của trẻ cho người phải trả tiền. Ví dụ: quý vị phải cung cấp số SSN của con mình cho người trả lãi trên tài khoản mà trẻ sở hữu mặc dù quý vị là người nhận tiền lãi với tư cách là người giám hộ.

Hình phạt nếu không cung cấp mã TIN. Nếu quý vị không cung cấp mã TIN của mình cho người trả lãi, quý vị có thể bị phạt tiền. Xem *Không cung cấp SSN* trong mục *Hình phạt* ở chương 1. Quý vị cũng có thể bị tạm giữ một số tiền trên lương để trả thuế hàng năm.

Khấu lưu thuế dự phòng. Thu nhập từ tiền lãi của quý vị thường sẽ không bị tạm giữ để trả thuế hàng năm. Tuy nhiên, nó có thể bị tạm giữ để đảm bảo việc thu thuế trên thu nhập được thực hiện. Theo yêu cầu tạm giữ một số tiền trên lương để trả thuế hàng năm, người trả lãi phải tạm giữ, như thuế thu nhập, trên khoản tiền quý vị được trả, bằng cách áp dụng tỷ lệ khấu lưu thích hợp.

Việc tạm giữ một số tiền trên lương để trả thuế hàng năm có thể được thực hiện nếu Sở Thuế Vụ xác định rằng quý vị đã báo cáo thấp đi thu nhập từ tiền lãi hoặc cổ tức của mình. Để biết thêm thông tin, xem *Số Tiền Tạm Giữ Trên Lương Để Trả Thuế Hàng Năm* trong chương 4.

Báo cáo số tiền tạm giữ trên lương để trả thuế hàng năm. Nếu số tiền tạm giữ trên lương để trả thuế hàng năm được khấu trừ từ thu nhập từ tiền lãi của quý vị thì người trả lãi phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT trong năm có số tiền bị khấu lưu. Mẫu 1099-INT sẽ ghi bất kỳ số tiền tạm giữ trên lương để trả thuế hàng năm là "Khấu lưu thuế thu nhập Liên bang."

Tài khoản chung. Nếu hai hoặc nhiều người nắm giữ tài sản (chẳng hạn như tài khoản tiết kiệm hoặc trái phiếu) với tư cách là người đồng hưởng dụng, người hưởng dụng toàn bộ hoặc người hưởng dụng chung thì phần thu nhập chia sẻ của mỗi người từ tài sản sẽ được xác định theo luật pháp địa phương.

Thu nhập từ tài sản trao tặng cho trẻ em. Tài sản mà quý vị trao tặng với tư cách là cha mẹ cho con mình theo Đạo Luật Quà Tặng Chứng Khoán cho Trẻ Vị Thành Niên, Đạo Luật Đồng Nhất về Quà Tặng cho Trẻ Vị Thành Niên hoặc bất kỳ luật nào tương tự sẽ trở thành tài sản của đứa trẻ.

Trẻ em sẽ bị đánh thuế đối với thu nhập từ tài sản, ngoại trừ phần được sử dụng để đáp ứng nghĩa vụ pháp lý để cấp dưỡng cho trẻ thì cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ sẽ phải chịu thuế.

Tài khoản tiết kiệm với cha mẹ là người được ủy thác. Trẻ em sẽ bị đánh thuế đối với thu nhập từ tiền lãi đến từ tài khoản tiết kiệm được mở cho trẻ vị thành niên nhưng cha mẹ lại đứng tên và có quyền quyết định với tư cách là người được ủy thác trong trường hợp, theo luật của bang nơi trẻ cư trú, cả hai điều sau đây đều đúng.

- Đứa trẻ là chủ sở hữu tài khoản tiết kiệm hợp pháp.
- Cha mẹ không được luật pháp cho phép sử dụng bất kỳ khoản tiền nào để cấp dưỡng cho trẻ.

Mẫu 1099-INT. Thu nhập từ tiền lãi thường được ghi trên Mẫu 1099-INT gửi cho quý vị hoặc một báo cáo tương tự từ các ngân hàng, khoản tiết kiệm và khoản vay, và những người trả lãi khác. Mẫu này sẽ cho quý vị biết khoản thu nhập từ tiền lãi mà quý vị nhận được trong năm. Hãy lưu giữ mẫu này trong hồ sơ của quý vị. Quý vị không cần phải đính kèm nó vào hồ sơ khai thuế của mình.

Báo cáo trên hồ sơ khai thuế của quý vị tổng thu nhập từ tiền lãi mà quý vị nhận được trong năm chịu thuế. Đọc hướng dẫn điền Mẫu 1099-INT để xem quý vị có cần điều chỉnh khoản tiền nào được ghi trong báo cáo gửi quý vị không.

Tiền lãi không được ghi trên Mẫu 1099-INT. Ngay cả khi không nhận được Mẫu 1099-INT, quý vị vẫn phải báo cáo tất cả thu nhập từ tiền lãi của mình. Ví dụ: quý vị có thể nhận được phần lời phân phối từ hợp tác kinh doanh hoặc Công ty S. Phần lãi này được báo cáo cho quý vị trên Bản Khai K-1 (Mẫu 1065), Phần Thu Nhập, Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v... của Đối Tác; hoặc Bản Khai K-1 (Mẫu 1120-S), Phần Thu Nhập, Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v… của Cổ Đông

Người được chỉ định. Thông thường, nếu một người nhận tiền lãi với tư cách là người được quý vị chỉ định thì người đó sẽ phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT có ghi số tiền lãi nhận thay quý vị.

Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT có ghi số tiền thuộc về một người khác, xem phần thảo luận về phân phối cho người được chỉ định trong mục *Cách Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi* trong chương 1 của Ấn Phẩm 550, hoặc hướng dẫn Bản Khai B (Mẫu 1040).

Số tiền không chính xác. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT có ghi số tiền không chính xác hoặc thông tin khác không chính xác, hãy yêu cầu nhà phát hành cung cấp mẫu đã hiệu chỉnh. Mẫu 1099-INT mới mà quý vị nhận được sẽ có ô tích "ĐÃ HIỆU CHỈNH".

Mẫu 1099-OID. Thu nhập từ tiền lãi có thể báo cáo cũng có thể được ghi trên Mẫu 1099-OID, Giảm Giá Phát Hành Gốc. Để biết thêm thông tin về số tiền được ghi trên mẫu này, xem *Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)* sau trong chương này.

Cổ tức được miễn lãi. Cổ tức được miễn lãi mà quý vị nhận được từ một quỹ góp vốn đầu tư hoặc công ty đầu tư hoạt động theo các quy định của luật pháp khác, bao gồm cả những cổ tức nhận được từ một quỹ đủ điều kiện trong bất kỳ năm chịu thuế nào bắt đầu sau ngày 22 tháng 12 năm 2010 sẽ không được tính vào thu nhập chịu thuế của quý vị. (Tuy nhiên, xem *Yêu cầu báo cáo thông tin* tiếp sau đây.) Cổ tức được miễn lãi phải được kê khai trên Mẫu 1099-DIV, ô số 11. Quý vị không giảm các khoản phân phối cơ sở là cổ tức được miễn lãi.

Yêu cầu báo cáo thông tin. Dù cổ tức được miễn lãi không phải chịu thuế nhưng quý vị vẫn phải báo cáo chúng trong hồ sơ khai thuế nếu quý vị phải khai thuế. Đây là yêu cầu báo cáo thông tin và không biến cổ tức được miễn lãi thành thu nhập chịu thuế.

Lưu ý. Cổ tức được miễn lãi được trả từ trái phiếu hoạt động tư nhân cụ thể có thể phải chịu mức thuế tối thiểu thay thế. Xem *Thuế Tối Thiểu Thay Thế (AMT)* tại chương 13 để biết thêm thông tin. Chương 1 của Ấn Phẩm 550 có đề cập đến trái phiếu hoạt động tư nhân theo *Nghĩa Vụ của Chính Quyền Tiểu Bang hoặc Địa Phương*.

Lãi suất từ cổ tức VA. Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm còn lại của khoản tiền gửi tại Bộ Cựu Chiến Binh (VA) sẽ không bị đánh thuế. Nó bao gồm tiền lãi được trả từ cổ tức trong các Hợp đồng Bảo Hiểm Nhân Thọ của Chính Phủ Hoa Kỳ đã được chuyển đổi và các Hợp đồng Bảo Hiểm Nhân Thọ Phục Vụ Quốc Gia.

Trương mục hưu trí cá nhân (IRA). Tiền lãi trên Roth IRA thường không bị đánh thuế. Tiền lãi trên IRA truyền thống được hoãn thuế. Quý vị thường không tính cả tiền lãi kiếm được từ IRA vào thu nhập của mình cho đến khi quý vị thực hiện rút tiền từ IRA. Xem chương 9.

Tiền Lãi Chịu Thuế

Tiền lãi chịu thuế bao gồm cả tiền lãi quý vị nhận được từ tài khoản ngân hàng, các khoản quý vị cho người khác vay và các nguồn khác. Sau đây là một số nguồn tiền lãi chịu thuế.

Cổ tức là tiền lãi trên thực tế. Một số khoản phân phối thường được gọi cổ tức là tiền lãi trên thực tế. Quý vị phải báo cáo dưới dạng tiền lãi được gọi là cổ tức trên số tiền gửi hoặc trên trương mục chung phần tại:

- Ngân hàng tập thể,
- Công đoàn tín dụng,
- Hiệp hội cho vay và xây dựng nội địa,
- Hiệp hội tiết kiệm và cho vay nội địa,
- Hiệp hội tiết kiệm và cho vay liên bang, và
- Ngân hàng tiết kiệm tương hỗ.

"Cổ tức" sẽ được hiển thị dưới dạng thu nhập từ tiền lãi trên Mẫu 1099-INT.

Quỹ thị trường tiền tệ. Các quỹ thị trường tiền tệ trả cổ tức và các quỹ này đến từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng như các quỹ tương hỗ và công ty giao dịch chứng khoán. Thông thường, số tiền quý vị nhận được từ quỹ thị trường tiền tệ phải được báo cáo dưới dạng cổ tức thay vì tiền lãi.

Chứng thư gửi tiền định kỳ và các tài khoản tiền lãi hoãn thuế khác. Nếu quý vị mở một tài khoản bất kỳ trong số này thì tiền lãi có thể được trả theo khoảng thời gian cố định từ 1 năm trở xuống trong thời hạn của tài khoản. Quý vị thường phải tính cả khoản tiền lãi này vào thu nhập của mình khi quý vị thực nhận hoặc được quyền nhận khoản tiền này mà không phải trả một khoản tiền phạt lớn. Điều này cũng được áp dụng với các tài khoản có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống và trả lãi một lần khi đáo hạn. Nếu tiền lãi được hoãn thuế trên 1 năm, xem *Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)*.

Tiền lãi phải chịu phát nếu rút trước hạn. Quý vị có thể bị phạt tiền nếu rút tiền từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế trước hạn. Quý vị phải báo cáo tổng số tiền lãi đã được trả hoặc được ghi có vào tài khoản của mình trong năm mà chưa trừ hình phạt. Xem *Phạt rút tiền tiết kiệm trước hạn* tại chương 1 của Ấn Phẩm 550 để biết thêm thông tin về cách báo cáo tiền lãi và khấu trừ hình phạt.

Tiền vay để đầu tư vào chứng thư gửi tiền định kỳ. Chi phí tiền lãi mà quý vị phải trả cho khoản tiền vay từ ngân hàng hoặc tổ chức tiết kiệm để đáp ứng yêu cầu gửi tiền tối thiểu để có được chứng thư gửi tiền định kỳ từ tổ chức đó và lãi suất quý vị kiếm được trên chứng chỉ là hai khoản riêng biệt. Quý vị phải báo cáo tổng thu nhập từ tiền lãi mà mình kiếm được trên chứng chỉ vào thu nhập của quý vị. Nếu chia nhỏ các khoản khấu trừ, quý vị có thể khấu trừ khoản tiền lãi mà quý vị phải trả dưới dạng tiền lãi đầu tư, tối đa lên đến số tiền thu nhập đầu tư ròng của quý vị. Xem *Chi Phí Tiền Lãi* trong chương 3 của Ấn phẩm 550.

Ví dụ: Quý vị đã gửi $5.000 vào ngân hàng và vay $5.000 từ ngân hàng để tạo thành khoản tiền gửi tối thiểu $10.000 theo yêu cầu để mua chứng thư gửi tiền 6 tháng. Chứng chỉ mang lại cho quý vị $575 khi đáo hạn vào năm 2020, tuy nhiên, quý vị chỉ nhận được $265, con số này tương ứng với $575 quý vị kiếm được trừ đi $310 tiền lãi cho khoản vay $5.000 của quý vị trước đó. Ngân hàng sẽ cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT của năm 2020 ghi nhận khoản tiền lãi $575 mà quý vị kiếm được. Ngân hàng cũng sẽ cung cấp cho quý vị một bản sao kê cho thấy rằng quý vị đã thanh toán $310 tiền lãi cho năm 2020. Quý vị phải bao gồm cả $575 trong thu nhập của quý vị. Nếu chia nhỏ các khoản khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040), quý vị có thể khấu trừ đi $310 theo đúng giới hạn thu nhập đầu tư ròng.

Quà tặng khi mở tài khoản. Nếu quý vị nhận được quà tặng hoặc dịch vụ không bằng tiền mặt khi gửi tiền hoặc mở tài khoản tại một tổ chức tiết kiệm, quý vị có thể phải báo cáo giá trị của chúng dưới dạng tiền lãi.

Đối với các khoản tiền gửi dưới $5.000, quà tặng hoặc dịch vụ có giá trị hơn $10 phải được báo cáo là tiền lãi. Đối với các khoản tiền gửi từ $5.000 trở lên, quà tặng hoặc dịch vụ có giá trị hơn $20 phải được báo cáo là tiền lãi. Giá trị được xác định bởi chi phí cho tổ chức tài chính.

Ví dụ: Quý vị mở tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng địa phương và gửi vào đó $800. Tài khoản này nhận được $20 tiền lãi. Quý vị cũng nhận được một máy tính trị giá $15. Nếu không có khoản lãi nào khác được ghi có vào tài khoản của quý vị trong năm, Mẫu 1099-INT mà quý vị nhận được sẽ ghi nhận tiền lãi trong năm là $35. Quý vị phải báo cáo thu nhập từ tiền lãi là $35 trên hồ sơ khai thuế của mình.

Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm. Quý vị sẽ bị đánh thuế đối với cổ tức bảo hiểm khi gửi tại công ty bảo hiểm có thể được rút ra hàng năm trong năm số tiền lãi này được ghi có vào tài khoản của quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị chỉ được rút tiền vào ngày kỷ niệm của hợp đồng (hoặc một ngày được chỉ định khác) thì số tiền lãi này sẽ bị đánh thuế trong năm đó.

Phí bảo hiểm trả trước Bất kỳ sự tăng giá phí bảo hiểm trả trước, phí bảo hiểm tạm ứng, hoặc quỹ tiền gửi bảo hiểm nào cũng đều được coi là tiền lãi nếu nó được áp dụng cho khoản thanh toán phí bảo hiểm đến hạn của hợp đồng bảo hiểm hoặc có thể rút mọi lúc.

Trách nhiệm của Hoa Kỳ. Lợi nhuận trên nghĩa vụ của Hoa Kỳ được phát hành bởi bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức phát hành nào của Hoa Kỳ, chẳng hạn như công khố phiếu ngắn hạn, trái phiếu trung hạn và trái phiếu dài hạn của Bộ Ngân Khố Hoa Kỳ, sẽ bị đánh thuế cho các mục đích tính thuế thu nhập liên bang.

Tiền lãi hoàn thuế. Tiền lãi hoàn thuế mà quý vị nhận được coi là thu nhập chịu thuế.

Tiền lãi từ thưởng xử phạt. Nếu cơ quan xử phạt trả tiền lãi cho quý vị để bồi thường cho sự chậm trễ trong việc thanh toán thưởng thì khoản tiền lãi đó sẽ phải chịu thuế.

Thanh toán bán hàng trả góp. Nếu một hợp đồng bán hàng hoặc trao đổi tài sản cho phép việc chưa phải trả tiền ngay thì hợp đồng đó thường sẽ quy định lãi suất phải trả khi trả chậm. Tiền lãi mà quý vị nhận được thường sẽ phải chịu thuế. Nếu một hợp đồng trả chậm không có lãi suất hoặc lãi suất thấp thì một phần của mỗi khoản thanh toán có thể được coi là tiền lãi. Xem *Lãi Suất Khai Thấp và Giảm Giá Phát Hành Gốc* trong Ấn Phẩm 537, Bán Hàng Trả Góp.

Tiền lãi từ hợp đồng niên kim. Tiền lãi tích lũy từ hợp đồng niên kim mà quý vị bán trước ngày đáo hạn sẽ phải chịu thuế.

Tiền lãi từ cho vay nặng lãi. Tiền lãi từ cho vay nặng lãi là tiền lãi được tính theo lãi suất bất hợp pháp. Khoản tiền này phải chịu thuế như tiền lãi trừ khi luật tiểu bang tự động thay đổi nó thành khoản thanh toán trên số tiền vốn.

Thu nhập từ tiền lãi từ tiền gửi đóng băng. Loại trừ tiền lãi trên tổng thu nhập từ các khoản tiền gửi đóng băng. Khoản tiền gửi sẽ bị đóng băng vào thời điểm cuối năm nếu quý vị không thể rút bất kỳ phần nào từ khoản tiền gửi do:

- Cơ quan tài chính bị phá sản hoặc vỡ nợ, hoặc
- Tiểu bang nơi tổ chức đặt trụ sở đã đặt giới hạn rút tiền vì các cơ quan tài chính khác ở tiểu bang bị phá sản hoặc vỡ nợ.

Số tiền lãi quý vị phải loại trừ là tiền lãi đã được ghi có trên các khoản tiền gửi đóng băng trừ đi tổng của:

- Số tiền ròng quý vị đã rút từ các khoản tiền gửi này trong năm, và
- Số tiền quý vị đã có thể rút vào cuối năm (không bị giảm do trừ khoản tiền bị phạt nào vì rút tiền trước hạn quy định đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT báo cáo thu nhập từ tiền lãi đối với các khoản tiền gửi đóng băng vào cuối năm 2020, xem *Tiền gửi đóng băng* trong mục *Cách Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi* tại chương 1 của Ấn Phẩm 550 để biết thông tin về việc báo cáo loại trừ thu nhập từ tiền lãi này trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Tiền lãi mà quý vị loại trừ sẽ được ghi có vào tài khoản của quý vị trong năm tiếp theo. Quý vị phải tính cả nó vào thu nhập trong năm mà quý vị được phép rút nó.

Ví dụ: $100 tiền lãi đã được ghi có vào khoản tiền gửi đóng băng của quý vị trong năm. Quý vị đã rút $80 nhưng không thể rút thêm nữa vào cuối năm. Quý vị phải tính cả $80 vào thu nhập của mình và trừ $20 khỏi thu nhập của mình trong năm. Quý vị phải tính cả $20 vào thu nhập của mình trong năm nếu quý vị có thể rút nó.

Trái phiếu giao dịch không lãi. Nếu quý vị mua trái phiếu với giá chiết khấu khi tiền lãi không được trả hoặc khi tiền lãi đã được cộng dồn nhưng chưa được trả thì giao dịch này được mô tả là giao dịch trái phiếu không lãi. Tiền lãi không trả được hoặc chưa trả không phải là thu nhập và không phải chịu thuế như tiền lãi nếu được trả sau. Khi quý vị nhận được khoản tiền lãi đó thì đó là một khoản hoàn vốn làm giảm giá gốc còn lại của trái phiếu của quý vị. Tuy nhiên, tiền lãi phát sinh sau ngày mua là thu nhập từ tiền lãi chịu thuế cho năm mà nó được trả hoặc được cộng dồn. Xem *Trái Phiếu Được Bán Giữa Các Ngày Trả Lãi* ở sau để biết thêm thông tin.

Khoản vay dưới giá thị trường. Thông thường, một khoản vay dưới giá thị trường là khoản cho vay không bị tính lãi hoặc được tính lãi suất thấp hơn lãi suất liên bang hiện hành. Nếu quý vị cho vay một khoản vay dưới giá thị trường, quý vị có thể có thêm thu nhập từ tiền lãi. Xem *Khoản Vay Dưới Giá Thị Trường* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 550 để biết thêm thông tin.

Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ

Mục này cung cấp thông tin về thuế đối với trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ. Nó giải thích cách thức báo cáo thu nhập từ tiền lãi từ các trái phiếu này và cách xử lý việc chuyển nhượng các trái phiếu này.

Để biết thêm thông tin về trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, hãy gửi thư tới:

Đối với trái phiếu tiết kiệm điện tử Loạt EE và I:
Series EE and Series I
Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 7015
Minneapolis, MN 55480-7015

Đối với Loạt trái phiếu tiết kiệm giấy EE và I:
Series EE and Series I
Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 214
Minneapolis, MN 55480-0214

Đối với Loạt trái phiếu tiết kiệm HH và H:
Series HH and Series H
Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 2186
Minneapolis, MN 55480-2186

Hoặc qua mạng internet, truy cập *TreasuryDirect.gov/indiv/indiv.htm*.

Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy thì quý vị phải báo cáo tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ hàng năm khi nó cộng dồn lại. Quý vị không thể trì hoãn việc báo cáo tiền lãi cho đến khi nhận được tiền lãi hoặc cho đến khi trái phiếu đáo hạn. Phương pháp kế toán tích lũy được giải thích tại chương 1 trong mục *Phương Pháp Kế Toán*.

Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt như hầu hết những người đóng thuế cá nhân, quý vị thường sẽ báo cáo tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ khi nhận được tiền. phương pháp kế toán bằng tiền mặt được giải thích tại chương 1 trong mục *Phương Pháp Kế Toán*. Tuy nhiên, hãy tham khảo *Các lựa chọn báo cáo dành cho người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt* sau đó.

Loạt trái phiếu H và HH. Các trái phiếu này được phát hành theo mệnh giá để đổi lấy các trái phiếu tiết kiệm khác. Loạt trái phiếu HH được phát hành từ năm 1980 đến năm 2004. Loại trái phiếu này đáo hạn sau 20 năm kể từ khi phát hành. Loạt trái phiếu HH chưa đáo hạn trả lãi hai lần một năm bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của quý vị. Nếu quý vị là người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt, quý vị cần báo cáo khoản tiền lãi này dưới dạng thu nhập trong năm mà quý vị nhận được số tiền đó.

Loạt trái phiếu H được phát hành từ trước năm 1980. Toàn bộ loạt trái phiếu H đều đã đáo hạn và không còn sinh lãi. Ngoài việc trả lãi hai lần một năm, hầu hết trái phiếu H/HH còn có một cấu phần lãi trả chậm. Vấn đề khai báo khoản tiền này dưới dạng thu nhập sẽ được đề cập ở phần sau của chương này.

Loạt trái phiếu EE và I. Phải trả tiền lãi từ những trái phiếu này khi quý vị mua lại trái phiếu. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị hoàn lại được coi là tiền lãi chịu thuế.

Loạt trái phiếu E và EE. Loạt trái phiếu E được phát hành từ trước năm 1980. Toàn bộ loạt trái phiếu E đều đã đáo hạn và không còn sinh lãi. Loạt trái phiếu EE được chào bán lần đầu tiên vào tháng 1 năm 1980 và có thời gian đáo hạn là 30 năm; chúng được cung cấp dưới dạng trái phiếu giấy (trái phiếu xác định) cho đến năm 2012. Loạt trái phiếu giấy EE và Loạt trái phiếu E được phát hành với một mức chiết khấu và tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Loạt trái phiếu EE điện tử (trái phiếu ghi sổ) được bán ra lần đầu tiên vào năm 2003; chúng được phát hành theo mệnh giá và tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Đối với tất cả Loạt trái phiếu E và EE, khi tất toán quý vị sẽ nhận được giá vốn cùng tiền lãi tích lũy.

Loạt trái phiếu I. Loạt trái phiếu I được chào bán lần đầu vào năm 1998. Chúng là trái phiếu chống lạm phát được phát hành theo mệnh giá với thời gian đáo hạn là 30 năm. Loại trái phiếu I tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Quý vị sẽ được thanh toán mệnh giá của trái phiếu cộng với toàn bộ tiền lãi tích lũy khi quy đổi trái phiếu.

Các lựa chọn báo cáo dành cho người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp báo cáo thu nhập bằng tiền mặt, quý vị có thể báo cáo tiền lãi từ Loạt trái phiếu EE, E và I theo một trong các phương pháp sau.

1. ***Phương pháp 1.*** Hoãn báo cáo tiền lãi đến đầu năm quý vị rút tiền mặt từ trái phiếu, thanh lý trái phiếu hoặc đến năm chúng đáo hạn. (Tuy nhiên, hãy tham khảo *Trái phiếu tiết kiệm được giao dịch* được đề cập sau.)
2. ***Phương pháp 2.*** Chọn để báo cáo mức tăng giá trị hoàn lại dưới dạng tiền lãi mỗi năm.

Quý vị phải sử dụng thống nhất một phương pháp cho tất cả Loạt trái phiếu EE, E và I mà quý vị sở hữu. Nếu không lựa chọn phương pháp 2 thì quý vị sẽ phải sử dụng phương pháp 1.

Bảng 6-1. **Ai Nộp Thuế Áp Dụng cho Tiền Lãi Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ**

NẾU...	THÌ khoản tiền lãi phải được báo cáo bởi...
quý vị mua một trái phiếu đứng tên của quý vị và tên của một người khác với tư cách đồng sở hữu, chỉ sử dụng tiền riêng của quý vị	quý vị.
quý vị mua một trái phiếu đứng tên của một người khác, người đó là chủ nhân duy nhất của trái phiếu	người mà quý vị đã mua trái phiếu cho.
quý vị và một người khác mua một trái phiếu với tư cách là người đồng sở hữu, mỗi người đóng góp một phần vào giá mua	cả quý vị và người sở hữu đó, tương ứng với số tiền mỗi người đã trả cho trái phiếu.
quý vị và vợ/chồng của quý vị, sống ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng, mua một trái phiếu thì đó là tài sản chung của vợ chồng	quý vị và vợ/chồng của quý vị. Nếu quý vị khai thuế riêng, cả quý vị và vợ/chồng của quý vị thường sẽ khai báo một nửa tiền lãi.

TIP *Nếu quý vị dự định rút tiền mặt từ trái phiếu của mình trong cùng năm phải thanh toán chi phí giáo dục đại học, quý vị nên sử dụng phương pháp 1 vì quý vị có thể trừ số tiền lãi này khỏi thu nhập của mình. Để tìm hiểu cách thực hiện, xem* Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục *sau đây.*

Thay đổi từ phương pháp 1. Nếu quý vị muốn thay đổi phương pháp báo cáo tiền lãi của mình từ phương pháp 1 sang phương pháp 2, quý vị có thể tự thay đổi mà không cần sự cho phép từ Sở Thuế Vụ. Trong năm thay đổi, quý vị phải báo cáo tất cả các khoản lãi đã được cộng dồn cho đến thời điểm hiện tại và các khoản tiền lãi chưa được báo cáo trước đó cho tất cả các trái phiếu mà mình sở hữu.

Khi quý vị chọn báo cáo tiền lãi mỗi năm, quý vị phải tiếp tục làm như vậy cho tất cả Loạt trái phiếu EE, E và I mà mình sở hữu và cho bất kỳ trái phiếu nào quý vị nhận được sau này trừ khi quý vị thay đổi phương pháp báo cáo như được giải thích sau đây.

Thay đổi từ phương pháp 2. Để thay đổi từ phương pháp 2 thành phương pháp 1, quý vị sẽ cần sự cho phép từ Sở Thuế Vụ. Quý vị sẽ được tự động cấp quyền thay đổi nếu quý vị gửi cho Sở Thuế Vụ một báo cáo đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

1. Quý vị đã nhập hoặc in số sau ở đầu: "131."
2. Nó nêu rõ tên và số an sinh xã hội của quý vị theo "131."
3. Nó nêu rõ năm thay đổi (cả ngày bắt đầu và ngày kết thúc).
4. Nó nêu rõ các trái phiếu tiết kiệm mà quý vị đang yêu cầu thay đổi.
5. Nó nêu rõ quý vị đồng ý:
   a. Báo cáo tất cả các khoản tiền lãi thu được từ bất kỳ trái phiếu nào trong hoặc sau năm có thay đổi khi trái phiếu được ghi nhận, mua lại hoặc đáo hạn lần cuối tùy điều kiện nào đến trước; và
   b. Báo cáo toàn bộ phần tiền lãi thu được từ trái phiếu trước năm có thay đổi khi trái phiếu được ghi nhận, mua lại hoặc đáo hạn lần cuối tùy điều kiện nào đến trước, ngoại trừ trường hợp phần tiền lãi đã được báo cáo trong các năm thuế trước đó.

Quý vị phải đính kèm bản báo cáo này vào hồ sơ khai thuế của mình cho năm thay đổi và quý vị phải nộp trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Quý vị có thể tự động gia hạn thêm 6 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ cho năm thay đổi (không bao gồm thời gian gia hạn) để nộp bản báo cáo cùng hồ sơ khai thuế đã sửa đổi. Để được gia hạn, quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế ban đầu của mình cho năm thay đổi trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Thay vì nộp bản báo cáo này, quý vị có thể yêu cầu thay đổi từ phương pháp 2 sang phương pháp 1 bằng cách điền Mẫu 3115, Đơn Xin Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán. Trong trường hợp đó, hãy làm theo hướng dẫn theo mẫu để tự động thay đổi. Không áp dụng phí người dùng.

Người đồng sở hữu. Nếu trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ được phát hành dưới danh nghĩa của nhiều người đồng sở hữu, chẳng hạn như tên của quý vị và con cái hoặc tên của quý vị và vợ/chồng của quý vị thì tiền lãi từ trái phiếu của người đồng sở hữu đã mua trái phiếu sẽ phải chịu thuế.

Khi một người đồng sở hữu sử dụng quỹ. Nếu quý vị đã sử dụng quỹ của mình để mua trái phiếu thì quý vị phải đóng thuế áp dụng cho khoản tiền lãi đó. Điều này được áp dụng ngay cả khi quý vị cho phép người đồng sở hữu khác mua lại trái phiếu và giữ tất cả số tiền thu được. Trong những trường hợp này, người đồng sở hữu đã mua lại trái phiếu sẽ nhận được Mẫu 1099-INT tại thời điểm mua lại và phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT khác có ghi số tiền lãi từ trái phiếu mà quý vị phải chịu thuế. Người đồng sở hữu đã mua lại trái phiếu là "người được chỉ định." Xem *Phân phối của người được chỉ định* trong mục *Cách Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi* trong chương 1 của Ấn Phẩm 550 để biết thêm thông tin về cách người được chỉ định báo cáo thu nhập từ tiền lãi thuộc về một người khác.

Khi cả hai người đồng sở hữu sử dụng quỹ. Nếu quý vị và một người đồng sở hữu khác cùng góp tiền để mua trái phiếu thì tiền lãi của từng người sẽ phải chịu thuế tương ứng với số tiền mà mỗi người đã bỏ ra.

Tài sản chung của vợ chồng. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị sinh sống tại tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng và nắm giữ trái phiếu là tài sản chung thì mỗi người sẽ nhận được một nửa số tiền lãi đó. Nếu quý vị nộp các hồ sơ khai thuế riêng thì mỗi người thường phải báo cáo nửa số tiền lãi từ trái phiếu. Để biết thêm thông tin về tài sản chung, xem Ấn Phẩm 555.

Bảng 6-1. Các quy tắc này cũng được thể hiện trong Bảng 6-1.

Chuyển nhượng quyền sở hữu. Nếu quý vị mua Loạt trái phiếu E, loạt EE, hoặc I hoàn toàn bằng tiền riêng của quý vị và phát hành lại chúng chỉ đứng tên người đồng sở hữu hoặc tên của người thụ hưởng, quý vị phải đưa vào tổng thu nhập của mình cho năm phát hành lại toàn bộ tiền lãi mà quý vị kiếm được từ những trái phiếu này và chưa được báo cáo trước đó. Tuy nhiên, nếu trái phiếu được phát hành lại chỉ đứng tên của quý vị, quý vị không phải báo cáo khoản tiền lãi tích lũy vào thời điểm đó.

Quy tắc tương tự áp dụng khi các trái phiếu (không phải trái phiếu được giữ như tài sản chung của vợ chồng) được chuyển giao giữa vợ/chồng hoặc khi xảy ra ly hôn.

Mua chung. Nếu quý vị và một người đồng sở hữu từng góp vốn mua chung các Loạt trái phiếu E, EE, hoặc I và sau đó phát hành lại chúng chỉ đứng tên người đồng sở hữu làm người thụ hưởng, quý vị phải đưa vào tổng thu nhập của mình cho năm phát hành lại phần trái phiếu của mình toàn bộ tiền lãi mà quý vị kiếm được từ những trái phiếu này và chưa được báo cáo trước đó. Người đồng sở hữu cũ không phải tính vào tổng thu nhập tại thời điểm phát hành lại phần lãi mà họ kiếm được và chưa được báo cáo trước khi chuyển nhượng. Tuy nhiên, khoản lãi này, cũng như tất cả các khoản lãi kiếm được sau khi phát hành lại, là thu nhập của người đồng sở hữu cũ.

Quy tắc báo cáo thu nhập này cũng áp dụng khi trái phiếu được phát hành lại đứng tên người đồng sở hữu cũ của quý vị hoặc một người đồng sở hữumới. Nhưng người đồng sở hữu mới sẽ chỉ báo cáo phần tiền lãi thu được sau khi chuyển nhượng.

Nếu trái phiếu mà quý vị và người đồng sở hữu cùng mua được phát hành lại cho từng người một cách riêng biệt theo tỷ lệ tương đương với phần đóng góp của quý vị vào giá mua, cả quý vị và người đồng sở hữu đều không phải báo cáo khoản lãi thu được vào thời điểm đó trước khi trái phiếu được phát hành lại.

Ví dụ 1. Quý vị và vợ/chồng của quý vị mỗi người đã chi một số tiền bằng nhau để mua $1.000 Loạt trái phiếu tiết kiệm EE. Trái phiếu được phát hành cho quý vị và vợ/chồng của quý vị với tư cách là đồng sở hữu. Cả hai quý vị đều hoãn việc báo cáo khoản tiền lãi từ trái phiếu. Sau đó quý vị cho phát hành lại trái phiếu làm hai trái phiếu trị giá $500, một trái phiếu đứng tên quý vị và một trái phiếu đứng tên vợ/chồng của quý vị. Vào thời điểm đó, cả quý vị lẫn vợ/chồng của quý vị đều không phải báo cáo lãi thu được vào ngày phát hành lại.

Ví dụ 2. Quý vị đã mua Loạt trái phiếu tiết kiệm EE trị giá $1.000 hoàn toàn bằng tiền của mình. Trái phiếu được phát hành cho quý vị và vợ/chồng của quý vị với tư cách là đồng sở hữu. Cả hai quý vị đều hoãn việc báo cáo khoản tiền lãi từ trái phiếu. Sau đó quý vị cho phát hành lại trái phiếu làm hai trái phiếu trị giá $500, một trái phiếu đứng tên quý vị và một trái phiếu đứng tên vợ/chồng của quý vị. Quý vị phải báo cáo một nửa số tiền lãi thu được vào ngày phát hành lại.

Chuyển nhượng cho một quỹ ủy thác. Nếu quý vị sở hữu Loạt trái phiếu E, EE, hoặc I và chuyển nhượng chúng cho một quỹ ủy thác, từ bỏ mọi quyền sở hữu, quý vị phải tính vào thu nhập của mình cho năm đó tiền lãi thu được tính đến ngày chuyển nhượng nếu quý vị chưa báo cáo nó. Tuy nhiên, nếu quý vị được coi là chủ sở hữu của quỹ ủy thác đó và nếu sự gia tăng giá trị cả trước và sau khi chuyển nhượng vẫn tiếp tục bị đánh thuế đối với quý vị, quý vị có thể tiếp tục hoãn báo cáo lãi thu được mỗi năm. Quý vị phải tính cả tổng lãi vào thu nhập của mình trong năm quý vị rút tiền mặt hoặc thanh lý trái phiếu hoặc năm đáo hạn cuối cùng, tùy theo ngày nào sớm hơn.

Quy tắc tương tự cũng áp dụng cho tiền lãi chưa được báo cáo trước đây đối với Loạt trái phiếu EE hoặc E nếu việc chuyển nhượng cho quỹ ủy thác bao gồm Loạt trái phiếu HH hoặc H mà quý vị có được trong một giao dịch Loạt trái phiếu EE hoặc E. Xem *Giao dịch trái phiếu tiết kiệm* ở phần sau.

Người quá cố. Phương thức báo cáo thu nhập từ tiền lãi từ Loạt trái phiếu E, EE, hoặc I, sau khi người sở hữu qua đời (người quá cố), phụ thuộc vào phương pháp kế toán và báo cáo thu nhập mà

người quá cố đã sử dụng trước đây. Phương thức này được trình bày ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Giao dịch trái phiếu tiết kiệm. Nếu quý vị trì hoãn việc báo cáo lãi từ Loạt trái phiếu EE hoặc E, quý vị sẽ không ghi nhận thu nhập chịu thuế khi giao dịch Loạt trái phiếu HH hoặc H, trừ khi quý vị nhận được tiền mặt trong giao dịch. (Quý vị không thể giao dịch đổi Loạt trái phiếu I lấy Loạt trái phiếu HH. Sau ngày 31 tháng 08 năm 2004, quý vị không thể giao dịch đổi bất kỳ loạt trái phiếu nào khác lấy loạt trái phiếu HH.) Bất kỳ khoản tiền mặt nào quý vị nhận được sẽ là thu nhập lên đến số tiền lãi thu được từ các trái phiếu được giao dịch. Khi Loạt trái phiếu HH hoặc H của quý vị đáo hạn, hoặc nếu quý vị xử lý chúng trước hạn, quý vị sẽ báo cáo tiền lãi chênh lệch giữa giá trị mua lại và chi phí của quý vị. Chi phí của quý vị là tổng số tiền mà quý vị đã trả cho Loạt trái phiếu EE hoặc E đã giao dịch cộng với bất kỳ số tiền nào quý vị phải trả tại thời điểm giao dịch.

Ví dụ: Quý vị đã giao dịch Loạt trái phiếu EE (mà quý vị đã trì hoãn báo cáo lãi suất) để lấy $2.500 Loạt trái phiếu HH và $223 tiền mặt. Quý vị đã báo cáo $223 là thu nhập chịu thuế trên hồ sơ khai thuế của mình. Vào thời điểm giao dịch, các Loạt trái phiếu EE có lãi tích lũy là $523 và giá trị mua lại là $2.723. Quý vị nắm giữ Loạt trái phiếu HH đến khi đáo hạn, khi quý vị nhận được $2.500. Quý vị phải báo cáo $300 là khoản thu nhập từ tiền lãi trong năm đáo hạn. Đây là sự khác biệt giữa giá trị mua lại của chúng, $2.500, và chi phí của quý vị, $2.200 (số tiền quý vị đã trả để mua Loạt trái phiếu EE). Nó cũng là khoản chênh lệch giữa tiền lãi tích lũy là $523 Loạt trái phiếu EE và $223 tiền mặt đã nhận từ giao dịch.

Chọn báo cáo lãi suất trong năm giao dịch. Quý vị có thể đã chọn xử lý tất cả tiền lãi tích lũy chưa được báo cáo trước đó từ Loạt trái phiếu EE hoặc E đã giao dịch cho Loạt trái phiếu HH làm thu nhập trong năm giao dịch. Nếu quý vị chọn như vậy, nó sẽ được coi là thay đổi từ phương pháp 1. Xem phần *Thay đổi từ phương pháp 1*, trước đó.

Mẫu 1099-INT để biết lãi suất trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ. Khi quý vị rút tiền mặt một trái phiếu, ngân hàng hoặc người thanh toán khác mua lại trái phiếu đó phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT nếu phần lãi của khoản thanh toán quý vị nhận được là $10 trở lên. Ô 3 của Mẫu 1099-INT của quý vị phải thể hiện tiền lãi là khoản chênh lệch giữa số tiền quý vị nhận được và số tiền đã trả khi mua trái phiếu. Tuy nhiên, Mẫu 1099-INT của quý vị có thể cho thấy nhiều tiền lãi hơn quý vị phải đưa vào hồ sơ khai thuế thu nhập của mình. Ví dụ, điều này có thể xảy ra nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng.

- Quý vị chọn báo cáo sự gia tăng giá trị mua lại của trái phiếu mỗi năm. Tiền lãi được thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi các khoảntiền trước đó đã tính vào trong thu nhập.
- Quý vị nhận được trái phiếu từ một người quá cố. Tiền lãi thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi bất kỳ khoản lãi nào được báo cáo bởi người quá cố trước khi qua đời, hoặc trên hồ sơ khai thuế cuối cùng của người quá cố, hoặc theo tài sản trong hồ sơ khai thuế thu nhập của tài sản.
- Chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu. Tiền lãi thể hiện trên Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi lãi tích lũy trước khi chuyển.
- Quý vị đứng tên là đồng sở hữu và đồng sở hữu khác cùng góp vốn để mua trái phiếu. Tiền lãi thể hiện trên Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi số tiền quý vị nhận được với tư cách là người được chỉ định làm đồng sở hữu khác. Xem *Người đồng sở hữu* ở phần trước của chương này để biết thêm thông tin về các yêu cầu báo cáo.)
- Quý vị đã nhận được trái phiếu dưới dạng khoản phân phối chịu thuế từ chương trình hưu trí hoặc chia sẻ lợi nhuận. Tiền lãi thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi phần lãi của số tiền chịu thuế như khoản phân phối từ chương trình và không bị đánh thuế dưới dạng tiền lãi. (Số tiền này thường được thể hiện trong Mẫu 1099-R, Phân Phối từ Tiền Hưu Bổng, Niên Kim, Chương Trình Hưu Trí hoặc Chia Sẻ Lợi Nhuận, IRA, Hợp Đồng Bảo Hiểm, v.v… cho năm phân phối.)

Để biết thêm thông tin về việc nêu số tiền lãi chính xác trong hồ sơ khai thuế của quý vị, xem phần *Cách Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi* ở phần sau. Ấn phẩm 550 bao gồm các ví dụ chỉ dẫn cách báo cáo những số tiền này.

TIP *Lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ được miễn thuế tiểu bang và địa phương. Mẫu 1099-INT quý vị nhận được sẽ cho biết số tiền dành cho lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ ở ô 3.*

Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục

Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập toàn bộ hoặc một phần lãi quý vị nhận được từ việc mua lại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện trong năm nếu quý vị thanh toán các khoản chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện trong cùng năm đó. Việc loại trừ này được gọi là Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục.

Quý vị không đủ điều kiện cho loại trừ này nếu tình trạng nộp hồ sơ của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Mẫu 8815. Sử dụng Mẫu 8815 để tính phần loại trừ của quý vị. Đính kèm Mẫu của quý vị vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện. Trái phiếu tiết kiệm Hòa Kỳ đủ điều kiện là Loạt trái phiếu EE được phát hành sau năm 1989 hoặc Loạt trái phiếu I. Trái phiếu phải được phát hành dưới tên của quý vị (chủ sở hữu duy nhất) hoặc dưới tên của quý vị và tên vợ/chồng quý vị (đồng sở hữu). Quý vị phải đủ 24 tuổi trở lên trước ngày phát hành trái phiếu. Ví dụ: Trái phiếu do cha mẹ mua và phát hành đứng tên con của họ dưới 24 tuổi không đủ điều kiện để cha mẹ hoặc con cái được loại trừ.

CAUTION *Ngày phát hành trái phiếu có thể sớm hơn ngày mua trái phiếu vì ngày phát hành trái phiếu được ấn định là ngày đầu tiên của tháng trái phiếu được mua.*

Người thụ hưởng. Quý vị có thể chỉ định bất kỳ cá nhân nào (kể cả trẻ em) là người thụ hưởng trái phiếu.

Xác minh bởi IRS. Nếu quý vị yêu cầu loại trừ, IRS sẽ kiểm tra bằng cách sử dụng thông tin mua lại trái phiếu từ Bộ Tài Chính.

Chi phí đủ điều kiện. Chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện là học phí và lệ phí cần thiết để quý vị, vợ/chồng của quý vị, hoặc người phụ thuộc của quý vị (người mà quý vị yêu cầu miễn giảm) theo học tại một cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

Các chi phí đủ điều kiện bao gồm bất kỳ khoản đóng góp nào mà quý vị thực hiện cho một chương trình học phí đủ điều kiện hoặc vào Trương mục tiết kiệm giáo dục Coverdell (Coverdell education savings account, ESA).

Các chi phí đủ điều kiện không bao gồm chi phí ăn ở hoặc cho các khóa học liên quan đến thể thao, trò chơi, hoặc sở thích không thuộc chương trình cấp bằng hoặc chứng chỉ.

Cơ sở giáo dục đủ điều kiện. Các tổ chức này bao gồm hầu hết các trường đại học, cao đẳng và trường dạy nghề công lập, tư thục và phi lợi nhuận được công nhận và đủ điều kiện tham gia vào các chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Hoa Kỳ điều hành.

Giảm một số lợi ích nhất định. Quý vị phải giảm chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của mình bằng tất cả các quyền lợi miễn thuế sau đây.

1. Phần học bổng và nghiên cứu sinh được miễn thuế (xem *Học bổng và nghiên cứu sinh* ở chương 8).
2. Các chi phí được sử dụng để tính phần phân phối miễn thuế từ Coverdell ESA.
3. Các chi phí được sử dụng để tính phần phân phối miễn thuế từ một chương trình học phí đủ điều kiện.
4. Bất kỳ khoản thanh toán miễn thuế nào (ngoài quà tặng hoặc thừa kế) nhận được để chi trả chi phí giáo dục, chẳng hạn như:
   a. Trợ cấp hỗ trợ giáo dục của cựu chiến binh,
   b. Giảm học phí đủ điều kiện, hoặc
   c. Trợ cấp giáo dục do nhà tuyển dụng cung cấp.
5. Bất kỳ chi phí nào sử dụng trong việc tính Tín Thuế Cơ Hội Mỹ và Tín Thuế Giáo dục Trọn Đời.

Số tiền có thể loại trừ. Nếu tổng số tiền thu được (lãi và gốc) từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà quý vị mua lại trong năm không nhiều hơn chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện đã điều chỉnh của quý vị trong năm, quý vị có thể loại trừ tất cả lãi suất. Nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí, quý vị có thể chỉ loại trừ một phần tiền lãi.

Để xác định số tiền có thể loại trừ, hãy nhân phần lãi của số tiền thu được với một phân số. Tử số của phân số là chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện mà quý vị đã trả trong năm. Mẫu của phân số là tổng số tiền quý vị nhận được trong năm.

Ví dụ: Tháng 9 năm 2020, Mark và Joan, một cặp vợ chồng đã kết hôn, đã rút tiền mặt từ Loạt trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ EE với tổng mệnh giá $10.000 mà họ đã mua tháng 04 năm 2004 với giá $5.000. Họ nhận được số tiền là $7.128, tương ứng với số tiền gốc $5.000 và tiền lãi $2.128. Năm 2020, họ đã trả $4.000 học phí đại học của con gái. Họ không yêu cầu một khoản tín thuế giáo dục cho số tiền đó, và con gái của họ không có bất kỳ trợ cấp giáo dục miễn thuế nào. Họ có thể loại trừ $1.194 ($2.128 × ($4.000 ÷ $7.128)) tiền lãi trong năm 2020. Họ phải tính số tiền lãi còn lại là $934 ($2.128 – $1.194) vào trong tổng thu nhập.

Giới hạn tổng thu nhạp được điều chỉnh theo luật thuế mới. Việc loại trừ tiền lãi bị giới hạn nếu

tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (AGI sửa đổi) của quý vị là:

- $82.350 đến $97.350 đối với người nộp thuế là người độc thân hoặc chủ hộ gia đình, và
- $123.550 đến $153.550 cho người nộp thuế đã kết hôn và vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc cho người góa vợ/góa chồng đủ điều kiện có con là người phụ thuộc.

Quý vị không đủ điều kiện để được loại trừ tiền lãi nếu AGI đã sửa đổi của quý vị bằng hoặc lớn hơn giới hạn trên áp dụng cho tình trạng nộp hồ sơ của quý vị.

AGI đã sửa đổi, vì mục đích của loại trừ này, là tổng thu nhập đã điều chỉnh (Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11) được tính trước khi loại trừ tiền lãi, và được sửa đổi bằng cách cộng lại bất kỳ:

1. Loại trừ cho thu nhập kiếm được từ nước ngoài,
2. Loại trừ và khấu trừ cho thu nhập từ nhà ở nước ngoài,
3. Loại trừ cho thu nhập của cư dân có hảo ý của Samoa thuộc Mỹ,
4. Loại trừ đối với thu nhập từ Puerto Rico,
5. Loại trừ đối với quyền lợi do nhận con nuôi được nhận theo chương trình hỗ trợ nhận con nuôi của chủ lao động,
6. Khấu trừ cho lãi vay sinh viên, và
7. Khoản khấu trừ học phí và lệ phí.

Sử dụng Dòng 9 Mẫu Tính Toán trong hướng dẫn Mẫu 8815 cách tính AGI sửa đổi của quý vị.

Nếu quý vị có chi phí lãi suất đầu tư phát sinh để kiếm tiền bản quyền và các khoản thu nhập đầu tư khác, xem phần *Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Lưu giữ hồ sơ. Nếu quý vị yêu cầu loại trừ tiền lãi, quý vị phải giữ một hồ sơ bằng văn bản về các loại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà quý vị mua lại. Hồ sơ của quý vị phải bao gồm số sêri, ngày phát hành, mệnh giá và tổng số tiền thu được (gốc và lãi) của mỗi trái phiếu. Quý vị có thể sử dụng Mẫu 8818 để ghi lại thông tin này. Quý vị cũng nên giữ các hóa đơn, biên lai, séc đã hủy hoặc các tài liệu khác cho thấy quý vị đã thanh toán các chi phí giáo dục đại học trong năm.

Công Khố Phiếu Ngắn Hạn, Công Khố Phiếu Trung Hạn, và Các Trái Phiếu Hoa Kỳ

Trái phiếu ngắn hạn, trái phiếu trung hạn và trái phiếu dài hạn là các khoản nợ trực tiếp (nghĩa vụ) của Chính Phủ Hoa Kỳ.

Đánh thuế tiền lãi. Tiền lãi từ Trái phiếu ngắn hạn, trái phiếu trung hạn, và trái phiếu dài hạn phải chịu thuế thu nhập liên bang nhưng được miễn tất cả các loại thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương. Quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-INT thể hiện tiền lãi được trả cho quý vị trong năm ở ô 3.

Các khoản thanh toán gốc và lãi nói chung sẽ được ghi có vào tài khoản séc hoặc tài khoản tiết kiệm được chỉ định của quý vị bằng cách chuyển khoản trực tiếp qua hệ thống TreasuryDirect®.

Trái phiếu ngắn hạn. Các loại trái phiếu ngắn hạn này thường có thời gian đáo hạn 4 tuần, 13 tuần, 26 tuần hoặc 52 tuần. Chúng thường được phát hành chiết khấu với số tiền $100 và bội số của $100. Chênh lệch giữa giá chiết khấu quý vị trả cho trái phiếu ngắn hạn và mệnh giá quý vị nhận được khi đáo hạn là thu nhập từ tiền lãi. Nói chung, quý vị báo cáo thu nhập tiền lãi này khi phiếu ngắn hạn được thanh toán khi đáo hạn. Nếu quý vị đã trả một số tiền thêm (premium) cho một trái phiếu ngắn hạn (nhiều hơn mệnh giá), quý vị thường báo cáo số tiền trả thêm là khoản khấu trừ theo mục 171 khi trái phiếu ngắn hạn được thanh toán khi đáo hạn.

Trái phiếu trung hạn và trái phiếu dài hạn. Trái phiếu trung hạn có thời gian đáo hạn trên 1 năm, lên đến 10 năm. Thời gian đáo hạn của trái phiếu kho bạc dài hơn 10 năm. Cả hai thường được phát hành với mệnh giá từ $100 đến 1 triệu USD và thường trả lãi 6 tháng một lần. Thông thường, quý vị sẽ báo cáo khoản lãi này cho năm đã trả. Để biết thêm thông tin, xem phần *Công Khố Phiếu Ngắn Hạn, Công Khố Phiếu Trung Hạn, và Các Trái Phiếu Hoa Kỳ* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Để tìm hiểu thêm thông tin về Công khố phiếu ngắn hạn, Công khố phiếu trung hạn hoặc trái phiếu, vui lòng gửi thư về:

Dịch Vụ Chứng Khoán Bán Lẻ của Bộ Ngân Khố
Hòm thư 7015
Minneapolis, MN 55480-7015

Hoặc, bấm vào liên kết đến trang mạng của Bộ Ngân Khố tại địa chỉ: *TreasuryDirect.gov/indiv/indiv.htm*.

Để biết thêm thông tin về Loạt trái phiếu tiết kiệm EE, I, và HH, xem phần *Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ* trước đó.

Trái phiếu chính phủ ngừa lạm phát (TIPS). Các loại trái phiếu này trả lãi hai lần một năm với tỷ lệ cố định, dựa vào số tiền gốc được điều chỉnh có tính đến lạm phát và giảm phát. Để biết cách xử lý thuế đối với những loại trái phiếu này, xem phần *Công Cụ Nợ Điều Chỉnh Theo Lạm Phát* trong phần *Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)* của Ấn phẩm 550.

Trái Phiếu Được Bán Giữa Các Ngày Trả Lãi

Nếu quý vị bán trái phiếu giữa những ngày thanh toán lãi, một phần của giá bán biểu thị tiền lãi được tích lũy vào ngày bán. Quý vị phải báo cáo phần đó của giá bán dưới dạng thu nhập từ tiền lãi cho năm bán.

Nếu quý vị mua một trái phiếu giữa những ngày thanh toán lãi, một phần của giá mua biểu thị tiền lãi được tích lũy trước ngày mua. Khi khoản lãi đó được trả cho quý vị, hãy coi nó như một khoản hoàn vốn không chịu thuế cho khoản đầu tư vốn của quý vị, chứ không phải là thu nhập từ tiền lãi. Xem *Lãi suất tích lũy trên trái phiếu* trong phần *Cách Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi* ở chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thông tin về việc báo cáo thanh toán.

Bảo hiểm

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho quý vị với tư cách là người thụ hưởng của người được bảo hiểm thường không bị đánh thuế. Nhưng nếu quý vị nhận được tiền theo từng đợt, quý vị thường phải báo cáo một phần của mỗi đợt thanh toán dưới dạng thu nhập từ tiền lãi.

Để biết thêm thông tin về tiền bảo hiểm nhận được theo từng đợt, xem phần Ấn phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế.

Niên kim. Nếu quý vị mua một niên kim bằng tiền bảo hiểm, các khoản thanh toán niên kim mà quý vị nhận được sẽ bị đánh thuế là thu nhập từ hưu bổng và niên kim từ một chương trình không đủ tiêu chuẩn, không phải là thu nhập từ tiền lãi. Xem chương 5 để biết thông tin về thu nhập hưu bổng và niên kim từ các chương trình không đủ tiêu chuẩn.

Nghĩa Vụ của Chính Quyền Tiểu Bang hoặc Địa Phương

Lãi suất trên một trái phiếu được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động của chính phủ thường không bị đánh thuế nếu trái phiếu được phát hành bởi tiểu bang, Đặc khu Columbia, thuộc sở hữu của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào.

Trái phiếu được phát hành sau năm 1982 (bao gồm các trái phiếu phát triển kinh tế bộ lạc được phát hành sau ngày 17 tháng 02 năm 2009) bởi một chính quyền bộ lạc được coi như do một tiểu bang phát hành. Lãi suất đối với trái phiếu này thường được miễn thuế nếu trái phiếu là một phần của một đợt phát hành mà về cơ bản tất cả số tiền thu được sẽ được sử dụng cho việc thực hiện bất kỳ chức năng thiết yếu nào của chính quyền.

Để biết thêm thông tin về trái phiếu được bảo lãnh liên bang, trái phiếu doanh thu thế chấp, trái phiếu chênh lệch giá, trái phiếu hoạt động tư nhân, trái phiếu tín thuế đủ điều kiện, và trái phiếu Xây Dựng Hoa Kỳ, xem *Nghĩa Vụ của Chính Quyền Tiểu Bang hoặc Địa Phương* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Yêu cầu báo cáo thông tin. Nếu quý vị khai thuế, quý vị phải trình bày bất kỳ khoản lãi được miễn thuế nào mà quý vị nhận được trên tờ khai của mình. Đây chỉ là yêu cầu báo cáo thông tin. Nó không thay đổi tiền lãi miễn thuế thành tiền lãi chịu thuế.

Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)

Giảm giá phát hành gốc (OID) là một hình thức tiền lãi. Quý vị thường đưa OID vào thu nhập của mình khi nó tích lũy trong thời hạn của công cụ nợ, cho dù quý vị có nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ tổ chức phát hành hay không.

Một công cụ nợ thường có OID khi công cụ đó được phát hành với giá thấp hơn giá mua lại đã nêu của nó khi đáo hạn. OID là chênh lệch giữa giá mua lại đã nêu khi đáo hạn và giá phát hành.

Tất cả các công cụ nợ không trả lãi trước hạn được coi là được phát hành với giá chiết khấu. Trái phiếu không nhận trái tức là một ví dụ của những công cụ này.

Các quy tắc tích lũy OID thường không áp dụng cho các nghĩa vụ ngắn hạn (những nghĩa vụ có ngày đáo hạn cố định từ 1 năm trở xuống kể từ ngày phát hành). Xem *Giảm Giá Nghĩa Vụ Ngắn Hạn* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

OID tối thiểu. Quý vị có thể coi chiết khấu là không nếu nó nhỏ hơn một phần tư của 1% (0,0025) của giá mua lại đã nêu khi đáo hạn nhân với số năm đầy đủ kể từ ngày phát hành gốc đến ngày đáo hạn. Khoản chiết khấu nhỏ này được gọi là OID tối thiểu.

Ví dụ 1. Quý vị mua trái phiếu 10 năm với giá mua lại đã nêu khi đáo hạn là $1.000, được phát

hành ở mức $980 với OID là $20. Một phần tư của 1% của $1.000 (giá mua lại đã nêu) nhân với 10 (số năm đầy đủ từ ngày phát hành gốc đến khi đáo hạn) bằng $25. Vì khoản chiết khấu $20 nhỏ hơn $25, OID được coi là 0. (Nếu quý vị giữ trái phiếu khi đáo hạn, quý vị sẽ ghi nhận $20 ($1.000 – $980) tiền lãi gốc.)

Ví dụ 2. Các thông tin tương tự như ở *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc trái phiếu được phát hành với giá $950. OID là $50. Vì khoản chiết khấu $50 nhiều hơn số tiền $25 được tính ở *Ví dụ 1*, quý vị phải đưa OID vào thu nhập khi nó tích lũy trong thời hạn của trái phiếu.

Công cụ nợ đã mua sau phát hành gốc. Nếu quý vị mua một công cụ nợ với OID tối thiểu ở mức phí mua bảo hiểm, OID tối thiểu sẽ không được tính vào thu nhập. Nếu quý vị mua một công cụ nợ với OID tối thiểu ở mức chiết khấu, khoản chiết khấu được báo cáo theo các quy tắc chiết khấu thị trường. Xem *Trái Phiếu Chiết Khấu Thị Trường* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.

Các trường hợp ngoại lệ báo cáo OID dưới dạng thu nhập hiện tại. Các quy tắc OID đã thảo luận trong chương này không áp dụng cho các công cụ nợ sau đây.

1. Các nghĩa vụ được miễn thuế. (Tuy nhiên, xem *Nghĩa vụ miễn thuế không nhận lãi* trong phần *Trái Phiếu và Trái Tức Không Nhận Lãi* ở chương 1 của Ấn phẩm 550.)
2. Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ.
3. Các công cụ nợ ngắn hạn (những khoản có thời gian đáo hạn cố định không quá 1 năm kể từ ngày phát hành).
4. Các khoản vay giữa cá nhân nếu tất cả những điều sau đây là đúng.
   a. Khoản vay không được thực hiện trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của người cho vay.
   b. Số tiền vay, cộng với số tiền của bất kỳ khoản vay trước chưa trả nào giữa các cá nhân đó là $10.000 trở xuống.
   c. Tránh bất kỳ khoản thuế liên bang nào không phải là một trong những mục đích chính của khoản vay.
5. Một công cụ nợ được mua ở mức phí mua bảo hiểm.

Mẫu 1099-OID. Chủ thể phát hành công cụ nợ (hoặc người môi giới của quý vị nếu quý vị giữ công cụ đó thông qua một người môi giới) phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-OID, hoặc tờ khai tương tự, nếu tổng OID cho năm dương lịch là $10 trở lên. Mẫu 1099-OID sẽ thể hiện, trong ô 1, số tiền OID cho phần của năm mà quý vị nắm giữ trái phiếu. Mẫu này cũng sẽ kê khai trong ô 2 số tiền lãi đã nêu mà quý vị phải đưa vào thu nhập của mình. Ô 8 thể hiện OID theo nghĩa vụ Ngân Khố Phiếu Hoa Kỳ cho phần của năm mà quý vị sở hữu nó và không được bao gồm trong ô 1. Bản sao của Mẫu 1099-OID sẽ được gửi đến Sở Thuế Vụ. Đừng nộp bản sao của quý vị cùng với hồ sơ khai thuế của quý vị. Giữ nó trong hồ sơ của quý vị.

Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải báo cáo toàn bộ số tiền trong ô 1, 2, và 8 của Mẫu 1099-OID dưới dạng thu nhập từ tiền lãi. Nhưng hãy xem *Tính toán lại OID thể hiện trong Mẫu 1099-OID* ở phần sau của thảo luận này, để biết thêm thông tin.

Không nhận được Mẫu 1099-OID. Nếu quý vị có OID trong năm nhưng không nhận được Mẫu 1099-OID, quý vị có thể phải tính số tiền OID chính xác để báo cáo trong hồ sơ khai thuế của mình. Xem Ấn phẩm 1212 để biết chi tiết về cách tính OID chính xác.

Người được chỉ định. Nếu người khác là người có tên trên hồ sơ (chủ sở hữu đã đăng ký) của công cụ OID thuộc về quý vị và nhận được Mẫu 1099-OID thay mặt quý vị, người đó phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-OID.

Tính toán lại OID thể hiện trên Mẫu 1099-OID. Quý vị có thể cần phải tính toán lại OID thể hiện ở ô 1 hoặc ô 8 của Mẫu 1099-OID nếu một trong hai điều sau áp dụng.

- Quý vị đã mua công cụ nợ sau khi phát hành gốc và đã trả phí hoặc một khoản phí mua lại.
- Công cụ nợ là trái phiếu không nhận lãi hoặc trái tức không nhận lãi (bao gồm một số công cụ không trái tức).

Nếu quý vị mua công cụ nợ của mình trước ngày 1 tháng 1 năm 2014, người trả tiền của quý vị chỉ phải báo cáo tổng số tiền OID trong ô 1 hoặc ô 8 của Mẫu 1099-OID.

Để biết thông tin về cách tính toán lại số tiền OID chính xác để đưa vào trong thu nhập của quý vị, xem *Tính OID trên các Công Cụ Nợ Dài Hạn* trong Ấn phẩm 1212 và hướng dẫn cho Mẫu 1099-OID.

Nếu quý vị mua công cụ nợ của mình vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2014, trừ khi quý vị đã thông báo cho người trả tiền của mình rằng quý vị không muốn khấu hao tiền trả thêm cho trái phiếu, người trả tiền của quý vị thường phải báo cáo một trong hai (1) lượng OID ròng phản ánh khoản đền bù OID bằng số tiền trả thêm cho trái phiếu hoặc khấu hao tiền trả thêm để mua lại trong năm, hoặc (2) tổng số tiền cho cả OID và tiền trả thêm cho trái phiếu hoặc khấu hao tiền trả thêm để mua lại trong năm.

Tính toán lại lãi suất định kỳ thể hiện trên Mẫu 1099-OID. Nếu quý vị thanh lý một công cụ nợ hoặc mua lại nó từ một chủ sở hữu khác trong năm, xem *Trái Phiếu Bán Giữa Những Ngày Tính Lãi* ở phần trước để biết thông tin về cách xử tiền lãi định kỳ có thể được hiển thị ở ô 2 của Mẫu 1099-OID cho công cụ đó.

Chứng thư gửi tiền định kỳ (CD). Nếu quý vị mua CD có thời hạn thanh toán hơn 1 năm, quý vị phải đưa vào trong thu nhập mỗi năm phần trong tổng tiền lãi đến hạn và báo cáo theo cách tương tự như OID khác.

Điều này cũng áp dụng cho các thỏa thuận tiền gửi tương tự với các ngân hàng, hiệp hội xây dựng và cho vay, v.v…, bao gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn,
- Gói tiền thưởng,
- Chứng chỉ tiết kiệm,
- Chứng nhận thu nhập được trì hoãn,
- Chứng chỉ tiết kiệm thưởng, và
- Chứng chỉ tiết kiệm tăng trưởng.

CD vô danh. CD được phát hành sau năm 1982 thường phải ở dạng đã đăng ký. CD vô danh là các CD không ở dạng đã đăng ký. Chúng không được phát hành dưới tên của người gửi và có thể chuyển nhượng từ cá nhân này sang cá nhân khác.

Các ngân hàng phải cung cấp cho Sở Thuế Vụ và người mua lại một CD vô danh Mẫu 1099-INT.

Thông tin bổ sung. Xem chương 1 của Ấn phẩm 550 để biết thêm thông tin về OID và các chủ đề liên quan, chẳng hạn như trái phiếu chiết khấu thị trường.

Thời Điểm Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi

Thời điểm báo cáo thu nhập từ tiền lãi phụ thuộc vào việc quý vị sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt hay phương pháp kế toán tích lũy để báo cáo thu nhập.

Phương pháp thu chi bằng tiền mặt. Hầu hết người nộp thuế cá nhân sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp này, quý vị thường báo cáo thu nhập từ tiền lãi trong năm mà quý vị thực nhận hoặc ngầm nhận. Tuy nhiên, có những quy tắc đặc biệt để báo cáo chiết khấu đối với một số công cụ nợ. Xem *Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ* và *Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)* trước đó.

Ví dụ: Vào ngày 01 tháng 09 năm 2018, quý vị đã cho một cá nhân khác vay $2.000 với lãi suất 4%, cộng dồn hàng năm. Quý vị không kinh doanh cho vay tiền. Trái phiếu cho biết rằng tiền gốc và lãi sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 08 năm 2020. Năm 2020, quý vị nhận được $2.163,20 ($2.000 tiền gốc và $163,20 tiền lãi). Nếu quý vị sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt, quý vị phải đưa vào trong thu nhập trong hồ sơ khai thuế 2020 của mình số tiền lãi $163,20 mà quý vị nhận được trong năm đó.

Khoản thu vào ngầm hiểu. Quý vị nhận ngầm thu nhập khi nó được ghi có vào tài khoản của quý vị hoặc được cung cấp sẵn cho quý vị. Quý vị không cần thực sự sở hữu khoản tiền đó. Ví dụ, quý vị được coi là nhận tiền lãi, cổ tức, hoặc các khoản thu nhập khác trên bất kỳ khoản tiền gửi hoặc tài khoản nào trong ngân hàng, khoản tiết kiệm và khoản vay, hoặc tổ chức tài chính tương tự, hoặc tiền lãi từ cổ tức trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được để lại để tích lũy khi chúng được ghi có vào tài khoản và tùy thuộc vào việc rút tiền của quý vị. Điều này đúng ngay cả khi chúng chưa được nhập vào sổ tiết kiệm của quý vị.

Quý vị ngầm nhận thu nhập đối với khoản tiền gửi hoặc tài khoản ngay cả khi quý vị phải:

- Rút tiền theo bội số của số tiền chẵn;
- Đưa ra thông báo rút tiền trước khi thực hiện rút tiền;
- Rút toàn bộ hoặc một phần tài khoản để rút số tiền kiếm được; hoặc
- Trả một khoản phạt trên số tiền rút trước hạn, trừ khi tiền lãi quý vị được nhận khi rút tiền trước hạn hoặc tất toán về ít hơn đáng kể so với tiền lãi phải trả khi đáo hạn.

Phương pháp kế toán tích lũy. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, quý vị sẽ báo cáo thu nhập từ tiền lãi khi quý vị kiếm được, dù quý vị đã nhận được hay chưa. Tiền lãi thu được trong thời hạn của công cụ nợ.

Ví dụ: Nếu, trong ví dụ trước, quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, quý vị phải đưa tiền lãi vào thu nhập của mình khi quý vị thu được nó. Quý vị sẽ báo cáo tiền lãi như sau: 2018, $26,67; 2019, $81,06; và 2020, $55,47.

Trái phiếu có phiếu trả lãi tách rời. Tiền lãi đối với trái phiếu vô danh với phiếu trả lãi tách rời thường bị đánh thuế trong năm phiếu trả lãi đó đến hạn và phải trả. Không quan trọng thời điểm quý vị gửi phiếu trả lãi để thanh toán.

Cách Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Lãi

Nhìn chung, quý vị sẽ báo cáo tất cả thu nhập chịu thuế từ tiền lãi theo Mẫu Form 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2b.

Bản Khai B (Mẫu 1040). Quý vị cũng phải hoàn thành Bản Khai B (Mẫu 1040), Phần I, nếu quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và bất kỳ trường hợp nào sau đây được áp dụng.

1. Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của quý vị nhiều hơn $1.500.
2. Quý vị đang yêu cầu loại trừ tiền lãi theo Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục (đã thảo luận ở trên).
3. Quý vị đã nhận được tiền lãi từ một khoản thế chấp do người bán tài trợ, và người mua đã sử dụng tài sản đó như một ngôi nhà.
4. Quý vị đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ bao gồm số tiền quý vị đã báo cáo trong năm tính thuế trước đó.
5. Quý vị đã nhận được, với tư cách người được chỉ định, tiền lãi thực tế thuộc về người khác.
6. Quý vị đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi từ tiền gửi bị đóng băng.
7. Quý vị đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi từ trái phiếu mà quý vị mua giữa những ngày trả lãi.
8. Quý vị đang báo cáo OID số tiền ít hơn số tiền thể hiện trên Mẫu 1099-OID.
9. Quý vị giảm thu nhập từ tiền lãi trái phiếu bằng phí khấu hao tiền trả thêm có thể khấu hao cho trái phiếu.

Ở Phần I, dòng 1, liệt kê từng người thanh toán và số tiền nhận được từ mỗi người. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT hoặc Mẫu 1099-OID từ một công ty môi giới, hãy ghi công ty môi giới đó là người trả tiền.

Báo cáo tiền lãi miễn thuế. Tổng số tiền lãi miễn thuế của quý vị (chẳng hạn như lãi suất hoặc OID tích lũy trên một số trái phiếu tiểu bang và đô thị, bao gồm cả trái phiếu đô thị không trái tức) được báo cáo trong Mẫu 1099-INT, ô 8, và cổ tức được miễn lãi từ quỹ tương hỗ hoặc công ty đầu tư khác hoạt động theo các quy định của pháp luật được báo cáo trên Mẫu 1099-DIV, ô 11. Cộng các số tiền này với bất kỳ khoản lãi được miễn thuế nào khác mà quý vị nhận được. Báo cáo tổng số trên dòng 2a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Mẫu 1099-INT, ô 9, và Mẫu 1099-DIV, ô 12, thể hiện tiền lãi miễn thuế chịu mức thuế tối thiểu thay thế trên Mẫu 6251. Các số tiền này đã được bao gồm trong các số tiền trên Mẫu 1099-INT, ô 8, và Mẫu 1099-DIV, ô 11. Không thêm số tiền trong Mẫu 1099-INT, ô 9, và Mẫu 1099-DIV, ô 12, vào, hoặc trừ khỏi số tiền trên Mẫu 1099-INT, ô 8, và Mẫu 1099-DIV, ô 11.

CAUTION *Không báo cáo tiền lãi từ IRA dưới dạng tiền lãi miễn thuế.*

Mẫu 1099-INT. Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của quý vị, ngoại trừ lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ và nghĩa vụ Ngân Khố, được thể hiện trong ô 1 của Mẫu 1099-INT. Cộng số tiền này vào bất kỳ thu nhập từ tiền lãi chịu thuế nào khác mà quý vị nhận được. Xem hướng dẫn cho Mẫu 1099-INT nếu quý vị có tiền lãi từ một chứng khoán có được bằng một số tiền trả thêm. Quý vị phải báo cáo tất cả thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của mình ngay cả khi quý vị không nhận được Mẫu 1099-INT. Liên hệ với tổ chức tài chính của quý vị nếu quý vị không nhận được Mẫu 1099-INT trước ngày 15 tháng 02. Số nhận dạng của quý vị có thể bị cắt ngắn trên bất kỳ Mẫu giấy 1099-INT nào mà quý vị nhận được.

Nếu quý vị bị mất thu nhập từ tiền lãi vì rút tiền trước hạn, số tiền khấu trừ sẽ được thể hiện trên Mẫu 1099-INT ở ô 2. Xem *Phạt rút tiền tiết kiệm trước hạn* tại chương 1 của Ấn Phẩm 550.

Ô 3 của Mẫu 1099-INT thể hiện thu nhập từ lãi mà quý vị nhận được từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, Ngân Khố Phiếu Ngắn Hạn, Ngân Khố Phiếu Trung hạn, và Trái Phiếu Ngân Khố. Nói chung, hãy cộng số tiền thể hiện ở ô 3 vào bất kỳ thu nhập từ tiền lãi chịu thuế nào khác mà quý vị nhận được. Nếu một phần của số tiền thể hiện trong ô 3 trước đây đã được bao gồm trong thu nhập từ tiền lãi, xem *lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã báo cáo trước đó* ở phần sau. Nếu quý vị có được chứng khoán bằng một số tiền trả thêm, xem hướng dẫn cho Mẫu 1099-INT.

Ô 4 của Mẫu 1099-INT sẽ chứa một số tiền nếu quý vị phải duy trì số tiền tạm giữ trên lương để trả thuế hàng năm. Bao gồm số tiền từ ô 4 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25b (đã khấu lưu thuế thu nhập liên bang).

Ô 5 của Mẫu 1099-INT thể hiện chi phí đầu tư. Xem chương 12 để biết thêm thông tin về các chi phí đầu tư.

Ô 6 của Mẫu 1099-INT thể hiện thuế nước ngoài đã nộp. Quý vị có thể yêu cầu khoản thuế này như một khoản khấu trừ hoặc một khoản tín dụng trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị. Xem hướng dẫn khai thuế của quý vị.

Ô 7 của Mẫu 1099-INT thể hiện quốc gia hoặc các vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ mà thuế nước ngoài đã nộp cho nơi đó.

Lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã báo cáo trước đó. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT báo cáo lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, mẫu có thể hiển thị tiền lãi mà quý vị không phải báo cáo. Xem *Mẫu 1099-INT để biết lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ* trước đó.

Ở Bản Khai B (Mẫu 1040), Phần I, dòng 1, báo cáo tất cả tiền lãi được thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị. Sau đó làm theo các bước sau.

1. Một số hàng bên trên dòng 2, hãy nhập tổng phụ của tất cả tiền lãi được liệt kê ở trên dòng 1.
2. Dưới tổng phụ, nhập "Lãi Suất Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ được Báo Cáo Trước Đó" và nhập số tiền đã báo cáo trước đó hoặc tiền lãi đã tích lũy trước khi quý vị nhận được trái phiếu.
3. Lấy tổng phụ trừ đi các số tiền này và nhập kết quả ở dòng 2.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về cách báo cáo thu nhập từ lãi, hãy xem chương 1 của Ấn phẩm 550 hoặc hướng dẫn cho Mẫu quý vị phải nộp.

7.

Quyền lợi an sinh xã hội và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương

Giới thiệu

Chương này giải thích các quy định thuế thu nhập liên bang dành cho quyền lợi an sinh xã hội và quyền lợi hưu trí đường sắt bậc tương đương 1. Chương này giải thích các chủ đề sau đây.

- Cách xác định xem quyền lợi của quý vị có phải chịu thuế hay không.
- Cách báo cáo những quyền lợi chịu thuế của quý vị.
- Cách sử dụng Mẫu Tính Toán quyền lợi an sinh xã hội (kèm ví dụ).
- Các khoản khấu trừ liên quan đến quyền lợi của quý vị và cách xử lý các khoản hoàn trả nhiều hơn quyền lợi quý vị đã nhận trong năm.

Quyền lợi an sinh xã hội bao gồm hưu bổng hàng tháng, trợ cấp sống sót và quyền lợi cho người khuyết tật. Trong đó không có Tiền Phụ Cấp An Sinh (Supplemental Security Income, SSI) là khoản tiền không phải nộp thuế.

Quyền lợi hưu trí đường sắt bậc tương đương 1 là một phần của quyền lợi bậc 1 mà nhân viên đường sắt hoặc người thụ hưởng có quyền được nhận theo hệ thống an sinh xã hội. Những quyền lợi này thường được gọi là phần quyền lợi tương đương an sinh xã hội (SSEB) ở quyền lợi bậc 1.

Nếu nhận những quyền lợi này trong năm 2020, quý vị hẳn đã nhận một Mẫu SSA-1099, Báo Cáo Trợ Cấp An Sinh Xã Hội; hoặc Mẫu RRB-1099, Khoản Tiền Được Thanh Toán bởi Ban Hưu Trí Đường Sắt. Các mẫu này cho biết số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ trong năm. Quý vị có thể nhận nhiều hơn một trong các mẫu này trong cùng một năm. Quý vị nên cộng số tiền hiển thị trên tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 mà quý vị đã nhận trong năm để tính ra tổng số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ cho năm đó. Xem thêm thông tin trong Phụ Lục ở cuối Ấn Phẩm số 915, Quyền Lợi An Sinh Xã Hội Và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương, để tìm hiểu thêm thông tin.

Lưu ý. Thuật ngữ "quyền lợi" sử dụng trong chương này chỉ cả quyền lợi an sinh xã hội và phần SSEB của quyền lợi hưu trí đường sắt bậc 1.

Tài khoản *An Sinh Xã Hội của tôi*. Những người thụ hưởng an sinh xã hội có thể nhanh chóng và dễ dàng tìm được thông tin trên trang web của SSA bằng một tài khoản *An Sinh Xã Hội của tôi* để:

- Theo dõi và xác minh thu nhập của quý vị hàng năm,
- Ước tính các quyền lợi tương lai nếu quý vị vẫn đang làm việc,

- Nhận thư với bằng chứng về quyền lợi mà quý vị hiện đang nhận,
- Thay đổi địa chỉ,
- Bắt đầu hoặc thay đổi khoản tiền chuyển khoản trực tiếp,
- Nhận thẻ Medicare thay thế, và
- Nhận Mẫu SSA-1099 thay thế cho mùa thuế.

Để xem thêm thông tin và thiết lập tài khoản, truy cập *SSA.gov/myaccount*.

Chương này không đề cập đến mục nào. Chương này không bao gồm các quy định về thuế cho các quyền lợi hưu trí đường sắt sau đây.

- Phần quyền lợi tương đương không phải an sinh xã hội (NSSEB) của quyền lợi bậc 1.
- Quyền lợi Bậc 2.
- Quyền lợi kép được xác nhận.
- Quyền lợi niên kim bổ sung.

Để biết thêm thông tin về các quyền lợi này, vui lòng xem Ấn Phẩm 575, Thu nhập từ Hưu bổng và Niên kim.

Chương này không đề cập đến các quy định thuế cho trợ cấp an sinh xã hội được báo cáo trong Mẫu SSA-1042S, Báo Cáo Trợ Cấp An Sinh Xã Hội; hoặc Mẫu RRB-1042S, Báo Cáo cho Người Nhận Ngoại Nhân Không Thường Trú của Khoản Tiền Được Thanh Toán Bởi Ban Hưu trí Đường Sắt. Để biết thêm thông tin về các quyền lợi này, vui lòng xem Ấn Phẩm 519, Hướng Dẫn Về Thuế của Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân; và Ấn Phẩm 915, Trợ Cấp An Sinh Xã Hội và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương.

Chương này không có các quy định về thuế cho các quyền lợi an sinh nước ngoài. Các quyền lợi này bị đánh thuế dưới dạng niên kim trừ khi được miễn thuế của Hoa Kỳ hoặc được coi là quyền lợi an sinh xã hội của Hoa Kỳ theo hiệp ước thuế.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính
- ❑ **519** Hướng Dẫn về Thuế Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân
- ❑ **575** Hưu Bổng và Thu Nhập Niên Kim
- ❑ **590-A** Đóng Góp Vào Trương Mục Hưu Trí Cá Nhân (IRA)
- ❑ **915** Quyền lợi an sinh xã hội và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **1040-ES** Thuế Ước Tính cho Cá Nhân
- ❑ **SSA-1099** Báo Cáo Quyền lợi an sinh xã hội
- ❑ **RRB-1099** Khoản Tiền Được Thanh Toán bởi Ban Hưu Trí Đường Sắt
- ❑ **W-4V** Yêu Cầu Khấu Lưu Tự Nguyện

Để xem các mục hữu ích này và các mục khác, vui lòng truy cập *IRS.gov/Forms*.

Quý vị Có Quyền Lợi Nào Phải Chịu Thuế Không?

Để xem quý vị có quyền lợi nào bị tính thuế hay không, hãy so sánh mức cơ bản (giải thích ở phần sau) của tình trạng khai thuế với tổng của:

1. Một nửa các quyền lợi của quý vị; cộng
2. Toàn bộ thu nhập khác của quý vị, bao gồm cả tiền lãi miễn thuế.

Các khoản khấu trừ. Khi thực hiện so sánh, không lấy thu nhập khác của quý vị trừ đi bất kỳ khoản khấu trừ nào đối với:

- Lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện,
- Quyền lợi do nhận con nuôi được nhà tuyển dụng cung cấp,
- Thu nhập từ nước ngoài hoặc từ nhà ở nước ngoài, hoặc
- Thu nhập của cư dân có hảo ý của Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Puerto Rico.

Quyền lợi của trẻ em. Các quy định trong chương này áp dụng cho các quyền lợi của trẻ em. Xem mục *Ai bị đánh thuế* ở phần sau.

Tính tổng thu nhập. Để tính được tổng của một nửa quyền lợi cộng với thu nhập khác của quý vị, hãy sử dụng Mẫu Tính Toán 7-1 được đề cập ở phần sau. Nếu tổng lớn hơn mức cơ bản, một phần quyền lợi của quý vị có thể bị đánh thuế.

Nếu quý vị đã lập gia đình và khai thuế chung năm 2020, quý vị và vợ/chồng phải kết hợp thu nhập và quyền lợi của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản quyền lợi kết hợp nào phải chịu thuế không. Ngay cả khi vợ/chồng của quý vị không nhận bất kỳ quyền lợi nào, quý vị vẫn cần cộng tổng thu nhập của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản quyền lợi kết hợp nào phải chịu thuế không.

TIP *Nếu thu nhập duy nhất quý vị nhận được trong năm 2020 là trợ cấp an sinh xã hội hoặc một phần SSEB của quyền lợi hưu trí đường sắt bậc 1, thì quyền lợi của quý vị thường không bị đánh thuế và quý vị có thể không phải khai thuế. Nếu có thêm thu nhập ngoài các trợ cấp, quý vị có thể phải khai thuế ngay cả khi không quyền lợi nào phải chịu thuế. Xem mục* Tôi Có Phải Khai Thuế Không? *trong chương 1 trước đó; Ấn Phẩm 501, Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Thuế Theo Tiêu Chuẩn và Thông Tin Nộp Hồ Sơ Thuế; hoặc hướng dẫn khai thuế để xen quý vị có phải khai thuế hay không.*

Mức cơ bản. Mức cơ bản của quý vị là:

- $25.000 nếu quý vị là người độc thân, chủ gia đình, hoặc người góa vợ/chồng đủ điều kiện;
- $25.000 nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2020;
- $32.000 nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc
- $0 nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng nhau trong năm 2020.

Mẫu Tính Toán 7-1. Quý vị có thể sử dụng Mẫu Tính Toán 7-1 để tính tổng thu nhập và so với mức cơ bản của mình. Đây là một cách xác định nhanh chóng phần quyền lợi nào của quý vị phải chịu thuế.

Mẫu Tính Toán 7-1. **Cách Xác Định Nhanh Chóng Quyền Lợi Bị Đánh Thuế.**

Lưu ý. Nếu quý vị dự định khai thuế thu nhập chung, hãy tính cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập số tiền từ ***ô 5*** trong tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán quyền lợi một lần nhận được trong năm 2020, cho năm 2020 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, quý vị hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.) . . . . A. _____

Lưu ý. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; quý vị không có khoản quyền lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) . . . . . B. _____

C. Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như hưu bổng, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, loại trừ (được liệt kê trước đó), hoặc các khoản miễn thuế . . . . . C. _____

D. Nhập các khoản thu nhập từ lãi suất được miễn thuế như tiền lãi trái phiếu đô thị . . . . . D. _____

E. Cộng dòng B, C và D . . . . . E. _____

Lưu ý. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tình trạng khai thuế của quý vị. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tình trạng khai thuế, không có quyền lợi nào của quý vị phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản,** một số quyền lợi của quý vị có thể phải chịu thuế và quý vị cần hoàn thiện Mẫu Tính Toán 1 trong Ấn phẩm 915 (hoặc Mẫu Tính Toán Trợ cấp an sinh xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của quý vị). Nếu không có quyền lợi nào phải chịu thuế, quý vị vẫn phải khai thuế, hãy xem *Quyền lợi không chịu thuế*, dưới đây, trong mục *Cách Báo Cáo Quyền Lợi*.

Ví dụ: Quý vị cùng vợ/chồng (đều trên 65 tuổi) đang khai thuế chung năm 2020 và cả hai đều đã nhận trợ cấp an sinh xã hội trong năm này. Tháng 01 năm 2021, quý vị đã nhận Mẫu SSA-1099 thể hiện quyền lợi ròng $5.700 trong ô 5. Vợ/chồng của quý vị đã nhận một Mẫu SSA-1099 thể hiện quyền lợi ròng $2.500 trong ô 5. Quý vị cũng nhận được tiền hưu bổng chịu thuế $26.800 và thu nhập từ tiền lãi là $700. Quý vị không có khoản thu nhập từ tiền lãi được miễn thuế nào. Các quyền lợi của quý vị không bị đánh thuế cho năm 2020 bởi thu nhập của quý vị, như tính toán trong Mẫu Tính Toán 7-1, không lớn hơn mức cơ bản ($32.000) áp dụng cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế.

Tuy không có quyền lợi nào phải chịu thuế, quý vị vẫn phải khai thuế cho năm 2020 vì tổng thu nhập phải chịu thuế của quý vị là ($27.500) vượt quá yêu cầu nộp thuế tối thiểu cho tình trạng nộp thuế của quý vị.

Mẫu Tính Toán 7-1 Đã Điền. **Cách Xác Định Nhanh Chóng Quyền Lợi Bị Đánh Thuế.**

Lưu ý. Nếu quý vị dự định khai thuế thu nhập chung, hãy tính cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A.	Nhập số tiền từ ***ô 5*** trong tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán quyền lợi một lần nhận được trong năm 2020, cho năm 2020 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, quý vị hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.)	A. $8.200

Lưu ý. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; quý vị không có khoản quyền lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B.	Nhân dòng A với 50% (0,50)	B. 4.100
C.	Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như hưu bổng, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, loại trừ (được liệt kê trước đó), hoặc các khoản miễn thuế . . .	C. 27.500
D.	Nhập các khoản thu nhập từ lãi suất được miễn thuế như tiền lãi trái phiếu đô thị	D. -0-
E.	Cộng dòng B, C và D	E. $31.600

Lưu ý. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tình trạng khai thuế của quý vị. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tình trạng khai thuế, không có quyền lợi nào của quý vị phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản,** một số quyền lợi của quý vị có thể phải chịu thuế và quý vị cần hoàn thiện Mẫu Tính Toán 1 trong Ấn phẩm 915 (hoặc Mẫu Tính Toán Trợ cấp an sinh xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của quý vị). Nếu không có quyền lợi nào phải chịu thuế, quý vị vẫn phải khai thuế, hãy xem *Quyền lợi không chịu thuế*, dưới đây, trong mục *Cách Báo Cáo Quyền Lợi*.

Ai bị đánh thuế. Quyền lợi được tính vào thu nhập chịu thuế (trong phạm vi phải chịu thuế) của người có quyền hợp pháp nhận các quyền lợi. Chẳng hạn, nếu quý vị và con mình nhận quyền lợi, nhưng việc kiểm tra quyền lợi của con cái được thực hiện dưới tên quý vị, quý vị chỉ phải sử dụng phần quyền lợi của mình để xem quyền lợi nào của quý vị phải chịu thuế. Một nửa của phần lợi nhuận thuộc về con cái phải được cộng vào phần thu nhập khác của con để xem có quyền lợi nào của con quý vị phải chịu thuế hay không.

Hoàn trả trợ cấp. Các khoản hoàn trả quyền lợi quý vị thực hiện năm 2020 phải được trừ vào tổng quyền lợi quý vị nhận trong năm 2020. Việc hoàn trả quyền lợi quý vị nhận năm 2020 hay năm trước đó đều không quan trọng. Nếu quý vị hoàn trả một khoản lớn hơn tổng quyền lợi quý vị nhận được năm 2020, hãy xem mục *Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Quyền Lợi* ở phần sau.

Tổng quyền lợi của quý vị thể hiện trong ô 3 của Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099. Các khoản hoàn trả thể hiện trong ô 4. Khoản tiền trong ô 5 là quyền lợi ròng của quý vị năm 2020 (ô 3 trừ ô 4). Sử dụng khoản tiền trong ô 5 để tính toán xem có khoản quyền lợi nào phải chịu thuế hay không.

Khấu lưu thuế và thuế ước tính. Quý vị có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập liên bang vào các quyền lợi an sinh xã hội và/hoặc phần SSEB của quyền lợi hưu trí đường sắt bậc 1 của mình. Nếu chọn khấu lưu như vậy, hãy hoàn thành Mẫu W-4V, Yêu Cầu Khấu Lưu Tự Nguyện.

Nếu không chọn khấu lưu thuế thu nhập, quý vị có thể yêu cầu khấu lưu bổ sung vào thu nhập khác hoặc đóng thuế ước tính trong suốt năm. Để biết cụ thể hơn, hãy xem chương 4, được đề cập trước đó trong Ấn Phẩm 505, Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính; hoặc Hướng Dẫn cho Mẫu 1040-ES, Thuế Ước Tính cho Cá Nhân.

Cách Báo Cáo Quyền Lợi

Nếu một phần quyền lợi của quý vị phải chịu thuế, quý vị phải sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Báo cáo theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Báo cáo quyền lợi ròng của quý vị (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên dòng 6a và phần chịu thuế trên dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2020, hãy nhập "D" vào bên phải từ "quyền lợi" trên dòng 6a.

Quyền lợi không chịu thuế. Báo cáo quyền lợi ròng của quý vị (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2020, hãy nhập "D" vào bên phải từ "quyền lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Số Tiền Phải Chịu Thuế Là Bao Nhiêu?

Nếu một phần quyền lợi của quý vị phải chịu thuế thì số tiền phải chịu thuế tùy thuộc vào tổng quyền lợi và thu nhập khác của quý vị. Nhìn chung, tổng các khoản càng cao, phần quyền lợi chịu thuế càng lớn.

Phần chịu thuế tối đa. Thông thường, tối đa 50% các quyền lợi của quý vị phải chịu thuế. Tuy nhiên, có thể tối đa 85% các quyền lợi của quý vị phải chịu thuế nếu quý vị gặp một trong hai trường hợp sau.

- Tổng của một nửa quyền lợi và tất cả thu nhập khác lớn hơn $34.000 ($44.000 nếu vợ chồng khai chung hồ sơ thuế).
- Quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng với vợ/chồng trong năm 2020.

Dùng mẫu tính toán nào. Mẫu tính toán quý vị có thể sử dụng để tính các quyền lợi chịu thuế của mình có trong Hướng dẫn dành cho Mẫu 1040 và 1040-SR. Quý vị có thể dùng mẫu tính toán đó hoặc Mẫu Tính Toán 1 trong Ấn Phẩm 915, trừ khi quý vị gặp một trong các trường hợp sau.

1. Quý vị đã đóng góp vào một thỏa thuận hưu trí cá nhân (IRA) và quý vị hoặc vợ/chồng mình tham gia chương trình hưu trí ở cơ quan. Khi đó, quý vị phải sử dụng mẫu tính toán đặc biệt trong Phụ lục B của Ấn Phẩm 590-A để tính toán cả khấu trừ IRA và các quyền lợi chịu thuế.
2. Trường hợp 1 không áp dụng và quý vị bị loại trừ lãi suất từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ (Mẫu 8815), cho quyền lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839), cho thu nhập kiếm được từ nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555), hoặc cho thu nhập kiếm được tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563) hoặc Puerto Rico của thường trú nhân ngay thực tại các quốc gia này. Khi đó, quý vị phải sử dụng Mẫu Tính Toán 1 in Ấn Phẩm 915 để tính toán quyền lợi chịu thuế.
3. Quý vị đã được thanh toán một lần năm trước đó. Khi đó, quý vị cũng cần hoàn thành Mẫu Tính Toán 2 hoặc 3 và Mẫu Tính Toán 4 trong Ấn Phẩm 915. Xem *Chọn nhận tiền một lần* tiếp sau đây.

Chọn nhận tiền một lần. Quý vị phải tính cả phần chịu thuế của khoản tiền được thanh toán một lần (truy thu) cho các quyền lợi nhận được vào năm 2020 vào thu nhập năm 2020 của mình, ngay cả khi khoản thanh toán bao gồm quyền lợi của năm trước đó.

TIP *Tránh nhầm lẫn khoản thanh toán quyền lợi một lần này với quyền lợi tiền tử tuất trả một lần mà cả SSA và RRB thanh toán cho nhiều người thụ hưởng của họ. Quyền lợi tiền tử tuất trả một lần không chịu thuế.*

Nói chung, quý vị sử dụng thu nhập năm 2020 của mình để tính phần chịu thuế trong tổng quyền lợi nhận được năm 2020. Tuy nhiên, quý vị có thể tính riêng phần chịu thuế của khoản thanh toán một lần cho một năm trước đó, sử dụng thu nhập năm trước đó của quý vị. Quý vị có thể dùng phương pháp này nếu hạ thấp được quyền lợi chịu thuế của mình.

Thực hiện lựa chọn. Nếu quý vị nhận khoản thanh toán quyền lợi một lần năm 2020 có bao gồm quyền lợi của một hay các năm trước đó, hãy làm theo hướng dẫn trong Ấn Phẩm 915 thuộc mục *Chọn Nhận Tiền Một Lần* để xem nếu chọn thì có hạ thấp quyền lợi chịu thuế hay không. Nội dung đó cũng giải thích cách đưa ra lựa chọn.

CAUTION *Do các quyền lợi chịu thuế của năm trước đó được tính vào thu nhập năm 2020 của quý vị, sẽ không có điều chỉnh nào đối với hồ sơ khai thuế của năm trước đó. Không nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi cho năm trước đó.*

Ví dụ

Dưới đây là một số trường hợp quý vị có thể xem làm hướng dẫn tính phần chịu thuế trong quyền lợi của mình.

Ví dụ 1. George White độc thân và nộp Mẫu 1040 cho năm 2020. Thu nhập của ông trong năm 2020 như sau.

Hưu bổng chịu thuế đầy đủ	$18.600
Lương từ công việc làm thêm	9.400
Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế	990
Tổng	$28.990

George cũng đã hưởng trợ cấp an sinh xã hội trong suốt năm 2020. Mẫu SSA-1099 ông nhận vào tháng 01 năm 2021 có ghi $5.980 trong ô 5. Để tính quyền lợi chịu thuế của mình, George hoàn thành mẫu tính toán như dưới đây.

TIP *Hãy xem xét cẩn thận khoản điều chỉnh đối với thu nhập cho các khoản đóng góp từ thiện trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 10b, khi quyết định có nên liệt kê chi tiết hay không. Quý vị chỉ có thể yêu cầu điều chỉnh khoản thu nhập đó nếu quý vị có mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR để biết thêm thông tin.*

Mẫu Tính Toán 1 đã điền.
Tính Quyền Lợi Chịu Thuế

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của TẤT CẢ các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a $5.980
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50) 2.990
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7; và Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 9 . . . . . 28.990
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a . . . . . -0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:
   - Quyền lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),
   - Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và
   - Thu nhập nhất định của cư dân có hảo ý tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico . . . . . -0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 . . . . . 31.980
7. Nhập tổng các khoản vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 10b, Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 10 đến 19; và các điều chỉnh bằng văn bản quý vị đã nhập trên dòng chấm cạnh Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22 . . . . . -0-
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?

   Không. STOP Quý vị không có trợ cấp an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.

   Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6 . . . . . 31.980
9. Nếu quý vị là:
   - Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập $32.000; hoặc
   - Độc thân, chủ gia đình, người góa vợ/chồng đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị **không sống cùng** vợ/chồng trong năm 2020, nhập $25.000 . . . . . 25.000

   Lưu ý. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của quý vị vào bất kỳ thời điểm nào năm 2020, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Thì hãy đến dòng 18.
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

    Không. STOP Quý vị không có quyền lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2020, hãy nhập "D" vào bên phải từ "quyền lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

    Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8 . . . . . 6.980
11. Nhập $12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc $9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người góa chồng/vợ đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng** vợ/chồng trong suốt năm 2020 . . . . . 9.000
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0- . . . . . -0-
13. Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 10 hoặc 11 . . . . . 6.980
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50) 3.490
15. Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 2 hoặc 14 . . . . . 2.990
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0- . . . . . -0-
17. Cộng dòng 15 với 16 . . . . . 2.990
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85) 5.083
19. **Quyền lợi chịu thuế.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b $2.990

Số liệu trên dòng 19 trong mẫu tính toán của George cho thấy $2.990 trong quyền lợi an sinh xã hội của ông phải chịu thuế. Trên dòng 6a của Mẫu 1040, George nhập quyền lợi ròng của mình là $5.980. Trên dòng 6b, ông nhập quyền lợi chịu thuế là $2.990.

Ví dụ 2. Ray và Alice Hopkins khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2020. Ray đã nghỉ hưu và nhận hưu bổng có tính thuế đầy đủ là $15.500. Ông cũng được hưởng trợ cấp an sinh xã hội, và Mẫu SSA-1099 cho năm 2020 của ông cho thấy quyền lợi ròng là $5.600 trong ô 5. Alice làm việc cả năm và có thù lao $14.000. Cô ấy đã thực hiện thanh toán được khấu trừ vào trương mục IRA của mình là $1.000 và không tham gia chương trình hưu trí tại cơ quan. Ray và Alice có hai tài khoản tiết kiệm với tổng thu nhập từ tiền lãi chịu thuế là $250. Họ hoàn thành Mẫu Tính Toán 1 phía dưới, nhập $29.750 ($15.500 + $14.000 + $250) vào dòng 3. Họ thấy không có quyền lợi an sinh xã hội nào của Ray phải chịu thuế. Trong Mẫu 1040, họ nhập $5.600 vào dòng 6a và -0- vào dòng 6b.

Mẫu Tính Toán 1 đã điền.
Tính Quyền Lợi Chịu Thuế

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của TẤT CẢ các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a $5.600
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50) 2.800
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7; và Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 9 . . . . . 29.750
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a . . . . -0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:
   - Quyền lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),
   - Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và
   - Thu nhập nhất định của cư dân có hảo ý tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico . . . . . -0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 . . . . 32.550
7. Nhập tổng các khoản vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 10b, Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 10 đến 19; và các điều chỉnh bằng văn bản quý vị đã nhập trên dòng chấm cạnh Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22 . . . . . 1.000
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?

   Không. STOP Quý vị không có trợ cấp an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.

   Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6 . . . . . 31.550
9. Nếu quý vị là:
   - Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập $32.000; hoặc
   - Độc thân, chủ gia đình, người góa vợ/chồng đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị **không sống cùng** vợ/chồng trong năm 2020, nhập $25.000 . . . . . 32.000

   Lưu ý. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của quý vị vào bất kỳ thời điểm nào năm 2020, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Thì hãy đến dòng 18.
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

    Không. STOP Quý vị không có quyền lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2020, hãy nhập "D" vào bên phải từ "quyền lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

    Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8 . . . . . _____

11. Nhập $12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc $9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người góa chồng/vợ đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng** vợ/chồng trong suốt năm 2020 . . . . . _____
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0- . . . . . _____
13. Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 10 hoặc 11 . . . . . _____
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50) . . . . . _____
15. Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 2 hoặc 14 . . . . . _____
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0- . . . . . _____
17. Cộng dòng 15 với 16 . . . . . _____
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85) . . . . . _____
19. **Quyền lợi chịu thuế.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b . . . . . _____

Ví dụ 3. Joe và Betty Johnson khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2020. Joe là công nhân đường sắt đã nghỉ hưu và năm 2020 hưởng một phần SSEB của quyền lợi hưu trí đường sắt bậc 1. Mẫu RRB-1099 của Joe ghi $10.000 trong ô 5. Betty là nhân viên nhà nước đã nghỉ hưu và nhận hưu bổng chịu thuế đầy đủ là $38.000. Họ có $2.300 thu nhập từ lãi chịu thuế cộng với $200 lãi trên một trái phiếu tiệt kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ. Lãi trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện để loại trừ. Họ sử dụng Mẫu Tính Toán 1, đặt ở phía dưới, để tính toán quyền lợi chịu thuế của mình. Do có trái phiếu tiệt kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ, họ làm theo lưu ý ở phần đầu ở mẫu tính toán và sử dụng số liệu ở dòng 2 Bản Khai B (Mẫu 1040) thuộc dòng 3 của mẫu tính toán thay vì số liệu trên dòng 2b của Mẫu 1040. Ở dòng 3 của mẫu tính toán, họ nhập $40.500 ($38.000 + $2.500).

Mẫu Tính Toán 1 đã điền.
Tính Quyền Lợi Chịu Thuế

Trước khi bắt đầu:

- Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2020, nhập "D" vào bên phải từ "quyền lợi" của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.
- Không dùng mẫu thanh toán này nếu quý vị đã hoàn trả các quyền lợi năm 2020 và tổng khoản hoàn trả (ô 4 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099) nhiều hơn tổng quyền lợi năm 2020 của quý vị (ô 3 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099). Không có quyền lợi nào của quý vị phải chịu thuế năm 2020. Để biết thêm thông tin, hãy xem mục *Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Quyền Lợi* ở phần sau.
- Nếu quý vị đang khai Mẫu 8815, Loại Trừ Lãi Từ Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ loạt EE và I Phát Hành Sau Năm 1989, không tính số liệu ở dòng 2b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR ở dòng 3 của mẫu tính toán này. Thay vào đó, tính số liệu trong Bản Khai B (Mẫu 1040), dòng 2.

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của TẤT CẢ các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a $10.000
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50) 5.000
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7; và Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 9 . . . . . 40.500
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a . . . . . -0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:
   - Quyền lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),
   - Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và
   - Thu nhập nhất định của cư dân có hảo ý tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico . . . . . -0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 . . . . . 45.500
7. Nhập tổng các khoản vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 10b, Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 10 đến 19; và các điều chỉnh bằng văn bản quý vị đã nhập trên dòng chấm cạnh Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22 . . . . . -0-
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?

   Không. STOP Quý vị không có trợ cấp an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.

   Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6 . . . . . 45.500
9. Nếu quý vị là:
   - Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập $32.000; hoặc
   - Độc thân, chủ gia đình, người góa vợ/chồng đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị **không sống cùng** vợ/chồng trong năm 2020, nhập $25.000 . . . . . 32.000

   Lưu ý. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của quý vị vào bất kỳ thời điểm nào năm 2020, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Thì hãy đến dòng 18.
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?

    Không. STOP Quý vị không có quyền lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng nhau** trong suốt năm 2020, hãy nhập "D" vào bên phải từ "quyền lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

    Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8 . . . . . 13.500
11. Nhập $12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc $9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người góa chồng/vợ đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và **không sống cùng** vợ/chồng trong suốt năm 2020 . . . . . 12.000
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0- 1.500
13. Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 10 hoặc 11 . . . . . 12.000
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50) 6.000
15. Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 2 hoặc 14 . . . . . 5.000
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0- 1.275
17. Cộng dòng 15 với 16 . . . . . 6.275
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85) 8.500
19. **Quyền lợi chịu thuế.** Nhập **số tiền nhỏ hơn** của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b $6.275

Hơn 50% quyền lợi của Joe phải chịu thuế do thu nhập ở dòng 8 của mẫu tính toán ($45.500) lớn hơn $44.000. (Xem *Phần chịu thuế tối đa* trong phần *Mức Chịu Thuế Là Bao Nhiêu*, được đề cập trước đó.) Joe và Betty nhập $10.000 vào Mẫu 1040, dòng 6a; và $6.275 vào Mẫu 1040, dòng 6b.

Các Khoản Khấu Trừ Liên Quan đến Quyền Lợi

Quý vị có thể có quyền khấu trừ một số tiền nhất định liên quan đến các quyền lợi được hưởng.

Thanh toán cho người khuyết tật. Có thể quý vị đã nhận khoản thanh toán cho người khuyết tật từ đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm mà quý vị đã kê vào thu nhập trong hồ sơ khai thuế của mình trong năm trước đó. Nếu quý vị được SSA hoặc RRB thanh toán một lần, và phải hoàn trả cho đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm khoản thanh toán cho người khuyết tật, quý vị có thể lấy khấu trừ từng khoản cho khoản thanh toán đã tính vào tổng thu nhập của năm trước đó. Nếu số tiền hoàn trả lớn hơn $3.000, quý vị có thể xin hoàn lại một tín thuế thay thế. Yêu cầu khoản khấu trừ hoặc khoản tín dụng theo cách tương tự được giải thích tại phần *Hoàn trả quyền lợi đã nhận một năm trước* trong phần *Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Quyền Lợi* tiếp theo.

Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Quyền Lợi

Trong một số trường hợp, Mẫu SSA-1099 hoặc Mẫu RRB-1099 sẽ thể hiện tổng thu nhập quý vị đã hoàn trả (ô 4) nhiều hơn tổng thu nhập (ô 3) quý vị nhận được. Nếu vậy, quyền lợi ròng của quý vị trong ô 5 sẽ là số âm (một con số trong ngoặc đơn) và không có quyền lợi nào của quý vị phải chịu thuế. Không dùng mẫu tính toán trong trường hợp này. Nếu nhận được nhiều hơn một mẫu, một số âm trong ô 5 của mẫu này được dùng để bù cho một số dương trong ô 5 của mẫu kia trong cùng năm đó.

Nếu có bất kỳ câu hỏi nào về số âm này, quý vị hãy liên hệ với *văn phòng SSA của địa phương* hoặc *văn phòng RRB khu vực*.

Hồ sơ khai thuế chung. Nếu quý vị và vợ/chồng khai thuế chung, và Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099 của quý vị có số âm trong ô 5, nhưng của vợ/chồng quý vị không có, lấy số tiền ở ô 5 trong mẫu của vợ/chồng trừ đi số tiền ở ô 5 trong mẫu của quý vị. Hãy làm vậy để tính quyền lợi ròng khi tính toán xem quyền lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Ví dụ: John và Mary khai thuế chung cho năm 2020. John nhận Mẫu SSA-1099 hiển thị $3.000 trong ô 5. Mary cũng nhận Mẫu SSA-1099 với số tiền trong ô 5 là ($500). John và Mary sẽ sử dụng $2.500 ($3.000 trừ $500) làm quyền lợi ròng của họ khi tính xem quyền lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Hoàn trả quyền lợi đã nhận một năm trước. Nếu tổng số tiền trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 là một số âm, quý vị có thể khấu trừ một phần số âm này biểu thị cho quyền lợi quý vị tính vào tổng thu nhập một năm trước đó nếu số tiền lớn hơn $3.000. Nếu con số ít hơn hoặc bằng $3.000, nó sẽ được xem là khoản khấu trừ từng khoản khác và không thể khấu trừ được nữa.

Khấu trừ trên $3.000. Nếu khoản khấu trừ trên $3.000, quý vị có thể tính thuế theo hai cách.

1. Tính thuế cho năm 2020 với khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16.
2. Tính thuế cho năm 2020 theo các bước sau.
   a. Tính thuế không có khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16.
   b. Đối với mỗi năm sau năm 1983 mà phần của số âm biểu thị quyền lợi đã hoàn trả, hãy tính lại các khoản quyền lợi chịu thuế của quý vị như thể tổng quyền lợi của quý vị trong năm đã bị giảm đi bằng đúng phần đó của số âm. Sau đó tính lại thuế của năm đó.
   c. Lấy (b) tổng số tiền thuế thực tế của quý vị trừ đi tổng số tiền thuế đã tính lại.
   d. Lấy kết quả ở (a) trừ kết quả ở (c).

So sánh tiền thuế tính theo hai cách 1 và 2. Thuế của quý vị năm 2020 là số nhỏ hơn trong hai số. Nếu cách 1 tính cho thuế ít hơn, hãy lấy khoản khấu trừ từng khoản trong Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16. Nếu cách 2 tính cho thuế ít hơn, yêu cầu hoàn lại tín thuế cho số tiền ở bước 2c ở trên trong Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 12d. Nhập "I.R.C. 1341" trên dòng để nhập. Nếu cả hai cách tính cho số thuế như nhau, khấu trừ khoản hoàn trả trong Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16.

8.

Thu nhập khác

Nhắc nhở

Trợ cấp thất nghiệp. Nếu quý vị đã nhận được trợ cấp thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G, Một Số Ngân Khoản Nhất Định Do Chính Phủ Chi Trả qua thư, có thể quý vị cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.

Giới thiệu

Quý vị phải khai báo vào hồ sơ khai thuế của mình tất cả các khoản thu nhập mà quý vị nhận được dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ trừ khi luật thuế quy định rằng quý vị không cần khai báo những khoản mục này vào hồ sơ khai thuế. Tuy nhiên, một số khoản mục chỉ được loại trừ một phần khỏi thu nhập. Chương này thảo luận về các loại thu nhập và xác định những thu nhập đó có phải chịu thuế hay không.

- Thu nhập chịu thuế phải được báo cáo trên hồ sơ khai thuế của quý vị và phải chịu thuế.
- Thu nhập không chịu thuế phải được báo cáo trên hồ sơ khai thuế của quý vị nhưng không phải chịu thuế.

Mở đầu chương là nội dung thảo luận về các khoản thu nhập dưới đây.

- Trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ.
- Nợ được hủy.
- Tiệc bán hàng mà quý vị là người tổ chức.
- Tiền bảo hiểm nhân thọ.
- Thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh.
- Thu nhập từ công ty S.
- Thu hồi (bao gồm tiền hoàn thuế thu nhập của tiểu bang).
- Tiền cho thuê tài sản cá nhân.
- Hoàn trả.
- Tiền bản quyền.
- Quyền lợi thất nghiệp.
- Trợ cấp xã hội và các quyền lợi trợ giúp công cộng khác.

Sau những chủ đề này là nội dung thảo luận ngắn gọn về các khoản thu nhập khác.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ❑ **504** Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân
- ❑ **523** Bán Nhà Của Quý Vị
- ❑ **525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- ❑ **544** Bán và Phát Mại Tài Sản Khác
- ❑ **547** Tổn Thất, Thiên Tai và Trộm Cắp
- ❑ **550** Thu Nhập Đầu Tư và Chi Phí
- ❑ **4681** Nợ Được Hủy, Tịch Biên, Thu Hồi, và Bãi miễn

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ

Trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ là hoạt động trao đổi tài sản hoặc dịch vụ. Quý vị phải khao báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản hoặc dịch vụ mà quý vị nhận được từ giao dịch trao đổi vào thu nhập của mình tại thời điểm nhận được. Nếu quý vị trao đổi dịch vụ với một người khác và cả hai đã đồng ý trước về giá trị của dịch vụ thì giá trị đó sẽ được coi là giá trị thị trường hợp lý trừ khi được chứng minh là không chính xác.

Quý vị thường báo cáo thu nhập này trên Bản Khai C (Mẫu 1040), Lãi Hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Kinh Doanh. Tuy nhiên, nếu giao dịch trao đổi liên quan tới loại hình khác ngoài dịch vụ, ví dụ như trong *Ví dụ 3* dưới đây, quý vị có thể phải sử dụng biểu mẫu hoặc bản khai khác để thay thế.

Ví dụ 1. Quý vị là luật sư tư doanh thực hiện các dịch vụ pháp lý cho khách hàng, một cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ. Doanh nghiệp gửi cho quý vị cổ phần chứng khoán của mình để thanh toán cho các dịch vụ đã sử dụng. Quý vị phải gộp giá trị thị trường hợp lý của cổ phần chứng khoán vào thu nhập của quý vị trên Bản Khai C (Mẫu 1040) trong năm quý vị nhận được.

Ví dụ 2. Quý vị đang tự kinh doanh và là thành viên của câu lạc bộ trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ. Câu lạc bộ sử dụng "đơn vị tín dụng" làm phương tiện trao đổi. Quý vị nhận được đơn vị tín dụng vào trương mục của mình cho hàng hóa hoặc dịch vụ mà quý vị cung cấp cho các thành viên, và quý vị có thể sử dụng số đơn vị tín dụng trên để mua hàng hóa hoặc dịch vụ do những thành viên khác trong câu lạc bộ cung cấp. Câu lạc bộ trừ các đơn vị tín dụng từ trương mục của quý vị khi quý vị nhận hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác. Quý vị phải tính vào thu nhập của mình giá trị của các đơn vị tín dụng được thêm vào trương mục, mặc dù quý vị có thể không thực sự nhận được hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác cho đến năm thuế sau đó.

Ví dụ 3. Quý vị đang sở hữu một tòa nhà chung cư nhỏ. Một nghệ sĩ tặng quý vị một tác phẩm nghệ thuật của mình để đổi lấy 6 tháng sử dụng căn hộ miễn phí. Quý vị phải báo cáo thu nhập cho thuê nhà trên Bản Khai E (Mẫu 1040), Thu Nhập và Tổn Thất Bổ Sung, đối với giá trị thị trường hợp lý của tác phẩm nghệ thuật và nghệ sĩ phải báo cáo thu nhập trên Bản Khai C (Mẫu 1040) đối với giá trị cho thuê hợp lý của căn hộ.

Mẫu 1099-B từ trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ. Nếu quý vị đã trao đổi tài sản hoặc dịch vụ thông qua sàn giao dịch trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ, Mẫu 1099-B, Tiền Thu Được Từ Giao Dịch Môi Giới Và Trao Đổi Hàng Hóa Hoặc Dịch Vụ, hay một bản kê tương tự từ sàn giao dịch trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ sẽ được gửi cho quý vị không muộn hơn ngày 16 tháng 2 năm 2021. Tài liệu này phải hiển thị giá trị tiền mặt, tài sản, dịch vụ, tín dụng hoặc bản

thảo mà quý vị nhận được từ giao dịch trao đổi trong năm 2020. Sở Thuế Vụ cũng sẽ nhận một bản sao của Mẫu 1099-B.

Nợ Được Hủy

Trong hầu hết các trường hợp, nếu khoản nợ của quý vị được hủy bỏ hay được bỏ qua, ngoài quà tặng hoặc di sản, quý vị phải tính số tiền được hủy vào thu nhập của quý vị. Quý vị không có thu nhập từ khoản nợ được hủy nếu khoản tiền đó được dành cho quý vị như quà tặng. Một khoản nợ bao gồm bất kỳ khoản nợ nào mà quý vị phải chịu trách nhiệm hoặc gắn liền với tài sản mà quý vị nắm giữ.

Nếu khoản nợ là khoản nợ phi kinh doanh, hãy báo cáo số tiền được hủy trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu đó là một khoản nợ kinh doanh, hãy báo cáo số tiền trên Bản Khai C (Mẫu 1040) (hoặc trên Bản Khai F (Mẫu 1040), Lãi Hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Nông Nghiệp, nếu nợ là nợ nông nghiệp và quý vị là nhà nông).

Mẫu 1099-C. Nếu cơ quan chính quyền liên bang, cơ quan tài chính hoặc công đoàn tín dụng hủy bỏ hoặc bỏ qua khoản nợ của quý vị từ $600 trở lên, quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-C, Hủy Nợ. Số tiền nợ được hủy được thể hiện trong ô 2.

Tiền lãi nằm trong nợ được hủy. Nếu bất kỳ khoản lãi nào được bỏ qua và được gộp trong nợ được hủy trong ô 2, thì số tiền lãi cũng sẽ được hiển thị trong ô 3. Việc quý vị có phải gộp phần lãi của khoản nợ được hủy vào thu nhập của qúy vị hay không phụ thuộc vào việc liệu khoản lãi đó có được khấu trừ khi quý vị thanh toán hay không. Xem *Nợ Có Thể Khấu Trừ* trong mục *Ngoại Lệ*.

Nếu tiền lãi không được khấu trừ (ví dụ lãi cho một khoản vay cá nhân), hãy gộp vào thu nhập của quý vị số tiền từ ô 2 của Mẫu 1099-C. Nếu tiền lãi được khấu trừ (ví dụ khoản vay kinh doanh), hãy gộp vào thu nhập của quý vị số tiền ròng của khoản nợ được hủy (số tiền được hiển thị trong ô 2 trừ đi số tiền lãi được trong hiển thị ô 3).

Nợ vay mua nhà được chiết khấu. Nếu cơ quan tài chính của quý vị đề nghị giảm giá cho khoản thanh toán sớm khoản vay thế chấp, số tiền giảm giá sẽ là nợ được hủy. Quý vị phải gộp số tiền đã hủy vào thu nhập của quý vị.

Giảm khoản nợ vay mua nhà khi bán hoặc phát mại khác. Nếu quý vị phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản nợ vay mua nhà (nợ truy đòi) và được giải chấp khi xử lý tài sản, quý vị có thể thu được lãi hoặc lỗ theo giá trị thị trường hợp lý của tài sản. Ngoài ra, trong phạm vi việc xóa bỏ khoản nợ vay mua nhà vượt quá giá trị thị trường hợp lý của tài sản, đây là thu nhập từ việc trả nợ trừ khi đủ điều kiện để loại trừ theo mục *Nợ được loại trừ*, được trình bày ở phần sau. Báo cáo bất kỳ thu nhập nào từ việc xóa bỏ khoản nợ phi kinh doanh không đủ điều kiện để loại trừ dưới dạng thu nhập khác trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Nếu quý vị không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản nợ vay mua nhà (nợ không truy đòi) và được giải chấp khi quý vị xử lý tài sản (ví dụ thông qua việc tịch thu tài sản), khoản tiền đền bù đó được gộp vào số tiền quý vị nhận được. Quý vị có thể có lợi nhuận chịu thuế nếu số tiền quý vị nhận được vượt quá giá trị cơ bản đã điều chỉnh trong tài sản. Báo cáo bất kỳ khoản lợi nhuận nào đối với tài sản phi kinh doanh dưới dạng lợi nhuận đầu tư.

Xem Ấn phẩm 4681 để tìm hiểu thêm thông tin.

Nợ cổ đông. Nếu quý vị là cổ đông trong một công ty và công ty hủy bỏ hoặc xóa nợ cho quý vị, khoản nợ được hủy là khoản phân phối ngầm hiểu mà thường là thu nhập cổ tức của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 542, Công ty.

Nếu quý vị là một cổ đông trong một công ty và hủy khoản nợ mà công ty nợ quý vị, quý vị thường không nhận được thu nhập. Bởi vì khoản nợ được hủy được coi như khoản đóng góp cho vốn của công ty bằng với số nợ gốc mà quý vị đã hủy.

Hoàn trả nợ được hủy. Nếu quý vị đã gộp số tiền được hủy vào thu nhập và sau đó trả nợ, quý vị có thể nộp đơn yêu cầu hoàn trả cho năm số tiền đã được gộp trong thu nhập. Quý vị có thể nộp đơn yêu cầu theo Mẫu 1040-X nếu vẫn còn thời hiệu nộp đơn yêu cầu. Thông thường, thời hiệu sẽ kết thúc sau 3 năm sau ngày đáo hạn của bản khai thuế ban đầu của quý vị.

Ngoại lệ

Có một vài ngoại lệ đối với việc đưa khoản nợ được hủy vào thu nhập. Những nội dung này sẽ được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản vay sinh viên. Một số khoản vay giáo dục có điều khoản quy định rằng tất cả hoặc một phần khoản nợ phải trả để theo học tại cơ sở giáo dục đủ điều kiện sẽ bị hủy bỏ nếu quý vị làm việc trong một thời gian cụ thể trong một số ngành nghề nhất định cho bất kỳ đơn vị sử dụng lao động nào.

Quý vị không có thu nhập nếu khoản vay giáo dục bị hủy sau khi quý vị đồng ý với điều khoản này và sau đó thực hiện các dịch vụ được yêu cầu. Để đủ điều kiện, khoản vay phải được thực hiện bởi:

1. Chính phủ liên bang, chính quyền tiểu bang hoặc địa phương hoặc một cơ quan phát hành, văn phòng hoặc phân ban của họ;
2. Một công ty cổ phần được miễn thuế quyền lợi công cộng đã nắm quyền kiểm soát một bệnh viện của tiểu bang, quận hay thành phố và nhân viên của họ được coi là nhân viên công quyền theo luật tiểu bang; hay
3. Một tổ chức giáo dục:
   a. Theo thỏa thuận với pháp nhân được mô tả trong (1) hoặc (2) đã cung cấp quỹ cho tổ chức để thực hiện khoản vay, hay
   b. Là một phần của chương trình của tổ chức được thiết kế để khuyến khích sinh viên của mình phục vụ trong các ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hay trong các lĩnh vực có nhu cầu chưa được đáp ứng và các dịch vụ trong đó là do sinh viên (hoặc sinh viên cũ) cung cấp hoặc theo sự chỉ đạo của cơ quan chính quyền hoặc tổ chức được miễn thuế được mô tả trong phần 501(c)(3).

Khoản vay để tái cấp vốn cho một khoản vay giáo dục đủ điều kiện cũng sẽ đủ điều kiện nếu nó được thực hiện bởi một tổ chức giáo dục hoặc một tổ chức được miễn thuế đủ điều kiện theo chương trình được thiết kế như mô tả trong mục 3b ở trên.

Hỗ trợ hoàn trả khoản vay giáo dục. Khoản hoàn trả khoản vay giáo dục được thực hiện bởi Chương Trình Trả Nợ Khoản Vay của Cơ Quan Dịch Vụ Y Tế Quốc Gia (NHSC Loan Repayment Program), một chương trình hoàn trả khoản vay giáo dục của tiểu bang đủ điều kiện cho các quỹ theo Đạo Luật Dịch Vụ Y Tế Công Cộng, hoặc bất kỳ chương trình hoàn trả khoản vay hoặc xóa bỏ khoản vay nào khác của tiểu bang được dự định để phục vụ cho tính khả dụng ngày càng tăng của các dịch vụ y tế ở các khu vực thiếu chuyên gia y tế hoặc khu vực không được phục vụ sẽ không bị đánh thuế.

Nợ có thể khấu trừ. Quý vị không có thu nhập từ việc hủy nợ nếu khoản thanh toán khoản nợ của quý vị được khấu trừ. Ngoại lệ này chỉ áp dụng nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt. Để biết thêm thông tin, xem chương 5 của Ấn phẩm 334, Hướng Dẫn Thuế cho Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ.

Giá được giảm sau khi mua hàng. Trong hầu hết các trường hợp, nếu người bán giảm số nợ quý vị phải trả cho bất động sản quý vị đã mua, quý vị sẽ không có thu nhập từ việc giảm giá. Việc giảm nợ được coi là điều chỉnh giá mua và giảm giá trị cơ bản của quý vị trong tài sản.

Nợ được loại trừ. Không gộp khoản nợ được hủy vào tổng thu nhập của quý vị trong các trường hợp sau.

- Khoản nợ được hủy trong một trường hợp vỡ nợ theo tiêu đề 11 của Bộ luật Hoa Kỳ. Xem Ấn phẩm 908, Hướng Dẫn Thuế Khi Vỡ Nợ.
- Khoản nợ sẽ được hủy khi quý vị phá sản. Tuy nhiên, quý vị không thể loại trừ bất kỳ nợ được hủy nào nhiều hơn số tiền quý vị mất khả năng thanh toán. Xem Ấn phẩm 908.
- Khoản nợ là nợ nông nghiệp đủ điều kiện và được hủy bỏ bởi một người có đủ điều kiện. Xem chương 3 của Ấn phẩm 225, Hướng Dẫn Thuế Cho Nông Dân.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ kinh doanh bất động sản. Xem chương 5 của Ấn phẩm 334.
- Việc hủy bỏ với mục đích làm quà tặng.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ nơi cư trú chính.

Nhân viên tổ chức hoặc Nữ nhân viên tổ chức

Nếu quý vị tổ chức một bữa tiệc hoặc sự kiện mà tại đó hoạt động bán hàng được thực hiện, bất kỳ món quà hoặc khoản tiền thưởng nào quý vị nhận được cho sự kiện đó đều là khoản thanh toán cho người bán trực tiếp bán hàng. Quý vị phải báo cáo mặt hàng này dưới dạng thu nhập theo giá trị thị trường hợp lý của nó.

Chi phí ngoài bữa tiệc của quý vị phải tuân theo giới hạn 50% cho chi phí ăn uống. Đối với các năm tính thuế từ 2018 đến 2025, không được phép khấu trừ bất kỳ khoản chi phí nào liên quan đến các hoạt động được coi là tiêu khiển, vui chơi hoặc giải trí. Người đóng thuế có thể tiếp tục khấu trừ 50% chi phí bữa ăn kinh doanh nếu người đóng thuế (hoặc nhân viên của người đóng thuế) có mặt và thực phẩm hoặc đồ uống không được coi là xa hoa hoặc hoang phí. Các bữa ăn có thể được phục vụ cho khách hàng doanh nghiệp hiện tại hoặc tiềm năng, khách hàng, nhà tư vấn hoặc người liên hệ kinh doanh tương tự. Thực phẩm và đồ uống được phục vụ trong các sự kiện giải trí sẽ không được coi là mang tính giải trí nếu được mua riêng ngoài sự kiện.

Để tìm hiểu thêm thông tin về giới hạn 50% cho chi phí bữa ăn, tham khảo Ấn phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng Và Ô Tô.

Tiền Bảo hiểm Nhân thọ

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho quý vị vì người được bảo hiểm qua đời sẽ không phải chịu thuế trừ khi hợp đồng bảo hiểm được chuyển cho quý vị với một mức giá cụ thể. Điều này đúng ngay cả khi tiền thu được thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe hoặc hợp đồng hỗn hợp. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi được nhận từ tiền bảo hiểm nhân thọ có thể bị đánh thuế.

Tiền được nhận không trả góp. Nếu tiền tử tuất được trả cho quý vị một lần hoặc khác với định kỳ, chỉ tính vào thu nhập của qúy vị quyền lợi mà nó nhiều hơn số tiền phải trả tại thời điểm người được bảo hiểm qua đời. Nếu quyền lợi bồi thường tử vong không được nêu rõ, quý vị sẽ gộp vào thu nhập của quý vị khoản thanh toán quyền lợi nhiều hơn giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tại thời điểm có sự kiện qua đời.

Tiền được nhận trả góp. Nếu quý vị nhận tiền bảo hiểm nhân thọ theo từng đợt, quý vị có thể loại trừ một phần của khoản thanh toán theo từng đợt khỏi thu nhập của quý vị.

Để xác định phần bị loại trừ, hãy chia số tiền mà công ty bảo hiểm nắm giữ (thường là tổng số tiền phải trả một lần khi người được bảo hiểm qua đời) cho số lần trả góp. Tính bất cứ điều gì trên phần bị loại trừ này vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lãi.

Người vợ/chồng còn lại. Nếu người vợ/chồng của quý vị qua đời trước ngày 23 tháng 10 năm 1986 và số tiền bảo hiểm được trả vì cái chết của vợ/chồng của quý vị được nhận theo từng đợt, quý vị có thể loại trừ tiền lãi lên đến $1.000 một năm theo từng đợt. Nếu quý vị tái hôn, quý vị có thể tiếp tục thực hiện trường hợp loại trừ.

Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt. Nếu quý vị giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt, quý vị phải tính vào thu nhập bất kỳ khoản tiền nhận được mà nhiều hơn chi phí của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Trong hầu hết các trường hợp, chi phí của quý vị (hay khoản đầu tư vào hợp đồng) là tổng số phí bảo hiểm mà quý vị đã trả theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, trừ đi mọi khoản phí bảo hiểm được hoàn lại, khoản giảm giá, cổ tức hay các khoản cho vay chưa thanh toán không được gộp trong thu nhập của quý vị.

Quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-R thể hiện tổng số tiền thu được và phần chịu thuế. Báo cáo số tiền này trên dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, xem mục *Tiền Bảo hiểm Nhân thọ* trong Ấn phẩm 525.

Tiền Thu Được Từ Hợp Đồng Bảo Hiểm Hỗn Hợp

Hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp là một hợp đồng mà theo đó quý vị được trả một số tiền cụ thể vào một ngày nhất định trừ khi quý vị chết trước ngày đó, trong trường hợp đó, số tiền được trả cho người thụ hưởng được chỉ định của quý vị. Tiền từ hợp đồng trên được trả một lần cho quý vị khi đáo hạn chỉ bị đánh thuế nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí của hợp đồng. Để xác định chi phí, hãy trừ bất kỳ số tiền nào mà quý vị đã nhận trước đó theo hợp đồng và loại trừ thu nhập của quý vị khỏi tổng phí bảo hiểm (hoặc trường hợp khác) đã trả cho hợp đồng. Tính vào thu nhập của quý vị phần thanh toán một lần nhiều hơn chi phí của quý vị.

Quyền Lợi Bồi Thường Tử Vong Trả Trước

Một số khoản tiền nhất định được thanh toán như quyền lợi bồi thường tử vong trả trước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ trước khi người được bảo hiểm qua đời sẽ bị loại trừ khỏi thu nhập nếu người được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc mãn tính.

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Đây là việc mua bán hoặc chuyển nhượng bất kỳ phần nào của quyền lợi bồi thưởng tử vong theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ thường xuyên tham gia vào hoạt động kinh doanh mua bán hoặc nhận chuyển nhượng các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho những cá nhân được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc bệnh mãn tính và đáp ứng các yêu cầu của mục 101 (g) (2) (B) của Luật Thuế Vụ.

Loại trừ đối với bệnh giai đoạn cuối. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước hoàn toàn có thể được loại trừ nếu người được bảo hiểm là người bệnh giai đoạn cuối. Đây là người đã được bác sĩ chứng nhận là mắc bệnh hoặc có tình trạng thể chất có thể dẫn đến tử vong một cách hợp lý trong vòng 24 tháng kể từ ngày được xác nhận.

Loại trừ đối với bệnh mãn tính. Nếu người được bảo hiểm là cá nhân bị bệnh mãn tính không phải giai đoạn cuối, có thể loại trừ hoàn toàn quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí phát sinh cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả mỗi lần hoặc chu kỳ khác được loại trừ đến một giới hạn. Đối với năm 2020, hạn mức là $380. Quy định áp dụng cho tổng quyền lợi bồi thưởng tử vong trả trước và bất kỳ khoản thanh toán theo kỳ nào nhận được từ các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Để tìm hiểu thông tin về hạn mức và định nghĩa của cá nhân bị bệnh mãn tính, dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều hiện và hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo *Hợp đồng Bảo hiểm Chăm sóc Dài hạn* trong mục *Trợ cấp Ốm đau và Thương tật* trong Ấn phẩm 525.

Trường hợp ngoại lệ. Loại trừ không áp dụng cho bất kỳ số tiền nào trả cho một người (không phải người được bảo hiểm) có quyền lợi được bảo hiểm trong cuộc đời của người được bảo hiểm vì người được bảo hiểm:

- Là giám đốc, lãnh đạo cấp cao hoặc nhân viên của người đó; hoặc
- Có lợi ích tài chính trong hoạt động kinh doanh của người đó.

Mẫu 8853. Để yêu cầu loại trừ quyền lợi bồi thưởng tử vong trả trước được thực hiện mỗi lần hoặc theo chu kỳ khác, quý vị phải nộp Mẫu 8853, Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA và Hợp đồng Bảo hiểm Chăm sóc Dài hạn, kèm theo hồ sơ khai thuế i của quý vị. Quý vị không cần phải nộp Mẫu 8853 để loại trừ quyền lợi bồi thưởng tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Nhân Viên An Ninh Công Cộng chết hoặc bị thương trong nhiệm vụ

Vợ/chồng, vợ/chồng cũ và con của một nhân viên an ninh công cộng bị giết trong khi thi hành công vụ có thể loại bỏ tra khỏi tổng thu nhập khoản quyền lợi cho người còn sống được nhận từ chương trình mục 401 (a) của chính quyền tri ân cho sự phục vụ cuả nhân viên. Xem phần 101(h).

Một nhân viên an ninh công cộng bị tàn tật vĩnh viễn và toàn bộ hay chết trong quá trình thi hành công vụ và vợ/chồng hay con còn sống có thể loại khỏi thu nhập khoản tiền tử tuất hay quyền lợi cho người khuyết tật được nhận từ Cục Hỗ trợ Tư pháp liên bang hoặc tiền tử tuất do chương trình của tiểu bang trả. Xem phần 104(a)(6).

Vì mục đích này, thuật ngữ "nhân viên an ninh công cộng" bao gồm các nhân viên thi hành pháp luật, lính cứu hỏa, tuyên úy và đội cứu hộ và thành viên đội cứu thương. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 559, Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý.

Thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh

Doanh nghiệp theo hình thức hợp tác kinh doanh thường không phải là thực thể chịu thuế. Thu nhập, lãi, lỗ, khấu trừ và tín thuế của Doanh nghiệp theo hình thức hợp tác kinh doanh được chuyển cho các đối tác dựa trên tỷ lệ phân phối của mỗi đối tác trong các khoản này.

Bản Khai K-1 (Mẫu 1065). Mặc dù đoanh nghiệp theo hình thức hợp tác kinh doanh thường không trả thuế, nhưng phải khai báo thông tin trên Mẫu 1065, Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập Từ Hình Thức Hợp Tác Kinh Doanh Tại Hoa Kỳ và gửi Bản Khai K-1 (Mẫu 1065) cho từng người góp vốn. Ngoài ra, doanh nghiệp theo hình thức hợp tác kinh doanh sẽ gửi cho mỗi người góp vốn một bản sao của Hướng Dẫn Dành Cho Người Góp Vốn trên Bản Khai K-1 (Mẫu 1065) để giúp người góp vốn báo cáo thu nhập, khoản khấu trừ, tín thuế và các khoản ưu đãi thuế của người góp vốn.

RECORDS Giữ Bản Khai K-1 (Mẫu 1065). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị, trừ khi quý vị được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về hình thức hợp tác kinh doanh, tham khảo Ấn phẩm 541, Hình thức hợp tác kinh doanh.

Hợp tác kinh doanh đủ điều kiện. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị đều tham gia với tư cách là thành viên duy nhất của một coanh nghiệp chung cùng sở hữu và điều hành, và quý vị khai thuế chung cho năm tính thuế, quý vị có thể thực hiện thanh toán chung một lần để được coi là một doanh nghiệp hợp tác kinh doanh chung đủ điều kiện. Để thực hiện điều này, quý vị phải phân chia tất cả các khoản thu nhập, lãi, lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế cho công việc kinh doanh giữa quý vị và vợ/chồng của quý vị sao cho phù hợp với lợi ích tương ứng của quý vị trong hợp tác kinh doanh. Để biết thêm thông tin về cách thực hiện thanh toán và (các) Bản khai để nộp, hãy tham khảo hướng dẫn cho hồ sơ khai thuế cá nhân của quý vị.

Thu nhập từ Công ty S

Trong hầu hết các trường hợp, công ty S không trả thuế trên thu nhập của mình. Thay vào đó, thu nhập, khoản lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế của công ty được chuyển cho các cổ đông dựa trên tỷ lệ cổ phần của mỗi cổ đông.

Bản Khai K-1 (Mẫu 1120-S). Công ty S phải nộp hồ sơ khai thuế trên Mẫu 1120-S, Hồ sơ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho công ty S và gửi Bản Khai K-1 (Mẫu 1120-S) cho từng cổ đông. Ngoài ra, công ty S sẽ gửi cho mỗi cổ đông bản sao Hướng dẫn dành cho Cổ đông trên Bản Khai K-1 (Mẫu 1120-S) để giúp mỗi cổ đông báo cáo phần thu nhập, thua lỗ, tín dụng, và các khoản khấu trừ của họ.

RECORDS Giữ Bản Khai K-1 (Mẫu 1120-S). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị, trừ khi quý vị được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về công ty S và các cổ đông, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1120-S.

Thu hồi

Thu hồi là việc trả lại số tiền mà quý vị được khấu trừ hoặc ghi tín dụng trong một năm trước đó. Các khoản thu hồi phổ biến nhất là tiền hoàn thuế, bồi hoàn và hoàn trả khấu trừ từng khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040). Quý vị cũng có thể thu hồi khấu trừ không theo khoản (ví dụ khoản thanh toán cho khoản nợ khó đòi đã khấu trừ trước đó) và thu hồi các khoản mà quý vị đã yêu cầu tín thuế trước đó.

Quy tắc nguồn lợi từ việc đóng thuế. Quý vị phải gộp khoản thu hồi vào thu nhập trong năm quý vị nhận được lên đến số tiền được khấu trừ hoặc ghi tín thuế cho số tiền được thu hồi đã giảm thuế của quý vị trong năm trước đó. Vì mục đích này, bất kỳ khoản gia tăng nào đối với số tiền được chuyển sang năm hiện tại do khấu trừ hoặc ghi tín dụng đều được coi là đã được giảm thuế của quý vị trong năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 525.

Hoàn thuế thu nhập liên bang. Khoản hoàn trả thuế thu nhập liên bang không được gộp trong thu nhập của quý vị vì chúng không bao giờ được phép khấu trừ vào thu nhập.

Hoàn thuế tiểu bang. Nếu quý vị nhận được khoản hoàn thuế thu nhập của tiểu bang hoặc địa phương (hay tín thuế hay khoản bù trừ) vào năm 2020, quý vị thường phải gộp khoản đó vào thu nhập nếu quý vị đã khấu trừ thuế trong một năm trước đó. Bên thanh toán phải gửi Mẫu 1099-G, Một Số Ngân Khoản Nhất Định Do Chính Phủ Chi Trả, cho quý vị trước ngày 1 tháng 2 năm 2021. Sở Thuế Vụ cũng sẽ nhận được một bản sao của Mẫu 1099-G. Nếu quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, sử dụng Mẫu tính toán hoàn thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương trong Hướng dẫn năm 2020 cho Bản Khai 1 (Mẫu 1040) để tính số tiền (nếu có) cần gộp vào thu nhập của quý vị. Xem Ấn phẩm 525 để tìm hiểu trong trường hợp nào quý vị phải sử dụng mẫu khác.

Nếu quý vị có thể chọn khấu trừ cho một năm thuế:

- Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, hoặc
- Thuế bán hàng chung của tiểu bang và địa phương, thì

số tiền hoàn thuế tối đa mà quý vị có thể phải gộp vào thu nhập được giới hạn để vượt quá số thuế quý vị đã chọn khấu trừ cho năm đó so với số thuế quý vị không chọn khấu trừ cho năm đó. Để xe ví dụ, tham khảo Ấn phẩm 525.

Hoàn thuế từ tiền lãi của nợ vay mua nhà. Nếu quý vị đã nhận được khoản hoàn thuế hay tín thuế vào năm 2020 của tiền lãi của nợ vay mua nhà đã trả trong một năm trước đó, số tiền sẽ được hiển thị trong ô 4 của Mẫu 1098 của quý vị, Bản Kê Tiền Lãi Nợ Vay Mua Nhà. Không trừ số tiền hoàn thuế vào tiền lãi quý vị đã trả trong năm 2020. Quý vị có thể phải gộp nó vào thu nhập theo các quy tắc được giải thích trong các cuộc thảo luận sau đây.

Lãi từ khoản thu hồi. Tiền lãi đối với bất kỳ số tiền nào quý vị hoàn trả phải được báo cáo là thu nhập từ tiền lãi trong năm nhận được. Ví dụ: báo cáo bất kỳ khoản lãi nào quý vị đã nhận trên khoản hoàn thuế thu nhập của tiểu bang hoặc địa phương trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2b.

Thu hồi và chi phí trong cùng một năm. Nếu khoản hoàn thuế hay khoản thu hồi khác và chi phí phát sinh trong cùng một năm, khoản thu hồi đó sẽ làm giảm khoản khấu trừ hoặc tín thuế và không được coi là thu nhập.

Thu hồi cho 2 hay nhiều hơn 2 năm. Nếu quý vị nhận được tiền hoàn thuế hoặcthu hồi khác cho số tiền đã trả trong 2 năm riêng biệt trở lên, quý vị phải phân phối, trên cơ sở giá trị cơ bản, số tiền thu hồi giữa các năm quý vị đã thanh toán. Sự phân phối này cần thiết để xác định số tiền thu hồi từ bất kỳ năm nào trước đó và xác định khoản khấu trừ được phép của quý vị cho mục này cho năm hiện tại, nếu có. Để tìm hiểuthông tin về cách tính phân bổ, tham khảo mục *Thu hồi* trong Ấn phẩm 525.

Thu Hồi Khấu Trừ Từng Khoản

Nếu quý vị thu hồi bất kỳ số tiền nào đã được khấu trừ trong một năm trước đó trên Bản khai A (Mẫu 1040), quý vị phải gộp toàn bộ số tiền thu hồi vào thu nhập trong năm quý vị nhận nó.

Nơi báo cáo. Nhập tiền hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 1 và tổng tất cả các khoản thu hồi khác dưới dạng thu nhập khác trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Hạn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Quý vị được phép yêu cầu mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn nếu quý vị không khấu trừ từng khoản. Chỉ các khoản khấu trừ từng khoản nhiều hơn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị mới thực hiện theo quy tắc thu hồi (trừ khi quý vị được yêu cầu phải liệt kê chi tiết khoản khấu trừ của quý vị). Nếu tổng khoản khấu trừ của quý vị trên bản khai thuế của năm trước không nhiều hơn thu nhập của quý vị trong năm đó, hãy tính vào thu nhập của quý vị trong năm nay phần nhỏ hơn:

- Khoản thu hồi của quý vị, hoặc
- Số tiền mà các khoản khấu trừ từng khoản của quý vị đã vượt quá mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn.

Ví dụ: Vào năm 2019, quý vị đã nộp hồ sơ khai thuế chung. Thu nhập chịu thuế của quý vị là $60.000 và quý vị không được hưởng bất kỳ khoản tín thuế nào. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị là $24.400 và quý vị đã khấu trừ từng khoản là $26.200. Vào năm 2020, quý vị đã nhận được các khoản thu hồi sau đây cho số tiền đã khấu trừ trên hồ sơ Khai thuế năm 2019 của quý vị.

Chi phí y tế	$200
Hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương	400
Hoàn thuế của tiền lời của nợ vay mua nhà	325
Tổng số thu hồi	$925

Không có khoản thu hồi nào nhiều hơn khoản khấu trừ được thực hiện cho năm 2019. Chênh lệch giữa thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương mà quý vị được khấu trừ và thuế tiêu thụ tổng quát tại địa phương của quý vị là hơn $400.

Tổng số tiền thu hồi của quý vị nhỏ hơn số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của quý vị đã vượt quá mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn ($26.200 – $24.400 = $1.800), vì vậy quý vị phải gộp tổng số tiền thu hồi vào thu nhập của quý vị cho năm 2020. Báo cáo hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương $400 trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 1, và số dư các khoản thu hồi của quý vị, $525, trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho những năm trước. Để xác định xem số tiền hoàn trả trong năm hiện tại có phải được tính trong thu nhập của quý vị hay không, quý vị phải biết mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho tình trạng Khai thuế của quý vị cho năm khoản khấu trừ được yêu cầu. Xem hướng dẫn cho hồ sơ khai thuế của quý vị từ những năm trước để tìm mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho tình trạng khai thuế trong năm trước đó.

Ví dụ: Quý vị đã khai thuế chung trên Mẫu 1040 cho năm 2019 với thu nhập chịu thuế là $45.000. Khoản khấu trừ từng khoản của quý vị là $24.550. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn mà quý vị có thể đã yêu cầu là $24.400. Vào năm 2020, quý vị đã hoàn trả được $2.100 từ các khoản khấu trừ từng khoản trong năm 2019 của quý vị. Không có khoản thu hồi nào nhiều hơn khoản khấu trừ thực tế cho năm 2019. Tính $150 tiền thu hồi vào thu nhập năm 2020 của quý vị. Đây là số tiền nhỏ hơn giữa số tiền thu hồi của quý vị ($2.100) và số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của quý vị nhiều hơn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn ($24.550 - $24.400 = $150).

Khoản thu hồi giới hạn ở mức khấu trừ thuế. Quý vị không tính vào thu nhập của quý vị bất kỳ khoản thu hồi nào nhiều hơn số tiền quý vị được khấu trừ trong năm trước đó. Số tiền quý vị tính trong thu nhập của quý vị được giới hạn ở mức nhỏ hơn:

- Số tiền được khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040), hoặc
- Số tiền được hoàn trả.

Ví dụ: Trong suốt năm 2019, quý vị đã thanh toán $1.700 cho chi phí y tế. Trong số tiền này, quý vị đã khấu trừ $200 trên Bản Khai A năm 2019 (Mẫu 1040). Vào năm 2020, quý vị đã nhận được khoản hoàn trả $500 từ bảo hiểm y tế cho các chi phí năm 2019 của quý vị. Số tiền hoàn lại $500 duy nhất phải được tính trong thu nhập của quý vị cho năm 2020 là $200- số tiền thực sự được khấu trừ.

Khoản thu hồi khác. Xem *Thu hồi* trong Ấn phẩm 525 nếu:

- Quý vị có khoản thu hồi từ các mặt hàng khác với các khoản khấu trừ từng khoản mục hoặc
- Quý vị đã nhận được khoản thu hồi cho một mặt hàng mà quý vị đã yêu cầu tín thuế (trừ tín dụng đầu tư hoặc tín thuế từ nước ngoài) trong năm trước.

Tiền Cho Thuê Tài Sản Cá Nhân

Nếu quý vị cho thuê tài sản cá nhân, ví dụ như thiết bị hoặc xe cộ, cách quý vị báo cáo thu nhập và chi phí của quý vị trong hầu hết các trường hợp được xác định bởi:

- Hoạt động cho thuê có phải là hoạt động kinh doanh hay không, và
- Hoạt động cho thuê có được thực hiện để thu lợi nhuận hay không.

Trong hầu hết các trường hợp, nếu mục đích chính của quý vị là thu nhập hoặc lợi nhuận và quý vị liên quan đến hoạt động cho thuê với tính liên tục và thường xuyên thì hoạt động cho thuê của quý vị là một hoạt động kinh doanh. Xem Ấn phẩm 535, Chi phí Kinh doanh, để tìm hiểu chi tiết về việc khấu trừ chi phí cho cả hoạt động kinh doanh và hoạt động phi lợi nhuận.

Báo cáo thu nhập và chi phí kinh doanh. Nếu quý vị đang kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân, hãy báo cáo thu nhập và chi phí của quý vị trên Bản Khai C (Mẫu 1040). Hướng dẫn mẫu có thông tin về cách hoàn thành chúng.

Báo cáo thu nhập phi kinh doanh. Nếu quý vị không kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân, hãy báo cáo thu nhập cho thuê nhà của quý vị trên Mẫu Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Liệt kê loại và số tiền thu nhập vào dòng chấm bên cạnh dòng 8.

Báo cáo chi phí phi kinh doanh. Nếu quý vị cho thuê tài sản cá nhân vì lợi nhuận, hãy gộp chi phí thuê của quý vị trong tổng số tiền quý vị nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22 và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Nếu quý vị không cho thuê tài sản cá nhân vì lời nhuận, khoản khấu trừ của quý vị bị giới hạn và quý vị không thể báo cáo khoản lỗ để bù trừ thu nhập khác. Xem *Hoạt động không vì lợi nhuận* trong mục *Thu nhập Khác* ở phần sau.

Hoàn trả

Nếu quý vị phải hoàn trả một số tiền mà quý vị đã gộp trong thu nhập trong một năm trước đó, quý vị có thể khấu trừ số tiền đã được hoàn trả khỏi thu nhập cho năm mà quý vị đã hoàn trả. Hay, nếu số tiền quý vị hoàn trả nhiều hơn $3.000, quý vị có thể được khấu trừ thuế cho năm mà quý vị đã hoàn trả. Nói chung, quý vị chỉ có thể yêu cầu khấu trừ hoặc ghi tín thuế nếu khoản hoàn trả đủ điều kiện là một khoản chi phí hoặc tổn thất phát sinh trong giao dịch hoặc kinh doanh của quý vị hoặc trong một giao dịch vì lợi nhuận.

Loại khấu trừ. Loại khấu trừ quý vị được phép sử dụng trong năm hoàn trả phụ thuộc vào loại thu nhập quý vị đã tính trong năm trước đó. Quý vị thường khấu trừ khoản hoàn trả theo cùng một hình thức hoặc bản khai mà trước đây quý vị đã báo cáo là thu nhập. Ví dụ: nếu quý vị đã báo cáo đó là thu nhập tự doanh, hãy khấu trừ nó như một chi phí kinh doanh trên Bản Khai C (Mẫu 1040) hoặc Bản Khai F (Mẫu 1040). Nếu quý vị đã báo cáo đó là lợi nhuận đầu tư, hãy khấu trừ đó như là khoản lỗ vốn được giải thích trong Hướng dẫn cho Bản Khai D (Mẫu 1040). Nếu quý vị đã báo cáo nó dưới dạng tiền lương, tiền trợ cấp thất nghiệp hoặc thu nhập phi kinh doanh khác, quý vị có thể khấu trừ nó như một khoản khấu trừ từng khoản khác nếu số tiền hoàn trả trên $3.000.

CAUTION *Bắt đầu từ năm 2018, quý vị không còn có thể yêu cầu bất kỳ khoản khấu trừ từng khoản linh tinh nào nữa, vì vậy nếu số tiền được hoàn trả từ $3.000 trở xuống, quý vị sẽ không thể khấu trừ số tiền đó vào thu nhập trong năm quý vị hoàn trả.*

Các quyền lợi an sinh xã hội được hoàn trả. Nếu quý vị hoàn trả trợ cấp an sinh xã hội hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt tương đương, tham khảo mục *Hoàn trả trợ cấp* ở chương 7.

.Hoàn trả từ $3.000 trở xuống. Nếu số tiền quý vị hoàn trả từ $3.000 trở xuống, hãy khấu trừ số tiền đó vào thu nhập của quý vị trong năm quý vị hoàn trả.

Hoàn trả trên $3.000. Nếu quý vị hoàn trả trên $3.000, quý vị có thể khấu trừ tiền hoàn trả như một khoản khấu trừ từng khoản khác trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu quý vị tính thu nhập theo quyền yêu cầu. Điều này có nghĩa là tại thời điểm quý vị tính thu nhập, có vẻ như quý vị có quyền không hạn chế đối với thu nhập đó. Tuy nhiên, quý vị có thể chọn lấy tín thuế trong năm hoàn trả. Tính thuế của quý vị theo cả hai phương pháp và so sánh kết quả. Sử dụng phương pháp (khấu trừ hoặc ghi tín dung) phải trả ít thuế hơn.

CAUTION *Khi xác định xem số tiền quý vị đã hoàn trả nhiều hơn hoặc ít hơn $3.000, hãy xem xét tổng số tiền được trả khi hoàn trả. Mỗi trường hợp hoàn trả không được xem xét riêng biệt.*

Phương pháp 1. Tính thuế của quý vị cho năm 2020 yêu cầu khấu trừ cho số tiền đã hoàn trả. Nếu quý vị khấu trừ nó như một khoản khấu trừ từng khoản khác, hãy nhập nó vào Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16.

Phương pháp 2. Xác định thuế của quý vị cho năm 2020 yêu cầu tín dụng cho số tiền đã hoàn trả. Thực hiện theo các bước.

1. Tính thuế của quý vị cho năm 2020 mà không khấu trừ số tiền đã trả.
2. Xác định thuế của quý vị từ năm trước mà không tính vào thu nhập số tiền quý vị đã hoàn trả vào năm 2020.
3. Trừ khoản thuế (2) vào tiền thuế ghi trên tờ khai của quý vị cho năm trước. Đây chính là khoản tín thuế.
4. Trừ kết quả ở ((3) khỏi thuế cho năm 2020 được tính mà không có khấu trừ (bước 1).

Nếu phương pháp 1 dẫn đến việc trả ít thuế hơn, hãy khấu trừ số tiền đã hoàn trả. Nếu phương pháp 2 dẫn đến trả ít thuế hơn, hãy yêu cầu khoản tín dụng được nêu trong (3) ở trên Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 12d, bằng cách cộng số tiền tín thuế vào bất kỳ khoản tín thuế nào khác trên dòng này và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Có thể tìm ví dụ về tính toán này trong Ấn phẩm 525.

Tiền lương được hoàn trả phải chịu thuế an sinh xã hội và Medicare. Nếu quý vị đã phải trả lại một số tiền mà quý vị đã gộp trong tiền lương hoặc tiền trợ cấp của quý vị trong một năm trước đó mà các khoản thuế an sinh xã hội, Medicare hoặc RRTA bậc 1 đã được trả, hãy yêu cầu đơn vị sử dụng lao động hoàn lại số tiền vượt quá cho quý vị. Nếu đơn vị sử dụng lao động từ chối hoàn lại thuế, hãy yêu cầu một bản kê khai cho biết số tiền thu thừa để hỗ trợ cho yêu cầu của quý vị. Nộp đơn yêu cầu hoàn trả bằng cách sử dụng Mẫu 843, Yêu cầu Hoàn trả và Đề nghị bãi bỏ.

Tiền lương được hoàn trả phải chịu Thuế Medicare Bổ sung. Đơn vị sử dụng lao động không thể thực hiện điều chỉnh hoặc nộp đơn yêu cầu hoàn lại khấu lưu Thuế Medicare Bổ sung khi có khoản hoàn trả tiền lương mà nhân viên đã nhận trong năm trước vì nhân viên xác định trách nhiệm đối với Thuế Medicare Bổ sung trên hồ sơ khai thuế thu nhập của nhân viên đối với năm trước. Nếu quý vị phải hoàn trả một số tiền mà quý vị đã tính trong tiền lương hoặc tiền trợ cấp của quý vị trong một năm trước đó, và trên đó Thuế Medicare Bổ sung đã được trả, quý vị có thể lấy lại Thuế Medicare Bổ sung đã trả trên số tiền đó. Để thu hồi Thuế Medicare Bổ sung đối với tiền lương hoặc tiền trợ cấp đã hoàn trả, quý vị phải nộp Mẫu 1040-X, Hồ Sơ Thuế Thu Nhập Cá Nhân Hoa Kỳ Điều Chỉnh, cho năm trước mà tiền lương hoặc tiền trợ cấp được nhận. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền từ bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản dầu, khí đốt và khoáng sản bị đánh thuế như thu nhập thông thường.

Trong hầu hết các trường hợp, quý vị báo cáo tiền bản quyền trong Phần I của Bản Khai E (Mẫu 1040). Tuy nhiên, nếu quý vị nắm giữ lợi nhuận kinh doanh dầu, khí đốt hoặc khoáng sản hoặc đang kinh doanh với tư cách là nhà văn, nhà phát minh, nghệ sĩ tự làm chủ, v.v..., hãy báo cáo thu nhập và chi phí của quý vị trên Bản Khai C (Mẫu 1040).

Bản quyền và bằng sáng chế. Tiền bản quyền từ bản quyền đối với các tác phẩm văn học, âm nhạc hoặc nghệ thuật và tài sản tương tự, hoặc từ các bằng sáng chế về phát minh, là số tiền trả cho quý vị để có quyền sử dụng tác phẩm của quý vị trong một khoảng thời gian nhất định. Tiền bản quyền nói chung dựa trên số lượng đơn vị đã bán, ví dụ như số lượng sách, vé xem buổi biểu diễn hoặc máy móc được bán.

Dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản. Thu nhập bản quyền từ tài sản dầu, khí đốt và khoáng sản là số tiền quý vị nhận được khi tài nguyên thiên nhiên được khai thác từ tài sản của quý vị. Tiền bản quyền dựa trên đơn vị, chẳng hạn như thùng, tấn, v.v, và được trả cho quý vị bởi một người hay công ty thuê tài sản từ quý vị.

Hao hụt. Nếu quý vị là chủ của lợi nhuận kinh tế đối với các mỏ khoáng sản hay giếng dầu và khí đốt, quý vị có thể thu hồi khoản đầu tư thông qua khoản trợ cấp hao hụt. Để biết thêm thông tin về chủ đề này, tham khảo chương 9 của Ấn phẩm 535.

Than và quặng sắt. Trong một số trường hợp nhất định, quý vị có thể coi số tiền quý vị nhận được từ việc xử lý than và quặng sắt là khoản thanh toán từ việc bán tài sản vốn chứ không phải là thu nhập bản quyền. Để biết thêm thông tin về lãi hoặc lỗ từ tiêu thụ than và quặng sắt, tham khảo chương 2 của Ấn phẩm 544.

Mua bán lãi từ tài sản. Nếu quý vị bán toàn bộ lợi nhuận của quý vị đối với dầu, khí đốt hoặc quyền khoáng sản, số tiền quý vị nhận được coi là khoản thanh toán cho việc bán tài sản được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh theo mục 1231, không phải thu nhập từ bản quyền. Trong một số trường hợp nhất định, việc bán hàng phải được xử lý lãi hoặc lỗ vốn như được giải thích trong Hướng dẫn cho Bản Khai D (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin về việc bán tài sản phần 1231, tham khảo chương 3 của Ấn phẩm 544.

Nếu quý vị giữ lại tiền bản quyền, tiền bản quyền ghi đè hoặc tiền lãi ròng từ tài sản khoáng sản trong suốt thời gian tồn tại của tài sản đó, quý vị đã thực hiện một hợp đồng thuê hoặc cho thuê lại và bất kỳ khoản tiền mặt nào quý vị nhận được để chuyển nhượng các quyền lợi khác trong tài sản đó là thu nhập bình thường có trợ cấp hao hụt.

Phần sản xuất trong tương lai đã bán. Nếu quý vị sở hữu tài sản khoáng sản nhưng bán một phần sản xuất trong tương lai, trong hầu hết các trường hợp, quý vị coi số tiền quý vị nhận được từ người mua tại thời điểm bán như một khoản vay từ người mua. Đừng đưa nó vào thu nhập của quý vị hoặc tính sự hao hụt dựa trên nó.

Khi sản xuất bắt đầu, quý vị tính tất cả số tiền thu được vào thu nhập của quý vị, khấu trừ tất cả các chi phí sản xuất và khấu trừ phần hao hụt từ số tiền đó để tính thu nhập chịu thuế từ tài sản.

Quyền Lợi Thất Nghiệp

Việc xử lý thuế đối với quyền lợi thất nghiệp mà quý vị nhận được tùy thuộc vào loại chương trình chi trả trợ cấp.

Trợ cấp thất nghiệp. Quý vị phải tính vào thu nhập tất cả các khoản trợ cấp thất nghiệp mà quý vị nhận được. Quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-G thể hiện trong ô 1 tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp đã trả cho quý vị. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị nhập khoản trợ cấp thất nghiệp trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 7.

CAUTION *Nếu quý vị đã nhận được trợ cấp thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G, Một Số Ngân Khoản Nhất Định Do Chính Phủ Chi Trả qua thư, có thể quý vị cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.*

Các loại trợ cấp thất nghiệp. Tiền trợ cấp thất nghiệp thường bao gồm bất kỳ số tiền nhận được theo luật trợ cấp thất nghiệp của Hoa Kỳ hoặc của một tiểu bang. Trợ cấp thất nghiệp bao gồm các khoản trợ cấp dưới đây.

- Trợ cấp được trả bởi một tiểu bang hoặc Quận Columbia từ Quỹ Ủy Thác Thất Nghiệp Liên Bang.
- Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp tiểu bang.
- Quyền lợi trợ cấp thất nghiệp đường sắt.
- Các khoản trợ cấp khuyết tật từ một chương trình của chính quyền được trả thay thế cho trợ cấp thất nghiệp. (Số tiền nhận được dưới dạng trợ cấp khuyết tật hoặc bệnh tật cho nhân viên không phải là trợ cấp thất nghiệp. Xem chương 5 để tìm hiểu thêm thông tin.)
- Trợ cấp điều chỉnh thương mại theo Đạo luật Thương mại năm 1974.
- Khoản hỗ trợ thất nghiệp theo Đạo Luật Hỗ Trợ Khẩn Cấp và Cứu Trợ Thiên Tai.
- Hỗ trợ thất nghiệp theo Chương trình Đạo luật Dỡ bỏ Điều tiết Hàng không năm 1978.

Chương trình của chính phủ. Nếu quý vị đóng góp vào chương trình trợ cấp thất nghiệp của chính phủ và khoản đóng góp của quý vị không được khấu trừ, số tiền quý vị nhận được theo chương trình sẽ không được tính vào trợ cấp thất nghiệp cho đến khi quý vị khôi phục được khoản đóng góp của mình. Nếu quý vị khấu trừ tất cả các khoản đóng góp cho chương trình, toàn bộ số tiền quý vị nhận được theo chương trình sẽ được tính vào thu nhập của quý vị.

Hoàn trả trợ cấp thất nghiệp. Nếu quý vị đã hoàn trả trợ cấp thất nghiệp năm 2020 mà quý vị đã nhận vào năm 2020, hãy trừ số tiền quý vị đã hoàn trả khỏi tổng số tiền quý vị nhận được và nhập phần chênh lệch vào Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 7. Trên dòng chấm bên cạnh mục quý vị phải nhập, hãy nhập "Đã hoàn trả" và số tiền quý vị đã hoàn trả. Nếu quý vị đã hoàn trả trợ cấp thất nghiệp vào năm 2020 mà quý vị đã tính vào thu nhập của một năm trước đó, quý vị có thể khấu trừ số tiền được hoàn trả trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu quý vị chia từng khoản khấu trừ và số tiền là hơn $3.000. Xem mục *Hoàn trả*, ở phần trên.

Khấu lưu thuế. Quý vị có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ trợ cấp thất nghiệp của mình. Để đưa ra lựa chọn này, hãy hoàn thành Mẫu W-4V, Yêu cầu Khấu lưu Tự nguyện, và gửi tới văn phòng chi trả. Thuế sẽ được khấu lưu ở mức 10% khoản thanh toán của quý vị.

CAUTION *Nếu quý vị không chọn khấu lưu thuế từ trợ cấp thất nghiệp, quý vị có thể phải chịu thuế ước tính. Nếu quý vị không trả đủ thuế, thông qua khấu lưu hoặc thuế ước tính, hoặc kết hợp cả hai, quý vị có thể phải trả tiền phạt. Để biết thêm thông tin về thuế ước tính, hãy tham khảo chương 4.*

Quyền Lợi thất nghiệp bổ sung. Trợ cấp nhận được từ quỹ do đơn vị sử dụng lao động chi trả (mà nhân viên không đóng góp) không phải là khoản trợ cấp thất nghiệp. Khoản trợ cấp này phải chịu thuế như tiền lương. Để biết thêm thông tin, xem *Quyền Lợi Thất Nghiệp Bổ Sung* trong phần 5 của Ấn phẩm 15-A, Hướng Dẫn Thuế Bổ Sung Cho Người Sử dụng Lao Động. Báo cáo khoản thanh toán trên dòng 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Hoàn trả trợ cấp. Quý vị có thể phải hoàn trả một số quyền lợi thất nghiệp bổ sung để đủ điều kiện nhận các khoản trợ cấp điều chỉnh thương mại theo Đạo luật Thương mại năm 1974. Nếu quý vị hoàn trả các quyền lợi thất nghiệp bổ sung trong cùng năm quý vị nhận chúng, hãy giảm tổng số tiền trợ cấp sao cho bằng số tiền quý vị hoàn trả. Nếu quý vị hoàn trả các khoản trợ cấp trong một năm sau đó, quý vị phải tính toàn bộ số tiền trợ cấp nhận được vào thu nhập cho năm quý vị đã nhận chúng.

Khấu trừ tiền hoàn trả vào năm sau như một sự điều chỉnh cho tổng thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Khai báo tiền hoàn trả vào Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22, và tham khảo hướng dẫn ở đó. Nếu số tiền quý vị hoàn trả trong năm sau nhiều hơn $3.000, quý vị có thể được khấu trừ thuế vào năm sau đó thay vì khấu trừ số tiền đã hoàn trả. Để biết thêm thông tin về nội dung này, tham khảo mục *Hoàn trả*, ở phần trên.

Quỹ thất nghiệp tư nhân. Các khoản thanh toán quyền lợi thất nghiệp từ quỹ tư nhân (phi công đoàn) mà quý vị tự nguyện đóng góp chỉ bị đánh thuế nếu số tiền quý vị nhận được nhiều hơn tổng số tiền quý vị phải trả vào quỹ. Báo cáo số tiền chịu thuế trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Thanh toán bởi công đoàn. Quyền lợi được trả cho quý vị như một thành viên thất nghiệp của một công đoàn từ chi phí công đoàn thông thường được tính vào thu nhập của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Tuy nhiên, nếu quý vị đóng góp vào quỹ công đoàn đặc biệt và các khoản thanh toán của quý vị cho quỹ không được khấu trừ, quyền lợi thất nghiệp quý vị nhận được từ quỹ chỉ được tính vào thu nhập của quý vị trong phạm vi nhiều hơn khoản đóng góp của quý vị.

Lương hàng năm được đảm bảo. Các khoản thanh toán quý vị nhận được từ đơn vị sử dụng lao động trong thời gian thất nghiệp, theo một thỏa thuận công đoàn đảm bảo quý vị được trả đủ lương trong năm, sẽ bị đánh thuế dưới dạng tiền lương. Tính chúng trên dòng 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nhân viên của tiểu bang. Các khoản thanh toán tương tự như khoản trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang có thể được tiểu bang thực hiện cho những nhân viên của mình, những người không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang. Mặc dù các khoản thanh toán phải chịu thuế đầy đủ, không báo cáo số tiền này là trợ cấp thất nghiệp. Báo cáo khoản thanh toán này trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Trợ Cấp Xã Hội và Quyền Lợi Hỗ Trợ Cộng Đồng Khác

Không đưa vào thu nhập của quý vị các khoản thanh toán quyền lợi chính quyền từ quỹ phúc lợi công cộng dựa trên nhu cầu, ví dụ như các khoản thanh toán cho người mù theo luật hỗ trợ công cộng của tiểu bang. Các khoản thanh toán từ quỹ của tiểu bang cho các nạn nhân của tội phạm sẽ không được tính vào thu nhập của nạn nhân nếu bản chất của chúng thuộc về các khoản thanh toán phúc lợi. Không khấu trừ các chi phí y tế được hoàn trả bởi quỹ đó. Quý vị phải đưa vào thu nhập của mình bất kỳ khoản thanh toán quyền lợi nào là tiền bồi thường cho các dịch vụ hoặc thu được một cách gian lận.

Các khoản thanh toán Trợ Giúp Điều Chỉnh Thương Mại (RTAA). Các khoản thanh toán RTAA nhận được từ một tiểu bang phải được tính vào thu nhập của quý vị. Tiểu bang phải gửi cho quý vị Mẫu 1099-G để thông báo cho quý vị về số tiền quý vị nên tính vào thu nhập. Số tiền phải được báo cáo trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Người khuyết tật. Nếu quý vị là người khuyết tật, quý vị phải tính khoản trợ cấp thu nhập mà quý vị nhận được cho các dịch vụ quý vị thực hiện trừ khi khoản trợ cấp được loại trừ. Tuy nhiên, quý vị không tính vào thu nhập giá trị hàng hóa, dịch vụ và tiền mặt mà quý vị nhận được, không phải để đổi lại các dịch vụ của quý vị, mà là để đào tạo và phục hồi vì quý vị bị khuyết tật. Các khoản được loại trừ bao gồm các khoản thanh toán cho phương tiện đi lại và chăm sóc người phục vụ, ví dụ như dịch vụ phiên dịch cho người khiếm thính, dịch vụ đọc cho người mù và các dịch vụ giúp những người khuyết tật trí tuệ làm việc của họ.

Trợ cấp cứu trợ thiên tai. Không tính các khoản trợ cấp sau thảm họa nhận được theo Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai Và Hỗ Trợ Khẩn Cấp Robert T. Stafford vào thu nhập của quý vị nếu khoản trợ cấp được thực hiện để giúp quý vị đáp ứng các chi phí cần thiết hoặc nhu cầu nghiêm trọng về y tế, nha khoa, nhà ở, tài sản cá nhân, phương tiện đi lại, chăm sóc con cái, hoặc chi phí tang lễ. Không khấu trừ tổn thất thương vong hoặc chi phí y tế được hoàn trả cụ thể bằng các khoản trợ cấp cứu trợ thiên tai này. Nếu quý vị đã khấu trừ tổn thất thương vong do mất nơi cư trú cá nhân và sau đó quý vị nhận được khoản trợ cấp cứu trợ thiên tai cho việc mất nơi ở đó, quý vị có thể phải tính một phần hoặc toàn bộ khoản trợ cấp đó vào thu nhập chịu thuế của quý

vị. Xem mục *Thu hồi*, ở phần trên. Các khoản hỗ trợ thất nghiệp theo Đạo luật là khoản trợ cấp thất nghiệp chịu thuế. Xem *Trợ cấp thất nghiệp* trong mục *Quyền lợi Thất nghiệp*, ở phần trên.

Thanh toán cứu trợ thiên tai. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập bất kỳ số tiền nào quý vị nhận được là khoản thanh toán cứu trợ thiên tai đủ điều kiện. Khoản thanh toán cứu trợ thiên tai đủ điều kiện là số tiền được trả cho quý vị:

1. Để hoàn trả hoặc thanh toán các chi phí cá nhân, gia đình, sinh hoạt hoặc tang lễ hợp lý và cần thiết do một thảm họa đủ điều kiện gây ra;
2. Hoàn trả hoặc thanh toán các chi phí hợp lý và cần thiết phát sinh cho việc sửa chữa hoặc phục hồi ngôi nhà của quý vị hoặc sửa chữa hoặc thay thế các phần ngôi nhà trong phạm vi do thảm họa đủ điều kiện;
3. Bởi một người tham gia cung cấp hoặc bán phương tiện vận chuyển với tư cách là người vận chuyển thông thường vì cái chết hoặc thương tật cá nhân phát sinh do thảm họa đủ điều kiện; hoặc
4. Bởi chính quyền liên bang, tiểu bang hoặc địa phương, văn phòng hoặc tổ chức có liên quan đến một thảm họa đủ điều kiện để thực hiện các phúc lợi chung.

Quý vị chỉ có thể loại trừ số tiền này trong phạm vi bất kỳ khoản chi phí nào mà nó phải trả không được bảo hiểm hoặc cách khác thanh toán. Loại trừ không áp dụng nếu quý vị là người tham gia hoặc chủ mưu trong một hành động khủng bố hoặc đại diện của một hành động khủng bố.

Thiên tai đủ điều kiện là:

- Một thảm họa do khủng bố hoặc hành động quân sự;
- Một thảm họa được liên bang tuyên bố; hoặc
- Một thảm họa do tai nạn liên quan đến người vận chuyển thông thường hoặc từ bất kỳ sự kiện nào khác, được xác định là thảm khốc bởi Bộ trưởng Ngân khố hoặc đại biểu của người đó.

Đối với số tiền được thanh toán theo mục (4), thảm họa đủ điều kiện nếu nó được xác định bởi chính quyền liên bang, tiểu bang hoặc địa phương hiện hành để đảm bảo sự hỗ trợ từ chính quyền, văn phòng hoặc tổ chức liên bang, tiểu bang hoặc địa phương.

Khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập bất kỳ số tiền nào quý vị nhận được là khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai đủ điều kiện. Các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai đủ tiêu chuẩn thường được trả cho quý vị trong khoảng thời gian ngay sau khi có thiệt hại về tài sản do hậu quả của thiên tai. Tuy nhiên, các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai được sử dụng để giảm nhẹ (giảm mức độ nghiêm trọng của) thiệt hại tiềm ẩn do các thảm họa thiên nhiên trong tương lai. Chúng được trả cho quý vị thông qua chính quyền tiểu bang và địa phương dựa trên các quy định của Đạo luật Hỗ trợ Khẩn cấp và Cứu trợ Thảm họa Robert T. Stafford hoặc Đạo luật Bảo hiểm Lũ lụt Quốc gia.

Quý vị không thể tăng mức cơ sở hoặc mức cơ sở được điều chỉnh của tài sản cho các cải tiến được thực hiện với các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai không chịu thuế.

Chương trình Điều chỉnh Giá nhà Hợp lý (HAMP). Nếu quý vị được lợi từ Thanh toán thành công theo hiệu suất trong HAMP, thì khoản thanh toán đó sẽ không bị đánh thuế.

Khoản thanh toán hỗ trợ nợ vay mua nhà theo mục 235 của Đạo luật Nhà ở Quốc gia. Các khoản thanh toán được thực hiện theo mục 235 của Đạo luật Nhà ở Quốc gia để được hỗ trợ nợ vay mua nhà không được tính vào thu nhập của chủ nhà. Tiền lãi trả cho chủ nhà theo chương trình hỗ trợ nợ vay mua nhà không được khấu trừ.

Medicare. Quyền lợi Medicare nhận được theo tiêu đề XVIII của Đạo luật An sinh Xã hội không được tính vào tổng thu nhập của những cá nhân được trả. Điều này bao gồm cơ bản (Phần A (Quyền lợi bảo hiểm bệnh viện cho người cao tuổi)) và bổ sung (Phần B (Quyền lợi bảo hiểm y tế bổ sung cho người cao tuổi)).

Các phúc lợi an sinh xã hội (bao gồm các khoản thanh toán một lần cho những năm trước), các quyền lợi Thu nhập An sinh Bổ sung (SSI), và các khoản trợ cấp tử tuất một lần. Cơ quan Quản lý An sinh Xã hội (SSA) cung cấp các quyền lợi như trợ cấp tuổi già, trợ cấp cho người lao động tàn tật, và phúc lợi cho vợ/chồng và người phụ thuộc. Những phúc lợi này có thể phải chịu thuế thu nhập liên bang tùy thuộc vào tình trạng nộp đơn và thu nhập khác của quý vị. Xem chương 7 trong ấn phẩm này và Ấn phẩm 915, Quyền Lợi An Sinh Xã Hội Và Quyền Lợi Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương, để tìm hiểu thêm thông tin. Một cá nhân ban đầu bị từ chối quyền lợi, nhưng sau đó được chấp thuận, có thể nhận được khoản thanh toán một lần cho khoảng thời gian quyền lợi bị từ chối (có thể là những năm trước). Xem Ấn phẩm 915 để biết thông tin về cách thực hiện việc chi trả một lần, điều này có thể làm giảm nghĩa vụ thuế của quý vị. Ngoài ra còn có các loại phúc lợi khác do SSA chi trả. Tuy nhiên, trợ cấp SSI và trợ cấp tử tuất một lần (trả một lần cho vợ/chồng và con cái của người đã chết) không phải chịu thuế thu nhập liên bang. Để biết thông tin về các quyền lợi này, đi đến trang *SSA.gov*.

Chương trình Dinh Dưỡng cho Người cao niên. Trợ cấp thực phẩm quý vị nhận được theo Chương trình Dinh dưỡng cho Người cao niên không chịu thuế. Nếu quý vị chuẩn bị và phục vụ các bữa ăn miễn phí cho chương trình, hãy tính vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương mà quý vị nhận được, ngay cả khi quý vị cũng đủ điều kiện nhận trợ cấp thực phẩm.

Trợ cấp để giảm chi phí sử dụng năng lượng vào mùa đông. Khoản thanh toán do tiểu bang thực hiện cho những người đủ điều kiện để giảm chi phí sử dụng năng lượng vào mùa đông của họ sẽ không bị đánh thuế.

Thu nhập khác

Các cuộc thảo luận ngắn sau đây được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Các khoản thu nhập khác được thảo luận ngắn gọn dưới đây được tham chiếu đến các ấn phẩm cung cấp nhiều thông tin thời sự hơn.

Hoạt động không vì lợi nhuận. Quý vị phải đưa vào thu nhập hoàn thuế của quý vị từ một hoạt động mà quý vị không mong đợi tạo ra lợi nhuận. Một ví dụ về loại hoạt động này là một sở thích hoặc một trang trại mà quý vị vận hành chủ yếu để giải trí và vui chơi. Nhập thu nhập này vào Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Các khoản khấu trừ cho các chi phí liên quan đến hoạt động bị hạn chế. Chúng không thể có tổng nhiều hơn thu nhập quý vị báo cáo và chỉ có thể được lấy nếu quý vị giảm thiểu các khoản khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040). Xem *Hoạt động Không-Vì-Lợi nhuận* tại chương 1 của Ấn phẩm 535 để biết thông tin về việc một hoạt động được thực hiện vì lợi nhuận hay không.

Cổ tức Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska. Nếu quý vị nhận được khoản thanh toán từ quỹ thu nhập khoáng sản của Alaska (cổ tức của Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska), hãy báo cáo khoản đó dưới dạng thu nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Tiểu bang Alaska gửi cho mỗi người một tài liệu cho biết số tiền thanh toán bằng séc. Số tiền phải được báo cáo cho Sở Thuế Vụ.

Tiền cấp dưỡng sau ly hôn. Tính vào thu nhập của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 2a, bất kỳ khoản tiền cấp dưỡng sau ly hôn phải chịu thuế nào mà quý vị nhận được. Số tiền quý vị nhận được để trợ cấp con cái không phải là thu nhập của quý vị. Tiền cấp dưỡng sau ly hôn và trợ cấp con cái được thảo luận tại Ấn phẩm 504.

CAUTION *Không tính các khoản thanh toán cấp dưỡng mà quý vị nhận được theo thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân (1) được thực hiện sau năm 2018 hoặc (2) được thực hiện trước năm 2019 nhưng được sửa đổi sau đó nếu sửa đổi nêu rõ việc bãi bỏ khoản khấu trừ cho các khoản cấp dưỡng áp dụng cho sửa đổi.*

Tiền đút lót. Nếu quý vị nhận tiền đút lót, hãy tính khoản đó vào thu nhập của quý vị.

Đóng góp cho chiến dịch. Những đóng góp này không phải là thu nhập cho một ứng viên trừ khi được chuyển cho mục đích sử dụng cá nhân của ứng viên này. Để không bị đánh thuế, các khoản đóng góp phải được chi tiêu cho các mục đích chiến dịch hay được giữ trong một quỹ để sử dụng cho các chiến dịch trong tương lai. Tuy nhiên, tiền lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng, cổ tức nhận được từ chứng khoán góp vốn và lãi ròng thu được từ việc bán chứng khoán góp vốn đều phải chịu thuế và phải được báo cáo trên Mẫu 1120-POL, Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập Cho Một Số Tổ Chức Chính Trị. Số tiền vượt quá của chiến dịch được chuyển vào tài khoản văn phòng phải được tính vào thu nhập của chủ văn phòng trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8, trong năm được chuyển.

Đoàn xe ô tô. Đừng tính số tiền thu nhập mà quý vị nhận được từ hành khách để lái một chiếc xe hơi trong một đoàn xe đến và đi làm. Số tiền này được coi là khoản hoàn trả cho chi phí của quý vị. Tuy nhiên, quy tắc này sẽ không áp dụng nếu quý vị đã phát triển đoàn xe ô tô thành một hoạt động kinh doanh dịch vụ đưa đón công nhân để thu lợi nhuận.

Giảm giá tiền mặt. Khoản giảm giá tiền mặt mà quý vị nhận được từ đại lý hoặc nhà sản xuất của mặt hàng quý vị mua không phải là thu nhập, nhưng quý vị phải giảm mức cơ sở bằng số tiền giảm giá.

Ví dụ: Quý vị mua một chiếc ô tô mới với giá $24.000 tiền mặt và nhận được séc giảm giá $2.000 từ nhà sản xuất. $2.000 không phải là thu nhập đối với quý vị. Mức cơ sở của quý vị với chiếc xe là $22.000. Đây là cơ sở để quý vị tính toán lãi lỗ nếu bán xe và khấu hao nếu dùng vào mục đích kinh doanh.

Bảo hiểm tai biến và khoản hoàn trả khác. Thông thường, quý vị không nên báo cáo những khoản hoàn trả này vào tờ khai trừ khi quý vị đang tìm ra lợi ích hoặc tổn thất to tai biến và trộm cắp. Tham khảo Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Thanh toán trợ cấp con cái. Quý vị không nên báo cáo các khoản thanh toán này vào tờ khai. Tham khảo Ấn phẩm 504 để biết thêm thông tin.

Phán quyết của tòa án và thiệt hại. Để xác định xem liệu số tiền thanh toán mà quý vị nhận được do thỏa hiệp hoặc phán quyết có được tính vào thu nhập của quý vị hay không, quý vị phải xem xét khoản mục được giải quyết thay thế. Đặc tính của thu nhập là thu nhập thông thường hoặc thu nhập vốn phụ thuộc vào bản chất của yêu cầu cơ bản. Bao gồm các khoản sau đây như thu nhập thông thường.

1. Tiền lãi đối với bất kỳ giải thưởng nào.
2. Bồi thường cho tiền lương bị mất hoặc lợi nhuận bị mất trong hầu hết các trường hợp.
3. Thiệt hại mang tính chất trừng phạt, trong hầu hết các trường hợp. Không quan trọng nếu chúng liên quan đến chấn thương thể chất hoặc bệnh tật.
4. Số tiền nhận được trong giải quyết quyền lợi về hưu bổng (nếu quý vị không đóng góp vào chương trình).
5. Thiệt hại do:
   a. Vi phạm bằng sáng chế hoặc bản quyền,
   b. Vi phạm hợp đồng, hoặc
   c. Cản trở hoạt động kinh doanh.
6. Khoản hoàn trả và tiền bồi thường thiệt hại do thiệt hại về tinh thần nhận được để đáp ứng yêu cầu bồi thường theo tiêu đề VII của Đạo luật Quyền Dân sự năm 1964.
7. Phí và chi phí luật sư (bao gồm cả phí dự phòng) trong đó khoản thu hồi cơ bản được tính vào tổng thu nhập.
8. Phí luật sư và các chi phí liên quan đến phần thưởng của người tố giác trong đó khoản thu hồi cơ bản được tính vào tổng thu nhập.

Không tính vào thu nhập của quý vị những khoản bồi thường thiệt hại cho thương tật cá nhân hoặc bệnh tật (cho dù nhận một lần hoặc nhiều lần).

Cảm xúc đau khổ. Bản thân đau khổ về tinh thần không phải là một tổn thương về thể chất hoặc bệnh tật, nhưng những thiệt hại mà quý vị trải qua do đau khổ về tinh thần do chấn thương thể chất hoặc bệnh tật được coi như đã nhận được đối với chấn thương thể chất hoặc bệnh tật. Không đưa chúng vào thu nhập của quý vị.

Nếu đau khổ về tinh thần là do thương tích cá nhân mà không phải do chấn thương thể chất hoặc bệnh tật (ví dụ: phân biệt đối xử trong việc làm hoặc tổn thương danh tiếng), quý vị phải đưa các thiệt hại trong thu nhập của mình, ngoại trừ bất kỳ thiệt hại nào không nhiều hơn số tiền phải trả cho chăm sóc y tế do đau khổ về tinh thần đó. Cảm xúc đau khổ bao gồm các triệu chứng thể chất do cảm xúc, ví dụ như đau đầu, mất ngủ và rối loạn dạ dày.

Bảo hiểm thẻ tín dụng. Trong hầu hết các trường hợp, nếu quý vị nhận trợ cấp theo chương trình bảo hiểm khuyết tật hoặc thất nghiệp bằng thẻ tín dụng, thì quý vị phải chịu thuế. Các chương trình này thực hiện khoản thanh toán hàng tháng tối thiểu trên thẻ tín dụng của quý vị nếu quý vị không thể thanh toán do thương tật, bệnh tật, tàn tật hoặc thất nghiệp. Báo cáo trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8, số tiền trợ cấp quý vị nhận được trong năm nhiều hơn số phí bảo hiểm quý vị đã trả trong năm.

Hỗ trợ thanh toán trước. Nếu quý vị mua nhà và nhận hỗ trợ từ một công ty phi lợi nhuận để thực hiện khoản trả trước, khoản hỗ trợ đó không được tính vào thu nhập của quý vị. Nếu công ty đủ điều kiện là một tổ chức từ thiện được miễn thuế, khoản hỗ trợ được coi như một món quà và được tính trong mức giá trị cơ sở căn nhà của quý vị. Nếu công ty không đủ điều kiện, hỗ trợ được coi là khoản giảm giá hoặc giảm giá mua và không được tính vào giá trị cơ sở của quý vị.

Phí môi giới việc làm. Nếu quý vị nhận được một công việc thông qua văn phòng môi giới việc làm và phí do đơn vị sử dụng lao động trả, khoản phí này sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị nếu quý vị không phải chịu trách nhiệm về khoản phí đó. Tuy nhiên, nếu quý vị trả số tiền đó và đơn vị sử dụng lao động hoàn lại tiền cho quý vị thì số tiền đó sẽ tính vào thu nhập của quý vị.

Trợ cấp bảo tồn năng lượng. Quý vị có thể loại trừ khỏi tổng thu nhập bất kỳ khoản trợ cấp nào được cung cấp, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi các tiện ích công cộng để mua hoặc thực hiện một phương pháp bảo tồn năng lượng cho một đơn vị cư trú.

Phương pháp bảo tồn năng lượng. Điều này bao gồm các phương pháp hoặc sửa đổi được thiết kế chủ yếu để giảm tiêu thụ điện hoặc khí đốt tự nhiên hoặc cải thiện việc quản lý nhu cầu năng lượng.

Đơn vị cư trú. Nó bao gồm một ngôi nhà, căn hộ, chung cư, nhà di động, thuyền hoặc tài sản tương tự. Nếu một tòa nhà hoặc công trình kiến trúc có cả nhà ở và các đơn vị khác, thì bất kỳ khoản trợ cấp nào cũng phải được phân phối hợp lý.

Thu nhập từ quỹ di sản và tín thác. Quỹ di sản hoặc quỹ tín thác, không giống như hình thức hợp tác kinh doanh, có thể phải trả thuế thu nhập liên bang. Nếu quý vị là người thụ hưởng quỹ di sản hoặc quỹ tín thác, quý vị có thể bị đánh thuế trên phần thu nhập được phân phối hay bắt buộc phải phân phối cho quý vị. Tuy nhiên, không bao giờ quý vị bị đánh thuế hai lần. Các quỹ di sản và quỹ tín thác nộp hồ sơ khai thuế theo Mẫu 1041, Hồ Sơ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ Cho Quỹ Di Sản Và Quỹ Tín Thác, và phần thu nhập được báo cáo cho quý vị trên Bản Khai K-1 (Mẫu 1041).

Thu nhạp hiện tại được yêu cầu đóng góp. Nếu quý vị là người thụ hưởng quỹ di sản hoặc quỹ tín thác phải phân phối tất cả thu nhập hiện tại của nó, quý vị phải báo cáo phần thu nhập ròng có thể phân phối của mình, cho dù quý vị có thực sự nhận được hay không.

Thu nhạp hiện tại không được yêu cầu đóng góp. Nếu quý vị là người thụ hưởng quỹ di sản hoặc quỹ tín thác và người được ủy thác có quyền lựa chọn phân phối toàn bộ hay một phần thu nhập hiện tại, quý vị phải báo cáo:

- Tất cả thu nhập bắt buộc phải được phân phối cho quý vị, cho dù nó có thực sự được phân phối hay không, cộng với
- Tất cả các khoản tiền khác đã thực trả hay được tín thuế cho quý vị,

lên đến số tiền chia sẻ thu nhập ròng có thể phân phối của quý vị.

Cách báo cáo. Coi từng khoản thu nhập giống như cách mà quỹ di sản hoặc quỹ tín thác sẽ đối xử với nó. Ví dụ: nếu thu nhập từ cổ tức của quỹ tín thác được phân phối cho quý vị, quý vị sẽ báo cáo việc phân phối dưới dạng thu nhập cổ tức trên lợi tức của quý vị. Quy tắc tương tự cũng được áp dụng cho việc phân phối tiền lãi và lãi từ vốn được miễn thuế.

Người được ủy thác di sản hoặc quỹ tín thác phải cho quý vị biết loại khoản mục tạo nên phần thu nhập từ di sản hoặc quỹ tín thác của quý vị và bất kỳ khoản tín dụng nào quý vị được phép trên hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân.

Tiền lỗ trong việc đầu tư. Khoản lỗ từ di sản và tín thác của người thụ hưởng thường không bị khấu trừ thu.

Người được ủy thác. Thu nhập kiếm được bởi sự ủy thác của người được ủy thác phải chịu thuế, không phải người thụ hưởng, nếu người được ủy thác giữ quyền kiểm soát nhất định đối với quỹ ủy thác. (Người ủy thác là người đã chuyển tài sản cho quỹ tín thác.) Quy tắc này áp dụng nếu tài sản (hoặc thu nhập từ tài sản) được ủy thác sẽ hoặc có thể hoàn lại(được trả lại) cho người ủy thác hoặc vợ/chồng của người ủy thác.

Nói chung, người được ủy thác là người ủy thác nếu người ủy thác có lãi suất hoàn lại được định giá (tại ngày chuyển nhượng) trên 5% giá trị của tài sản được chuyển nhượng.

Chi phí được trả bởi người khác. Nếu chi phí cá nhân của quý vị được thanh toán bởi một người khác, chẳng hạn như một công ty, khoản thanh toán đó có thể phải chịu thuế tùy thuộc vào mối quan hệ của quý vị với người đó và bản chất của khoản thanh toán. Nhưng nếu khoản thanh toán bù đắp cho tổn thất do người đó gây ra và giúp quý vị trở về vị trí trước khi có tổn thất, khoản thanh toán đó sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

Chi phí dịch vụ. Tính tất cả các chi phí dịch vụ vào thu nhập của quý vị. Ví dụ về khoản phí là số tiền nhận được cho các dịch vụ quý vị thực hiện như:

- Giám đốc công ty cổ phần;
- Người thi hành, quản lý hoặc cá nhân đại diện của di sản;
- Người quản lý của một giao dịch thương mại hoặc kinh doanh mà quý vị đã điều hành trước khi tuyên bố vỡ nợ theo chương 11;
- Công chứng viên; hoặc
- Viên chức khu bầu cử.

Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên. Nếu quý vị không phải là nhân viên và chi phí dịch vụ của quý vị từ một người thanh toán duy nhất trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của người thanh toán có tổng từ $600 trở lên trong năm, người thanh toán sẽ gửi cho quý vị Mẫu 1099-MISC. Quý vị có thể cần phải báo cáo chi phí của quý vị dưới dạng thu nhập từ việc tự làm chủ. Xem *Người tư doanh* trong chương 1 để thảo luận về thời điểm quý vị được cho là tư doanh.

Giám đốc công ty. Chi phí giám đốc công ty là thu nhập tự kinh doanh. Báo cáo khoản thanh toán này trên Bản Khai C (Mẫu 1040).

Người đại diện cá nhân. Tất cả người đại diện cá nhân phải tính trong tổng thu nhập được trả cho họ từ di sản. Nếu quý vị không tham gia giao dịch hay kinh doanh để trở thành người thi hành(ví dụ: quý vị là người thi hành tài sản của quý vị bè hay người thân), hãy báo cáo các khoản phí này trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu quý vị đang kinh doanh thương mại hoặc kinh doanh với tư cách là người thi hành công việc, hãy báo cáo các khoản phí này dưới dạng thu nhập từ tự làm chủ trên Bản Khai C (Mẫu 1040). Chi phí này không được tính vào thu nhập nếu chúng được miễn.

Người quản lý thương mại hoặc kinh doanh cho di sản vỡ nợ. Tính trong thu nhập của quý vị

tất cả các khoản thanh toán nhận được từ di sản vỡ nợ của quý vị khi quản lý hoặc điều hành một hoạt động thương mai hay kinh doanh mà quý vị đã điều hành trước khi nộp đơn phá sản. Báo cáo thu nhập này vào Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Công chứng viên. Báo cáo khoản thanh toán cho dịch vụ này trên Bản Khai C (Mẫu 1040). Khoản thanh toán này không được đánh thuế tự làm chủ. Xem Hướng dẫn riêng cho Bản Khai SE (Mẫu 1040) để biết chi tiết.

Viên chức khu bầu cử. Quý vị sẽ nhận được một Mẫu W-2 thể hiện khoản thanh toán cho dịch vụ được thực hiện bởi viên chức bầu cử hay nhân viên bầu cử. Báo cáo khoản thanh toán trên dòng 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Người chăm sóc nuôi dưỡng. Nói chung, khoản thanh toán quý vị nhận được từ một tiểu bang, khu vực chính trị hay một văn phòng sắp xếp việc chăm sóc nuôi dưỡng đủ điều kiện để chăm sóc một cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện tại nhà của quý vị bị loại trừ khỏi thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải đưa vào khoản thanh toán thu nhập trong phạm vi số tiền đó nhận được để chăm sóc hơn năm người được nuôi dưỡng đủ điều kiện từ 19 tuổi trở lên.

Cá nhân nuôi dưỡng đủ điều kiện là người:

1. Đang được nhận nuôi trong một gia đình; và
2. Được ở đó theo quyết định của:
   a. Một văn phòng của tiểu bang hay một trong các phân khu chính trị của nó, hay
   b. Văn phòng sắp xếp việc chăm sóc nuôi dưỡng đủ điều kiện.

Thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó. Đây là các khoản thanh toán được người trả chỉ định là khoản trợ cấp cho việc cung cấp dịch vụ chăm sóc bổ sung cần thiết cho các cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện về thể chất, tinh thần hay cảm xúc. Một tiểu bang phải xác định rằng khoản trợ cấp này là cần thiết, và việc chăm sóc được các khoản thanh toán chi trả phải được cung cấp tại nhà của người chăm sóc nuôi dưỡng nơi cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện đã ở.

Một số khoản tiền trả miễn trừ Medicaid nhất định được coi là khoản thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó khi được một chăm sóc cá nhân nhận để chăm sóc cho một cá nhân đủ điều kiện sống trong nhà của người chăm sóc. Xem Thông báo 2014-4, có sẵn tại *IRS.gov/irb/2014-4_IRB/ar06.html*, và các câu hỏi và câu trả lời liên quan, có sẵn tại *IRS.gov/Individuals/Certain-Medicaid-Waiver-Payments-May-Be-Excludable-From-Income* để tìm hiểu thêm thông tin.

Quý vị phải gộp khoản thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó vào thu nhập của quý vị trong phạm vi chúng nhận được nhiều hơn:

- 10 cá nhân nhận nuôi đủ điều kiện dưới 19 tuổi, hoặc
- Năm cá nhân nhận nuôi đủ điều kiện từ 19 tuổi trở lên.

Đảm bảo không gian trong nhà. Nếu quý vị được trả tiền để đảm bảo không gian trong nhà cho chăm sóc nuôi dưỡng khẩn cấp, quý vị phải gộp khoản thanh toán này vào thu nhập của quý vị.

Báo cáo số tiền chịu thế. Nếu quý vị nhận được các khoản thanh toán mà quý vị phải tính trong thu nhập và quý vị đang kinh doanh với tư cách là người chăm sóc nuôi dưỡng, hãy báo cáo các khoản thanh toán trên Bản Khai C (Mẫu 1040). Xem Ấn phẩm 587, Sử dụng nhà của quý vị cho việc kinh doanh, để giúp quý vị xác định số tiền quý vị có thể khấu trừ để sử dụng ngôi nhà.

Tài sản được tìm thấy. Nếu quý vị tìm thấy và giữ tài sản thứ đã bị thất lạc hay bị bỏ rơi (kho báu) không thuộc về quý vị, tài sản đó sẽ bị đánh thuế theo giá trị thị trường hợp lý hợp lý trong năm đầu tiên khi nó là tài sản không thể tranh cãi của quý vị.

Du lịch miễn phí. Nếu quý vị nhận được một chuyến du lịch miễn phí từ một công ty du lịch khi tổ chức du lịch một nhóm khách, quý vị phải tính giá trị của nó vào thu nhập của quý vị. Báo cáo giá cả phải chăng trên trị trường hợp lý của chuyến du lịch trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8, nếu quý vị không kinh doanh hay kinh doanh tổ chức các chuyến du lịch. Quý vị không thể khấu trừ chi phí của quý vị khi phục vụ với tư cách là người lãnh đạo tự nguyện theo yêu cầu của nhóm. Nếu quý vị tổ chức các chuyến du lịch với tư cách thương mại hoặc kinh doanh, hãy báo cáo giá trị của chuyến du lịch trên Bản Khai C (Mẫu 1040.)

Tiền thắng đánh bạc. Quý vị phải gộp tiền thắng đánh bạc của quý vị vào thu nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu quý vị chia từng khoản khấu trừ của quý vị trên Bản khai A (Mẫu 1040), quý vị có thể khấu trừ các khoản thua bạc mà quý vị đã có trong năm, nhưng cao nhất chỉ bằng số tiền thắng đánh bạc của quý vị. Nếu quý vị đang buôn bán hoặc kinh doanh dịch vụ đánh bạc, hãy sử dụng Bản Khai C (Mẫu 1040).

Sổ xố và đánh bạc. Tiền thắng từ sổ xố và đánh bạc là tiền thắng đánh bạc. Ngoài tiền thắng bạc, quý vị phải tính vào thu nhập của quý vị giá trị thị trường hợp lý của trái phiếu, ô tô, nhà ở và các giải thưởng không bằng tiền mặt khác.

TIP *Nếu quý vị giành được giải thưởng xổ số của tiểu bang, quý vị phải trả nhiều lần, tham khảo Ấn phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin.*

Mẫu W-2G. Quý vị có thể đã nhận được Mẫu W-2G, Tiền thắng Bài bạc Xác định, thể hiện số tiền thắng đánh bạc của quý vị và bất kỳ khoản thuế nào được trích từ chúng. Bao gồm số tiền từ ô 1 trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Bao gồm số tiền được hiển thị trong ô 4 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c, dưới dạng thuế thu nhập liên bang được khấu lưu.

Báo cáo tiền thắng và lưu hồ sơ. Để tìm hiểu thêm thông tin về cách báo cáo số tiền thắng đánh bạc và lưu trữ hồ sơ, hãy tham khảo *phần Số tiền Thua bạc lên đến Số Tiền thắng đánh bạc trong* chương 12.

Quà tặng và di sản thừa kế. Trong hầu hết các trường hợp, tài sản quý vị nhận được dưới dạng quà tặng, vật di tặng hoặc tài sản thừa kế không được tính vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, nếu tài sản quý vị nhận được theo cách này sau đó tạo ra thu nhập như tiền lãi, cổ tức, hoặc tiền cho thuê, thì thu nhập đó bị đánh thuế đối với quý vị. Nếu tài sản được trao cho một quỹ ủy thác và thu nhập từ nó được trả, được tín thuế hoặc được phân phối cho quý vị, thì thu nhập đó cũng phải chịu thuế. Nếu quà tặng, vật di tặng hoặc di sản thừa kế là thu nhập từ tài sản, thì thu nhập đó phải chịu thuế.

Hưu bổng được kế thừa hoặc quỹ hưu trí cá nhân (IRA). Nếu quý vị được thừa kế một khoản hưu bổng hoặc IRA, quý vị có thể phải gộp một phần của số tiền được thừa kế vào thu nhập của quý vị. Xem *Người còn sống và người thụ hưởng* trong Ấn phẩm 575 nếu quý vị được thừa kế khoản tiền hưu bổng. Xem *Nếu quý vị thừa kế một quỹ IRA* trong Ấn phẩm 590-A và 590-B nếu quý vị thừa kế trương mục hưu trí cá nhân.

Khoản lỗ từ sở thích. Các khoản lỗ từ một sở thích không được khấu trừ từ thu nhập khác. Sở thích là một hoạt động mà quý vị không mong tạo ra lợi nhuận. Xem *Hoạt động không vì lợi nhuận*, trước đó.

CAUTION *Nếu quý vị thu thập tem, tiền xu hoặc các vật phẩm khác như một sở thích để giải trí và đam mê, và quý vị bán bất kỳ vật phẩm nào, khoản thu nhập của quý vị sẽ bị đánh thuế như một khoản lợi nhuận đầu tư. (Xem Ấn phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư.) Tuy nhiên, nếu quý vị bán các mặt hàng trong bộ sưu tập bị lỗ, quý vị không thể khấu trừ khoản lỗ.*

Hoạt động bất hợp pháp. Thu nhập từ các hoạt động bất hợp pháp, ví dụ như tiền từ buôn bán ma túy bất hợp pháp, phải được tính vào thu nhập của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8 hoặc trên Bản Khai C (Mẫu 1040) nếu chúng từ hoạt động tự kinh doanh của quý vị.

Quyền đánh/bắt cá của Thổ dân da đỏ. Nếu quý vị là thành viên của một bộ lạc thổ dân da đỏ đủ điều kiện có quyền đánh/bắt cá được bảo đảm bởi hiệp ước, lệnh hành pháp, hoặc Đạo luật của Quốc hội kể từ ngày 17 tháng 3 năm 1988, không tính vào thu nhập của quý vị số tiền nhận được từ các hoạt động liên quan đến các quyền đánh/ bắt cá đó. Thu nhập không phải chịu thuế thu nhập, thuế tư doanh hoặc thuế việc làm.

Lãi từ tiền gửi đóng băng. Nói chung, quý vị loại trừ khỏi thu nhập của quý vị số tiền lãi từ khoản tiền gửi đóng băng. Xem *Thu nhập từ tiền lãi trên tiền gửi đóng băng* trong chương 6.

Lãi từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ mà quý vị mua lại nếu quý vị thanh toán chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện trong cùng một năm. Để tìm hiểu thêm thông tin về loại trừ này, hãy tham khảo *Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục* theo *Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ* trong chương 6.

Chi phí phỏng vấn. Nếu nhà tuyển dụng tiềm năng yêu cầu quý vị xuất hiện trong một cuộc phỏng vấn và trả cho quý vị một khoản trợ cấp hoặc hoàn trả cho quý vị chi phí vận chuyển và các chi phí đi lại khác, số tiền quý vị nhận được không phải chịu thuế. Quý vị chỉ tính vào thu nhập số tiền quý vị nhận được nhiều hơn chi phí thực tế của quý vị.

Nhiệm vụ bồi thẩm. Khoản thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm mà quý vị nhận được phải được tính trong thu nhập của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu quý vị đã trả bất kỳ khoản thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm nào cho đơn vị sử dụng lao động vì đơn vị sử dụng lao động của quý vị tiếp tục trả tiền cho quý vị trong khi quý vị thực hiện nhiệm vụ bồi thẩm, hãy gộp số tiền quý vị đã đưa cho đơn vị sử dụng lao động của quý vị để điều chỉnh thu nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22 và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Tiền lại quả. Quý vị phải tính tiền lại quả, tiền hoa hồng phụ, tiền thúc đẩy hoặc các khoản thanh toán tương tự mà quý vị nhận được trong thu nhập của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8 hoặc trên Bản Khai C (Mẫu 1040) nếu từ hoạt động tự kinh doanh của quý vị.

Ví dụ: Quý vị bán xe hơi và giúp thu xếp bảo hiểm xe hơi cho người mua. Các công ty môi giới bảo hiểm trả lại một phần tiền hoa hồng của họ cho quý vị khi giới thiệu khách hàng cho họ. Quý vị phải tính các khoản lại quả trong thu nhập của mình.

Tài khoản tiết kiệm y tế (Tài khoản Tiết kiệm Y tế Archer và Medicare Advantage). Trong hầu hết các trường hợp, quý vị không tính số tiền thu nhập mà quý vị rút từ Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hay Medicare Advantage nếu quý vị sử dụng số tiền này để thanh toán các chi phí y tế đủ điều kiện. Nói chung, các chi phí y tế đủ điều kiện là những khoản quý vị có thể khấu trừ trên Bản khai A (Mẫu 1040). Để tìm hiểu thêm thông tin về chi phí y tế đủ điều kiện, hãy tham khảo Ấn phẩm 502. Để biết thêm thông tin về Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hay Medicare Advantage, hãy tham khảo Ấn phẩm 969, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác.

Giải thưởng và phần thưởng. Nếu quý vị giành được giải thưởng trong một cuộc quay số may mắn, chương trình đố vui trên truyền hình hay đài phát thanh, cuộc thi sắc đẹp hay các sự kiện khác, quý vị phải tính nó vào thu nhập của quý vị. Ví dụ: nếu quý vị giành được giải thưởng $50 trong một cuộc thi nhiếp ảnh, quý vị phải báo cáo thu nhập này trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu quý vị từ chối nhận giải thưởng, không tính giá trị của nó vào thu nhập của quý vị.

Giải thưởng và phần thưởng về hàng hóa hoặc dịch vụ phải được tính trong thu nhập của quý vị theo giá trị thị trường hợp lý của chúng.

Giải thưởng hoặc tiền thưởng cho nhân viên. Phần thưởng tiền mặt hoặc tiền thưởng mà đơn vị sử dụng lao động của quý vị trao cho quý vị vì công việc tốt hay đề xuất thường phải được tính trong thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương. Tuy nhiên, một số phần thưởng thành tích của nhân viên không bằng tiền mặt có thể được loại trừ khỏi thu nhập. tham khảo *Tiền thưởng và Phần thưởng* trong chương 5.

Giải thưởng Pulitzer, Nobel, và giải thưởng tương đương. Nếu quý vị được trao giải thưởng nhằm công nhận những thành tích trong các lĩnh vực tôn giáo, từ thiện, khoa học, nghệ thuật, giáo dục, văn học hoặc công dân, quý vị thường phải tính giá trị của giải thưởng vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị sẽ không tính giải thưởng này vào thu nhập của mình nếu quý vị đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Quý vị đã được chọn mà không cần thực hiện bất kỳ hành động nào từ phía quý vị để tham gia cuộc thi hoặc tiếp tục cuộc thi.
- Quý vị không bắt buộc phải thực hiện các dịch vụ quan trọng trong tương lai như một điều kiện để nhận giải thưởng.
- Phần thưởng hoặc giải thưởng được chuyển trực tiếp bởi người trả cho một đơn vị chính quyền hoặc tổ chức từ thiện được miễn thuế theo chỉ định của quý vị.

Xem Ấn phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin về các điều kiện áp dụng cho việc chuyển nhượng.

Quỹ Cơ hội Đủ điều kiện (QOF). Hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2017, phần 1400Z-2 của Đạo luật quy định tạm thời hoãn việc tính vào tổng thu nhập khoản lãi vốn đầu tư vào QOF và loại trừ vĩnh viễn thu nhập vốn từ việc tiêu thụ hoặc trao đổi khoản đầu tư trong QOF nếu khoản đầu tư được tổ chức ít nhất 10 năm. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8949 về cách báo cáo cuộc bầu cử của quý vị để trì hoãn khoản lãi đủ điều kiện được đầu tư vào QOF. Xem hướng dẫn cho Mẫu 8997, Báo cáo Ban đầu và Hàng năm về các Khoản đầu tư của Quỹ Cơ hội Đủ điều kiện (QOF), để biết thông tin báo cáo. Để biết thêm thông tin, xem mục Các câu hỏi thường gặp về Khu vực Cơ hội tại địa chỉ *IRS.gov/Newsroom/Opportunity-Zones-Frequently-Asked-Questions*.

Chương trình Tiền học Đủ điều kiện (QTPs). QTP (còn được gọi là chương trình 529) là một chương trình được đưa ra cho phép quý vị trả trước hoặc đóng góp vào tài khoản được thiết lập để thanh toán các chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của sinh viên tại một cơ sở giáo dục đủ điều kiện. Một chương trình có thể được thiết lập và duy trì bởi một tiểu bang, một văn phòng hoặc cơ quan của tiểu bang, hoặc một cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

Phần phân phối đại diện cho số tiền đã trả hoặc đóng góp cho QTP không được tính trong thu nhập. Đây là khoản hoàn vốn đầu tư vào chương trình.

Trong hầu hết các trường hợp, người thụ hưởng không tính vào thu nhập bất kỳ khoản thu nhập nào được phân phối từ QTP nếu tổng số tiền phân phối nhỏ hơn hoặc bằng chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện đã điều chỉnh. Xem Ấn phẩm 970 để tìm hiểu thêm thông tin.

Niên kim hưu trí đường sắt. Các loại thanh toán sau đây được coi là thu nhập từ hưu bổng hoặc niên kim và phải chịu thuế theo các quy tắc được giải thích trong Ấn phẩm 575, Thu nhập từ Hưu bổng và Niên kim.

- Quyền lợi hưu trí ngành đường sắt bậc 1 nhiều hơn quyền lợi tương đương với an sinh xã hội.
- Quyền lợi Bậc 2.
- Quyền lợi kép được xác nhận.

Phần thưởng. Nếu quý vị nhận được phần thưởng cho việc cung cấp thông tin, hãy tính vào thu nhập của quý vị.

Bán nhà. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập tất cả hoặc một phần bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ việc bán hoặc trao đổi chính căn nhà của quý vị. Tham khảo Ấn phẩm 523.

Bán mặt hàng cá nhân. Nếu quý vị đã bán một mặt hàng mà quý vị sở hữu để sử dụng cho mục đích cá nhân, ví dụ như ô tô, tủ lạnh, đồ nội thất, dàn âm thanh nổi, đồ trang sức hoặc đồ bạc, khoản thu nhập của quý vị sẽ bị đánh thuế dưới như lợi nhuận đầu tư. Báo cáo nó theo phần hướng dẫn được giải thích tại Bản khai D (Mẫu 1040). Quý vị không thể khấu trừ một khoản tiền vốn bị lỗ.

Tuy nhiên, nếu quý vị đã bán một mặt hàng quý vị nắm giữ để đầu tư, ví dụ như vàng hoặc bạc thỏi, tiền xu hoặc đá quý, thì bất kỳ khoản thu đều bị đánh thuế như lợi nhuận đầu tư và mọi khoản lỗ đều được khấu trừ như tiền vốn bị lỗ trong việc đầu tư.

Ví dụ: Quý vị bán một bức tranh trên một trang web đấu giá trực tuyến với giá $100. Quý vị đã mua bức tranh với giá $20 tại một hội chợ giảm giá nhiều năm trước. Báo cáo khoản lãi của quý vị như lợi nhuận đầu tư được giải thích trong Hướng dẫn cho Bản khai D (Mẫu 1040).

Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh. Một thí sinh học để lấy bằng có thể loại trừ số tiền nhận được như một học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm đủ điều kiện. Học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh đủ điều kiện là số tiền quý vị nhận được bao gồm:

- Tiền học và phí để đăng ký hoặc theo học tại một cơ sở giáo dục; hoặc
- Phí, sách, vật tư và thiết bị cần thiết cho khóa học tại cơ sở giáo dục.

Số tiền được sử dụng cho phí ăn và ở không đủ điều kiện để loại trừ. Xem Ấn phẩm 970 để tìm hiểu thêm thông tin về trợ cấp học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm đủ điều kiện.

Chi phí dịch vụ. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải tính phần thu nhập của bất kỳ học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm nào đại diện cho khoản thanh toán cho việc giảng sạy, nghiên cứu trong quá khứ, hiện tại, hay tương lai, hay các dịch vụ khác. Quy định này áp dụng ngay cả khi tất cả các thí sinh học để lấy bằng phải thực hiện các dịch vụ để nhận được bằng.

Để biết thông tin về các quy tắc áp dụng cho việc giảm học phí đủ điều kiện miễn thuế do một tổ chức giáo dục cung cấp cho nhân viên và gia đình của họ, hãy tham khảo Pub. 970.

Trợ cấp Bộ Cựu Chiến binh (VA). Khoản trợ cấp do VA trả không được tính vào thu nhập của quý vị. Khoản trợ cấp này không được coi là trợ cấp học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm.

Giải thưởng. Giải thưởng học bổng giành được trong một cuộc thi không phải là học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm nếu quý vị không sử dụng giải thưởng cho mục đích giáo dục. Quý vị phải khai báo số tiền này vào thu nhập của mình trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8, cho dù quý vị có sử dụng số tiền này cho mục đích giáo dục hay không.

Knh doanh theo dạng chia sẻ kinh phí/làm việc tự do. Nói chung, nếu quý vị làm việc trong nền kinh tế làm việc tự do hay đã làm công việc tự do, quý vị phải gộpcả thu nhập nhận được từ tất cả các công việc cho dù quý vị đã nhận được Mẫu 1099-K, Thẻ Thanh toán và các Giao dịch Mạng của Bên thứ ba hay không. Xem Hướng dẫn cho Bản Khai C (Mẫu 1040) và Hướng dẫn cho Bản Khai SE (Mẫu 1040).

Tài sản bị đánh cắp. Nếu quý vị đánh cắp tài sản, quý vị phải báo cáo giá trị thị trường hợp lý của nó trong thu nhập của quý vị trong năm quý vị đánh cắp, trừ khi quý vị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp của nó trong cùng năm đó.

Đưa đón trẻ em đến trường. Không tính vào thu nhập của quý vị khoản trợ cấp theo từng dăm đường của hội đồng nhà trường để đưa trẻ đến trường nếu quý vị không kinh doanh dịch vụ đưa trẻ đến trường. Quý vị không thể khấu trừ chi phí cung cấp việc đưa đón này.

Trợ cấp và lệ phí công đoàn. Số tiền được khấu trừ từ khoản thanh toán của quý vị cho phí công đoàn, đánh giá, đóng góp hay các khoản thanh toán khác cho công đoàn không được loại trừ khỏi thu nhập của quý vị.

Trợ cấp do hành động đình công và khóa xưởng. Các quyền lợi do công đoàn trả cho quý vị dưới dạng Trợ cấp do hành động đình công hay khóa xưởng, bao gồm cả tiền mặt và giá trị thị trường hợp lý của tài sản khác, thường được gộp trong thu nhập của quý vị như một khoản bồi thường. Quý vị chỉ có thể loại trừ những quyền lợi này khỏi thu nhập của quý vị khi các dữ kiện cho thấy rõ ràng rằng công đoàn dùng chúng làm quà tặng cho quý vị.

Giám giá tiện ích công cộng. Nếu quý vị là khách hàng của một công ty tiện ích công cộng về điện và quý vị tham gia vào chương trình bảo tồn năng lượng của công ty, quý vị có thể nhận được trên hóa đơn điện hàng tháng của quý vị:

- Giám giá mua điện cung cấp cho quý vị (giảm đơn giá), hoặc
- Tín thuế không hoàn lại trên giá mua điện.

Số tiền giảm giá hoặc tín thuế không hoàn lại không được tính trong thu nhập của quý vị.

9.

Trương Mục Hưu Trí Cá Nhân (IRA)

Những Quy Định Mới

Phân phối vì đại dịch Virus Corona. Quy chế gần đây có các quy định mới liên quan đến việc rút tiền được ưu đãi thuế, bao gồm thu nhập và tiền hoàn trả cho những cá nhân được chẩn đoán mắc Virus Corona hoặc bị thiệt hại kinh tế do đại dịch.

Xem phần *Phân Phối Vì Đại Dịch Virus Corona* trong Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Gia hạn thời hạn đóng góp. Thời hạn đóng góp Roth IRA và truyền thống năm 2019 đã được gia hạn đến ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Phân phối thiên tai đủ điều kiện. Các quy tắc đặc biệt quy định về phân phối ưu đãi thuế và các khoản hoàn trả đối với một số chương trình hưu trí cho những người đóng thuế phải chịu thiệt hại kinh tế từ các trận thiên tai lớn trong năm thuế 2018, 2019 và 2020. Đối với hồ sơ khai thuế năm 2020 của quý vị, các khoản phân phối thiên tai đủ điều kiện này là các khoản phân phối trong Mẫu 8915-C năm 2020, các khoản Phân Phối Và Hoàn Trả Trong Kế hoạch Hưu Trí Do Thảm Họa 2018 Đủ Điều Kiện, và các hướng dẫn của nó; Mẫu 8915-D năm 2020, các khoản Phân Phối Và Hoàn Trả Trong Kế hoạch Hưu Trí Do Thảm Họa 2019 Đủ Điều Kiện, và các hướng dẫn của nó; Mẫu 8915-E năm 2020, các khoản Phân Phối Và Hoàn Trả Trong Kế hoạch Hưu Trí Do Thảm Họa 2020 Đủ Điều Kiện, và các hướng dẫn của nó;.

Giới hạn AGI được sửa đổi cho các khoản đóng góp IRA truyền thống. Đối với năm 2020, nếu quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc, khoản khấu trừ của quý vị cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống sẽ được cắt giảm (loại bỏ dần) nếu AGI theo luật thuế mới của quý vị là:

- Hơn $104.000 nhưng ít hơn $124.000 đối với vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người góa vợ/chồng đủ điều kiện,
- Hơn $65.000 nhưng ít hơn $75.000 đối với một cá nhân độc thân hoặc chủ gia đình, hoặc
- Dưới $10.000 đối với một cá nhân đã kết hôn khai riêng hồ sơ thuế.

Nếu quý vị sống với vợ/chồng của mình hoặc khai chung hồ sơ thuế và vợ/chồng của quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc nhưng quý vị thì không, khoản khấu trừ của quý vị sẽ được loại bỏ dần nếu AGI theo luật thuế mới của quý vị nhiều hơn $196.000 nhưng ít hơn $206.000. Nếu AGI theo luật thuế mới của quý vị từ $206.000 trở lên, quý vị sẽ không được khấu trừ các khoản đóng góp cho IRA truyền thống. Xem *Số Tiền Quý Vị Có Thể Khấu Trừ*, ở phần sau.

Giới hạn tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) được sửa đổi cho khoản đóng góp Roth IRA. Đối với năm 2020, giới hạn đóng góp Roth IRA của quý vị được cắt giảm (loại bỏ dần) trong các trường hợp sau.

- Tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người góa vợ/chồng đủ điều kiện và AGI theo luật thuế mới của quý vị tối thiểu là $196.000. Quý vị không thể đóng góp Roth IRA nếu AGI theo luật thuế mới của quý vị là từ $206.000 trở lên.
- Tình trạng khai thuế của quý vị là độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không sống cùng vợ/chồng của mình trong năm 2020 và AGI theo luật thuế mới của quý vị tối thiểu là $124.000. Quý vị không thể đóng góp Roth IRA nếu AGI theo luật thuế mới của quý vị là từ $139.000 trở lên.
- Tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, quý vị đã sống cùng với vợ/chồng của mình trong năm và AGI được sửa đổi của quý vị lớn hơn 0. Quý vị không thể đóng góp Roth IRA nếu AGI được sửa đổi của quý vị là từ $10.000 trở lên.

Xem *Liệu Quý Vị Có Thể Đóng Góp Cho IRA Roth Không*, ở phần sau.

Hạn mức tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) được sửa đổi năm 2021. Quý vị có thể tìm kiếm thông tin về việc đóng góp cho năm 2021 và hạn mức tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) trong Ấn Phẩm 590-A.

Nhắc nhở

Đã bãi bỏ độ tuổi tối đa để đóng góp IRA truyền thống. Đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, không có giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 590-A.

Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (RMD). Đối với các khoản phân phối bắt buộc phải được thực hiện sau năm tính thuế 2019, độ tuổi cho ngày bắt đầu bắt buộc đối với các khoản phân phối bắt buộc được thay đổi thành 72 tuổi đối với người nộp thuế đủ 70 tuổi1/2 sau năm 2019.

Đóng góp cho cả IRA truyền thống và Roth IRA. Để tìm hiểu thông tin về giới hạn đóng góp kết hợp của quý vị nếu quý vị đóng góp cho cả IRA truyền thống và Roth IRA, vui lòng tham hảo mục *IRA Roth và IRA truyền thống*, ở phần sau.

Thời gian chuyển đổi được gia hạn đối với các khoản vay bù trừ đủ điều kiện trong năm 2018 hoặc sau đó. Đối với các phân phối được thực hiện trong các năm chịu thuế sau năm thuế 2017, quý vị cần phải khai hồ sơ thuế cho năm chịu thuế mà sự bù trừ được thực hiện để chuyển đổi một khoản vay bù trừ đủ điều kiện trước hoặc đến đúng ngày đến hạn (đã bao gồm cả thời gian gia hạn). Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 590-A.

Không có chuyển đổi nào tái xác định từ năm 2018 trở đi. Việc chuyển đổi IRA từ truyền thống thành Roth IRA và chuyển đổi từ bất kỳ chương trình hưu trí đủ điều kiện nào khác sang Roth IRA được thực hiện sau năm thuế 2017 sẽ không thể được tái xác định như đã được thực hiện cho IRA truyền thống. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 590-A.

Báo cáo về phân phối tối thiểu cần thiết. Nếu có yêu cầu phân phối tối thiểu từ IRA của quý vị thì người được ủy thác, người trông coi hoặc tổ chức phát hành đã nắm giữ IRA vào cuối năm trước đó phải báo cáo số tiền phân phối tối thiểu bắt buộc của quý vị hoặc đề nghị tính nó cho quý vị. Báo cáo hoặc đề nghị phải bao gồm ngày mà số tiền phải được phân phối. Hạn báo cáo là vào ngày 31 tháng 1 của năm có yêu cầu phân phối tối thiểu. Nó có thể được cung cấp cùng với báo cáo giá trị thị trường hợp lý cuối năm mà quý vị thường nhận được mỗi năm. Không cần báo cáo IRA của người đã qua đời.

Tiền lãi IRA. Mặc dù tiền lãi kiếm được từ IRA của quý vị thường không phải chịu thuế trong năm kiếm được nhưng nó không phải là tiền lãi được miễn thuế. Thuế đối với IRA truyền thống của quý vị thường được hoãn lại cho đến khi quý vị nhận được phân phối. Không báo cáo khoản tiền lãi này trên hồ sơ khai thuế của quý vị là tiền lãi được miễn thuế.

Thuế lợi tức đầu tư ròng. Để phục vụ mục đích của Thuế Lợi Tức Đầu Tư Ròng (NIIT), thu nhập đầu tư ròng không bao gồm các khoản phân phối từ chương trình hưu trí đủ điều kiện tính cả IRA (ví dụ: chương trình 401 (a), 403 (a), 403 (b), 408, 408A, hoặc 457 (b)). Tuy nhiên, các khoản phân phối này sẽ được xem xét khi xác định ngưỡng AGI đã được sửa đổi. Các khoản phân phối từ chương trình hưu trí không đủ tiêu chuẩn sẽ được tính vào thu nhập đầu tư ròng. Xem Mẫu 8960, Thuế Lợi Tức Đầu Tư Ròng-Cá Nhân, Tài Sản, và Quỹ Tín Thác và các hướng dẫn để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu 8606. Để chỉ định các khoản đóng góp là không thể khấu trừ, quý vị phải khai nó trên Mẫu 8606, IRA Không Thể Khấu Trừ.

TIP *Thuật ngữ "50 trở lên" được sử dụng nhiều lần trong chương này. Nó dùng để chỉ chủ sở hữu IRA từ 50 tuổi trở lên vào thời điểm cuối năm chịu thuế.*

Giới thiệu

IRA là một kế hoạch tiết kiệm để dành cá nhân mang lại cho quý vị các lợi ích về thuế khi để dành tiền hưu trí.

Chương này sẽ thảo luận về các chủ đề sau.

- Các quy định đối với IRA truyền thống (bất kỳ IRA nào không phải là Roth hoặc SIMPLE IRA).
- IRA Roth với các khoản đóng góp không giới hạn và phân phối miễn thuế.

Chương Trình Bảo Hiểm Hưu Trí Giản Đơn Cho Nhân Viên (SEP) và Chương Trình Kết Hợp Khuyến Khích Tiết Kiệm Cho Nhân Viên sẽ không được thảo luận trong chương này. Để biết thêm thông tin về các chương trình này và SEP IRA và SIMPLE IRA của nhân viên nằm trong chương trình này, tham khảo Ấn Phẩm 560, Chương Trình Hưu Trí cho Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ.

Để biết thông tin về các khoản đóng góp, khấu trừ, rút tiền, chuyển khoản, chuyển đổi và các giao dịch khác, tham khảo Ấn Phẩm 590-A và Ấn Phẩm 590-B.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **560** Chương Trình Hồi Hưu cho Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ
- ❑ **575** Hưu Bổng và Thu Nhập Niên Kim
- ❑ **590-A** Đóng Góp Vào Trương Mục Hưu Trí Cá Nhân (IRA)
- ❑ **590-B** Phân Phối Từ Trương Mục Hưu Trí Cá Nhân(IRA)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **5329** Thuế Bổ Sung cho Các Chương Trình Đủ Tiêu Chuẩn (kể cả IRA) và Các Trương Mục Được Ưu Đãi Về Thuế Khác
- ❑ **8606** Quỹ/Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA) không được khấu trừ

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

IRA Truyền thống

Trong chương này, IRA ban đầu (đôi khi được gọi là IRA thông thường hoặc định kỳ) được gọi là "IRA truyền thống." IRA truyền thống là tất cả IRA không phải là Roth IRA hoặc SIMPLE IRA.Hai lợi thế của IRA truyền thống là:

- Quý vị có thể khấu trừ một số hoặc tất cả các khoản đóng góp của mình vào đó tùy theo hoàn cảnh của quý vị; và
- Số tiền trong IRA của quý vị, tính cả thu nhập và lợi nhuận, thường sẽ không phải chịu thuế cho đến khi chúng được phân phối.

Ai Có Thể Mở Một IRA Truyền Thống?

Quý vị có thể mở và đóng góp vào một IRA truyền thống nếu quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị nếu quý vị khai thuế chung) nhận được khoản bồi thường chịu thuế trong năm.

TIP *Đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, không có giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 590-A.*

Tiền thù lao là gì? Thông thường, tiền thù lao là những gì quý vị kiếm được từ việc lao động. Tiền thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền boa, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản tiền khác mà quý vị nhận được khi cung cấp các dịch vụ cá nhân. IRS coi tất cả các khoản tiền nào được ghi trong ô 1 (Tiền lương, tiền boa, các khoản bồi thường khác) của Mẫu W-2, Khai Lương và Thuế là tiền thù lao với điều kiện bất kỳ sự cắt giảm nào từ khoản tiền đã được ghi trong ô 11 (Các chương trình không đủ tiêu chuẩn).

Các khoản thanh toán học bổng và nghiên cứu sinh được coi là tiền thù lao nếu chúng được ghi trong ô 1 của Mẫu W-2.

Tiền thù lao cũng bao gồm tiền hoa hồng và tiền cấp dưỡng chịu thuế và tiền cấp dưỡng sau ly thân.

Thu nhạp tư doanh. Nếu quý vị là người tự kinh doanh (một chủ sở hữu duy nhất hoặc một đối tác) tiền thù lao là thu nhập ròng từ việc buôn bán hoặc kinh doanh của quý vị (với điều kiện các dịch vụ cá nhân của quý vị là một yếu tố tạo ra thu nhập vật chất) cắt giảm đi tổng của:

- Khoản khấu trừ cho các khoản đóng góp trên danh nghĩa của quý vị cho các chương trình hưu trí, và
- Phần được khấu trừ từ thuế tự doanh của quý vị.

Tiền thù lao bao gồm thu nhập từ việc tự kinh doanh ngay cả khi chúng không phải chịu thuế tư doanh nhờ vào niềm tin tôn giáo của quý vị.

Lương chiến đấu không chịu thuế. Đối với các mục đích của IRA, nếu quý vị là thành viên của Lực Lượng Vũ Trang Hoa Kỳ thì tiền thù lao của quý vị sẽ bao gồm tất cả tiền lương chiến đấu mà quý vị nhận được.

Khoản nào không phải là tiền thù lao? Tiền thù lao không bao gồm các mục sau đây.

- Thu nhập và lợi nhuận từ tài sản, chẳng hạn như thu nhập cho thuê nhà, thu nhập từ tiền lãi và lợi tức cổ phần.
- Thu nhập hưu trí hoặc niên kim.
- Tiền thù lao hoãn thuế đã nhận (tiền thù lao bị hoãn trả từ một năm trước).
- Thu nhập từ quan hệ đối tác mà quý vị không cung cấp các dịch vụ được coi là yếu tố tạo ra thu nhập vật chất.
- Các khoản thanh toán cho Chương Trình Dự Trữ Bảo Tồn (Conservation Reserve Program, CRP) được báo cáo trên Mẫu Khai Thuế SE (Mẫu 1040), dòng 1b.
- Bất kỳ khoản tiền nào (ngoài tiền lương chiến đấu) mà quý vị loại trừ khỏi thu nhập, chẳng hạn như thu nhập kiếm được từ nước ngoài và chi phí nhà ở.

Khi Nào và Làm Thế Nào Để Mở một IRA Truyền Thống?

Quý vị có thể mở một IRA truyền thống vào bất kỳ lúc nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem *Thời Điểm Có Thể Đóng Góp* tiếp sau đây.

Quý vị có thể mở các loại IRA khác nhau với nhiều tổ chức khác nhau. Quý vị có thể mở IRA tại một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác hoặc với một quỹ tương hỗ hoặc công ty bảo hiểm nhân thọ. Quý vị cũng có thể mở IRA thông qua công ty môi giới chứng khoán của mình. Tất cả IRA phải đáp ứng các yêu cầu của Luật Thuế Vụ.

Các loại IRA truyền thống. IRA truyền thống của quý vị có thể là trương mục. Nó có thể là một phần của SEP hoặc tài khoản ủy thác của đơn vị sử dụng lao động hoặc hiệp hội nhân viên.

Số Tiền Có Thể Đóng Góp?

IRA truyền thống có các giới hạn và các quy định khác ảnh hưởng đến số tiền đóng góp. Những giới hạn này và các quy định khác sẽ được giải thích dưới đây.

Luật tài sản chung. Trừ trường hợp như được trình bày ở sau theo *giới hạn Kay Bailey Hutchison Spousal IRA*, mỗi người vợ/chồng sẽ tính toán giới hạn riêng của mình bằng cách sử dụng số tiền thù lao của riêng mình. Quy định này được áp dụng ở cả các tiểu bang có luật tài sản chung.

Hoa hồng môi giới. Hoa hồng của công ty môi giới được trả liên quan đến IRA truyền thống của quý vị phải tuân theo giới hạn đóng góp.

Phí ủy thác. Phí hành chính của người được ủy thác không phải tuân theo giới hạn đóng góp.

Các khoản hoàn trả của lính dự bị đủ điều kiện. Nếu quý vị đang (hoặc đã từng) là thành viên thuộc thành phần dự bị và quý vị được lệnh hoặc được gọi đi làm nhiệm vụ tại ngũ sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, quý vị có thể đóng góp (hoàn trả) cho IRA khoản tiền tương đương với bất kỳ phân phối của lính dự bị đủ điều kiện nào mà quý vị đã nhận được. Quý vị có thể thực hiện các khoản đóng góp hoàn trả này ngay cả khi chúng khiến tổng số tiền đóng góp của quý vị cho IRA vượt quá giới hạn chung cho phép đóng góp. Để đủ điều kiện thực hiện các khoản đóng góp hoàn trả này, quý vị phải nhận được phân phối dự phòng đủ điều kiện từ IRA hoặc từ chương trình mục 401 (k) hoặc 403 (b) hoặc thỏa thuận tương tự.

Để biết thêm thông tin, xem *Các khoản hoàn trả của lính dự bị đủ điều kiện* trong mục *Số Tiền Có Thể Đóng Góp?* tại chương 1 của Ấn Phẩm. 590-A.

CAUTION *Các khoản đóng góp trên danh nghĩa của quý vị cho IRA truyền thống sẽ làm giảm giới hạn đóng góp cho Roth IRA. (Xem Roth IRA ở phần sau.)*

Giới hạn chung. Đối với năm 2020, số tiền lớn nhất quý vị có thể đóng góp cho IRA truyền thống thường sẽ nhỏ hơn các con số sau đây.

- $6.000 ($7.000 nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên).
- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị (đã được xác định trước đó) trong năm.

Đây là số tiền lớn nhất có thể được đóng góp mà không tính đến việc các khoản đóng góp đó là cho một hay nhiều IRA truyền thống hay tất cả hoặc một phần đóng góp là không thể khấu trừ. (Xem *Khoản Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ*, ở phần sau.) Các khoản hoàn trả của lính dự bị đủ điều kiện không ảnh hưởng đến giới hạn này.

Ví dụ 1. Betty, 34 tuổi và độc thân, có thu nhập là $24.000 trong năm 2020. Các khoản đóng góp IRA của cô ấy cho năm 2020 được giới hạn ở mức là $6.000.

Ví dụ 2. John, một sinh viên đại học chưa lập gia đình làm việc bán thời gian, anh ta kiếm được $3.500 trong năm 2020. Các khoản đóng góp IRA của anh ta cho năm 2020 được giới hạn ở mức là $3.500, bằng với số tiền thù lao kiếm được.

Giới Hạn Kay Bailey Hutchison Spousal IRA. Đối với năm 2020, nếu quý vị khai chung hồ sơ thuế và tiền thù lao chịu thuế của quý vị ít hơn của vợ/chồng mình thì số tiền tối đa quý vị có thể đóng góp trong năm cho IRA của mình sẽ nhỏ hơn các con số sau đây.

1. $6.000 ($7.000 nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên).
2. Tổng số tiền thù lao được bao gồm trong tổng thu nhập của cả quý vị và vợ/chồng của quý vị trong năm sẽ được giảm đi hai khoản sau.
   a. Khoản đóng góp IRA của vợ/chồng quý vị trong năm cho IRA truyền thống.
   b. Bất kỳ khoản đóng góp nào trong năm cho Roth IRA trên danh nghĩa vợ/chồng của quý vị.

Điều này có nghĩa là tổng số tiền đóng góp kết hợp có thể được thực hiện trong năm cho IRA của quý vị

và IRA của vợ/chồng quý vị có thể lên tới $12.000 ($13.000 nếu chỉ một trong hai người từ 50 tuổi trở lên hoặc $14.000 nếu cả hai từ 50 tuổi trở lên).

Thời Điểm Có Thể Thực Hiện Đóng Góp?

Quý vị có thể thực hiện đóng góp ngay sau khi mở IRA truyền thống thông qua người bảo trợ mà quý vị đã chọn (người được ủy thác hoặc quản trị viên khác). Các khoản đóng góp phải dưới dạng tiền (tiền mặt, chi phiếu hoặc lệnh phiếu). Không được đóng góp bằng tài sản.

Đóng góp phải được thực hiện trước ngày đến hạn. Quý vị có thể đóng góp vào IRA truyền thống của mình trong một năm tại bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế của năm đó, không bao gồm thời gian gia hạn.

Chỉ định năm đóng góp. Nếu một khoản tiền được đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 15 tháng 4, quý vị nên cho người bảo trợ biết khoản tiền đó đóng góp cho năm nào (năm hiện tại hoặc năm trước). Nếu quý vị không cho người bảo trợ biết chính xác năm thì người đó có thể giả định và báo cáo với IRS rằng khoản đóng góp đó là cho năm hiện tại (năm mà người bảo trợ nhận được khoản đóng góp).

Khai thuế trước khi đóng góp. Quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế yêu cầu xin hoàn một khoản đóng góp IRA truyền thống trước khi đóng góp. Khoản đóng góp thường phải được thực hiện trước ngày đến hạn của hồ sơ khai thuế của quý vị, không bao gồm thời gian gia hạn.

Không bắt buộc phải đóng góp. Quý vị không cần phải đóng góp cho IRA truyền thống của mình cho mỗi năm chịu thuế dù có thể đóng góp.

Số Tiền Quý Vị Có Thể Khấu Trừ?

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ phần nhỏ hơn của:

- Những khoản đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị trong năm, hoặc
- Giới hạn chung (hoặc giới hạn Kay Bailey Hutchison Spousal IRA nếu có thể áp dụng).

Tuy nhiên, nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động thì quý vị có thể sẽ không thể khấu trừ số tiền này. Xem *Hạn Mức Nếu Được Bao Trả Theo Chương Trình của Người Sử Dụng Lao Động*, ở phần sau.

TIP *Quý vị có thể yêu cầu tín thuế cho những khoản đóng góp cho IRA truyền thống của mình. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem* chương 3 của *Ấn phẩm 590-A.*

Phí ủy thác. Phí hành chính của người được ủy thác được lập hóa đơn riêng và được thanh toán theo IRA truyền thống của quý vị sẽ không được khấu trừ dưới dạng đóng góp IRA. Quý vị cũng không thể khấu trừ các khoản phí này như một khoản khấu trừ từng khoản.

Hoa hồng môi giới. Hoa hồng của công ty môi giới là một phần trong khoản đóng góp IRA của quý vị và do đó nó phải được khấu trừ theo các giới hạn.

Khấu trừ toàn bộ. Nếu cả quý vị và vợ/chồng của quý vị đều không được bao trả trong một phần của năm theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động, quý vị có thể khấu trừ tổng số tiền đóng góp cho một hoặc nhiều IRA truyền thống lên đến con số thấp hơn:

- $6.000 ($7.000 nếu quý vị đủ 50 tuổi trở lên vào năm 2020), hoặc
- 100% tiền bồi thường của quý vị.

Bất kỳ khoản đóng góp nào vào chương trình 501 (c) (18) trên danh nghĩa của quý vị sẽ làm giảm giới hạn đóng góp này.

Kay Bailey Hutchison Spousal IRA. Trong trường hợp một cặp vợ chồng có mức tiền thù lao không bằng nhau khai chung hồ sơ thuế thì khoản khấu trừ cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống của người vợ/chồng có số tiền thù lao thấp hơn được giới hạn ở mức thấp hơn các con số sau.

1. $6.000 ($7.000 nếu người vợ/chồng có mức tiền thù lao thấp hơn đủ 50 tuổi trở lên vào năm 2020).
2. Tổng số tiền thù lao được bao gồm trong tổng thu nhập của cả hai vợ chồng trong năm sẽ được giảm đi ba khoản sau.
   a. Khoản khấu trừ IRA trong năm đó của người vợ/chồng có số tiền thù lao lớn hơn.
   b. Bất kỳ khoản đóng góp không giới hạn nào được chỉ định trong năm được thực hiện trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số tiền thù lao lớn hơn.
   c. Bất kỳ khoản đóng góp nào trong năm đó vào Roth IRA trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số tiền thù lao hơn.

Giới hạn này được giảm trừ tất cả khoản đóng góp vào chương trình 501 (c) (18) trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số tiền thù lao thấp hơn.

Lưu ý. Nếu quý vị đã ly hôn hoặc ly thân hợp pháp (và không tái hôn) trước thời điểm cuối năm thì quý vị không thể khấu trừ bất kỳ khoản đóng góp nào cho IRA của vợ/chồng của mình. Sau khi ly hôn hoặc ly thân hợp pháp, quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản đóng góp cho IRA của riêng mình. Các khoản khấu trừ của quý vị phải tuân theo các quy định dành cho người độc thân.

Được bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động. Nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động trong năm mà quý vị đã thực hiện các khoản đóng góp thì khoản khấu trừ của quý vị có thể bị giới hạn hơn nữa. Nội dung này sẽ được thảo luận sau trong *Hạn Mức Nếu Được Bao Trả Theo Chương Trình của Người Sử Dụng Lao Động*. Giới hạn về số tiền quý vị có thể khấu trừ không ảnh hưởng đến số tiền có thể đóng góp. Xem *Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ* sau đây.

Quý Vị Có Được Bao Trả Theo Chương Trình Hưu Trí Của Người Sử Dụng Lao Động Không?

Mẫu W-2 mà quý vị nhận được từ đơn vị sử dụng lao động của mình có một ô được sử dụng để cho biết liệu quý vị có được bao trả trong năm hay không. Ô "Chương trình hưu trí" sẽ được đánh dấu trong trường hợp quý vị được bao trả.

Quân nhân dự bị và lính cứu hỏa tình nguyện cũng nên tham khảo *Các Trường Hợp Không Được Bao Trả Theo Chương Trình Của Người Sử Dụng Lao Động*, ở phần sau.

Nếu quý vị không chắc liệu mình có được bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động hay không, hãy hỏi đơn vị sử dụng lao động của quý vị.

Các thẩm phán liên bang. Để phục vụ mục đích khấu trừ IRA, các thẩm phán liên bang được bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động.

Quý Vị Được Bao Trả Cho (Những) Năm Nào?

Các quy định đặc biệt được áp dụng để xác định các năm chịu thuế mà quý vị được bao trả theo chương trình của đơn vị sử dụng lao động. Các quy định này có sự khác biệt tùy theo chương trình này là một chương trình đóng góp xác định hay một chương trình phúc lợi xác định.

Năm chịu thuế. Năm chịu thuế của quý vị là chu kỳ kế toán hàng năm để quý vị lưu giữ và báo cáo thu nhập và chi phí trên hồ sơ khai thuế thu nhập của mình. Đối với hầu hết mọi người, năm chịu thuế là năm theo niên lịch.

Chương trình đóng góp xác định. Thông thường, quý vị sẽ được bao trả theo một chương trình đóng góp xác định cho một năm chịu thuế nếu số tiền được đóng góp hoặc phân bổ vào tài khoản của quý vị cho năm chương trình kết thúc cùng hoặc trong năm chịu thuế đó.

Một chương trình đóng góp xác định là chương trình cung cấp một tài khoản riêng cho mỗi người tham gia chương trình. Các loại chương trình đóng góp xác định bao gồm chương trình chia sẻ lợi nhuận, chương trình thưởng cổ phiếu và chương trình hưu trí mua tiền. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm. 590-A.

Chương trình phúc lợi xác định. Nếu quý vị đủ điều kiện để tham gia vào chương trình phúc lợi xác định của đơn vị sử dụng lao động cho năm chương trình kết thúc trong năm chịu thuế của quý vị thì tức là quý vị đang được bao trả theo chương trình này. Quy định này áp dụng ngay cả khi quý vị:

- Từ chối tham gia chương trình,
- Không đóng góp theo quy định, hoặc
- Không thực hiện dịch vụ tối thiểu cần thiết để tích lũy phúc lợi trong năm.

Một chương trình phúc lợi xác định là tất cả các chương trình không phải là chương trình đóng góp xác định. Trong một chương trình phúc lợi xác định, mức phúc lợi đối với mỗi người tham gia được nêu cụ thể trong chương trình. Nhà quản lý chương trình sẽ tính toán số tiền cần thiết để cung cấp những phúc lợi đó và số tiền đó sẽ được đóng góp vào chương trình. Các chương trình phúc lợi xác định bao gồm các chương trình hưu trí và chương trình niên kim.

Không có quyền lợi được đảm bảo. Nếu quý vị tích lũy được một khoản trợ cấp cho một năm của chương trình, quý vị sẽ được hưởng bao trả theo chương trình đó ngay cả khi quý vị không có quyền lợi được đảm bảo (quyền hợp pháp) đối với khoản tích lũy đó.

Bảng 9-1. **Ảnh hưởng của AGI theo luật thuế mới[1] đối với Khoản Khấu Trừ Nếu Quý Vị Được Bao Trả Theo Chương Trình Hưu Trí Tại Nơi Làm Việc.**

Nếu quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc, hãy sử dụng bảng này để xác định xem AGI được sửa đổi của quý vị có ảnh hưởng đến số tiền khấu trừ của quý vị hay không.

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	VÀ AGI được sửa đổi của quý vị là...	THÌ quý vị có thể nhận được...
Độc thân	$65.000 trở xuống	một khoản khấu trừ đầy đủ.
hoặc	nhiều hơn $65.000 nhưng ít hơn $75.000	một khoản khấu trừ một phần.
Chủ gia đình	$75.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế	$104.000 trở xuống	một khoản khấu trừ đầy đủ.
hoặc	nhiều hơn $104.000 nhưng ít hơn $124.000	một khoản khấu trừ một phần.
Người góa vợ/chồng đủ điều	$124.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế[2]	dưới $10.000	một khoản khấu trừ một phần.
	$10.000 trở lên	không được khấu trừ.

[1] AGI Được Sửa Đổi (tổng thu nhập đã điều chỉnh). Xem *Tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) được sửa đổi* sau đây.

[2] Nếu quý vị không chung sống cùng vợ/chồng của mình trong năm thì tình trạng khai thuế của quý vị được coi là Độc thân (do đó, khoản khấu trừ IRA của quý vị được xác định trong cột "Độc thân").

Các Trường Hợp Không Được Bao Trả Theo Chương Trình Của Nhà Tuyển Dụng

Trừ trường hợp quý vị đang được bao trả theo chương trình của đơn vị sử dụng lao động khác, quý vị sẽ không được bao trả theo chương trình của đơn vị sử dụng lao động khi thuộc một trong các trường hợp được mô tả dưới đây.

An sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt. Bao trả theo an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt không phải là bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động.

Trợ cấp từ chương trình của đơn vị sử dụng lao động trước. Nếu quý vị đang nhận trợ cấp hưu trí từ chương trình của đơn vị sử dụng lao động trước đây thì quý vị sẽ không được bao trả theo chương trình này.

Lính dự bị. Nếu lý do duy nhất mà quý vị tham gia vào một chương trình là do đang là một thành viên thuộc một đơn vị dự bị của Lực Lượng Vũ Trang Hoa Kỳ thì quý vị có thể sẽ không được bao trả theo chương trình này. Quý vị không được bao trả theo chương trình này nếu có đủ cả hai điều kiện sau.

1. Chương trình quý vị tham gia được lập ra cho nhân viên của mình tại:
   a. Hoa Kỳ,
   b. Một tiểu bang hoặc phân khu chính trị thuộc một tiểu bang, hoặc
   c. Một cơ quan phát hành của (a) hoặc (b) ở trên.
2. Quý vị không phục vụ tại ngũ quá 90 ngày trong năm (không tính thời gian đào tạo nghĩa vụ).

Lính cứu hỏa tình nguyện. Nếu lý do duy nhất mà quý vị tham gia vào một chương trình là do đang là một lính cứu hỏa tình nguyện thì quý vị có thể sẽ không được bao trả theo chương trình này. Quý vị không được bao trả theo chương trình này nếu có đủ cả hai điều kiện sau.

1. Chương trình quý vị tham gia được lập ra cho nhân viên của mình tại:
   a. Hoa Kỳ,
   b. Một tiểu bang hoặc phân khu chính trị thuộc một tiểu bang, hoặc
   c. Một cơ quan phát hành của (a) hoặc (b) ở trên.
2. Trợ cấp hưu trí tích lũy của quý vị vào đầu năm sẽ không cấp quá $1.800 mỗi năm khi nghỉ hưu.

Hạn Mức Nếu Được Bao Trả Theo Chương Trình của Người Sử Dụng Lao Động

Nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động thì quý vị có thể chỉ được hưởng một phần khấu trừ (đã giảm) hoặc không khấu trừ tùy vào thu nhập và tình trạng khai thuế của quý vị.

Khoản khấu trừ của quý vị sẽ bắt đầu giảm đi (loại bỏ dần) khi thu nhập của quý vị tăng vượt quá một số tiền nhất định và bị loại bỏ hẳn khi nó đạt đến số tiền cao hơn. Những con số này sẽ thay đổi tùy vào tình trạng khai thuế của quý vị.

Để xác định xem khoản khấu trừ của quý vị có bị giảm dần hay không, quý vị phải xác định AGI được sửa đổi và tình trạng khai thuế của mình. Xem mục *Tình trạng khai thuế* và *Tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) được sửa đổi*, ở phần sau. Sau đó sử dụng Bảng 9-1 hoặc Bảng 9-2 để xác định mức giảm dần được áp dụng.

Người nhận quyền lợi an sinh xã hội. Thay vì sử dụng Bảng 9-1 hoặc Bảng 9-2, hãy sử dụng mẫu tính toán trong *Phụ Lục B* của Ấn Phẩm 590-A cho năm áp dụng đủ tất cả các điều kiện sau đây.

- Quý vị đã nhận được quyền lợi an sinh xã hội.
- Quý vị đã nhận được tiền thù lao chịu thuế.
- Quý vị đã đóng góp cho IRA truyền thống của mình.
- Quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị đã được bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động.

Sử dụng các mẫu tính toán đó để tính khoản khấu trừ IRA, khoản đóng góp không thể khấu trừ của quý vị và phần chịu thuế, nếu có, trong quyền lợi an sinh xã hội của quý vị.

Khấu trừ giảm dần. Nếu quý vị được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động và quý vị không nhận được bất kỳ khoản trợ cấp hưu trí an sinh xã hội nào thì khoản khấu trừ IRA của quý vị có thể bị giảm hoặc loại bỏ tùy vào tình trạng khai thuế và AGI theo luật thuế mới của quý vị như được ghi trong Bảng 9-1.

Nếu vợ/chồng của quý vị được bao trả. Nếu quý vị không được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động nhưng vợ/chồng của quý vị thì có và quý vị không nhận được bất kỳ khoản trợ cấp an sinh xã hội nào thì khoản khấu trừ IRA của quý vị có thể được giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn tùy vào tình trạng khai thuế và AGI theo luật thuế mới của quý vị như trong Bảng 9-2.

Tình trạng khai thuế. Tình trạng khai thuế của quý vị chủ yếu dựa vào tình trạng hôn nhân của quý vị. Để khai thuế, quý vị cần biết tình trạng khai thuế của mình là độc thân hay chủ gia đình, vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hay người góa vợ/chồng đủ điều kiện, hay vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Nếu quý vị cần thêm thông tin về tình trạng khai thuế, vui lòng tham khảo chương 2.

Sống xa vợ/chồng. Nếu quý vị không chung sống với vợ/chồng của mình trong năm và quý vị khai thuế riêng thì tình trạng khai thuế của quý vị được coi là độc thân.

Tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) được sửa đổi. Quý vị có thể sử dụng Mẫu tính toán 9-1 để tính AGI theo luật thuế mới của mình. Tuy nhiên, nếu quý vị đã đóng góp cho IRA của mình cho năm 2020 và nhận được phân phối từ IRA của quý vị vào năm 2020, tham khảo Ấn Phẩm 590-A.

CAUTION *Đừng cho rằng AGI được sửa đổi của quý vị bằng với tiền thù lao của quý vị. AGI được sửa đổi của quý vị có thể bao gồm thu nhập ngoài tiền thù lao (đã đề cập trước đó) chẳng hạn như tiền lãi, cổ tức và thu nhập từ việc phân phối IRA.*

Khi khai thuế theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy báo trước số tiền AGI tại dòng 11 mà không bao gồm các khoản sau đây.

- Khoản khấu trừ IRA.
- Khoản khấu trừ lãi vay sinh viên.
- Khoản khấu trừ tiền học và lệ phí.
- Loại trừ thu nhập kiếm được từ nước ngoài.
- Loại trừ hoặc khấu trừ thuế cho chi phí về nhà cửa ở nước ngoài.
- Loại trừ lãi suất trái phiếu tiết kiệm đủ tiêu chuẩn được ghi trên Mẫu 8815, Tiền Lời Không Tính từ Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ Loại EE và Loại I được Phát Hành Sau Năm 1989.
- Loại trừ các quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp được ghi trên Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Tiêu Chuẩn.

Bảng 9-2. **Ảnh hưởng của AGI Được Sửa Đổi[1] đối với Khoản Khấu Trừ Nếu Quý Vị Không Được Bao Trả Theo Chương Trình Hưu Trí Tại Nơi Làm Việc**

Nếu quý vị không được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc, hãy sử dụng bảng này để xác định xem AGI được sửa đổi của quý vị có ảnh hưởng đến số tiền khấu trừ của quý vị hay không.

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	**VÀ AGI được sửa đổi của quý vị là...**	**THÌ quý vị có thể nhận được...**
Độc Thân, **Chủ gia đình,** hoặc **Người góa vợ/chồng đủ điều kiện**	số tiền bất kỳ	một khoản khấu trừ đầy đủ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc **vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế** trong đó một người ***không được*** bao trả theo chương trình tại nơi làm việc	số tiền bất kỳ	một khoản khấu trừ đầy đủ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế trong đó một người ***được*** bao trả theo chương trình tại nơi làm việc	$196.000 trở xuống	một khoản khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn $196.000 nhưng ít hơn $206.000	một khoản khấu trừ một phần.
	$206.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế trong đó một người ***được*** bao trả theo chương trình tại nơi làm việc[2]	dưới $10.000	một khoản khấu trừ một phần.
	$10.000 trở lên	không được khấu trừ.

[1] AGI Được Sửa Đổi (tổng thu nhập đã điều chỉnh). Xem *Tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) được sửa đổi* sau đây.

[2] Quý vị có thể được khấu trừ đầy đủ nếu quý vị không chung sống cùng với vợ/chồng của mình trong năm.

Đây là AGI được sửa đổi của quý vị.

Khoản đóng góp cho năm 2020 và phân phối trong năm 2020. Nếu có đủ cả ba điều sau thì bất kỳ phân phối IRA nào mà quý vị nhận được trong năm 2020 có thể sẽ được miễn thuế một phần và chịu thuế một phần.

- Quý vị đã nhận được phân phối trong năm 2020 từ một hoặc nhiều IRA truyền thống.
- Quý vị đã đóng góp cho IRA truyền thống cho năm 2020.
- Một số khoản đóng góp đó có thể là đóng góp không thể khấu trừ.

Nếu quý vị gặp phải trường hợp này thì quý vị phải tính phần chịu thuế của phân phối IRA truyền thống trước khi có thể tính toán AGI được sửa đổi của mình. Để làm điều này, quý vị có thể sử dụng Mẫu Tính Toán 1-1 trong Ấn Phẩm 590-B.

Nếu thiếu một trong ba điều trên, hãy sử dụng Mẫu Tính Toán Thuế 9-1 để tính toán AGI theo luật thuế mới của quý vị.

Cách tính khoản khấu trừ IRA đã giảm của quý vị. Quý vị có thể tính khoản khấu trừ IRA đã giảm của mình cho Mẫu 1040 hoặc 1040-SR bằng cách sử dụng các mẫu tính toán thuế trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A. Ngoài ra, Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR cũng bao gồm các mẫu tính toán thuế tương tự để quý vị có thể lựa chọn.

Báo Cáo Các Đóng Góp Có Thể Khấu Trừ

Khi khai thuế theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy nhập khoản khấu trừ IRA của quý vị trên Mẫu Khai Thuế 1 (Mẫu 1040), dòng 19.

Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ

Mặc dù khoản khấu trừ của quý vị cho các khoản đóng góp cho IRA có thể bị giảm hoặc bị loại bỏ, các khoản đóng góp cho IRA của quý vị có thể lên giới hạn chung hoặc giới hạn Kay Bailey Hutchison Spousal IRA nếu áp dụng. Sự khác biệt giữa tổng đóng góp được cho phép và khoản khấu trừ IRA của quý vị, nếu có, là đóng góp không thể khấu trừ của quý vị.

Ví dụ: Mike 30 tuổi và độc thân. Anh ấy được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc trong năm 2020. Lương của anh ấy là $67.000. AGI được sửa đổi của anh ấy là $80.000. Mike đã đóng góp $6.000 cho IRA cho năm 2020. Do anh ấy được bao trả theo một chương trình hưu trí và AGI được sửa đổi của anh ấy là hơn $74.000 nên anh ấy sẽ không thể khấu trừ khoản đóng góp $6.000 cho IRA. Anh ấy sẽ phải chỉ ra khoản đóng góp này là khoản đóng góp không thể khấu trừ bằng cách báo cáo nó trên Mẫu 8606, như hướng dẫn tiếp theo đây.

Mẫu 8606. Để chỉ ra các khoản đóng góp là không thể khấu trừ, quý vị phải khai nó trên Mẫu 8606.

Quý vị không phải chỉ định một khoản đóng góp là không thể khấu trừ cho đến khi nộp hồ sơ khai thuế. Khi nộp hồ sơ khai thuế, quý vị thậm chí có thể chỉ định các khoản đóng góp được khấu trừ khác là không được khấu trừ.

Quý vị phải khai Mẫu 8606 để báo cáo các khoản đóng góp không thể khấu trừ ngay cả khi không phải nộp hồ sơ khai thuế trong năm.

CAUTION *Không sử dụng Mẫu 8606 cho năm mà quý vị chuyển từ chương trình hưu trí đủ điều kiện sang IRA truyền thống và tiền chuyển qua bao gồm cả các khoản không phải chịu thuế. Trong những trường hợp đó, quý vị sẽ hoàn thành Mẫu 8606 cho năm mà mình nhận phân phối từ IRA đó. Xem* Mẫu 8606 *trong* Phân Phối Chịu Thuế Đầy Đủ hoặc Một Phần *sau đây.*

Không báo cáo các khoản đóng góp không thể khấu trừ. Nếu quý vị không báo cáo các khoản đóng góp không thể khấu trừ thì tất cả các khoản đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị sẽ được coi là khoản đóng góp được khấu trừ khi được rút ra. Tất cả các phân phối từ IRA của quý vị sẽ phải chịu thuế trừ khi quý vị có các chứng thỏa đáng rằng đã thực hiện các khoản đóng góp không thể khấu trừ.

Hình phạt đối với hành vi khai khống. Nếu quý vị khai khống số tiền đóng góp không thể khấu trừ trên Mẫu 8606 cho bất kỳ năm chịu thuế nào, quý vị sẽ phải trả một khoản tiền phạt là $100 cho mỗi lần khai khống trừ khi có lý do chính đáng.

Hình phạt đối với việc không khai Mẫu 8606. Quý vị sẽ phải trả $50 tiền phạt nếu quý vị không

Mẫu Tính Toán 9-1. **Tính Toán AGI Được Sửa Đổi Của Quý Vị**

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

Sử dụng mẫu tính toán thuế này để tính tổng thu nhập đã điều chỉnh được sửa đổi của quý vị cho các IRA truyền thống.

1.	Nhập tổng thu nhập đã điều chỉnh của quý vị (AGI) từ Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11, tính toán mà không bao gồm các khoản từ Mẫu Khai Thuế 1 (Mẫu 1040), dòng 19	**1.** _____
2.	Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 20	**2.** _____
3.	Nhập tất cả khoản thu nhập kiếm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	**3.** _____
4.	Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	**4.** _____
5.	Nhập tất cả khoản tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm bị loại trừ từ Mẫu 8815,dòng 14	**5.** _____
6.	Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	**6.** _____
7.	Nhập tất cả khoản khấu trừ tiền học và lệ phí từ Mẫu Khai Thuế 1 (Mẫu 1040), dòng 21	**7.** _____
8.	Thêm các dòng từ 1 đến 7. Đây là **AGI được sửa đổi** của quý vị cho IRA truyền thống	**8.** _____

khai Mẫu 8606 theo yêu cầu trừ khi quý vị có thể chứng minh rằng mình có lý do chính đáng.

Thuế đối với các nguồn thu nhập trên các khoản đóng góp không thể khấu trừ. Miễn là các khoản đóng góp nằm trong giới hạn đóng góp thì các khoản thu nhập hoặc lợi tức kiếm được trên khoản đóng góp (có thể khấu trừ hoặc không thể khấu trừ) sẽ chưa bị thuế cho đến khi chúng được phân phối. Xem *Khi Nào Quý Vị Có Thể Rút hoặc Sử Dụng Tài Sản IRA*.

Cơ sở chi phí. Quý vị sẽ có cơ sở chi phí trong IRA truyền thống của mình khi thực hiện các khoản đóng góp không thể khấu trừ. Cơ sở chi phí của quý vị là tổng các khoản đóng góp không thể khấu trừ cho IRA của quý vị trừ đi số tiền đã rút hoặc phân phối của các khoản đóng góp thể khấu trừ.

Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA kế thừa

Nếu quý vị kế thừa IRA truyền thống, quý vị sẽ được gọi là người thụ hưởng. Người thụ hưởng có thể là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mà người chủ sở hữu chọn để nhận các phúc lợi của IRA sau khi người đó qua đời. Những người thụ hưởng IRA truyền thống phải đưa vào tổng thu nhập của họ mọi khoản phân phối chịu thuế mà họ nhận được.

Được kế thừa từ vợ/chồng. Nếu quý vị kế thừa một IRA truyền thống từ vợ/chồng của mình, quý vị thường sẽ có ba lựa chọn sau. Quý vị có thể thực hiện một trong những điều sau.

1. Coi nó là IRA thuộc sở hữu riêng bằng cách chỉ định bản thân quý vị là chủ sở hữu tài khoản.
2. Coi nó là sở hữu riêng bằng cách chuyển nó vào IRA của quý vị, hoặc trong phạm vi nó vẫn phải chịu thuế thành một:
   a. Chương trình của chủ lao động đủ điều kiện,
   b. Chương trình niên kim của chủ lao động đủ điều kiện (chương trình theo mục 403(a)),
   c. Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo mục 403(b)), hoặc
   d. Chương trình tiền thù lao hoãn thuế của một tiểu bang hoặc chính quyền địa phương (chương trình theo mục 457).
3. Coi bản thân là người thụ hưởng thay vì coi IRA là sở hữu riêng.

Coi nó là sở hữu riêng. Quý vị sẽ được cho là đã chọn IRA là sở hữu riêng khi:

- Thực hiện đóng góp (bao gồm cả đóng góp chuyển qua) cho IRA kế thừa, hoặc
- Quý vị không nhận khoản phân phối tối thiểu bắt buộc trong một năm với tư cách là người thụ hưởng IRA.

Quý vị sẽ chỉ được cho là đã chọn IRA là sở hữu riêng khi:

- Quý vị là người thụ hưởng IRA duy nhất, và
- Quý vị không bị giới hạn quyền rút tiền từ đó.

Tuy nhiên, nếu quý vị nhận một phân phối từ IRA từ người vợ/chồng đã qua đời của mình thì quý vị có thể chuyển phân phối đó vào IRA của riêng mình trong thời hạn 60 ngày, miễn là nó không phải là phân phối bắt buộc, ngay cả khi quý vị không phải là người thụ hưởng duy nhất IRA từ người vợ/chồng đã qua đời.

Được kế thừa từ một người khác không phải là vợ/chồng. Nếu quý vị kế thừa IRA truyền thống từ bất kỳ một ai đó khác không phải là vợ/chồng đã qua đời của quý vị, quý vị sẽ không thể coi IRA được kế thừa đó là sở hữu riêng. Điều này có nghĩa là quý vị không thể thực hiện đóng góp cho IRA. Nó cũng có nghĩa là quý vị không thể chuyển bất kỳ số tiền nào vào hoặc ra khỏi IRA kế thừa. Tuy nhiên, quý vị có thể thực hiện chuyển từ người được ủy thác sang người được ủy thác miễn là IRA mà số tiền được chuyển vào đó được thiết lập và duy trì dưới danh nghĩa của chủ sở hữu IRA đã qua đời có chỉ định quý vị là người thụ hưởng.

Để biết thêm thông tin, xem thảo luận về *IRA Kế Thừa* trong mục *Tiền Chuyển Từ IRA Này Sang IRA Khác* ở phần sau.

Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản Trong Chương Trình Hưu Trí Không?

Quý vị có thể chuyển các tài sản (tiền hoặc tài sản) mà không mất thuế từ các chương trình hưu trí khác (bao gồm các IRA truyền thống) sang IRA truyền thống. Quý vị có thể thực hiện các hình thức chuyển như sau.

- Chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác.
- Tiền chuyển qua.
- Chuyển khoản sau ly hôn.

Chuyển đến các Roth IRA. Trong một số điều kiện nhất định, quý vị có thể chuyển tài sản từ IRA truyền thống hoặc từ tài khoản Roth được chỉ định sang một Roth IRA. Quý vị cũng có thể chuyển tài sản từ chương trình hưu trí đủ điều kiện sang Roth IRA. Xem *Quý Vị Có Thể Chuyển Tiền Vào một Roth IRA Không?* trong mục *Roth IRA ở phần sau.*

Chuyển Từ Người Được Ủy Thác Sang Người Được Ủy Thác

Việc chuyển tiền từ IRA truyền thống của quý vị từ người được ủy thác này trực tiếp sang một người khác theo ý của quý vị hoặc của người được ủy thác không được coi là tiền chuyển qua. Điều này bao gồm trường hợp người được ủy thác hiện tại phát hành chi phiếu cho người được ủy thác mới nhưng lại đưa chi phiếu cho quý vị để gửi tiền. Do không có phân phối gửi đến quý vị nên việc chuyển tiền sẽ được miễn thuế. Vì đây không phải là tiền chuyển qua nên nó phải tuân theo quy định chờ 1 năm bắt buộc giữa các lần chuyển như được thảo luận trong *Tiền Chuyển Qua Từ IRA Này Sang IRA Khác*. Để biết thông tin về việc chuyển tiền trực tiếp từ các chương trình hưu trí không phải IRA đến IRA, tham khảo *Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản Của Chương Trình Hưu Trí Không?* trong chương 1 và *Quý Vị Có Thể Chuyển Tiền Vào một Roth IRA Không?* trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.

Tiền chuyển qua

Tiền chuyển qua thường là phân phối miễn thuế dành cho quý vị dưới hình thức tiền mặt hoặc các tài sản khác từ một chương trình hưu trí mà quý vị đóng góp (chuyển qua) sang một chương trình hưu trí khác. Đóng góp cho chương trình hưu trí thứ hai được gọi là "đóng góp chuyển qua."

Lưu ý. Một khoản tiền được chuyển miễn thuế từ chương trình hưu trí này sang chương trình hưu trí khác thường được sẽ được tính trong thu nhập khi nó được phân phối từ chương trình thứ hai.

Các loại tiền chuyển qua sang một IRA truyền thống. Quý vị có thể chuyển tiền từ các chương trình sau vào một IRA truyền thống.

- Một IRA truyền thống.
- Chương trình hưu trí đủ tiêu chuẩn của chủ lao động dành cho nhân viên.
- Một chương trình tiền thù lao hoãn thuế của một tiểu bang hoặc chính quyền địa phương (chương trình theo mục 457).
- Một chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo mục 403(b)).

Xử lý tiền chuyển qua. Quý vị không thể khấu trừ khoản đóng góp chuyển qua nhưng quý vị phải báo cáo phân phối chuyển qua trong hồ sơ khai thuế của mình như được đề cập ở sau trong *Báo cáo tiền chuyển qua từ IRA* và *Báo cáo tiền chuyển qua từ chương trình của chủ lao động*.

Thông báo chuyển qua. Chương trình (không phải là IRA) thực hiện việc phân phối phải cung cấp cho quý vị một lời giải thích bằng văn bản về việc xử lý tiền chuyển qua. Xem phần *Giải thích bằng văn bản cho người nhận* trong Ấn Phẩm 590-A.

Các loại tiền chuyển qua từ một IRA truyền thống. Quý vị có thể chuyển qua mà không mất thuế một phân phối từ IRA truyền thống của quý vị sang một chương trình đủ điều kiện. Các chương trình này bao gồm Chương Trình Tiết Kiệm Để Dành liên bang (dành cho nhân viên liên bang), chương trình tiền thù lao hoãn thuế của chính quyền tiểu bang hoặc địa phương (chương trình 457) và chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình 403(b)). Phần phân phối mà quý vị có thể chuyển qua là phần có thể phải chịu thuế (được bao gồm trong thu nhập của quý vị). Các chương trình đủ điều kiện có thể, dù không bắt buộc, chấp nhận các khoản tiền chuyển qua này.

Thời hạn để thực hiện đóng góp chuyển qua. Thông thường, quý vị sẽ phải thực hiện đóng góp chuyển đổi không muộn hơn ngày thứ 60 sau ngày quý vị nhận được phân phối từ IRA truyền thống hoặc từ chương trình của chủ lao động.

IRS có thể từ bỏ quy định 60 ngày trong trường hợp việc không thực hiện đúng yêu cầu là bất khả kháng, chẳng hạn như trong trường hợp có thương vong, thiên tai hoặc sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem *Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản Của Chương Trình Hưu Trí Không?* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Lỗ thời gian chuyển qua. Nếu một khoản tiền được phân phối cho quý vị từ một IRA truyền thống hoặc chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động đủ điều kiện là tiền gửi đóng băng tại bất kỳ một thời điểm nào trong khoảng thời gian 60 ngày được phép thực hiện chuyển qua thì thời gian chuyển qua sẽ được gia hạn. Để biết thêm thông tin, xem *Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản Của Chương Trình Hưu Trí Không?* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Chuyển Qua Từ IRA Này Sang IRA Khác

Quý vị có thể rút mà không mất thuế tất cả hoặc một phần tài sản từ một IRA truyền thống nếu quý vị tái đầu tư chúng trong vòng 60 ngày trong chính IRA truyền thống đó hoặc một IRA khác. Vì đây là tiền chuyển qua nên quý vị sẽ không thể khấu trừ số tiền mà mình tái đầu tư vào IRA.

Thời gian chờ giữa các lần chuyển qua. Thông thường, nếu quý vị thực hiện việc chuyển qua không mất thuế đối với bất kỳ phần nào trong phân phối từ một IRA truyền thống thì quý vị sẽ không thể thực hiện chuyển qua không mất thuế đối với bất kỳ phân phối nào sau này từ cùng IRA đó trong vòng 1 năm. Quý vị cũng không thể thực hiện chuyển qua không mất thuế đối với bất kỳ số tiền nào được phân phối, trong cùng khoảng thời gian 1 năm, từ IRA mà quý vị đã thực hiện chuyển qua không mất thuế.

Thời gian 1 năm được tính từ ngày quý vị nhận được phân phối của IRA, không phải vào ngày quý vị chuyển nó vào một IRA. Các quy định áp dụng cho số lần được phép chuyển qua đối với IRA truyền thống của quý vị. Xem phần *Đơn xin giới hạn một lần chuyển qua* tiếp theo.

Đơn xin giới hạn một lần chuyển qua. Quý vị chỉ có thể thực hiện một lần chuyển từ IRA này sang IRA khác (hoặc tương tự) trong thời gian 1 năm bất kể số lượng IRA mà quý vị sở hữu. Giới hạn áp dụng bằng cách tổng hợp tất cả các IRA của một cá nhân, bao gồm các SEP và SIMPLE IRA cũng như các IRA truyền thống và Roth IRA, coi chúng như một IRA. Tuy nhiên, việc chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác giữa các IRA không bị giới hạn và tiền chuyển qua từ IRA truyền thống sang IRA Roth (chuyển đổi) cũng không bị giới hạn.

Ví dụ: John sở hữu ba IRA truyền thống: IRA-1, IRA-2, and IRA-3. John đã không nhận bất kỳ phân phối nào từ IRA của mình trong năm 2020. Vào ngày 1 tháng 1 năm 2021, John nhận một khoản phân phối từ IRA-1 và chuyển nó sang IRA-2 trong cùng ngày. Trong năm 2021, John không thể chuyển bất kỳ phân phối IRA trong năm 2020 nào khác, bao gồm cả phân phối chuyển qua của IRA-3. Điều này sẽ không áp dụng cho chuyển đổi từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác hoặc chuyển đổi Roth IRA.

Chuyển qua một phần. Nếu rút tài sản từ một IRA truyền thống, quý vị có thể chuyển phần tiền rút không mất thuế và giữ phần còn lại. Số tiền quý vị giữ lại thường sẽ phải chịu thuế (ngoại trừ phần là khoản hoàn trả của các khoản đóng góp không thể khấu trừ). Số tiền quý vị giữ lại có thể phải chịu thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối sớm, được thảo luận ở sau trong *Hành Vi Nào Sẽ Bị Phạt Tiền Hoặc Áp Thuế Bổ Sung*.

Phân phối bắt buộc. Số tiền phải được phân phối trong một năm cụ thể theo quy định phân phối tối thiểu bắt buộc (sẽ được đề cập đến sau) không hợp chuẩn cho việc xử lý chuyển qua.

IRA kế thừa. Nếu quý vị kế thừa IRA truyền thống từ vợ/chồng của mình, thông thường quý vị có thể chuyển nó qua hoặc có thể biến nó thành của riêng mình. Xem *Coi nó là sở hữu riêng* ở trước đó.

Không được kế thừa từ vợ/chồng. Nếu quý vị kế thừa một IRA truyền thống từ một người khác không phải là vợ/chồng của mình thì quý vị sẽ không thể chuyển nó qua hoặc cho phép nó nhận một khoản đóng góp chuyển đổi. Quý vị phải rút tài sản IRA trong một khoảng thời gian nhất định. Để biết thêm thông tin, xem *Thời Điểm Quý Vị Phải Rút Tài Sản? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc)* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-B.

Báo cáo tiền chuyển qua từ IRA. Báo cáo bất kỳ khoản chuyển qua nào từ một IRA truyền thống sang một IRA tương tự hoặc IRA truyền thống khác theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR như sau.

Nhập tổng số tiền phân phối vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a. Nếu tổng số tiền trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a, đã được chuyển qua, hãy nhập số 0 vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Nếu tổng phân phối không được chuyển qua, hãy nhập phần chịu thuế của phần chưa được chuyển qua trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Nhập "Tiền Chuyển Qua" bên cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Để biết thêm thông tin, xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.

Nếu quý vị đã chuyển phân phối vào một chương trình đủ điều kiện (không phải IRA) hoặc quý vị thực hiện chuyển đổi trong năm 2021, hãy đính kèm một báo cáo giải thích những việc quý vị đã thực hiện.

Tiền Chuyển Qua Từ Chương Trình Của Người Sử Dụng Lao Động Sang Một IRA

Quý vị có thể chuyển đổi sang một IRA truyền thông tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển qua hợp chuẩn mà quý vị nhận được từ (hoặc từ người vợ/chồng đã qua đời của quý vị):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo mục 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo mục 457).

Một chương trình đủ điều kiện là chương trình đáp ứng các yêu cầu của Luật Thuế Vụ.

Phân phối chuyển qua hợp chuẩn. Phân phối chuyển qua hợp chuẩn là các phân phối toàn bộ hoặc một phần số dư vào tín thuế của quý vị trong một chương trình hưu trí đủ điều kiện ngoại trừ các phân phối sau đây.

1. Phân phối tối thiểu bắt buộc (được giải thích sau tại *Thời Điểm Quý Vị Phải Rút Tài IRA? (Phân phối tối thiểu bắt buộc)*).
2. Phân phối hoàn cảnh khó khăn.
3. Bất kỳ khoản phân phối nào trong một chuỗi các khoản phân phối định kỳ có giá trị bằng nhau được trả ít nhất một lần mỗi năm trong:
   a. Trọn đời quý vị hoặc theo tuổi thọ trung bình,
   b. Trọn đời quý vị hoặc theo tuổi thọ trung bình của quý vị và người thụ hưởng của quý vị, hoặc
   c. Khoảng thời gian từ 10 năm trở lên.
4. Phân phối điều chỉnh các khoản đóng thuế thặng dư hoặc hoãn thuế quá mức cùng bất kỳ thu nhập nào được phân bổ cho phần thặng dự, hoặc của các khoản bổ sung hàng năm thặng dư và của bất kỳ khoản thu nhập phân bổ nào.
5. Một khoản vay được coi là một khoản phân phối vì nó không thỏa mãn các yêu cầu nhất định khi được thực hiện hoặc sau đó (chẳng hạn như khi vỡ nợ) trừ trường hợp quyền lợi tích lũy của người tham gia bị giảm đi (bù trừ) để trả khoản vay. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem phần *Lập kế hoạch bù trừ khoản vay* trong *Giới Hạn Thời Gian để Thực Hiện Đóng Góp Chuyển Qua* trong Ấn Phẩm 590-A.
6. Cổ tức trên chứng khoán của đơn vị sử dụng lao động.
7. Chi phí bảo hiểm nhân thọ.

Tiền chuyển qua của quý vị vào IRA truyền thống có thể bao gồm cả số tiền phải chịu thuế và không phải chịu thuế nếu chúng được phân phối cho quý vị thay vì được chuyển qua. Trong trường hợp phân phối được chuyển qua vào IRA truyền thống, nó sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

TIP *Tất cả số tiền không chịu thuế mà quý vị chuyển vào IRA truyền thống đều trở thành một phần trong cơ sở (chi phí) trong IRA của quý vị. Để khôi phục cơ sở của quý vị khi quý vị nhận phân phối từ IRA của mình, quý vị phải hoàn thành Mẫu 8606 cho năm phân phối. Xem* Mẫu 8606 *trong* Phân Phối Chịu Thuế Đầy Đủ hoặc Một Phần *sau đây.*

Tiền chuyển qua từ người thụ hưởng không phải là vợ/chồng. Chuyển khoản trực tiếp từ chương trình hưu bổng đủ điều kiện, chia sẻ lợi nhuận hoặc thưởng cổ phiếu của một nhân viên đã qua đời; chương trình niên kim; chương trình niên kim được hoãn thuế (mục 403 (b)); hoặc chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (mục 457) cho IRA được thiết lập để nhận phân phối thay mặt quý vị có thể được coi là phân phối chuyển qua đủ điều kiện nếu quý vị là người thụ hưởng được chỉ định của chương trình chứ không phải vợ/chồng của nhân viên. IRA được coi như IRA kế thừa. Để biết thêm thông tin về IRA kế thừa, tham khảo *IRA Kế Thừa* trước đó.

Báo cáo chuyển qua từ chương trình của đơn vị sử dụng lao động. Nhập tổng phân phối (trước khi khấu trừ thuế thu nhập hoặc thuế khác) vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a. Số liệu này cần được hiển thị trong ô 1 của Mẫu 1099-R. Lấy số liệu này trừ đi các khoản đóng góp (thường hiển thị trong ô 5 Mẫu 1099-R) mà quý vị phải chịu thuế khi thực hiện. Lấy kết quả đó trừ đi số tiền được chuyển qua trực tiếp hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được phân phối. Nhập số tiền còn lại, kể cả bằng không, vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Đồng thời, điền "Chuyển qua" vào cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b.

Chuyển Sự Cố sang Ly Hôn

Nếu một khoản tiền lãi trong IRA truyền thống được chuyển từ vợ/chồng hoặc vợ/chồng cũ sang quý vị bằng một văn bản ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân hoặc một văn bản có liên quan, thì bắt đầu từ ngày chuyển giao, tiền lãi trong IRA được coi như IRA của quý vị. Chuyển tài sản được miễn thuế. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo *Phân phối theo thủ tục ly hôn hoặc các thủ tục tương tự (người nhận thay thế)* trong *Chuyển Giao Từ Chương Trình Của Người Sử Dụng Lao Động Sang IRA* trong Ấn Phẩm. 590-A.

Chuyển Đổi Từ IRA Truyền Thống sang Roth IRA

Được phép chuyển đổi. Quý vị có thể rút tất cả hoặc một phần tài sản từ IRA truyền thống và tái đầu

từ vào Roth IRA (trong vòng 60 ngày). Số tiền quý vị rút và đóng góp kịp thời (chuyển đổi) vào Roth IRA được gọi là đóng góp chuyển đổi. Nếu chuyển giao đúng cách (và kịp thời), các khoản phân phối sớm sẽ không phải chịu thuế bổ sung 10%. Tuy nhiên, có một phần hoặc toàn bộ đóng góp chuyển đổi từ IRA truyền thống được tính vào tổng thu nhập của quý vị.

Phân phối bắt buộc. Quý vị không thể chuyển đổi số tiền phải được phân phối từ IRA truyền thống của mình cho một năm cụ thể (bao gồm cả năm theo niên lịch mà quý vị đủ 72 tuổi theo quy định phân phối tối thiểu bắt buộc (được thảo luận ở phần sau)).

Thu nhập. Quý vị phải tính vào thổng thu nhập cả phân phối tổng thu nhập của mình từ IRA truyền thống mà quý vị sẽ phải tính nếu chưa chuyển thành Roth IRA. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trên hồ sơ khai thuế cho năm mà quý vị chuyển đổi các khoản đó từ IRA truyền thống sang Roth IRA.

Quý vị không tính vào tổng thu nhập bất kỳ phần nào của phân phối từ IRA truyền thống là phần khai giá trị cơ bản, như được nêu dưới đây.

Quý vị phải gửi Mẫu 8606 để báo cáo các chuyển đổi năm 2020 từ IRA truyền thống, SEP hoặc SIMPLE IRA sang Roth IRA vào năm 2020 (trừ khi quý vị tái xác định toàn bộ số tiền) và để tính số tiền cần đưa vào thu nhập.

Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, quý vị có thể phải tăng khấu lưu và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem chương 4.

Tái xác định

Quý vị có thể coi khoản đóng góp cho một loại IRA như là đã đóng cho một loại IRA khác. Đây gọi là tái xác định khoản đóng góp. Xem *Quý Vị Có Thể Di Chuyển Tài Sản Chương Trình Hưu Trí Không?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-A để biết thêm thông tin chi tiết.

Làm thế nào để tái xác định một khoản đóng góp. Để tái xác định một khoản đóng góp, thông thường quý vị phải chuyển khoản đóng góp từ IRA đầu tiên (điều đầu tiên nó thực hiện) sang IRA thứ hai bằng cách chuyển tài sản từ người được ủy thác sang người được ủy thác. Nếu thực hiện chuyển tài sản trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) cho hồ sơ khai thuế của quý vị trong năm thực hiện khoản đóng góp, quý vị có thể chọn coi ban đầu thực hiện khoản đóng góp đó cho IRA thứ hai thay vì cho IRA đầu tiên. Nếu tái xác định khoản đóng góp của mình, quý vị phải thực hiện cả ba việc sau.

- Tính các khoản thu nhập phân bổ cho khoản đóng góp vào chuyển tài sản. Nếu bị lỗ, thu nhập ròng quý vị phải chuyển tài sản có thể là số âm.
- Báo cáo tái xác định trên hồ sơ khai thuế của quý vị cho năm thực hiện khoản đóng góp.
- Coi như đã thực hiện đóng góp cho IRA thứ hai vào ngày thực hiện cho IRA đầu tiên.

Không có chuyển đổi nào tái xác định từ năm 2018 trở đi. Việc chuyển đổi IRA truyền thống thành Roth IRA và chuyển qua từ các chương trình hưu trí đủ điều kiện khác sang Roth IRA, được thực hiện trong các năm chịu thuế bắt đầu từ sau năm thuế 2017, không thể tái xác định là đã được thực hiện cho IRA truyền thống. Nếu thực hiện chuyển đổi trong năm chịu thuế 2017, quý vị phải đợi đến ngày đáo hạn (có gia hạn) để nộp hồ sơ khai thuế cho năm chịu thuế đó để tái xác định chuyển đổi đó.

Không được phép khấu trừ. Quý vị không thể khấu trừ khoản đóng góp cho IRA đầu tiên. Các khoản thu nhập ròng quý vị chuyển với khoản đóng góp được tái xác định đều được coi là kiếm được trong IRA thứ hai.

Quý vị tái xác định khoản đóng góp như thế nào? Để tái xác định khoản đóng góp, quý vị phải thông báo cho cả người được ủy thác của IRA đầu tiên (người ban đầu mà khoản đóng góp dành cho) và người được ủy thác của IRA thứ hai (người được nhận khoản đóng góp chuyển đến) mà quý vị đã chọn để xử lý khoản đóng góp như là thực hiện cho IRA thứ hai thay vì IRA đầu tiên. Quý vị phải thông báo vào ngày chuyển tài sản. Chỉ cần thực hiện một thông báo nếu người được ủy thác của cả hai IRA là cùng một người. Thông báo phải bao gồm các thông tin sau.

- Loại và số tiền đóng góp cho IRA đầu tiên được tái xác định.
- Ngày thực hiện đóng góp cho IRA đầu tiên và năm thực hiện.
- Hướng dẫn cho người được ủy thác của IRA đầu tiên để thực hiện chuyển từ người được ủy thác đến người được ủy thác số tiền đóng góp và các thu nhập ròng (hoặc lỗ) có thể phân bổ cho khoản đóng góp cho người được ủy thác của IRA thứ hai.
- Tên của người được ủy thác của IRA đầu tiên và tên của người được ủy thác của IRA thứ hai.
- Các thông tin bổ sung cần thiết để thực hiện chuyển tài sản.

Báo cáo tái xác định. Nếu chọn tái xác định một khoản đóng góp cho IRA này thành khoản đóng góp cho IRA khác, quý vị phải báo cáo về việc tái xác định trong hồ sơ khai thuế của mình theo hướng dẫn trong Mẫu 8606 và hướng dẫn của mẫu. Quý vị phải coi như thực hiện khoản đóng góp cho IRA thứ hai.

Khi Nào Quý Vị Có Thể Rút Tiền hoặc Sử Dụng Tài Sản IRA?

Có một số quy định giới hạn việc sử dụng tài sản IRA của quý vị và phân phối việc sử dụng. Thông thường việc vi phạm các quy định có thể làm phát sinh các khoản thế bổ sung trong năm vi phạm. Xem phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung*, dưới đây.

Các khoản đóng góp được khai thế trước ngày đến hạn khai thuế. Nếu thực hiện đóng góp IRA vào năm 2020, quý vị có thể rút các khoản này miễn thuế không muộn hơn ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế của mình. Nếu có gia hạn thời gian khai nộp hồ sơ khai thuế, quý vị có thể rút các khoản này miễn thuế trước ngày đến hạn được gia hạn. Quý vị có thể làm như vậy nếu áp dụng cả hai điều kiện sau cho mỗi khoản đóng góp muốn rút.

- Quý vị không khấu trừ khoản đóng góp.
- Quý vị đã rút lãi hoặc thu nhập khác kiếm được từ khoản đóng góp. Khi tính toán số tiền được rút, quý vị có thể tính đến những tổn thất đối với khoản đóng góp khi còn thuộc IRA. Nếu bị lỗ, thu nhập ròng kiếm được từ khoản đóng góp có thể là số âm.

Lưu ý. Để tính được số tiền quý vị phải rút, tham khảo Mẫu Tính Toán 1-4 trong phần *Khi Nào Quý Vị Có Thể Rút Tiền hoặc Sử Dụng Tài Sản?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-A.

Lợi tức tính vào thu nhạp. Quý vị phải tính vào thu nhập các khoản lợi tức trên các khoản đóng góp quý vị rút ra. Tính các khoản lợi tức vào thu nhập cho năm quý vị thực hiện đóng góp, không phải cho năm rút các khoản này.

CAUTION *Thông thường, trừ các khoản thuộc khoản rút ra để trả lại các khoản đóng góp không được khấu trừ (giá trị cơ bản), các khoản đóng góp rút ra sau ngày đến hạn (hoặc ngày đến hạn đã gia hạn) của hồ sơ khai thuế sẽ được coi là một khoản phân phối chịu thuế. Số tiền đóng thuế thặng dư cũng có thể được thu hồi miễn thế như được nhắc đến trong phần* Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung*, dưới đây.*

Thuế phân phối sớm. Khoản thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối được thực hiện trước khi quý vị 59 tuổi1/2 không áp dụng cho việc rút các khoản đóng góp miễn thuế này của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải báo cáo việc phân phối tiền lãi hoặc thu nhập khác theo Mẫu 5329 và phải chịu thuế này trừ khi việc phân phối đủ điều kiện là một ngoại lệ đối với quy định tuổi 591/2. Xem mục *Phân Phối Sớm* trong phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung* trong Ấn Phẩm 590-B.

Khi Nào Quý Vị Phải Rút Tài Sản IRA? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc)

Quý vị không thể giữ tiền vô thời hạn trong IRA truyền thống. Sau vùng, tiền sẽ được phân phối. Nếu không phân phối, hoặc phân phối không đủ lớn, quý vị có thể phải trả% thuế gián thu 50% trên số tiền không phân phối được theo yêu cầu. Xem phần *Tích Lũy Quá Mức (Phân Phối Không Đủ)*, dưới đây. Yêu cầu phân phối các khoản tiền IRA khác nhau tùy thuộc quý vị là chủ sở hữu IRA hay người thụ hưởng IRA của người quá cố.

Phân phối tối thiểu bắt buộc. Số tiền phải phân phối mỗi năm được gọi là phân phối tối thiểu bắt buộc.

Phân phối không đủ điều kiện để chuyển qua. Số tiền phải phân phối (phân phối tối thiểu bắt buộc) trong một năm cụ thể không đủ điều kiện để thực hiện chuyển qua.

chủ sở hữu IRA. Nếu đang là chủ sở hữu của một IRA truyền thống, thông thường quý vị phải bắt đầu nhận phân phối từ IRA của mình không muộn hơn ngày 1 tháng 4 của năm sau năm quý vị đủ 72 tuổi. Ngày 1 tháng 4 của năm sau năm 72 tuổi được gọi là "ngày bắt đầu bắt buộc."

Phân phối trước ngày bắt đầu bắt buộc. Quý vị phải nhận ít nhất số tiền tối thiểu cho mỗi năm bắt đầu từ năm quý vị 72 tuổi. Nếu quý vị không (đã không) nhận số tiền tối thiểu đó vào năm đủ 72 tuổi, quý vị phải nhận khoản phân phối cho năm 72 tuổi của mình không muộn hơn ngày 1 tháng 4 năm sau đó.

Nếu chủ sở hữu IRA qua đời trước năm 72 tuổi nhưng là trước ngày 1 tháng 4 năm sau đó, thì không yêu cầu khoản phân phối tối thiểu nào do qua đời trước ngày bắt đầu bắt buộc.

Ngay cả khi quý vị bắt đầu nhận phân phối trước khi đạt 72 tuổi, quý vị phải bắt đầu tính toán và nhận phân phối tối thiểu bắt buộc không muộn hơn ngày bắt đầu bắt buộc của mình.

Phân phối sau ngày bắt đầu bắt buộc. Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc cho các năm sau năm 72 tuổi phải được thực hiện không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm sau.

Người thụ hưởng. Nếu quý vị là người thụ hưởng IRA truyền thông của người quá cố, yêu cầu phân phối từ IRA đó thường phụ thuộc vào thời điểm chủ sở hữu IRA qua đời trước hay sau ngày bắt đầu bắt buộc phân phối.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, bao gồm cả cách tính toán khoản phân phối tối thiểu bắt buộc mỗi năm nếu quý vị là người thụ hưởng IRA của người quá cố, tham khảo phần *Khi Nào Quý Vị Phải Rút Tài Sản? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc)* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-B.

Các Khoản Phân Phối Có Chịu Thuế Không?

Thông thường, các khoản phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế vào năm quý vị nhận phân phối.

Trường hợp ngoại lệ. Các trường hợp ngoại lệ đối với các khoản phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế trong năm nhận phân phối gồm có:

- Tiền chuyển qua;
- Phân phối từ thiện đủ điều kiện (qualified charitable distributions, QCD), được thảo luận sau;
- Khoản tiền đóng góp rút về được miễn thuế,, đã thảo luận trước đó; và
- Tiền đóng góp không được khấu trừ trả lại, sẽ được thảo luận sau trong phần *Phân Phối Chịu Thuế Toàn Bộ hoặc Một Phần*.

Tuy việc chuyển đổi IRA truyền thông được coi là chuyển qua các mục đích Roth IRA, nhưng quy định phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế trong năm quý vị nhận phân phối sẽ không phải là ngoại lệ. Phân phối chuyển đổi được tính vào tổng thu nhập của quý vị tuân theo quy định này và các quy định đặc biệt về chuyển đổi được nêu rõ trong mục Chuyển Đổi Từ IRA Truyền Thống Bất Kỳ Sang Roth IRA *thuộc phần* Quý Vị Có Thể Di Chuyển Tài Sản Chương Trình Hưu Trí Không? *trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-A.*

Phân phối từ thiện đủ điều kiện (QCD). Một phân phối từ thiện đủ điều kiện thường do người được ủy thác IRA của quý vị thực hiện trực tiếp một khoản phân phối không chịu thuế cho một tổ chức đủ điều kiện nhận các khoản đóng góp được khấu trừ thuế. Xem phần *Phân Phối Từ Thiện Đủ Điều Kiện* trong Ấn Phẩm. 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

QCD sẽ được tính vào khoản phân phối bắt buộc tối thiểu của quý vị. Xem mục Phân phối từ thiện đủ điều kiện *thuộc phần* Phân Phối Có Chịu Thuế Không? *trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.*

Thu nhập thông thường. Các khoản phân phối từ IRA truyền thống mà quý vị tính vào thu nhập bị đánh thuế như thu nhập thông thường.

Không có xử lý khác biệt. Khi xác định thuế của mình, quý vị không thể sử dụng tùy chọn thuế 10 năm hoặc tính thuế cho lợi nhuận đầu tư áp dụng cho các khoản phân phối một lần từ các chương trình hưu trí đủ điều kiện.

Phân Phối Chịu Thuế Toàn Bộ hoặc Một Phần

Phân phối từ IRA truyền thống của quý vị có thể phải chịu thuế toàn bộ hoặc một phần, tùy thuộc IRA của quý vị có bao gồm khoản đóng góp không khấu trừ nào không.

Chịu thuế toàn bộ. Nếu chỉ thực hiện các khoản đóng góp được khấu trừ cho IRA truyền thống (hoặc nếu có nhiều hơn một IRA), quý vị không có giá trị cơ bản trong IRA của mình. Do không có giá trị cơ bản trong IRA của mình, các khoản phân phối khi nhận được sẽ chịu thuế toàn bộ. Xem phần *Báo cáo phân phối chịu thuế trong hồ sơ khai thuế của quý vị*, dưới đây.

Chịu thuế một phần. Nếu thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển qua các khoản tiền sau thuế bất kỳ sang IRA truyền thống bất kỳ, quý vị có chi phí giá trị cơ bản (đầu tư vào hợp đồng) bằng số tiền đóng góp đó. Các khoản đóng góp không khấu trừ này không bị đánh thuế khi được phân phối cho quý vị. Đó là khoản hoàn vốn đầu tư vào IRA của quý vị.

Chỉ có phần đóng góp thể hiện đóng góp không khấu trừ và chuyển số tiền sau thuế (chi phí giá trị cơ bản) được miễn thuế. Nếu đã thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển số tiền sau thuế sang IRA của quý vị, phân phối bao gồm một phần đóng góp không khấu trừ (giá trị cơ bản) và một phần đóng góp có khấu trừ, lợi tức, và tiền lời (nếu có). Cho tới khi đã phân phối hết tất cả giá trị cơ bản, mỗi khoản phân phối phải chịu thuế toàn bộ hoặc một phần.

Mẫu 8606. Quý vị cần hoàn thành Mẫu 8606 và đính kèm vào hồ sơ khai thuế nếu quý vị nhận được một khoản phân phối từ IRA truyền thống và đã thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển số tiền sau thuế qua một IRA truyền thống bất kỳ của mình. Khi sử dụng mẫu, quý vị sẽ tính được phân phối không thuế cho năm 2020 và tổng giá trị IRA cơ bản cho năm 2020 và những năm trước đó.

Lưu ý. Nếu quý vị được yêu cầu nộp Mẫu 8606, nhưng không được yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân, quý vị vẫn phải nộp Mẫu 8606. Gửi mẫu đến Sở Thuế Vụ vào thời điểm và địa điểm mà quý vị sẽ nộp hồ sơ khai thuế thu nhập.

Phân phối được báo cáo trên Mẫu 1099-R. Nếu nhận phân phối từ IRA truyền thống của mình, quý vị sẽ nhận Mẫu 1099-R, Phân Phối Từ Tiền Hưu Bổng, Niên Kim, Chương Trình Hưu Trí Hoặc Chia Sẻ Lợi Nhuận, IRA, Hợp Đồng Bảo Hiểm, v.v… hoặc một mẫu tương tự. Phân phối IRA được thể hiện trong các ô 1 và 2a của Mẫu 1099-R. Các mã số hoặc chữ cái trong ô 7 cho quý vị biết loại phân phối nhận được từ IRA của mình.

Khấu Lưu Thuế. Thuế thu nhập liên bang bị khấu lưu từ IRA truyền thống trừ khi quý vị chọn không có khấu lưu thuế. Xem chương 4.

Phân phối IRA thực hiện bên ngoài Hoa Kỳ. Nhìn chung, nếu quý vị là công dân hoặc ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ và địa chỉ nhà của quý vị nằm ngoài Hoa Kỳ hoặc lãnh thổ liên quan, quý vị không thể chọn miễn trừ khấu lưu đối với các phân phối IRA truyền thống của quý vị.

Báo cáo phân phối chịu thuế trong hồ sơ khai thuế. Báo cáo phân phối chịu thuế toàn bộ, gồm cả phân phối sớm, trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b (để trống Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a). Nếu chỉ một phần phân phối chịu thuế, hãy nhập tổng số tiền vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a, và phần chịu thuế vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b.

Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?

Lợi ích về thuế khi sử dụng IRA truyền thống để tiết kiệm hưu trí có thể được đền bù bằng các khoản thuế và tiền phạt bổ sung nếu quý vị không tuân theo các quy định.

Nếu quý vị sử dụng tiền IRA của mình cho các giao dịch bị cấm sẽ phải chịu thêm thuê bổ sung ngoài thuế thông thường. Ngoài ra còn có các loại thuế bổ sung cho các hoạt động sau đây.

- Đầu tư vào đồ sưu tầm.
- Có thu nhập kinh doanh không liên quan; tham khảo Ấn Phẩm. 590-B.
- Đóng thuế thặng dư.
- Thực hiện phân phối sớm.
- Cho phép tích lũy thặng dư (không thực hiện phân phối theo yêu cầu).

Việc phóng đại số tiền đóng góp không khấu trừ và không nộp Mẫu 8606, nếu được yêu cầu sẽ bị phạt.

Giao Dịch Bị Cấm

Thông thường, giao dịch bị cấm là việc quý vị, người thụ hưởng của quý vị, hoặc người không đủ tư cách sử dụng IRA truyền thống không đúng cách.

Người không đủ tư cách gồm người được ủy thác, thành viên trong gia đình vợ/chồng (vợ/chồng, tổ tiên, dòng dõi họ hàng, và bắt chuyện với tất cả mọi người).

Dưới đây là ví dụ về giao dịch bị cấm với một IRA truyền thống.

- Mượn tiền IRA; tham khảo Ấn Phẩm 590-B.
- Bán tài sản cho IRA.
- Sử dụng nó làm bảo đảm cho một khoản vay.
- Mua tài sản vì mục đích sử dụng cá nhân (hiện tại hoặc tương lai) với quỹ IRA.

Ảnh hưởng lên tài khoản IRA. Thông thường, nếu quý vị hoặc người thụ hưởng của quý vị tham gia vào một giao dịch bị cấm liên quan đến tài khoản IRA truyền thống của quý vị bất kỳ lúc nào trong năm, thì tài khoản đó sẽ ngừng là IRA kể từ ngày đầu tiên của năm đó.

Ảnh hưởng lên quý vị hoặc người thụ hưởng của quý vị. Nếu tài khoản không còn là IRA do quý vị hoặc người thụ hưởng của quý vị tham gia vào một giao dịch bị cấm, tài khoản được coi là phân phối tất cả tài sản của nó cho quý vị theo giá trị thị trường hợp lý của chúng vào ngày đầu tiên của năm. Nếu tổng những giá trị này lớn hơn giá trị cơ bản của quý vị trong IRA, quý vị sẽ có khoản lời chịu thuế được tính vào thu nhập của mình. Để nắm cụ thể cách tính toán tiền lời và báo cáo trong thu nhập, tham khảo phần *Đóng Góp Có Chịu Thuế Không*, trước đó. Việc phân phối có thể phải chịu thêm thuế hoặc tiền phạt.

Thuế đánh vào giao dịch bị cấm. Nếu ai đó không phải là chủ sở hữu hoặc người thụ hưởng IRA truyền thống tham gia vào một giao dịch bị cấm, người đó có thể phải chịu một số khoản thuế nhất định. Nhìn chung, có 15% thuế đối với số tiền của giao dịch bị cấm và 100% thuế bổ sung nếu giao dịch không được sửa chữa.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về giao dịch bị cấm, tham khảo phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-A.

Đầu tư vào đồ sưu tầm

Nếu IRA truyền thống đầu tư vào đồ sưu tầm, số tiền được phân phối cho quý vị trong năm. Quý vị có thể phải đóng 10% thuế bổ sung trên phân phối sớm, như được nêu dưới đây.

Đồ sưu tầm. Những lựa chọn này bao gồm:

- Tác phẩm nghệ thuật,
- Thảm,
- Đồ cổ,
- Kim loại,
- Đá quý,
- Con dấu,
- Tiền xu,
- Đồ uống có cồn, và
- Một số tài sản cá nhân thực hữu khác.

Trường hợp ngoại lệ. IRA của quý vị có thể đầu tư vào toàn bộ, một nửa, một phần tư, hoặc toàn bộ, hoặc các đồng tiền vàng của Hoa Kỳ hoặc toàn bộ, hoặc một phần mười ounce đồng xu bạc do Bộ Tài chính đúc. IRA cũng có thể đầu tư vào một số đồng tiền bạch kim và vàng, bạc, paladi và thỏi bạch kim nhất định.

Tiền Đóng Thuế Thặng Dư

Thông thường, tiền đóng thuế thặng dư là số tiền đã đóng góp cho (các) IRA truyền thống của quý vị trong năm lớn hơn số tiền nhỏ hơn trong:

- Số tiền khấu trừ tối đa cho năm đó (năm 2020, số tiền này là $6.000 ($7.000 nếu quý vị 50 trở lên)); hoặc
- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị cho năm đó.

Tiền đóng thuế thặng dư có thể từ đóng góp của quý vị, của vợ/chồng quý vị, của đơn vị sử dụng lao động, hoặc một khoản đóng góp chuyển qua không hợp lý. Nếu đơn vị sử dụng lao động thay mặt quý vị thực hiện đóng góp cho SEP IRA, tham khảo chương 2 của Ấn Phẩm. 560.

Thuế trên số tiền đóng thuế thặng dư. Nói chung, nếu quý vị không rút tiền đóng thuế thặng dư của một năm trước ngày hồ sơ khai thuế của quý vị đến hạn trong năm đó (tính cả gia hạn), quý vị phải chịu thuế 6%. Quý vị phải trả thuế 6% mỗi năm trên số tiền thặng dư còn trong IRA truyền thống vào cuối năm chịu thuế của mình. Thuế không được cao hơn 6% tổng giá trị của tất cả IRA của quý vị tính đến cuối năm chịu thuế. Thuế bổ sung được tính toán trên Mẫu 5329.

Số tiền thặng dư được rút trước ngày đáo hạn của hồ sơ khai thuế. Quý vị sẽ không phải trả thuế 6% nếu rút tiền đóng thuế thặng dư đã đóng trong một năm chịu thuế và đồng thời rút tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được từ tiền đóng thuế thặng dư đó. Quý vị phải hoàn tất việc rút tiền trước ngày đến hạn khai thuế cho năm đó, tính cả gia hạn.

Xử lý các khoản đóng góp đã rút như thế nào. Không tính vào tổng thu nhập của quý vị số tiền đóng thuế thặng dư mà quý vị đã rút khỏi IRA truyền thống của mình trước khi hồ sơ khai thuế đến hạn nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau.

- Không được khấu trừ cho số tiền đóng thuế thặng dư.
- Quý vị rút tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được trên tiền đóng thuế thặng dư.

Khi tính toán số tiền được rút, quý vị có thể tính đến những tổn thất đối với khoản đóng góp khi còn thuộc IRA. Nếu bị lỗ, thu nhập ròng quý vị phải rút có thể là số âm.

Xử lý tiền lãi hoặc thu nhạp khác đã rút ra như thế nào. Quý vị phải tính vào thổng thu nhập tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được trên số tiền đóng thuế thặng dư. Báo cáo khoản tiền đó trong hồ sơ khai thuế của quý vị cho năm thực hiện số tiền đóng thuế thặng dư. Việc rút khoản tiền lãi hoặc thu nhập khác của quý vị có thể phải chịu 10% thuế bổ sung trên các khoản phân phối sớm, như được nêu dưới đây.

Số tiền đóng thuế thặng dư được rút sau ngày đến hạn khai thuế. Thông thường, quý vị phải tính vào tổng thu nhập tất cả khoản phân phối (khoản rút ra) từ IRA truyền thống của mình. Tuy nhiên, nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, quý vị có thể rút tiền đóng thuế thặng dư từ IRA của mình và không tính số tiền đã rút vào tổng thu nhập.

- Tổng các khoản đóng góp (ngoài đóng góp chuyển đổi) cho năm 2020 vào IRA của quý vị không lớn hơn $6.000 ($7.000 nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên).
- Quý vị không khấu trừ cho tiền đóng thuế thặng dư đã rút.

Có thể thực hiện rút tiền vào bất kỳ thời điểm nào, kể cả sau ngày đến hạn khai thuế cho năm đó, tính cả gia hạn.

Số tiền đóng thuế thặng dư khấu trừ trong năm trước đó. Nếu quý vị đã khấu trừ số tiền đóng thuế thặng dư trong năm trước đó mà tổng đóng góp không lớn hơn khoản khấu trừ tối đa của năm đó (tham khảo bảng dưới đây), quý vị vẫn có thể xóa bỏ phần thặng dư trong IRA truyền thông của mình và không tính vào tổng thu nhập. Để làm như vậy, hãy khai Mẫu 1040-X cho năm đó và khấu trừ số tiền đóng thuế thặng dư vào hồ sơ khai thuế sửa đổi. Thông thường, quý vị có thể nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi trong vòng 3 năm khi khai thuế, hoặc 2 năm từ thời điểm nộp thuế, tùy ngày nào muộn hơn.

(Các) năm	Giới hạn đóng góp	Giới hạn đóng góp từ 50 tuổi trở lên vào cuối năm
2019	$6.000	$7.000
Từ 2013 đến 2018	$5.500	$6.500
Từ 2008 đến 2012	$5.000	$6.000
Từ 2006 đến 2007	$4.000	$5.000
2005	$4.000	$4.500
Từ 2002 đến 2004	$3.000	$3.500
Từ 1997 đến 2001	$2.000	—
Trước năm 1997	$2.250	—

Thặng dư do thông tin chuyển qua không chính xác. Nếu thặng dư trong IRA truyền thống của quý vị là do chuyển qua và có thặng dư do thông tin mà chương trình yêu cầu cung cấp cho quý vị không chính xác, quý vị có thể rút số tiền đóng thuế thặng dư. Giới hạn được nhắc đến ở trên tăng lên bằng số tiền thặng dư do thông tin không chính xác. Quý vị sẽ phải sửa đổi hồ sơ khai thuế cho năm có thặng dư để sửa báo cáo số tiền chuyển qua trong năm đó. Không tính vào tổng thu nhập phần nào của tiền đóng thuế thặng dư do thông tin không chính xác. Để tìm hiểu thêm thông tin về tích lũy quá mức, tham khảo *Tiền Đóng Thuế Thặng Dư* tại phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong Ấn Phẩm 590-A.

Phân Phối Sớm

Quý vị phải tính vào tổng thu nhập các khoản tiền chịu thuế phân phối sớm từ IRA truyền thống. Phân phối sớm cũng phải chịu thuế bổ sung 10%. Xem thông tin về Mẫu 5329 trong mục *Báo Cáo Thuế Bổ Sung*, dưới đây, để tính toán và báo cáo thuế.

Phân phối sớm đã xác định. Các khoản phân phối sớm thường là số tiền được phân phối từ tài khoản IRA truyền thống của quý vị hoặc niên kim trước khi quý vị 59 tuổi1/2.

Quy định tuổi 59¹/₂. Thông thường, nếu quý vị dưới 59 tuổi1/2, quý vị phải trả 10% thuế bổ sung đối với việc phân phối bất kỳ tài sản nào (tiền hoặc tài sản khác) từ IRA truyền thống của mình. Phân phối trước khi quý vị 59 tuổi1/2 gọi là phân phối sớm.

Thuế bổ sung 10% áp dụng cho khoản phân phối quý vị phải tính vào tổng thu nhập. Đây là phần bổ sung vào thuế lợi tức thông thường đánh lên số tiền.

Sau tuổi 59¹/₂ và trước tuổi 72. Sau khi quý vị 59 tuổi1/2, quý vị có thể nhận phân phối mà không phải đóng thuế bổ sung 10%. Kể cả khi quý vị có thể nhận phân phối sau khi đến tuổi 59¹/₂, phân phối cũng không bắt buộc cho đến năm quý vị 72 tuổi. Xem mục *Khi Nào Quý Vị Phải Rút Tài Sản IRA? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc)*, sớm hơn.

Trường hợp ngoại lệ. Có nhiều ngoại lệ ngoài quy định tuổi 59¹/₂. Thậm chí nếu nhận phân phối trước năm 59 tuổi1/2, quý vị cũng có thể không phải trả 10% thuế bổ sung nếu thuộc trong những trường hợp dưới đây.

- Quý vị có chi phí y tế chưa hoàn trả lớn hơn 7,5% tổng thu nhập của quý vị.
- Khoản phân phối không lớn hơn chi phí bảo hiểm ý tế trong thời gian thất nghiệp.
- Quý vị bị tàn tật hoàn toàn và vĩnh viễn.
- Quý vị là người thụ hưởng của chủ sở hữu IRA đã qua đời.
- Quý vị đang nhận phân phối dưới dạng niên kim.
- Khoản phân phối không lớn hơn chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của quý vị.
- Quý vị sử dụng khoản phân phối để mua sắm, xây dựng hoặc sửa lại nhà mua lần đầu.
- Phân phối do một khoản trích thu IRS của chương trình đủ điều kiện.
- Phân phối là phân phối của lính dự bị đủ điều kiện.

Hầu hết các ngoại lệ này đều được nếu rõ trong mục *Phân Phối Sớm* thuộc phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-B.

Lưu ý. Phân phối được chuyển hợp lý và đúng thời gian qua, như đã nêu trước đó, không phải chịu thuế lợi tức thông thường hay thuế bổ sung 10%. Việc rút tiền đóng thuế thặng dư nhất định sau ngày đến hạn của hồ sơ khai thuế cũng được miễn thuế và do đó không phải chịu thuế bổ sung 10%. (Xem mục *Rút tiền đóng thuế thặng dư sau ngày đến hạn khai thuế*, trước đó.) Quy định này cũng áp dụng cho chuyển đổi tai nạn sang ly hôn, như đã nêu ở phần trước.

Phân phối thu nhạn. Phân phối sớm (được hoặc không được quý vị đồng ý) từ cơ quan tiết kiệm kiểu thu nhập phải chịu thuế này trừ khi áp dụng một trong những ngoại lệ liệt kê ở trên. Điều này đúng ngay cả khi việc phân phối từ người nhận là cơ quan nhà nước.

Thuế bổ sung 10%. Thuế bổ sung trên phân phối sớm là 10% số tiền phân phối sớm mà quý vị phải tính vào tổng thu nhập của mình. Thuế này bổ sung vào thuế lợi tức thông thường phát sinh do tính phân phối vào thu nhập.

Khoản đóng góp không được khấu trừ. Thuế đánh trên phân phối sớm không áp dụng cho phần phân phối thể hiện khoản hoàn thuế của các khoản đóng góp không khấu trừ của quý vị (giá trị cơ bản).

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về phân phối sớm, tham khảo phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-B.

Tích Lũy Quá Mức (Phân Phối Không Đủ)

Quý vị không thể giữ tiền vô thời hạn trong IRA truyền thống. Thông thường, quý vị phải nhận phân phối không muộn hơn ngày 1 tháng 4 của năm sau năm quý vị 72 tuổi . Phân phối tối thiểu bắt buộc cho năm bất kỳ sau năm quý vị 72 tuổi phải được thực hiện không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Thuế trên thặng dư. Nếu phân phối dưới mức phân phối tối thiểu bắt buộc cho năm, quý vị có thể phải trả 50% thuế gián thu cho năm đó trên số tiền không được phân phối theo yêu cầu.

Yêu cầu miễn thuế. Nếu tích lũy quá mức do lỗi hợp lý và quý vị đã hoặc đang thực hiện các bước để khắc phục việc phân phối còn thiếu, quý vị có thể yêu cầu miễn thuế. Nếu quý vị cho rằng mình đủ điều kiện để được miễn thuế, vui lòng đính kèm một bản tường trình và hoàn thành Mẫu 5329 như hướng dẫn trong mục *Miễn thuế vì lý do thích đáng* trong phần Hướng Dẫn cho Mẫu 5329.

Miễn thuế. Nếu quý vị không thể thực hiện được phân phối bắt buộc đã đầu tư IRA truyền thống vào hợp đồng được phát hành bởi một công ty bảo hiểm phát hành đang tiến hành tố tụng vi phạm pháp luật của nhà bảo hiểm cấp tiểu bang, thì không áp dụng % thuế gián thu 50% nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu của Quá Trình Thu Thuế 92-10.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về tích lũy quá mức, tham khảo phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-B.

Báo Cáo Thuế Bổ Sung

Thông thường, quý vị phải sử dụng Mẫu 5329 để báo cáo về tiền đóng thuế thặng dư tích, thuế về lũy quá mức, phân phối sớm và tích lũy quá mức.

Nộp hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân, hãy hoàn thành Mẫu 5329 và đính kèm với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của mình. Nhập tổng số thuế bổ sung đến hạn vào Bản Khai 2 (Mẫu 1040), dòng 6.

Không nộp hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị không phải nộp hồ sơ khai thuế nhưng phải trả một trong những khoản thế bổ sung được nêu trên, hãy nộp Mẫu 5329 đã điền hoàn chỉnh cùng với IRS vào thời điểm và địa điểm mà quý vị sẽ khai Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Hãy đảm bảo ghi địa chỉ của quý vị ở trang 1 và ký tên và ghi ngày tháng ở trang 2. Gửi kèm, nhưng không đính kèm, chi phiếu hoặc lệnh phiếu phải trả cho "Kho Bạc Hoa Kỳ" cho khoản thuế quý vị nợ, như được thể hiện trên Mẫu 5329. Nhập số an sinh xã hội của quý vị và "Mẫu 5329 2020" trên chi phiếu hoặc lệnh phiếu.

Mẫu 5329 không bắt buộc. Quý vị không phải sử dụng Mẫu 5329 trong bất kỳ trường hợp nào sau đây.

- Mã phân phối 1 (phân phối sớm) được thể hiện đúng trong ô 7 của tất cả các Mẫu 1099-R của quý vị. Nếu quý vị không nợ bất kỳ khoản thuế bổ sung nào trên phân phối, nhân phần phân phối sớm phải chịu thuế với 10% (0,10) và điền kết quả vào Bản Khai 2 (Mẫu 1040), dòng 6. Nhập "Không" vào bên trái dòng để thể hiện quý vị không phải khai Mẫu 5329. Tuy nhiên, nếu quý vị nợ thuế này và cũng nợ thuế bổ sung trên phân phối, không trực tiếp điền thuế bổ sung 10% này vào Mẫu 1040 hay 1040-SR. Quý vị phải khai Mẫu 5329 để báo cáo thuế bổ sung của mình.
- Nếu quý vị chuyển một phần hoặc toàn bộ phân phối từ một chương trình hưu trí đủ điều kiện, phần chuyển qua không phải chịu thuế trên phân phối sớm.
- Nếu quý vị có một khoản phân phối đủ điều kiện năm 2018, 2019 hoặc 2020 do thảm họa. Xem Mẫu 8915-C, Mẫu 8915-D hoặc Mẫu 8915-E, nếu áp dụng, để biết thêm thông tin.

Roth IRA

Dù quý bị bao nhiêu tuổi, quý vị có thể thiết lập và thực hiện đóng góp không khấu trừ cho một chương tình hưu trí được gọi là Roth IRA.

Đóng góp không được báo cáo. Quý vị không báo cáo đóng góp Roth IRA trên hồ sơ khai thuế của mình.

Roth IRA là gì?

Roth IRA là một chương trình hưu trí cá nhân mà, ngoài được giải thích trong chương này, còn tuân theo các quy định áp dụng cho một IRA truyền thống (được định nghĩa ở trên). Đây có thể là một tài khoản hoặc một niên kim. Tài khoản hưu trí cá nhân và niên kim được mô tả ở phần *Làm Thế Nào Để Mở IRA Truyền Thống?* trong chương 1 của Ấn Phẩm. 590-A.

Để trở thành một Roth IRA, tài khoản hoặc niên kim phải được chỉ định là Roth IRA khi được mở. Một IRA mô phỏng có thể được coi là Roth IRA, nhưng cả SEP IRA và SIMPLE IRA đều không thể được chỉ định là Roth IRA.

Không giống như IRA truyền thống, quý vị không thể khấu trừ đóng góp vào Roth IRA. Nhưng nếu đáp ứng các yêu cầu, phân phối đủ điều kiện (được nêu dưới đây) được miễn thuế. Quý vị có thể để các khoản tiền trong Roth IRA của mình suốt đời.

Khi Nào Có Thể Mở Một Roth IRA?

Quý vị có thể mở Roth IRA bất kỳ thời điểm nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem *Khi Nào Quý Vị Có Thể Thực Hiện Đóng Góp*, dưới đây, trong phần *Quý Vị Có Thể Đóng Góp cho Roth IRA Không.*

Quý Vị Có Thể Đóng Góp cho Roth IRA Không?

Thông thường, quý vị có thể đóng góp vào Roth IRA nếu có thù lao chịu thuế (được định nghĩa dưới đây) và AGI được sửa đổi của quý vị (được định nghĩa dưới đây) dưới:

- $206.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người góa chồng/vợ đủ điều kiện;
- $139.000 cho người độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã không sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm; hoặc
- $10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.

TIP *Quý vị có thể đủ điều kiện để yêu cầu một khoản tín dụng cho khoản đóng góp vào Roth IRA. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem* chương 3 của *Ấn Phẩm 590-A.*

Đóng góp có giới hạn tuổi không? Quý vị có thể thực hiện đóng góp cho Roth IRA ở mọi độ tuổi.

Quý vị có thể đóng góp cho Roth IRA cho vợ/chồng mình không? Quý vị có thể đóng góp vào Roth IRA cho vợ/chồng mình miễn là đóng góp đáp ứng giới hạn Kay Bailey Hutchison Spousal IRA (được nêu trong phần *Có Thể Đóng Góp Bao Nhiêu*, đề cập trước đó trong phần *IRA Truyền Thống*), vợ chồng quý vị khai chung hồ sơ thuế, và AGI theo luật thuế mới ít hơn $206.000.

Tiền thù lao. Tiền thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền boa, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản khác nhận được khi cung cấp dịch vụ cá nhân. Tiền thù lao cũng bao gồm hoa hồng, thu nhập tự doanh, lương chiến đấu không chịu thuế, tiền trả chênh lệch quân đội, và tiền cấp dưỡng sau khi ly dị chịu thuế và các khoản thanh toán cấp dưỡng sau khi ly thân.

AGI được sửa đổi. AGI được sửa đổi của quý vị cho mục đích Roth IRA là tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) của quý vị như thể hiện trong hồ sơ khai thuế với một số điều chỉnh. Sử dụng Mẫu Tính Toán 9-2 dưới đây để xác định AGI theo luật thuế mới của quý vị.

Mẫu Tính Toán 9-2. **Tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới cho mục đích Roth IRA**

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

Sử dụng mẫu tính toán này để tình tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới của quý vị cho mục đích Roth IRA.

1.	Nhập tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới của quý vị vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11	**1.** _____
2.	Nhập các khoản thu nhập có được từ việc chuyển đổi IRA (không phải Roth IRA) sang Roth IRA (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b) và chuyển từ chương trình hưu trí đủ điều kiện sang Roth IRA (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 5b)	**2.** _____
3.	Lấy dòng 1 trừ dòng 2	**3.** _____
4.	Nhập bất kỳ khoản khấu trừ IRA truyền thống nào vào Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 19	**4.** _____
5a.	Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 20	**5a.** _____
5b.	Nhập tất cả khoản khấu trừ tiền học và lệ phí từ Mẫu Khai Thuế 1 (Mẫu 1040), dòng 21	**5b.** _____
6.	Nhập tất cả khoản thu nhập kiếm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	**6.** _____
7.	Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	**7.** _____
8.	Nhập các khoản lãi suất trái phiếu tiết kiệm được loại trừ từ Mẫu 8815, dòng 14	**8.** _____
9.	Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà đơn vị sử dụng lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	**9.** _____
10.	Cộng số liệu các dòng từ 3 đến 9	**10.** _____
11.	Nhập: • $206.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người góa chồng/vợ đủ điều kiện, • $10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm, hoặc • $139.000 cho tất cả các trường hợp khác.	**11.** _____

Số liệu ở dòng 10 có lớn hơn ở dòng 11 không?
Nếu có, hãy tham khảo ***Lưu ý*** dưới đây.
Nếu không, thì số liệu ở dòng 10 là **AGI được sửa đổi của quý vị** cho mục đích Roth IRA.

Lưu ý. Nếu số liệu ở dòng 10 lớn hơn dòng 11 và quý vị có các mục thu nhập hoặc lỗ khác, như thu nhập an sinh xã hội hay lỗ hoạt động thụ động, đó là thuế bãi miễn tính theo AGI, quý vị có thể tính toán lại AGI chỉ cho mục đích tính toán AGI được sửa đổi cho mục đích Roth IRA. (Nếu quý vị nhận trợ cấp an sinh xã hội, hãy sử dụng Mẫu Tính Toán 1 trong *Phụ Lục B* của Ấn Phẩm. 590-A để tính AGI của quý vị.) Sau đó đến dòng 3 ở trên Mẫu Tính Toán 9-2 để tính toán lại AGI theo luật thuế mới của quý vị. Nếu quý vị không có mục thu nhập hay lỗ khác chịu thuế bãi miễn tính theo AGI, AGI được sửa đổi của quý vị cho mục đích Roth IRA là số liệu ở dòng 10.

Có Thể Đóng Góp Bao Nhiêu?

Giới hạn đóng góp cho Roth IRA thường phụ thuộc vào việc các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho Roth IRA hay cho cả IRA truyền thống và Roth IRA.

Chỉ Roth IRA. Nếu các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho Roth IRA, thông thường giới hạn đóng góp của quý vị sẽ số nhỏ hơn trong các số tiền sau.

- $6.000 ($7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2020).
- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị.

Tuy nhiên, nếu AGI được sửa đổi của quý vị ở trên một mức nhất định, giới hạn đóng góp có thể được giảm, như được nêu dưới đây trong phần *Giới hạn đóng góp được giảm*.

Roth IRA và IRA truyền thống. Nếu đóng góp được thực hiện cho cả Roth IRA và IRA truyền thống thiết lập cho quyền lợi của quý vị, giới hạn đóng góp của quý vị cho Roth IRA thường tương đương với giới hạn đóng góp khi chỉ thực hiện cho Roth IRA, nhưng sau đó được giảm tất cả các khoản đóng góp trong năm cho tất cả các IRA khác ngoài Roth IRA. Đóng góp của đơn vị sử dụng lao động trong chương trình SEP hoặc SIMPLE IRA không ảnh hưởng đến giới hạn này.

Tức là giới hạn đóng góp của quý vị thường là khoản nhỏ hơn trong các khoản dưới đây.

- $6.000 ($7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2020) trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE IRA) trong năm cho tất cả IRA ngoài Roth IRA.
- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE IRA) trong năm cho tất cả IRA ngoài Roth IRA.

Tuy nhiên, nếu AGI được sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, giới hạn đóng góp của quý vị có thể được giảm, như được giải thích dưới đây trong phần *Giới hạn đóng góp được giảm*.

Giới hạn đóng góp được giảm. Nếu AGI được sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, giới hạn đóng góp của quý vị sẽ giảm dần. Sử dụng Bảng 9-3 để xác định giới hạn áp dụng với quý vị.

Bảng 9-3. **Ảnh hưởng của AGI được sửa đổi đối với Đóng Góp Roth IRA**

Bảng này thể hiện đóng góp của quý vị vào Roth IRA có bị ảnh hưởng không bang số liệu tổng thu nhập được sửa đổi (AGI được sửa đổi).

NẾU quý vị có tiền thù lao chịu thuế và tình trạng khai thuế của quý vị là...	**VÀ AGI theo luật thuế mới của quý vị là...**	**THÌ...**
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc **Người góa chồng/vợ đủ điều kiện**	ít hơn $196.000	quý vị có thể đóng góp tối đa $6.000 ($7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2020).
	ít nhất $196.000 nhưng dưới $206.000	số tiền quý vị có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần *Giới hạn đóng góp được giảm* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A.
	$206.000 trở lên	quý vị không thể đóng góp cho Roth IRA.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	không (-0-)	quý vị có thể đóng góp tối đa $6.000 ($7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2020).
	lớn hơn không (-0-) nhưng nhỏ hơn $10.000	số tiền quý vị có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần *Giới hạn đóng góp được giảm* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A.
	$10.000 trở lên	quý vị không thể đóng góp cho Roth IRA.
Độc thân, **Chủ gia đình,** hoặc **Vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế** và quý vị đã không sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	ít hơn $124.000	quý vị có thể đóng góp tối đa $6.000 ($7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2020).
	ít nhất $124.000 nhưng dưới $139.000	số tiền quý vị có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần *Giới hạn đóng góp được giảm* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A.
	$139.000 trở lên	quý vị không thể đóng góp cho Roth IRA.

Tính toán mức giảm. Nếu khoản tiền quý vị đóng góp cho Roth IRA của mình được giảm, hãy tham khảo Mẫu Tính Toán 2-2 thuộc phần *Quý Vị Có Thể Đóng Góp cho Roth IRA Không?* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A để xem cách tính toán mức giảm.

Khi Nào Quý Vị Có Thể Thực Hiện Đóng Góp?

Quý vị có thể đóng góp cho Roth IRA trong một năm vào bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế cho năm đó (không tính gia hạn).

TIP *Quý vị có thể đóng góp cho năm 2020 không muộn hơn ngày đến hạn (không tính gia hạn) khai thuế 2020.*

Nếu Quý Vị Đóng Góp Quá Nhiều Thì Sao?

Thuế gián thu 6% áp dụng cho số tiền đóng thuế thặng dư cho Roth IRA.

Số tiền đóng thuế thặng dư. Đây là những khoản đóng góp cho Roth IRA của quý vị trong một năm bằng với tổng của:

1. Các khoản đóng góp cho năm chịu thuế vào Roth IRA của quý vị (ngoài số tiền đã chuyển hợp lý và đúng hạn từ một Roth IRA hoặc quy đổi hợp lý từ một IRA truyền thống hoặc chuyển qua từ một chương trình hưu trí đủ điều kiện, như được nêu ở phần sau) mà lớn hơn giới hạn đóng góp cho năm đó; cộng với
2. Mọi số tiền đóng thuế thặng dư cho năm trước, trừ đi tổng của:
   a. Các khoản đóng góp ngoài Roth IRA của quý vị trong năm đó, cộng
   b. Giới hạn đóng góp của quý vị cho năm đó trừ đi đóng góp cho tất cả IRA của quý vị trong năm.

Rút tiền đóng thuế thặng dư. Với mục đích xác định tiền đóng thuế thặng dư, các khoản đóng góp được rút ra vào hoặc trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) để khai thuế cho năm được coi như khoản tiền không được đóng góp. Chỉ áp dụng như vậy nếu rút đồng thời các khoản lợi tức kiếm được trên các khoản đóng góp. Các khoản lợi tức được coi là kiếm được và nhận được trong năm có số tiền đóng thuế thặng dư.

Áp dụng số tiền đóng thuế thặng dư. Nếu khoản đóng góp cho IRA của quý vị trong một năm lớn hơn giới hạn, quý vị có thể áp dụng số tiền đóng thuế thặng dư trong một năm cho năm sau đó nếu khoản đóng góp cho năm sau đó thấp hơn giới hạn tối đa cho phép trong năm đó.

Quý Có Thể Chuyển Tiền Vào Một IRA Roth Không?

Quý vị có thể chuyển đổi các khoản tiền từ một IRA truyền thống, SEP, hoặc SIMPLE IRA sang Roth IRA. Quý vị có thể chuyển qua các khoản tiền từ chương trình hưu trí đủ điều kiện sang Roth IRA. Quý vị có thể tái xác định các khoản phân phối cho một IRA như phân phối trực tiếp cho một IRA khác. Quý vị có thể chuyển các khoản tiền từ tài Roth được chỉ định hoặc từ Roth IRA này sang Roth IRA khác.

Chuyển đổi

Quý vị có thể chuyển đổi một IRA truyền thống sang Roth IRA. Việc chuyển đổi được coi như chuyển qua, dù sử dụng phương pháp chuyển đổi nào. Hầu hết các quy định chuyển qua được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển Từ IRA Này Sang IRA Khác* thuộc phần *IRA Truyền Thống*, đều áp dụng cho chuyển qua. Tuy nhiên, không áp dụng khoảng thời gian đợi 1 năm.

Phương pháp chuyển đổi. Quý vị có thể chuyển đổi khoản tiền từ một IRA truyền thống sang Roth IRA bằng một trong những cách dưới đây.

- ***Chuyển qua***. Quý vị có thể nhận một khoản phân phối từ IRA truyền thống và chuyển khoản đó (đóng góp) qua Roth IRA trong vòng 60 ngày sau khi phân phối.
- ***Chuyển từ người được ủy thác tới người được ủy thác***. Quý vị có thể hướng dẫn người được tủy thác của IRA truyền thống chuyển khoản tiền từ IRA truyền thống cho người được ủy thác của Roth IRA.
- ***Chuyển cùng người ủy thác***. Nếu người được ủy thác của IRA truyền thống cũng duy trì Roth IRA, quý vị có thể hướng dẫn người được ủy thác chuyển một khoản tiền từ IRA truyền thống sang Roth IRA.

Cùng người được ủy thác. Có thể thực hiện chuyển đổi với cùng một người được ủy bằng cách thiết kế lại IRA truyền thống thành Roth IRA, thay vì mở tài khoản mới hoặc phát hành hợp đồng mới.

Chuyển từ chương trình nghỉ hưu đủ điều kiện qua Roth IRA. Quý vị có thể chuyển qua Roth IRA tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển qua đủ điều kiện mà quý vị nhận được từ (hoặc vợ/chồng quá cố của quý vị):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo mục 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo mục 457).

Các khoản tiền được chuyển qua tuân theo các quy định tương tự như khi chuyển đổi từ IRA truyền thống sang Roth IRA. Đồng thời, khoản đóng góp

chuyển qua phải đáp ứng các yêu cầu chuyển qua áp dụng cho từng loại chương trình hưu trí cụ thể.

Thu nhạp. Quý vị phải tính vào thổng thu nhập các khoản phân phối từ chương trình hưu trí đủ điều kiện mà quý vị phải tính vào thu nhập nếu không chuyển qua Roth IRA. Quý vị không tính vào tổng thu nhập phần nào của phân phối từ một chương trình hưu trí đủ điều kiện là khoản hoàn lại giá trị cơ bản (đóng góp sau thuế) cho chương trình quý vị đã chịu thuế khi được thanh toán. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trong hồ sơ khai thuế của quý vị cho năm chuyển từ chương trình của đơn vị sử dụng lao động đủ điều kiện qua Roth IRA.

CAUTION *Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, quý vị có thể phải tăng khấu lưu và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem Ấn phẩm 505, Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính.*

Để biết thêm thông tin, xem phần *Chuyển Đổi Từ Chương Trình Của Người Sử Dụng Lao Động Sang Roth IRA* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A.

Chuyển đổi từ SIMPLE IRA. Thông thường, quý vị có thể chuyển đổi một khoản tiền trong SIMPLE IRA của mình sang một Roth IRA áp dụng các quy định tương tự được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển Đổi Từ IRA Truyền Thống sang Roth IRA* thuộc phần *IRA Truyền Thống*.

Tuy nhiên, quý vị không thể chuyển đổi khoản tiền phân phối từ SIMPLE IRA trong khoảng thời gian 2 năm bắt đầu từ ngày quý vị lần đầu tham gia chương trình SIMPLE IRA do đơn vị sử dụng lao động duy trì.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chuyển đổi, tham khảo phần *Quý Có Thể Chuyển Tiền Vào Một IRA Roth Không?* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A.

Chuyển từ Roth IRA

Quý vị có thể rút tiền, miễn thuế, toàn bộ hoặc một phần những tài sản này từ một Roth IRA nếu quý vị đóng góp các khoản này trong vòng 60 ngày vào một Roth IRA khác. Hầu hết các quy định chuyển qua đã được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển Từ IRA Này Sang IRA Khác* thuộc phần *IRA Truyền Thống*, áp dụng cho các khoản chuyển qua này.

Chuyển từ tài khoản Roth được chỉ định. Chỉ có thể thực hiện chuyển qua tài khoản Roth được chỉ định sang tài khoản Roth được chỉ định khác hoặc tới Roth IRA. Để tìm hiểu thêm thông tin về tài khoản Roth được chỉ định, tham khảo *các tài khoản Roth Được Chỉ Định* ở phần *Tiền chuyển qua* trong Ấn Phẩm 575.

Các Khoản Phân Phối Có Chịu Thuế Không?

Quý vị không tính vào tổng thu nhập của mình các khoản phân phối đủ điều kiện hoặc phân phối là các khoản đóng góp thông thường hoàn lại từ (các) Roth IRA. Quý vụ cũng không tính các khoản phân phối từ Roth IRA mà quý vị chuyển miễn thuế sang Roth IRA khác. Quý vị có thể phải tính một phần phân phối vào thu nhập của mình. Xem mục *Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*, dưới đây.

Thế nào là phân phối đủ điều kiện? Phân phối đủ điều kiện là bất kỳ khoản thanh toán hoặc phân phối nào từ Roth IRA của quý vị đáp ứng các yêu cầu sau.

1. Phân phối được thực hiện sau khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ năm chịu thuế đầu tiên thực hiện khoản đóng góp cho Roth IRA được thiết lập vì lợi ích của quý vị.
2. Khoản thanh toán hoặc phân phối:
   a. Được thực hiện vào hoặc sau ngày quý vị đủ 59 tuổi1/2,
   b. Được thực hiện do quý vị là người tàn tật,
   c. Được thực hiện cho người thụ hưởng hoặc tài sản của quý vị sau khi quý vị qua đời, hoặc
   d. Để trả tối đa $10.000 (giới hạn trọn đời) số tiền tín thuế cho người mua nhà lần đầu đủ điều kiện nhất định. Xem mục *Mua nhà lần đầu* thuộc phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Thuế bổ sung trên khoản phân phối chuyển đổi và phân phối chuyển qua nhất định trong khoảng thời gian 5 năm. Nếu, trong khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm chịu thuế mà quý vị chuyển đổi một số tiền từ IRA truyền thống hoặc chuyển một số tiền từ chương trình hưu trí đủ điều kiện qua Roth IRA, quý vị sẽ nhận được phân phối từ Roth IRA, quý vị có thể phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho các khoản phân phối sớm. Thông thường, quý vị phải trả thuế bổ sung 10% trên các khoản được quy cho một phần của số tiền được chuyển đổi hoặc chuyển sang (khoản đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển qua) mà quý vị phải tính vào thu nhập. Khoảng thời gian 5 năm riêng biệt áp dụng cho mỗi lần chuyển đổi và chuyển qua. Xem mục *Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*, dưới đây, để xác định khoản tiền phân phối, nếu có, được quy cho phần đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển qua mà quý vị phải tính vào thu nhập.

Thuế bổ sung trên các khoản phân phối sớm khác. Trừ khi có ngoại lệ, quý vị phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho phần phân phối chịu thuế không phải là khoản phân phối đủ điều kiện. Xem Ấn phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối. Nếu phân phối từ Roth IRA quý vị nhận không phải là phân phối đủ điều kiện, một phần phân phối có thể bị đánh thuế. Có một thứ tự nhất định để xem xét các khoản đóng góp (bao gồm các khoản đóng góp chuyển đổi và chuyển qua từ các chương trình hưu trí đủ điều kiện) và thu nhập là phân phối từ Roth IRA của quý vị. Các khoản đóng góp thường xuyên được phân phối trước. Xem mục *Quy Định Sắp Xếp dành cho Các Khoản Phân Phối* thuộc phần *Phân Phối Có Chịu Thuế Không?* trong chương 2 của Ấn Phẩm. 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Quý vị phải rút tiền hay sử dụng tài sản Roth IRA? Quý vị không bắt buộc phải nhận phân phối từ Roth IRA của mình ở bất kỳ tuổi nào. Các quy định phân phối tối thiểu áp dụng cho IRA truyền thống không áp dụng cho Roth IRA khi chủ sở hữu còn sống. Tuy nhiên, sau khi chủ sở hữu Roth IRA qua đời, các quy định phân phối tối thiểu nhất định áp dụng cho IRA truyền thống cũng áp dụng cho Roth IRA.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về Roth IRA, tham khảo chương 2 của Ấn Phẩm. 590-A và Ấn Phẩm 590-B.

Phần Ba.

Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn, Khấu Trừ Từng Khoản và Các Khoản Khấu Trừ Khác

Sau khi quý vị tính được tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình, quý vị đã sẵn sàng trừ đi các khoản khấu trừ được sử dụng để tính thu nhập chịu thuế. Quý vị có thể trừ đi mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản, và cả tiền khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn nếu quý vị đủ tiêu chuẩn. Khấu trừ từng khoản là các khoản khấu trừ cho một số chi phí nhất định được liệt kê trên Bản Khai A (Mẫu 1040). Ba chương trong phần này trình bày về mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn và từng mục khấu trừ từng khoản. Xem chương 10 để biết các yếu tố cần cân nhắc khi quyết định nên áp dụng mức giảm thuế tiêu chuẩn hay khấu trừ từng khoản.

Các bản khai của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bản Khai 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập;*
- *Bản Khai 2 (Phần II), Các Khoản Thu Nhập Khác; và*
- *Bản Khai 3 (Phần I), Tín Dụng Không Hoàn Lại.*

10.

Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn

Quy định mới

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn đã tăng lên. Khoản khấu trừ tiêu chuẩn cho những người đóng thuế không ghi lại từng khoản khấu trừ của họ trong Bản Khai A (Mẫu 1040) đã tăng lên. Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị phụ thuộc vào tình trạng khai thuế của quý vị và các yếu tố khác. Sử dụng Bảng Mức Khấu trừ Thuế Tiêu Chuẩn 2020 ở gần cuối chương này để tính mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị.

TIP *Vào năm 2020, quý vị được phép khấu trừ đóng góp từ thiện lên đến $300 nếu quý vị không kê khai từng khoản khấu trừ của mình. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem* Dòng 10b *trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.*

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Cách tính số tiền khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị.
- Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho người phụ thuộc.
- Ai nên khấu trừ từng khoản.

Hầu hết người nộp thuế có thể chọn khấu trừ thuế tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản. Nếu quý vị có quyền lựa chọn, quý vị có thể sử dụng phương pháp giúp quý vị giảm bớt tiền thuế.

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn là số tiền làm giảm thu nhập chịu thuế của quý vị. Đây là lợi ích giúp nhiều người đóng thuế không phải kê chi tiết các khoản khấu trừ thực tế, chẳng hạn như chi phí y tế, đóng góp từ thiện và thuế, trên Bản Khai A (Mẫu 1040). Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn sẽ cao hơn đối với người nộp thuế là người:

- Từ 65 tuổi trở lên, hoặc
- Bị mù.

TIP *Quý vị được hưởng lợi từ mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn nếu mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị lớn hơn tổng các mức khấu trừ từng khoản được phép của quý vị.*

Những người không đủ điều kiện để được khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị bằng 0 và quý vị nên khấu trừ từng khoản mà quý vị có nếu:

- Tình trạng khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, và vợ/chồng của quý vị cũng liệt kê từng khoản khấu trừ đối với thu nhập của họ;
- Quý vị đang khai thuế cho một năm thuế ngắn do có sự thay đổi trong chu kỳ kế toán hàng năm của quý vị; hoặc
- Quý vị là ngoại nhân không thường trú hoặc ngoại nhân có tình trạng kép trong năm. Quý vị được coi là ngoại nhân có tình trạng kép nếu quý vị vừa là ngoại nhân không thường trú vừa là ngoại nhân thường trú trong năm.

Nếu quý vị là ngoại nhân không thường trú lập gia đình với công dân Hoa Kỳ hoặc ngoại nhân thường trú vào cuối năm, quý vị có thể chọn được đối xử như một công dân Hoa Kỳ. (Xem Ấn phẩm 519.) Nếu quý vị lựa chọn, quý vị có thể thực hiện khấu trừ thuế tiêu chuẩn.

CAUTION *Nếu quý vị có thể được coi là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của người khác (ví dụ trên hồ sơ khai thuế của cha mẹ), mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị có thể bị giới hạn. Xem* Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn Cho Người Phụ Thuộc *ở phần sau.*

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ❑ **526** Đóng góp từ thiện
- ❑ **530** Thông Tin về Thuế cho Chủ Sở Hữu Nhà ở
- ❑ **547** Tổn Thất, Thiên Tai và Trộm Cắp
- ❑ **550** Thu Nhập Đầu Tư và Chi Phí
- ❑ **970** Quyền Lợi Thuế cho Giáo Dục
- ❑ **936** Khấu Trừ Lãi Thế Chấp Nhà

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **Bản Khai A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản

Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn phụ thuộc vào tình trạng khai thuế của quý vị, quý vị có phải người từ 65 tuổi trở lên hay bị mù, và liệu người đóng thuế khác có thể khai quý vị là người phụ thuộc hay không. Nói chung, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn được điều chỉnh mỗi năm theo lạm phát. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người được trình bày trong Bảng 10-1.

Hồ sơ khai thuế cuối cùng của người quá cố. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho hồ sơ khai thuế cuối cùng của người quá cố tương tự như mức khấu trừ nếu người đã mất tiếp tục sống. Tuy nhiên, nếu người quá cố không đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời, thì không thể yêu cầu mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn.

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn cho Người cao tuổi (65 tuổi trở lên)

Nếu quý vị từ 65 tuổi trở lên vào ngày cuối cùng của năm và không khấu trừ từng khoản, quý vị được hưởng mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn. Quý vị được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của quý vị. Do đó, quý vị có thể nhận mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn cho năm 2020 nếu quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956.

Sử dụng Bảng 10-2 để tính mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn.

Người nộp thuế đã mất. Nếu quý vị đang chuẩn bị hồ sơ khai thuế cho một người đã qua đời vào năm 2020, hãy đọc phần này trước khi sử dụng Bảng 10-2 hoặc Bảng 10-3. Chỉ xem xét người đóng thuế đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2020 nếu qua đời khi đã 65 tuổi hoặc cao hơn. Ngay cả khi người nộp thuế sinh trước ngày 2 tháng 1 năm 1956, người đó không được coi là đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2020 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn cho Người mù

Nếu quý vị bị mù vào ngày cuối cùng của năm và quý vị không khấu trừ từng khoản, quý vị sẽ được hưởng một mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn.

Không bị mù hoàn toàn. Nếu quý vị không bị mù hoàn toàn, quý vị phải có chứng nhận từ bác sĩ nhãn khoa (bác sĩ nhãn khoa hoặc chuyên viên đo thị lực) là:

- Quý vị không thể nhìn được 20/200 ở mắt tốt hơn khi đeo kính hoặc kính áp tròng, hoặc
- Thị trường của quý vị là từ 20 độ trở xuống.

Nếu điều kiện mắt của quý vị không thể cải thiện vượt quá những giới hạn này, giấy chứng nhận cần nêu thông tin này. Để giấy chứng nhận đó trong hồ sơ của quý vị.

Nếu thị lực của quý vị chỉ có thể điều chỉnh được vượt quá những giới hạn này bằng kính áp tròng mà quý vị chỉ có thể đeo trong thời gian ngắn vì đau, nhiễm trùng hoặc viêm nhiễm, quý vị có thể nhận được mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn dành cho người mù nếu quý vị đủ điều kiện.

Vợ/chồng 65 tuổi trở lên hoặc Bị mù

Quý vị có thể nhận được mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn nếu vợ/chồng của quý vị 65 tuổi trở lên hoặc bị mù và:

- Quý vị nộp hồ sơ khai thuế chung, hoặc
- Quý vị khai thuế riêng và vợ/chồng của quý vị không có tổng thu nhập và không thể được tuyên bố là người phụ thuộc bởi một người nộp thuế khác.

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của quý vị đã qua đời năm 2020 trước khi đủ 65 tuổi, quý vị có thể nhận mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn nhờ vợ/chồng của quý vị. Ngay cả khi vợ/chồng của quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956, người đó không được coi là từ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2020 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Ví dụ: Vợ/chồng của quý vị sinh ngày 14 tháng 02 năm 1955, và mất ngày 13 tháng 02 năm 2020. Vợ/chồng của quý vị được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời. Tuy nhiên, nếu vợ/chồng của quý vị mất ngày 12 tháng 02 năm 2020, vợ/chồng của quý vị không được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời và không đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2020.

CAUTION *Quý vị không thể yêu cầu mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cao hơn cho một cá nhân không khác không phải quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị.*

Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn Cao Hơn cho Thiệt Hại Ròng Vì Thảm Họa

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị có thể tăng lên khi có bất kỳ thiệt hại ròng vì thảm họa đủ điều kiện nào.

Xem hướng dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR, và Hướng dẫn cho Bản Khai A (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin về cách tính mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn tăng lên và cách báo cáo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Ví dụ

Các ví dụ sau minh họa cách xác định mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn sử dụng Bảng 10-1 và 10-2.

Ví dụ 1. Larry, 46 tuổi, và Donna, 33 tuổi, đang khai thuế chung cho năm 2020. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Họ quyết định không khấu trừ từng khoản. Họ sử dụng Bảng 10-1. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của họ là $24.800.

Ví dụ 2. Thông tin tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc Larry bị mù vào cuối năm 2020. Larry và Donna sử dụng Bảng 10-2. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của họ là $26.100.

Ví dụ 3. Bill và Lisa đang khai thuế chung cho năm 2020. Cả hai đều trên 65 tuổi. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Nếu họ không khấu trừ từng khoản, họ sử dụng Bảng 10-2. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của họ là $27.400.

Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn cho Người Phụ Thuộc

Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho một cá nhân có thể được khai là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của người khác thường được giới hạn ở mức lớn hơn:

- $1.100, hoặc
- Thu nhập do lao động của cá nhân trong năm cộng với $350 (nhưng không nhiều hơn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn thông thường, thường là $12.400).

Tuy nhiên, nếu cá nhân 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, thì mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn có thể cao hơn.

Nếu quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu làm hồ sơ khai thuế chung) có thể được khai là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của người khác, hãy sử dụng Bảng 10-3 để xác định mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị.

Thu nhập do lao động được xác định. Thu nhập do lao động là tiền lương, tiền công, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản tiền khác được trả cho công việc quý vị làm trên thực tế.

Vì mục đích khấu trừ thuế tiêu chuẩn, thu nhập do lao động cũng bao gồm bất kỳ phần nào của học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh chịu thuế. Tham khảo chương 1 của Ấn phẩm 970, Quyền Lợi Thuế Cho Giáo Dục, để biết thêm thông tin về những khoản tiền được đủ điều kiện được coi là học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh.

Ví dụ 1. Michael 16 tuổi và độc thân. Bố mẹ em có thể khai em là người phụ thuộc trong hồ sơ khai thuế 2020 của họ. Em có thu nhập từ lãi là $780 và tiền công $150. Anh không có các khoản khấu trừ từng khoản. Michael sử dụng Bảng 10-3 để xác định mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình. Em nhập $150 (thu nhập do lao động của mình) vào dòng 1, $500 ($150 + $350) vào dòng 3, $1.100 (số lớn hơn giữa $500 và $1.100) vào dòng 5, và $12.400 vào dòng 6. Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của em, ở dòng 7a, là $1.100 (số nhỏ hơn giữa $1.100 và $12.400).

Ví dụ 2. Joe, một sinh viên đại học 22 tuổi, có thể được coi là người phụ thuộc của cha mẹ anh ấy theo hồ sơ khai thuế năm 2020. Joe đã kết hôn và khai thuế riêng. Vợ của anh không khấu trừ từng khoản trong hồ sơ khai thuế riêng của cô ấy. Joe có thu nhập từ lãi $1.500 và lương $3.800. Anh không có các khoản khấu trừ từng khoản. Joe xác định mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình bằng cách sử dụng Bảng 10-3. Anh ấy nhập thu nhập do lao động của mình, $3.800, vào dòng 1. Anh ấy thêm dòng 1 và 2 và nhập $4.150 ($3.800 + $350) vào dòng 3. Ở dòng 5, anh ấy nhập $4.150, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì Joe đã kết hôn và khai thuế riêng, anh nhập $12.400 vào dòng 6. Ở dòng 7a, anh ấy nhập $4.150 là mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của anh ấy vì nó nhỏ hơn $12.400, số tiền ở dòng 6.

Ví dụ 3. Amy là một người độc thân, có thể được coi là người phụ thuộc của cha mẹ cô ấy theo hồ sơ khai thuế năm 2020. Cô ấy 18 tuổi và bị mù. Cô ấy có thu nhập từ lãi là $1.300 và lương $2.900. Cô ấy không khấu trừ từng khoản. Amy sử dụng Bảng 10-3 để xác định mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình. Cô ấy nhập mức lương của mình là $2.900 vào dòng 1. Cô ấy thêm vào dòng 1 và 2 và nhập $3.250 ($2.900 + $350) vào dòng 3. Ở dòng 5, cô ấy nhập $3.250, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì cô ấy độc thân, Amy nhập $12.400 vào dòng 6. Cô ấy nhập $3.250 vào dòng 7a. Đây là số nhỏ hơn của số tiền ở dòng 5 và 6. Vì cô ấy đã đánh dấu vào ô ở phần trên cùng của mẫu tính toán, cho biết cô ấy bị mù, cô ấy nhập $1.650 vào dòng 7b. Sau đó cô ấy thêm số tiền vào dòng 7a và 7b và nhập mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình là $4.900 ($3.250 + $1.650) vào dòng 7c.

Ví dụ 4. Ed 18 tuổi và độc thân. Bố mẹ anh ấy có thể khai anh ấy là người phụ thuộc trong hồ sơ khai thuế 2020 của họ. Anh ấy có mức lương là $7.000, thu nhập từ lãi là $500, và một khoản lỗ kinh

doanh $3.000. Anh không có các khoản khấu trừ từng khoản. Ed sử dụng Bảng 10-3 để tính mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình. Anh ấy nhập $4.000 ($7.000 - $3.000) vào dòng 1. Anh ấy thêm vào dòng 1 và 2 và nhập $4.350 ($4.000 + $350) ở dòng 3. Ở dòng 5, anh nhập $4.350, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì anh ấy độc thân, Ed nhập $12.400 vào dòng 6. Ở dòng 7a, anh ấy nhập $4.350 là mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của anh ấy vì nó nhỏ hơn $12.400, số tiền ở dòng 6.

Ai Nên Khấu Trừ Từng Khoản

Quý vị nên khấu trừ từng khoản nếu tổng các khoản khấu trừ của quý vị nhiều hơn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của chính mình. Ngoài ra, quý vị nên khấu trừ từng khoản nếu quý vị không đủ điều kiện khấu trừ thuế tiêu chuẩn, như thảo luận trước đó ở phần *Những người không đủ điều kiện khấu trừ thuế tiêu chuẩn*.

Đầu tiên, quý vị nên tính toán mức khấu trừ từng khoản của mình và so sánh với mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn để xem quý vị nên sử dụng phương pháp nào đem lại lợi ích lớn hơn.

Khi nào khấu trừ từng khoản. Quý vị có thể hưởng lợi từ việc khấu trừ từng khoản theo Bản Khai A (Mẫu 1040) nếu quý vị:

- Quý vị không đủ điều kiện khấu trừ thuế tiêu chuẩn,
- Có nhiều chi phí y tế và nha khoa không được bảo hiểm trong năm,
- Tiền lãi và thuế đã trả cho căn nhà của quý vị,
- Có tổn thất lớn do tai biến hoặc trộm cắp không được bảo hiểm,
- Đóng góp lớn cho các tổ chức từ thiện đủ điều kiện, hoặc
- Có tổng các khoản khấu trừ từng khoản lớn hơn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn mà quý vị lẽ ra được hưởng.

Những khoản khấu trừ này được giải thích trong chương 11 (Thuế) và trong các ấn phẩm được liệt kê trong *Các Nội Dung Hữu Ích* đã đề cập trước đó.

Nếu quý vị quyết định khấu trừ từng khoản, hãy hoàn thành Bảng A và đính kèm vào Bản Khai 1040 hoặc 1040-SR của quý vị. Nhập số tiền từ Bản Khai A, dòng 17, ở Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR, dòng 12.

Chọn khấu trừ từng khoản cho mục đích nộp thuế tiểu bang hoặc các mục đích khác. Ngay cả khi các khoản khấu trừ từng khoản của quý vị nhỏ hơn mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn, quý vị có thể chọn khấu trừ từng khoản trên hồ sơ khai thuế liên bang của mình thay vì lấy khoản khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Quý vị có thể muốn làm việc này, nếu chẳng hạn, mức thuế được miễn từ khấu trừ từng khoản trên hồ sơ khai thuế tiểu bang của quý vị lớn hơn mức thuế được miễn mà quý vị mất trên hồ sơ khai thuế liên bang khi không lấy khoản khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Để đưa ra lựa chọn này, quý vị phải đánh dấu vào ô ở dòng 18 của Bản Khai A.

Đổi ý. Nếu quý vị không khấu trừ từng khoản và sau đó thấy rằng quý vị nên khấu trừ từng khoản-hoặc nếu quý vị khấu trừ từng khoản nhưng sau đó thấy rằng không nên-quý vị có thể thay đổi hồ sơ khai thuế của mình bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Hồ Sơ Thuế Thu Nhập Cá Nhân Hoa Kỳ được điều chỉnh. Xem *Hồ Sơ Thuế Sửa Đổi và Yêu Cầu Hoàn Thuế* ở chương 1 để biết thêm thông tin về hồ sơ khai thuế sửa đổi.

Những người đã kết hôn đã khai thuế riêng. Quý vị có thể thay đổi phương pháp khấu trừ chỉ khi quý vị và vợ/chồng đều thực hiện những thay đổi giống nhau. Cả hai quý vị phải nộp đơn đồng ý đánh giá bất kỳ khoản thuế bổ sung nào mà một người có thể nợ do thay đổi.

Quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể sử dụng phương pháp giúp quý vị chịu mức tổng thuế thấp hơn, mặc dù một trong hai người có thể phải trả nhiều hơn số thuế quý vị phải trả bằng cách sử dụng phương pháp khác. Cả hai quý vị phải sử dụng cùng một phương pháp yêu cầu khấu trừ. Nếu một người khấu trừ từng khoản, người kia cần khấu trừ từng khoản vì người đó sẽ không đủ điều kiện được khấu trừ thuế tiêu chuẩn. Xem *Những người không đủ điều kiện khấu trừ thuế tiêu chuẩn* ở phần trước.

Bảng Mức Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn 2020

Nếu quý vị đã lập gia đình và khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của quý vị khấu trừ từng khoản, hoặc nếu quý vị là ngoại nhân có tình trạng kép, quý vị không được nhận khấu trừ thuế tiêu chuẩn ngay cả khi quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956, hoặc bị mù.

Bảng 10-1. Biểu đồ Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn cho Hầu Hết Mọi Nngười*

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	THÌ mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị là...
Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	$12.400
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người góa vợ/góa chồng đủ điều kiện	24.800
Chủ gia đình	18.650

*Không sử dụng biểu đồ này nếu quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956, bị mù, hoặc nếu ai đó có thể khai quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai chung) là người phụ thuộc. Thay vào đó sử dụng Bảng 10-2 hoặc 10-3.

Bảng 10-2. Biểu đồ Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn cho Người Sinh Trước Ngày 02 tháng 01 năm 1956, hoặc Người Bị Mù*

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến biểu đồ.

Quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956 ☐ Bị mù ☐

Vợ/chồng của quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956 ☐ Bị mù ☐

Tổng số ô đã đánh dấu ☐

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	VÀ số trong ô trên là...	THÌ mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị là...
Độc thân	1 2	$14.050 15.700
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế	1 2 3 4	$26.100 27.400 28.700 30.000
Người góa vợ/chồng đủ điều kiện	1 2	$26.100 27.400
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**	1 2 3 4	$13.700 15.000 16.300 17.600
Chủ gia đình	1 2	$20.300 21.950

*Nếu ai đó khác có thể khai quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc, thay vào đó hãy sử dụng Bảng 10-3.

**Quý vị có thể đánh dấu vào ô *Vợ/Chồng Của Quý Vị* nếu tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của quý vị không có thu nhập, không khai thuế, và không thể được khai là người phụ thuộc trên hồ sơ thuế của người khác.

Bảng 10-3. Mẫu Tính Toán Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn cho Người Phụ Thuộc

Chỉ sử dụng mẫu tính toán này nếu ai đó khác có thể khai quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc.

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến mẫu tính toán.

Quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956 ☐ Bị mù ☐

Vợ/chồng của quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956 ☐ Bị mù ☐

Tổng số ô đã đánh dấu ☐

1.	Nhập thu nhập do lao động của quý vị (được xác định bên dưới). Nếu không có, nhập -0-.	**1.** _____
2.	Số tiền bổ sung.	**2.** $350
3.	Thêm dòng 1 và 2.	**3.** _____
4.	Mức khấu trừ thuế tối thiểu.	**4.** $1.100
5.	Nhập số lớn hơn của dòng 3 hoặc dòng 4.	**5.** _____
6.	Nhập số tiền hiển thị bên dưới cho tình trạng khai thuế của quý vị. • Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – $12.400 • Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế – $24.800 • Chủ gia đình – $18.650	**6.** _____
7.	**Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn.**	
	a. Nhập số nhỏ hơn của dòng 5 hoặc dòng 6. Nếu sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 1956, và không bị mù, vui lòng dừng lại ở đây. Đây là mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị. Nếu không, chuyển đến dòng 7b.	**7a.** _____
	b. Nếu quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1956, hoặc bị mù, nhân $1.650 ($1.300 nếu đã kết hôn) với số trong ô bên trên.	**7b.** _____
	c. Thêm dòng 7a và 7b. Đây là mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị cho năm 2020.	**7c.** _____

***Thu nhập do lao động** bao gồm tiền công, lương, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản thù lao khác nhận được cho các dịch vụ cá nhân mà quý vị đã thực hiện. Nó cũng bao gồm bất kỳ khoản trợ cấp học bổng hoặc nghiên cứu sinh chịu thuế nào.*

11.

Các khoản thuế

Nhắc nhở

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Đạo Luật Về Giảm Thuế Và Việc Làm quy định giới hạn tạm thời đối với các khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Xem *Giới hạn khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương* ở phần sau.

Không khấu trừ thuế thu được từ nước ngoài được trả cho bất động sản. Quý vị không còn có thể khấu trừ thuế đánh trên thu nhập có được từ nước ngoài mà quý vị được trả cho bất động sản.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về những loại thuế quý vị có thể khấu trừ nếu quý vị khấu trừ từng khoảntrên Bản Khai A (Mẫu 1040). Tại đây các loại thuế nào quý vị có thể khấu trừ trên các bản khai thuế hoặc mẫu khác và loại thuế nào quý vị không thể khấu trừ cũng được giải thích.

Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Thuế thu nhập (liên bang, tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tiêu thụ tổng quát (tiểu bang và địa phương).
- Thuế bất động sản (tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tài sản cá nhân (tiểu bang và địa phương).
- Thuế và lệ phí quý vị không thể khấu trừ.

Sử dụng Bảng 11-1 làm hướng dẫn để xác định loại thuế nào quý vị có thể khấu trừ.

Phần cuối chương có giải thích các mẫu quý vị sử dụng để khấu trừ các loại thuế khác nhau.

Thuế kinh doanh. Quý vị chỉ có thể khấu trừ một số loại thuế nếu chúng là những chi phí cần thiết theo thông lệ thường phát sinh từ hoạt động buôn bán hoặc kinh doanh của quý vị hoặc để tạo ra thu nhập. Để biết thông tin về các loại thuế này, hãy xem Ấn phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh.

Thuế tiểu bang và địa phương. Đây là các loại thuế được áp đặt bởi 50 tiểu bang, các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của họ (chẳng hạn như một quận hoặc thành phố), hoặc bởi Quận Columbia.

Chính quyền bộ lạc thổ dân da đỏ. Một chính quyền bộ lạc thổ dân da đỏ được Bộ trưởng Ngân khố công nhận thực hiện các chức năng chính trọng yếu của chính quyền sẽ được xem như một bang cho mục đích yêu cầu khấu trừ thuế. Thuế thu nhập, thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được áp dụng bởi chính quyền bộ lạc thổ dân da đỏ đó (hoặc bởi bất kỳ phân khu nào được coi là phân khu chính trị của một bang) có thể được khấu trừ.

Thuế tiêu thụ tổng quát. Đây là loại thuế được áp dụng theo một tỷ lệ trên doanh số bán lẻ của nhiều loại mặt hàng.

Thuế từ nước ngoài. Đây là loại thuế do một quốc gia nước ngoài hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của quốc gia đó áp đặt.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **502** Chi phí y tế và nha khoa
- ❑ **503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em Và Người Phụ Thuộc
- ❑ **504** Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân
- ❑ **514** Tín Thuế Nước Ngoài cho Cá Nhân
- ❑ **525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- ❑ **530** Thông Tin về Thuế cho Chủ Sở Hữu Nhà ở

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **Bản Khai A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ❑ **Bản Khai E (Mẫu 1040)** Thu Nhập và Tổn Thất Bổ Sung
- ❑ **1116** Tín Thuế Nước Ngoài

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Tiêu Chí Khấu Trừ Thuế

Quý vị phải đáp ứng hai tiêu chí sau để được khấu trừ bất kỳ khoản thuế nào.

- Thuế phải được áp dụng cho quý vị.
- Quý vị phải trả thuế trong năm tính thuế.

Thuế phải được áp dụng cho quý vị. Nói chung, quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế được áp dụng cho quý vị.

Thông thường, chỉ khi quý vị là chủ sở hữu của bất động sản, quý vị có thể khấu trừ thuế tài sản. Nếu vợ/chồng của quý vị sở hữu bất động sản và đóng thuế bất động sản, thuế sẽ được khấu trừ trên hồ sơ thuế khai riêng của vợ/chồng hoặc trên hồ sơ thuế khai chung của quý vị.

Quý vị phải trả thuế trong năm tính thuế. Nếu quý vị là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, quý vị chỉ có thể khấu trừ những khoản thuế đã thực trả trong năm tính thuế của quý vị. Nếu quý vị thanh toán thuế bằng chi phiếu đã được cam kết bởi tổ chức tài chính của quý vị, ngày quý vị gửi qua bưu điện hoặc chuyển chi phiếu là ngày thanh toán. Nếu quý vị sử dụng tài khoản thanh toán qua điện thoại (chẳng hạn như thẻ tín dụng hoặc rút tiền điện tử), ngày được báo cáo trên bảng sao kê của tổ chức tài chính cho biết thời điểm thanh toán được thực hiện là ngày thanh toán. Nếu quý vị có tranh chấp về trách nhiệm phải đóng thuế và là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, quý vị chỉ có thể khấu trừ thuế vào năm quý vị thực sự trả khoản thuế đó (hoặc chuyển tiền hoặc tài sản khác để giải quyết trách nhiệm bị tranh chấp). Xem Ấn phẩm 538, Chu Kỳ và Phương Pháp Kế Toán, để biết chi tiết.

Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, xem Ấn phẩm 538 để biết thêm thông tin.

Thuế Thu Nhập

Phần này thảo luận về khả năng khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương (bao gồm đóng góp của nhân viên vào quỹ phúc lợi của tiểu bang) và thuế thu nhập từ nước ngoài.

Thuế Thu Nhập Tiểu Bang và Địa Phương

Quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương.

Trường hợp ngoại lệ. Quý vị không thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà quý vị đã trả đối với thu nhập được khấu trừ từ thuế thu nhập liên bang, trừ khi thu nhập khấu trừ là thu nhập từ tiền lãi. Ví dụ: quý vị không thể khấu trừ một phần thuế thu nhập của tiểu bang vào khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế thu nhập liên bang.

Khấu Trừ Những Gì

Khoản khấu trừ của quý vị có thể dành cho khoản thuế được khấu lưu, khoản thanh toán thuế ước tính hoặc các khoản thanh toán thuế khác như sau.

Thuế được khấu lưu. Quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương đã khấu lưu vào tiền lương của quý vị trong năm chúng bị khấu lưu. (Các) Mẫu W-2 của quý vị sẽ thể hiện các khoản này. Mẫu W-2G, 1099-B, 1099-DIV, 1099-G, 1099-K, 1099-MISC, 1099-NEC, 1099-OID và 1099-R cũng thể hiện thuế thu nhập tiểu bang và địa phương được khấu lưu.

Các khoản thuế ước tính. Quý vị có thể khấu trừ các khoản thuế ước tính mà quý vị đã thực hiện trong năm cho chính quyền tiểu bang hoặc địa phương. Tuy nhiên, quý vị phải có cơ sở hợp lý để thực hiện các khoản thuế ước tính. Bất kỳ khoản thuế tiểu bang hoặc địa phương ước tính nào không được thực hiện một cách trung thực tại thời điểm thanh toán sẽ không được khấu trừ.

Ví dụ: Quý vị đã đóng thuế thu nhập tiểu bang ước tính. Tuy nhiên, ước tính về trách nhiệm đóng thuế tiểu bang cho thấy quý vị sẽ được hoàn lại toàn bộ số tiền thanh toán ước tính của quý vị. Quý vị không có cơ sở hợp lý để chứng minh quý vị có bất kỳ trách nhiệm bổ sung nào đối với thuế thu nhập tiểu bang, thì quý vị không thể khấu trừ khoản thuế ước tính đó.

Hoàn thuế. Quý vị có thể khấu trừ bất kỳ phần nào của khoản hoàn trả thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương từ năm trước mà quý vị đã tính vào thuế thu nhập địa phương hoặc tiểu bang ước tính năm 2020 của quý vị.

Không khấu trừ khoản khấu trừ của quý vị theo một trong các mục sau.

- Bất kỳ khoản hoàn thuế thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương (hoặc tín dụng) quý vị muốn nhận cho năm 2020.
- Mọi khoản hoàn thuế của (hoặc tín dụng cho) thuế thu nhập địa phương và tiểu bang của năm trước mà quý vị thực sự nhận được vào năm 2020.

Tuy nhiên, một phần hoặc toàn bộ khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) này có thể bị đánh thuế. Xem *Hoàn thuế (hoặc tín thuế) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương* ở phần sau.

Hồ sơ khai thuế liên bang riêng. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị khai thuế thu nhập tiểu bang, địa phương và liên bang riêng biệt, mỗi người chỉ có thể khấu trừ trên hồ sơ thuế liên bang của người đó số thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà người đó đã trả trong năm tính thuế.

Hồ sơ thuế tiểu bang và địa phương khai chung. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị khai chung thuế tiểu bang và địa phương và khai riêng thuế liên bang, mỗi người có thể khấu trừ trên hồ sơthuế liên bang khai riêng của người đó một phần thuế thu nhập tiểu bang và địa phương đã trả trong năm tính thuế. Quý vị chỉ có thể khấu trừ tổng số thuế tương ứng với tổng thu nhập của quý vị so với tổng thu nhập của quý vị và vợ/chồng của quý vị. Tuy nhiên, quý vị không thể khấu trừ nhiều hơn số tiền quý vị đã thực trả trong năm. Quý vị có thể tránh phương pháp tính này nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị phải chịu trách nhiệm chung và cá nhân đối với toàn bộ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương. Nếu vậy, quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể khấu trừ vào hồ sơ khai riêng thuế liên bang mà mỗi người đã thực trả.

Khai thuế liên bang chung. Nếu quý vị khai thuế liên bang chung, quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà cả hai người đã trả.

Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang. Là người lao động, quý vị có thể khấu lưu các khoản đóng góp bắt buộc vào quỹ phúc lợi của tiểu bang từtừ tiền lương của quý vị để bảo toàn lương. Ví dụ, một số bang yêu cầu người lao động đóng góp vào quỹ của bang cung cấp trợ cấp bảo hiểm tàn tật hoặc thất nghiệp. Các khoản thanh toán bắt buộc vào các quỹ phúc lợi của tiểu bang sau đây được khấu trừ dưới dạng thuế thu nhập của tiểu bang trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a.

- Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp Alaska.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp California.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New Jersey.
- Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp New Jersey.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New York.
- Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp Pennsylvania.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Tạm Thời Đảo Rhode.
- Quỹ Trợ Cấp Công Nhân Bổ Sung Tiểu bang Washington.

CAUTION *Khoản đóng góp của người lao động cho các chương trình dành cho người khuyết tật tư nhân hoặc tự nguyện không được khấu trừ.*

Khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) của thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương. Nếu quý vị nhận được khoản hoàn thuế của (hoặc tín thuế cho) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương trong năm sau năm quý vị quyết toán, quý vị có thể phải bao gồm khoản hoàn thuế vào thu nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm quý vị nhận được. Các khoản này bao gồm các khoản tiền hoàn lại do các khoản thuế bị khấu trừ, áp dụng từ hồ sơ khai thuế năm trước, không được tính chính xác hoặc được tính lại do hồ sơ khai thuế đã sửa đổi. Nếu quý vị không khấu trừ từng khoản trong năm trước, thì đừng gộp khoản hoàn thuế vào thu nhập. Nếu quý vị đã khấu trừ các khoản thuế trong năm trước, hãy gộp toàn bộ hoặc một phần khoản hoàn thuế trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm quý vị nhận được khoản hoàn thuế. Để xem hướng dẫn về số tiền cần gộp, xem *Các Khoản Truy Thu* trong Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế, để biết thêm thông tin.

Thuế thu nhập từ nước ngoài

Nói chung, quý vị có thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế đối với thuế thu nhập được áp dụng cho quý vị bởi một quốc gia nước ngoài hoặc một vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ. Tuy nhiên, quý vị không thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế cho các khoản thuế thu nhập từ nước ngoài được trả dựa trên thu nhập đã được miễn thuế từ Hoa Kỳ theo loại trừ thu nhập kiếm được từ nước ngoài hoặc loại trừ thu nhập từ nhà ở nước ngoài. Để biết thông tin về các loại trừ này, xem Ấn phẩm 54, Hướng Dẫn Về Thuế Cho Công Dân Hoa Kỳ Và Ngoại Nhân Thường Trú Ở Nước Ngoài. Để biết thông tin về tín thuế nước ngoài, xem Ấn phẩm 514.

Thuế Tiêu thụ Tổng quát Tiểu bang và Địa phương

Quý vị có thể chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thay vì thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương, như một khoản khấu từng khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a. Quý vị có thể sử dụng chi phí thực tế hoặc bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương để tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ của quý vị.

Chi phí thực tế. Thông thường, quý vị có thể khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thực tế (bao gồm cả thuế sử dụng bù) nếu thuế suất giống như thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Thực phẩm, quần áo, và vạt tư y tế. Thuế tiêu thụ đối với thực phẩm, quần áo và vật tư y tế được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất thấp hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Xe có động cơ. Thuế tiêu thụ đối với xe có động cơ được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất nhỏ hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát. Tuy nhiên, nếu quý vị đã trả thuế tiêu thụ cho một chiếc xe có mức thuế suất cao hơn thuế tiêu thụ tổng quát, quý vị chỉ có thể khấu trừ số thuế có thể đã phải trả theo thuế suất thuế tiêu thụ tổng quát cho chiếc xe đó. Bao gồm mọi khoản thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một chiếc xe có động cơ được cho thuê. Theo mục đích của phần này, xe có động cơ bao gồm ô tô, xe máy, nhà trên xe có động cơ, xe giải trí, xe thể thao đa dụng, xe tải, xe van và xe địa hình.

CAUTION *Nếu quý vị sử dụng phương pháp chi phí thực tế, quý vị phải có biên lai để thể hiện các khoản thuế tiêu thụ tổng quát đã nộp.*

Hàng hóa thương mại hoặc kinh doanh. Không bao gồm thuế tiêu thụ được trả cho các mặt hàng được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh của quý vị trên Bản Khai A (Mẫu 1040). Thay vào đó, hãy chuyển đến hướng dẫn dành cho mẫu quý vị đang sử dụng để báo cáo thu nhập và chi phí kinh doanh để xem quý vị có thể khấu trừ các khoản thuế này hay không.

Bảng thuế tiêu thụ tùy chọn. Thay vì sử dụng các chi phí thực tế, quý vị có thể tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương bằng cách sử dụng bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương trong Hướng Dẫn cho Bản Khai A (Mẫu 1040). Quý vị cũng có thể thêm thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một số mặt hàng cụ thể.

Số thuế trên bảng có thể áp dụng của quý vị dựa trên tiểu bang nơi quý vị sống, thu nhập của quý vị và số người trong gia đình quý vị. Thu nhập của quý vị là tổng thu nhập đã điều chỉnh cộng với bất kỳ khoản nào không chịu thuế như sau.

- Tiền lãi miễn thuế.
- Quyền lợi của cựu chiến binh.
- Lương chiến đấu không chịu thuế.
- Tiền bồi thường cho người lao động.
- Phần không chịu thuế của quyền lợi an sinh xã hội và quyền lợi hưu trí đường sắt.
- Phần không chịu thuế của IRA, hưu bổng, hoặc phân phối niên kim, không bao gồm trường hợp gia hạn.
- Khoản hỗ trợ công.

Nếu quý vị sống ở các tiểu bang khác nhau trong cùng một năm tính thuế, quý vị phải chia tỷ lệ số thuế bảng có thể áp dụng cho mỗi tiểu bang dựa trên những ngày quý vị sống ở mỗi tiểu bang. Xem hướng dẫn cho Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a, để biết thêm chi tiết.

Thuế Bất Động sản của Tiểu bang và Địa phương

Thuế bất động sản được khấu trừ là bất kỳ loại thuế nào của tiểu bang và địa phương áp cho bất động sản để phục vụ choo phúc lợi công cộng chung. Quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế này nếu chúng được đánh giá thống nhất đối với tất cả tài sản thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế. Tiền thu được phải dành cho mục đích cộng đồng hoặc chính quyền nói chung và không phải là khoản chi trả cho một đặc quyền đặc biệt hoặc dịch vụ được cung cấp cho quý vị.

Các khoản thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các quyền lợi địa phương và các cải tiến làm tăng giá trị của bất động sản. Chúng cũng không bao gồm các khoản phí từng phần cho các dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác) được đánh giá dựa trên tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định, ngay cả khi khoản phí được trả cho cơ quan thuế. Để biết thêm thông tin về các loại thuế và phí không được khấu trừ, hãy xem *Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ* ở phần sau.

Người thuê nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở. Thông thường, nếu quý vị là người chủ nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở, quý vị có thể khấu trừ số tiền trả cho doanh nghiệp đại diện cho phần của quý vị đối với thuế bất động sản mà công ty đã trả hoặc phải chịu cho đơn vị cư trú của quý vị. Doanh nghiệp phải cung cấp bản kê khai cho thấy phần thuế của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem *Nguyên Tắc Đặc biệt cho Hợp Tác Xã* trong Ấn phẩm 530.

Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua. Nếu quý vị mua hoặc bán bất động sản trong năm, thuế bất động sản phải được phân chia giữa người mua và người bán.

Người mua và người bán phải phân chia thuế bất động sản theo số ngày trong năm tính thuế bất động sản (thời gian áp thuế liên quan) mà mỗi người sở hữu bất động sản đó. Người bán được coi là đã thanh toán các khoản thuế đến, nhưng không bao gồm, ngày bán. Người mua được coi là thanh toán các khoản thuế bắt đầu từ ngày bán. Điều này áp dụng bất kể ngày sai áp theo luật địa phương. Thông thường, thông tin này được ghi nhận trong báo cáo quyết toán được cung cấp vào thời điểm kết thúc việc mua bán.

Nếu quý vị (người bán) không thể khấu trừ thuế cho đến khi chúng được thanh toán vì quý vị sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt và người mua tài sản phải chịu trách nhiệm cá nhân về thuế, quý vị được coi là đã thanh toán phần thuế của quý vị tại thời điểm bán hàng. Điều này cho phép quý vị khấu trừ phần thuế đó cho đến ngày bán mặc dù quý vị không thực sự đã thanh toán nó. Tuy nhiên, quý vị cũng phải tính số thuế đó vào giá bán bất động sản. Người mua phải tính số tiền tương tự vào giá vốn của mình đối với tài sản.

Quý vị tính khoản khấu trừ thuế cho mỗi tài sản được mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản như sau.

Mẫu Tính Toán 11-1. **Tính Khoản Khấu rừ Thuế Bất Động Sản Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị**

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	_____
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	_____
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	_____
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Nhập kết quả vào Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5b	_____

Lưu ý. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 cho từng tài sản quý vị đã mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản. Tổng số tiền khấu trừ của quý vị là tổng số tiền trên dòng 4 cho tất cả các tài sản.

Thuế bất động sản cho những năm trước. Không phân chia các khoản thuế còn nợ giữa người mua và người bán nếu các khoản thuế này dành cho bất kỳ năm tính thuế bất động sản nào trước năm tài sản được bán. Ngay cả khi người mua đồng ý thanh toán các khoản thuế còn nợ, người mua cũng không thể khấu trừ chúng. Người mua phải cộng chúng vào giá tài sản. Người bán có thể khấu trừ các khoản thuế người mua đã trả. Tuy nhiên, người bán phải bao gồm chúng trong giá bán.

Ví dụ: Các ví dụ sau đây giải thích cách phân chia thuế bất động sản giữa người mua và người bán.

Ví dụ 1. Năm tính thuế bất động sản của Dennis và Beth White cho cả nhà cũ và nhà mới của họ là năm dương lịch với thời hạn thanh thuế là ngày 1 tháng 8. Thuế cho ngôi nhà cũ của họ, được bán vào ngày 7 tháng 5, là $620. Thuế cho ngôi nhà mới của họ, mua vào ngày 3 tháng 5, là $732. Dennis và Beth được coi là đã trả một phần tương xứng thuế bất động sản cho ngôi nhà cũ mặc dù họ không thực sự nộp cho cơ quan thuế. Mặt khác, họ chỉ có thể yêu cầu một phần tương xứng trong số thuế họ đã trả cho bất động sản mới của họ mặc dù họ đã trả toàn bộ số tiền.

Dennis và Beth sở hữu ngôi nhà cũ của họ trong năm tính thuế bất động sản cho 127 ngày (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 6 tháng 5, một ngày trước khi bán). Họ tính khoản khấu trừ thuế đối với ngôi nhà cũ của họ như sau.

Mẫu Tính Toán 11-1. **Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị – Thuế Đối Với Nhà Cũ**

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	$620
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	127
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	0.3470
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Nhập kết quả vào Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5b	$215

Vì người mua căn nhà cũ của họ đã trả tất cả các loại thuế nên Dennis và Beth cũng tính cả $215 vào giá bán căn nhà cũ. (Người mua thêm $215 vào chi phí mua nhà của họ.)

Dennis và Beth sở hữu ngôi nhà mới trong năm tính thuế bất động sản trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12, tính cả ngày mua). Họ tính toán khoản khấu trừ thuế cho ngôi nhà mới của họ như sau.

Mẫu Tính Toán 11-1. **Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị – Thuế Đối Với Nhà Mới**

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	$732
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	243
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	0.6639
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Nhập kết quả vào Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5b	$486

Vì Dennis và Beth đã trả tất cả các khoản thuế cho ngôi nhà mới, họ cộng thêm $246 ($732 đã trả trừ đi khoản khấu trừ $486) vào chi phí của họ cho ngôi nhà mới. (Người bán cộng $246 này vào giá bán của họ và khấu trừ $246 như thuế bất động sản.)

Khoản khấu trừ thuế bất động sản của Dennis và Beth cho ngôi nhà cũ và mới của họ là tổng của $215 và $486, là $701. Họ sẽ nhập số tiền này vào Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5b.

Ví dụ 2. George và Helen Brown mua một ngôi nhà mới vào ngày 03 tháng 05 năm 2020. Năm tính thuế bất động sản đối với ngôi nhà mới là năm dương lịch. Thuế bất động sản năm 2019 ở tiểu bang của họ được tính vào ngày 01 tháng 01 năm 2020. Các khoản thuế sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020 và ngày 31 tháng 10 năm 2020.

Nhà Browns đồng ý thanh toán tất cả các khoản thuế đến hạn sau ngày mua. Thuế bất động sản năm 2019 là $680. Họ đã trả $340 vào ngày 31 tháng 5 năm 2020 và $340 vào ngày 31 tháng 10 năm 2020. Khoản thuế này dành cho năm tính thuế bất động sản 2019. Nhà Browns không thể khấu trừ chúng vì họ không sở hữu tài sản cho đến năm 2020. Thay vào đó, họ phải cộng thêm $680 vào chi phí của ngôi nhà mới.

Tháng 1 năm 2021, nhà Browns nhận được báo cáo thuế bất động sản năm 2020 với giá $752, số tiền họ sẽ trả vào năm 2021. Nhà Browns sở hữu ngôi nhà mới của họ trong năm tính thuế bất động sản 2020 trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12). Họ sẽ tính khoản khấu trừ thuế vào năm 2021 như sau.

Mẫu Tính Toán 11-1. **Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị – Thuế Đối Với Nhà Mới**

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	$752
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	243
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	0.6639
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Yêu cầu kết quả trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5b	$499

$253 còn lại ($752 đã trả trừ đi khoản khấu trừ $499) thuế đã trả vào năm 2021, cùng với $680 đã trả vào năm 2020, được thêm vào chi phí của ngôi nhà mới.

Vì các khoản thuế tính đến ngày bán được cho là do người bán thanh toán vào ngày bán, người bán được khấu trừ thuế năm 2020 là $933. Đây là tổng số tiền $680 cho năm 2019 và $253 trong 123 ngày mà người bán sở hữu ngôi nhà vào năm 2020. Người bán cũng phải gộp $933 vào giá bán khi họ tính toán lãi hoặc lỗ khi bán. Người bán nên liên hệ với nhà Brown vào tháng 1 năm 2021 để biết mức thuế bất động sản phải nộp cho năm 2020.

Mẫu 1099-S. Đối với một số giao dịch mua bán hoặc trao đổi bất động sản nhất định, người chịu trách nhiệm kết thúc giao dịch mua bán (thường là đại lý quyết toán) chuẩn bị Mẫu 1099-S, Tiền Thu Được Từ Các Giao Dịch Bất Động Sản, để báo cáo một số thông tin nhất định cho Sở Thuế Vụ và cho người bán tài sản. Ô 2 của Mẫu 1099-S dành cho tổng số tiền thu được từ việc bán và phải bao gồm phần nghĩa vụ thuế bất động sản của người bán mà người mua sẽ trả sau ngày bán. Người mua bao gồm các khoản thuế này trong cơ sở giá gốc của bất động sản, và người bán vừa khấu trừ số tiền này như một khoản thuế đã trả vừa tính nó vào giá bán của bất động sản.

Đối với giao dịch bất động sản liên quan đến nhà ở, bất kỳ khoản thuế bất động sản nào mà người bán đã trả trước nhưng đó là trách nhiệm của người mua sẽ xuất hiện trên Mẫu 1099-S, ô 6. Người mua khấu trừ số tiền này như khoản thuế bất động sản, và người bán giảm khấu trừ thuế bất động sản của mình (hoặc đưa nó vào thu nhập) cùng một số tiền. Xem *Hoàn thuế (hoặc giảm giá)* ở phần sau.

Thuế đặt trong quỹ bảo chứng. Nếu khoản thanh toán thế chấp hàng tháng của quý vị bao gồm một khoản tiền được đưa vào quỹ bảo chứng (do bên thứ ba chăm sóc) để trả thuế bất động sản, quý vị có thể không được khấu trừ tổng số tiền đã gửi vào quỹ bảo chứng. Quý vị chỉ có thể khấu trừ thuế bất động sản mà bên thứ ba đã thực trả cho cơ quan thuế. Nếu bên thứ ba không thông báo cho quý vị về số tiền thuế bất động sản đã trả, hãy liên hệ với bên thứ

Bảng 11-1. **Quý Vị Có Thể Khấu Trừ Những Loại Thuế Nào?**

Loại thuế	Quý Vị Có Thể Khấu Trừ	Quý Vị Không Thể Khấu Trừ
Lệ phí và Chi phí	Phí và lệ phí là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc tạo ra thu nhập.	Các khoản phí và lệ phí không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc từ việc tạo ra thu nhập, chẳng hạn như phí lấy bằng lái xe, kiểm tra xe hơi, đậu xe hoặc phí cho hóa đơn tiền nước (xem *Thuế và Lệ phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ*). Tiền phạt và hình phạt.
Thuế Thu Nhập	Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Thuế thu nhập từ nước ngoài. Đóng góp của người lao động vào quỹ tiểu bang được liệt kê trong *Đóng góp vào quỹ phúc lợi tiểu bang*.	Thuế thu nhập liên bang. Đóng góp của người lao động cho các chương trình cho người khuyết tật tư nhân hoặc tự nguyện. Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương nếu quý vị chọn khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương.
Thuế Tiêu Thụ Tổng Quát	Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương, bao gồm thuế sử dụng bù.	Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nếu quý vị chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương.
Các Khoản Thuế Khác	Thuế là chi phí của hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị. Thuế áp dụng với tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền. Một nửa thuế tư doanh đã trả.	Thuế tiêu thụ đặc biệt liên bang, ví dụ như thuế xăng dầu, không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc từ việc tạo ra thu nhập. Thuế tính theo đầu người.
Thuế Tài Sản Cá Nhân	Thuế tài sản cá nhân tiểu bang và địa phương.	Các loại thuế hải quan không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc để tạo ra thu nhập.
Thuế Bất Động Sản	Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương. Phần thuế bất động sản của chủ sở hữu được trả bởi doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở.	Thuế bất động sản được coi là áp cho người khác (xem *Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua*). Thuế bất động sản từ nước ngoài. Thuế cho quyền lợi địa phương (có ngoại lệ). Xem *Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ*. Phí nhặt và thu gom rác (có ngoại lệ). Xem *Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ*. Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

ba hoặc cơ quan thuế để tìm số tiền thích hợp để khai trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Chủ quyền trọn. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị sở hữu toàn bộ tài sản và quý vị nộp hồ sơ khai thuế liên bang riêng, mỗi người sẽ chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế mà mỗi người đã trả cho tài sản đó.

Cá nhân đã ly hôn. Nếu thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân của quý vị quy định rằng quý vị phải trả thuế bất động sản cho ngôi nhà thuộc sở hữu của quý vị và vợ/chồng của quý vị, một phần các khoản thanh toán của quý vị có thể được khấu trừ dưới dạng tiền cấp dưỡng và một phần dưới dạng thuế bất động sản. Xem *Thanh toán cho bên thứ ba* trong Ấn Phẩm 504, Các Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân để biết thêm thông tin.

Trợ cấp thuê nhà để ở của các bộ trưởng và quân nhân. Nếu quý vị là bộ trưởng hoặc thành viên của lực lượng đồng phục và nhận trợ cấp thuê nhà để ở mà quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập, quý vị vẫn có thể khấu trừ tất cả các khoản thuế bất động sản quý vị phải trả cho ngôi nhà của mình.

Hoàn thuế (hoặc giảm thuế). Nếu quý vị nhận được tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào năm 2020 đối với các khoản thuế bất động sản đã nộp vào năm 2020, quý vị phải khấu trừ bằng số tiền được hoàn lại. Nếu quý vị nhận được tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào năm 2020 đối với các khoản thuế bất động sản mà quý vị đã khấu trừ trong một năm trước đó, quý vị thường phải gộp khoản tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào thu nhập trong năm quý vị nhận được nó. Tuy nhiên, số tiền quý vị gộp trong thu nhập bị giới hạn ở số tiền khấu trừ đã làm giảm thuế của quý vị trong năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem *Truy thu* trong Ấn Phẩm 525.

Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ

Các khoản thanh toán cho các mục sau đây thường không được khấu trừ dưới dạng thuế bất động sản.

- Thuế cho quyền lợi địa phương.
- Các khoản phí thành phần cho các dịch vụ (ví dụ như phí nhặt và thu gom rác).
- Thuế chuyển tài sản (hoặc thuế trước bạ).
- Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn.
- Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

Thuế cho quyền lợi địa phương. Thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các quyền lợi và các hoạt động cải tiến ở địa phương có xu hướng làm tăng giá trị bất động sản của quý vị. Chúng bao gồm các định giá về đường phố, vỉa hè, đường ống dẫn nước, đường cống, bãi đậu xe công cộng và các cải tiến tương tự. Quý vị nên tăng cơ sở tài sản bằng số tiền định giá.

Thuế quyền lợi địa phương chỉ được khấu trừ nếu chúng dành cho chi phí bảo trì, sửa chữa hoặc lãi suất liên quan đến những quyền lợi đó. Nếu chỉ một phần thuế dành cho bảo trì, sửa chữa hoặc tiền lãi, quý vị phải thể hiện được số tiền của phần đó để yêu cầu khấu trừ. Nếu quý vị không thể xác định phần nào của thuế dành cho bảo trì, sửa chữa hoặc tiền lãi, thì không khoản nào được khấu trừ.

CAUTION *Thuế cho các quyền lợi địa phương có thể được bao gồm trong hóa đơn thuế bất động sản của quý vị. Nếu cơ quan thuế của quý vị (hoặc người cho vay thế chấp) không cung cấp bản sao hóa đơn thuế bất động sản, quý vị hãy yêu cầu được cung cấp. Quý vị nên sử dụng quy định trên để xác định liệu thuế quyền lợi địa phương có được khấu trừ hay không. Liên hệ với cơ quan thuế nếu quý vị cần thêm thông tin về khoản phí cụ thể trên hóa đơn thuế bất động sản.*

Chi phí từng khoản cho dịch vụ. Một chi phí từng khoản cho các dịch vụ được tính cho một tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định không phải là thuế, ngay cả khi khoản phí đó được trả cho cơ quan thuế. Ví dụ, quý vị không thể khấu trừ khoản phí dưới dạng thuế bất động sản nếu đó là:

- Một khoản phí đơn vị cho việc cung cấp dịch vụ (ví dụ như phí $5 tính cho mỗi 1.000 gallon nước quý vị sử dụng),
- Một khoản phí định kỳ cho dịch vụ nhà ở (ví dụ như $20 mỗi tháng hoặc $240 phí hàng năm được tính cho mỗi chủ nhà để thu gom rác), hoặc
- Một khoản phí cố định được tính cho một dịch vụ duy nhất do chính quyền của quý vị cung cấp (ví dụ phí cắt cỏ $30 vì nó mọc cao hơn mức cho phép theo sắc lệnh địa phương).

CAUTION *Quý vị phải nhìn vào hóa đơn thuế bất động sản để xác định có bất kỳ khoản phí thành phần nào không được khấu trừ, ví dụ như những khoản được liệt kê ở trên, được bao gồm trong hóa đơn thuế hay không. Nếu cơ quan thuế của quý vị (hoặc người cho vay thế chấp) không cung cấp bản sao hóa đơn thuế bất động sản, quý vị hãy yêu cầu được cung cấp.*

Trường hợp ngoại lệ. Chi phí dịch vụ được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác hoặc cảnh sát và phòng cháy chữa cháy) được khấu trừ như thuế bất động sản nếu:

- Phí hoặc lệ phí đó được áp theo một tỷ lệ giống nhau đối với tất cả các bất động sản trong khu vực pháp lý đánh thuế;
- Số tiền thu được không được tính riêng; thay vào đó, chúng được nhập vào các quỹ thu nhập chung; và
- Số tiền được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện dịch vụ không bị giới hạn hoặc được xác định bởi số tiền phí hoặc lệ phí thu được.

Thuế chuyển tài sản (hoặc thuế trước bạ). Thuế chuyển giao tài sản và các loại thuế và chi phí tương tự đối với việc bán nhà cá nhân sẽ không được khấu trừ. Nếu chúng được người bán thanh toán, chúng sẽ là chi phí bán hàng và làm giảm số tiền bán. Nếu được người mua thanh toán, chúng được tính vào giá của tài sản.

Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Nếu chủ nhà của quý vị tăng tiền thuê nhà dưới lệ phí thu thêm do thuế bất động sản tăng, quý vị không thể khấu trừ khoản tiền tăng này dưới dạng thuế.

Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở. Những chi phí này không được khấu trừ vì chúng được áp bởi hiệp hội chủ nhà, chứ không phải chính quyền địa phương hoặc tiểu bang.

Thuế Tài Sản Cá Nhân

Thuế bất động sản cá nhân được khấu trừ nếu đó là thuế tiểu bang hoặc địa phương:

- Được tính trên tài sản cá nhân;
- Chỉ dựa trên giá trị của tài sản cá nhân; và
- Được thu hàng năm, ngay cả khi được thu nhiều hoặc ít hơn một lần mỗi năm.

Một loại thuế đáp ứng các yêu cầu trên có thể được coi là tính trên tài sản cá nhân ngay cả khi đó là để thực hiện một đặc quyền. Ví dụ, thuế hàng năm dựa trên giá trị đủ điều kiện là thuế đánh trên tài sản cá nhân ngay cả khi nó được gọi là phí đăng ký và dành cho đặc quyền đăng ký xe cơ giới hoặc sử dụng chúng trên đường cao tốc.

Nếu thuế được dựa một phần trên giá trị và một phần trên các tiêu chí khác, nó có thể đủ điều kiện từng phần.

Ví dụ: Tiểu bang của quý vị tính thuế trước bạ xe cơ giới hàng năm là 1% giá trị cộng với 50 cent cho mỗi tạ. Quý vị đã trả $32 dựa trên giá trị ($1.500) và trọng lượng (3.400 lbs.) của chiếc xe của quý vị. Quý vị có thể khấu trừ $15 (1% × $1.500) như thuế đánh trên tài sản cá nhân vì nó dựa trên giá trị. Phần còn lại $17 ($0,50 × 34), dựa trên cân nặng, không được khấu trừ.

Thuế và Phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ

Nhiều loại thuế chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương không được khấu trừ vì chúng không nằm trong các danh mục đã thảo luận ở phần trên. Các loại thuế và phí khác, chẳng hạn như thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ vì luật thuế đặc biệt nghiêm cấm việc khấu trừ đối với chúng. Xem Bảng 11-1.

Các khoản thuế và phí thường không được khấu trừ bao gồm các khoản sau.

- ***Thuế lương bổng*** Các loại thuế bao gồm an sinh xã hội, Medicare, và thuế hưu trí đường sắt được khấu lưu từ lương của quý vị. Tuy nhiên, một nửa số thuế tư doanh quý vị phải trả sẽ được khấu trừ. Thêm vào đó, các khoản thuế an sinh xã hội và việc làm khác mà quý vị phải trả dựa trên tiền lương của một người làm thuê tại nhà có thể được gộp trong chi phí y tế mà quý vị có thể khấu trừ hoặc chi phí chăm sóc trẻ em cho phép quý vị yêu cầu tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế Và Nha Khoa, và Ấn Phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.
- ***Thuế di sản, thuế tài sản thừa kế, di tặng hoặc kế thừa.*** Quý vị có thể khấu trừ thuế di sản được tính vào thu nhập của một người quá cố nếu quý vị, với tư cách là người thụ hưởng, phải bao gồm thu nhập đó vào tổng thu nhập của quý vị. Trong trường hợp đó, hãy khấu trừ thuế di sản trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 559, Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý.
- ***Thuế thu nhạp liên bang.*** Khoản này bao gồm thuế thu nhập được khấu trừ từ lương của quý vị.
- ***Tiền phạt và hình phạt.*** Quý vị không thể khấu trừ tiền phạt và hình phạt đã trả cho chính quyền do vi phạm bất kỳ luật nào, bao gồm cả các khoản liên quan bị tịch thu làm tiền ký quỹ.
- ***Thuế bất động sản hoặc thuế tài sản cá nhân từ nước ngoài.***
- ***Thuế quà tặng.***
- ***Lệ phí cấp giấy phép.*** Quý vị không thể khấu trừ lệ phí cấp giấy phép cho các mục đích cá nhân (chẳng hạn như phí chứng nhận kết hôn, giấy phép lái xe và thú cưng).
- ***Thuế tính theo đầu người.*** Quý vị không thể khấu trừ thuế tính theo đầu người của tiểu bang hoặc địa phương.

Nhiều loại thuế và phí khác ngoài những loại thuế được liệt kê ở trên cũng không được khấu trừ, trừ khi chúng là những chi phí cần thiết theo thông thường của một hoạt động kinh doanh hoặc sản xuất tạo ra thu nhập. Để biết thêm các mục không được khấu trừ thuế khác, xem *Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ* ở phần trước.

Khấu Trừ Ở Đâu

Quý vị khấu trừ thuế trên các bản khai sau.

Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Các khoản thuế này được khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a, ngay cả khi nguồn thu nhập duy nhất của quý vị là từ kinh doanh, tiền thuê nhà hoặc bản quyền.

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Việc khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương được giới hạn ở mức $10.000 ($5.000 nếu vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Thuế tiểu bang và thuế địa phương là các loại thuế mà quý vị gộp trong Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a, 5b và 5c. Bao gồm thuế được áp đặt bởi một vùng lãnh thổ Hoa Kỳ với thuế tiểu bang và thuế địa phương của quý vị trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a, 5b và 5c. Tuy nhiên, không bao gồm bất kỳ khoản thuế nào áp bởi vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ mà quý vị đã trả và được phân bổ cho thu nhập bị loại trừ.

TIP *Quý vị có thể muốn nhận tín thuế cho thuế áp bởi vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ thay vì một khoản khấu trừ. Xem hướng dẫn cho Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 1, để biết chi tiết.*

Thuế tiêu thụ tổng quát. Thuế tiêu thụ được khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a. Quý vị phải đánh dấu vào ô ở dòng 5a. Nếu quý vị chọn khấu trừ thuế tiêu thụ, quý vị không thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 5a.

Thuế thu nhập từ nước ngoài. Thông thường, thuế thu nhập quý vị trả cho một quốc gia nước ngoài hoặc vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ có thể được khai như khoản khấu trừ khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 6, hoặc như tín thuế cho thuế thu nhập Hoa Kỳ của quý vị trên Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 1. Để yêu cầu tín thuế, quý vị có thể phải hoàn thành và đính kèm Mẫu 1116. Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR, hoặc Ấn Phẩm 514.

Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân. Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040), lần lượt ở dòng 5b và 5c, trừ khi chúng được thanh toán trên tài sản được sử dụng trong doanh nghiệp của quý vị, trong trường hợp đó, chúng được khấu trừ trên Bản Khai C (Mẫu 1040) hoặc Bản Khai F (Mẫu 1040). Thuế áp dụng trên tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền được khấu trừ trên Bản Khai E (Mẫu 1040).

Thuế tư doanh. Khấu trừ một nửa thuế tự doanh của quý vị trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 14.

Các khoản thuế khác. Tất cả các loại thuế được khấu trừ khác được khấu trừ trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 6.

12.

Khấu Trừ Từng Khoản Khác

Quy định mới

Mức trả tiền tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Thuế suất năm 2020 dành cho mỗi xe mà doanh nghiệp sử dụng là 57,5 cent/dặm.

Nhắc nhở

Không cho phép khoản khấu trừ từng khoản khác. Quý vị không thể tiếp tục đòi hỏi khấu trừ từng khoản khác nữa. Khấu trừ từng khoản khác là những khoản khấu trừ có thể đã chịu hạn mức 2% tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI). Xem phần *Khấu trừ từng khoản khác* ở phần sau.

Tiền phạt và hình phạt. Các quy định liên quan đến khấu trừ hình phạt và hình phạt đã thay đổi. Xem phần *Tiền Phạt và Hình Phạt* ở phần sau.

Giới thiệu

Chương này giải thích rằng quý vị không thể tiếp tục yêu cầu thêm khấu trừ từng khoản khác, trừ khi trường hợp của quý vị rơi vào các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn yêu cầu khấu trừ liên quan đến chi phí nhân viên chưa hoàn trả. Khấu trừ từng khoản khác là những khoản khấu trừ có thể đã chịu hạn mức 2% tổng thu nhập đã điều chỉnh. Quý vị vẫn có thể yêu cầu xét một số chi phí nhất định để khấu trừ từng khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040), Bản Khai A (Mẫu 1040-NR) hoặc làm khoản điều chỉnh thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Khấu trừ từng khoản khác.
- Chi phí quý vị không được khấu trừ.
- Chi phí quý vị được khấu trừ.
- Cách khai báo khoản khấu trừ.

RECORDS Quý vị phải giữ lại chứng từ để xác minh khoản khấu trừ. Quý vị nên giữ lại các biên lai, séc đã hủy, séc thay thế, bản giải trình trương mục tài chính và các loại chứng từ làm bằng khác. Để biết thêm thông tin về lưu giữ chứng từ, vui lòng xem phần *Tôi Nên Lưu Giữ Chứng Từ Nào?* trong chương 1.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **463** Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng Và Ô Tô
- ❑ **525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- ❑ **529** Khoản Khấu Trừ Khác
- ❑ **535** Chi Phí Kinh Doanh
- ❑ **547** Tổn Thất, Thiên Tai và Trộm Cắp
- ❑ **575** Hưu Bổng và Thu Nhập Niên Kim
- ❑ **587** Sử Dụng Nhà Riêng cho Mục Đích Kinh Doanh.
- ❑ **946** Cách Tính Khấu Hao Tài Sản

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **Bản Khai A (Mẫu 1040)** Khấu trừ từng khoản
- ❑ **2106** Chi phí kinh doanh cho nhân viên
- ❑ **8839** Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện
- ❑ **Bản Khai K-1 (Mẫu 1041)** Phần Thu Nhập, Khoản Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v., của Người Thụ Hưởng

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Khấu Trừ Từng Khoản Khác

Quý vị không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản khác nào phải chịu hạn mức 2% AGI, bao gồm cả chi phí nhân viên chưa hoàn trả. Tuy nhiên, quý vị có thể khấu từ một số chi phí kinh doanh cho nhân viên chưa hoàn trả nhất định nếu trường hợp của quý vị rơi vào một trong các danh mục việc làm được liệt kê trong phần *Chi Phí Nhân Viên Chưa Hoàn Trả* tiếp theo.

Chi Phí Nhân Viên Chưa Hoàn Trả

Quý vị không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ chi phí nhân viên chưa hoàn trả trừ khi trường hợp của quý vị rơi vào một trong các danh mục việc làm sau đây.

- Quân nhân trừ bị Quân Lực.
- Nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn.
- Viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí.
- Nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật.

Các Danh Mục Việc Làm

Quý vị có thể khấu trừ chi phí nhân viên chưa hoàn trả chỉ khi quý vị đủ tiêu chuẩn là quân nhân trừ bị Quân Lực, nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn, viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí hoặc một nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật.

Quân nhân trừ bị Quân Lực (thành viên của một nhóm trừ bị). Quý vị là thành viên của một nhóm trừ bị trong Quân Lực Hoa Kỳ nếu tham gia Lục Quân, Thủy Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Không Lực hoặc Tuần Duyên Trừ Bị; Vệ Binh Quốc Gia Hoa Kỳ; hoặc Binh Chủng Trừ Bị của Cơ Quan Dịch Vụ Y Tế Công Cộng.

Nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn. Quý vị là nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn nếu quý vị:

1. Đã trình diễn phục vụ trong bộ môn nghệ thuật biểu diễn với tư cách nhân viên cho ít nhất hai chủ lao động trong năm tính thuế,
2. Nhận thù lao từ ít nhất hai chủ lao động với mức tiền công $200 trở lên từ mỗi chủ lao động,
3. Có chi phí kinh doanh được hỗ trợ do trình diễn nghệ thuật cao hơn 10% tổng thu nhập từ trình diễn nghệ thuật, và
4. Có AGI bằng $16.000 trở xuống trước khi khấu trừ chi phí với tư cách nghệ sĩ trình diễn.

Viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí. Quý vị là viên chức có thù lao từ phí đủ tiêu chuẩn nếu làm việc cho một tiểu bang hoặc cơ quan chính trị của một tiểu bang và có toàn bộ hoặc một phần thù lao từ phí.

Nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật. Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật là chi phí được phép của một cá nhân có khuyết tật thể chất hoặc tinh thần trả cho việc chăm sóc tận nơi ở nơi làm việc của người đó. Chi phí này cũng bao gồm các chi phí khác liên quan đến nơi làm việc cho phép nhân viên đó làm việc. Tham khảo Ấn phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng Và Ô Tô để biết thêm chi tiết.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả được phép. Nếu quý vị đủ tiêu chuẩn là nhân viên thuộc một trong các danh mục nói trên, quý vị có thể khấu trừ các khoản sau đây dưới dạng chi phí nhân viên chưa hoàn trả.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả dành cho các cá nhân trong những danh mục việc làm này được khấu trừ dưới dạng khoản điều chỉnh tổng thu nhập. Nhân viên đủ tiêu chuẩn được liệt kê ở một trong các danh mục nói trên phải hoàn thành Mẫu 2106 để được khấu trừ.

Quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản chi phí nhân viên chưa hoàn trả đã được thanh toán hoặc phát sinh trong năm tính thuế, để thực hiện hoạt động thương mại hay kinh doanh của quý vị với tư cách nhân viên, một cách cần thiết theo thông lệ.

Một chi phí là theo thông lệ nếu chi phí đó là phổ biến và được chấp nhận trong ngành nghề, lĩnh vực hoặc chuyên môn của quý vị. Một chi phí là cần thiết nếu chi phí đó thích hợp và giúp ích cho công việc của quý vị. Một chi phí không cần phải là bắt buộc mới được coi là cần thiết.

Chi Phí của Chuyên Gia Giáo Dục

Nếu quý vị là một chuyên gia giáo dục đủ điều kiện trong năm 2020, quý vị có thể khấu trừ tối đa $250 chi phí đủ tiêu chuẩn mà quý vị đã trả năm 2020 dưới dạng khoản điều chỉnh tổng thu nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 10, thay vì dưới dạng khấu trừ từng khoản khác. Nếu hai vợ chồng quý vị khai thuế chung và cùng là chuyên gia giáo dục đủ điều kiện, khoản khấu trừ tối đa là $500. Dù vậy, không người nào trong hai vợ chồng có thể khấu trừ trên $250 từ chi phí đủ tiêu chuẩn của người đó. Để biết thêm thông tin, tham khảo phần *Chi Phí của Chuyên Gia Giáo Dục* trong Ấn phẩm 529, Khoản Khấu Trừ Khác.

Chi Phí Quý Vị Không Được Khấu Trừ

Do việc tạm ngưng khấu trừ từng khoản khác, có hai loại chi phí quý vị không thể khấu trừ: khấu trừ từng khoản khác phải chịu hạn mức 2% AGI và những chi phí vốn không được khấu trừ theo Luật Thuế Vụ. Cả

hai loại khoản khấu trừ trên đều được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản Khấu Trừ Khác Chịu Hạn Mức 2% AGI

Nếu trường hợp của quý vị không rơi vào các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn trong phần *Chi Phí Nhân Viên Chưa Hoàn Trả* ở trước, quý vị không thể tiếp tục đòi hỏi khoản khấu trừ từng khoản khác phải chịu hạn mức 2% AGI. Với các chi phí không liên quan đến chi phí nhân viên chưa hoàn trả, ngay cả khi trường hợp của quý vị rơi vào một trong các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn trong danh sách ở phần trước, thì thông thường quý vị vẫn không thể khấu trừ các chi phí sau đây.

Phí Thẩm Định

Phí thẩm định mà quý vị trả để tính toán thiệt hại vì tai biến hoặc giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản được quyên tặng là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Tổn Thất Do Tai Biến Và Trộm Cắp

Tài sản bị hư hại hoặc mất cắp được sử dụng trong dịch vụ biểu diễn với tư cách nhân viên là một khoản khấu trừ khác và không còn khấu trừ được nữa. Với các tổn thất khác do tai biến và trộm cắp, tham khảo Ấn phẩm 547, Tổn Thất, Thiên Tai và Trộm Cắp

Hỗ Trợ Hành Chính và Tiền Thuê Văn Phòng

Các chi phí văn phòng như tiền thuê nhà và hỗ trợ hành chính mà quý vị trả liên quan đến các khoản đầu tư và thu lợi tức chịu thuế trên các khoản đầu tư đó là khấu trừ từng khoản khác và không còn được khấu trừ nữa.

Phí Giao Dịch Thẻ Tín Dụng hoặc Ghi Nợ

Phí giao dịch do hãng xử lý giao dịch thẻ thu để nộp thuế thu nhập cá nhân của quý vị (bao gồm cả các khoản thuế ước tính) bằng thẻ tín dụng hoặc ghi nợ là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Khấu Hao Máy Tính Gia Đình

Nếu quý vị sử dụng máy tính gia đình để tạo thu nhập (ví dụ như để quản lý các khoản đầu tư tạo ra lợi nhuận chịu thuế), thì khấu hao cho máy tính đó cho phần sử dụng máy tính đó là một khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Phí Thu Tiền Lãi và Cổ Tức

Các khoản phí mà quý vị trả cho người môi giới, ngân hàng, người được ủy thác hay đại lý tương tự để thu tiền lãi hoặc cổ tức trên cổ phần chứng khoán là khấu trừ từng khoản khác và không thể khấu trừ được nữa.

Chi Phí cho Sở Thích

Sở thích không phải là một hoạt động kinh doanh vì nó không được thực hiện để sinh lời. Chi phí cho sở thích là khấu trừ từng khoản khác và không thể khấu trừ được nữa. Xem *Hoạt Động Phi Lợi Nhuận* ở chương 1 của Ấn phẩm 535, Các Chi Phí Kinh Doanh.

Khấu Trừ Gián Tiếp của Thực Thể Truyền Qua

Các thực thể truyền qua gồm có tổ chức hợp tác kinh doanh, công ty S và quỹ góp vốn đầu tư chưa được niêm yết công khai. Khấu trừ của thực thể truyền qua được chuyển sang cho những người hùn vốn hoặc cổ đông. Cổ phần khấu trừ truyền qua đối với chi phí đầu tư của người hùn vốn hoặc cổ đông là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Quỹ góp vốn đầu tư chưa được niêm yết công khai. Những quỹ này sẽ gửi cho quý vị một Mẫu 1099-DIV, Cổ Tức và Tiền Phân Phối, hoặc một mẫu thay thế, thể hiện phần tổng thu nhập và chi phí đầu tư của quý vị. Các chi phí đầu tư được khai báo trên Mẫu 1099-DIV là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Phí và Chi Phí Đầu Tư

Phí đầu tư, phí bảo quản tài sản, phí quản lý quỹ tín thác và các chi phí khác mà quý vị đã trả để quản lý các khoản đầu tư tạo ra thu nhập chịu thuế là khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Lệ Phí

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ các lệ phí phát sinh khi cố gắng tạo hoặc thu thu nhập chịu thuế hoặc lệ phí mà quý vị trả liên quan đến việc xác định, thu hoặc hoàn bất kỳ loại thuế nào.

Các lệ phí phát sinh khi cố gắng tạo hoặc thu thu nhập chịu thuế hoặc lệ phí mà quý vị trả liên quan đến việc xác định, thu hoặc hoàn bất kỳ loại thuế nào là khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Quý vị có thể khấu trừ chi phí giải quyết các vấn đề về thuế liên quan đến lãi hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh được báo cáo trên Bản Khai C (Mẫu 1040), Lãi Hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Kinh Doanh (Sở Hữu Độc Quyền), từ tiền cho thuê hoặc tiền bản quyền được báo cáo trên Bản Khai E (Mẫu 1040), Bổ Sung Thu Nhập và Lỗ, hoặc từ thu nhập và chi phí hoạt động nông nghiệp được báo cáo trên Bản Khai F (Mẫu 1040), Lãi Và Lỗ Từ Hoạt Động Nông Nghiệp, theo bản khai đó. Chi phí giải quyết các vấn đề thuế không liên quan đến hoạt động kinh doanh là khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Tổn Thất trên Tiền Gửi

Để biết thông tin về việc quý vị có được khấu trừ một khoản lỗ trên tiền gửi ở một cơ quan tài chính đủ tiêu chuẩn không và nếu có thì phải làm thế nào, vui lòng tham khảo *Tổn Thất trên Tiền Gửi* ở Ấn phẩm 547.

Hoàn Trả Thu Nhập

Nhìn chung, các khoản hoàn trả số tiền mà quý vị đã tính vào thu nhập trong năm trước là một khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa. Nếu quý vị đã phải hoàn trả hơn $3.000 mà quý vị đã tính vào thu nhập trong năm trước, quý vị có thể khấu trừ số tiền đó. Xem phần *Hoàn Trả theo Khiếu Nại Đòi Quyền* ở phần sau.

Hoàn Trả Quyền lợi an sinh xã hội

Để biết thông tin về cách khấu trừ các khoản hoàn trả trợ cấp an sinh xã hội nhất định, tham khảo phần *Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Quyền Lợi* ở chương 7.

Tiền Thuê Két Ký Quỹ An Toàn

Tiền thuê mà quý vị trả để có két ký quỹ an toàn mà quý vị sử dụng để bảo quản trái phiếu, chứng khoán tạo ra thu nhập chịu thuế hoặc giấy tờ liên quan đến đầu tư là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa. Quý vị cũng không được khấu trừ tiền thuê nếu sử dụng két này để bảo quản trang sức, các vật dụng cá nhân khác hay chứng khoán miễn thuế.

Phí Dịch Vụ trên Chương Trình Tái Đầu Tư Cổ Tức

Phí dịch vụ mà quý vị trả với tư cách người tham gia một chương trình tái đầu tư cổ tức là khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa. Các khoản phí dịch vụ này bao gồm tiền trả để:

- Nắm giữ cổ phần mua được thông qua một chương trình,
- Thu và tái đầu tư cổ tức tiền mặt, và
- Lưu chứng từ cá nhân và cung cấp sao kê tài khoản chi tiết.

Phí Chuẩn Bị Thuế

Phí chuẩn bị thuế trên hồ sơ khai thuế cho năm mà quý vị trả là một khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa. Phí này bao gồm chi phí cho chương trình phần mềm chuẩn bị thuế và ấn phẩm về thuế. Nó còn gồm bất kỳ khoản phí nào mà quý vị đã trả để khai thuế điện tử cho hồ sơ khai thuế của quý vị.

Phí Hành Chính của Người Được Ủy Thác cho Thỏa Thuận Hưu Trí Cá Nhân (Individual Retirement Arangement, IRA)

Phí hành chính cho người được ủy thác được lập hóa đơn riêng và do quý vị trả liên quan đến IRA của quý vị là khoản khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa. Để biết thêm thông tin về IRA, xem chương 9.

Chi Phí Không Được Khấu Trừ

Ngoài các khoản khấu trừ từng khoản khác được giải thích ở phần trước, quý vị không thể khấu trừ các chi phí sau.

Danh Sách Chi Phí Không Được Khấu Trừ

- Chi phí nhận con nuôi.
- Hoa hồng của người môi giới.
- Chi phí chôn cất hoặc tang lễ, bao gồm chi phí mua lô đất trong nghĩa trang.
- Chi phí vận động.
- Chi phí vốn.
- Phí viết chi phiếu.

- Phí hội viên câu lạc bộ.
- Chi phí đi lại.
- Các loại phí và giấy phép, chẳng hạn như giấy phép lái xe, giấy đăng ký kết hôn và phí nuôi chó.
- Tiền phạt hoặc hình phạt.
- Chi phí spa chăm sóc sức khỏe.
- Thiệt hại cho sở thích, nhưng hãy xem phần *Chi Phí cho Sở Thích* ở phần trước.
- Sửa chữa, bảo hiểm và tiền thuê nhà.
- Hệ thống an ninh cho nhà ở.
- Hối lộ và lo lót bất hợp pháp. Xem phần *Hối lộ và lo lót* ở chương 11, Ấn phẩm 535.
- Hội thảo liên quan đến đầu tư.
- Phí bảo hiểm nhân thọ do bên được bảo hiểm thanh toán.
- Chi phí vận động hành lang.
- Lỗ do bán nhà, đồ đạc, xe hơi cá nhân, v.v.
- Tiền mặt hoặc tài sản mất mát hoặc để sai chỗ.
- Ăn trưa với đồng nghiệp.
- Bữa ăn khi làm việc trễ.
- Chi phí y tế dưới dạng chi phí kinh doanh ngoài các lần khám y tế theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.
- Phí mua bảo hiểm khuyết tật cá nhân.
- Lệ phí cá nhân.
- Chi phí cá nhân, sinh hoạt hoặc của gia đình.
- Đóng góp chính trị.
- Phí cấp phép chuyên môn.
- Chi phí nâng cao uy tín nghề nghiệp.
- Đóng góp quỹ cứu trợ.
- Đường dây điện thoại cố định tại nơi ở.
- Chi phí tham dự cuộc họp cổ đông.
- Chi phí nhận/thu thập thu nhập được miễn thuế.
- Giá trị tiền công chưa từng nhận hay thời gian nghỉ phép đã mất.
- Chi phí công tác cho cá nhân khác.
- Phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp thất nghiệp.
- Đồng hồ đeo tay.

Chi Phí Nhận Con Nuôi

Quý vị không thể khấu trừ các chi phí nhận con nuôi nhưng có thể nhận tín thuế cho các chi phí này, tham khảo Hướng Dẫn cho Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện, để tìm hiểu thêm thông tin.

Chi Phí Vận Động

Quý vị không được khấu trừ chi phí vận động của một ứng viên cho bất kỳ chức vụ nào, ngay cả khi ứng viên đó đang vận động tái tranh cử cho chức vụ đó. Chi phí này bao gồm cả phí ghi danh và xét duyệt bầu cử sơ bộ.

Lệ phí. Quý vị không thể khấu trừ lệ phí trả cho phí biện hộ phát sinh do việc tham gia một cuộc vận động chính trị.

Phí Viết Chi Phiếu trên Trương Mục Cá Nhân

Nếu quý vị có một trương mục chi trả bằng các chi phiếu cá nhân, quý vị không thể khấu trừ các khoản phí mà ngân hàng thu để có đặc quyền viết chi phiếu, ngay cả khi trương mục đó có trả tiền lời.

Phí Hội Viên Câu Lạc Bộ

Nói chung, quý vị không được khấu trừ chi phí thẻ hội viên tại bất kỳ câu lạc bộ nào được tổ chức cho mục đích kinh doanh, vui chơi, giải trí hay giao lưu khác. Trong đó có câu lạc bộ kinh doanh, xã hội, thể dục thể thao, nhà hàng, hàng không, khách sạn, golf và đồng quê.

Quý vị không được khấu trừ phí hội viên trả cho một tổ chức nếu một trong các mục đích của phí này là để:

- Thực hiện các hoạt động giải trí cho hội viên hoặc khách của hội viên, hoặc
- Cung cấp quyền sử dụng các cơ sở giải trí cho hội viên hoặc khách của hội viên.

Phí hội viên được trả cho các câu lạc bộ hàng không, khách sạn hoặc nhà hàng không được khấu trừ.

Chi Phí Đi Lại

Quý vị không được khấu trừ chi phí đi lại (chi phí di chuyển từ nhà tới nơi làm việc chính hoặc thường xuyên và ngược lại). Nếu phải chuyển các công cụ, dụng cụ hoặc vật dụng khác lên xe riêng đến/từ nơi làm việc, quý vị chỉ có thể khấu trừ chi phí bổ sung để chuyển vật dụng như tiền thuê xe kéo để chở vật dụng.

Tiền Phạt và Hình Phạt

Nhìn chung, không được phép áp dụng khấu trừ cho hình phạt và hình phạt đã nộp cho chính quyền hoặc cơ quan phi chính phủ được chỉ định cho hành vi vi phạm bất kỳ điều loạt nào ngoại trừ trong các trường hợp sau đây.

- Số tiền cấu thành khoản bồi thường.
- Số tiền được trả để tuân thủ luật pháp.
- Số tiền được trả hoặc phát sinh do một số trát tòa mà trong đó không có bên nào là cơ quan chính phủ hay cơ quan phi chính phủ được chỉ định.
- Số tiền được trả hoặc phát sinh do các khoản thuế phải trả.

Số tiền không được khấu trừ bao gồm số tiền được trả để dàn xếp trách nhiệm pháp lý trên thực tế hoặc có thể xảy ra bằng hình phạt hoặc hình phạt (dân sự hoặc hình sự). Tiền phạt hoặc hình phạt gồm số tiền được trả như vé phạt đậu xe, hình phạt thuế và hình phạt được khấu trừ từ phiếu lương của giáo viên sau một lần đình công phi pháp.

Bắt đầu từ ngày 22 tháng 12 năm 2017, không được áp dụng khấu trừ cho tiền bồi thường hoặc số tiền được trả để tuân thủ luật pháp, trừ khi số tiền đó được chỉ rõ cụ thể trong thỏa thuận dàn xếp hoặc trát tòa. Ngoài ra, bất kỳ số tiền nào được trả hoặc phát sinh dưới dạng bồi hoàn cho chính quyền chi phí của bất kỳ cuộc điều tra hay kiện tụng nào đều không đủ điều kiện xét ngoại lệ và không được khấu trừ.

Chi Phí Spa Chăm Sóc Sức Khỏe

Quý vị không được khấu trừ chi phí spa chăm sóc sức khỏe, ngay cả khi công việc yêu cầu quý vị phải duy trì tình trạng sức khỏe tốt, chẳng hạn như yêu cầu dành cho viên chức thi hành luật pháp.

Hệ Thống An Ninh cho Nhà Ở

Quý vị không được khấu trừ chi phí hệ thống an ninh cho nhà ở dưới dạng khoản khấu trừ khác. Tuy nhiên, quý vị có thể yêu cầu khấu trừ chi phí an ninh nhà ở dưới dạng chi phí kinh doanh nếu có văn phòng tại nhà. Xem về *Hệ thống an ninh* trong phần *Tính Khoản Khấu Trừ* ở Ấn phẩm 587.

Hội Thảo Liên Quan đến Đầu Tư

Quý vị không được khấu trừ bất cứ chi phí nào cho việc tham gia một hội nghị, hội thảo hoặc cuộc họp tương tự cho mục đích đầu tư.

Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ

Quý vị không được khấu trừ phí mua bảo hiểm mà quý vị trả cho bảo hiểm nhân thọ của mình. Quý vị có thể khấu trừ phí bảo hiểm mà quý vị trả cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho vợ/chồng cũ, dưới dạng trợ cấp ly hôn. Tham khảo Ấn phẩm 504, Các Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân để biết thông tin về trợ cấp ly hôn.

Chi Phí Vận Động Hành Lang

Nói chung, quý vị không được khấu trừ số tiền đã trả hoặc phát sinh cho chi phí vận động hành lang. Các chi phí này bao gồm chi phí để:

- Gây ảnh hưởng đến luật pháp;
- Tham gia hoặc can thiệp vào bất cứ cuộc vận động chính trị nào ủng hộ hoặc đối đầu với bất cứ ứng cử viên cho chức vụ công nào;
- Nỗ lực gây ảnh hưởng đến công chúng hoặc các tầng lớp trong công chúng về hoạt động bầu cử, vấn đề lập pháp hoặc trưng cầu dân ý; hoặc
- Trao đổi trực tiếp với các viên chức của nhánh điều hành mà mình hỗ trợ với ý định gây ảnh hưởng đến hành động hoặc lập trường chính thức của các viên chức đó.

Chi phí vận động hành lang cũng bao gồm bất cứ số tiền nào đã trả hoặc phát sinh để nghiên cứu, chuẩn bị, lập kế hoạch hoặc điều phối bất kỳ hoạt động nào trong số này.

Phí hội viên được sử dụng để vận động hành lang. Nếu một tổ chức miễn thuế thông báo với quý vị rằng một phần phí hội viên hoặc số tiền khác mà quý vị trả cho tổ chức đó được sử dụng để trả chi phí vận động hành lang không được khấu trừ, thì quý vị không được khấu trừ phần đó. Xem phần *Chi Phí Vận Động Hành Lang* trong Ấn phẩm 529 để biết thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

Tiền Mặt hoặc Tài Sản Mất Mát hoặc Để Sai Chỗ

Quý vị không được khấu trừ một tổn thất dựa trên sự biến mất đơn thuần của tiền bạc hay tài sản. Tuy nhiên, một mất mát hoặc sự biến mất ngẫu nhiên của tài sản có thể đủ tiêu chuẩn trở thành một tổn thất nếu nó xuất phát từ một sự kiện có thể nhận biết

có tính chất bất ngờ, ngoài ý muốn hoặc bất thường. Tham khảo Ấn phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Ăn Trưa với Đồng Nghiệp

Quý vị không được khấu trừ chi phí ăn trưa với đồng nghiệp, trừ trường hợp xảy ra khi đi công tác xa nhà. Tham khảo Ấn phẩm 463 để biết thông tin về các chi phí được khấu trừ khi đi công tác xa nhà.

Bữa Ăn Khi Làm Việc Trễ

Quý vị không được khấu trừ chi phí bữa ăn khi làm việc trễ. Tuy nhiên, quý vị có thể yêu cầu khấu trừ nếu chi phí bữa ăn là chi phí giao tế có thể khấu trừ, hoặc nếu quý vị đang đi công tác xa nhà. Tham khảo Ấn phẩm 463 để biết thông tin về chi phí giao tế được khấu trừ và chi phí được khấu trừ khi đi công tác xa nhà.

Lệ Phí Cá Nhân

Quý vị không được khấu trừ lệ phí cá nhân như các chi phí cho những mục đích sau đây.

- Trông nom con cái.
- Kiện tụng do vi phạm lời hứa kết hôn.
- Lệ phí dân sự hoặc hình sự phát sinh từ mối quan hệ cá nhân.
- Tiền bồi thường thiệt hại do thương tích cá nhân, trừ trường hợp có khiếu nại người thổi còi và phân biệt đối xử bất hợp pháp nhất định.
- Chuẩn bị yêu sách (hoặc biện hộ hay hoàn thiện một yêu sách).
- Chuẩn bị di chúc.
- Khiếu nại về tài sản hoặc dàn xếp tài sản trong vụ ly hôn.

Quý vị không được khấu trừ các chi phí này, ngay cả khi kết quả tố tụng là tổn thất tài sản tạo ra thu nhập.

Đóng Góp Chính Trị

Quý vị không được khấu trừ khoản đóng góp cho một ứng cử viên chính trị, một ủy ban chiến dịch hay một quỹ thư thông tin. Quảng cáo trong các bảng tin hội nghị và suất ăn tối hay chương trình có lợi cho một chính đảng hay ứng cử viên của chính đảng đều không được khấu trừ.

Phí Cấp Phép Chuyên Môn

Quý vị không được khấu trừ các loại phí cấp phép chuyên môn như sau.

- Phí cấp chứng chỉ kế toán được trả để có quyền hành nghề kế toán ban đầu.
- Lệ phí thi vào hội luật sư và phụ phí để được kết nạp ban đầu vào hội luật sư.
- Phí giấy phép y khoa và nha khoa nộp để được cấp phép ban đầu.

Uy Tín Nghề Nghiệp

Quý vị không được khấu trừ chi phí xuất hiện trên phương tiện truyền thanh và truyền hình để nâng cao danh tiếng cá nhân hay xây dựng uy tín nghề nghiệp.

Đóng Góp Quỹ Cứu Trợ

Quý vị không được khấu trừ các khoản đóng góp vào một chương trình tư nhân chi trả quyền lợi cho bất kỳ nhân viên nào được bao trả và không thể lao động do có thương tích hoặc bệnh trạng không liên quan đến nghề nghiệp.

Dịch Vụ Điện Thoại Cố Định Tại Nơi Ở

Quý vị không được khấu trừ bất cứ chi phí (đã bao gồm thuế) nào cho dịch vụ điện thoại cố định địa phương cơ bản để có đường dây điện thoại cố định đầu tiên cho nơi cư trú của mình, ngay cả khi nó được sử dụng trong hoạt động thương mại hay kinh doanh.

Họp Cổ Đông

Quý vị không được khấu trừ chi phí đi lại và các chi phí khác mà quý vị trả để tham dự cuộc họp cổ đông của các công ty mà quý vị sở hữu cổ phần nhưng không còn lợi nhuận nào khác. Quý vị không được khấu trừ các chi phí này ngay cả khi tham dự cuộc họp để tiếp nhận những thông tin có thể có ích để đầu tư thêm.

Chi Phí cho Thu Nhập Được Miễn Thuế

Quý vị không được khấu trừ chi phí để tạo ra thu nhập được miễn thuế. Quý vị không được khấu trừ thu nhập trên một khoản nợ phát sinh hoặc tiếp diễn để mua hoặc nắm giữ
chứng khoán miễn thuế.

Nếu quý vị có chi phí để tạo ra cả thu nhập chịu thuế và thu nhập miễn thuế nhưng không thể xác định được chi phí nào tạo ra loại lợi nhuận nào, quý vị phải chia chi phí trên cơ sở số tiền của mỗi loại thu nhập để xác định số tiền mà quý vị được khấu trừ.

Chi Phí Công Tác cho Cá Nhân Khác

Nói chung, quý vị không được khấu trừ chi phí công tác mà quý vị trả hoặc phát sinh cho vợ/chồng, người phụ thuộc hay cá nhân khác đi cùng quý vị (hoặc nhân viên của quý vị) trong chuyến công tác hoặc chuyến đi cá nhân, trừ khi người vợ/chồng, người phụ thuộc hoặc cá nhân khác đó là nhân viên của người đóng thuế, chuyến công tác có mục đích kinh doanh chân thật và chi phí đó sẽ được khấu trừ cho chính người vợ/chồng, người phụ thuộc hoặc cá nhân khác đó. Tham khảo Ấn phẩm 463 để biết thêm thông tin về chi phí công tác được khấu trừ.

Phần Góp Tự Nguyện trong Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp

Quý vị không được khấu trừ phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp thất nghiệp cho một quỹ công đoàn hay quỹ tư nhân. Dù vậy, quý vị được khấu trừ phần góp dưới dạng thuế nếu luật pháp tiểu bang yêu cầu quý vị đóng góp vào một quỹ thất nghiệp tiểu bang bao trả cho quý vị về tổn thất tiền công do thất nghiệp vì điều kiện kinh doanh.

Đồng Hồ Đeo Tay

Quý vị không được khấu trừ chi phí đồng hồ đeo tay, ngay cả khi công việc yêu cầu quý vị nắm được chính xác thời gian để thực hiện đúng phận sự.

Chi Phí Quý Vị Được Khấu Trừ

Quý vị không được khấu trừ các khoản được liệt kê dưới đây dưới dạng khấu trừ từng khoản. Hãy khai báo các khoản này trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16, hoặc Bản Khai A (Mẫu 1040-NR), dòng 7.

Danh Sách Khoản Khấu Trừ

Mỗi khoản sau đây được trình bày chi tiết sau danh sách (trừ những chỗ được nói rõ).

- Tiền trả thêm có thể khấu hao trên trái phiếu dài hạn chịu thuế.
- Tổn thất do tai biến và trộm cắp tài sản tạo ra thu nhập.
- Khấu trừ vượt mức cho tài sản thừa kế hoặc tài sản tín chấp.
- Thuế tài sản thừa kế liên bang trên thu nhập liên quan đến một người quá cố.
- Tiền thua bạc đến mức bằng tiền thắng bài bạc.
- Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật của người khuyết tật.
- Lỗ do mô hình đầu tư kiểu Ponzi (tham khảo Ấn phẩm) 547 để tìm hiểu thêm thông tin).
- Hoàn trả trên $3.000 theo yêu cầu đòi quyền.
- Khiếu nại phân biệt đối xử bất hợp pháp.
- Khoản đầu tư vào niên kim chưa hoàn vốn.

Tiền Trả Thêm Có Thể Khấu Hao trên Công Khố Phiếu Chịu Thuế

Nhìn chung, nếu số tiền mà quý vị trả cho một trái phiếu dài hạn lớn hơn số tiền gốc ghi trên trái phiếu dài hạn đó, thì phần vượt quá chính là tiền trả thêm cho trái phiếu dài hạn. Quý vị có thể chọn trừ dần số tiền trả thêm trên trái phiếu dài hạn chịu thuế đó. Nói chung, việc trừ dần số tiền trả thêm là cách đền bù cho thu nhập từ tiền lời trên trái phiếu dài hạn đó chứ không phải là một khoản khấu trừ riêng.

Một phần số tiền trả thêm trên một số loại trái phiếu dài hạn có thể là khoản khấu trừ từng khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem phần *Tiền Trả Thêm Có Thể Khấu Hao trên Công Khố Phiếu Chịu Thuế* trong Ấn phẩm 529 và *Khấu Hao Tiền Trả Thêm cho Trái Phiếu* trong chương 3, Ấn phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư.

Tổn Thất Do Tai Biến Và Trộm Cắp Tài Sản Tạo Ra Thu Nhập

Quý vị có thể khấu trừ một tổn thất do tai biến hoặc trộm cắp dưới dạng khấu trừ từng khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu tài sản bị hư hại hoặc mất cắp là tài sản tạo ra thu nhập (tài sản được giữ để đầu tư như cổ phiếu, trái phiếutrung hạn, trái phiếu dài hạn, vàng, bạc, lô đất trống và tác phẩm nghệ thuật). Trước hết, hãy khai báo tổn thất ở Mẫu 4684, Mục B. Quý vị cũng có thể phải khai tổn thất trên Mẫu 4797 nếu được yêu cầu nộp mẫu đó. Để tính khoản khấu trừ của mình, quý vị hãy thêm tất cả các tổn thất do tai biến hoặc trộm cắp từ loại tài sản liên quan trên Mẫu 4684, dòng 32 và 38b, hoặc Mẫu 4797, dòng 18a. Để biết thêm thông tin về tổn thất do tai biến và trộm cắp, tham khảo Ấn phẩm 547.

Khấu Trừ Vượt Mức cho Tài Sản Thừa Kế hoặc Tài Sản Tín Chấp

Thông thường, nếu tài sản hoặc ủy thác có một khoản khấu trừ vượt mức do tổng số tiền khấu trừ lớn hơn tổng thu nhập của nó trong năm thuế cuối cùng của tài sản hoặc tín chấp, người thụ hưởng có thể khấu trừ các khoản khấu trừ vượt mức, tùy thuộc vào đặc điểm của nó. Các khoản khấu trừ vượt mức giữ nguyên tính chất của chúng như một sự điều chỉnh để đạt được tổng thu nhập đã điều chỉnh trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), như một khoản không khấu trừ từng khoản được báo cáo trên Bản Khai A (Mẫu 1040) hoặc như một khoản khấu trừ từng khoản khác. Để biết thêm thông tin về các khoản khấu trừ vượt mức của tài sản thừa kế hoặc tài sản tín chấp, hãy xem Hướng dẫn cho Bản Khai K-1 (Mẫu 1041) cho Mẫu 1040, Khai Thuế Cho Người Thụ Hưởng.

Thuế Tài Sản Thừa Kế Liên Bang trên Thu Nhập Liên Quan đến Một Người Quá Cố

Quý vị được khấu trừ thuế tài sản thừa kế liên bang từ thu nhập liên quan đến một người quá cố mà quý vị tính vào tổng thu nhập với tư cách người thụ hưởng. Thu nhập liên quan đến người quá cố đó là tổng thu nhập mà người quá cố có thể đã nhận nếu chưa qua đời và chưa được tính hợp thức trong hồ sơ khai thuế thu nhập cuối cùng của người quá cố. Tham khảo Ấn phẩm 559, Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý, để biết thêm thông tin.

Tiền Thua Bạc đến mức bằng Tiền Thắng Bài Bạc

Quý vị phải khai báo đầy đủ số tiền thắng bài bạc của mình trong năm trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Quý vị khấu trừ số tiền thua bạc của mình trong năm trên Bản Khai A (Mẫu 1040), dòng 16. Quý vị không được khấu trừ số tiền thua bạc lớn hơn thắng bạc.

CAUTION *Quý vị không được lấy số tiền thắng bạc trừ đi số tiền thua bạc và khai báo phần chênh lệch. Quý vị phải khai báo đủ số tiền thắng dưới dạng thu nhập và khai báo số tiền thua (tối đa bằng số tiền thắng) dưới dạng khấu trừ từng khoản. Vì vậy, chứng từ của quý vị phải thể hiện số tiền thắng và thua bạc riêng rẽ.*

RECORDS **Nhật ký thắng thua bạc.** Quý vị phải lưu một nhật ký chính xác hoặc sổ ghi chép tương tự về các khoản thắng, thua bạc.

Nhật ký của quý vị nên có tối thiểu các thông tin sau.

- Ngày và loại khoản tiền hoặc hoạt động thanh toán tiền cụ thể của quý vị.
- Tên và địa chỉ hoặc vị trí của cơ sở đánh bạc.
- Tên của những người khác cùng có mặt với quý vị tại cơ sở đánh bạc.
- Số tiền quý vị thắng hoặc thua.

Xem Ấn phẩm 529 để biết thêm thông tin.

Chi Phí Công Việc Liên Quan Đến Khuyết Tật

Nếu quý vị bị khuyết tật thể chất hoặc tinh thần gây hạn chế khả năng nhận việc của quý vị hoặc hạn chế về căn bản một hoặc nhiều hoạt động sinh hoạt quan trọng của quý vị, như thực hiện các công việc chân tay, đi lại, trò chuyện, hít thở, học tập và lao động, quý vị có thể khấu trừ chi phí công việc liên quan đến khuyết tật của mình.

Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật là những chi phí kinh doanh cần thiết theo thông lệ cho dịch vụ chăm sóc tận nơi làm việc của quý vị hoặc các chi phí khác liên quan đến nơi làm việc và là cần thiết để quý vị đủ khả năng lao động.

Người tư doanh. Nếu quý vị tự làm chủ, hãy nhập chi phí công việc liên quan đến khuyết tật trên mẫu thích hợp (Bản Khai C (Mẫu 1040), Bản Khai E (Mẫu 1040) hoặc Bản Khai F (Mẫu 1040)) được sử dụng để khai báo thu nhập và chi phí kinh doanh của quý vị.

Hoàn Trả Theo Yêu Cầu Đòi Quyền

Nếu quý vị đã phải hoàn trả trên $3.000 mà quý vị đã tính vào thu nhập trong năm trước vì tại thời điểm đó quý vị cho rằng mình có quyền làm điều này không hạn chế, thì quý vị có thể khấu trừ số tiền mà quý vị đã hoàn trả hoặc nhận tín thuế để trừ vào thuế. Xem phần *Hoàn Trả* ở chương 8 để biết thêm thông tin.

Khiếu Nại Phân Biệt Đối Xử Bất Hợp Pháp

Đối với phí luật sư và án phí cho các vụ kiện được hòa giải hoặc phán quyết sau ngày 22 tháng 10 năm 2004, liên quan đến một khiếu nại về hành vi phân biệt đối xử bất hợp pháp, khiếu nại chống lại Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc khiếu nại đưa ra theo điều 1862(b)(3)(A), Đạo Luật An Sinh Xã Hội, quý vị có thể khấu trừ các loại phí này dưới dạng điều chỉnh thu nhập trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040 hoặc), dòng 22. Tuy nhiên, số tiền quý vị được khấu trừ trên Bản Khai 1 (Mẫu 1040), dòng 22, chỉ giới hạn ở số tiền xét xử hoặc dàn xếp mà quý vị tính vào thu nhập cho năm chịu thuế. Tham khảo Ấn phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế, để biết thêm thông tin.

Khoản Đầu Tư vào Niên Kim Chưa Hoàn Vốn

Một người nghỉ hưu đã đóng góp vào chi phí niên kim có thể không tính vào thu nhập một phần của mỗi lần thanh toán nhận được dưới dạng lợi tức miễn thuế từ khoản đầu tư của người nghỉ hưu đó. Nếu người nghỉ hưu qua đời trước khi toàn bộ tiền đầu tư được hoàn vốn và miễn thuế, thì bất cứ số tiền đầu tư chưa hoàn vốn nào cũng được khấu trừ trên hồ sơ khai thuế thu nhập cuối cùng của người nghỉ hưu đó. Tham khảo Ấn phẩm 575, Thu Nhập Hưu Trí Và Niên Kim, để biết thêm thông tin về cách xử lý thuế đối với hưu bổng và niên kim.

Phần Bốn.

Tính Thuế, Tín Dụng Hoàn Lại và Không Hoàn Lại

Hai chương trong phần này giải thích cách tính thuế của quý vị. Các chương này cũng giải thích về các loại tín thuế, không giống như khoản khấu trừ mà được trừ thẳng vào tiền thuế của quý vị và giảm thuế cho quý vị bằng đúng số tiền trên tín thuế.

Các bản khai của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bản Khai 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập;*
- *Bản Khai 2, Thuế Bổ Sung; và*
- *Bản Khai 3, Tín Thuế Bổ Sung và Nộp Thuế Bổ Sung.*

13.

Cách Tính Thuế

Giới thiệu

Sau khi quý vị tính xong thu nhập và các khoản khấu trừ, bước tiếp theo của quý vị là tính thuế. Chương này thảo luận về:

- Các bước thông thường mà quý vị thực hiện để tính thuế,
- Một khoản thuế bổ sung mà quý vị có thể phải nộp được gọi là thuế tối thiểu thay thế (alternative minimum tax, AMT), và
- Những điều kiện quý vị phải đáp ứng nếu muốn Sở Thuế Vụ tính thuế của quý vị.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

- ❑ **503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em Và Người Phụ Thuộc
- ❑ **505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính
- ❑ **524** Tín thuế dành cho người già hay người bị khuyết tật (tiếng Anh)
- ❑ **525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- ❑ **531** Báo Cáo Thu Nhập Từ Tiền Boa
- ❑ **550** Thu Nhập Đầu Tư và Chi Phí
- ❑ **560** Chương Trình Hồi Hưu cho Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ
- ❑ **575** Hưu Bổng và Thu Nhập Niên Kim
- ❑ **596** Tín Thuế Thu Nhập Do Lao Động (EIC)
- ❑ **926** Hướng Dẫn Thuế Cho Chủ Lao Động Là Hộ Gia Đình
- ❑ **929** Quy Định Thuế Dành Cho Trẻ Em Và Người Phụ Thuộc
- ❑ **969** Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác
- ❑ **970** Quyền Lợi Thuế Cho Giáo Dục
- ❑ **972** Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác
- ❑ **974** Tín Thuế Bảo Phí (PTC)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- ❑ **W-2** Báo cáo Lương bổng và Thuế
- ❑ **Bản Khai SE (Mẫu 1040)** Thuế Tự Doanh
- ❑ **1116** Tín Thuế Nước Ngoài
- ❑ **3800** Tín Thuế Chung Cho Kinh Doanh
- ❑ **4136** Tín Thuế cho Thuế Liên Bang được Áp Dụng cho Nhiên Liệu
- ❑ **4970** Thuế trên Tiền Phân Chia Tích Lũy của Quỹ Ủy Thác
- ❑ **5329** Thuế Bổ Sung cho Các Chương Trình Đủ Tiêu Chuẩn (kể cả IRA) và Các Trương Mục Được Ưu Đãi Về Thuế Khác
- ❑ **5405** Hoàn Trả Tín Thuế Cho Người Mua Nhà Lần Đầu
- ❑ **5695** Tín Dụng Năng Lượng Tư Gia
- ❑ **5884** Tín Thuế Cơ Hội Việc Làm
- ❑ **8396** Tín Thuế Tiền Lãi Nợ Vay Mua Nhà
- ❑ **8801** Tín Thuế dành cho Thuế Tối Thiểu Năm Trước – Cá Nhân, Tài Sản và Ủy Thác
- ❑ **8835** Tín Thuế Sản Xuất Năng Lượng Điện Tái Tạo, Than Đá Tinh Luyện và Than Của Người Mỹ Da Đỏ
- ❑ **8839** Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện
- ❑ **8846** Tín Thuế Áp Dụng cho Thuế Medicare và An Sinh Xã Hội của Nhà Tuyển Dụng Được Trả trên Một Số Khoản Thưởng cho Nhân Viên
- ❑ **8853** Các Chương Trình Archer MSA và Các Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn
- ❑ **8880** Tín Thuế dành cho Khoản Đóng Góp Tiết Kiệm Hưu Trí Đủ Điều Kiện
- ❑ **8885** Tín thuế cho bản hiểm y tế (tiếng Anh)
- ❑ **8889** Tài Khoản Tiết Kiệm dành cho Sức Khỏe (HSA)
- ❑ **8910** Tín Dụng Xe Thay Thế Khác
- ❑ **8912** Tín Dụng cho Người Có Trái Phiếu Tín Thuế
- ❑ **8936** Tín Dụng cho Xe Hơi Điện Cắm Sạc Đủ Điều Kiện
- ❑ **8959** Thuế Medicare Bổ sung
- ❑ **8960** Thuế Đầu Tư Ròng – Cá Nhân, Tài Sản và Ủy Thác
- ❑ **8962** Tín Thuế Bảo Phí (PTC)

Tính Thuế

Thuế thu nhập được tính căn cứ trên thu nhập chịu thuế. Sau khi quý vị tính thuế thu nhập và AMT, nếu có, hãy trừ đi tín thuế và cộng thêm mọi khoản thuế khác mà quý vị còn nợ. Kết quả chính là tổng thuế của quý vị. Hãy đối chiếu tổng thuế này với tổng các khoản tiền được thanh toán của quý vị để xác định xem quý vị được hoàn thuế hay phải nộp thuế.

Phần này cung cấp đề cương chung về hướng dẫn tính thuế. Quý vị có thể tìm thấy hướng dẫn theo từng bước trong phần Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.

Thuế. Hầu hết người đóng thuế đều sử dụng Bảng Thuế hoặc Mẫu Tính Thuế để tính thuế thu nhập của mình. Tuy nhiên, sẽ có các phương pháp đặc biệt nếu thu nhập của quý vị có bao gồm bất kỳ khoản nào sau đây.

- Lợi nhuận đầu tư ròng. Tham khảo Ấn phẩm 550.
- Cổ tức đủ tiêu chuẩn được tính thuế với cùng thuế suất như lợi nhuận đầu tư ròng. Tham khảo Ấn phẩm 550.
- Phần phân chia từ số tiền nhận hay trả một lần. Tham khảo Ấn phẩm 575.
- Lợi tức từ nghề cá hoặc nông nghiệp. Xem Bản Khai J (Mẫu 1040).
- Thuế đối với một số trẻ em có thu nhập không do lao động. Tham khảo Ấn phẩm 929.

- Cha mẹ chọn báo cáo tiền lãi và thu nhập của con. Tham khảo Ấn phẩm 929.
- Sự miễn thuế cho lợi tức kiếm được ở nước ngoài hoặc loại trừ nhà ở. (Xem Mẫu 2555, Lợi Tức Kiếm Được Ở Nước Ngoài, và Mẫu Tính Toán Thuế Cho Lợi Tức Kiếm Được Ở Nước Ngoài trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.)

Tín thuế. Sau khi quý vị tính ra thuế thu nhập cá nhân và bất kỳ AMT nào của mình (được thảo luận sau), hãy xác định xem quý vị có đủ điều kiện nhận tín thuế nào không. Thông tin về khả năng hội đủ điều kiện nhận các tín thuế này sẽ được thảo luận trong các ấn phẩm khác và phần hướng dẫn cho các mẫu của quý vị. Các mục sau đây kê ra một số loại tín thuế mà quý vị có thể trừ vào khoản thuế của mình và cho biết những nơi quý vị có thể tìm thêm thông tin về mỗi loại tín thuế.

- Tín thuế nhận con nuôi. Xem Mẫu 8839.
- Tín dụng xe thay thế khác. Xem Mẫu 8910.
- Tín thuế dành cho việc chăm sóc con nhỏ và người phụ thuộc. Tham khảo Ấn phẩm 503.
- Tín thuế trẻ em. Tham khảo Ấn phẩm 972.
- Tín thuế áp dụng cho thuế Medicare và an sinh xã hội của nhà tuyển dụng được trả trên một số khoản thưởng cho nhân viên. Xem Mẫu 8846.
- Ghi có cho người có trái phiếu tín thuế. Xem Mẫu 8912.
- Tín thuế giáo dục. Tham khảo Ấn phẩm 970.
- Tín thuế cho người cao tuổi hoặc người khuyết tật. Tham khảo Ấn phẩm 524.
- Tín thuế nước ngoài. Xem Mẫu 1116.
- Tín thuế chung cho kinh doanh. Xem Mẫu 3800.
- Tín thuế tiền lãi nợ vay mua nhà. Xem Mẫu 8396.
- Tín dụng cho xe hơi điện cắm sạc. Xem Mẫu 8936.
- Tín thuế bảo phí. Tham khảo Ấn phẩm 974.
- Tín thuế tối thiểu của năm trước. Xem Mẫu 8801.
- Tín thuế sản xuất năng lượng điện tái tạo, than đá tinh luyện và than của Người Mỹ Bản Địa. Xem Mẫu 8835.
- Tín dụng năng lượng tư gia. Xem Mẫu 5695.
- Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí. Xem Mẫu 8880.
- Tín thuế cơ hội việc làm. Xem Mẫu 5884.

Một số tín thuế (như tín thuế thu nhập từ việc làm) không được liệt kê ở đây vì các tín thuế này được xem như khoản tiền được thanh toán. Xem phần *Khoản tiền được thanh toán* ở phần sau.

Các khoản thuế khác. Sau khi quý vị trừ đi các khoản tín thuế, hãy xác định xem quý vị có còn phải trả loại thuế nào nữa không. Chương này không giải thích các loại thuế khác này. Quý vị có thể tìm thấy thông tin đó trong các ấn phẩm khác cũng như hướng dẫn cho mẫu. Xem danh sách sau để biết các loại thuế khác mà quý vị có thể cần cộng vào thuế thu nhập của mình.

- Thuế Medicare bổ sung. Xem Mẫu 8959.
- Thuế bổ sung trên tài khoản ABLE. Tham khảo Ấn phẩm 969.
- Thuế bổ sung trên các chương trình Archer MSA và các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Xem Mẫu 8853.
- Thuế bổ sung trên tài khoản tiết kiệm giáo dục Coverdell. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên tài khoản tiết kiệm cho sức khỏe. Xem Mẫu 8889.
- Thuế bổ sung trên thu nhập quý vị nhận được từ một chương trình lương được trì hoãn không đủ tiêu chuẩn, không đáp ứng một số yêu cầu nhất định. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Thuế bổ sung cho các chương trình đủ tiêu chuẩn và các trương mục được ưu đãi về thuế khác Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên chương trình hưu trí đủ tiêu chuẩn và các trương mục hưu trí cá nhân. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên chương trình tiền học đủ điều kiện. Xem Ấn phẩm 970
- Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với khoản bồi thường cổ phiếu nội bộ từ một công ty nước ngoài. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Thuế lao động của hộ gia đình. Tham khảo Ấn phẩm 926.
- Lợi nhuận từ thuế trì hoãn trên thu nhập từ một số giao dịch bán trả góp với giá bán trên $150.000. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Lợi nhuận từ thuế phải nộp trên thu nhập từng phần thu được do bán một số lô đất thổ cư nhất định và khung thời gian. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Thuế lợi tức đầu tư ròng. Xem Mẫu 8960.
- Tính từ đầu một khoản tín thuế giáo dục. Xem Ấn phẩm 970
- Thuế tính từ đầu. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Hoàn trả tín thuế cho người mua nhà lần đầu. Xem Mẫu 5405.
- Mục 72(m)(5) thuế lợi ích vượt mức. Tham khảo Ấn phẩm 560.
- Thuế tư doanh. Xem Bản Khai SE (Mẫu 1040).
- Thuế Medicare và an sinh xã hội trên tiền boa. Tham khảo Ấn phẩm 531.
- Thuế Medicare và an sinh xã hội trên tiền công. Tham khảo Ấn phẩm 525.
- Thuế trên tiền phân chia tích lũy của quỹ ủy thác Xem Mẫu 4970.
- Thuế trên phụ cấp mất thu nhập. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn. Xem Mẫu W-2.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên tiền boa. Tham khảo Ấn phẩm 531.

Quý vị cũng có thể phải trả AMT (được thảo luận chi tiết ở phần sau của chương này).

Thanh toán. Sau khi quý vị xác định tổng thuế, tính tổng số tiền quý vị đã thanh toán cho năm đó. Tính cả các loại tính thuế được xét như khoản thanh toán. Chương này không giải thích các khoản thanh toán và tín thuế này. Quý vị có thể tìm thấy thông tin đó trong các ấn phẩm khác cũng như hướng dẫn cho mẫu. Xem danh sách các khoản thanh toán và tín dụng sau đây mà quý vị có thể đưa vào tổng số khoản thanh toán của mình.

- Tín thuế cơ hội Mỹ. Xem Ấn phẩm 970
- Tín thuế trẻ em (bổ sung). Tham khảo Ấn phẩm 972.
- Tín thuế cho thuế liên bang được áp dụng cho nhiên liệu. Xem Mẫu 4136.
- Tín thuế trên lợi nhuận đầu tư chưa phân phối. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Hoãn thuế cho một số người khai Bản Khai H hoặc SE. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Tín thuế thu nhập từ việc làm. Tham khảo Ấn phẩm 596.
- Thuế ước tính đã đóng. Xem Ấn phẩm 505
- Khấu lưu thuế an sinh xã hội vượt mức và thuế theo Luật Thuế Hưu Trí dành cho các nhân viên ngành đường sắt. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Khấu lưu thuế thu nhập liên bang. Xem Ấn phẩm 505
- Tiền thuế miễn trừ về bao trả cho dịch vụ sức khỏe. Xem Mẫu 8885.
- Tín thuế bảo phí ròng. Xem Hướng Dẫn cho Bản khai Mẫu 8962 hoặc và Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Tín dụng cho phép nghỉ bệnh và lý do gia đình đủ điều kiện. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Tín thuế trợ cấp khôi phục kinh tế. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.
- Thuế đã đóng có gia hạn. Xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.

Hoàn thuế hoặc tiền còn thiếu phải trả Để xác định xem quý vị được hoàn thuế hay phải đóng thêm, hãy đối chiếu tổng thanh toán với tổng thuế. Nếu quý vị được hoàn thuế, hãy xem hướng dẫn điền mẫu để biết thông tin về cách để chuyển khoản trực tiếp số tiền đó vào một hoặc nhiều tài khoản của quý vị (bao gồm một Trương Mục Hưu Trí Cá Nhân (individual retirement account, IRA) truyền thống, Roth IRA hoặc IRA Hưu Bổng cho Nhân Viên (SEP-IRA, Simplified Employee Pension (SEP) - IRA)) hoặc để mua trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ thay vì nhận séc giấy.

Thuế Tối Thiểu Thay Thế (Alternative Minimum Tax, AMT)

Mục này giải thích ngắn gọn về một khoản thuế bổ sung mà quý vị có thể phải đóng.

Luật thuế quy định xem xét đặc biệt với một số loại thu nhập và cho phép khấu trừ và tín thuế đặc biệt với một số loại chi phí. Người nộp thuế hưởng lợi từ sự xem xét đặc biệt này có thể phải đóng ít nhất là số tiền thuế tối thiểu thông qua một loại thuế bổ sung gọi là AMT.

Quý vị có thể phải đóng AMT nếu thu nhập chịu thuế của quý vị cho các mục đích thuế thông thường khi kết hợp với một số điều chỉnh nhất định và mục ưu đãi về thuế cho kết quả lớn hơn một số tiền nhất định. Xem Mẫu 6251, Thuế Tối Thiểu Thay Thế – Cá Nhân.

Các điều chỉnh và mục ưu đãi về thuế. Loại điều chỉnh thường gặp hơn và mục ưu đãi về thuế gồm có:

- Cộng mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn (nếu yêu cầu);
- Cộng mức khấu trừ từng khoản được yêu cầu cho thuế tiểu bang và địa phương, lợi tức nhất định và một phần chi phí y tế;
- Trừ mọi khoản hoàn thuế tiểu bang và địa phương được tính trong tổng thu nhập;
- Thay đổi trong mức khấu trừ tăng dần của tài sản nhất định;
- Chênh lệch giữa lợi nhuận hoặc khoản lỗ từ giao dịch bán tài sản được khai báo cho các mục đích thuế thông thường và mục đích tính AMT;
- Cộng thu nhập nhất định từ quyền chọn cổ phiếu ưu đãi;
- Thay đổi về khấu trừ khoản lỗ từ hoạt động thụ động nhất định;
- Cộng khoản hao hụt nhất định lớn hơn giá trị cơ bản có điều chỉnh của tài sản;
- Cộng phần khấu trừ cho một số chi phí khoan vô hình nhất định; và
- Cộng tiền lãi miễn thuế từ một số trái phiếu hoạt động tư nhân nhất định.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về AMT, vui lòng xem mục Hướng dẫn cho Bản Khai 6251.

Thuế do Sở Thuế Vụ Tính

Nếu quý vị khai thuế không muộn hơn hạn chót nộp hồ sơ khai thuế (không tính trường hợp gia hạn) – tức ngày 15 tháng 4 năm 2021 với hầu hết mọi người – quý vị có thể đề nghị Sở Thuế Vụ tính thuế cho mình trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nếu Sở Thuế Vụ tính thuế cho quý vị và quý vị đã đóng quá nhiều, quý vị sẽ được hoàn thuế. Nếu đóng chưa đủ, quý vị sẽ nhận được hóa đơn cho phần tiền còn thiếu. Để tránh phải trả lãi hoặc tiền phạt do đóng chậm, quý vị phải thanh toán hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn hoặc không muộn hơn hạn chót nộp hồ sơ khai thuế, tùy theo ngày nào muộn hơn.

Sở Thuế Vụ cũng có thể tính tín thuế dành cho người già hay người bị khuyết tật và tín thuế thu nhập từ việc làm cho quý vị.

Khi Sở Thuế Vụ không thể tính thuế của quý vị. Sở Thuế Vụ không thể tính thuế cho quý vị nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây.

1. Quý vị muốn chuyển khoản trực tiếp tiền hoàn thuế vào trương mục chi trả bằng các chi phiếu hoặc tài khoản tiết kiệm.
2. Quý vị muốn một phần tiền hoàn thuế được tính vào thuế ước tính 2021 của quý vị.
3. Quý vị đã có thu nhập trong năm từ những nguồn ngoài tiền công, tiền lương, tiền boa, lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh, cổ tức, quyền lợi an sinh xã hội chịu thuế, phụ cấp thất nghiệp, phân phối IRA, hưu bổng và niên kim.
4. Thu nhập chịu thuế của quý vị từ $100.000 trở lên.
5. Quý vị có tiền khấu trừ từng khoản.
6. Quý vị nộp bất kỳ mẫu nào sau đây.
   a. Mẫu 2555, Thu Nhập Kiếm Được Ở Nước Ngoài.
   b. Mẫu 4137, Thuế An Sinh Xã Hội và Medicare trên Thu Nhập Tiền Boa Chưa Khai Báo.
   c. Mẫu 4970, Thuế trên Tiền Phân Chia Tích Lũy của Quỹ Ủy Thác.
   d. Mẫu 4972, Thuế trên Tiền Phân Chia từ Số Tiền Nhận hay Trả Một Lần.
   e. Mẫu 6198, Giới Hạn Rủi Ro.
   f. Mẫu 6251, Thuế Tối Thiểu Thay Thế – Cá Nhân.
   g. Mẫu 8606, IRA không được khấu trừ.
   h. Mẫu 8615, Thuế dành cho Một Số Trẻ Em Có Thu Nhập Không Do Lao Động
   i. Mẫu 8814, Cha Mẹ Chọn Báo Cáo Lợi Nhuận và Cổ Tức của Con Mình.
   j. Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện.
   k. Mẫu 8853, Các Chương Trình Archer MSA và Các Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn.
   l. Mẫu 8889, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe (HSA).
   m. Mẫu 8919, Thuế An Sinh Xã Hội và Medicare trên Tiền Công.

Nộp Hồ Sơ Khai Thuế

Sau khi quý vị điền hết các mục dòng cho mẫu đơn khai thuế mà quý vị định nộp, hãy điền tên và địa chỉ của quý vị. Nhập số an sinh xã hội của quý vị ở phần bỏ trống được cung cấp. Nếu quý vị đã lập gia đình, hãy nhập số an sinh xã hội của quý vị và vợ/chồng quý vị, ngay cả khi vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Ký tên và đề ngày trên hồ sơ khai thuế và nhập nghề nghiệp của quý vị. Nếu quý vị khai thuế chung, cả hai vợ chồng quý vị đều phải ký tên. Nhập số điện thoại ban ngày của quý vị trong phần bỏ trống được cung cấp. Việc này có thể giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý hồ sơ khai thuế của quý vị nếu chúng tôi có thắc mắc có thể giải đáp qua điện thoại. Nếu khai thuế chung, quý vị có thể nhập số điện thoại ban ngày của một trong hai vợ chồng.

Nếu quý vị muốn cho phép một người bạn, người nhà hoặc bất kỳ người nào khác do quý vị chọn để trao đổi về hồ sơ khai thuế 2020 với IRS, hãy đánh dấu chọn vào ô trong mục "Người hay đơn vị được chỉ định làm thành viên thứ ba" trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Ngoài ra, nhập tên, số điện thoại của người được chỉ định và năm chữ số mà người được chỉ định chọn làm mã số nhận diện cá nhân (PIN). Nếu quý vị đánh dấu vào ô "Yes" (Có), quý vị và vợ/chồng quý vị trong trường hợp khai thuế chung, sẽ cho phép IRS gọi cho người được chỉ định để trả lời mọi câu hỏi có thể phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ khai thuế của quý vị.

Điền và đính kèm mọi bản khai và mẫu được yêu cầu cung cấp trên các dòng mà quý vị đã hoàn tất vào bản cứng hồ sơ khai thuế của quý vị. Đính kèm một bản của mỗi Mẫu W-2 vào bản cứng hồ sơ khai thuế của quý vị. Đính kèm vào bản cứng hồ sơ khai thuế bất kỳ Mẫu 1099-R nào mà quý vị đã nhận có thuế khấu lưu trong ô 4.

Gửi hồ sơ khai thuế qua đường bưu điện về Trung Tâm Sở Thuế Vụ phụ trách khu vực nơi quý vị sinh sống. Trong phần hướng dẫn của hồ sơ khai thuế có danh sách địa chỉ các Trung Tâm Dịch Vụ.

Các Mục Dòng của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR

Nếu quý vị muốn Sở Thuế Vụ tính thuế cho mình. Đọc mẫu 1040 hoặc 1040-SR, từ dòng 1 đến 15, và Bản Khai 1 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Điền vào các dòng áp dụng cho quý vị và đính kèm Bản Khai 1 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Vui lòng không điền Mẫu 1040 hay 1040-SR, dòng 16 hay 17.

Nếu quý vị định khai thuế chung, hãy sử dụng phần bỏ trống trên vạch kẻ chấm bên cạnh từ "Tổng Thu Nhập Đã Điều Chỉnh" ở trang đầu hồ sơ khai thuế để trình bày riêng thu nhập chịu thế của quý vị và thu nhập chịu thuế của vợ/chồng quý vị.

Đọc Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, từ dòng 19 đến 33, cùng Bản Khai 2 và 3 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Điền vào các dòng áp dụng cho quý vị và đính kèm Bản Khai 2 và 3 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Vui lòng không điền Mẫu 1040 hay 1040-SR, các dòng 22, 24, 33 hay từ 34 đến 38. Không điền Bản Khai 2 (Mẫu 1040), dòng 1 hoặc 3. Ngoài ra, vui lòng cũng không điền Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 6, ô "c" nếu quý vị định điền Bản Khai R (Mẫu 1040) hay Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27, nếu quý vị muốn Sở Thuế Vụ tính tín thuế trình bày trên các dòng này.

Thanh toán. Nhập mọi khoản thuế thu nhập liên bang được khấu lưu thể hiện trên Mẫu W-2, ô 2, hoặc Mẫu 1099, ô 4, trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25. Nhập bất kỳ khoản thuế ước tính nào quý vị đã thực hiện trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 26.

Tín thuế cho các chi phí chăm nuôi người sống phụ thuộc. Nếu quý vị có thể nhận tín thuế này, hãy hoàn thành Mẫu 2441 và đính kèm mẫu này vào bản cứng hồ sơ khai thuế của quý vị. Nhập số tiền tín thuế trên Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 2. Sở Thuế Vụ sẽ không tính tín thuế này.

Tín thuế bảo phí ròng. Nếu quý vị có nhận tín thuế này, hãy hoàn thành Mẫu 8962, Tín Thuế Bảo Phí và đính kèm mẫu này vào hồ sơ khai thuế của quý vị. Nhập số tiền tín thuế trên Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 8. Sở Thuế Vụ sẽ không tính tín thuế này.

Tín thuế dành cho người già hay người bị khuyết tật. Nếu quý vị có thể nhận tín thuế này, Sở Thuế Vụ có thể tính cho quý vị. Nhập "CFE" trên dòng bên cạnh Bản Khai 3 (Mẫu 1040), dòng 6, ô "c" và đính kèm Bản Khai R (Mẫu 1040) vào bản cứng hồ sơ khai thuế. Trên Bản Khai R (Mẫu 1040), đánh dấu vào ô trong Phần I cho tình trạng khai thuế và độ tuổi của quý vị. Hoàn thành các Phần II và II, dòng 11 và 13, nếu áp dụng.

Tín thuế thu nhập từ việc làm. Nếu quý vị có thể nhận tín thuế này, Sở Thuế Vụ có thể tính cho quý vị. Nhập chữ "EIC" trên vạch kẻ chấm ở Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27. Nếu quý vị chọn sử dụng lương chiến đấu không chịu thuế khi tính EIC, hãy nhập chữ "NCP" và số tiền trên vạch kẻ chấm ở Mẫu 1040 và 1040-SR, dòng 27.

Nếu có con đủ điều kiện, quý vị phải điền vào Bản Khai EIC (Mẫu 1040), Tín Thuế Thu Nhập Từ Việc Làm, và đính kèm bản khai này vào bản cứng hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị không cung cấp số an sinh xã hội của trẻ này trên Bản Khai EIC, dòng 2, tín thuế sẽ bị giảm hoặc không được phép trừ khi trẻ sinh ra và qua đời trong năm 2020.

Nếu tín thuế của quý vị cho năm bất kỳ sau năm 1996 bị Sở Thuế Vụ giảm bớt hoặc không cho phép, quý vị cũng có thể phải nộp Mẫu 8862 cùng với hồ sơ khai thuế. Để biết chi tiết, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR.

14.

Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác

Nhắc nhở

Các từ viết tắt được sử dụng trong chương này. Các từ viết tắt sau đây sẽ được sử dụng trong chương này khi thích hợp.

- ACTC (additional child tax credit) có nghĩa là tín thuế trẻ em bổ sung.
- ATIN (adoption taxpayer identification number) có nghĩa là mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi.
- CTC (child tax credit) có nghĩa là tín thuế trẻ em.
- ITIN (individual taxpayer identification number) có nghĩa là mã số nhận diện người đóng thuế.
- ODC (credit for other dependents) có nghĩa là tín thuế cho người thuộc quyền khác.
- SSN (social security number) có nghĩa là số an sinh xã hội.
- TIN (taxpayer identification number) có nghĩa là số nhận diện người đóng thuế.

Trong chương này có thể có các từ viết tắt khác được sử dụng và các từ này sẽ được định nghĩa nếu cần.

Chậm hoàn thuế cho hồ sơ khai thuế yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm (EIC, earned income credit) hoặc ACTC. IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2021 cho những hồ sơ khai thuế yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm (EIC) hay ACTC. Khung thời gian này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, thay vì chỉ phần có liên quan đến các tín thuế này.

Giới thiệu

CTC là tín thuế có thể giúp giảm thuế của quý vị tới $2.000 cho mỗi trẻ đủ tiêu chuẩn để quý vị nhận tín thuế. Xem phần *Hạn mức CTC và ODC* ở sau.

ACTC là tín thuế mà quý vị có thể được nhận nếu không thể yêu cầu toàn bộ số tiền CTC.

ODC là tín thuế có thể giúp giảm thuế của quý vị tới $500 cho mỗi người phụ thuộc đủ điều kiện.

CAUTION *Quý vị không nên nhầm lẫn CTC và ACTC với tín thuế chăm sóc người phụ thuộc và trẻ em được trình bày ở Ấn phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.*

Nếu quý vị không phải nộp thuế. Các tín thuế như CTC, ODC hoặc tín thuế chăm sóc người phụ thuộc và trẻ em sẽ giúp giảm thuế cho quý vị. Nếu tiền thuế của quý vị trên dòng 18 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR bằng 0, quý vị có thể yêu cầu tín thuế trẻ em vì không có khoản thuế nào để giảm. Tuy nhiên, quý vị có thể đủ tiêu chuẩn nhận ACTC trên dòng 28 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn phẩm

❑ **972** Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác

Mẫu (và Hướng dẫn)

❑ **Bản Khai 8812 (Mẫu 1040)** Tín Thuế Trẻ Em Bổ Sung

❑ **8862** Thông Tin Để Nộp Đơn Xin Hoàn Lại Một Số Tín Thuế Sau Khi Không Cho Phép

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập *IRS.gov/Forms*.

Yêu Cầu về Số Nhận Diện Người Đóng Thuế

Quý vị phải có TIN không muộn hơn hạn chót nộp hồ sơ khai thuế. Nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị nộp hồ sơ chung, không có SSN hay ITIN được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 (tính cả thời gian gia hạn), quý vị không thể yêu cầu CTC, ODC hay ACTC trên hồ sơ khai thuế 2020 bản gốc hay bản sửa.

Nếu quý vị nộp đơn xin cấp ITIN vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn) và IRS cấp ITIN cho quý vị theo đơn đó, IRS sẽ xem như ITIN của quý vị được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Mỗi trẻ đủ điều kiện mà quý vị sử dụng cho CTC hoặc ACTC đều phải có SSN bắt buộc. Nếu quý vị có trẻ đủ điều kiện nhưng chưa có SSN bắt buộc, quý vị không được lấy trẻ này để yêu cầu CTC hay ACTC trên hồ sơ khai thuế 2020 bản gốc hay bản sửa. SSN bắt buộc là số hợp lệ để đi làm và được cấp trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn).

Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không có SSN bắt buộc nhưng có loại TIN khác được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn), thì quý vị có thể yêu cầu ODC tương ứng với trẻ đó. Xem phần *Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác (ODC)* ở sau.

Mỗi người phụ thuộc mà quý vị lấy làm căn cứ cho ODC phải có một TIN không muộn hơn ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế của quý vị. Nếu quý vị có một người phụ thuộc không có SSN, ITIN hay ATIN được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 (tính cả thời gian gia hạn), thì quý vị không thể lấy người phụ thuộc đó làm căn cứ yêu cầu ODC trên hồ sơ khai thuế 2020 bản gốc hay bản sửa của mình.

Nếu quý vị nộp đơn xin cấp ITIN hoặc ATIN cho người phụ thuộc vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn) và IRS cấp ITIN hoặc ATIN theo đơn đó, thì IRS sẽ xem ITIN hoặc ATIN đó là được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế của quý vị.

Yêu Cầu Không Hợp Thức

Nếu quý vị yêu cầu CTC, ODC hoặc ACTC và có sai sót, ngay cả khi quý vị không đủ điều kiện nhận tín thuế, và sau đó được xác định là lỗi xảy ra do không tuân thủ quy định về CTC, ODC hoặc ACTC một cách có chủ đích hoặc do khinh suất, thì quý vị sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ loại tín thuế nào trong số này trong vòng 2 năm. Nếu lỗi được xác định là do gian lận, quý vị sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ loại tín thuế nào trong số này trong 10 năm. Quý vị cũng có thể phải trả tiền phạt.

Có thể yêu cầu nộp Mẫu 8862. Nếu CTC, ODC hoặc ACTC của quý vị cho một năm nào đó sau năm 2015 đã bị từ chối hoặc giảm vì bất cứ lý do nào ngoài lỗi đánh máy hoặc toán học, quý vị phải gửi kèm Mẫu 8862 trong hồ sơ khai thuế để yêu cầu CTC, ACTC hoặc ODC, trừ khi có áp dụng ngoại lệ. Xem Mẫu 8862 và hướng dẫn cho mẫu này để biết thêm thông tin cũng như để biết có áp dụng ngoại lệ không.

Tín Thuế Trẻ Em (CTC)

CTC dành cho những cá nhân tuyên bố có con em là người phụ thuộc nếu trẻ đó đáp ứng các điều kiện bổ sung (được mô tả ở phần sau).

Lưu ý. Tín thuế này khác với tín thuế cho các chi phí chăm nuôi người sống phụ thuộc và trẻ em cũng như tín thuế thu nhập từ việc làm mà quý vị cũng có thể đủ điều kiện yêu cầu và bổ sung cho các loại tín thuế này.

Số tiền tối đa quý vị có thể yêu cầu cho tín thuế là $2.000 cho mỗi trẻ đủ tiêu chuẩn là cơ sở để quý vị nhận CTC. Nhưng vui lòng tham khảo phần *Hạn mức CTC và ODC* ở sau.

Để biết thêm thông tin về yêu cầu CTC, xem phần *Yêu cầu CTC và ODC* ở sau.

Trẻ đủ điều kiện cho CTC

Trẻ đủ tiêu chuẩn để quý vị nhận CTC nếu trẻ đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.

1. Trẻ là con trai, con gái, con riêng của vợ hay của chồng, con nuôi, anh/em trai, chị/em gái, anh/em trai hoặc chị/em gái là con riêng của mẹ kế/cha dượng, anh/em trai hoặc chị/em gái cùng cha khác mẹ hoặc con cháu của bất kỳ người nào trong số những người này (ví dụ như cháu ruột, cháu trai hoặc cháu gái).
2. Trẻ dưới 17 tuổi tại thời điểm năm 2020.
3. Trẻ không tự lo liệu được trên một nửa nguồn lực để sinh sống cho năm 2020.
4. Trẻ sống cùng quý vị lâu hơn nửa năm trong năm 2020 (tham khảo phần *Ngoại lệ về thời gian sống cùng quý vị* ở sau).
5. Trẻ được kê khai là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Xem chương 3 để biết thêm thông tin về việc kê khai người khác làm người phụ thuộc.
6. Trẻ không nộp hồ sơ khai thuế chung trong năm đó (hoặc chỉ khai để yêu cầu hoàn phần thuế thu nhập khấu trừ hoặc thuế phỏng định đã đóng).

7. Trẻ là công dân Hoa Kỳ, có quốc tịch Hoa Kỳ hoặc ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, hãy xem Ấn phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Ngoại Nhân. Nếu trẻ được nhận nuôi, tham khảo phần *Trẻ được nhận nuôi* ở sau.

Ví dụ: Con trai quý vị bước sang tuổi 17 vào ngày 30 tháng 12 năm 2020. Cháu là công dân Hoa Kỳ và quý vị kê khai cháu là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Quý vị không thể lấy cháu này để yêu cầu CTC vì tuổi cháu này không **dưới** 17 vào thời điểm hết năm 2020.

TIP *Nếu vào thời điểm hết năm 2020, con em quý vị đủ 17 tuổi trở lên, hãy tham khảo phần* Tín Thuế cho Người Thuộc Quyền Khác (ODC) *ở sau.*

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của quý vị. Trẻ được nhận nuôi bao gồm trẻ được giao cho quý vị nuôi dưỡng hợp pháp theo pháp luật.

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc có quốc tịch Hoa Kỳ và con nuôi của quý vị sống cùng quý vị trọn năm như một thành viên trong hộ gia đình của quý vị trong năm 2020, thì trẻ đó đáp ứng điều kiện (7) ở phần trước để trở thành trẻ đủ điều kiện tính tín thuế trẻ em (hoặc điều kiện (3) ở phần sau để là người đủ điều kiện tính ODC).

Ngoại lệ về thời gian sống cùng quý vị. Trẻ được xem là đã sống cùng quý vị lâu hơn nửa năm trong năm 2020 nếu trẻ sinh ra hoặc qua đời vào năm 2020 và nhà quý vị chính là nơi ở của trẻ này trong hơn nửa quãng thời gian trẻ còn sống. Khoảng thời gian mà quý vị hoặc trẻ vắng mặt tạm thời vì các tình huống đặc biệt, chẳng hạn như đi học, đi nghỉ, công tác, chăm sóc y tế, nghĩa vụ quân sự hoặc giam giữ trong cơ sở dành cho trẻ vị thành niên được tính là thời gian trẻ sống cùng quý vị.

Ngoài ra cũng có các ngoại lệ đối với trẻ bị bắt cóc hoặc con em có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân. Để biết chi tiết, xem *Tiêu chuẩn cứu xét tình trạng cư trú* ở chương 3.

Trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người. Một quy định đặc biệt sẽ được áp dụng nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị là trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người. Để biết chi tiết, xem *Trẻ Đủ Điều Kiện của Nhiều Hơn Một Người* ở chương 3.

SSN bắt buộc

Ngoài việc là trẻ đủ điều kiện cho CTC, con em quý vị phải có SSN bắt buộc. SSN bắt buộc là số hợp lệ để đi làm và do Sở An Sinh Xã Hội cấp trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 2020 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn).

TIP *Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không có SSN bắt buộc, vui lòng tham khảo phần* Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác (ODC) *ở sau.*

Nếu con em quý vị là công dân Mỹ ở thời điểm nhận SSN, thì SSN đó hợp lệ để đi làm. Nếu trên thẻ an sinh xã hội của con em quý vị có in dòng "Not Valid for Employment" (Không Được Phép Đi Làm), và tư cách di trú của con em quý vị đã thay đổi và hiện tại trẻ là công dân hoặc thường trú nhân tại Hoa Kỳ, hãy đề nghị SSA cấp thẻ an sinh xã hội mới và không có dòng ghi chú trên. Tuy nhiên, nếu trên thẻ an sinh xã hội của con em quý vị có in dòng "Valid for Work Only With DHS Authorization" (Chỉ Được Phép Đi Làm Khi Được DHS Cho Phép), thì con em quý vị có SSN bắt buộc khi và chỉ khi sự cho phép của Bộ An Ninh Nội Địa (DHS, Department of Homeland Security) là hợp lệ.

Nếu con em quý vị chưa có SSN bắt buộc, quý vị không được lấy trẻ này để yêu cầu CTC hay ACTC trên hồ sơ khai thuế 2020 bản gốc hay bản sửa.

Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác (ODC)

Tín thuế này áp dụng cho các cá nhân có người phụ thuộc đáp ứng các điều kiện bổ sung (mô tả sau).

Lưu ý. Tín thuế này khác với tín thuế cho các chi phí chăm nuôi người sống phụ thuộc và trẻ em mà quý vị cũng có thể đủ điều kiện yêu cầu và bổ sung cho các loại tín thuế này.

Số tiền tối đa quý vị có thể yêu cầu cho tín thuế này là $500 cho mỗi người phụ thuộc đủ tiêu chuẩn. Xem phần *Hạn mức CTC và ODC* ở sau.

Để biết thêm thông tin về yêu cầu ODC, xem phần *Yêu cầu CTC và ODC* ở sau.

Người đủ điều kiện cho CTC

Một người đủ tiêu chuẩn để quý vị nhận ODC nếu người đó đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.

1. Người đó được kê khai là người phụ thuộc trên hồ sơ khai thuế của quý vị. Xem chương 3 để biết thêm thông tin về việc kê khai người khác làm người phụ thuộc.
2. Quý vị không thể lấy người này làm cơ sở yêu cầu CTC hoặc ACTC. Xem phần *Tín Thuế Trẻ Em (CTC)* ở trước.
3. Người đó là công dân Hoa Kỳ, có quốc tịch Hoa Kỳ hoặc ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn phẩm 519. Nếu người đó là con nuôi của quý vị, vui lòng xem phần *Trẻ được nhận nuôi* ở trước.

Ví dụ: Quý vị có cháu trai 10 tuổi, sống tại Mexico và đủ tiêu chuẩn làm người phụ thuộc của quý vị. Trẻ này không phải là công dân Hoa Kỳ, có quốc tịch Hoa Kỳ hay ngoại nhân thường trú tại Hoa Kỳ. Quý vị không thể lấy trẻ này làm cơ sở yêu cầu ODC.

CAUTION *Quý vị không thể lấy cùng một trẻ để yêu cầu cả CTC (hay ACTC) và ODC được.*

TIN Được Cấp Đúng Thời Hạn

Ngoài việc là người đủ tiêu chuẩn cho ODC, người đó phải có SSN, ITIN hoặc ATIN được cấp cho người phụ thuộc vào hoặc trước ngày đến hạn khai thuế 2020 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn). Nếu tính đến ngày đó mà người này chưa được cấp SSN, ITIN hay ATIN thì quý vị không thể lấy người này làm căn cứ yêu cầu ODC được. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem phần *Yêu Cầu về Số Nhận Diện Người Đóng Thuế* ở trước.

Hạn mức CTC và ODC

Giá trị tín thuế tối đa cho CTC hoặc ODC của quý vị có thể giảm đi nếu mục (1) hoặc (2) áp dụng.

1. Số tiền trên dòng 18 của Mẫu 1040, 1040-SR hoặc 1040-NR nhỏ hơn tổng giá trị cả hai loại tín thuế. Nếu số tiền này bằng 0, quý vị không thể nhận loại tín thuế nào vì không có thuế để giảm. Nhưng quý vị có thể nhận ACTC nếu yêu cầu CTC (nhưng không thể nhận ACTC nếu chỉ yêu cầu ODC). Xem phần *Tín Thuế Trẻ Em Bổ Sung (ACTC)* ở sau.
2. Tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI, adjusted gross income) theo luật thuế mới của quý vị lớn hơn số tiền được nêu dưới đây cho tình trạng khai thuế của quý vị.
   a. Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế - $400.000.
   b. Tất cả các tình trạng khai thuế khác - $200.000.

AGI được sửa đổi. Vì mục đích tính CTC và ODC, AGI theo luật thuế mới của quý vị là AGI của quý vị cộng thêm số tiền có thể áp dụng cho quý vị như sau.

- Bất kỳ số tiền nào không được bao gồm trong thu nhập do loại trừ thu nhập từ Puerto Rico. Trên dòng kẻ chấm ở bên cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11, nhập số tiền được loại trừ và xác định mục đó là "EPRI." Gửi kèm theo hồ sơ khai thuế một bản của bất kỳ Mẫu 499R-2/W-2PR nào.
- Bất kỳ số tiền nào trên dòng 45 hoặc dòng 50 của Mẫu 2555, Lợi Tức Kiếm Được Ở Nước Ngoài.
- Bất kỳ số tiền nào trên dòng 15 của Mẫu 4563, Ngoại Trừ Lợi Tức Cho Cư Dân Có Hảo Ý ở Samoa Thuộc Mỹ.

Nếu quý vị không có bất kỳ số tiền nào nêu trên, AGI theo luật thuế mới của quý vị bằng với AGI của quý vị.

AGI. AGI của quý vị là khoản tiền trên dòng 11 của Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-NR mà quý vị có.

Yêu cầu CTC và ODC

Để yêu cầu CTC hoặc ODC, hãy đảm bảo quý vị đáp ứng các yêu cầu sau đây.

- Quý vị phải nộp Mẫu 1040, 1040-SR hoặc 1040-NR và điền tên cũng như TIN của từng người phụ thuộc mà quý vị đang lấy làm cơ sở để yêu cầu CTC hoặc ODC.
- Quý vị phải nộp Mẫu 8862 nếu áp dụng. Xem phần *Yêu Cầu Không Hợp Thức* ở trước.
- Quý vị phải nhập TIN được cấp đúng thời hạn trên hồ sơ khai thuế cho mình và vợ/chồng của mình (nếu khai thuế chung). Xem phần *Yêu Cầu về Số Nhận Diện Người Đóng Thuế* ở trước.
- Với mỗi trẻ dưới 17 tuổi đủ tiêu chuẩn mà quý vị lấy làm cơ sở yêu cầu CTC, quý vị phải nhập SSN bắt buộc cho trẻ trong cột (2) của mục *Người phụ thuộc* trong hồ sơ khai thuế và đánh dấu chọn ô Tín thuế trẻ em ở cột (4). Xem phần *Tín Thuế Trẻ Em (CTC)* ở trước.
- Với mỗi người phụ thuộc mà quý vị lấy làm cơ sở yêu cầu ODC, quý vị phải nhập TIN được cấp đúng thời hạn cho người phụ thuộc đó trong cột (2) của mục *Người phụ thuộc* trong hồ sơ khai thuế và đánh dấu chọn ô Tín thuế cho người thuộc quyền khác ở cột (4). Xem

phần *Tín Thuế Cho Người Thuộc Quyền Khác (ODC)* ở sau.

Không đánh dấu chọn cả ô Tín thuế trẻ em và ô Tín thuế cho người thuộc quyền khác cho cùng một người.

Tín Thuế Trẻ Em Bổ Sung (ACTC)

Tín thuế này áp dụng cho một số cá nhân nhất định nhận được số tiền ít hơn giá trị CTC đầy đủ. ACTC có thể khiến quý vị được hoàn thuế ngay cả khi quý vị không nợ bất kỳ khoản thuế nào.

Quý vị không thể sử dụng OTC để tính ACTC. Chỉ có thể dùng OTC để tính ACTC mà thôi. Nếu quý vị không yêu cầu CTC mà yêu cầu ODC, quý vị không thể yêu cầu ACTC.

Lợi tức kiếm được ở nước ngoài. Nếu quý vị nộp Mẫu 2555 (liên quan đến lợi tức kiếm được ở nước ngoài), quý vị không thể yêu cầu ACTC.

Cách yêu cầu ACTC. Để yêu cầu tín thuế trẻ em bổ sung, hãy làm theo các bước dưới đây.

1. Hãy đảm bảo quý vị đã tính toán số tiền CTC và ODC, nếu có, bằng Mẫu Tính Toán thích hợp cho Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế cho Người Thuộc Quyền Khác.
2. Nếu quý vị trả lời “Yes” (Có) trên dòng 11 hoặc dòng 12 của Mẫu Tính Toán Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế cho Người Thuộc Quyền Khác trong hướng dẫn hồ sơ khai thuế của quý vị hoặc dòng 16 của Mẫu Tính Toán Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế cho Người Thuộc Quyền Khác trong Ấn phẩm 972 và dòng 1 mẫu tính toán đó lớn hơn 0, hãy dùng Bản Khai 8812 để xem quý vị có thể yêu cầu ACTC không.
3. Nếu quý vị có ACTC trên dòng 15 của Bản Khai 8812, hãy chuyển nó sang dòng 28 của Mẫu 1040, 1040-SR hoặc 1040-NR của quý vị.
4. Với mỗi trẻ dưới 17 tuổi đủ tiêu chuẩn mà quý vị lấy làm cơ sở yêu cầu ACTC, lưu ý nhập SSN bắt buộc cho trẻ trong cột (2) của mục *Người phụ thuộc* trong hồ sơ khai thuế và đánh dấu chọn ô Tín thuế trẻ em ở cột (4).

Nếu số tiền trên dòng 1 của Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế cho Người Thuộc Quyền Khác bằng 0, ACTC của quý vị cũng sẽ bằng 0. Quý vị không cần hoàn thành Bản Khai 8812.

Bảng Thuế năm 2020

Xem hướng dẫn cho dòng 16 để xem liệu quý vị có phải sử dụng Bảng Thuế bên dưới để tính thuế của mình hay không.

Ví dụ: Vợ chồng nhà Brown đang hồ sơ khai thuế chung. Thu nhập chịu thuế của họ trên Mẫu 1040, dòng 15, là $25.300. Trước tiên, họ tìm dòng thu nhập chịu thuế $25.300–25.350. Tiếp theo, họ tìm cột cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và rà dọc theo cột đó. Số tiền hiện ở nơi giao nhau giữa dòng thu nhập chịu thuế và cột tình trạng khai thuế là $2.644. Đây là số tiền thuế mà họ nên nhập vào phần bỏ trống cần nhập trên Mẫu 1040, dòng 16.

Sample Table

At Least	But Less Than	Single	Married filing jointly*	Married filing separately	Head of a household
		Your tax is—			
25,200	25,250	2,830	2,632	2,830	2,745
25,250	25,300	2,836	2,638	2,836	2,751
25,300	25,350	2,842	2,644	2,842	2,757
25,350	25,400	2,848	2,650	2,848	2,763

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
0	5	0	0	0	0
5	15	1	1	1	1
15	25	2	2	2	2
25	50	4	4	4	4
50	75	6	6	6	6
75	100	9	9	9	9
100	125	11	11	11	11
125	150	14	14	14	14
150	175	16	16	16	16
175	200	19	19	19	19
200	225	21	21	21	21
225	250	24	24	24	24
250	275	26	26	26	26
275	300	29	29	29	29
300	325	31	31	31	31
325	350	34	34	34	34
350	375	36	36	36	36
375	400	39	39	39	39
400	425	41	41	41	41
425	450	44	44	44	44
450	475	46	46	46	46
475	500	49	49	49	49
500	525	51	51	51	51
525	550	54	54	54	54
550	575	56	56	56	56
575	600	59	59	59	59
600	625	61	61	61	61
625	650	64	64	64	64
650	675	66	66	66	66
675	700	69	69	69	69
700	725	71	71	71	71
725	750	74	74	74	74
750	775	76	76	76	76
775	800	79	79	79	79
800	825	81	81	81	81
825	850	84	84	84	84
850	875	86	86	86	86
875	900	89	89	89	89
900	925	91	91	91	91
925	950	94	94	94	94
950	975	96	96	96	96
975	1.000	99	99	99	99

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
1.000					
1.000	1.025	101	101	101	101
1.025	1.050	104	104	104	104
1.050	1.075	106	106	106	106
1.075	1.100	109	109	109	109
1.100	1.125	111	111	111	111
1.125	1.150	114	114	114	114
1.150	1.175	116	116	116	116
1.175	1.200	119	119	119	119
1.200	1.225	121	121	121	121
1.225	1.250	124	124	124	124
1.250	1.275	126	126	126	126
1.275	1.300	129	129	129	129
1.300	1.325	131	131	131	131
1.325	1.350	134	134	134	134
1.350	1.375	136	136	136	136
1.375	1.400	139	139	139	139
1.400	1.425	141	141	141	141
1.425	1.450	144	144	144	144
1.450	1.475	146	146	146	146
1.475	1.500	149	149	149	149
1.500	1.525	151	151	151	151
1.525	1.550	154	154	154	154
1.550	1.575	156	156	156	156
1.575	1.600	159	159	159	159
1.600	1.625	161	161	161	161
1.625	1.650	164	164	164	164
1.650	1.675	166	166	166	166
1.675	1.700	169	169	169	169
1.700	1.725	171	171	171	171
1.725	1.750	174	174	174	174
1.750	1.775	176	176	176	176
1.775	1.800	179	179	179	179
1.800	1.825	181	181	181	181
1.825	1.850	184	184	184	184
1.850	1.875	186	186	186	186
1.875	1.900	189	189	189	189
1.900	1.925	191	191	191	191
1.925	1.950	194	194	194	194
1.950	1.975	196	196	196	196
1.975	2.000	199	199	199	199

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
2.000					
2.000	2.025	201	201	201	201
2.025	2.050	204	204	204	204
2.050	2.075	206	206	206	206
2.075	2.100	209	209	209	209
2.100	2.125	211	211	211	211
2.125	2.150	214	214	214	214
2.150	2.175	216	216	216	216
2.175	2.200	219	219	219	219
2.200	2.225	221	221	221	221
2.225	2.250	224	224	224	224
2.250	2.275	226	226	226	226
2.275	2.300	229	229	229	229
2.300	2.325	231	231	231	231
2.325	2.350	234	234	234	234
2.350	2.375	236	236	236	236
2.375	2.400	239	239	239	239
2.400	2.425	241	241	241	241
2.425	2.450	244	244	244	244
2.450	2.475	246	246	246	246
2.475	2.500	249	249	249	249
2.500	2.525	251	251	251	251
2.525	2.550	254	254	254	254
2.550	2.575	256	256	256	256
2.575	2.600	259	259	259	259
2.600	2.625	261	261	261	261
2.625	2.650	264	264	264	264
2.650	2.675	266	266	266	266
2.675	2.700	269	269	269	269
2.700	2.725	271	271	271	271
2.725	2.750	274	274	274	274
2.750	2.775	276	276	276	276
2.775	2.800	279	279	279	279
2.800	2.825	281	281	281	281
2.825	2.850	284	284	284	284
2.850	2.875	286	286	286	286
2.875	2.900	289	289	289	289
2.900	2.925	291	291	291	291
2.925	2.950	294	294	294	294
2.950	2.975	296	296	296	296
2.975	3.000	299	299	299	299

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
3.000					
3.000	**3.050**	303	303	303	303
3.050	**3.100**	308	308	308	308
3.100	**3.150**	313	313	313	313
3.150	**3.200**	318	318	318	318
3.200	**3.250**	323	323	323	323
3.250	**3.300**	328	328	328	328
3.300	**3.350**	333	333	333	333
3.350	**3.400**	338	338	338	338
3.400	**3.450**	343	343	343	343
3.450	**3.500**	348	348	348	348
3.500	**3.550**	353	353	353	353
3.550	**3.600**	358	358	358	358
3.600	**3.650**	363	363	363	363
3.650	**3.700**	368	368	368	368
3.700	**3.750**	373	373	373	373
3.750	**3.800**	378	378	378	378
3.800	**3.850**	383	383	383	383
3.850	**3.900**	388	388	388	388
3.900	**3.950**	393	393	393	393
3.950	**4.000**	398	398	398	398
4.000					
4.000	**4.050**	403	403	403	403
4.050	**4.100**	408	408	408	408
4.100	**4.150**	413	413	413	413
4.150	**4.200**	418	418	418	418
4.200	**4.250**	423	423	423	423
4.250	**4.300**	428	428	428	428
4.300	**4.350**	433	433	433	433
4.350	**4.400**	438	438	438	438
4.400	**4.450**	443	443	443	443
4.450	**4.500**	448	448	448	448
4.500	**4.550**	453	453	453	453
4.550	**4.600**	458	458	458	458
4.600	**4.650**	463	463	463	463
4.650	**4.700**	468	468	468	468
4.700	**4.750**	473	473	473	473
4.750	**4.800**	478	478	478	478
4.800	**4.850**	483	483	483	483
4.850	**4.900**	488	488	488	488
4.900	**4.950**	493	493	493	493
4.950	**5.000**	498	498	498	498
5.000					
5.000	**5.050**	503	503	503	503
5.050	**5.100**	508	508	508	508
5.100	**5.150**	513	513	513	513
5.150	**5.200**	518	518	518	518
5.200	**5.250**	523	523	523	523
5.250	**5.300**	528	528	528	528
5.300	**5.350**	533	533	533	533
5.350	**5.400**	538	538	538	538
5.400	**5.450**	543	543	543	543
5.450	**5.500**	548	548	548	548
5.500	**5.550**	553	553	553	553
5.550	**5.600**	558	558	558	558
5.600	**5.650**	563	563	563	563
5.650	**5.700**	568	568	568	568
5.700	**5.750**	573	573	573	573
5.750	**5.800**	578	578	578	578
5.800	**5.850**	583	583	583	583
5.850	**5.900**	588	588	588	588
5.900	**5.950**	593	593	593	593
5.950	**6.000**	598	598	598	598

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
6.000					
6.000	**6.050**	603	603	603	603
6.050	**6.100**	608	608	608	608
6.100	**6.150**	613	613	613	613
6.150	**6.200**	618	618	618	618
6.200	**6.250**	623	623	623	623
6.250	**6.300**	628	628	628	628
6.300	**6.350**	633	633	633	633
6.350	**6.400**	638	638	638	638
6.400	**6.450**	643	643	643	643
6.450	**6.500**	648	648	648	648
6.500	**6.550**	653	653	653	653
6.550	**6.600**	658	658	658	658
6.600	**6.650**	663	663	663	663
6.650	**6.700**	668	668	668	668
6.700	**6.750**	673	673	673	673
6.750	**6.800**	678	678	678	678
6.800	**6.850**	683	683	683	683
6.850	**6.900**	688	688	688	688
6.900	**6.950**	693	693	693	693
6.950	**7.000**	698	698	698	698
7.000					
7.000	**7.050**	703	703	703	703
7.050	**7.100**	708	708	708	708
7.100	**7.150**	713	713	713	713
7.150	**7.200**	718	718	718	718
7.200	**7.250**	723	723	723	723
7.250	**7.300**	728	728	728	728
7.300	**7.350**	733	733	733	733
7.350	**7.400**	738	738	738	738
7.400	**7.450**	743	743	743	743
7.450	**7.500**	748	748	748	748
7.500	**7.550**	753	753	753	753
7.550	**7.600**	758	758	758	758
7.600	**7.650**	763	763	763	763
7.650	**7.700**	768	768	768	768
7.700	**7.750**	773	773	773	773
7.750	**7.800**	778	778	778	778
7.800	**7.850**	783	783	783	783
7.850	**7.900**	788	788	788	788
7.900	**7.950**	793	793	793	793
7.950	**8.000**	798	798	798	798
8.000					
8.000	**8.050**	803	803	803	803
8.050	**8.100**	808	808	808	808
8.100	**8.150**	813	813	813	813
8.150	**8.200**	818	818	818	818
8.200	**8.250**	823	823	823	823
8.250	**8.300**	828	828	828	828
8.300	**8.350**	833	833	833	833
8.350	**8.400**	838	838	838	838
8.400	**8.450**	843	843	843	843
8.450	**8.500**	848	848	848	848
8.500	**8.550**	853	853	853	853
8.550	**8.600**	858	858	858	858
8.600	**8.650**	863	863	863	863
8.650	**8.700**	868	868	868	868
8.700	**8.750**	873	873	873	873
8.750	**8.800**	878	878	878	878
8.800	**8.850**	883	883	883	883
8.850	**8.900**	888	888	888	888
8.900	**8.950**	893	893	893	893
8.950	**9.000**	898	898	898	898

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
9.000					
9.000	**9.050**	903	903	903	903
9.050	**9.100**	908	908	908	908
9.100	**9.150**	913	913	913	913
9.150	**9.200**	918	918	918	918
9.200	**9.250**	923	923	923	923
9.250	**9.300**	928	928	928	928
9.300	**9.350**	933	933	933	933
9.350	**9.400**	938	938	938	938
9.400	**9.450**	943	943	943	943
9.450	**9.500**	948	948	948	948
9.500	**9.550**	953	953	953	953
9.550	**9.600**	958	958	958	958
9.600	**9.650**	963	963	963	963
9.650	**9.700**	968	968	968	968
9.700	**9.750**	973	973	973	973
9.750	**9.800**	978	978	978	978
9.800	**9.850**	983	983	983	983
9.850	**9.900**	988	988	988	988
9.900	**9.950**	994	993	994	993
9.950	**10.000**	1.000	998	1.000	998
10.000					
10.000	**10.050**	1.006	1.003	1.006	1.003
10.050	**10.100**	1.012	1.008	1.012	1.008
10.100	**10.150**	1.018	1.013	1.018	1.013
10.150	**10.200**	1.024	1.018	1.024	1.018
10.200	**10.250**	1.030	1.023	1.030	1.023
10.250	**10.300**	1.036	1.028	1.036	1.028
10.300	**10.350**	1.042	1.033	1.042	1.033
10.350	**10.400**	1.048	1.038	1.048	1.038
10.400	**10.450**	1.054	1.043	1.054	1.043
10.450	**10.500**	1.060	1.048	1.060	1.048
10.500	**10.550**	1.066	1.053	1.066	1.053
10.550	**10.600**	1.072	1.058	1.072	1.058
10.600	**10.650**	1.078	1.063	1.078	1.063
10.650	**10.700**	1.084	1.068	1.084	1.068
10.700	**10.750**	1.090	1.073	1.090	1.073
10.750	**10.800**	1.096	1.078	1.096	1.078
10.800	**10.850**	1.102	1.083	1.102	1.083
10.850	**10.900**	1.108	1.088	1.108	1.088
10.900	**10.950**	1.114	1.093	1.114	1.093
10.950	**11.000**	1.120	1.098	1.120	1.098
11.000					
11.000	**11.050**	1.126	1.103	1.126	1.103
11.050	**11.100**	1.132	1.108	1.132	1.108
11.100	**11.150**	1.138	1.113	1.138	1.113
11.150	**11.200**	1.144	1.118	1.144	1.118
11.200	**11.250**	1.150	1.123	1.150	1.123
11.250	**11.300**	1.156	1.128	1.156	1.128
11.300	**11.350**	1.162	1.133	1.162	1.133
11.350	**11.400**	1.168	1.138	1.168	1.138
11.400	**11.450**	1.174	1.143	1.174	1.143
11.450	**11.500**	1.180	1.148	1.180	1.148
11.500	**11.550**	1.186	1.153	1.186	1.153
11.550	**11.600**	1.192	1.158	1.192	1.158
11.600	**11.650**	1.198	1.163	1.198	1.163
11.650	**11.700**	1.204	1.168	1.204	1.168
11.700	**11.750**	1.210	1.173	1.210	1.173
11.750	**11.800**	1.216	1.178	1.216	1.178
11.800	**11.850**	1.222	1.183	1.222	1.183
11.850	**11.900**	1.228	1.188	1.228	1.188
11.900	**11.950**	1.234	1.193	1.234	1.193
11.950	**12.000**	1.240	1.198	1.240	1.198

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
12.000					
12.000	**12.050**	1.246	1.203	1.246	1.203
12.050	**12.100**	1.252	1.208	1.252	1.208
12.100	**12.150**	1.258	1.213	1.258	1.213
12.150	**12.200**	1.264	1.218	1.264	1.218
12.200	**12.250**	1.270	1.223	1.270	1.223
12.250	**12.300**	1.276	1.228	1.276	1.228
12.300	**12.350**	1.282	1.233	1.282	1.233
12.350	**12.400**	1.288	1.238	1.288	1.238
12.400	**12.450**	1.294	1.243	1.294	1.243
12.450	**12.500**	1.300	1.248	1.300	1.248
12.500	**12.550**	1.306	1.253	1.306	1.253
12.550	**12.600**	1.312	1.258	1.312	1.258
12.600	**12.650**	1.318	1.263	1.318	1.263
12.650	**12.700**	1.324	1.268	1.324	1.268
12.700	**12.750**	1.330	1.273	1.330	1.273
12.750	**12.800**	1.336	1.278	1.336	1.278
12.800	**12.850**	1.342	1.283	1.342	1.283
12.850	**12.900**	1.348	1.288	1.348	1.288
12.900	**12.950**	1.354	1.293	1.354	1.293
12.950	**13.000**	1.360	1.298	1.360	1.298
13.000					
13.000	**13.050**	1.366	1.303	1.366	1.303
13.050	**13.100**	1.372	1.308	1.372	1.308
13.100	**13.150**	1.378	1.313	1.378	1.313
13.150	**13.200**	1.384	1.318	1.384	1.318
13.200	**13.250**	1.390	1.323	1.390	1.323
13.250	**13.300**	1.396	1.328	1.396	1.328
13.300	**13.350**	1.402	1.333	1.402	1.333
13.350	**13.400**	1.408	1.338	1.408	1.338
13.400	**13.450**	1.414	1.343	1.414	1.343
13.450	**13.500**	1.420	1.348	1.420	1.348
13.500	**13.550**	1.426	1.353	1.426	1.353
13.550	**13.600**	1.432	1.358	1.432	1.358
13.600	**13.650**	1.438	1.363	1.438	1.363
13.650	**13.700**	1.444	1.368	1.444	1.368
13.700	**13.750**	1.450	1.373	1.450	1.373
13.750	**13.800**	1.456	1.378	1.456	1.378
13.800	**13.850**	1.462	1.383	1.462	1.383
13.850	**13.900**	1.468	1.388	1.468	1.388
13.900	**13.950**	1.474	1.393	1.474	1.393
13.950	**14.000**	1.480	1.398	1.480	1.398
14.000					
14.000	**14.050**	1.486	1.403	1.486	1.403
14.050	**14.100**	1.492	1.408	1.492	1.408
14.100	**14.150**	1.498	1.413	1.498	1.413
14.150	**14.200**	1.504	1.418	1.504	1.419
14.200	**14.250**	1.510	1.423	1.510	1.425
14.250	**14.300**	1.516	1.428	1.516	1.431
14.300	**14.350**	1.522	1.433	1.522	1.437
14.350	**14.400**	1.528	1.438	1.528	1.443
14.400	**14.450**	1.534	1.443	1.534	1.449
14.450	**14.500**	1.540	1.448	1.540	1.455
14.500	**14.550**	1.546	1.453	1.546	1.461
14.550	**14.600**	1.552	1.458	1.552	1.467
14.600	**14.650**	1.558	1.463	1.558	1.473
14.650	**14.700**	1.564	1.468	1.564	1.479
14.700	**14.750**	1.570	1.473	1.570	1.485
14.750	**14.800**	1.576	1.478	1.576	1.491
14.800	**14.850**	1.582	1.483	1.582	1.497
14.850	**14.900**	1.588	1.488	1.588	1.503
14.900	**14.950**	1.594	1.493	1.594	1.509
14.950	**15.000**	1.600	1.498	1.600	1.515

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
15.000					
15.000	**15.050**	1.606	1.503	1.606	1.521
15.050	**15.100**	1.612	1.508	1.612	1.527
15.100	**15.150**	1.618	1.513	1.618	1.533
15.150	**15.200**	1.624	1.518	1.624	1.539
15.200	**15.250**	1.630	1.523	1.630	1.545
15.250	**15.300**	1.636	1.528	1.636	1.551
15.300	**15.350**	1.642	1.533	1.642	1.557
15.350	**15.400**	1.648	1.538	1.648	1.563
15.400	**15.450**	1.654	1.543	1.654	1.569
15.450	**15.500**	1.660	1.548	1.660	1.575
15.500	**15.550**	1.666	1.553	1.666	1.581
15.550	**15.600**	1.672	1.558	1.672	1.587
15.600	**15.650**	1.678	1.563	1.678	1.593
15.650	**15.700**	1.684	1.568	1.684	1.599
15.700	**15.750**	1.690	1.573	1.690	1.605
15.750	**15.800**	1.696	1.578	1.696	1.611
15.800	**15.850**	1.702	1.583	1.702	1.617
15.850	**15.900**	1.708	1.588	1.708	1.623
15.900	**15.950**	1.714	1.593	1.714	1.629
15.950	**16.000**	1.720	1.598	1.720	1.635
16.000					
16.000	**16.050**	1.726	1.603	1.726	1.641
16.050	**16.100**	1.732	1.608	1.732	1.647
16.100	**16.150**	1.738	1.613	1.738	1.653
16.150	**16.200**	1.744	1.618	1.744	1.659
16.200	**16.250**	1.750	1.623	1.750	1.665
16.250	**16.300**	1.756	1.628	1.756	1.671
16.300	**16.350**	1.762	1.633	1.762	1.677
16.350	**16.400**	1.768	1.638	1.768	1.683
16.400	**16.450**	1.774	1.643	1.774	1.689
16.450	**16.500**	1.780	1.648	1.780	1.695
16.500	**16.550**	1.786	1.653	1.786	1.701
16.550	**16.600**	1.792	1.658	1.792	1.707
16.600	**16.650**	1.798	1.663	1.798	1.713
16.650	**16.700**	1.804	1.668	1.804	1.719
16.700	**16.750**	1.810	1.673	1.810	1.725
16.750	**16.800**	1.816	1.678	1.816	1.731
16.800	**16.850**	1.822	1.683	1.822	1.737
16.850	**16.900**	1.828	1.688	1.828	1.743
16.900	**16.950**	1.834	1.693	1.834	1.749
16.950	**17.000**	1.840	1.698	1.840	1.755
17.000					
17.000	**17.050**	1.846	1.703	1.846	1.761
17.050	**17.100**	1.852	1.708	1.852	1.767
17.100	**17.150**	1.858	1.713	1.858	1.773
17.150	**17.200**	1.864	1.718	1.864	1.779
17.200	**17.250**	1.870	1.723	1.870	1.785
17.250	**17.300**	1.876	1.728	1.876	1.791
17.300	**17.350**	1.882	1.733	1.882	1.797
17.350	**17.400**	1.888	1.738	1.888	1.803
17.400	**17.450**	1.894	1.743	1.894	1.809
17.450	**17.500**	1.900	1.748	1.900	1.815
17.500	**17.550**	1.906	1.753	1.906	1.821
17.550	**17.600**	1.912	1.758	1.912	1.827
17.600	**17.650**	1.918	1.763	1.918	1.833
17.650	**17.700**	1.924	1.768	1.924	1.839
17.700	**17.750**	1.930	1.773	1.930	1.845
17.750	**17.800**	1.936	1.778	1.936	1.851
17.800	**17.850**	1.942	1.783	1.942	1.857
17.850	**17.900**	1.948	1.788	1.948	1.863
17.900	**17.950**	1.954	1.793	1.954	1.869
17.950	**18.000**	1.960	1.798	1.960	1.875

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
18.000					
18.000	**18.050**	1.966	1.803	1.966	1.881
18.050	**18.100**	1.972	1.808	1.972	1.887
18.100	**18.150**	1.978	1.813	1.978	1.893
18.150	**18.200**	1.984	1.818	1.984	1.899
18.200	**18.250**	1.990	1.823	1.990	1.905
18.250	**18.300**	1.996	1.828	1.996	1.911
18.300	**18.350**	2.002	1.833	2.002	1.917
18.350	**18.400**	2.008	1.838	2.008	1.923
18.400	**18.450**	2.014	1.843	2.014	1.929
18.450	**18.500**	2.020	1.848	2.020	1.935
18.500	**18.550**	2.026	1.853	2.026	1.941
18.550	**18.600**	2.032	1.858	2.032	1.947
18.600	**18.650**	2.038	1.863	2.038	1.953
18.650	**18.700**	2.044	1.868	2.044	1.959
18.700	**18.750**	2.050	1.873	2.050	1.965
18.750	**18.800**	2.056	1.878	2.056	1.971
18.800	**18.850**	2.062	1.883	2.062	1.977
18.850	**18.900**	2.068	1.888	2.068	1.983
18.900	**18.950**	2.074	1.893	2.074	1.989
18.950	**19.000**	2.080	1.898	2.080	1.995
19.000					
19.000	**19.050**	2.086	1.903	2.086	2.001
19.050	**19.100**	2.092	1.908	2.092	2.007
19.100	**19.150**	2.098	1.913	2.098	2.013
19.150	**19.200**	2.104	1.918	2.104	2.019
19.200	**19.250**	2.110	1.923	2.110	2.025
19.250	**19.300**	2.116	1.928	2.116	2.031
19.300	**19.350**	2.122	1.933	2.122	2.037
19.350	**19.400**	2.128	1.938	2.128	2.043
19.400	**19.450**	2.134	1.943	2.134	2.049
19.450	**19.500**	2.140	1.948	2.140	2.055
19.500	**19.550**	2.146	1.953	2.146	2.061
19.550	**19.600**	2.152	1.958	2.152	2.067
19.600	**19.650**	2.158	1.963	2.158	2.073
19.650	**19.700**	2.164	1.968	2.164	2.079
19.700	**19.750**	2.170	1.973	2.170	2.085
19.750	**19.800**	2.176	1.978	2.176	2.091
19.800	**19.850**	2.182	1.984	2.182	2.097
19.850	**19.900**	2.188	1.990	2.188	2.103
19.900	**19.950**	2.194	1.996	2.194	2.109
19.950	**20.000**	2.200	2.002	2.200	2.115
20.000					
20.000	**20.050**	2.206	2.008	2.206	2.121
20.050	**20.100**	2.212	2.014	2.212	2.127
20.100	**20.150**	2.218	2.020	2.218	2.133
20.150	**20.200**	2.224	2.026	2.224	2.139
20.200	**20.250**	2.230	2.032	2.230	2.145
20.250	**20.300**	2.236	2.038	2.236	2.151
20.300	**20.350**	2.242	2.044	2.242	2.157
20.350	**20.400**	2.248	2.050	2.248	2.163
20.400	**20.450**	2.254	2.056	2.254	2.169
20.450	**20.500**	2.260	2.062	2.260	2.175
20.500	**20.550**	2.266	2.068	2.266	2.181
20.550	**20.600**	2.272	2.074	2.272	2.187
20.600	**20.650**	2.278	2.080	2.278	2.193
20.650	**20.700**	2.284	2.086	2.284	2.199
20.700	**20.750**	2.290	2.092	2.290	2.205
20.750	**20.800**	2.296	2.098	2.296	2.211
20.800	**20.850**	2.302	2.104	2.302	2.217
20.850	**20.900**	2.308	2.110	2.308	2.223
20.900	**20.950**	2.314	2.116	2.314	2.229
20.950	**21.000**	2.320	2.122	2.320	2.235

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
21.000					
21.000	**21.050**	2.326	2.128	2.326	2.241
21.050	**21.100**	2.332	2.134	2.332	2.247
21.100	**21.150**	2.338	2.140	2.338	2.253
21.150	**21.200**	2.344	2.146	2.344	2.259
21.200	**21.250**	2.350	2.152	2.350	2.265
21.250	**21.300**	2.356	2.158	2.356	2.271
21.300	**21.350**	2.362	2.164	2.362	2.277
21.350	**21.400**	2.368	2.170	2.368	2.283
21.400	**21.450**	2.374	2.176	2.374	2.289
21.450	**21.500**	2.380	2.182	2.380	2.295
21.500	**21.550**	2.386	2.188	2.386	2.301
21.550	**21.600**	2.392	2.194	2.392	2.307
21.600	**21.650**	2.398	2.200	2.398	2.313
21.650	**21.700**	2.404	2.206	2.404	2.319
21.700	**21.750**	2.410	2.212	2.410	2.325
21.750	**21.800**	2.416	2.218	2.416	2.331
21.800	**21.850**	2.422	2.224	2.422	2.337
21.850	**21.900**	2.428	2.230	2.428	2.343
21.900	**21.950**	2.434	2.236	2.434	2.349
21.950	**22.000**	2.440	2.242	2.440	2.355
22.000					
22.000	**22.050**	2.446	2.248	2.446	2.361
22.050	**22.100**	2.452	2.254	2.452	2.367
22.100	**22.150**	2.458	2.260	2.458	2.373
22.150	**22.200**	2.464	2.266	2.464	2.379
22.200	**22.250**	2.470	2.272	2.470	2.385
22.250	**22.300**	2.476	2.278	2.476	2.391
22.300	**22.350**	2.482	2.284	2.482	2.397
22.350	**22.400**	2.488	2.290	2.488	2.403
22.400	**22.450**	2.494	2.296	2.494	2.409
22.450	**22.500**	2.500	2.302	2.500	2.415
22.500	**22.550**	2.506	2.308	2.506	2.421
22.550	**22.600**	2.512	2.314	2.512	2.427
22.600	**22.650**	2.518	2.320	2.518	2.433
22.650	**22.700**	2.524	2.326	2.524	2.439
22.700	**22.750**	2.530	2.332	2.530	2.445
22.750	**22.800**	2.536	2.338	2.536	2.451
22.800	**22.850**	2.542	2.344	2.542	2.457
22.850	**22.900**	2.548	2.350	2.548	2.463
22.900	**22.950**	2.554	2.356	2.554	2.469
22.950	**23.000**	2.560	2.362	2.560	2.475
23.000					
23.000	**23.050**	2.566	2.368	2.566	2.481
23.050	**23.100**	2.572	2.374	2.572	2.487
23.100	**23.150**	2.578	2.380	2.578	2.493
23.150	**23.200**	2.584	2.386	2.584	2.499
23.200	**23.250**	2.590	2.392	2.590	2.505
23.250	**23.300**	2.596	2.398	2.596	2.511
23.300	**23.350**	2.602	2.404	2.602	2.517
23.350	**23.400**	2.608	2.410	2.608	2.523
23.400	**23.450**	2.614	2.416	2.614	2.529
23.450	**23.500**	2.620	2.422	2.620	2.535
23.500	**23.550**	2.626	2.428	2.626	2.541
23.550	**23.600**	2.632	2.434	2.632	2.547
23.600	**23.650**	2.638	2.440	2.638	2.553
23.650	**23.700**	2.644	2.446	2.644	2.559
23.700	**23.750**	2.650	2.452	2.650	2.565
23.750	**23.800**	2.656	2.458	2.656	2.571
23.800	**23.850**	2.662	2.464	2.662	2.577
23.850	**23.900**	2.668	2.470	2.668	2.583
23.900	**23.950**	2.674	2.476	2.674	2.589
23.950	**24.000**	2.680	2.482	2.680	2.595

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
24.000					
24.000	**24.050**	2.686	2.488	2.686	2.601
24.050	**24.100**	2.692	2.494	2.692	2.607
24.100	**24.150**	2.698	2.500	2.698	2.613
24.150	**24.200**	2.704	2.506	2.704	2.619
24.200	**24.250**	2.710	2.512	2.710	2.625
24.250	**24.300**	2.716	2.518	2.716	2.631
24.300	**24.350**	2.722	2.524	2.722	2.637
24.350	**24.400**	2.728	2.530	2.728	2.643
24.400	**24.450**	2.734	2.536	2.734	2.649
24.450	**24.500**	2.740	2.542	2.740	2.655
24.500	**24.550**	2.746	2.548	2.746	2.661
24.550	**24.600**	2.752	2.554	2.752	2.667
24.600	**24.650**	2.758	2.560	2.758	2.673
24.650	**24.700**	2.764	2.566	2.764	2.679
24.700	**24.750**	2.770	2.572	2.770	2.685
24.750	**24.800**	2.776	2.578	2.776	2.691
24.800	**24.850**	2.782	2.584	2.782	2.697
24.850	**24.900**	2.788	2.590	2.788	2.703
24.900	**24.950**	2.794	2.596	2.794	2.709
24.950	**25.000**	2.800	2.602	2.800	2.715
25.000					
25.000	**25.050**	2.806	2.608	2.806	2.721
25.050	**25.100**	2.812	2.614	2.812	2.727
25.100	**25.150**	2.818	2.620	2.818	2.733
25.150	**25.200**	2.824	2.626	2.824	2.739
25.200	**25.250**	2.830	2.632	2.830	2.745
25.250	**25.300**	2.836	2.638	2.836	2.751
25.300	**25.350**	2.842	2.644	2.842	2.757
25.350	**25.400**	2.848	2.650	2.848	2.763
25.400	**25.450**	2.854	2.656	2.854	2.769
25.450	**25.500**	2.860	2.662	2.860	2.775
25.500	**25.550**	2.866	2.668	2.866	2.781
25.550	**25.600**	2.872	2.674	2.872	2.787
25.600	**25.650**	2.878	2.680	2.878	2.793
25.650	**25.700**	2.884	2.686	2.884	2.799
25.700	**25.750**	2.890	2.692	2.890	2.805
25.750	**25.800**	2.896	2.698	2.896	2.811
25.800	**25.850**	2.902	2.704	2.902	2.817
25.850	**25.900**	2.908	2.710	2.908	2.823
25.900	**25.950**	2.914	2.716	2.914	2.829
25.950	**26.000**	2.920	2.722	2.920	2.835
26.000					
26.000	**26.050**	2.926	2.728	2.926	2.841
26.050	**26.100**	2.932	2.734	2.932	2.847
26.100	**26.150**	2.938	2.740	2.938	2.853
26.150	**26.200**	2.944	2.746	2.944	2.859
26.200	**26.250**	2.950	2.752	2.950	2.865
26.250	**26.300**	2.956	2.758	2.956	2.871
26.300	**26.350**	2.962	2.764	2.962	2.877
26.350	**26.400**	2.968	2.770	2.968	2.883
26.400	**26.450**	2.974	2.776	2.974	2.889
26.450	**26.500**	2.980	2.782	2.980	2.895
26.500	**26.550**	2.986	2.788	2.986	2.901
26.550	**26.600**	2.992	2.794	2.992	2.907
26.600	**26.650**	2.998	2.800	2.998	2.913
26.650	**26.700**	3.004	2.806	3.004	2.919
26.700	**26.750**	3.010	2.812	3.010	2.925
26.750	**26.800**	3.016	2.818	3.016	2.931
26.800	**26.850**	3.022	2.824	3.022	2.937
26.850	**26.900**	3.028	2.830	3.028	2.943
26.900	**26.950**	3.034	2.836	3.034	2.949
26.950	**27.000**	3.040	2.842	3.040	2.955

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
27.000					
27.000	**27.050**	3.046	2.848	3.046	2.961
27.050	**27.100**	3.052	2.854	3.052	2.967
27.100	**27.150**	3.058	2.860	3.058	2.973
27.150	**27.200**	3.064	2.866	3.064	2.979
27.200	**27.250**	3.070	2.872	3.070	2.985
27.250	**27.300**	3.076	2.878	3.076	2.991
27.300	**27.350**	3.082	2.884	3.082	2.997
27.350	**27.400**	3.088	2.890	3.088	3.003
27.400	**27.450**	3.094	2.896	3.094	3.009
27.450	**27.500**	3.100	2.902	3.100	3.015
27.500	**27.550**	3.106	2.908	3.106	3.021
27.550	**27.600**	3.112	2.914	3.112	3.027
27.600	**27.650**	3.118	2.920	3.118	3.033
27.650	**27.700**	3.124	2.926	3.124	3.039
27.700	**27.750**	3.130	2.932	3.130	3.045
27.750	**27.800**	3.136	2.938	3.136	3.051
27.800	**27.850**	3.142	2.944	3.142	3.057
27.850	**27.900**	3.148	2.950	3.148	3.063
27.900	**27.950**	3.154	2.956	3.154	3.069
27.950	**28.000**	3.160	2.962	3.160	3.075
28.000					
28.000	**28.050**	3.166	2.968	3.166	3.081
28.050	**28.100**	3.172	2.974	3.172	3.087
28.100	**28.150**	3.178	2.980	3.178	3.093
28.150	**28.200**	3.184	2.986	3.184	3.099
28.200	**28.250**	3.190	2.992	3.190	3.105
28.250	**28.300**	3.196	2.998	3.196	3.111
28.300	**28.350**	3.202	3.004	3.202	3.117
28.350	**28.400**	3.208	3.010	3.208	3.123
28.400	**28.450**	3.214	3.016	3.214	3.129
28.450	**28.500**	3.220	3.022	3.220	3.135
28.500	**28.550**	3.226	3.028	3.226	3.141
28.550	**28.600**	3.232	3.034	3.232	3.147
28.600	**28.650**	3.238	3.040	3.238	3.153
28.650	**28.700**	3.244	3.046	3.244	3.159
28.700	**28.750**	3.250	3.052	3.250	3.165
28.750	**28.800**	3.256	3.058	3.256	3.171
28.800	**28.850**	3.262	3.064	3.262	3.177
28.850	**28.900**	3.268	3.070	3.268	3.183
28.900	**28.950**	3.274	3.076	3.274	3.189
28.950	**29.000**	3.280	3.082	3.280	3.195
29.000					
29.000	**29.050**	3.286	3.088	3.286	3.201
29.050	**29.100**	3.292	3.094	3.292	3.207
29.100	**29.150**	3.298	3.100	3.298	3.213
29.150	**29.200**	3.304	3.106	3.304	3.219
29.200	**29.250**	3.310	3.112	3.310	3.225
29.250	**29.300**	3.316	3.118	3.316	3.231
29.300	**29.350**	3.322	3.124	3.322	3.237
29.350	**29.400**	3.328	3.130	3.328	3.243
29.400	**29.450**	3.334	3.136	3.334	3.249
29.450	**29.500**	3.340	3.142	3.340	3.255
29.500	**29.550**	3.346	3.148	3.346	3.261
29.550	**29.600**	3.352	3.154	3.352	3.267
29.600	**29.650**	3.358	3.160	3.358	3.273
29.650	**29.700**	3.364	3.166	3.364	3.279
29.700	**29.750**	3.370	3.172	3.370	3.285
29.750	**29.800**	3.376	3.178	3.376	3.291
29.800	**29.850**	3.382	3.184	3.382	3.297
29.850	**29.900**	3.388	3.190	3.388	3.303
29.900	**29.950**	3.394	3.196	3.394	3.309
29.950	**30.000**	3.400	3.202	3.400	3.315

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
30.000					
30.000	**30.050**	3.406	3.208	3.406	3.321
30.050	**30.100**	3.412	3.214	3.412	3.327
30.100	**30.150**	3.418	3.220	3.418	3.333
30.150	**30.200**	3.424	3.226	3.424	3.339
30.200	**30.250**	3.430	3.232	3.430	3.345
30.250	**30.300**	3.436	3.238	3.436	3.351
30.300	**30.350**	3.442	3.244	3.442	3.357
30.350	**30.400**	3.448	3.250	3.448	3.363
30.400	**30.450**	3.454	3.256	3.454	3.369
30.450	**30.500**	3.460	3.262	3.460	3.375
30.500	**30.550**	3.466	3.268	3.466	3.381
30.550	**30.600**	3.472	3.274	3.472	3.387
30.600	**30.650**	3.478	3.280	3.478	3.393
30.650	**30.700**	3.484	3.286	3.484	3.399
30.700	**30.750**	3.490	3.292	3.490	3.405
30.750	**30.800**	3.496	3.298	3.496	3.411
30.800	**30.850**	3.502	3.304	3.502	3.417
30.850	**30.900**	3.508	3.310	3.508	3.423
30.900	**30.950**	3.514	3.316	3.514	3.429
30.950	**31.000**	3.520	3.322	3.520	3.435
31.000					
31.000	**31.050**	3.526	3.328	3.526	3.441
31.050	**31.100**	3.532	3.334	3.532	3.447
31.100	**31.150**	3.538	3.340	3.538	3.453
31.150	**31.200**	3.544	3.346	3.544	3.459
31.200	**31.250**	3.550	3.352	3.550	3.465
31.250	**31.300**	3.556	3.358	3.556	3.471
31.300	**31.350**	3.562	3.364	3.562	3.477
31.350	**31.400**	3.568	3.370	3.568	3.483
31.400	**31.450**	3.574	3.376	3.574	3.489
31.450	**31.500**	3.580	3.382	3.580	3.495
31.500	**31.550**	3.586	3.388	3.586	3.501
31.550	**31.600**	3.592	3.394	3.592	3.507
31.600	**31.650**	3.598	3.400	3.598	3.513
31.650	**31.700**	3.604	3.406	3.604	3.519
31.700	**31.750**	3.610	3.412	3.610	3.525
31.750	**31.800**	3.616	3.418	3.616	3.531
31.800	**31.850**	3.622	3.424	3.622	3.537
31.850	**31.900**	3.628	3.430	3.628	3.543
31.900	**31.950**	3.634	3.436	3.634	3.549
31.950	**32.000**	3.640	3.442	3.640	3.555
32.000					
32.000	**32.050**	3.646	3.448	3.646	3.561
32.050	**32.100**	3.652	3.454	3.652	3.567
32.100	**32.150**	3.658	3.460	3.658	3.573
32.150	**32.200**	3.664	3.466	3.664	3.579
32.200	**32.250**	3.670	3.472	3.670	3.585
32.250	**32.300**	3.676	3.478	3.676	3.591
32.300	**32.350**	3.682	3.484	3.682	3.597
32.350	**32.400**	3.688	3.490	3.688	3.603
32.400	**32.450**	3.694	3.496	3.694	3.609
32.450	**32.500**	3.700	3.502	3.700	3.615
32.500	**32.550**	3.706	3.508	3.706	3.621
32.550	**32.600**	3.712	3.514	3.712	3.627
32.600	**32.650**	3.718	3.520	3.718	3.633
32.650	**32.700**	3.724	3.526	3.724	3.639
32.700	**32.750**	3.730	3.532	3.730	3.645
32.750	**32.800**	3.736	3.538	3.736	3.651
32.800	**32.850**	3.742	3.544	3.742	3.657
32.850	**32.900**	3.748	3.550	3.748	3.663
32.900	**32.950**	3.754	3.556	3.754	3.669
32.950	**33.000**	3.760	3.562	3.760	3.675

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
33.000					
33.000	**33.050**	3.766	3.568	3.766	3.681
33.050	**33.100**	3.772	3.574	3.772	3.687
33.100	**33.150**	3.778	3.580	3.778	3.693
33.150	**33.200**	3.784	3.586	3.784	3.699
33.200	**33.250**	3.790	3.592	3.790	3.705
33.250	**33.300**	3.796	3.598	3.796	3.711
33.300	**33.350**	3.802	3.604	3.802	3.717
33.350	**33.400**	3.808	3.610	3.808	3.723
33.400	**33.450**	3.814	3.616	3.814	3.729
33.450	**33.500**	3.820	3.622	3.820	3.735
33.500	**33.550**	3.826	3.628	3.826	3.741
33.550	**33.600**	3.832	3.634	3.832	3.747
33.600	**33.650**	3.838	3.640	3.838	3.753
33.650	**33.700**	3.844	3.646	3.844	3.759
33.700	**33.750**	3.850	3.652	3.850	3.765
33.750	**33.800**	3.856	3.658	3.856	3.771
33.800	**33.850**	3.862	3.664	3.862	3.777
33.850	**33.900**	3.868	3.670	3.868	3.783
33.900	**33.950**	3.874	3.676	3.874	3.789
33.950	**34.000**	3.880	3.682	3.880	3.795
34.000					
34.000	**34.050**	3.886	3.688	3.886	3.801
34.050	**34.100**	3.892	3.694	3.892	3.807
34.100	**34.150**	3.898	3.700	3.898	3.813
34.150	**34.200**	3.904	3.706	3.904	3.819
34.200	**34.250**	3.910	3.712	3.910	3.825
34.250	**34.300**	3.916	3.718	3.916	3.831
34.300	**34.350**	3.922	3.724	3.922	3.837
34.350	**34.400**	3.928	3.730	3.928	3.843
34.400	**34.450**	3.934	3.736	3.934	3.849
34.450	**34.500**	3.940	3.742	3.940	3.855
34.500	**34.550**	3.946	3.748	3.946	3.861
34.550	**34.600**	3.952	3.754	3.952	3.867
34.600	**34.650**	3.958	3.760	3.958	3.873
34.650	**34.700**	3.964	3.766	3.964	3.879
34.700	**34.750**	3.970	3.772	3.970	3.885
34.750	**34.800**	3.976	3.778	3.976	3.891
34.800	**34.850**	3.982	3.784	3.982	3.897
34.850	**34.900**	3.988	3.790	3.988	3.903
34.900	**34.950**	3.994	3.796	3.994	3.909
34.950	**35.000**	4.000	3.802	4.000	3.915
35.000					
35.000	**35.050**	4.006	3.808	4.006	3.921
35.050	**35.100**	4.012	3.814	4.012	3.927
35.100	**35.150**	4.018	3.820	4.018	3.933
35.150	**35.200**	4.024	3.826	4.024	3.939
35.200	**35.250**	4.030	3.832	4.030	3.945
35.250	**35.300**	4.036	3.838	4.036	3.951
35.300	**35.350**	4.042	3.844	4.042	3.957
35.350	**35.400**	4.048	3.850	4.048	3.963
35.400	**35.450**	4.054	3.856	4.054	3.969
35.450	**35.500**	4.060	3.862	4.060	3.975
35.500	**35.550**	4.066	3.868	4.066	3.981
35.550	**35.600**	4.072	3.874	4.072	3.987
35.600	**35.650**	4.078	3.880	4.078	3.993
35.650	**35.700**	4.084	3.886	4.084	3.999
35.700	**35.750**	4.090	3.892	4.090	4.005
35.750	**35.800**	4.096	3.898	4.096	4.011
35.800	**35.850**	4.102	3.904	4.102	4.017
35.850	**35.900**	4.108	3.910	4.108	4.023
35.900	**35.950**	4.114	3.916	4.114	4.029
35.950	**36.000**	4.120	3.922	4.120	4.035

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
36.000					
36.000	**36.050**	4.126	3.928	4.126	4.041
36.050	**36.100**	4.132	3.934	4.132	4.047
36.100	**36.150**	4.138	3.940	4.138	4.053
36.150	**36.200**	4.144	3.946	4.144	4.059
36.200	**36.250**	4.150	3.952	4.150	4.065
36.250	**36.300**	4.156	3.958	4.156	4.071
36.300	**36.350**	4.162	3.964	4.162	4.077
36.350	**36.400**	4.168	3.970	4.168	4.083
36.400	**36.450**	4.174	3.976	4.174	4.089
36.450	**36.500**	4.180	3.982	4.180	4.095
36.500	**36.550**	4.186	3.988	4.186	4.101
36.550	**36.600**	4.192	3.994	4.192	4.107
36.600	**36.650**	4.198	4.000	4.198	4.113
36.650	**36.700**	4.204	4.006	4.204	4.119
36.700	**36.750**	4.210	4.012	4.210	4.125
36.750	**36.800**	4.216	4.018	4.216	4.131
36.800	**36.850**	4.222	4.024	4.222	4.137
36.850	**36.900**	4.228	4.030	4.228	4.143
36.900	**36.950**	4.234	4.036	4.234	4.149
36.950	**37.000**	4.240	4.042	4.240	4.155
37.000					
37.000	**37.050**	4.246	4.048	4.246	4.161
37.050	**37.100**	4.252	4.054	4.252	4.167
37.100	**37.150**	4.258	4.060	4.258	4.173
37.150	**37.200**	4.264	4.066	4.264	4.179
37.200	**37.250**	4.270	4.072	4.270	4.185
37.250	**37.300**	4.276	4.078	4.276	4.191
37.300	**37.350**	4.282	4.084	4.282	4.197
37.350	**37.400**	4.288	4.090	4.288	4.203
37.400	**37.450**	4.294	4.096	4.294	4.209
37.450	**37.500**	4.300	4.102	4.300	4.215
37.500	**37.550**	4.306	4.108	4.306	4.221
37.550	**37.600**	4.312	4.114	4.312	4.227
37.600	**37.650**	4.318	4.120	4.318	4.233
37.650	**37.700**	4.324	4.126	4.324	4.239
37.700	**37.750**	4.330	4.132	4.330	4.245
37.750	**37.800**	4.336	4.138	4.336	4.251
37.800	**37.850**	4.342	4.144	4.342	4.257
37.850	**37.900**	4.348	4.150	4.348	4.263
37.900	**37.950**	4.354	4.156	4.354	4.269
37.950	**38.000**	4.360	4.162	4.360	4.275
38.000					
38.000	**38.050**	4.366	4.168	4.366	4.281
38.050	**38.100**	4.372	4.174	4.372	4.287
38.100	**38.150**	4.378	4.180	4.378	4.293
38.150	**38.200**	4.384	4.186	4.384	4.299
38.200	**38.250**	4.390	4.192	4.390	4.305
38.250	**38.300**	4.396	4.198	4.396	4.311
38.300	**38.350**	4.402	4.204	4.402	4.317
38.350	**38.400**	4.408	4.210	4.408	4.323
38.400	**38.450**	4.414	4.216	4.414	4.329
38.450	**38.500**	4.420	4.222	4.420	4.335
38.500	**38.550**	4.426	4.228	4.426	4.341
38.550	**38.600**	4.432	4.234	4.432	4.347
38.600	**38.650**	4.438	4.240	4.438	4.353
38.650	**38.700**	4.444	4.246	4.444	4.359
38.700	**38.750**	4.450	4.252	4.450	4.365
38.750	**38.800**	4.456	4.258	4.456	4.371
38.800	**38.850**	4.462	4.264	4.462	4.377
38.850	**38.900**	4.468	4.270	4.468	4.383
38.900	**38.950**	4.474	4.276	4.474	4.389
38.950	**39.000**	4.480	4.282	4.480	4.395

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
39.000					
39.000	**39.050**	4.486	4.288	4.486	4.401
39.050	**39.100**	4.492	4.294	4.492	4.407
39.100	**39.150**	4.498	4.300	4.498	4.413
39.150	**39.200**	4.504	4.306	4.504	4.419
39.200	**39.250**	4.510	4.312	4.510	4.425
39.250	**39.300**	4.516	4.318	4.516	4.431
39.300	**39.350**	4.522	4.324	4.522	4.437
39.350	**39.400**	4.528	4.330	4.528	4.443
39.400	**39.450**	4.534	4.336	4.534	4.449
39.450	**39.500**	4.540	4.342	4.540	4.455
39.500	**39.550**	4.546	4.348	4.546	4.461
39.550	**39.600**	4.552	4.354	4.552	4.467
39.600	**39.650**	4.558	4.360	4.558	4.473
39.650	**39.700**	4.564	4.366	4.564	4.479
39.700	**39.750**	4.570	4.372	4.570	4.485
39.750	**39.800**	4.576	4.378	4.576	4.491
39.800	**39.850**	4.582	4.384	4.582	4.497
39.850	**39.900**	4.588	4.390	4.588	4.503
39.900	**39.950**	4.594	4.396	4.594	4.509
39.950	**40.000**	4.600	4.402	4.600	4.515
40.000					
40.000	**40.050**	4.606	4.408	4.606	4.521
40.050	**40.100**	4.612	4.414	4.612	4.527
40.100	**40.150**	4.618	4.420	4.618	4.533
40.150	**40.200**	4.629	4.426	4.629	4.539
40.200	**40.250**	4.640	4.432	4.640	4.545
40.250	**40.300**	4.651	4.438	4.651	4.551
40.300	**40.350**	4.662	4.444	4.662	4.557
40.350	**40.400**	4.673	4.450	4.673	4.563
40.400	**40.450**	4.684	4.456	4.684	4.569
40.450	**40.500**	4.695	4.462	4.695	4.575
40.500	**40.550**	4.706	4.468	4.706	4.581
40.550	**40.600**	4.717	4.474	4.717	4.587
40.600	**40.650**	4.728	4.480	4.728	4.593
40.650	**40.700**	4.739	4.486	4.739	4.599
40.700	**40.750**	4.750	4.492	4.750	4.605
40.750	**40.800**	4.761	4.498	4.761	4.611
40.800	**40.850**	4.772	4.504	4.772	4.617
40.850	**40.900**	4.783	4.510	4.783	4.623
40.900	**40.950**	4.794	4.516	4.794	4.629
40.950	**41.000**	4.805	4.522	4.805	4.635
41.000					
41.000	**41.050**	4.816	4.528	4.816	4.641
41.050	**41.100**	4.827	4.534	4.827	4.647
41.100	**41.150**	4.838	4.540	4.838	4.653
41.150	**41.200**	4.849	4.546	4.849	4.659
41.200	**41.250**	4.860	4.552	4.860	4.665
41.250	**41.300**	4.871	4.558	4.871	4.671
41.300	**41.350**	4.882	4.564	4.882	4.677
41.350	**41.400**	4.893	4.570	4.893	4.683
41.400	**41.450**	4.904	4.576	4.904	4.689
41.450	**41.500**	4.915	4.582	4.915	4.695
41.500	**41.550**	4.926	4.588	4.926	4.701
41.550	**41.600**	4.937	4.594	4.937	4.707
41.600	**41.650**	4.948	4.600	4.948	4.713
41.650	**41.700**	4.959	4.606	4.959	4.719
41.700	**41.750**	4.970	4.612	4.970	4.725
41.750	**41.800**	4.981	4.618	4.981	4.731
41.800	**41.850**	4.992	4.624	4.992	4.737
41.850	**41.900**	5.003	4.630	5.003	4.743
41.900	**41.950**	5.014	4.636	5.014	4.749
41.950	**42.000**	5.025	4.642	5.025	4.755

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
42.000					
42.000	**42.050**	5.036	4.648	5.036	4.761
42.050	**42.100**	5.047	4.654	5.047	4.767
42.100	**42.150**	5.058	4.660	5.058	4.773
42.150	**42.200**	5.069	4.666	5.069	4.779
42.200	**42.250**	5.080	4.672	5.080	4.785
42.250	**42.300**	5.091	4.678	5.091	4.791
42.300	**42.350**	5.102	4.684	5.102	4.797
42.350	**42.400**	5.113	4.690	5.113	4.803
42.400	**42.450**	5.124	4.696	5.124	4.809
42.450	**42.500**	5.135	4.702	5.135	4.815
42.500	**42.550**	5.146	4.708	5.146	4.821
42.550	**42.600**	5.157	4.714	5.157	4.827
42.600	**42.650**	5.168	4.720	5.168	4.833
42.650	**42.700**	5.179	4.726	5.179	4.839
42.700	**42.750**	5.190	4.732	5.190	4.845
42.750	**42.800**	5.201	4.738	5.201	4.851
42.800	**42.850**	5.212	4.744	5.212	4.857
42.850	**42.900**	5.223	4.750	5.223	4.863
42.900	**42.950**	5.234	4.756	5.234	4.869
42.950	**43.000**	5.245	4.762	5.245	4.875
43.000					
43.000	**43.050**	5.256	4.768	5.256	4.881
43.050	**43.100**	5.267	4.774	5.267	4.887
43.100	**43.150**	5.278	4.780	5.278	4.893
43.150	**43.200**	5.289	4.786	5.289	4.899
43.200	**43.250**	5.300	4.792	5.300	4.905
43.250	**43.300**	5.311	4.798	5.311	4.911
43.300	**43.350**	5.322	4.804	5.322	4.917
43.350	**43.400**	5.333	4.810	5.333	4.923
43.400	**43.450**	5.344	4.816	5.344	4.929
43.450	**43.500**	5.355	4.822	5.355	4.935
43.500	**43.550**	5.366	4.828	5.366	4.941
43.550	**43.600**	5.377	4.834	5.377	4.947
43.600	**43.650**	5.388	4.840	5.388	4.953
43.650	**43.700**	5.399	4.846	5.399	4.959
43.700	**43.750**	5.410	4.852	5.410	4.965
43.750	**43.800**	5.421	4.858	5.421	4.971
43.800	**43.850**	5.432	4.864	5.432	4.977
43.850	**43.900**	5.443	4.870	5.443	4.983
43.900	**43.950**	5.454	4.876	5.454	4.989
43.950	**44.000**	5.465	4.882	5.465	4.995
44.000					
44.000	**44.050**	5.476	4.888	5.476	5.001
44.050	**44.100**	5.487	4.894	5.487	5.007
44.100	**44.150**	5.498	4.900	5.498	5.013
44.150	**44.200**	5.509	4.906	5.509	5.019
44.200	**44.250**	5.520	4.912	5.520	5.025
44.250	**44.300**	5.531	4.918	5.531	5.031
44.300	**44.350**	5.542	4.924	5.542	5.037
44.350	**44.400**	5.553	4.930	5.553	5.043
44.400	**44.450**	5.564	4.936	5.564	5.049
44.450	**44.500**	5.575	4.942	5.575	5.055
44.500	**44.550**	5.586	4.948	5.586	5.061
44.550	**44.600**	5.597	4.954	5.597	5.067
44.600	**44.650**	5.608	4.960	5.608	5.073
44.650	**44.700**	5.619	4.966	5.619	5.079
44.700	**44.750**	5.630	4.972	5.630	5.085
44.750	**44.800**	5.641	4.978	5.641	5.091
44.800	**44.850**	5.652	4.984	5.652	5.097
44.850	**44.900**	5.663	4.990	5.663	5.103
44.900	**44.950**	5.674	4.996	5.674	5.109
44.950	**45.000**	5.685	5.002	5.685	5.115

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
45.000					
45.000	**45.050**	5.696	5.008	5.696	5.121
45.050	**45.100**	5.707	5.014	5.707	5.127
45.100	**45.150**	5.718	5.020	5.718	5.133
45.150	**45.200**	5.729	5.026	5.729	5.139
45.200	**45.250**	5.740	5.032	5.740	5.145
45.250	**45.300**	5.751	5.038	5.751	5.151
45.300	**45.350**	5.762	5.044	5.762	5.157
45.350	**45.400**	5.773	5.050	5.773	5.163
45.400	**45.450**	5.784	5.056	5.784	5.169
45.450	**45.500**	5.795	5.062	5.795	5.175
45.500	**45.550**	5.806	5.068	5.806	5.181
45.550	**45.600**	5.817	5.074	5.817	5.187
45.600	**45.650**	5.828	5.080	5.828	5.193
45.650	**45.700**	5.839	5.086	5.839	5.199
45.700	**45.750**	5.850	5.092	5.850	5.205
45.750	**45.800**	5.861	5.098	5.861	5.211
45.800	**45.850**	5.872	5.104	5.872	5.217
45.850	**45.900**	5.883	5.110	5.883	5.223
45.900	**45.950**	5.894	5.116	5.894	5.229
45.950	**46.000**	5.905	5.122	5.905	5.235
46.000					
46.000	**46.050**	5.916	5.128	5.916	5.241
46.050	**46.100**	5.927	5.134	5.927	5.247
46.100	**46.150**	5.938	5.140	5.938	5.253
46.150	**46.200**	5.949	5.146	5.949	5.259
46.200	**46.250**	5.960	5.152	5.960	5.265
46.250	**46.300**	5.971	5.158	5.971	5.271
46.300	**46.350**	5.982	5.164	5.982	5.277
46.350	**46.400**	5.993	5.170	5.993	5.283
46.400	**46.450**	6.004	5.176	6.004	5.289
46.450	**46.500**	6.015	5.182	6.015	5.295
46.500	**46.550**	6.026	5.188	6.026	5.301
46.550	**46.600**	6.037	5.194	6.037	5.307
46.600	**46.650**	6.048	5.200	6.048	5.313
46.650	**46.700**	6.059	5.206	6.059	5.319
46.700	**46.750**	6.070	5.212	6.070	5.325
46.750	**46.800**	6.081	5.218	6.081	5.331
46.800	**46.850**	6.092	5.224	6.092	5.337
46.850	**46.900**	6.103	5.230	6.103	5.343
46.900	**46.950**	6.114	5.236	6.114	5.349
46.950	**47.000**	6.125	5.242	6.125	5.355
47.000					
47.000	**47.050**	6.136	5.248	6.136	5.361
47.050	**47.100**	6.147	5.254	6.147	5.367
47.100	**47.150**	6.158	5.260	6.158	5.373
47.150	**47.200**	6.169	5.266	6.169	5.379
47.200	**47.250**	6.180	5.272	6.180	5.385
47.250	**47.300**	6.191	5.278	6.191	5.391
47.300	**47.350**	6.202	5.284	6.202	5.397
47.350	**47.400**	6.213	5.290	6.213	5.403
47.400	**47.450**	6.224	5.296	6.224	5.409
47.450	**47.500**	6.235	5.302	6.235	5.415
47.500	**47.550**	6.246	5.308	6.246	5.421
47.550	**47.600**	6.257	5.314	6.257	5.427
47.600	**47.650**	6.268	5.320	6.268	5.433
47.650	**47.700**	6.279	5.326	6.279	5.439
47.700	**47.750**	6.290	5.332	6.290	5.445
47.750	**47.800**	6.301	5.338	6.301	5.451
47.800	**47.850**	6.312	5.344	6.312	5.457
47.850	**47.900**	6.323	5.350	6.323	5.463
47.900	**47.950**	6.334	5.356	6.334	5.469
47.950	**48.000**	6.345	5.362	6.345	5.475

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
48.000					
48.000	**48.050**	6.356	5.368	6.356	5.481
48.050	**48.100**	6.367	5.374	6.367	5.487
48.100	**48.150**	6.378	5.380	6.378	5.493
48.150	**48.200**	6.389	5.386	6.389	5.499
48.200	**48.250**	6.400	5.392	6.400	5.505
48.250	**48.300**	6.411	5.398	6.411	5.511
48.300	**48.350**	6.422	5.404	6.422	5.517
48.350	**48.400**	6.433	5.410	6.433	5.523
48.400	**48.450**	6.444	5.416	6.444	5.529
48.450	**48.500**	6.455	5.422	6.455	5.535
48.500	**48.550**	6.466	5.428	6.466	5.541
48.550	**48.600**	6.477	5.434	6.477	5.547
48.600	**48.650**	6.488	5.440	6.488	5.553
48.650	**48.700**	6.499	5.446	6.499	5.559
48.700	**48.750**	6.510	5.452	6.510	5.565
48.750	**48.800**	6.521	5.458	6.521	5.571
48.800	**48.850**	6.532	5.464	6.532	5.577
48.850	**48.900**	6.543	5.470	6.543	5.583
48.900	**48.950**	6.554	5.476	6.554	5.589
48.950	**49.000**	6.565	5.482	6.565	5.595
49.000					
49.000	**49.050**	6.576	5.488	6.576	5.601
49.050	**49.100**	6.587	5.494	6.587	5.607
49.100	**49.150**	6.598	5.500	6.598	5.613
49.150	**49.200**	6.609	5.506	6.609	5.619
49.200	**49.250**	6.620	5.512	6.620	5.625
49.250	**49.300**	6.631	5.518	6.631	5.631
49.300	**49.350**	6.642	5.524	6.642	5.637
49.350	**49.400**	6.653	5.530	6.653	5.643
49.400	**49.450**	6.664	5.536	6.664	5.649
49.450	**49.500**	6.675	5.542	6.675	5.655
49.500	**49.550**	6.686	5.548	6.686	5.661
49.550	**49.600**	6.697	5.554	6.697	5.667
49.600	**49.650**	6.708	5.560	6.708	5.673
49.650	**49.700**	6.719	5.566	6.719	5.679
49.700	**49.750**	6.730	5.572	6.730	5.685
49.750	**49.800**	6.741	5.578	6.741	5.691
49.800	**49.850**	6.752	5.584	6.752	5.697
49.850	**49.900**	6.763	5.590	6.763	5.703
49.900	**49.950**	6.774	5.596	6.774	5.709
49.950	**50.000**	6.785	5.602	6.785	5.715
50.000					
50.000	**50.050**	6.796	5.608	6.796	5.721
50.050	**50.100**	6.807	5.614	6.807	5.727
50.100	**50.150**	6.818	5.620	6.818	5.733
50.150	**50.200**	6.829	5.626	6.829	5.739
50.200	**50.250**	6.840	5.632	6.840	5.745
50.250	**50.300**	6.851	5.638	6.851	5.751
50.300	**50.350**	6.862	5.644	6.862	5.757
50.350	**50.400**	6.873	5.650	6.873	5.763
50.400	**50.450**	6.884	5.656	6.884	5.769
50.450	**50.500**	6.895	5.662	6.895	5.775
50.500	**50.550**	6.906	5.668	6.906	5.781
50.550	**50.600**	6.917	5.674	6.917	5.787
50.600	**50.650**	6.928	5.680	6.928	5.793
50.650	**50.700**	6.939	5.686	6.939	5.799
50.700	**50.750**	6.950	5.692	6.950	5.805
50.750	**50.800**	6.961	5.698	6.961	5.811
50.800	**50.850**	6.972	5.704	6.972	5.817
50.850	**50.900**	6.983	5.710	6.983	5.823
50.900	**50.950**	6.994	5.716	6.994	5.829
50.950	**51.000**	7.005	5.722	7.005	5.835

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
51.000					
51.000	**51.050**	7.016	5.728	7.016	5.841
51.050	**51.100**	7.027	5.734	7.027	5.847
51.100	**51.150**	7.038	5.740	7.038	5.853
51.150	**51.200**	7.049	5.746	7.049	5.859
51.200	**51.250**	7.060	5.752	7.060	5.865
51.250	**51.300**	7.071	5.758	7.071	5.871
51.300	**51.350**	7.082	5.764	7.082	5.877
51.350	**51.400**	7.093	5.770	7.093	5.883
51.400	**51.450**	7.104	5.776	7.104	5.889
51.450	**51.500**	7.115	5.782	7.115	5.895
51.500	**51.550**	7.126	5.788	7.126	5.901
51.550	**51.600**	7.137	5.794	7.137	5.907
51.600	**51.650**	7.148	5.800	7.148	5.913
51.650	**51.700**	7.159	5.806	7.159	5.919
51.700	**51.750**	7.170	5.812	7.170	5.925
51.750	**51.800**	7.181	5.818	7.181	5.931
51.800	**51.850**	7.192	5.824	7.192	5.937
51.850	**51.900**	7.203	5.830	7.203	5.943
51.900	**51.950**	7.214	5.836	7.214	5.949
51.950	**52.000**	7.225	5.842	7.225	5.955
52.000					
52.000	**52.050**	7.236	5.848	7.236	5.961
52.050	**52.100**	7.247	5.854	7.247	5.967
52.100	**52.150**	7.258	5.860	7.258	5.973
52.150	**52.200**	7.269	5.866	7.269	5.979
52.200	**52.250**	7.280	5.872	7.280	5.985
52.250	**52.300**	7.291	5.878	7.291	5.991
52.300	**52.350**	7.302	5.884	7.302	5.997
52.350	**52.400**	7.313	5.890	7.313	6.003
52.400	**52.450**	7.324	5.896	7.324	6.009
52.450	**52.500**	7.335	5.902	7.335	6.015
52.500	**52.550**	7.346	5.908	7.346	6.021
52.550	**52.600**	7.357	5.914	7.357	6.027
52.600	**52.650**	7.368	5.920	7.368	6.033
52.650	**52.700**	7.379	5.926	7.379	6.039
52.700	**52.750**	7.390	5.932	7.390	6.045
52.750	**52.800**	7.401	5.938	7.401	6.051
52.800	**52.850**	7.412	5.944	7.412	6.057
52.850	**52.900**	7.423	5.950	7.423	6.063
52.900	**52.950**	7.434	5.956	7.434	6.069
52.950	**53.000**	7.445	5.962	7.445	6.075
53.000					
53.000	**53.050**	7.456	5.968	7.456	6.081
53.050	**53.100**	7.467	5.974	7.467	6.087
53.100	**53.150**	7.478	5.980	7.478	6.093
53.150	**53.200**	7.489	5.986	7.489	6.099
53.200	**53.250**	7.500	5.992	7.500	6.105
53.250	**53.300**	7.511	5.998	7.511	6.111
53.300	**53.350**	7.522	6.004	7.522	6.117
53.350	**53.400**	7.533	6.010	7.533	6.123
53.400	**53.450**	7.544	6.016	7.544	6.129
53.450	**53.500**	7.555	6.022	7.555	6.135
53.500	**53.550**	7.566	6.028	7.566	6.141
53.550	**53.600**	7.577	6.034	7.577	6.147
53.600	**53.650**	7.588	6.040	7.588	6.153
53.650	**53.700**	7.599	6.046	7.599	6.159
53.700	**53.750**	7.610	6.052	7.610	6.168
53.750	**53.800**	7.621	6.058	7.621	6.179
53.800	**53.850**	7.632	6.064	7.632	6.190
53.850	**53.900**	7.643	6.070	7.643	6.201
53.900	**53.950**	7.654	6.076	7.654	6.212
53.950	**54.000**	7.665	6.082	7.665	6.223

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
54.000					
54.000	**54.050**	7.676	6.088	7.676	6.234
54.050	**54.100**	7.687	6.094	7.687	6.245
54.100	**54.150**	7.698	6.100	7.698	6.256
54.150	**54.200**	7.709	6.106	7.709	6.267
54.200	**54.250**	7.720	6.112	7.720	6.278
54.250	**54.300**	7.731	6.118	7.731	6.289
54.300	**54.350**	7.742	6.124	7.742	6.300
54.350	**54.400**	7.753	6.130	7.753	6.311
54.400	**54.450**	7.764	6.136	7.764	6.322
54.450	**54.500**	7.775	6.142	7.775	6.333
54.500	**54.550**	7.786	6.148	7.786	6.344
54.550	**54.600**	7.797	6.154	7.797	6.355
54.600	**54.650**	7.808	6.160	7.808	6.366
54.650	**54.700**	7.819	6.166	7.819	6.377
54.700	**54.750**	7.830	6.172	7.830	6.388
54.750	**54.800**	7.841	6.178	7.841	6.399
54.800	**54.850**	7.852	6.184	7.852	6.410
54.850	**54.900**	7.863	6.190	7.863	6.421
54.900	**54.950**	7.874	6.196	7.874	6.432
54.950	**55.000**	7.885	6.202	7.885	6.443
55.000					
55.000	**55.050**	7.896	6.208	7.896	6.454
55.050	**55.100**	7.907	6.214	7.907	6.465
55.100	**55.150**	7.918	6.220	7.918	6.476
55.150	**55.200**	7.929	6.226	7.929	6.487
55.200	**55.250**	7.940	6.232	7.940	6.498
55.250	**55.300**	7.951	6.238	7.951	6.509
55.300	**55.350**	7.962	6.244	7.962	6.520
55.350	**55.400**	7.973	6.250	7.973	6.531
55.400	**55.450**	7.984	6.256	7.984	6.542
55.450	**55.500**	7.995	6.262	7.995	6.553
55.500	**55.550**	8.006	6.268	8.006	6.564
55.550	**55.600**	8.017	6.274	8.017	6.575
55.600	**55.650**	8.028	6.280	8.028	6.586
55.650	**55.700**	8.039	6.286	8.039	6.597
55.700	**55.750**	8.050	6.292	8.050	6.608
55.750	**55.800**	8.061	6.298	8.061	6.619
55.800	**55.850**	8.072	6.304	8.072	6.630
55.850	**55.900**	8.083	6.310	8.083	6.641
55.900	**55.950**	8.094	6.316	8.094	6.652
55.950	**56.000**	8.105	6.322	8.105	6.663
56.000					
56.000	**56.050**	8.116	6.328	8.116	6.674
56.050	**56.100**	8.127	6.334	8.127	6.685
56.100	**56.150**	8.138	6.340	8.138	6.696
56.150	**56.200**	8.149	6.346	8.149	6.707
56.200	**56.250**	8.160	6.352	8.160	6.718
56.250	**56.300**	8.171	6.358	8.171	6.729
56.300	**56.350**	8.182	6.364	8.182	6.740
56.350	**56.400**	8.193	6.370	8.193	6.751
56.400	**56.450**	8.204	6.376	8.204	6.762
56.450	**56.500**	8.215	6.382	8.215	6.773
56.500	**56.550**	8.226	6.388	8.226	6.784
56.550	**56.600**	8.237	6.394	8.237	6.795
56.600	**56.650**	8.248	6.400	8.248	6.806
56.650	**56.700**	8.259	6.406	8.259	6.817
56.700	**56.750**	8.270	6.412	8.270	6.828
56.750	**56.800**	8.281	6.418	8.281	6.839
56.800	**56.850**	8.292	6.424	8.292	6.850
56.850	**56.900**	8.303	6.430	8.303	6.861
56.900	**56.950**	8.314	6.436	8.314	6.872
56.950	**57.000**	8.325	6.442	8.325	6.883

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
57.000					
57.000	**57.050**	8.336	6.448	8.336	6.894
57.050	**57.100**	8.347	6.454	8.347	6.905
57.100	**57.150**	8.358	6.460	8.358	6.916
57.150	**57.200**	8.369	6.466	8.369	6.927
57.200	**57.250**	8.380	6.472	8.380	6.938
57.250	**57.300**	8.391	6.478	8.391	6.949
57.300	**57.350**	8.402	6.484	8.402	6.960
57.350	**57.400**	8.413	6.490	8.413	6.971
57.400	**57.450**	8.424	6.496	8.424	6.982
57.450	**57.500**	8.435	6.502	8.435	6.993
57.500	**57.550**	8.446	6.508	8.446	7.004
57.550	**57.600**	8.457	6.514	8.457	7.015
57.600	**57.650**	8.468	6.520	8.468	7.026
57.650	**57.700**	8.479	6.526	8.479	7.037
57.700	**57.750**	8.490	6.532	8.490	7.048
57.750	**57.800**	8.501	6.538	8.501	7.059
57.800	**57.850**	8.512	6.544	8.512	7.070
57.850	**57.900**	8.523	6.550	8.523	7.081
57.900	**57.950**	8.534	6.556	8.534	7.092
57.950	**58.000**	8.545	6.562	8.545	7.103
58.000					
58.000	**58.050**	8.556	6.568	8.556	7.114
58.050	**58.100**	8.567	6.574	8.567	7.125
58.100	**58.150**	8.578	6.580	8.578	7.136
58.150	**58.200**	8.589	6.586	8.589	7.147
58.200	**58.250**	8.600	6.592	8.600	7.158
58.250	**58.300**	8.611	6.598	8.611	7.169
58.300	**58.350**	8.622	6.604	8.622	7.180
58.350	**58.400**	8.633	6.610	8.633	7.191
58.400	**58.450**	8.644	6.616	8.644	7.202
58.450	**58.500**	8.655	6.622	8.655	7.213
58.500	**58.550**	8.666	6.628	8.666	7.224
58.550	**58.600**	8.677	6.634	8.677	7.235
58.600	**58.650**	8.688	6.640	8.688	7.246
58.650	**58.700**	8.699	6.646	8.699	7.257
58.700	**58.750**	8.710	6.652	8.710	7.268
58.750	**58.800**	8.721	6.658	8.721	7.279
58.800	**58.850**	8.732	6.664	8.732	7.290
58.850	**58.900**	8.743	6.670	8.743	7.301
58.900	**58.950**	8.754	6.676	8.754	7.312
58.950	**59.000**	8.765	6.682	8.765	7.323
59.000					
59.000	**59.050**	8.776	6.688	8.776	7.334
59.050	**59.100**	8.787	6.694	8.787	7.345
59.100	**59.150**	8.798	6.700	8.798	7.356
59.150	**59.200**	8.809	6.706	8.809	7.367
59.200	**59.250**	8.820	6.712	8.820	7.378
59.250	**59.300**	8.831	6.718	8.831	7.389
59.300	**59.350**	8.842	6.724	8.842	7.400
59.350	**59.400**	8.853	6.730	8.853	7.411
59.400	**59.450**	8.864	6.736	8.864	7.422
59.450	**59.500**	8.875	6.742	8.875	7.433
59.500	**59.550**	8.886	6.748	8.886	7.444
59.550	**59.600**	8.897	6.754	8.897	7.455
59.600	**59.650**	8.908	6.760	8.908	7.466
59.650	**59.700**	8.919	6.766	8.919	7.477
59.700	**59.750**	8.930	6.772	8.930	7.488
59.750	**59.800**	8.941	6.778	8.941	7.499
59.800	**59.850**	8.952	6.784	8.952	7.510
59.850	**59.900**	8.963	6.790	8.963	7.521
59.900	**59.950**	8.974	6.796	8.974	7.532
59.950	**60.000**	8.985	6.802	8.985	7.543

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
60.000					
60.000	**60.050**	8.996	6.808	8.996	7.554
60.050	**60.100**	9.007	6.814	9.007	7.565
60.100	**60.150**	9.018	6.820	9.018	7.576
60.150	**60.200**	9.029	6.826	9.029	7.587
60.200	**60.250**	9.040	6.832	9.040	7.598
60.250	**60.300**	9.051	6.838	9.051	7.609
60.300	**60.350**	9.062	6.844	9.062	7.620
60.350	**60.400**	9.073	6.850	9.073	7.631
60.400	**60.450**	9.084	6.856	9.084	7.642
60.450	**60.500**	9.095	6.862	9.095	7.653
60.500	**60.550**	9.106	6.868	9.106	7.664
60.550	**60.600**	9.117	6.874	9.117	7.675
60.600	**60.650**	9.128	6.880	9.128	7.686
60.650	**60.700**	9.139	6.886	9.139	7.697
60.700	**60.750**	9.150	6.892	9.150	7.708
60.750	**60.800**	9.161	6.898	9.161	7.719
60.800	**60.850**	9.172	6.904	9.172	7.730
60.850	**60.900**	9.183	6.910	9.183	7.741
60.900	**60.950**	9.194	6.916	9.194	7.752
60.950	**61.000**	9.205	6.922	9.205	7.763
61.000					
61.000	**61.050**	9.216	6.928	9.216	7.774
61.050	**61.100**	9.227	6.934	9.227	7.785
61.100	**61.150**	9.238	6.940	9.238	7.796
61.150	**61.200**	9.249	6.946	9.249	7.807
61.200	**61.250**	9.260	6.952	9.260	7.818
61.250	**61.300**	9.271	6.958	9.271	7.829
61.300	**61.350**	9.282	6.964	9.282	7.840
61.350	**61.400**	9.293	6.970	9.293	7.851
61.400	**61.450**	9.304	6.976	9.304	7.862
61.450	**61.500**	9.315	6.982	9.315	7.873
61.500	**61.550**	9.326	6.988	9.326	7.884
61.550	**61.600**	9.337	6.994	9.337	7.895
61.600	**61.650**	9.348	7.000	9.348	7.906
61.650	**61.700**	9.359	7.006	9.359	7.917
61.700	**61.750**	9.370	7.012	9.370	7.928
61.750	**61.800**	9.381	7.018	9.381	7.939
61.800	**61.850**	9.392	7.024	9.392	7.950
61.850	**61.900**	9.403	7.030	9.403	7.961
61.900	**61.950**	9.414	7.036	9.414	7.972
61.950	**62.000**	9.425	7.042	9.425	7.983
62.000					
62.000	**62.050**	9.436	7.048	9.436	7.994
62.050	**62.100**	9.447	7.054	9.447	8.005
62.100	**62.150**	9.458	7.060	9.458	8.016
62.150	**62.200**	9.469	7.066	9.469	8.027
62.200	**62.250**	9.480	7.072	9.480	8.038
62.250	**62.300**	9.491	7.078	9.491	8.049
62.300	**62.350**	9.502	7.084	9.502	8.060
62.350	**62.400**	9.513	7.090	9.513	8.071
62.400	**62.450**	9.524	7.096	9.524	8.082
62.450	**62.500**	9.535	7.102	9.535	8.093
62.500	**62.550**	9.546	7.108	9.546	8.104
62.550	**62.600**	9.557	7.114	9.557	8.115
62.600	**62.650**	9.568	7.120	9.568	8.126
62.650	**62.700**	9.579	7.126	9.579	8.137
62.700	**62.750**	9.590	7.132	9.590	8.148
62.750	**62.800**	9.601	7.138	9.601	8.159
62.800	**62.850**	9.612	7.144	9.612	8.170
62.850	**62.900**	9.623	7.150	9.623	8.181
62.900	**62.950**	9.634	7.156	9.634	8.192
62.950	**63.000**	9.645	7.162	9.645	8.203

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
63.000					
63.000	**63.050**	9.656	7.168	9.656	8.214
63.050	**63.100**	9.667	7.174	9.667	8.225
63.100	**63.150**	9.678	7.180	9.678	8.236
63.150	**63.200**	9.689	7.186	9.689	8.247
63.200	**63.250**	9.700	7.192	9.700	8.258
63.250	**63.300**	9.711	7.198	9.711	8.269
63.300	**63.350**	9.722	7.204	9.722	8.280
63.350	**63.400**	9.733	7.210	9.733	8.291
63.400	**63.450**	9.744	7.216	9.744	8.302
63.450	**63.500**	9.755	7.222	9.755	8.313
63.500	**63.550**	9.766	7.228	9.766	8.324
63.550	**63.600**	9.777	7.234	9.777	8.335
63.600	**63.650**	9.788	7.240	9.788	8.346
63.650	**63.700**	9.799	7.246	9.799	8.357
63.700	**63.750**	9.810	7.252	9.810	8.368
63.750	**63.800**	9.821	7.258	9.821	8.379
63.800	**63.850**	9.832	7.264	9.832	8.390
63.850	**63.900**	9.843	7.270	9.843	8.401
63.900	**63.950**	9.854	7.276	9.854	8.412
63.950	**64.000**	9.865	7.282	9.865	8.423
64.000					
64.000	**64.050**	9.876	7.288	9.876	8.434
64.050	**64.100**	9.887	7.294	9.887	8.445
64.100	**64.150**	9.898	7.300	9.898	8.456
64.150	**64.200**	9.909	7.306	9.909	8.467
64.200	**64.250**	9.920	7.312	9.920	8.478
64.250	**64.300**	9.931	7.318	9.931	8.489
64.300	**64.350**	9.942	7.324	9.942	8.500
64.350	**64.400**	9.953	7.330	9.953	8.511
64.400	**64.450**	9.964	7.336	9.964	8.522
64.450	**64.500**	9.975	7.342	9.975	8.533
64.500	**64.550**	9.986	7.348	9.986	8.544
64.550	**64.600**	9.997	7.354	9.997	8.555
64.600	**64.650**	10.008	7.360	10.008	8.566
64.650	**64.700**	10.019	7.366	10.019	8.577
64.700	**64.750**	10.030	7.372	10.030	8.588
64.750	**64.800**	10.041	7.378	10.041	8.599
64.800	**64.850**	10.052	7.384	10.052	8.610
64.850	**64.900**	10.063	7.390	10.063	8.621
64.900	**64.950**	10.074	7.396	10.074	8.632
64.950	**65.000**	10.085	7.402	10.085	8.643
65.000					
65.000	**65.050**	10.096	7.408	10.096	8.654
65.050	**65.100**	10.107	7.414	10.107	8.665
65.100	**65.150**	10.118	7.420	10.118	8.676
65.150	**65.200**	10.129	7.426	10.129	8.687
65.200	**65.250**	10.140	7.432	10.140	8.698
65.250	**65.300**	10.151	7.438	10.151	8.709
65.300	**65.350**	10.162	7.444	10.162	8.720
65.350	**65.400**	10.173	7.450	10.173	8.731
65.400	**65.450**	10.184	7.456	10.184	8.742
65.450	**65.500**	10.195	7.462	10.195	8.753
65.500	**65.550**	10.206	7.468	10.206	8.764
65.550	**65.600**	10.217	7.474	10.217	8.775
65.600	**65.650**	10.228	7.480	10.228	8.786
65.650	**65.700**	10.239	7.486	10.239	8.797
65.700	**65.750**	10.250	7.492	10.250	8.808
65.750	**65.800**	10.261	7.498	10.261	8.819
65.800	**65.850**	10.272	7.504	10.272	8.830
65.850	**65.900**	10.283	7.510	10.283	8.841
65.900	**65.950**	10.294	7.516	10.294	8.852
65.950	**66.000**	10.305	7.522	10.305	8.863

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
66.000					
66.000	**66.050**	10.316	7.528	10.316	8.874
66.050	**66.100**	10.327	7.534	10.327	8.885
66.100	**66.150**	10.338	7.540	10.338	8.896
66.150	**66.200**	10.349	7.546	10.349	8.907
66.200	**66.250**	10.360	7.552	10.360	8.918
66.250	**66.300**	10.371	7.558	10.371	8.929
66.300	**66.350**	10.382	7.564	10.382	8.940
66.350	**66.400**	10.393	7.570	10.393	8.951
66.400	**66.450**	10.404	7.576	10.404	8.962
66.450	**66.500**	10.415	7.582	10.415	8.973
66.500	**66.550**	10.426	7.588	10.426	8.984
66.550	**66.600**	10.437	7.594	10.437	8.995
66.600	**66.650**	10.448	7.600	10.448	9.006
66.650	**66.700**	10.459	7.606	10.459	9.017
66.700	**66.750**	10.470	7.612	10.470	9.028
66.750	**66.800**	10.481	7.618	10.481	9.039
66.800	**66.850**	10.492	7.624	10.492	9.050
66.850	**66.900**	10.503	7.630	10.503	9.061
66.900	**66.950**	10.514	7.636	10.514	9.072
66.950	**67.000**	10.525	7.642	10.525	9.083
67.000					
67.000	**67.050**	10.536	7.648	10.536	9.094
67.050	**67.100**	10.547	7.654	10.547	9.105
67.100	**67.150**	10.558	7.660	10.558	9.116
67.150	**67.200**	10.569	7.666	10.569	9.127
67.200	**67.250**	10.580	7.672	10.580	9.138
67.250	**67.300**	10.591	7.678	10.591	9.149
67.300	**67.350**	10.602	7.684	10.602	9.160
67.350	**67.400**	10.613	7.690	10.613	9.171
67.400	**67.450**	10.624	7.696	10.624	9.182
67.450	**67.500**	10.635	7.702	10.635	9.193
67.500	**67.550**	10.646	7.708	10.646	9.204
67.550	**67.600**	10.657	7.714	10.657	9.215
67.600	**67.650**	10.668	7.720	10.668	9.226
67.650	**67.700**	10.679	7.726	10.679	9.237
67.700	**67.750**	10.690	7.732	10.690	9.248
67.750	**67.800**	10.701	7.738	10.701	9.259
67.800	**67.850**	10.712	7.744	10.712	9.270
67.850	**67.900**	10.723	7.750	10.723	9.281
67.900	**67.950**	10.734	7.756	10.734	9.292
67.950	**68.000**	10.745	7.762	10.745	9.303
68.000					
68.000	**68.050**	10.756	7.768	10.756	9.314
68.050	**68.100**	10.767	7.774	10.767	9.325
68.100	**68.150**	10.778	7.780	10.778	9.336
68.150	**68.200**	10.789	7.786	10.789	9.347
68.200	**68.250**	10.800	7.792	10.800	9.358
68.250	**68.300**	10.811	7.798	10.811	9.369
68.300	**68.350**	10.822	7.804	10.822	9.380
68.350	**68.400**	10.833	7.810	10.833	9.391
68.400	**68.450**	10.844	7.816	10.844	9.402
68.450	**68.500**	10.855	7.822	10.855	9.413
68.500	**68.550**	10.866	7.828	10.866	9.424
68.550	**68.600**	10.877	7.834	10.877	9.435
68.600	**68.650**	10.888	7.840	10.888	9.446
68.650	**68.700**	10.899	7.846	10.899	9.457
68.700	**68.750**	10.910	7.852	10.910	9.468
68.750	**68.800**	10.921	7.858	10.921	9.479
68.800	**68.850**	10.932	7.864	10.932	9.490
68.850	**68.900**	10.943	7.870	10.943	9.501
68.900	**68.950**	10.954	7.876	10.954	9.512
68.950	**69.000**	10.965	7.882	10.965	9.523

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
69.000					
69.000	**69.050**	10.976	7.888	10.976	9.534
69.050	**69.100**	10.987	7.894	10.987	9.545
69.100	**69.150**	10.998	7.900	10.998	9.556
69.150	**69.200**	11.009	7.906	11.009	9.567
69.200	**69.250**	11.020	7.912	11.020	9.578
69.250	**69.300**	11.031	7.918	11.031	9.589
69.300	**69.350**	11.042	7.924	11.042	9.600
69.350	**69.400**	11.053	7.930	11.053	9.611
69.400	**69.450**	11.064	7.936	11.064	9.622
69.450	**69.500**	11.075	7.942	11.075	9.633
69.500	**69.550**	11.086	7.948	11.086	9.644
69.550	**69.600**	11.097	7.954	11.097	9.655
69.600	**69.650**	11.108	7.960	11.108	9.666
69.650	**69.700**	11.119	7.966	11.119	9.677
69.700	**69.750**	11.130	7.972	11.130	9.688
69.750	**69.800**	11.141	7.978	11.141	9.699
69.800	**69.850**	11.152	7.984	11.152	9.710
69.850	**69.900**	11.163	7.990	11.163	9.721
69.900	**69.950**	11.174	7.996	11.174	9.732
69.950	**70.000**	11.185	8.002	11.185	9.743
70.000					
70.000	**70.050**	11.196	8.008	11.196	9.754
70.050	**70.100**	11.207	8.014	11.207	9.765
70.100	**70.150**	11.218	8.020	11.218	9.776
70.150	**70.200**	11.229	8.026	11.229	9.787
70.200	**70.250**	11.240	8.032	11.240	9.798
70.250	**70.300**	11.251	8.038	11.251	9.809
70.300	**70.350**	11.262	8.044	11.262	9.820
70.350	**70.400**	11.273	8.050	11.273	9.831
70.400	**70.450**	11.284	8.056	11.284	9.842
70.450	**70.500**	11.295	8.062	11.295	9.853
70.500	**70.550**	11.306	8.068	11.306	9.864
70.550	**70.600**	11.317	8.074	11.317	9.875
70.600	**70.650**	11.328	8.080	11.328	9.886
70.650	**70.700**	11.339	8.086	11.339	9.897
70.700	**70.750**	11.350	8.092	11.350	9.908
70.750	**70.800**	11.361	8.098	11.361	9.919
70.800	**70.850**	11.372	8.104	11.372	9.930
70.850	**70.900**	11.383	8.110	11.383	9.941
70.900	**70.950**	11.394	8.116	11.394	9.952
70.950	**71.000**	11.405	8.122	11.405	9.963
71.000					
71.000	**71.050**	11.416	8.128	11.416	9.974
71.050	**71.100**	11.427	8.134	11.427	9.985
71.100	**71.150**	11.438	8.140	11.438	9.996
71.150	**71.200**	11.449	8.146	11.449	10.007
71.200	**71.250**	11.460	8.152	11.460	10.018
71.250	**71.300**	11.471	8.158	11.471	10.029
71.300	**71.350**	11.482	8.164	11.482	10.040
71.350	**71.400**	11.493	8.170	11.493	10.051
71.400	**71.450**	11.504	8.176	11.504	10.062
71.450	**71.500**	11.515	8.182	11.515	10.073
71.500	**71.550**	11.526	8.188	11.526	10.084
71.550	**71.600**	11.537	8.194	11.537	10.095
71.600	**71.650**	11.548	8.200	11.548	10.106
71.650	**71.700**	11.559	8.206	11.559	10.117
71.700	**71.750**	11.570	8.212	11.570	10.128
71.750	**71.800**	11.581	8.218	11.581	10.139
71.800	**71.850**	11.592	8.224	11.592	10.150
71.850	**71.900**	11.603	8.230	11.603	10.161
71.900	**71.950**	11.614	8.236	11.614	10.172
71.950	**72.000**	11.625	8.242	11.625	10.183

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
72.000					
72.000	**72.050**	11.636	8.248	11.636	10.194
72.050	**72.100**	11.647	8.254	11.647	10.205
72.100	**72.150**	11.658	8.260	11.658	10.216
72.150	**72.200**	11.669	8.266	11.669	10.227
72.200	**72.250**	11.680	8.272	11.680	10.238
72.250	**72.300**	11.691	8.278	11.691	10.249
72.300	**72.350**	11.702	8.284	11.702	10.260
72.350	**72.400**	11.713	8.290	11.713	10.271
72.400	**72.450**	11.724	8.296	11.724	10.282
72.450	**72.500**	11.735	8.302	11.735	10.293
72.500	**72.550**	11.746	8.308	11.746	10.304
72.550	**72.600**	11.757	8.314	11.757	10.315
72.600	**72.650**	11.768	8.320	11.768	10.326
72.650	**72.700**	11.779	8.326	11.779	10.337
72.700	**72.750**	11.790	8.332	11.790	10.348
72.750	**72.800**	11.801	8.338	11.801	10.359
72.800	**72.850**	11.812	8.344	11.812	10.370
72.850	**72.900**	11.823	8.350	11.823	10.381
72.900	**72.950**	11.834	8.356	11.834	10.392
72.950	**73.000**	11.845	8.362	11.845	10.403
73.000					
73.000	**73.050**	11.856	8.368	11.856	10.414
73.050	**73.100**	11.867	8.374	11.867	10.425
73.100	**73.150**	11.878	8.380	11.878	10.436
73.150	**73.200**	11.889	8.386	11.889	10.447
73.200	**73.250**	11.900	8.392	11.900	10.458
73.250	**73.300**	11.911	8.398	11.911	10.469
73.300	**73.350**	11.922	8.404	11.922	10.480
73.350	**73.400**	11.933	8.410	11.933	10.491
73.400	**73.450**	11.944	8.416	11.944	10.502
73.450	**73.500**	11.955	8.422	11.955	10.513
73.500	**73.550**	11.966	8.428	11.966	10.524
73.550	**73.600**	11.977	8.434	11.977	10.535
73.600	**73.650**	11.988	8.440	11.988	10.546
73.650	**73.700**	11.999	8.446	11.999	10.557
73.700	**73.750**	12.010	8.452	12.010	10.568
73.750	**73.800**	12.021	8.458	12.021	10.579
73.800	**73.850**	12.032	8.464	12.032	10.590
73.850	**73.900**	12.043	8.470	12.043	10.601
73.900	**73.950**	12.054	8.476	12.054	10.612
73.950	**74.000**	12.065	8.482	12.065	10.623
74.000					
74.000	**74.050**	12.076	8.488	12.076	10.634
74.050	**74.100**	12.087	8.494	12.087	10.645
74.100	**74.150**	12.098	8.500	12.098	10.656
74.150	**74.200**	12.109	8.506	12.109	10.667
74.200	**74.250**	12.120	8.512	12.120	10.678
74.250	**74.300**	12.131	8.518	12.131	10.689
74.300	**74.350**	12.142	8.524	12.142	10.700
74.350	**74.400**	12.153	8.530	12.153	10.711
74.400	**74.450**	12.164	8.536	12.164	10.722
74.450	**74.500**	12.175	8.542	12.175	10.733
74.500	**74.550**	12.186	8.548	12.186	10.744
74.550	**74.600**	12.197	8.554	12.197	10.755
74.600	**74.650**	12.208	8.560	12.208	10.766
74.650	**74.700**	12.219	8.566	12.219	10.777
74.700	**74.750**	12.230	8.572	12.230	10.788
74.750	**74.800**	12.241	8.578	12.241	10.799
74.800	**74.850**	12.252	8.584	12.252	10.810
74.850	**74.900**	12.263	8.590	12.263	10.821
74.900	**74.950**	12.274	8.596	12.274	10.832
74.950	**75.000**	12.285	8.602	12.285	10.843

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
75.000					
75.000	**75.050**	12.296	8.608	12.296	10.854
75.050	**75.100**	12.307	8.614	12.307	10.865
75.100	**75.150**	12.318	8.620	12.318	10.876
75.150	**75.200**	12.329	8.626	12.329	10.887
75.200	**75.250**	12.340	8.632	12.340	10.898
75.250	**75.300**	12.351	8.638	12.351	10.909
75.300	**75.350**	12.362	8.644	12.362	10.920
75.350	**75.400**	12.373	8.650	12.373	10.931
75.400	**75.450**	12.384	8.656	12.384	10.942
75.450	**75.500**	12.395	8.662	12.395	10.953
75.500	**75.550**	12.406	8.668	12.406	10.964
75.550	**75.600**	12.417	8.674	12.417	10.975
75.600	**75.650**	12.428	8.680	12.428	10.986
75.650	**75.700**	12.439	8.686	12.439	10.997
75.700	**75.750**	12.450	8.692	12.450	11.008
75.750	**75.800**	12.461	8.698	12.461	11.019
75.800	**75.850**	12.472	8.704	12.472	11.030
75.850	**75.900**	12.483	8.710	12.483	11.041
75.900	**75.950**	12.494	8.716	12.494	11.052
75.950	**76.000**	12.505	8.722	12.505	11.063
76.000					
76.000	**76.050**	12.516	8.728	12.516	11.074
76.050	**76.100**	12.527	8.734	12.527	11.085
76.100	**76.150**	12.538	8.740	12.538	11.096
76.150	**76.200**	12.549	8.746	12.549	11.107
76.200	**76.250**	12.560	8.752	12.560	11.118
76.250	**76.300**	12.571	8.758	12.571	11.129
76.300	**76.350**	12.582	8.764	12.582	11.140
76.350	**76.400**	12.593	8.770	12.593	11.151
76.400	**76.450**	12.604	8.776	12.604	11.162
76.450	**76.500**	12.615	8.782	12.615	11.173
76.500	**76.550**	12.626	8.788	12.626	11.184
76.550	**76.600**	12.637	8.794	12.637	11.195
76.600	**76.650**	12.648	8.800	12.648	11.206
76.650	**76.700**	12.659	8.806	12.659	11.217
76.700	**76.750**	12.670	8.812	12.670	11.228
76.750	**76.800**	12.681	8.818	12.681	11.239
76.800	**76.850**	12.692	8.824	12.692	11.250
76.850	**76.900**	12.703	8.830	12.703	11.261
76.900	**76.950**	12.714	8.836	12.714	11.272
76.950	**77.000**	12.725	8.842	12.725	11.283
77.000					
77.000	**77.050**	12.736	8.848	12.736	11.294
77.050	**77.100**	12.747	8.854	12.747	11.305
77.100	**77.150**	12.758	8.860	12.758	11.316
77.150	**77.200**	12.769	8.866	12.769	11.327
77.200	**77.250**	12.780	8.872	12.780	11.338
77.250	**77.300**	12.791	8.878	12.791	11.349
77.300	**77.350**	12.802	8.884	12.802	11.360
77.350	**77.400**	12.813	8.890	12.813	11.371
77.400	**77.450**	12.824	8.896	12.824	11.382
77.450	**77.500**	12.835	8.902	12.835	11.393
77.500	**77.550**	12.846	8.908	12.846	11.404
77.550	**77.600**	12.857	8.914	12.857	11.415
77.600	**77.650**	12.868	8.920	12.868	11.426
77.650	**77.700**	12.879	8.926	12.879	11.437
77.700	**77.750**	12.890	8.932	12.890	11.448
77.750	**77.800**	12.901	8.938	12.901	11.459
77.800	**77.850**	12.912	8.944	12.912	11.470
77.850	**77.900**	12.923	8.950	12.923	11.481
77.900	**77.950**	12.934	8.956	12.934	11.492
77.950	**78.000**	12.945	8.962	12.945	11.503

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
78.000					
78.000	**78.050**	12.956	8.968	12.956	11.514
78.050	**78.100**	12.967	8.974	12.967	11.525
78.100	**78.150**	12.978	8.980	12.978	11.536
78.150	**78.200**	12.989	8.986	12.989	11.547
78.200	**78.250**	13.000	8.992	13.000	11.558
78.250	**78.300**	13.011	8.998	13.011	11.569
78.300	**78.350**	13.022	9.004	13.022	11.580
78.350	**78.400**	13.033	9.010	13.033	11.591
78.400	**78.450**	13.044	9.016	13.044	11.602
78.450	**78.500**	13.055	9.022	13.055	11.613
78.500	**78.550**	13.066	9.028	13.066	11.624
78.550	**78.600**	13.077	9.034	13.077	11.635
78.600	**78.650**	13.088	9.040	13.088	11.646
78.650	**78.700**	13.099	9.046	13.099	11.657
78.700	**78.750**	13.110	9.052	13.110	11.668
78.750	**78.800**	13.121	9.058	13.121	11.679
78.800	**78.850**	13.132	9.064	13.132	11.690
78.850	**78.900**	13.143	9.070	13.143	11.701
78.900	**78.950**	13.154	9.076	13.154	11.712
78.950	**79.000**	13.165	9.082	13.165	11.723
79.000					
79.000	**79.050**	13.176	9.088	13.176	11.734
79.050	**79.100**	13.187	9.094	13.187	11.745
79.100	**79.150**	13.198	9.100	13.198	11.756
79.150	**79.200**	13.209	9.106	13.209	11.767
79.200	**79.250**	13.220	9.112	13.220	11.778
79.250	**79.300**	13.231	9.118	13.231	11.789
79.300	**79.350**	13.242	9.124	13.242	11.800
79.350	**79.400**	13.253	9.130	13.253	11.811
79.400	**79.450**	13.264	9.136	13.264	11.822
79.450	**79.500**	13.275	9.142	13.275	11.833
79.500	**79.550**	13.286	9.148	13.286	11.844
79.550	**79.600**	13.297	9.154	13.297	11.855
79.600	**79.650**	13.308	9.160	13.308	11.866
79.650	**79.700**	13.319	9.166	13.319	11.877
79.700	**79.750**	13.330	9.172	13.330	11.888
79.750	**79.800**	13.341	9.178	13.341	11.899
79.800	**79.850**	13.352	9.184	13.352	11.910
79.850	**79.900**	13.363	9.190	13.363	11.921
79.900	**79.950**	13.374	9.196	13.374	11.932
79.950	**80.000**	13.385	9.202	13.385	11.943
80.000					
80.000	**80.050**	13.396	9.208	13.396	11.954
80.050	**80.100**	13.407	9.214	13.407	11.965
80.100	**80.150**	13.418	9.220	13.418	11.976
80.150	**80.200**	13.429	9.226	13.429	11.987
80.200	**80.250**	13.440	9.232	13.440	11.998
80.250	**80.300**	13.451	9.241	13.451	12.009
80.300	**80.350**	13.462	9.252	13.462	12.020
80.350	**80.400**	13.473	9.263	13.473	12.031
80.400	**80.450**	13.484	9.274	13.484	12.042
80.450	**80.500**	13.495	9.285	13.495	12.053
80.500	**80.550**	13.506	9.296	13.506	12.064
80.550	**80.600**	13.517	9.307	13.517	12.075
80.600	**80.650**	13.528	9.318	13.528	12.086
80.650	**80.700**	13.539	9.329	13.539	12.097
80.700	**80.750**	13.550	9.340	13.550	12.108
80.750	**80.800**	13.561	9.351	13.561	12.119
80.800	**80.850**	13.572	9.362	13.572	12.130
80.850	**80.900**	13.583	9.373	13.583	12.141
80.900	**80.950**	13.594	9.384	13.594	12.152
80.950	**81.000**	13.605	9.395	13.605	12.163

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
81.000					
81.000	**81.050**	13.616	9.406	13.616	12.174
81.050	**81.100**	13.627	9.417	13.627	12.185
81.100	**81.150**	13.638	9.428	13.638	12.196
81.150	**81.200**	13.649	9.439	13.649	12.207
81.200	**81.250**	13.660	9.450	13.660	12.218
81.250	**81.300**	13.671	9.461	13.671	12.229
81.300	**81.350**	13.682	9.472	13.682	12.240
81.350	**81.400**	13.693	9.483	13.693	12.251
81.400	**81.450**	13.704	9.494	13.704	12.262
81.450	**81.500**	13.715	9.505	13.715	12.273
81.500	**81.550**	13.726	9.516	13.726	12.284
81.550	**81.600**	13.737	9.527	13.737	12.295
81.600	**81.650**	13.748	9.538	13.748	12.306
81.650	**81.700**	13.759	9.549	13.759	12.317
81.700	**81.750**	13.770	9.560	13.770	12.328
81.750	**81.800**	13.781	9.571	13.781	12.339
81.800	**81.850**	13.792	9.582	13.792	12.350
81.850	**81.900**	13.803	9.593	13.803	12.361
81.900	**81.950**	13.814	9.604	13.814	12.372
81.950	**82.000**	13.825	9.615	13.825	12.383
82.000					
82.000	**82.050**	13.836	9.626	13.836	12.394
82.050	**82.100**	13.847	9.637	13.847	12.405
82.100	**82.150**	13.858	9.648	13.858	12.416
82.150	**82.200**	13.869	9.659	13.869	12.427
82.200	**82.250**	13.880	9.670	13.880	12.438
82.250	**82.300**	13.891	9.681	13.891	12.449
82.300	**82.350**	13.902	9.692	13.902	12.460
82.350	**82.400**	13.913	9.703	13.913	12.471
82.400	**82.450**	13.924	9.714	13.924	12.482
82.450	**82.500**	13.935	9.725	13.935	12.493
82.500	**82.550**	13.946	9.736	13.946	12.504
82.550	**82.600**	13.957	9.747	13.957	12.515
82.600	**82.650**	13.968	9.758	13.968	12.526
82.650	**82.700**	13.979	9.769	13.979	12.537
82.700	**82.750**	13.990	9.780	13.990	12.548
82.750	**82.800**	14.001	9.791	14.001	12.559
82.800	**82.850**	14.012	9.802	14.012	12.570
82.850	**82.900**	14.023	9.813	14.023	12.581
82.900	**82.950**	14.034	9.824	14.034	12.592
82.950	**83.000**	14.045	9.835	14.045	12.603
83.000					
83.000	**83.050**	14.056	9.846	14.056	12.614
83.050	**83.100**	14.067	9.857	14.067	12.625
83.100	**83.150**	14.078	9.868	14.078	12.636
83.150	**83.200**	14.089	9.879	14.089	12.647
83.200	**83.250**	14.100	9.890	14.100	12.658
83.250	**83.300**	14.111	9.901	14.111	12.669
83.300	**83.350**	14.122	9.912	14.122	12.680
83.350	**83.400**	14.133	9.923	14.133	12.691
83.400	**83.450**	14.144	9.934	14.144	12.702
83.450	**83.500**	14.155	9.945	14.155	12.713
83.500	**83.550**	14.166	9.956	14.166	12.724
83.550	**83.600**	14.177	9.967	14.177	12.735
83.600	**83.650**	14.188	9.978	14.188	12.746
83.650	**83.700**	14.199	9.989	14.199	12.757
83.700	**83.750**	14.210	10.000	14.210	12.768
83.750	**83.800**	14.221	10.011	14.221	12.779
83.800	**83.850**	14.232	10.022	14.232	12.790
83.850	**83.900**	14.243	10.033	14.243	12.801
83.900	**83.950**	14.254	10.044	14.254	12.812
83.950	**84.000**	14.265	10.055	14.265	12.823

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
84.000					
84.000	**84.050**	14.276	10.066	14.276	12.834
84.050	**84.100**	14.287	10.077	14.287	12.845
84.100	**84.150**	14.298	10.088	14.298	12.856
84.150	**84.200**	14.309	10.099	14.309	12.867
84.200	**84.250**	14.320	10.110	14.320	12.878
84.250	**84.300**	14.331	10.121	14.331	12.889
84.300	**84.350**	14.342	10.132	14.342	12.900
84.350	**84.400**	14.353	10.143	14.353	12.911
84.400	**84.450**	14.364	10.154	14.364	12.922
84.450	**84.500**	14.375	10.165	14.375	12.933
84.500	**84.550**	14.386	10.176	14.386	12.944
84.550	**84.600**	14.397	10.187	14.397	12.955
84.600	**84.650**	14.408	10.198	14.408	12.966
84.650	**84.700**	14.419	10.209	14.419	12.977
84.700	**84.750**	14.430	10.220	14.430	12.988
84.750	**84.800**	14.441	10.231	14.441	12.999
84.800	**84.850**	14.452	10.242	14.452	13.010
84.850	**84.900**	14.463	10.253	14.463	13.021
84.900	**84.950**	14.474	10.264	14.474	13.032
84.950	**85.000**	14.485	10.275	14.485	13.043
85.000					
85.000	**85.050**	14.496	10.286	14.496	13.054
85.050	**85.100**	14.507	10.297	14.507	13.065
85.100	**85.150**	14.518	10.308	14.518	13.076
85.150	**85.200**	14.529	10.319	14.529	13.087
85.200	**85.250**	14.540	10.330	14.540	13.098
85.250	**85.300**	14.551	10.341	14.551	13.109
85.300	**85.350**	14.562	10.352	14.562	13.120
85.350	**85.400**	14.573	10.363	14.573	13.131
85.400	**85.450**	14.584	10.374	14.584	13.142
85.450	**85.500**	14.595	10.385	14.595	13.153
85.500	**85.550**	14.606	10.396	14.606	13.164
85.550	**85.600**	14.618	10.407	14.618	13.176
85.600	**85.650**	14.630	10.418	14.630	13.188
85.650	**85.700**	14.642	10.429	14.642	13.200
85.700	**85.750**	14.654	10.440	14.654	13.212
85.750	**85.800**	14.666	10.451	14.666	13.224
85.800	**85.850**	14.678	10.462	14.678	13.236
85.850	**85.900**	14.690	10.473	14.690	13.248
85.900	**85.950**	14.702	10.484	14.702	13.260
85.950	**86.000**	14.714	10.495	14.714	13.272
86.000					
86.000	**86.050**	14.726	10.506	14.726	13.284
86.050	**86.100**	14.738	10.517	14.738	13.296
86.100	**86.150**	14.750	10.528	14.750	13.308
86.150	**86.200**	14.762	10.539	14.762	13.320
86.200	**86.250**	14.774	10.550	14.774	13.332
86.250	**86.300**	14.786	10.561	14.786	13.344
86.300	**86.350**	14.798	10.572	14.798	13.356
86.350	**86.400**	14.810	10.583	14.810	13.368
86.400	**86.450**	14.822	10.594	14.822	13.380
86.450	**86.500**	14.834	10.605	14.834	13.392
86.500	**86.550**	14.846	10.616	14.846	13.404
86.550	**86.600**	14.858	10.627	14.858	13.416
86.600	**86.650**	14.870	10.638	14.870	13.428
86.650	**86.700**	14.882	10.649	14.882	13.440
86.700	**86.750**	14.894	10.660	14.894	13.452
86.750	**86.800**	14.906	10.671	14.906	13.464
86.800	**86.850**	14.918	10.682	14.918	13.476
86.850	**86.900**	14.930	10.693	14.930	13.488
86.900	**86.950**	14.942	10.704	14.942	13.500
86.950	**87.000**	14.954	10.715	14.954	13.512

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
87.000					
87.000	**87.050**	14.966	10.726	14.966	13.524
87.050	**87.100**	14.978	10.737	14.978	13.536
87.100	**87.150**	14.990	10.748	14.990	13.548
87.150	**87.200**	15.002	10.759	15.002	13.560
87.200	**87.250**	15.014	10.770	15.014	13.572
87.250	**87.300**	15.026	10.781	15.026	13.584
87.300	**87.350**	15.038	10.792	15.038	13.596
87.350	**87.400**	15.050	10.803	15.050	13.608
87.400	**87.450**	15.062	10.814	15.062	13.620
87.450	**87.500**	15.074	10.825	15.074	13.632
87.500	**87.550**	15.086	10.836	15.086	13.644
87.550	**87.600**	15.098	10.847	15.098	13.656
87.600	**87.650**	15.110	10.858	15.110	13.668
87.650	**87.700**	15.122	10.869	15.122	13.680
87.700	**87.750**	15.134	10.880	15.134	13.692
87.750	**87.800**	15.146	10.891	15.146	13.704
87.800	**87.850**	15.158	10.902	15.158	13.716
87.850	**87.900**	15.170	10.913	15.170	13.728
87.900	**87.950**	15.182	10.924	15.182	13.740
87.950	**88.000**	15.194	10.935	15.194	13.752
88.000					
88.000	**88.050**	15.206	10.946	15.206	13.764
88.050	**88.100**	15.218	10.957	15.218	13.776
88.100	**88.150**	15.230	10.968	15.230	13.788
88.150	**88.200**	15.242	10.979	15.242	13.800
88.200	**88.250**	15.254	10.990	15.254	13.812
88.250	**88.300**	15.266	11.001	15.266	13.824
88.300	**88.350**	15.278	11.012	15.278	13.836
88.350	**88.400**	15.290	11.023	15.290	13.848
88.400	**88.450**	15.302	11.034	15.302	13.860
88.450	**88.500**	15.314	11.045	15.314	13.872
88.500	**88.550**	15.326	11.056	15.326	13.884
88.550	**88.600**	15.338	11.067	15.338	13.896
88.600	**88.650**	15.350	11.078	15.350	13.908
88.650	**88.700**	15.362	11.089	15.362	13.920
88.700	**88.750**	15.374	11.100	15.374	13.932
88.750	**88.800**	15.386	11.111	15.386	13.944
88.800	**88.850**	15.398	11.122	15.398	13.956
88.850	**88.900**	15.410	11.133	15.410	13.968
88.900	**88.950**	15.422	11.144	15.422	13.980
88.950	**89.000**	15.434	11.155	15.434	13.992
89.000					
89.000	**89.050**	15.446	11.166	15.446	14.004
89.050	**89.100**	15.458	11.177	15.458	14.016
89.100	**89.150**	15.470	11.188	15.470	14.028
89.150	**89.200**	15.482	11.199	15.482	14.040
89.200	**89.250**	15.494	11.210	15.494	14.052
89.250	**89.300**	15.506	11.221	15.506	14.064
89.300	**89.350**	15.518	11.232	15.518	14.076
89.350	**89.400**	15.530	11.243	15.530	14.088
89.400	**89.450**	15.542	11.254	15.542	14.100
89.450	**89.500**	15.554	11.265	15.554	14.112
89.500	**89.550**	15.566	11.276	15.566	14.124
89.550	**89.600**	15.578	11.287	15.578	14.136
89.600	**89.650**	15.590	11.298	15.590	14.148
89.650	**89.700**	15.602	11.309	15.602	14.160
89.700	**89.750**	15.614	11.320	15.614	14.172
89.750	**89.800**	15.626	11.331	15.626	14.184
89.800	**89.850**	15.638	11.342	15.638	14.196
89.850	**89.900**	15.650	11.353	15.650	14.208
89.900	**89.950**	15.662	11.364	15.662	14.220
89.950	**90.000**	15.674	11.375	15.674	14.232

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
90.000					
90.000	**90.050**	15.686	11.386	15.686	14.244
90.050	**90.100**	15.698	11.397	15.698	14.256
90.100	**90.150**	15.710	11.408	15.710	14.268
90.150	**90.200**	15.722	11.419	15.722	14.280
90.200	**90.250**	15.734	11.430	15.734	14.292
90.250	**90.300**	15.746	11.441	15.746	14.304
90.300	**90.350**	15.758	11.452	15.758	14.316
90.350	**90.400**	15.770	11.463	15.770	14.328
90.400	**90.450**	15.782	11.474	15.782	14.340
90.450	**90.500**	15.794	11.485	15.794	14.352
90.500	**90.550**	15.806	11.496	15.806	14.364
90.550	**90.600**	15.818	11.507	15.818	14.376
90.600	**90.650**	15.830	11.518	15.830	14.388
90.650	**90.700**	15.842	11.529	15.842	14.400
90.700	**90.750**	15.854	11.540	15.854	14.412
90.750	**90.800**	15.866	11.551	15.866	14.424
90.800	**90.850**	15.878	11.562	15.878	14.436
90.850	**90.900**	15.890	11.573	15.890	14.448
90.900	**90.950**	15.902	11.584	15.902	14.460
90.950	**91.000**	15.914	11.595	15.914	14.472
91.000					
91.000	**91.050**	15.926	11.606	15.926	14.484
91.050	**91.100**	15.938	11.617	15.938	14.496
91.100	**91.150**	15.950	11.628	15.950	14.508
91.150	**91.200**	15.962	11.639	15.962	14.520
91.200	**91.250**	15.974	11.650	15.974	14.532
91.250	**91.300**	15.986	11.661	15.986	14.544
91.300	**91.350**	15.998	11.672	15.998	14.556
91.350	**91.400**	16.010	11.683	16.010	14.568
91.400	**91.450**	16.022	11.694	16.022	14.580
91.450	**91.500**	16.034	11.705	16.034	14.592
91.500	**91.550**	16.046	11.716	16.046	14.604
91.550	**91.600**	16.058	11.727	16.058	14.616
91.600	**91.650**	16.070	11.738	16.070	14.628
91.650	**91.700**	16.082	11.749	16.082	14.640
91.700	**91.750**	16.094	11.760	16.094	14.652
91.750	**91.800**	16.106	11.771	16.106	14.664
91.800	**91.850**	16.118	11.782	16.118	14.676
91.850	**91.900**	16.130	11.793	16.130	14.688
91.900	**91.950**	16.142	11.804	16.142	14.700
91.950	**92.000**	16.154	11.815	16.154	14.712
92.000					
92.000	**92.050**	16.166	11.826	16.166	14.724
92.050	**92.100**	16.178	11.837	16.178	14.736
92.100	**92.150**	16.190	11.848	16.190	14.748
92.150	**92.200**	16.202	11.859	16.202	14.760
92.200	**92.250**	16.214	11.870	16.214	14.772
92.250	**92.300**	16.226	11.881	16.226	14.784
92.300	**92.350**	16.238	11.892	16.238	14.796
92.350	**92.400**	16.250	11.903	16.250	14.808
92.400	**92.450**	16.262	11.914	16.262	14.820
92.450	**92.500**	16.274	11.925	16.274	14.832
92.500	**92.550**	16.286	11.936	16.286	14.844
92.550	**92.600**	16.298	11.947	16.298	14.856
92.600	**92.650**	16.310	11.958	16.310	14.868
92.650	**92.700**	16.322	11.969	16.322	14.880
92.700	**92.750**	16.334	11.980	16.334	14.892
92.750	**92.800**	16.346	11.991	16.346	14.904
92.800	**92.850**	16.358	12.002	16.358	14.916
92.850	**92.900**	16.370	12.013	16.370	14.928
92.900	**92.950**	16.382	12.024	16.382	14.940
92.950	**93.000**	16.394	12.035	16.394	14.952

(Tiếp tục)

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
93.000					
93.000	**93.050**	16.406	12.046	16.406	14.964
93.050	**93.100**	16.418	12.057	16.418	14.976
93.100	**93.150**	16.430	12.068	16.430	14.988
93.150	**93.200**	16.442	12.079	16.442	15.000
93.200	**93.250**	16.454	12.090	16.454	15.012
93.250	**93.300**	16.466	12.101	16.466	15.024
93.300	**93.350**	16.478	12.112	16.478	15.036
93.350	**93.400**	16.490	12.123	16.490	15.048
93.400	**93.450**	16.502	12.134	16.502	15.060
93.450	**93.500**	16.514	12.145	16.514	15.072
93.500	**93.550**	16.526	12.156	16.526	15.084
93.550	**93.600**	16.538	12.167	16.538	15.096
93.600	**93.650**	16.550	12.178	16.550	15.108
93.650	**93.700**	16.562	12.189	16.562	15.120
93.700	**93.750**	16.574	12.200	16.574	15.132
93.750	**93.800**	16.586	12.211	16.586	15.144
93.800	**93.850**	16.598	12.222	16.598	15.156
93.850	**93.900**	16.610	12.233	16.610	15.168
93.900	**93.950**	16.622	12.244	16.622	15.180
93.950	**94.000**	16.634	12.255	16.634	15.192
94.000					
94.000	**94.050**	16.646	12.266	16.646	15.204
94.050	**94.100**	16.658	12.277	16.658	15.216
94.100	**94.150**	16.670	12.288	16.670	15.228
94.150	**94.200**	16.682	12.299	16.682	15.240
94.200	**94.250**	16.694	12.310	16.694	15.252
94.250	**94.300**	16.706	12.321	16.706	15.264
94.300	**94.350**	16.718	12.332	16.718	15.276
94.350	**94.400**	16.730	12.343	16.730	15.288
94.400	**94.450**	16.742	12.354	16.742	15.300
94.450	**94.500**	16.754	12.365	16.754	15.312
94.500	**94.550**	16.766	12.376	16.766	15.324
94.550	**94.600**	16.778	12.387	16.778	15.336
94.600	**94.650**	16.790	12.398	16.790	15.348
94.650	**94.700**	16.802	12.409	16.802	15.360
94.700	**94.750**	16.814	12.420	16.814	15.372
94.750	**94.800**	16.826	12.431	16.826	15.384
94.800	**94.850**	16.838	12.442	16.838	15.396
94.850	**94.900**	16.850	12.453	16.850	15.408
94.900	**94.950**	16.862	12.464	16.862	15.420
94.950	**95.000**	16.874	12.475	16.874	15.432
95.000					
95.000	**95.050**	16.886	12.486	16.886	15.444
95.050	**95.100**	16.898	12.497	16.898	15.456
95.100	**95.150**	16.910	12.508	16.910	15.468
95.150	**95.200**	16.922	12.519	16.922	15.480
95.200	**95.250**	16.934	12.530	16.934	15.492
95.250	**95.300**	16.946	12.541	16.946	15.504
95.300	**95.350**	16.958	12.552	16.958	15.516
95.350	**95.400**	16.970	12.563	16.970	15.528
95.400	**95.450**	16.982	12.574	16.982	15.540
95.450	**95.500**	16.994	12.585	16.994	15.552
95.500	**95.550**	17.006	12.596	17.006	15.564
95.550	**95.600**	17.018	12.607	17.018	15.576
95.600	**95.650**	17.030	12.618	17.030	15.588
95.650	**95.700**	17.042	12.629	17.042	15.600
95.700	**95.750**	17.054	12.640	17.054	15.612
95.750	**95.800**	17.066	12.651	17.066	15.624
95.800	**95.850**	17.078	12.662	17.078	15.636
95.850	**95.900**	17.090	12.673	17.090	15.648
95.900	**95.950**	17.102	12.684	17.102	15.660
95.950	**96.000**	17.114	12.695	17.114	15.672

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
96.000					
96.000	**96.050**	17.126	12.706	17.126	15.684
96.050	**96.100**	17.138	12.717	17.138	15.696
96.100	**96.150**	17.150	12.728	17.150	15.708
96.150	**96.200**	17.162	12.739	17.162	15.720
96.200	**96.250**	17.174	12.750	17.174	15.732
96.250	**96.300**	17.186	12.761	17.186	15.744
96.300	**96.350**	17.198	12.772	17.198	15.756
96.350	**96.400**	17.210	12.783	17.210	15.768
96.400	**96.450**	17.222	12.794	17.222	15.780
96.450	**96.500**	17.234	12.805	17.234	15.792
96.500	**96.550**	17.246	12.816	17.246	15.804
96.550	**96.600**	17.258	12.827	17.258	15.816
96.600	**96.650**	17.270	12.838	17.270	15.828
96.650	**96.700**	17.282	12.849	17.282	15.840
96.700	**96.750**	17.294	12.860	17.294	15.852
96.750	**96.800**	17.306	12.871	17.306	15.864
96.800	**96.850**	17.318	12.882	17.318	15.876
96.850	**96.900**	17.330	12.893	17.330	15.888
96.900	**96.950**	17.342	12.904	17.342	15.900
96.950	**97.000**	17.354	12.915	17.354	15.912
97.000					
97.000	**97.050**	17.366	12.926	17.366	15.924
97.050	**97.100**	17.378	12.937	17.378	15.936
97.100	**97.150**	17.390	12.948	17.390	15.948
97.150	**97.200**	17.402	12.959	17.402	15.960
97.200	**97.250**	17.414	12.970	17.414	15.972
97.250	**97.300**	17.426	12.981	17.426	15.984
97.300	**97.350**	17.438	12.992	17.438	15.996
97.350	**97.400**	17.450	13.003	17.450	16.008
97.400	**97.450**	17.462	13.014	17.462	16.020
97.450	**97.500**	17.474	13.025	17.474	16.032
97.500	**97.550**	17.486	13.036	17.486	16.044
97.550	**97.600**	17.498	13.047	17.498	16.056
97.600	**97.650**	17.510	13.058	17.510	16.068
97.650	**97.700**	17.522	13.069	17.522	16.080
97.700	**97.750**	17.534	13.080	17.534	16.092
97.750	**97.800**	17.546	13.091	17.546	16.104
97.800	**97.850**	17.558	13.102	17.558	16.116
97.850	**97.900**	17.570	13.113	17.570	16.128
97.900	**97.950**	17.582	13.124	17.582	16.140
97.950	**98.000**	17.594	13.135	17.594	16.152
98.000					
98.000	**98.050**	17.606	13.146	17.606	16.164
98.050	**98.100**	17.618	13.157	17.618	16.176
98.100	**98.150**	17.630	13.168	17.630	16.188
98.150	**98.200**	17.642	13.179	17.642	16.200
98.200	**98.250**	17.654	13.190	17.654	16.212
98.250	**98.300**	17.666	13.201	17.666	16.224
98.300	**98.350**	17.678	13.212	17.678	16.236
98.350	**98.400**	17.690	13.223	17.690	16.248
98.400	**98.450**	17.702	13.234	17.702	16.260
98.450	**98.500**	17.714	13.245	17.714	16.272
98.500	**98.550**	17.726	13.256	17.726	16.284
98.550	**98.600**	17.738	13.267	17.738	16.296
98.600	**98.650**	17.750	13.278	17.750	16.308
98.650	**98.700**	17.762	13.289	17.762	16.320
98.700	**98.750**	17.774	13.300	17.774	16.332
98.750	**98.800**	17.786	13.311	17.786	16.344
98.800	**98.850**	17.798	13.322	17.798	16.356
98.850	**98.900**	17.810	13.333	17.810	16.368
98.900	**98.950**	17.822	13.344	17.822	16.380
98.950	**99.000**	17.834	13.355	17.834	16.392

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
Tối thiểu	Nhưng chưa đến	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ gia đình
		Tiền thuế của quý vị là-			
99.000					
99.000	**99.050**	17.846	13.366	17.846	16.404
99.050	**99.100**	17.858	13.377	17.858	16.416
99.100	**99.150**	17.870	13.388	17.870	16.428
99.150	**99.200**	17.882	13.399	17.882	16.440
99.200	**99.250**	17.894	13.410	17.894	16.452
99.250	**99.300**	17.906	13.421	17.906	16.464
99.300	**99.350**	17.918	13.432	17.918	16.476
99.350	**99.400**	17.930	13.443	17.930	16.488
99.400	**99.450**	17.942	13.454	17.942	16.500
99.450	**99.500**	17.954	13.465	17.954	16.512
99.500	**99.550**	17.966	13.476	17.966	16.524
99.550	**99.600**	17.978	13.487	17.978	16.536
99.600	**99.650**	17.990	13.498	17.990	16.548
99.650	**99.700**	18.002	13.509	18.002	16.560
99.700	**99.750**	18.014	13.520	18.014	16.572
99.750	**99.800**	18.026	13.531	18.026	16.584
99.800	**99.850**	18.038	13.542	18.038	16.596
99.850	**99.900**	18.050	13.553	18.050	16.608
99.900	**99.950**	18.062	13.564	18.062	16.620
99.950	**100.000**	18.074	13.575	18.074	16.632

$100.000 trở lên,
sử dụng Mẫu Tính Thuế

* Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn cũng phải sử dụng cột này.

Mẫu Tính Thuế 2020 – Dòng 16

Xem Dòng 16 *trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR để xem quý vị có phải sử dụng mẫu tính toán dưới đây khi tính thuế không.*

Lưu ý. Nếu quý vị phải sử dụng mẫu tính toán này để tính tiền thuế trên một số tiền từ một mẫu khác hoặc mẫu tính toán khác, chẳng hạn như Mẫu Tính Toán Thuế trên Cổ Tức và Lợi Nhuận Đầu Tư Đủ Tiêu Chuẩn, Bản Khai D Mẫu Tính Toán Thuế, Bản Khai J, Mẫu 8615 hoặc Mẫu Tính Toán Thuế cho Thu Nhập Kiếm Được Ở Nước Ngoài, hãy nhập số tiền từ mẫu đó hoặc mẫu tính toán đó trong cột (a) của hàng tương ứng với số tiền mà quý vị đang tra cứu. Nhập kết quả tìm được trên dòng thích hợp của mẫu hoặc mẫu tính toán mà quý vị đang điền.

Mục A-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Độc Thân.** Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	**(a)** Nhập số tiền từ dòng 15	**(b)** Số nhân	**(c)** Nhân (a) với (b)	**(d)** Số trừ	**Thuế.** Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Tối thiểu $100.000 nhưng không quá $163.300	$	× 24% (0,24)	$	$ 5.920,50	$
Trên $163.300 nhưng không quá $207.350	$	× 32% (0,32)	$	$ 18.984,50	$
Trên $207.350 nhưng không quá $518.400	$	× 35% (0,35)	$	$ 25.205,00	$
Trên $518.400	$	× 37% (0,37)	$	$ 35.573,00	$

Mục B-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế** hoặc **Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn.** Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	**(a)** Nhập số tiền từ dòng 15	**(b)** Số nhân	**(c)** Nhân (a) với (b)	**(d)** Số trừ	**Thuế.** Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Tối thiểu $100.000 nhưng không quá $171.050	$	× 22% (0,22)	$	$ 8.420,00	$
Trên $171.050 nhưng không quá $326.600	$	× 24% (0,24)	$	$ 11.841,00	$
Trên $326.600 nhưng không quá $414.700	$	× 32% (0,32)	$	$ 37.969,00	$
Trên $414.700 nhưng không quá $622.050	$	× 35% (0,35)	$	$ 50.410,00	$
Trên $622.050	$	× 37% (0,37)	$	$ 62.851,00	$

Mục C-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.** Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	**(a)** Nhập số tiền từ dòng 15	**(b)** Số nhân	**(c)** Nhân (a) với (b)	**(d)** Số trừ	**Thuế.** Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Tối thiểu $100.000 nhưng không quá $163.300	$	× 24% (0,24)	$	$ 5.920,50	$
Trên $163.300 nhưng không quá $207.350	$	× 32% (0,32)	$	$ 18.984,50	$
Trên $207.350 nhưng không quá $311.025	$	× 35% (0,35)	$	$ 25.205,00	$
Trên $311.025	$	× 37% (0,37)	$	$ 31.425,50	$

Mục D-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Chủ gia đình.** Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	**(a)** Nhập số tiền từ dòng 15	**(b)** Số nhân	**(c)** Nhân (a) với (b)	**(d)** Số trừ	**Thuế.** Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Tối thiểu $100.000 nhưng không quá $163.300	$	× 24% (0,24)	$	$ 7.362,00	$
Trên $163.300 nhưng không quá $207.350	$	× 32% (0,32)	$	$ 20.426,00	$
Trên $207.350 nhưng không quá $518.400	$	× 35% (0,35)	$	$ 26.646,50	$
Trên $518.400	$	× 37% (0,37)	$	$ 37.014,50	$

Khung Thuế Suất 2020

Khung Thuế Suất được trình bày để quý vị có thể xem mức thuế suất áp dụng cho tất cả các mức thu nhập chịu thuế. Vui lòng không sử dụng để tính tiền thuế của quý vị. Thay vào đó, hãy xem chương 13.

Bản Khai X —Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Độc Thân.**

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị: Trên—	Nhưng không quá—	Tiền thuế bằng:	của số tiền trên—
$0	$9,875	**- - - - - - - 10%**	**$0**
9,875	40,125	**$987.50 + 12%**	**9,875**
40,125	85,525	**4,617.50 + 22%**	**40,125**
85,525	163,300	**14,605.50 + 24%**	**85,525**
163,300	207,350	**33,271.50 + 32%**	**163,300**
207,350	518,400	**47,367.50 + 35%**	**207,350**
518,400	- - - - - - -	**156,235.00 + 37%**	**518,400**

Bản Khai Y-1 —Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người góa vợ/chồng đủ tiêu chuẩn.**

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị: Trên—	Nhưng không quá—	Tiền thuế bằng:	của số tiền trên—
$0	$19,750	**- - - - - - - 10%**	**$0**
19,750	80,250	**$1,975.00 + 12%**	**19,750**
80,250	171,050	**9,235.00 + 22%**	**80,250**
171,050	326,600	**29,211.00 + 24%**	**171,050**
326,600	414,700	**66,543.00 + 32%**	**326,600**
414,700	622,050	**94,735.00 + 35%**	**414,700**
622,050	- - - - - - -	**167,307.50 + 37%**	**622,050**

Bản Khai Y-2 —Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.**

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị: Trên—	Nhưng không quá —	Tiền thuế bằng:	của số tiền trên—
$0	$9,875	**- - - - - - - 10%**	**$0**
9,875	40,125	**$987.50 + 12%**	**9,875**
40,125	85,525	**4,617.50 + 22%**	**40,125**
85,525	163,300	**14,605.50 + 24%**	**85,525**
163,300	207,350	**33,271.50 + 32%**	**163,300**
207,350	311,025	**47,367.50 + 35%**	**207,350**
311,025	- - - - - - -	**83,653.75 + 37%**	**311,025**

Bản Khai Z —Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Chủ gia đình.**

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị: Trên—	Nhưng không quá —	Tiền thuế bằng:	de la cantidad mayor de—
$0	$14,100	**- - - - - - - 10%**	**$0**
14,100	53,700	**$1,410.00 + 12%**	**14,100**
53,700	85,500	**6,162.00 + 22%**	**53,700**
85,500	163,300	**13,158.00 + 24%**	**85,500**
163,300	207,350	**31,830.00 + 32%**	**163,300**
207,350	518,400	**45,926.00 + 35%**	**207,350**
518,400	- - - - - - -	**154,793.50 + 37%**	**518,400**

Quyền của quý vị với tư cách là người đóng thuế

Mục này giải thích về quyền của quý vị với tư cách người đóng thuế và các quy trình kiểm tra, kháng cáo, thu thuế và hoàn thuế.

Dự Luật về Quyền của Người Đóng Thuế

1. Quyền Được Thông Báo. Người đóng thuế có quyền được biết họ cần làm gì để tuân thủ luật thuế. Người đóng thuế có quyền được giải thích rõ ràng về luật pháp và các thủ tục của Sở Thuế Vụ trên tất cả các mẫu đơn, hướng dẫn, ấn phẩm, thông báo và thư từ về thuế. Họ có quyền được thông báo về các quyết định của IRS liên quan đến tài khoản thuế của họ và được các giải thích rõ ràng về kết quả.

2. Quyền Nhận Dịch Vụ Có Chất Lượng. Người đóng thuế có quyền nhận sự trợ giúp nhanh chóng, nhã nhặn và chuyên nghiệp khi giao thiệp với IRS, được trò chuyện sao cho dễ hiểu, được truyền đạt thông tin rõ ràng và dễ hiểu từ IRS và trò chuyện với người giám sát về dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Quyền Không Phải Trả Nhiều Hơn Số Thuế Đúng. Người đóng thuế có quyền chỉ đóng đúng số tiền thuế phải nộp theo luật, đã bao gồm tiền lãi và hình phạt, cũng như được IRS áp dụng hợp thức mọi khoản tiền nộp thuế.

4. Quyền Được Phản Đối Lập Trường của IRS và Được Trình Bày Ý Kiến. Người đóng thuế có quyền đưa ra ý kiến phản đối và cung cấp thêm giấy tờ trước hành động chính thức hoặc hành động đề xuất của IRS, kỳ vọng rằng IRS sẽ nhanh chóng cân nhắc ý kiến phản đối và giấy tờ nộp đúng hạn của họ một cách công bằng, nhận được ý kiến phản hồi nếu IRS không đồng ý với lập trường của họ.

5. Quyền Kháng Cáo một Quyết Định của IRS ở một Diễn Đàn Độc Lập. Người đóng thuế có quyền kháng cáo hành chánh công bằng và vô tư với hầu hết các quyết định của IRS, kể cả nhiều loại hình phạt, và có quyền nhận văn bản trả lời về quyết định của Văn Phòng Kháng Cáo. Người đóng thuế nhìn chung có quyền đưa vụ việc của họ ra tòa.

6. Quyền Biết Thời Điểm Chung Cuộc. Người đóng thuế có quyền được biết thời gian tối đa mà họ được phản đối lập trường của IRS cũng như thời gian tối đa mà IRS phải kiểm tra một năm chịu thuế cụ thể hay thu nợ thuế. Người đóng thuế có quyền biết IRS đã hoàn thành việc kiểm toán khi nào.

7. Quyền Riêng Tư. Người đóng thuế có quyền kỳ vọng rằng mọi câu hỏi, sự kiểm tra và hành động thực thi của IRS đều sẽ tuân thủ luật pháp và không xâm phạm nhiều hơn mức cần thiết, và sẽ tôn trọng tất cả các quyền được hưởng theo quy trình, bao gồm cả chống khám xét và tịch biên, và sẽ tổ chức buổi điều trần bắt buổi điều trần bắt buộc về việc truy thâu nếu áp dụng.

8. Quyền Bảo Mật. Người đóng thuế có quyền hy vọng rằng bất kỳ thông tin nào họ cung cấp cho IRS sẽ không bị tiết lộ trừ khi được ủy quyền bởi người đóng thuế hoặc theo luật. Người đóng thuế có quyền biết về hành động trừng phạt thích hợp sẽ được thực hiện đối với các nhân viên, người khai thuế hộ và những người khác mà sử dụng hoặc tiết lộ thông tin người đóng thuế một cách sai trái.

9. Quyền Có Đại Diện. Người đóng thuế có quyền có một đại diện được ủy quyền theo lựa chọn của họ để đại diện trong các giao dịch với IRS. Khi người đóng thuế không đủ khả năng thuê đại diện, họ có quyền tìm kiếm sự trợ giúp từ chương trình Cơ sở Hỗ trợ Người đóng thuế Thu nhập Thấp.

10. Quyền Có một Hệ Thống Thuế Công Bằng và Chính Đáng. Người đóng thuế có mong đợi hệ thống thuế cân nhắc các dữ kiện và hoàn cảnh có thể ảnh hưởng đến trách nhiệm pháp lý cơ sở, khả năng trả nợ hoặc khả năng cung cấp thông tin kịp thời của họ. Người đóng thuế có quyền nhận sự hỗ trợ từ Dịch Vụ Biện Hộ Người Đóng Thuế nếu họ đang gặp khó khăn tài chính hoặc nếu IRS chưa giải quyết các vấn đề thuế của họ một cách hợp thức và kịp thời thông qua các kênh thông thường.

Kiểm Tra (Kiểm Toán)

Chúng tôi tiếp nhận hồ sơ khai thuế của hầu hết những người đóng thuế với tình trạng như khi nộp. Nếu chúng tôi truy vấn về hồ sơ khai thuế của quý vị hoặc lựa chọn hồ sơ đó để kiểm tra, điều đó không ám chỉ là quý vị không trung thực. Sự truy vấn hay kiểm tra đó có thể dẫn đến kết quả là quý vị bị tăng thuế hoặc không. Chúng tôi có thể đóng lại vụ việc của quý vị mà không có thay đổi nào; hoặc quý vị có thể được hoàn thuế.

Quy trình lựa chọn hồ sơ khai thuế để kiểm tra thường bắt đầu trong một hoặc hai ngày. Trước tiên, chúng tôi sử dụng các chương trình máy tính để xác định các hồ sơ thuế có thể có số tiền không chính xác. Các chương trình này có thể căn cứ theo bản kê khai dữ kiện để khai thuế, như Mẫu 1099 và W-2, căn cứ sự tìm hiểu các lần kiểm tra trước đây hoặc căn cứ các vấn đề nhất định do các dự án tuân thủ chỉ ra. Thứ hai, chúng tôi sử dụng thông tin từ các nguồn bên ngoài cho biết một hồ sơ khai thuế có thể có số tiền không chính xác. Các nguồn này có thể bao gồm báo chí, hồ sơ công và cá nhân. Nếu chúng tôi xác định rằng thông tin là chính xác và đáng tin cậy, chúng tôi có thể căn cứ theo đó mà chọn một hồ sơ khai thuế để kiểm tra.

Ấn Phẩm 556, Kiểm tra Hồ Sơ Khai Thuế, Quyền Chống Án và Yêu Cầu Hoàn Thuế, giải thích các quy định và thủ tục mà chúng tôi tuân thủ trong hoạt động kiểm tra. Mục sau đây cho biết thông tin tổng quan về cách chúng tôi thực hiện kiểm tra.

Qua thư. Chúng tôi xử lý nhiều lần kiểm tra và truy vấn qua đường bưu điện. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một bức thư kèm yêu cầu cung cấp thêm thông tin hoặc lý do vì sao chúng tôi tin rằng hồ sơ khai thuế của quý vị có thể cần thay đổi. Quý vị có thể phản hồi qua thư hoặc có thể yêu cầu trao đổi riêng với chuyên viên kiểm tra. Nếu quý vị gửi cho chúng tôi thông tin được yêu cầu qua thư hoặc đưa ra lời giải thích, chúng tôi có thể đồng ý với quý vị hoặc không, và chúng tôi sẽ giải thích lý do của mọi thay đổi. Vui lòng gửi thư cho chúng tôi về bất cứ vấn đề nào mà quý vị chưa hiểu.

Bằng cách trao đổi. Nếu chúng tôi thông báo với quý vị rằng chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra quý vị qua một cuộc trao đổi riêng, hoặc quý vị yêu cầu có cuộc trao đổi đó, quý vị có quyền yêu cầu tổ chức kiểm tra tại một địa điểm và thời gian hợp lý và thuận tiện cho các quý vị và IRS. Nếu chuyên viên của chúng tôi đề xuất bất kỳ thay đổi nào cho hồ sơ khai thuế của quý vị, họ sẽ giải thích lý do cho các thay đổi đó. Nếu quý vị không đồng ý với các thay đổi này, quý vị có thể gặp người giám sát của chuyên viên kiểm tra đó.

Tái kiểm tra. Nếu chúng tôi đã kiểm tra cùng một mục trong hồ sơ khai thuế của quý vị ở một trong 2 năm trước và không đề xuất thay đổi nào đối với tiền thuế nợ của quý vị, vui lòng liên hệ với chúng tôi trong thời gian sớm nhất để chúng tôi có thể cân nhắc xem có nên ngừng việc kiểm tra đó không.

Kháng Cáo

Nếu không đồng ý về thay đổi theo đề xuất của chuyên viên kiểm tra, quý vị có thể kháng cáo lên Văn Phòng Kháng Cáo của IRS. Hầu hết các sự khác biệt ý kiến đều có thể được dàn xếp mà không cần đến những phiên

tòa tốn kém và mất thời gian. Quyền kháng cáo của quý vị được giải thích chi tiết ở cả hai nội dung là Ấn Phẩm 5, Quyền Kháng Cáo của Quý Vị và Cách Kháng Nghị Nếu Không Đồng Ý Ấn Phẩm 556, Kiểm Tra Hồ Sơ Khai Thuế, Quyền Khiếu Nại và Yêu Cầu Hoàn Thuế.

Nếu quý vị không muốn viện đến Văn Phòng Kháng Cáo hoặc không đồng ý với kết luận của họ, quý vị có thể đưa vụ việc lên Tòa Án Thuế Hoa Kỳ, Tòa Sơ Thẩm Liên Bang Hoa Kỳ hoặc Tòa Án Khu Vực Hoa Kỳ nơi quý vị sinh sống. Nếu quý vị đưa vụ việc ra tòa, IRS sẽ có nghĩa vụ chứng minh một số dữ kiện nhất định nếu quý vị lưu đủ hồ sơ để cho thấy tiền thuế nợ của mình, đã hợp tác với IRS và đáp ứng các điều kiện nhất định khác. Nếu tòa đồng ý với quý vị ở hầu hết các vấn đề trong vụ kiện và nhận thấy lập trường của chúng tôi quá phi lý, quý vị có thể lấy lại một phần phí hành chính và kiện tụng của mình. Quý vị sẽ không đủ điều kiện lấy lại các chi phí này nếu không cố gắng giải quyết vụ việc trên phương diện hành chánh, bao gồm cả việc thông qua hệ thống kháng cáo, và quý vị đã cung cấp cho chúng tôi thông tin cần thiết để giải quyết vụ việc.

Thu Thuế

Ấn Phẩm 594, Quy Trình Thu Thuế của IRS, giải thích các quyền và trách nhiệm của quý vị liên quan đến việc nộp thuế liên bang. Nội dung này mô tả:

- Những việc cần làm khi quý vị nợ thuế. Nội dung này mô tả những việc quý vị cần làm nếu nhận được một hóa đơn thuế và những gì cần làm nếu quý vị cho rằng hóa đơn đó là sai. Phần này cũng đề cập đến việc nộp thuế theo hình thức trả góp, trì hoãn hành động thu thuế và gửi đề nghị thỏa hiệp.
- Hành động thu thuế của IRS. Phần này trình bày về sai áp, giải tỏa sai áp, tịch biên, giải tỏa tịch biên, tịch biên và bán lại, và tha nợ tài sản.
- Xác nhận của IRS với Cơ Quan Tiểu Bang về một khoản nợ thuế trễ hạn nghiêm trọng, nhìn chung sẽ dẫn đến việc khước từ đơn xin cấp hộ chiếu và có thể kéo theo việc thu hồi hộ chiếu.

Quyền kháng cáo truy thu của quý vị được giải thích chi tiết trong Ấn Phẩm 1660, Quyền Kháng Cáo Truy Thu.

Giảm nhẹ cho vợ/chồng vô can. Nhìn chung, mỗi người trong hai vợ chồng quý vị đều có trách nhiệm nộp đầy đủ tiền thuế, lãi và phạt đến hạn khi khai thuế chung. Tuy nhiên, nếu quý vị đủ tiêu chuẩn giải phóng cho vợ/chồng vô tội, quý vị có thể được giải phóng khỏi một phần hoặc toàn bộ khoản nợ phải trả chung. Để yêu cầu giải phóng, quý vị phải nộp Mẫu 8857, Yêu Cầu Giải Phóng cho Vợ/Chồng Vô Tội. Để biết thêm thông tin về giải phóng cho vợ/chồng vô tội, tham khảo Ấn Phẩm 971, Giải Phóng cho Vợ/Chồng Vô Tội, và Mẫu 8857.

Người liên hệ tiềm năng là bên thứ ba. Nói chung, IRS sẽ làm việc trực tiếp với quý vị hoặc người đại diện được quyền hợp pháp của quý vị. Tuy nhiên, đôi khi chúng tôi sẽ trao đổi với người khác nếu cần những thông tin mà quý vị chưa thể cung cấp, hoặc để xác minh các thông tin chúng tôi đã nhận được. Nếu chúng tôi liên hệ với người khác, chẳng hạn như một người hàng xóm, ngân hàng, hãng sở hoặc nhân viên, chúng tôi thường phải cho họ biết một số thông tin có hạn, ví dụ như tên quý vị. Luật pháp nghiêm cấm chúng tôi tiết lộ bất cứ thông tin nào ngoài những gì cần thiết để có được hoặc xác minh thông tin mà chúng tôi đang tìm kiếm. Có thể chúng tôi vẫn cần tiếp tục liên hệ với người khác chừng nào vẫn còn hoạt động cần thiết trong vụ việc của quý vị. Nếu chúng tôi liên hệ với người khác, quý vị có quyền yêu cầu cung cấp danh sách những người được liên hệ. Quý vị có thể yêu cầu qua điện thoại, bằng văn bản hoặc trong cuộc trao đổi riêng.

Hoàn thuế

Quý vị có thể nộp yêu cầu hoàn thuế nếu cho rằng mình đã nộp quá nhiều tiền thuế. Nói chung, quý vị phải gửi yêu cầu đó trong vòng 3 năm kể từ ngày nộp hồ sơ khai thuế ban đầu hoặc 2 năm kể từ ngày quý vị nộp thuế, tùy theo thời điểm nào đến sau. Nhìn chung, luật pháp quy định tiền lãi trên tiền hoàn thuế của quý vị nếu khoản này không được trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày quý vị nộp hồ sơ khai thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế. Ấn Phẩm 556, Kiểm Tra Hồ Sơ Khai Thuế, Quyền Kháng Cáo và Yêu Cầu Hoàn Thuế, có thêm thông tin về hoàn thuế.

Nếu quý vị đã đến hạn hoàn thuế nhưng chưa nộp hồ sơ khai thuế, thường thì quý vị phải nộp hồ sơ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế (tính cả thời gian gia hạn) để nhận được số tiền hoàn thuế đó.

Dịch Vụ Biện Hộ Người Đóng Thuế

TAS là một tổ chức ***độc lạp*** trong IRS, có thể giúp bảo vệ quyền hạn của người đóng thuế cho quý vị. Chúng tôi có thể đề xuất trợ giúp quý vị nếu vấn đề thuế của quý vị đang gây khó khăn hoặc quý vị đã cố gắng nhưng chưa thể giải quyết được vấn đề với IRS. Nếu quý vị đủ điều kiện nhận sự hỗ trợ vốn luôn miễn phí của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ làm mọi điều có thể để giúp quý vị. Truy cập *TaxpayerAdvocate.IRS.gov* hoặc gọi số 1-877-777-4778.

Thông Tin Thuế

IRS cung cấp các nguồn sau đây, gồm các mẫu đơn, ấn phẩm và thông tin khác.

- *Internet*: IRS.gov.
- *Câu Hỏi về Thuế*: *IRS.gov/help/tax-law-questions* và *Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế*.
- *Mẫu và Ấn Phẩm*: *IRS.gov/Forms* và *IRS.gov/OrderForms*.
- *Thanh Tra Cơ Sở Kinh Doanh Cỡ Nhỏ*: Cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ có thể tham gia quy trình quản lý và góp ý về các hành động thực thi của IRS bằng cách gọi số 1-888-REG-FAIR.
- *Tổng Thanh Tra của Bộ Ngân Khố về Điều Hành Thuế Vụ*: Quý vị có thể bí mật báo cáo các hành vi sai trái, lãng phí, gian lận hoặc lạm dụng của nhân viên IRS bằng cách gọi số 1-800-366-4484. Người điếc, khiếm thính hoặc có khuyết tật giọng nói và có thể sử dụng thiết bị điện báo đánh chữ (TTY, teletype)/thiết bị viễn thông cho người điếc (TDD, telecommunications device for the deaf) có thể gọi số 1-800-877-8339. Quý vị có thể tiếp tục giấu tên.

■

Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế

Nếu quý vị có thắc mắc về một vấn đề thuế, cần hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ khai thuế hoặc muốn tải xuống các ấn phẩm miễn phí, mẫu đơn hoặc hướng dẫn, hãy truy cập *IRS.gov* và tìm các tài nguyên có thể hỗ trợ ngay cho quý vị.

Chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế. Sau khi quý vị nhận được tất cả các bảng kê tiền lương và thu nhập của mình (Mẫu W-2, W-2G, 1099-R, 1099-MISC, 1099-NEC, v.v.); bảng kê phụ cấp thất nghiệp (qua thư hoặc định dạng kỹ thuật số) hoặc bản kê khai thanh toán khác của chính phủ (Mẫu 1099-G); và sao kê tiền lãi, cổ tức và hưu bổng từ các ngân hàng và công ty đầu tư (Mẫu 1099), quý vị có một số phương án để chuẩn bị và khai thuế. Quý vị có thể tự mình chuẩn bị hồ sơ khai thuế. xem mình có đủ điều kiện được chuẩn bị khai thuế miễn phí hay không hoặc thuê một chuyên gia thuế để chuẩn bị hồ sơ khai thuế cho quý vị.

Các phương án miễn phí để chuẩn bị khai thuế. Truy cập *IRS.gov* để xem các phương án để quý vị chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế trực tuyến hoặc nộp tại địa phương, nếu quý vị đủ điều kiện, bao gồm những điều sau đây.

- **Free File.** Chương trình này cho phép quý vị chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân liên bang của mình miễn phí bằng cách sử dụng phần mềm chuẩn bị và nộp hồ sơ khai thuế có thương hiệu hoặc các biểu mẫu Free File có thể điền thông tin. Tuy nhiên, việc khai thuế của tiểu bang có thể không khả dụng qua Free File. Truy cập *IRS.gov/FreeFile* để xem quý vị có đủ điều kiện áp dụng các phương án chuẩn bị hồ sơ khai thuế liên bang trực tuyến miễn phí, khai thuế điện tử và chuyển khoản trực tiếp hay nộp thuế trực tiếp hay không.
- **VITA.** Chương trình Trợ Giúp Khai Thuế Thu Nhập Tình Nguyện (VITA, Volunteer Income Tax Assistance) hỗ trợ miễn phí về thuế cho người có thu nhập từ thấp đến trung bình, người khuyết tật và người đóng thuế có vốn tiếng Anh có hạn cần được giúp chuẩn bị hồ sơ khai thuế của chính họ. Truy cập *IRS.gov/VITA*, tải xuống ứng dụng IRS2Go miễn phí hoặc gọi số 800-906-9887 để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.
- **TCE.** Chương Trình Tư Vấn Thuế Vụ Cho Người Cao Tuổi (TCE) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho tất cả những người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về hưu bổng và các vấn đề liên quan đến hưu trí

dành riêng cho người cao niên. Truy cập *IRS.gov/TCE*, tải xuống ứng dụng IRS2Go miễn phí hoặc gọi số 888-227-7669 để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

- **MilTax.** Các thành viên của Quân Lực Hoa Kỳ và các cựu chiến binh đủ điều kiện có thể sử dụng MilTax, một dịch vụ thuế miễn phí do Bộ Quốc Phòng cung cấp thông qua Military OneSource.

  Ngoài ra, IRS cung cấp các Biểu Mẫu Kê Khai Miễn Phí, có thể điền trực tuyến và sau đó nộp dưới hình thức điện tử bất kể thu nhập.

Sử dụng công cụ trực tuyến để giúp chuẩn bị hồ sơ khai thuế. Truy cập *IRS.gov/Tools* để tìm các nội dung sau.

- *Trợ Lý Tín Thuế Thu Nhập từ Việc Làm* (*IRS.gov/EITCAssistant*) sẽ xác định xem quý vị có đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập do lao động (EIC) hay không.
- *Nộp Đơn EIN Trực Tuyến* (*IRS.gov/EIN*) giúp quý vị lấy số nhận diện chủ hãng (EIN).
- *Công Cụ Ước Tính Tiền Khấu Lưu Thuế* (*IRS.gov/W4App*) tạo điều kiện dễ dàng hơn để mọi người nộp đúng số tiền thuế trong năm. Công cụ này là một phương pháp trực tuyến tiện lợi để kiểm tra và điều chỉnh tiền khấu lưu của quý vị. Nó thân thiện hơn với người đóng thuế, trong đó có người về hưu và người tự làm chủ. Công cụ có các đặc điểm và tính năng sau đây.
  - Ngôn ngữ dễ hiểu.
  - Khả năng chuyển đổi giữa các màn hình, sửa các mục nhập trước đó và bỏ qua các màn hình không áp dụng.
  - Các gợi ý và liên kết để giúp quý vị xác định xem quý vị có đủ điều kiện nhận tín thuế và được khấu trừ thuế hay không.
  - Công cụ theo dõi tiến trình.
  - Tính năng thuế tự doanh.
  - Tự động tính toán các khoản trợ cấp an sinh xã hội chịu thuế.
- Công cụ *Tra Cứu Tài Khoản Tín Thuế cho Người Mua Nhà Lần Đầu* (*IRS.gov/HomeBuyer*) cung cấp thông tin về các khoản hoàn trả và số dư tài khoản của quý vị.
- *Công Cụ Tính Toán Khấu Trừ Thuế Bán Hàng* (*IRS.gov/SalesTax*) tính số tiền quý vị có thể xin xét nếu quý vị có tiền khấu trừ từng khoản trên Bản Khai A (Mẫu 1040).

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của quý vị. Trên IRS.gov, quý vị có thể nhận được thông tin cập nhật về các sự kiện hiện tại và thay đổi mới nhất trong luật thuế.

- *IRS.gov/Help*: Các công cụ đa dạng sẽ giúp quý vị được giải đáp một số câu hỏi thường gặp nhất về thuế.
- *IRS.gov/ITA*: Trợ Lý Thuế Tương Tác, một công cụ sẽ đặt câu hỏi cho quý vị về một số đề tài luật thuế và đưa ra câu trả lời.
- *IRS.gov/Forms*: Tìm các mẫu, hướng dẫn và các ấn phẩm. Quý vị sẽ tìm thấy thông tin chi tiết các thay đổi về thuế 2020 và hàng trăm liên kết tương tác để giúp quý vị tìm được câu trả lời cho các câu hỏi của mình.
- Quý vị cũng có thể truy cập thông tin luật thuế trong phần mềm khai thuế điện tử.

Quý vị cần ai đó giúp chuẩn bị tờ khai thuế? Có nhiều dạng người khai thuế khác nhau, bao gồm chuyên viên khai thuế, đại lý có đăng ký, kế toán viên công chứng (CPA), luật sư và nhiều cá nhân, tổ chức khác không có chứng chỉ chuyên môn. Nếu quý vị nhờ ai đó chuẩn bị hồ sơ khai thuế, hãy chọn người khai thuế một cách khôn ngoan. Người khai thuế được trả công:

- Chịu trách nhiệm chính về tính chính xác và có thật chung trên hồ sơ khai thuế của quý vị,
- Bắt buộc phải ký tên trên hồ sơ khai thuế, và
- Bắt buộc phải điền mã số thuế của người giúp khai thuế (PTIN) của họ.

Mặc dù chuyên viên khai thuế luôn ký tên vào hồ sơ khai thuế, nhưng quý vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để người khai thuế chuẩn bị hồ sơ khai thuế sao cho chính xác. Bất kỳ ai được trả tiền để chuẩn bị hồ sơ khai thuế cho người khác đều nên có kiến thức chắc chắn về các vấn đề thuế. Để biết thêm thông tin về cách chọn chuyên viên khai thuế, hãy truy cập *Mẹo Chọn Người Giúp Khai Thuế Chuyên Nghiệp* trên IRS.gov.

Virus corona. Truy cập *IRS.gov/Coronavirus* để biết các liên kết đến thông tin về tác động của virus corona, cũng như các khoản giảm thuế áp dụng cho các cá nhân và gia đình, doanh nghiệp lớn và nhỏ, cũng như các tổ chức được miễn thuế.

Cải cách thuế. Luật cải cách thuế có ảnh hưởng đến các cá nhân, doanh nghiệp cũng như các thực thể chính phủ và được miễn thuế. Truy cập *IRS.gov/TaxReform* để xem thông tin và nội dung cập nhật về ảnh hưởng của luật này đối với các khoản thuế của quý vị.

Các hãng sở có thể ghi danh sử dụng Business Services Online. Sở An Sinh Xã Hội (Social Security Administration, SSA) cung cấp dịch vụ trực tuyến tại địa chỉ *SSA.gov/employer* với các phương án nộp mẫu W-2 trực tuyến nhanh chóng, miễn phí và bảo mật cho Kế Toán Viên Công Chứng, kế toán viên, người hay cơ quan nhận làm đại diện được công nhận/có đăng ký và những người xử lý các Mẫu W-2, Báo Cáo Lương Bổng và Thuế, và Mẫu W-2c, Báo Cáo Lương Bổng và Thuế Sửa Đổi.

Mạng xã hội của Sở Thuế Vụ. Truy cập *IRS.gov/SocialMedia* để xem các công cụ truyền thông xã hội khác nhau mà IRS sử dụng để chia sẻ thông tin mới nhất về các thay đổi về thuế, cảnh báo lừa đảo, sáng kiến, sản phẩm và dịch vụ. Tại IRS, quyền riêng tư và bảo mật là điều tối quan trọng. Chúng tôi sử dụng các công cụ này để chia sẻ thông tin công khai với quý vị. Vui lòng **không** đăng số an sinh xã hội hay thông tin bí mật khác của quý vị lên các trang mạng xã hội. Hãy luôn bảo vệ danh tính của mình khi sử dụng bất kỳ trang mạng xã hội nào.

Các kênh YouTube sau của IRS có các video thông tin ngắn gọn về các chủ đề khác nhau bằng tiếng Anh, Tây Ban Nha và ASL liên quan đến thuế.

- *Youtube.com/irsvideos*.
- *Youtube.com/irsvideosmultilingua*.
- *Youtube.com/irsvideosASL*.

Xem các video của IRS. Cổng thông tin Video của IRS (*IRSVideos.gov*) có đăng tải các nội dung thuyết trình có hình và tiếng dành cho các cá nhân, cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ và người hành nghề thuế.

Thông tin thuế trực tuyến bằng ngôn ngữ khác. Quý vị có thể xem thông tin tại *IRS.gov/MyLanguage* nếu tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của quý vị.

Dịch vụ thông dịch miễn phí. IRS cung cấp dịch vụ hỗ trợ đa ngôn ngữ, có sẵn tại các Trung Tâm Trợ Giúp Người Đóng Thuế (Taxpayer Assistance Center, TAC) và các văn phòng IRS khác. Dịch vụ thông dịch qua điện thoại được cung cấp với hơn 350 ngôn ngữ.

Nhận mẫu đơn và ấn phẩm về thuế. Truy cập *IRS.gov/Forms* để xem, tải xuống và in tất cả các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm mà quý vị cần đến. Quý vị cũng có thể tải xuống và xem miễn phí các ấn phẩm cũng như hướng dẫn phổ biến về thuế (bao gồm cả Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 và 1040-SR) trên các thiết bị di động như sách điện tử, tại địa chỉ *IRS.gov/eBooks*. Hoặc có thể truy cập *IRS.gov/OrderForms* để đặt hàng.

Truy cập tài khoản trực tuyến (chỉ áp dụng cho người nộp thuế cá nhân). Truy cập *IRS.gov/Account* để truy cập thông tin về tài khoản thuế liên bang của quý vị một cách an toàn.

- Xem số tiền nợ, thanh toán trực tuyến hoặc thiết lập thỏa thuận thanh toán trực tuyến.
- Truy cập trực tuyến hồ sơ thuế của quý vị.
- Xem lại lịch sử nộp thuế của quý vị.
- Truy cập *IRS.gov/SecureAccess* để xem quá trình xác thực danh tính cần thiết.

Sử dụng phương thức chuyển khoản trực tuyến. Cách nhanh nhất để nhận tiền hoàn thuế là nộp hồ sơ điện tử và chọn hình thức chuyển khoản trực tiếp, việc này sẽ chuyển trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản tài chính của quý vị một cách an toàn bằng phương thức điện tử. Phương thức chuyển khoản trực tiếp cũng giúp tránh khả năng thất lạc, mất cắp hoặc chuyển trả lại séc gửi không thành công vèo IRS. Cứ 10 người đóng thuế lại có 8 người chọn hình thức chuyển khoản trực tiếp để nhận tiền hoàn thuế. Hơn 90% khoản tiền hoàn thuế được IRS chi trả trong chưa đến 21 ngày.

Nhận bản ghi hồ sơ khai thuế. Cách nhanh nhất để nhận bản sao bản ghi thuế là vào trang *IRS.gov/Transcripts*. Nhấp vào "Get Transcript Online" hoặc "Get Transcript by Mail" để đặt bản sao bản ghi miễn phí của quý vị. Nếu muốn, quý vị có thể đặt bản ghi bằng cách gọi số 800-908-9946.

Báo cáo và giải quyết vấn đề mạo danh liên quan đến thuế.

- Hành vi trộm cắp danh tính liên quan đến thuế xảy ra khi ai đó đánh cắp thông tin cá nhân của quý vị để thực hiện hành vi gian lận thuế. Thuế của quý vị có thể bị ảnh hưởng nếu SSN của quý vị được sử dụng để khai báo gian lận hoặc để yêu cầu hoàn lại tiền hoặc tín thuế.
- IRS không chủ động liên lạc với người đóng thuế bằng thư điện tử, gọi điện thoại, tin nhắn văn bản hay các kênh truyền thông xã hội để yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân hoặc tài chính. Điều này bao gồm các yêu cầu về số nhận dạng cá nhân (PIN), mật khẩu hoặc thông tin tương tự đối với thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc các tài khoản tài chính khác.

- Truy cập *IRS.gov/IdentityTheft*, trang mạng của IRS về Bảo Vệ Danh Tánh Phòng Ngừa, Phát Hiện và Giúp Đỡ Nạn Nhân, để biết thông tin về hành vi trộm cắp danh tính và bảo vệ an toàn dữ liệu cho người đóng thuế, người hành nghề thuế và doanh nghiệp. Nếu quý vị bị mất hoặc lấy cắp số an sinh xã hội hoặc quý vị nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi mạo danh liên quan đến thuế, quý vị có thể tìm hiểu các bước mình nên thực hiện.
- Nhận mã PIN Bảo Vệ Danh Tánh (IP PIN). Mã IP PIN là các số gồm sáu chữ số được gán cho những người đóng thuế đủ điều kiện để giúp ngăn chặn việc lạm dụng SSN của họ hòng gian lận trên hồ sơ khai thuế thu nhập liên bang. Khi quý vị có một IP PIN, điều đó sẽ ngăn người khác nộp tờ khai thuế với SSN của quý vị. Để tìm hiểu thêm, hãy truy cập *IRS.gov/IPPIN*.

Kiểm tra tình trạng hoàn thuế.

- Truy cập *IRS.gov/Refunds*.
- IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2021 cho những hồ sơ khai thuế yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm (EIC) hay tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC). Điều này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, không chỉ phần có liên quan đến các tín thuế này.
- Tải ứng dụng chính thức IRS2Go về thiết bị di động để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của quý vị.
- Gọi đến đường dây nóng tự động về hoàn thuế theo số 800-829-1954.

Thực hiện nộp thuế. IRS sử dụng công nghệ mã hóa mới nhất để đảm bảo an toàn và bảo mật cho các giao dịch thanh toán điện tử của quý vị. Quý vị có thể thanh toán điện tử qua mạng, qua điện thoại và từ thiết bị di động thông qua ứng dụng IRS2Go. Thủ tục thanh toán điện tử nhanh gọn, dễ dàng và đến nơi sớm hơn là gửi qua đường bưu điện với phương thức séc hoặc chi phiếu. Truy cập *IRS.gov/Payments* để biết thông tin về cách thực hiện thanh toán bằng bất kỳ tùy chọn nào sau đây.

- *Trả Trực Tiếp của IRS*: Thanh toán hóa đơn thuế cá nhân hoặc khoản thuế ước tính trực tiếp từ trương mục chi trả bằng các chi phiếu hoặc tài khoản tiết kiệm mà không hề mất phí từ phía quý vị.
- *Thẻ Ghi Nợ hoặc Thẻ Tín Dụng*: Chọn một hãng xử lý thanh toán đã được phê duyệt để thanh toán qua mạng, qua điện thoại hoặc qua thiết bị di động.
- *Rút Ngân Quỹ Điện Tử*: Chỉ sử dụng khi nộp thuế liên bang bằng phần mềm chuẩn bị hồ sơ khai thuế hoặc thông qua một người hành nghề thuế.
- *Hệ Thống Trả Tiền Thuế Liên Bang Điện Tử*: Lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp. Việc ghi danh là bắt buộc.
- *Chi Phiếu hoặc Lệnh Phiếu*: Gửi phương tiện thanh toán của quý vị qua đường bưu điện về địa chỉ được nêu trong thông báo hoặc hướng dẫn.
- *Tiền Mặt*: Quý vị có thể nộp thuế bằng tiền mặt tại một cửa tiệm bán lẻ có tham gia.
- *Chuyển Khoản Trong Ngày*: Quý vị có thể thực hiện chuyển khoản trong ngày từ cơ quan tài chính của mình. Hãy liên hệ với cơ quan tài chính của quý vị để biết khả năng thực hiện, chi phí và thời gian chốt giao dịch.

Sẽ ra sao nếu tôi chưa thể nộp ngay? Truy cập *IRS.gov/Payments* để biết thêm thông tin về các phương án cho quý vị.

- Ghi danh thực hiện *hợp đồng chi trả trực tuyến* (*IRS.gov/OPA*) để hoàn thành nghĩa vụ thuế của quý vị bằng hình thức trả góp hàng tháng nếu hiện tại quý vị chưa thể nộp hết toàn bộ tiền thuế. Sau khi hoàn thành quy trình trên mạng, quý vị sẽ được thông báo ngay để biết hợp đồng của mình có được chấp thuận hay không.
- Sử dụng *Sơ Tuyển Người Đủ Điều Kiện cho Đề Nghị Thỏa Hiệp* để xem quý vị có thể giải quyết khoản nợ thuế với số tiền ít hơn tổng số tiền quý vị còn nợ hay không. Để biết thêm thông tin về chương trình Đề Nghị Thỏa Hiệp, vui lòng vào trang *IRS.gov/OIC*.

Nộp bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế đã nộp. Bây giờ, quý vị có thể nộp Mẫu 1040-X điện tử bằng phần mềm khai thuế để sửa đổi Mẫu 1040 và 1040-SR năm 2019. Để làm điều đó, quý vị phải gửi bản khai thuế năm 2019 ban đầu của mình. Bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế đã nộp cho tất cả các năm trước phải được gửi qua đường bưu điện. Xem *Mẹo dành cho người đóng thuế cần nộp hồ sơ khai thuế sửa đổi* và truy cập *IRS.gov/Form1040X* để biết thông tin và nội dung cập nhật.

Kiểm tra tình trạng của bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế đã nộp của quý vị. Truy cập *IRS.gov/WMAR* để theo dõi tình trạng của Mẫu 1040-X bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế đã nộp. Xin lưu ý rằng có thể mất tới 3 tuần kể từ ngày quý vị nộp bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế thì thông tin này mới hiển thị trên hệ thống của chúng tôi, và thời gian xử lý có thể lên tới 16 tuần.

Hiểu về thông báo hay thư từ của IRS mà quý vị nhận được. Truy cập *IRS.gov/Notices* để tìm thêm thông tin về việc phản hồi một thông báo hay thư từ của IRS.

Liên lạc với văn phòng IRS tại địa phương quý vị. Xin lưu ý rằng nhiều câu hỏi có thể được giải đáp trên trang IRS.gov mà không cần đến Trung Tâm Trợ Giúp Người Đóng Thuế (TAC) của IRS. Truy cập *IRS.gov/LetUsHelp* để xem các chủ đề mà mọi người thắc mắc nhiều nhất. Nếu quý vị vẫn cần trợ giúp, các TAC của IRS sẽ trợ giúp về thuế khi có vấn đề về thuế không thể giải quyết được qua mạng hoặc điện thoại. Hiện tại, tất cả các TAC đều cung cấp dịch vụ với hình thức hẹn trước để quý vị biết trước là mình có thể nhận dịch vụ cần đến mà không mất thời gian dài chờ đợi. Trước khi đến đó, hãy vào trang *IRS.gov/TACLocator* để tìm TAC gần nhất và kiểm tra giờ làm việc, dịch vụ cung cấp và các cuộc hẹn để lựa chọn. Hoặc trên ứng dụng IRS2Go, dưới thẻ Stay Connected, hãy chọn tùy chọn Contact Us và nhấp vào "Local Offices".

Dịch Vụ Biện Hộ Người Đóng Thuế (TAS, Taxpayer Advocate Service) Sẵn Sàng Trợ Giúp Quý Vị

TAS là gì?

TAS là một tổ chức ***độc lạp*** trong IRS, trợ giúp người đóng thuế và bảo vệ quyền hạn của người đóng thuế. Công việc của họ là đảm bảo mỗi người đóng thuế đều được đối xử công bằng và quý vị biết, hiểu quyền của mình theo *Dự Luật về Quyền của Người Đóng Thuế*.

Làm Thế Nào để Tìm Hiểu về Quyền Hạn của Người Đóng Thuế dành cho mình?

Dự Luật về Quyền của Người Đóng Thuế mô tả 10 quyền cơ bản mà tất cả những người đóng thuế đều có khi làm việc với IRS. Truy cập *TaxpayerAdvocate.IRS.gov* để tìm hiểu ý nghĩa của những quyền này đối với quý vị và cách áp dụng. Đây chính là quyền ***của quý vị***. Hãy nắm được. Và sử dụng.

TAS Có Thể Làm Gì cho Quý Vị?

TAS có thể giúp quý vị giải quyết những vấn đề mà quý vị không thể giải quyết với IRS. Và dịch vụ của họ là miễn phí. Nếu quý vị đủ tiêu chuẩn được họ hỗ tợ, quý vị sẽ được chỉ định cho một viên chức trợ giúp người khai thuế, người sẽ làm việc với quý vị xuyên suốt cả quy trình và sẽ làm mọi điều có thể để giải quyết vấn đề của quý vị. TAS có thể giúp quý vị nếu:

- Vấn đề của quý vị đang gây ra khó khăn tài chính cho quý vị, gia đình hoặc doanh nghiệp của quý vị;
- Quý vị (hoặc doanh nghiệp của quý vị) phải đối mặt với nguy cơ hành động bất lợi trước mắt; hoặc
- Quý vị đã nhiều lần cố gắng liên hệ với IRS nhưng không có ai phản hồi, hoặc đến ngày đã hứa mà IRS vẫn chưa phản hồi.

Làm Thế Nào để Liên Hệ với TAS?

TAS có văn phòng *ở mỗi bang, Đặc Khu Columbia và Puerto Rico*. Số của viên chức trợ giúp người khai thuế có trong danh bạ địa phương và tại trang *TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Contact-Us*. Quý vị cũng có thể gọi cho họ theo số 877-777-4778.

TAS Còn Giúp Gì cho Người Đóng Thuế?

TAS nỗ lực giải quyết các vấn đề trên quy mô lớn và gây ảnh hưởng tới nhiều người đóng thuế. Nếu quý vị biết đến sự tồn tại của một trong các vấn đề rộng này, vui lòng báo cáo điều đó cho họ tại trang *IRS.gov/SAMS*.

TAS dành cho Người Hành Nghề Thuế

TAS có thể cung cấp đa dạng các thông tin cho người hành nghề thuế, bao gồm nội dung cập nhật và hướng dẫn luật thuế, các chương trình TAS và những cách để cho TAS biết về các vấn đề mang tính hệ thống mà quý vị nhận thấy theo kinh nghiệm thực tế.

Nơi Chỉ Dẫn Khai Thuế cho Người Đóng Thuế Có Lợi Tức Thấp (LITC, Low Income Taxpayer Clinics)

LITC độc lập hoàn toàn với IRS. LITCs đại diện cho các cá nhân có thu nhập dưới một mức nhất định và cần giải quyết các vấn đề về thuế với IRS, như kiểm toán, kháng cáo và tranh chấp thu thuế. Ngoài ra, các nơi chỉ dẫn khai thuế có thể cung cấp thông tin về trách nhiệm và quyền hạn của người đóng thuế bằng các ngôn ngữ khác nhau cho những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Các dịch vụ được cung cấp miễn phí hoặc với

một khoản phí nhỏ cho những người nộp thuế đủ điều kiện. Để tìm một nơi chỉ dẫn ở gần, hãy truy cập *TaxpayerAdvocate.IRS.gov/about/LITC* hoặc xem IRS Pub. 4134, *Danh Sách Nơi Chỉ Dẫn Khai Thuế cho Người Đóng Thuế Có Lợi Tức Thấp*.

Chỉ mục

Để giúp chúng tôi phát triển một chỉ mục hữu ích hơn, vui lòng cho chúng tôi biết nếu quý vị có ý tưởng cho các mục nhập chỉ mục. Xin xem mục "Comments and Suggestions" (Nhận xét và Gợi ý) trong phần "Introduction" (Giới thiệu) để biết các cách quý vị có thể liên lạc với chúng tôi.

A

Anh chị em họ 34
ATIN (Mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi) 13

B

Bạc (*Xinxem* Vàng và bạc)
Bảng thuế 112–123
Bảng và số liệu:
Bảng mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 95
Chủ gia đình, người đủ điều kiện (Bảng 2-1) 24
Hồ sơ khai thuế:
Các bước chuẩn bị (Bảng 1-6) 12
Ngày đến hạn (Bảng 1-5) 10
Roth IRA và bãi miễn tổng thu nhập đã điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI) (Bảng 9-3) 88
Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Thuế ước tính, đối tượng phải nộp thuế (Hình 4-A) 42
Trương mục hưu trí cá nhân (IRA):
AGI đã điều chỉnh, ảnh hưởng đến khoản khấu trừ nếu được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc (Bảng 9-1) 81
AGI đã điều chỉnh, ảnh hưởng đến khoản khấu trừ nếu không được bao trả theo chương trình hưu trí tại nơi làm việc (Bảng 9-2) 82
Roth IRA, AGI theo luật thuế mới (Mẫu Tính Toán 9-2) 88
Roth IRA, ảnh hưởng của AGI theo luật thuế mới lên các khoản đóng góp (Bảng 9-3) 88
Tính Toán AGI theo luật thuế mới (Mẫu Tính Toán 9-1) 82
Yêu cầu khai thuế:
Mức tổng thu nhập (Bảng 1-1) 5
Người phụ thuộc (Bảng 1-2) 6
Bản kê khai dữ kiện để khai thuế 12, 14, 48, 49, 52
(*Xin cũng xem* Mẫu W-2)
(*Xin cũng xem* Mẫu 1099)
Hợp tác kinh doanh để cung cấp 70
Bản khai 16, 48, 53, 55
(*Xin cũng xem* Mẫu 1040 hoặc 1040-SR)
(*Xin cũng xem* Mẫu 1040)
Bản Khai 8812 111
K-1:
K-1, Mẫu 1041 56
Thu nhập từ Công ty S 71
Thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh 70
Mẫu 1040, A-F, R, SE (*Xinxem* Mẫu 1040)
Bản Khai A (Mẫu 1040):
Khấu trừ từng khoản 94
Bản Khai A–F, R, SE (Mẫu 1040) (*Xinxem* Mẫu 1040)
Bán nhà 77
Phân chia thuế bất động sản 98
Bản quyền:
Thiệt hại do vi phạm 75
Tiền bản quyền 72
Bán tài sản:
Mặt hàng cá nhân 77
Báo cáo:
Tiền chuyển qua 84
Báo cáo công khai 20
Báo cáo điện tử:
Tờ khai (*Xinxem Khai thuế điện tử*)
Bảo dưỡng trẻ em 29
Bảo hiểm:
Các khoản bồi hoàn:
Từ bảo hiểm do tai biến 74
Nhân thọ 40, 50
(*Xin cũng xem* Bảo hiểm nhân thọ)
(*Xin cũng xem* Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn)
Tai nạn (*Xinxem* Bảo hiểm tai nạn)
Bảo hiểm nhân thọ 50, 70
(*Xin cũng xem* Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn)
(*Xin cũng xem* Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước)
Bảo phí 103
Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt 70
Khấu lưu thuế 40
Mẫu 1099-R Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt 70
Nhân viên an ninh công cộng chết hoặc bị giết khi thi hành công vụ, miễn thuế 70
Tiền thu về 61
Dưới dạng thu thập 70
Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn:
Chi phí chịu thuế, tính toán 50
Định nghĩa 50
Loại trừ khỏi thu nhập:
Hạn mức 50
Quyền lợi vĩnh viễn 50
Tiền tử tuất do tai nạn 50
Bảo hiểm tai biến:
Hoàn trả từ 74
Bảo hiểm tai nạn 49
Chăm sóc dài hạn 50, 55
Chương trình phúc lợi tự chọn 54
Bảo hiểm trách nhiệm:
Hoàn trả từ 74
Bảo hiểm y tế (*Xinxem* Bảo hiểm tai nạn)
Bảo tồn năng lượng:
Giảm giá cho công cộng. 78
Phương pháp và cách sửa đổi 75
Trợ cấp 75
Bằng sáng chế:
Thiệt hại do vi phạm 75
Tiền bản quyền 72
Bất động sản:
Các mục liên quan đến bất động sản không thể khấu trừ 99
Chi phí từng khoản cho các dịch vụ sẽ không được khấu trừ 100
Mẫu 1099-S báo cáo tiền bán 98
Nợ kinh doanh được hủy, xử lý 69
Phân chia thuế bất động sản 98
Thuế chuyển giao tài sản 100
Bệnh giai đoạn cuối:
Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ 70
Thanh toán trả trước tiền bảo hiểm nhân thọ (*Xinxem* Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước)
Bệnh mãn tính:
Chăm sóc dài hạn (*Xinxem* Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)
Thanh toán trả trước tiền bảo hiểm nhân thọ (*Xinxem* Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước)
Bên thứ ba:
Người được chỉ định cho Sở Thuế Vụ để thảo luận về hồ sơ khai thuế 14
Thu nhập từ tài sản của người nộp thuế trả cho 12
Biểu mẫu thay thế 12
Biểu tượng, sử dụng 3, 4
Bỏ qua nợ (*Xinxem* Hủy nợ)
Bù trừ các khoản nợ 9, 15

C

Các chương trình thưởng cổ phiếu 40
Các điều chỉnh 108
Các hoạt động không vì lợi nhuận. 74
Các hoạt động không-vì-lợi nhuận. 74
Các khoản khấu trừ 71, 92
(*Xin cũng xem* Thu hồi các khoản đã khấu trừ trước đó)
Hoàn trả 72
Khoản khấu trừ lãi tiền vay sinh viên (*Xinxem* Khoản vay sinh viên)
Liệt kê các chi tiết (*Xinxem* Khấu trừ từng khoản)
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92, 94
Quyền lợi an sinh xã hội và quyền lợi hưu trí đường sắt 67
Thay đổi yêu cầu sau khi khai thuế, cần sửa đổi 18
Thiệt hại vì tai biến 104
Thực thể truyền qua 102
Tổn thất do trộm cắp 104
Các khoản thanh toán theo Đạo Luật Lương Bổng Cho Nhân Viên Liên Bang (FECA) 55
Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng 30, 35
Các khoản thuế 38, 96, 100, 106
Gián thu (*Xinxem* Thuế gián thu)
Khấu trừ 96
Bản khai để sử dụng 100
Loại thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Không thể khấu trừ 100
Tài sản thừa kế (*Xinxem* Thuế di sản)
Thuế bất động sản (*Xinxem* Thuế bất động sản)
Thuế của chính quyền bộ lạc thổ dân da đỏ, khấu trừ 96
Thuế đánh trên tài sản thừa kế 100
Thuế kinh doanh, khoản khấu trừ 96
Thuế quà tặng 100
Thuế tài sản cá nhân:
Khấu trừ 100
Thuế thu nhập, khấu trừ 96
Thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ 100
Thuế tối thiểu thay thế 107
Thuế trẻ em (*Xinxem* Trẻ em, *tiêu đề phụ:* Thu nhập không do lao động của)
Thuế từ nước ngoài 96
Thuế thu nhập, khấu trừ 97
Các khoản thuế khác 107
Các phương án nộp thuế điện tử 3
Các thẩm phán liên bang:
Bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động 80
Các tiện ích công cộng:
Giảm giá 78
Trợ cấp bảo tồn năng lượng 75, 78
Các vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ:
Khấu trừ thuế thu nhập được trả cho 97
Thu nhập từ 7
Canada:
Thường trú nhân của 28, 34
Cản trở hoạt động kinh doanh:
Thiệt hại dưới dạng thu nhập 75
Cao đẳng và đại học:
Chi phí giáo dục 77
(*Xin cũng xem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Cha mẹ, đã ly hôn hoặc ly thân 29
Cha mẹ chưa từng kết hôn 30
Cha mẹ đã ly hôn 29, 33
Cha mẹ đã ly thân 29, 33
Chăm sóc nuôi dưỡng:
Chăm sóc nuôi dưỡng khẩn cấp, đảm bảo không gian trong nhà cho 76
Thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó 76
Tín thuế trẻ em 109
Trợ cấp cho người chăm sóc 76
Chăm sóc trẻ em:
Chi phí 36
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc 48
Trông trẻ 48
Chính phủ nước ngoài, nhân viên của 53
Chính quyền liên bang:
Người lao động (*Xinxem* Nhân viên liên bang)
Chính quyền tiểu bang hoặc địa phương:
Người lao động:
Trợ cấp thất nghiệp 73
Chi phí chôn cất 102
Chi phí công chứng 76
Chi phí cuộc họp cổ đông 104
Chi phí đi lại 103
Phương tiện đi lại do đơn vị sử dụng lao động cung cấp 51
Chi phí đi lại và vận chuyển:
Chi phí đi lại:
Phương tiện đi lại do đơn vị sử dụng lao động cung cấp 51
Chi phí tìm kiếm việc làm 76
Chi phí trả cho người khác 104
Phí đỗ xe:
Quyền lợi phụ do chủ lao động cung cấp 52
Quyền lợi phụ 51
Trẻ em đến trường, đưa đón 77
Vé phương tiện giao thông 51
Chi phí được trả bởi người khác 75
Chi phiếu:
Nhận ngầm hiểu 12
Chi phí giám đốc 75
Chi phí giáo dục:
Đơn vị sử dụng lao động cung cấp (*Xinxem* Hỗ trợ giáo dục)
Tiền học (*Xinxem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Chi phí kinh doanh:
Các khoản bồi hoàn 39, 48
Chi phí tìm kiếm việc làm 76
Hoàn trả chi phí kinh doanh vượt mức 39
Chi phí kinh doanh cho nhân viên:
Các khoản bồi hoàn 39, 48
Hoàn trả chi phí kinh doanh 39
Chi phí nhân viên:
Khác 101
Máy tính gia đình 102
Chi phí tang lễ 36
Chi phí tạo thu nhập 101
Chi phí vận động 103
Chi phí vận động chính trị 103, 104
Chi phí vận động hành lang 103
Chi phí vốn 36
Chi phí y tế và nha khoa:
Bồi hoàn, xử lý 56
Chỗ ở 36
Chủ gia đình 22, 24
Chu kỳ kế toán 12
Năm theo lịch tài chính 12, 43
Niên lịch 10, 12, 49
Quyền lợi phụ 49
Thay đổi, không được phép khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92
Chủ Nhật, thời hạn rơi vào 43
Chủ quyền trọn:
Thuế bất động sản, phân phối khi khai riêng hồ sơ thuế 99

Chuyển đổi (*Xinxem Chương trình hưu trí cụ thể hoặc IRA*)
Chuyển khoản hoàn thuế trực tiếp 15
Chữ ký 14
Cha mẹ cho con 14
Đại lý, sử dụng 14
Hồ sơ khai thuế chung 23
Không đủ năng lực về tinh thần 14
Khuyết tật về thể chất 14
Chứng khoán:
Quyền chọn 52
Quyền tăng giá cổ phiếu 49
Yêu cầu hoàn thuế 19
Chứng thư gửi tiền định kỳ (CD) 62, 78
(*Xin cũng xem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
Chứng thư thị trường tiền tệ 57
Chứng từ nộp thuế 43, 44
Chương trình 401(k):
Xử lý thuế đối với các khoản đóng góp 52
chương trình 403(b):
Chương trình 403(b):
Tiền chuyển qua 84
Tiền chuyển qua 90
Chương Trình Bảo Hiểm Hưu Trí Giản Đơn Cho Nhân Viên (SEP):
IRA là 79
Chương trình chia sẻ lợi nhuận:
Khấu lưu thuế 14, 40
Chương trình Dinh Dưỡng cho Người cao niên 74
Chương Trình Đồng Hành Với Người Cao Tuổi 54
Chương trình đủ điều kiện 83
(*Xin cũng xem* Tiền chuyển qua)
Chương trình hưu trí 23, 38, 63
(*Xin cũng xem* Roth IRA)
(*Xin cũng xem* Quyền lợi hưu trí đường sắt)
Chương trình của chủ lao động:
Các trường hợp không được bao trả 81
Chuyển qua IRA 84, 90
Trợ cấp từ chương trình của chủ lao động trước 81
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong 14
Đóng góp:
Đánh thuế 52
Tín thuế cho (*Xinxem* Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí)
Giáo sĩ 53
Hạn mức hoãn thuế tự chọn 52
Hưu bổng được thừa kế 76
Hưu bổng thương tật 54
IRA (*Xinxem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
Khấu lưu thuế 14, 40
Quân đội (*Xinxem* Lực Lượng Vũ Trang)
Chương Trình Ông Bà Nuôi 54
Chương trình phúc lợi tự chọn 54
chương trình SIMPLE:
Chuyển qua Roth IRA 91
Chương trình tiền học, đủ điều kiện (*Xinxem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Chương trình tiền học đủ điều kiện 77
Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA 77
Đóng góp 50
Chương Trình Tình Nguyện Viên Cao Niên Đã Nghỉ Hưu 54
Chương Trình Tư Vấn Thuế Vụ Cho Người Cao Tuổi 10
Con dấu (*Xinxem* Đồ sưu tầm)
Con nuôi 28, 34, 37
Cổ đông 19
(*Xin cũng xem* Chứng khoán)
Nợ 69
Công cụ nợ (*Xinxem* Trái phiếu hoặc Ngân phiếu)
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ:
Loại trừ thu nhập do lao động 3
Việc làm (*Xinxem* Việc làm nước ngoài)
Yêu cầu khai thuế 7
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ.:
Gia hạn thời gian khai thuế 11
Khấu lưu từ phân phối IRA 86
Công dân đi du lịch hoặc công tác ở nước ngoài 7, 53
(*Xin cũng xem* Việc làm nước ngoài)
Công dân Hoa Kỳ ở nước ngoài 7
(*Xin cũng xem* Công dân bên ngoài Hoa Kỳ)
Việc làm (*Xinxem* Việc làm nước ngoài)
Công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ 28
Công đoàn 40, 73, 77
(*Xin cũng xem* Công đoàn lao động)
Công đoàn lao động 40
Khấu lưu tiền lương trả khi nghỉ bệnh theo các thỏa thuận công đoàn 40
Phí và lệ phí 77
Quyền lợi đình công và khóa xưởng 77
Thanh toán trợ cấp thất nghiệp từ 73
Công Khố Phiếu Ngắn Hạn, Công Khố Phiếu Trung Hạn, và Các Trái Phiếu Hoa Kỳ 61
Công ty 71
(*Xin cũng xem* Công ty S)
Chi phí giám đốc là thu nhập tự kinh doanh 75
Công ty bảo hiểm:
Các thủ tục vi phạm pháp luật của tiểu bang, các phân phối IRA không được thực hiện do 88
Công ty môi giới:
IRA với 79
Hoa hồng 79, 80
Công ty S 102
Cổ đông 71
Công việc ở nước ngoài (*Xinxem* Việc làm nước ngoài)
Công việc tình nguyện 54
Tư vấn thuế (chương trình Hỗ trợ Khai thuế Thu nhập Tình nguyện) 10, 54
Cổ phiếu 19
(*Xin cũng xem* Chứng khoán)
Cổ tức:
Khoản nợ cổ đông được hủy khi 69
Phí cần thu 102
Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska (*Xinxem* Cổ tức Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska)
Cổ tức được miễn lãi 57
Cổ tức Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska 74
Cơ sở chi phí:
IRA cho đóng góp không thể khấu trừ 83, 86
Cứu trợ thiên tai 55, 74
(*Xin cũng xem* Tấn công khủng bố)
Đạo luật Cứu trợ Thiên tai và Hỗ trợ Khẩn cấp:
Hỗ trợ thất nghiệp 73
Trợ cấp 73
Trợ cấp hoặc thanh toán 73

D

Dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản:
Mua bãn lãi từ tài sản 72
Sản xuất trong tương lai đã bán 73
Tiền bản quyền từ:
Bản Khai C hoặc C-EZ 72
Dịch vụ chuyển phát 10
Dịch vụ chuyển phát tư nhân 10
Dịch vụ hỗ trợ tìm việc làm thay thế 49
Dịch vụ lập kế hoạch hưu trí 51
Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ 70
Di sản 75
(*Xin cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
Thuế 100, 105
(*Xin cũng xem* Thuế di sản)
Thu nhập 75
Di sản thừa kế 75
(*Xin cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
IRA (*Xinxem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
Không đánh thuế 76

(Các) mẫu 1099 45

10% thuế cho rút tiền sớm từ IRA hoặc chương trình hưu trí (*Xinxem* Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoàn thuế, *tiêu đề phụ:* Thuế trên)
Ấn phẩm (*Xinxem* Trợ giúp về thuế)
Đại lý:
Ký hồ sơ khai thuế 14
Thu nhập trả cho 12
Đám tang:
Chi phí 102
Giáo sĩ, thanh toán cho 52
Đánh bạc 76
Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp Đường Sắt 55
Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai Năm 1988:
Khấu lưu thuế 41
Đạo luật Nhà ở Quốc gia:
Hỗ trợ nợ vay mua nhà 74
Đạo luật Thương mại năm 1974:
Trợ cấp điều chỉnh thương mại trong 73
Đá quý:
Các giao dịch bị IRA cấm về 87
Đầu tư:
Hội thảo 103
Phí 102
Địa chỉ 16
Hộp thư 16
Nước ngoài 16
Thay đổi 18
Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế 16
Điện thoại 104
Hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên IRS, số điện thoại khai báo ẩn danh 3
Đính chính (*Xinxem* Sai sót)
Đoàn xe ô tô 74
Đóng góp 16, 74
(*Xin cũng xem* Đóng góp từ thiện)
(*Xin cũng xem* Đóng góp cho chiến dịch)
Các khoản hoàn trả của lính dự bị 79
Chính trị 104
Lương chiến đấu không chịu thuế 79
Đóng góp chính trị (*Xinxem* Đóng góp cho chiến dịch)
Đóng góp cho chiến dịch 74
Quỹ Vận Động Tranh Cử Tổng Thống 13
Đóng góp quỹ cứu trợ 104
Đóng góp từ thiện:
Quà tặng để giảm nợ công 16
Đồ cổ (*Xinxem* Đồ sưu tầm)
Đồng hồ đeo tay 104
Đồ sưu tầm:
Đầu tư IRA vào 87
Độ tuổi tối đa. Giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống đã bị loại bỏ. :
Đóng góp IRA truyền thống 78
Đồ uống có cồn:
Các giao dịch bị IRA cấm về 87
Đơn vị nhà ở:
Tập thể (*Xinxem* Hợp tác xã nhà ở)
Đơn vị sử dụng lao động:
Hỗ trợ giáo dục từ (*Xinxem* Hỗ trợ giáo dục)
Mẫu W-4 dành cho nhân viên mới 39
Quy tắc khấu lưu 39
Tùy chọn khai thuế điện tử 10
Việc làm ở nước ngoài (*Xinxem* Việc làm nước ngoài)
Ước tính:
Chứng từ thanh toán 43
Tín thuế cho 45

E

EIC (*Xinxem* Tín thuế thu nhập từ việc làm)

G

Ghi ngày trên hồ sơ khai thuế của quý vị 14
Ghi nhận sổ sách kế toán (*Xinxem* Yêu cầu lưu giữ chứng từ)
Gia đình 7, 110
(*Xin cũng xem* Trẻ em)
(*Xin cũng xem* Tín thuế trẻ em)
Giá được giảm sau khi mua hàng 69
Gia hạn thời gian khai thuế 10
Bao gồm trong hồ sơ khai thuế 11
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ 11
Tùy chọn khai thuế điện tử 11
Tự động 11
Gia hạn thời hạn đóng góp 78
Giải thưởng Nobel 77
Giải thưởng Pulitzer 77
Giải thưởng và phần thưởng 48, 77
(*Xin cũng xem* Tiền thưởng)
Giải thưởng học bổng 77
Giải thưởng Pulitzer, Nobel, và giải thưởng tương đương. 77
Loại trừ khỏi thu nhập 48
Giảm giá (*Xinxem* Hoàn thuế)
Giảm giá, trái phiếu dài hạn và trái phiếu trung hạn phát hành với 61
Giảm giá phát hành gốc (OID) 61
Giảm giá tiền mặt 74
Giảm nhẹ cho vợ/chồng vô can:
Hồ sơ khai thuế chung 23
Mẫu 8857 23
Giảm nhẹ công bằng (*Xinxem* Giảm nhẹ cho vợ/chồng vô can)
Gian lận:
Hình phạt 20, 39
Khai báo ẩn danh cho IRS 3
Giáo dục:
Chương trình trái phiếu tiết kiệm 60
Giáo sĩ 7
Hưu bổng 53
Nhà ở 52
Thuế bất động sản khi nhận trợ cấp thuê nhà để ở 99
Quy định thu nhập đặc biệt 52
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tuyên úy chết trong quá trình thi hành công vụ 70
Giá trị cho thuê hợp lý 36
Giá trị cơ bản:
Cơ sở chi phí:
IRA cho đóng góp không thể khấu trừ 83, 86
Giấy ủy quyền 14, 23
Giúp việc nhà:
Khấu lưu thuế 38
Guam:
Thu nhập từ 7
Gửi hồ sơ khai thuế qua đường bưu điện (*Xinxem* Hồ sơ khai thuế)

H

HAMP:
Điều chỉnh giá nhà hợp lý:
Tiền trả-cho-hiệu suất 74
Hạn mức:
Khoản khấu trừ khác 101
Hiệp hội chủ sở hữu nhà ở:
Chi phí:
Khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Hình phạt 43, 45
Bản đệ trình về thuế không đúng 21
Biện hộ 20
Cố ý không khai thuế 21
Do thiếu chính xác 20
Gian lận 20, 21
Hình phạt dân sự 20
Hình sự 21
IRA:
Khai khống các khoản đóng góp không được khấu trừ 82
Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không được khấu trừ 78, 82
Phân phối bắt buộc, không thực hiện được 85
Phân phối sớm 87
Tiền đóng thuế thặng dư 87
Khai báo thấp đáng kể thuế thu nhập 20
Khai báo thấp giao dịch phải báo cáo 20
Khả Năng Khấu Trừ 103
Khấu lưu thuế 39, 41
Khấu lưu thuế dự phòng 41
Không cung cấp số an sinh xã hội 13, 21
Không nộp thuế 20

Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không thể khấu trừ 78, 82
Nộp hồ sơ khai thuế trễ hạn 10, 20
Trường hợp ngoại lệ 20
Nộp thiếu thuế ước tính 37, 43, 45
Roth IRA:
Đóng góp chuyển đổi được rút trong khoảng thời gian 5 năm 91
Tiền đóng thuế thặng dư 90
Sơ suất 20
Thanh toán trễ hạn 20
Thuế ước tính (*Xinxem tiêu đề này:* Nộp thiếu thuế ước tính)
Tiền lãi 16
Trốn thuế 21
Hình phạt do sơ suất 20
Hình phạt do thiếu chính xác 20
Hình phạt do trả thiếu 37, 43, 45
Tính toán của Sở Thuế Vụ 46
Hình phạt thuế dân sự (*Xinxem* Hình phạt)
Hoa hồng 39
Chia sẻ (tiền lại quả) 76
Chưa được hưởng, khấu trừ để hoàn trả 48
IRA với công ty môi giới 79, 80
Tạm ứng 48
Hoàn nhập:
Hoàn nhập tín thuế kinh doanh 19
Hoàn thuế 107
Bù trừ thuế của năm tới 43
Các khoản thuế (*Xinxem* Hoàn thuế)
Các quy tắc chung 9
Chuyển khoản trực tiếp 15
Chứng khoán không có giá trị 19
Dưới $1 15
Đền bù:
Các khoản nợ 9, 15
Các khoản thuế của năm tới 14
Giảm 20
Hạn mức 19
Ngoại lệ 19
Hoàn nhập lỗ ròng từ công việc kinh doanh 19
Hoàn nhập tín thuế kinh doanh 19
Hoàn thuế sai 18
Hoàn thuế thu nhập liên bang 71
Hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương 96, 97
Hồ sơ khai thuế nộp muộn 3
Khấu lưu thuế 7
Không có khả năng tài chính 19
Ngày hết hạn của chi phiếu 15
Nhiều hơn hoặc ít hơn mong đợi 15
Nợ khó đòi 19
Quá hạn 9, 18
Rút chi phiếu 15
Thỏa thuận với Sở Thuế Vụ về gia hạn thời gian tính thuế, yêu cầu dựa trên 19
Thuế bất động sản, giải pháp 99
Thuế nước ngoài nộp hoặc cộng dồn 19
Thuế tiểu bang 71
Tiền lãi 18, 20, 58
Trách nhiệm thuế liên bang, ảnh hưởng đến 20
Yêu cầu 9, 18, 19
Khoảng thời gian giới hạn 19
Kiện tụng 19
Hoãn thuế tự chọn:
Hạn mức 52
Hoàn trả 72
Quyền lợi an sinh xã hội 65, 72
Quyền lợi hưu trí đường sắt 65
Số tiền đã tính vào thu nhập từ trước 105
Trợ cấp thất nghiệp 73
Hoạt động bất hợp pháp:
Báo cáo về 76
Hoạt động thụ động:
Lỗ 24
Học bổng 30, 34, 36
Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh:
Học bổng cho giảng dạy hay nghiên cứu 77
Loại trừ khỏi tổng thu nhập 77
Thu nhập do lao động bao gồm 93
Học phí, quyền lợi theo GI Bill 36
Hội thảo:
Liên quan đến đầu tư 103
Hôn nhân bị hủy bỏ:
Tình trạng khai thuế 22
Hôn nhân theo thông luật 22
Hồ sơ khai thuế, thuế (*Xinxem* Hồ sơ khai thuế)
Hồ sơ khai thuế 10, 14, 22
(*Xin cũng xem* Ngày đến hạn)
(*Xin cũng xem* Chữ ký)
(*Xin cũng xem* Hồ sơ khai thuế chung)
Hồ Sơ Khai Thuế:
Bản ghi 17
Bản sao của 17
Các bước chuẩn bị (Bảng 1-6) 12
Cách nộp hồ sơ khai thuế 11
Các mẫu để sử dụng 8
Dịch vụ chuyển phát tư nhân 10
Đối tượng phải khai thuế 5, 7
Ghi ngày 14
Gửi qua đường bưu điện 16
Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ khai thuế miễn phí 10
Ngoại nhân 7
Người được chỉ định làm bên thứ ba 14
Người giúp khai thuế được trả tiền 14
Nộp 5
(*Xin cũng xem* Yêu cầu khai thuế)
Sửa đổi 18, 94
Tài liệu đính kèm hồ sơ khai thuế 14
Thanh toán với 15
Trẻ em 14
Hồ sơ khai thuế chung:
Chu kỳ kế toán 22
Gia hạn cho công dân ở bên ngoài Hoa Kỳ 11
Hình phạt gian lận 21
Khai thuế riêng sau khi khai thuế chung 24
Ký tên 14, 23
Người giám hộ của vợ/chồng, ký tên với tư cách 23
Người nộp thuế đã ly hôn 22
Người phụ thuộc trên 34
Người vợ/chồng đã qua đời 22
Quyền lợi an sinh xã hội và quyền lợi hưu trí đường sắt 68
Sau khi khai thuế riêng 24
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ 97
Thuế ước tính 41
Tình trạng khai thuế 22
Trách nhiệm đối với 22
Vợ/chồng bị ảnh hưởng 15
Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú hoặc có tình trạng kép 23
Vợ/chồng vô can 23
Hồ sơ khai thuế cuối cùng của người quá cố:
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92
Hồ sơ khai thuế riêng (*Xinxem* Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)
Hồ sơ khai thuế sửa đổi 18
(*Xin cũng xem* Mẫu 1040-X)
Khấu trừ thuế tiêu chuẩn, thay đổi thành khấu trừ từng khoản 94
Khấu trừ từng khoản, thay đổi thành khấu trừ thuế tiêu chuẩn 94
Hồ sơ khai thuế trên giấy và hồ sơ khai thuế điện tử (*Xinxem Khai thuế điện tử*)
Hỗ trợ (*Xinxem* Trợ giúp về thuế)
Hỗ trợ, thuế (*Xinxem* Trợ giúp về thuế)
Hỗ trợ giáo dục:
Đơn vị sử dụng lao động cung cấp 50
Học bổng (*Xinxem* Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)
Tiền học (*Xinxem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Hỗ trợ hành chính, khấu trừ 102
Hỗ trợ năng lượng 74
Hỗ trợ thanh toán trước 75
Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn 55
Cá nhân bị bệnh mãn tính 55, 70
Định nghĩa dịch vụ đủ tiêu chuẩn 55
Loại trừ, hạn mức 55
Hợp tác xã nhà ở:
Thuế bất động sản, khấu trừ 97
Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Hủy nợ 69
Ngoại lệ đối với thu nhập 69
Hướng dẫn viên du lịch:
Du lịch miễn phí khi tổ chức du lịch 76
Hưu bổng 38, 63
(*Xin cũng xem* Quyền lợi hưu trí đường sắt)
Chương trình của chủ lao động:
Các trường hợp không được bao trả 81
Chuyển qua IRA 84, 90
Trợ cấp từ chương trình của chủ lao động trước 81
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong 14
Đầu tư chưa hoàn vốn vào 105
Đóng góp:
Đánh thuế 52
Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí 23
Giáo sĩ 53
Hạn mức hoãn thuế tự chọn 52
Hưu bổng được thừa kế 76
Hưu bổng thương tật 54
Khấu lưu thuế 14, 40
Quân đội (*Xinxem* Lực Lượng Vũ Trang)

I

Internet:
Khai thuế điện tử qua (*Xinxem Khai thuế điện tử*)
IRA (*Xinxem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
IRA Truyền thống (*Xinxem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
ITIN (*Xinxem* Số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN))

K

Két ký quỹ an toàn 102
Kế hoạch 529 (*Xinxem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Khai thuế điện tử 3, 5, 8
Gia hạn thời gian khai thuế 11
Nộp hồ sơ đúng hạn 10
Khấu lưu FICA 12, 37, 49
(*Xin cũng xem* Khấu lưu thuế)
(*Xin cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)
Khấu lưu thuế 12, 37
(*Xin cũng xem* Mẫu W-2)
Biểu mẫu không chính xác 45
Các khoản chi trả theo Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai Năm 1988 41
Các khoản chi trả theo Đạo Luật Nông Nghiệp Năm 1949 41
Các khoản vay tín dụng hàng hóa 41
Các quy tắc chung 38
Công việc mới 38
Định nghĩa 37
Đơn vị sử dụng lao động, quy tắc đối với 39
Hình phạt 37, 39, 41
Hoàn thuế đã khấu lưu 39
Hồ sơ khai thuế riêng 45
Hưu bổng và niên kim 14, 40
Kiểm tra số tiền 38
Lương bổng bổ sung 39
Mẫu W-4:
Do chủ lao động cung cấp 39
Miễn 39
Nếu không nộp Mẫu W-4, đơn vị sử dụng lao động phải áp dụng mức khấu lưu cao nhất 39
phân phối IRA 86
Phương pháp tiền lương cộng dồn 39
Quyền lợi an sinh xã hội 41, 65
Quyền lợi hưu trí đường sắt 41, 65
Quyền lợi phụ 40
Thay đổi số tiền khấu lưu 38
Cho năm 2022 38
Thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ 100
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ cho 96
Tiền boa (*Xinxem* Thu nhập từ tiền boa)
Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh 40
Tiền lương và tiền công 38
Tiền thắng bài bạc 40, 45
Tín thuế cho 37, 44
Trợ cấp thất nghiệp 40, 73
Xác định số tiền khấu lưu 38, 39
Yêu cầu hoàn thuế 7
Khấu lưu thuế dự phòng 41, 45, 56
Hình phạt 41
Khấu trừ lương 100
Khấu trừ từng khoản:
Chọn khấu trừ từng khoản 94
Khấu trừ tiêu chuẩn so sánh với 94
Mẫu 1040 được sử dụng 71
Thay đổi từ khấu trừ thuế tiêu chuẩn sang khấu trừ từng khoản (hoặc ngược lại) 94
Thuế tiểu bang, cho 94
Thu hồi 71
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23, 94
Vợ/chồng đã liệt kê từng khoản 92
Khấu trừ và phong tỏa 12
Khoản bồi hoàn 71
(*Xin cũng xem* Thu hồi các khoản đã khấu trừ trước đó)
Chi phí kinh doanh cho nhân viên 48
Khoản khấu trừ đóng góp từ thiện:
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92
Khoản khấu trừ khác 101
Khoản nợ vay mua nhà:
Giảm 69
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc 84, 85
(*Xin cũng xem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (RMD) 78
Khoản vay 19
(*Xin cũng xem* Nợ)
Khoản vay sinh viên:
Hủy nợ 69
Khấu trừ tiền lãi:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Không thể khai báo người giúp việc là người phụ thuộc 27
Không thể khai báo người giúp việc trong gia đình là người phụ thuộc 27
Không tuân thủ luật thuế (*Xinxem* Hình phạt)
Khung Thuế Suất 2020 125
Khu vực chiến sự:
Gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế 11
Ký hồ sơ khai thuế cho vợ/chồng 23
Khu vực chiến tranh (*Xinxem* Khu vực chiến sự)
Khuyết tật, người bị:
Báo cáo thu nhập hưu bổng thương tật 54
Bị mù (*Xinxem* Người mù)
Chi phí bảo hiểm 54
Chương trình hưu trí, hưu bổng và chia sẻ lợi nhuận 54
Chương trình phúc lợi tự chọn 54
Hưu bổng thương tật của chính phủ và quân đội 54
Ký hồ sơ khai thuế bởi đại diện do tòa án chỉ định 14
Lực lượng vũ trang 53
Quyền lợi an sinh xã hội và quyền lợi hưu trí đường sắt, các khoản khấu trừ cho 67
Quyền lợi hỗ trợ cộng đồng 73
Tiền bồi thường cho người lao động 55
Tiền lương nghỉ phép tích lũy 54
Tín thuế cho (*Xinxem* Người cao tuổi hoặc người khuyết tật, tín thuế cho)
Khuyết tật:
Người Phụ Thuộc 35
Trẻ em 29
Ký hồ sơ khai thuế của quý vị 8

L

Lãi và lỗ 23
(*Xin cũng xem* Lỗ)

Bài bạc (*Xinxem* Tiền thắng và thua bạc)
Hoạt động thụ động 24
(*Xin cũng xem* Hoạt động thụ động)
Khoản lỗ từ sở thích 76
Yêu cầu hoàn thuế cho khoản tiền lỗ 19
Lãi và lỗ thông thường (*Xinxem* Lãi và lỗ)
Làm tròn 13
Lệ phí 102, 104
Lệ phí cấp giấy phép:
Khả năng Khấu trừ 100
Tính chất không được khấu trừ của 103
Lính cứu hỏa:
Lính cứu hỏa tình nguyện:
IRA 81
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 70
Lính cứu hỏa tình nguyện:
IRA 81
Lính dự bị:
Hoàn trả 79
IRA 81
Loại trái phiếu tiết kiệm I 58
Loại trừ khỏi tổng thu nhập:
Bán nhà 77
Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn 51
Chương trình Trái phiếu Tiết kiệm Giáo dục 76
Hoãn thuế tự chọn, hạn mức loại trừ 52
Học bổng 77
Hỗ trợ giáo dục từ đơn vị sử dụng lao động 50
Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn 55
Hưu bổng thương tật của nhân viên liên bang và quân nhân 54
Lãi từ tiền gửi đóng băng 76
Nhân viên an ninh công cộng chết hoặc bị giết khi thi hành công vụ, tiền tử tuất 70
Nợ được hủy 69
Phần thưởng cho người lao động 48
Phí đỗ xe, do chủ lao động chi trả 51
Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước 70
Quyền lợi đình công 77
Quyền lợi giá trị tối thiểu 50
Thu nhập kiếm được ở nước ngoài 3
Trợ cấp bảo tồn năng lượng 75, 78
Trợ cấp đi lại cho người lao động 51
Loạt trái phiếu tiết kiệm EE và E 58
Loạt trái phiếu tiết kiệm HH và H 58
Lỗ 19, 24
(*Xin cũng xem* Lãi và lỗ)
Bài bạc (*Xinxem* Tiền thắng và thua bạc)
Tai biến 102, 104
Trộm cắp 102, 104
Vốn 24
Lỗ ròng từ công việc kinh doanh:
Hoàn tiền hoàn nhập 19
Lợi nhuận đầu tư hoặc tiền vốn bị lỗ trong việc đầu tư:
Bán mặt hàng cá nhân 77
Sở thích, mua bán từ bộ sưu tập 76
Luật Giảm Thiểu Các Loại Thủ Tục Hành Chánh năm 1980 3
Luật Quyền Riêng Tư và thông tin giảm thủ tục hành chánh 3
Lực Lượng Vũ Trang:
(*Xin cũng xem* Trợ cấp cho cựu chiến binh)
Hưu bổng thương tật 54
Khấu lưu từ lương của người về hưu 38
Khu vực chiến sự:
Gia hạn thời gian nộp hồ sơ khai thuế 11
Ký hồ sơ khai thuế cho vợ/chồng 23
Quyền lợi GI Bill 36
Thanh toán cho chương trình phục hồi 53
Thuế bất động sản khi nhận trợ cấp thuê nhà để ở 99
Tiền công 53
Tiền phân bổ cho người phụ thuộc 35
Tiền phân bổ trợ cấp nhà ở cho quân nhân 35
Tiền thanh toán cho người nghỉ hưu:
Thu nhập chịu thuế 53
Trợ cấp thương tật 53
Lương bổng bổ sung 39
Lương giờ phụ trội 39
Lương truy lĩnh, lệnh yêu cầu trả 48
Thiệt hại về tinh thần theo tiêu đề VII của Đạo Luật Dân Quyền năm 1964 75
Lưu giữ hồ sơ:
Trái phiếu tiết kiệm dùng cho giáo dục 61
Lưu giữ sổ sách:
Đánh bạc 105

M

MAGI (*Xinxem* Tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI))
Mất mát tài sản 103
Mẫu 10, 53, 64
1040 26, 108
1040, Bản Khai A:
Tiền hoa hồng chưa được hưởng, khấu trừ để hoàn trả 48
1040, Bản Khai C:
Chi phí công chứng 76
Chi phí giám đốc công ty 75
Miễn nợ 69
Người chăm sóc nuôi dưỡng 76
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em 48
Thu nhập từ trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ 68
Thu nhập và chi phí cho thuê 72
Tiền lại quả 76
Tiền lãi từ tiền bản quyền từ dầu mỏ, khí đốt hoặc khoáng sản 72
1040, Bản Khai E:
Tiền bản quyền 72
1040, Bản Khai SE 53
Báo cáo tiền công và tiền lương 48
Chi phí công chứng 76
Chi phí giám đốc công ty 75
Hưu bổng của giáo sĩ 53
Người chăm sóc nuôi dưỡng 76
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em 48
Quyền lợi FECA 55
Số nhận diện người nộp thuế là ngoại nhân 37
Thu nhập và chi phí cho thuê 72
Tiền bồi thường cho người lao động 55
Tiền hưu trí của quân lực 53
Tiền hưu trí thương tật 54
Tiền lại quả 76
Tiền lãi từ tiền bản quyền từ dầu mỏ, khí đốt hoặc khoáng sản 72
1040 hoặc 1040-SR:
1040 hoặc 1040-SR, Bản Khai A:
Đóng góp từ thiện 16
1040 hoặc 1040-SR, Bản Khai SE 7
Địa chỉ 16
IRA 86, 88
Quyền lợi hưu trí đường sắt, báo cáo trên 65
Quỹ Vận Động Tranh Cử Tổng Thống 13
Tài liệu đính kèm 14
Trợ cấp an sinh xã hội, báo cáo trên 65
Việc sử dụng của 22, 23
1040-NR:
Hồ sơ khai thuế của ngoại nhân không thường trú 10
1040-X:
Đang hoàn thiện 18
Hôn nhân bị hủy bỏ 22
Hồ sơ khai thuế cá nhân sửa đổi 18
Khai thuế 18
Khấu trừ thuế tiêu chuẩn, thay đổi thành khấu trừ từng khoản 94
Khấu trừ từng khoản, thay đổi thành khấu trừ thuế tiêu chuẩn 94
Thay đổi tình trạng khai thuế 24
1065:
Thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh 70
1098:
Bảng kê tiền lãi nợ vay mua nhà 71
1099:
Báo cáo thu nhập chịu thuế 12
1099-B:
Thu nhập từ trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ 68
1099-C:
Hủy nợ 69
1099-DIV:
Báo cáo thu nhập từ cổ tức 52
1099-G:
Hoàn thuế tiểu bang 71
1099-INT 57, 63
1099-MISC:
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên 75
1099-OID 62
1099-R:
Giải ước hợp đồng bảo hiểm nhân thọ để nhận tiền mặt 70
phân phối IRA 86, 88
Sự phân phối từ chương trình hưu trí 14
1120S:
Thu nhập từ Công ty S 71
2555 111
2848:
Giấy ủy quyền và khai báo người đại diện 14, 23
3115 59
3800:
Tín thuế chung cho kinh doanh 19
4506 17
4506-T:
Yêu cầu bản ghi hồ sơ khai thuế 17
4868 11, 37
Nộp mẫu đơn bản giấy 11
Nộp mẫu đơn điện tử 11
Tự động gia hạn thời gian khai thuế 11, 37
5329:
Phân phối tối thiểu bắt buộc, không thực hiện được 88
56:
Thông Báo Về Quan Hệ Ủy Thác 14
6251 108
8275:
Báo cáo công khai 20
8275-R:
Báo cáo công khai quy định 20
8379:
Kê khai thương tật của người hôn phối 15
8606:
Các khoản đóng góp IRA, Tái xác định 85
Đóng góp IRA, Không được khấu trừ 78, 82, 86
8615 56
8814 56
8815 60
8818 61
8822:
Thay đổi địa chỉ của quý vị 18
8839:
Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện 50
8853:
Các chương trình Archer MSA và các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn 50
Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước 70
8857:
Giảm nhẹ cho vợ/chồng vô can 23
8879:
Ủy quyền cho nhà cung cấp Khai thuế điện tử sử dụng mã PIN tự chọn 10
9465:
Yêu cầu thỏa thuận trả dần 16
Bản Khai 8812:
Tín thuế trẻ em 111
Mẫu 8919:
Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên tiền lương 48
RRB-1042S:
Quyền lợi hưu trí cho ngoại nhân không thường trú 64
RRB-1099:
Quyền lợi hưu trí đường sắt 63, 64
SS-5:
Đề nghị cấp số an sinh xã hội 13, 37
SSA-1042S:
Trợ cấp an sinh xã hội cho ngoại nhân không thường trú 64
SSA-1099:
Quyền lợi an sinh xã hội 63
W-2:
Báo cáo thu nhập do đơn vị sử dụng lao động lập 12, 14, 48, 49, 52
Chi phí của viên chức khu bầu cử 76
Quyền lợi phụ 49, 50
Tham gia chương trình hưu trí của chủ lao động 80
W-2G:
Bảng kê khấu lưu tiền thắng bài bạc 76
W-4V:
Yêu cầu khấu lưu tự nguyện 73
W-7:
Yêu cầu số nhận dạng người nộp thuế cá nhân 37
W-7A:
Yêu cầu mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi 13, 37
Mẫu 1040:
Bù trừ khoản thanh toán vượt mức vào thuế của năm tới 43
Các khoản thuế ước tính 45
Tiền thắng bài bạc 40
Mẫu 1040-ES:
Thuế ước tính 42, 44
Mẫu 1040 hoặc 1040-SR:
Bản khai A:
Các khoản thuế, khấu trừ 100
Quỹ quyền lợi tiểu bang, đóng góp bắt buộc vào 97
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ 100
Bản Khai C:
Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản được sử dụng trong kinh doanh, khấu trừ 100
Bản Khai E:
Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản cho thuê, khấu trừ 100
Bản Khai F:
Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản được sử dụng trong kinh doanh, khấu trừ 100
Thuế thu nhập từ nước ngoài, khấu trừ 100
Thuế tự doanh, khấu trừ 100
Mẫu 1099-K:
Thẻ thanh toán và các giao dịch mạng của bên thứ ba 77
Mẫu 1099-MISC:
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu 96
Mẫu 1099-NEC:
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu 96
Mẫu 1099-R:
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu được thể hiện trên 96
Mẫu 1099-S:
Tiền giao dịch bất động sản 98
Mẫu 1116:
Tín thuế nước ngoài 100
Mẫu đơn 8332:
Nhường quyền miễn thuế cho cha mẹ không bảo dưỡng 30
Mẫu tính thuế 124

Mẫu Tính Toán:
Quyền lợi an sinh xã hội hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt, để tính thuế 64, 65
Tiêu chí đánh giá hỗ trợ 31
Tình trạng chủ hộ gia đình và chi phí duy trì nhà ở 25
Tổng thu nhập đã điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI) Roth IRA, tính toán (Mẫu Tính Toán 9-2) 88
Trương mục hưu trí cá nhân (IRA), tính toán AGI theo luật thues mới (Mẫu Tính Toán 9-1) 82
Mẫu W-2 (*Xinxem* Mẫu W-2)
Báo cáo thu nhập do đơn vị sử dụng lao động lập 44
Biểu mẫu riêng từ mỗi đơn vị sử dụng lao động 44
Khai thuế 44
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu 96
Mẫu W-2c:
Báo cáo lương bổng và thuế sửa đổi 45
Mẫu W-2G:
Bảng kê khấu lưu tiền thắng bài bạc 40, 45
Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu được thể hiện trên 96
Mẫu W-4:
Chứng thư cho phép tạm thu thuế của nhân viên 38, 39, 41
Mẫu W-4S:
Yêu cầu khấu lưu tiền lương trả khi nghỉ bệnh 40
Mẫu W-4V 41
Trợ cấp thất nghiệp, yêu cầu khấu lưu tự nguyện 40
Medicare 49, 53
(*Xin cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)
Các lợi ích 74
Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage (*Xinxem* Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA))
Mexico:
Thường trú nhân của 28, 34
Miễn:
Khấu lưu thuế 39
Miễn giảm cá nhân 37
Miễn thuế:
Thu nhập 104
Tiền lãi 61
Trái phiếu và các nghĩa vụ khác 61
MSAs (*Xinxem* Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA))
Mua bán và trao đổi:
Trái phiếu 61
Mục 457 chương trình lương được trì hoãn:
Tiền chuyển qua:
Đến IRA 84, 90
Mục sư (*Xinxem* Giáo sĩ)
Mục ưu đãi về thuế 108
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92–94

N

Năm chịu thuế 10, 12
(*Xin cũng xem* Chu kỳ kế toán)
Năm theo lịch tài chính 12, 43
Năm tính thuế ngắn:
Thay đổi chu kỳ kế toán hàng năm 92
Ngày đến hạn 9, 10
Gia hạn (*Xinxem* Gia hạn thời gian khai thuế)
Hồ sơ khai thuế của ngoại nhân không thường trú 10
Ngày trong năm 2020 (Bảng 1-5) 10
Ngày đến hạn chung, thuế ước tính 43
Ngày lễ, thời hạn rơi vào 43
Ngân hàng:
IRA với 79
Ngân phiếu:
Đã chiết khấu 49, 61
Nhận được cho các dịch vụ 49
Ngoại nhân:
Bắt buộc khai thuế 7
Cư dân (*Xinxem* Ngoại nhân thường trú)
Người không trú (*Xinxem* Ngoại nhân không thường trú)
Tình trạng kép (*Xinxem* Người nộp thuế có tình trạng kép)
Ngoại nhân không thường trú 7
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92
Ngày đến hạn 10
Số nhận diện người đóng thuế 37
Số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN) 13
Thuế ước tính 41
Từ bỏ tình trạng ngoại nhân 53
Vợ/chồng 13
Đã ly thân 24
Không được khai thuế chung 23
Ngoại nhân thường trú:
phân phối IRA, khấu lưu từ 86
Số an sinh xã hội (SSN) 13
Thuế ước tính 41
Vợ/chồng được coi là 24
Ngư dân:
Quyền đánh/bắt cá của Thổ dân da đỏ 76
Thuế ước tính 41
Người cao tuổi:
Chăm sóc dài hạn (*Xinxem* Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)
Chương trình Dinh Dưỡng cho Người cao niên 74
Chương Trình Tư Vấn Thuế Vụ Cho Người Cao Tuổi 10
Miễn khấu lưu thuế 39
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho người từ 65 tuổi trở lên 92, 93
Nhà cho người cao tuổi 35
Tín thuế cho (*Xinxem* Người cao tuổi hoặc người khuyết tật, tín thuế cho)
Người cao tuổi hoặc người khuyết tật, tín thuế cho:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Người chưa kết hôn (*Xinxem* Người nộp thuế độc thân)
Người có thương tật (*Xinxem* Khuyết tật, người bị)
Người đại diện cá nhân (*Xinxem* Người được ủy thác)
Người đóng thuế có thu nhập cao hơn:
Thuế ước tính 41
Người đóng thuế đã ly thân 22
IRA 80
Tình trạng khai thuế 23, 24
Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú 24
Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy 12
Các khoản thuế đã nộp trong năm tính thuế, khấu trừ 96
Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt 12
Các khoản thuế đã nộp trong năm tính thuế, khấu trừ 96
Giao dịch bất động sản, phân phối thuế 98
Người được chỉ định 57, 62
Người được ủy thác 6, 79, 80
(*Xin cũng xem* Người Thi Hành và người Quản Lý)
(*Xin cũng xem* Người được ủy thác)
Giao dịch bị cấm 86
IRA:
Chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác 83, 90
Phí 79, 80
Phí dịch vụ 75
Phí hành chính 102
Người giúp khai thuế 14
Người góa vợ/chồng (*Xinxem* Người vợ/chồng còn lại)
Người góp vốn và hình thức hợp tác kinh doanh 102
Thu nhập 70
Người hưởng dụng:
Chung 56
Toàn bộ 56
Người không có khả năng tài chính 19
Người không đủ năng lực về tinh thần 54
(*Xin cũng xem* Khuyết tật, người bị)
Ký hồ sơ khai thuế bởi đại diện do tòa án chỉ định 14
Người làm thuê tại nhà (*Xinxem* Giúp việc nhà)
Người lao động 39, 49, 50
(*Xin cũng xem* Quyền lợi phụ)
Cần phải điền Mẫu W-4 khi bắt đầu công việc mới 39
Chi phí kinh doanh (*Xinxem* Chi phí kinh doanh cho nhân viên)
Phần thưởng cho dịch vụ 48
Quyền lợi phụ 40
Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm 76
Việc làm ở nước ngoài (*Xinxem* Việc làm nước ngoài)
Người lao động trong ngành nông nghiệp (*Xinxem* Nông dân)
Người mang quốc tịch Hoa Kỳ 28
Người mù:
Miễn khấu lưu thuế 39
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho 92, 93
Người Mỹ bản xứ (*Xinxem* Thổ dân da đỏ)
Người Mỹ gốc Thổ dân da đỏ (*Xinxem* Thổ dân da đỏ)
Người nộp thuế cá nhân (*Xinxem* Người nộp thuế độc thân)
Người nộp thuế có tình trạng kép 7
Không được khai thuế chung 23
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92
Người nộp thuế đã kết hôn 22–24
(*Xin cũng xem* Hồ sơ khai thuế chung)
(*Xin cũng xem* Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)
(*Xin cũng xem* Chủ quyền trọn)
Chữ ký khi vợ/chồng không thể ký 14
IRA 79, 80
Vợ/chồng được bao trả theo chương trình của chủ lao động 80, 81
Người vợ/chồng đã qua đời 5, 6, 22
(*Xin cũng xem* Người vợ/chồng còn lại)
Quyền lợi an sinh xã hội hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt, trách nhiệm đóng thuế 64
Roth IRA 88
Sống xa nhau 22
Thuế ước tính 41, 42
Tình trạng khai thuế 5, 6, 22
Vợ/chồng bị mù:
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 93
Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú 13, 23
Vợ/chồng từ 65 tuổi trở lên:
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 93
Vợ chồng là ngoại nhân có tình trạng kép 23
Người nộp thuế đã ly hôn 74
(*Xin cũng xem* Tiền cấp dưỡng sau ly hôn)
Bảo dưỡng trẻ em 29
Các khoản thuế ước tính 45
IRA 80, 84
Thuế bất động sản, phân phối 99
Tình trạng khai thuế 22
Người nộp thuế đã qua đời (*Xinxem* Người quá cố)
Người nộp thuế độc thân 22
Tình trạng khai thuế 6, 22
Yêu cầu khai thuế 6
Yêu cầu khai thuế dựa trên tổng thu nhập (Bảng 1-1) 5
Người nộp thuế theo niên lịch:
Chu kỳ kế toán 10, 12, 49
Ngày đến hạn khai thuế 10
Người nước ngoài (*Xinxem* Ngoại nhân thường trú)
Người phụ thuộc 7, 27
(*Xin cũng xem* Tín thuế trẻ em)
Đã kết hôn, nộp hồ sơ khai thuế chung 28, 30
Được sinh ra 34
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho 93
Qua đời 34
Sinh và mất trong năm 13, 37
Số an sinh xã hội 13
Mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi 13, 37
Người phụ thuộc là ngoại nhân 37
Thân nhân đủ điều kiện 33
Trẻ đủ điều kiện 28
Yêu cầu khai thuế:
Mức thu nhập do lao động, thu nhập không do lao động và tổng thu nhập (Bảng 1-2) 6
Người phụ thuộc đã kết hôn, nộp hồ sơ khai thuế chung 28, 30
Người phụ thuộc được sinh ra 34
Người phụ thuộc không được phép khai báo người phụ thuộc 28
Người phụ thuộc qua đời 34
Người quá cố 6
(*Xin cũng xem* Người Thi Hành và người Quản Lý)
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn 92
Ngày đến hạn 10
Người vợ/chồng đã qua đời 6
Trái phiếu tiết kiệm 59
Vợ/chồng qua đời 22
Yêu cầu khai thuế 6
Người Quản lý, di sản (*Xinxem* Người Thi Hành và người Quản Lý)
Người tàn tật (*Xinxem* Khuyết tật, người bị)
Người Thi Hành và người Quản Lý 6
Người thụ hưởng 75
(*Xin cũng xem* Người thụ hưởng quỹ tín thác)
(*Xin cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
Người thụ hưởng di sản:
IRA (*Xinxem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
Khoản lỗ từ di sản 75
Nhận thu nhập từ di sản 75
Người thụ hưởng quỹ tín thác:
Khoản lỗ từ quỹ tín thác 75
Nhận thu nhập từ quỹ tín thác 75, 76
Người tư doanh 100
(*Xin cũng xem* Thuế tư doanh)
Công dân Hoa Kỳ được tuyển dụng bởi Chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế 7
Định nghĩa 7
Giám đốc công ty là 75
IRA 79
Mục sư 7
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên 75
Tổng thu nhập 6
Người về hưu:
Lực lượng vũ trang:
Thu nhập chịu thuế 53
Người vợ/chồng còn lại:
Thuế (*Xinxem* Thuế di sản)
Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho 70
Tình trạng khai thuế 22
Với con là người phụ thuộc 25
Tình trạng khai thuế độc thân 22
Yêu cầu khai thuế dựa trên tổng thu nhập (Bảng 1-1) 5
Nhà dưỡng lão:
Bảo hiểm chăm sóc tại (*Xinxem* Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)
Nhà ở 24
(*Xin cũng xem* Nhà ở)
Chi phí duy trì 24
Mẫu Tính Toán 25
Giáo sĩ 52
Hệ thống an ninh 103
Người cao tuổi, nhà cho 35
Tập thể (*Xinxem* Hợp tác xã nhà ở)
Nhầm lẫn (*Xinxem* Sai sót)
Nhận con nuôi:
ATIN 13
Hỗ trợ của đơn vị sử dụng lao động 50
Số nhận diện người đóng thuế 13, 37
Tín thuế:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế trẻ em 110
Nhận ngầm hiểu thu nhập 12, 62
Nhân viên chính phủ:
Liên bang (*Xinxem* Nhân viên liên bang)
Nhân viên dịch vụ y tế khẩn cấp:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 70
Nhân viên liên bang:
Các khoản thanh toán FECA 55

Hưu bổng thương tật 54
Dựa trên số năm tại ngũ 55
Loại trừ, điều kiện để 54
Tấn công khủng bố 55
Tiền lương nghỉ phép tích lũy 49
Trợ cấp sinh hoạt phí 49
Nhân viên phụ vụ xe cứu thương:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 70
Nhân viên thi hành pháp luật:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 70
Nhân viên tổ chức hoặc Nữ nhân viên tổ chức 69
Niên kim:
Đầu tư chưa hoàn vốn 105
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong 14
IRA là 79
Khấu lưu thuế 14, 40
Nội thất gia đình:
Đồ cổ (*Xinxem* Đồ sưu tầm)
Nông dân:
Khấu lưu thuế 38
Thuế ước tính 41
Nông nghiệp (*Xinxem* Nông nghiệp)
Hoạt động không vì lợi nhuận 74
Nợ được hủy, xử lý 69
Nộp hồ sơ khai thuế trễ hạn 3
Hình phạt 10, 20
Nộp thuế 3, 9, 15, 16, 19, 44
Bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ 11
Dịch vụ chuyển phát 10
Hình phạt do thanh toán trễ hạn 20
Thỏa thuận trả dần (*Xinxem* Thỏa thuận trả dần)
Thuế ước tính 16
Nợ 19, 71
(*Xin cũng xem* Nợ khó đòi)
Công, quà tặng để giảm 16
Do người khác trả 12
Đã hủy (*Xinxem* Hủy nợ)
Hoàn thuế Bù trừ 9, 15
Không truy đòi 69
Truy đòi 69
Nợ công:
Quà tặng để giảm 16
Nơi cư trú chính (*Xinxem* Nhà ở)
Nơi nộp hồ sơ khai thuế 16
Nợ khó đòi:
Thu hồi 71
Yêu cầu hoàn thuế 19
Nợ vay mua nhà:
Nợ vay mua nhà được chiết khấu 69
Tiền lãi:
Hoàn thuế 71
Tiền trả trợ cấp 74

O

OASDI 74

P

Phán quyết của tòa án và thiệt hại (*Xinxem* Thiệt hại từ tình huống pháp lý)
Phá sản:
Nợ được hủy không được coi là thu nhập 69
Phân phối:
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc 84, 85
(*Xin cũng xem* Trương mục hưu trí cá nhân (IRA))
Từ thiện đủ điều kiện 86
Phân phối liên quan đến đại dịch Virus Corona 78
Phân phối trước kỳ hạn (*Xinxem* Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)
Phân phối từ thiện, đủ điều kiện 86
Phần thưởng (*Xinxem* Giải thưởng và phần thưởng)
Phí 75
(*Xin cũng xem* Loại khấu trừ và thu nhập cụ thể)
Giấy phép chuyên môn 104
Phí bảo hiểm:
Nhân thọ 36, 103
Tạm ứng 58
Y tế 36
Phí bảo hiểm nhân thọ 36
Phí bảo hiểm sức khỏe 36
Phí bảo hiểm y tế 36
Phí bảo quản tài sản 102
Phí dịch vụ 102
Phí đỗ xe:
Quyền lợi phụ do chủ lao động cung cấp:
Loại trừ khỏi thu nhập 51
Phiếu thực phẩm 35
Phí giao dịch 102
Phí giấy phép chuyên môn 104
Phí hội viên:
Câu lạc bộ 103
Phí luật sư 102, 104
Phí luật sư, tiền thưởng cho người tố giác:
Dưới dạng thu thập 75
Phí luật sư dự phòng:
Dưới dạng thu thập 75
Phí thẩm định 102
Phí viết chi phiếu 103
Phong tỏa tiền lương 12
Phụ cấp của Tổ Chức Hòa Bình Hoa Kỳ 54
Phương pháp kế toán 12
Phương pháp kế toán tích lũy (*Xinxem* Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy)
Phương pháp thu chi bằng tiền mặt (*Xinxem* Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt)
Phương thức khai thuế thay thế:
Điện tử (*Xinxem Khai thuế điện tử*)
Puerto Rico:
Cư dân 7

Q

Qua đời (*Xinxem* Người quá cố)
Quà tặng:
Để giảm nợ công 16
Không đánh thuế 76
Quà tặng ngày lễ 50
Quà tặng ngày lễ 50
Quần đảo Bắc Mariana:
Thu nhập từ 7
Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ:
Thu nhập từ 7
Quân đội (*Xinxem* Lực lượng vũ trang)
Quốc Tịch Hoa Kỳ 28
Quỹ bảo chứng:
Các khoản thuế đã đặt, khi được khấu trừ 98
Quỹ bị đánh cắp:
Báo cáo về 77
Quỹ cơ hội đủ điều kiện 77
Quy định 59 1/2:
Quy định tuổi 59 1/2 87
Quy định 60 ngày 83
Quy định 72:
Quy định tuổi 72 85
Quy định mới 1
Quy định về các hạn chế:
Yêu cầu hoàn thuế 15, 19
Quyền chọn 52
Quyền chọn cổ phiếu 52
Quyên góp (*Xinxem* Đóng góp từ thiện)
Quyền lợi an sinh xã hội 35, 63, 68
Báo cáo về 65
Các chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động khác với 81
Các khoản khấu trừ liên quan đến 67
Chọn nhận tiền một lần 65
Do đơn vị sử dụng lao động chi trả 49
Đơn vị sử dụng lao động nước ngoài 53
Hoàn trả 102
Hoàn trả các quyền lợi. 65, 72
Hồ sơ khai thuế chung 68
IRA cho người nhận trợ cấp 81
Khấu lưu cho 65
Không thể khấu trừ 100
Khấu lưu thuế 41
Mẫu SSA-1042S cho ngoại nhân không thường trú 64
Mẫu SSA-1099 63
Thuế tính cho 64, 65
Thuế ước tính 65
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23, 65
Quyền lợi bồi thường tử vong:
Nhân viên an ninh công cộng chết hoặc bị giết khi thi hành công vụ, miễn thuế 70
Tiền bảo hiểm nhân thọ (*Xinxem* Bảo hiểm nhân thọ)
Trả trước 70
Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước 70
Quyền lợi của người lao động 49, 50
(*Xin cũng xem* Quyền lợi phụ)
Quyền lợi đình công 77
Quyền lợi giá trị tối thiểu 50
Quyền lợi GI Bill 36
Quyền lợi hỗ trợ cộng đồng 73
Quyền lợi hưu trí đường sắt 63, 68, 77
Báo cáo về 65
Bậc tương đương 1 (quyền lợi tương đương an sinh xã hội (Social Security Equivalent Benefit, SSEB)) 63, 77
Các chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động khác với 81
Các khoản khấu trừ liên quan đến 67
Chọn nhận tiền một lần 65
Hoàn trả các quyền lợi. 65
Hồ sơ khai thuế chung 68
Khấu lưu cho 65
Khấu lưu thuế 41
Không được khấu trừ thuế 100
Mẫu RRB-1042S cho ngoại nhân không thường trú 64
Mẫu RRB-1099 63
Thuế tính cho 64, 65
Thuế ước tính 65
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23, 65
Quyền lợi khóa xưởng 77
Quyền lợi phụ:
Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe 49
Chu kỳ kế toán 49
Dịch vụ lập kế hoạch hưu trí 51
Đóng góp cho chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA 50
Hỗ trợ giáo dục 50
Khấu lưu thuế 40
Mẫu W-2 49
Nhận con nuôi, hỗ trợ của đơn vị sử dụng lao động 50
Phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn 50
Quà tặng ngày lễ 50
Quyền lợi giá trị tối thiểu 50
Thu nhập chịu thuế 49
Vận chuyển 51
Quyền lợi trợ cấp xã hội 35, 73
Quyền tăng giá cổ phiếu 49
Quỹ góp vốn đầu tư:
Chưa được niêm yết công khai 102
Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp California 97
Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New Jersey 97
Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New York 97
Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Tạm Thời Đảo Rhode 97
Quy tắc người chiến thắng chung cuộc 32
Quỹ tín thác 75
(*Xin cũng xem* Người thụ hưởng quỹ tín thác)
Người được ủy thác 75
Thu nhập 75
Quỹ Trợ Cấp Công Nhân Bổ Sung Tiểu bang Washington 97
Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp Alaska 97
Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp New Jersey 97
Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp Pennsylvania 97
Quỹ Vận Động Tranh Cử Tổng Thống 13

R

Roth IRA 88–91
(*Xin cũng xem* Tiền chuyển qua)
Ảnh hưởng của AGI theo luật thuế mới lên các khoản đóng góp (Bảng 9-3) 88
Chuyển đổi 90
Chuyển IRA đến 83, 84
Đóng góp:
Chỉ Roth IRA 89
Cho IRA truyền thống trong cùng năm 89
Không khấu trừ cho 88
Thời gian thực hiện 90
Đóng góp của vợ/chồng 88
Giới hạn đóng góp 89
Dưới 50 tuổi, 89
Từ 50 tuổi trở lên, 89
Hình phạt:
Đóng góp chuyển đổi được rút trong khoảng thời gian 5 năm 91
Tiền đóng thuế thặng dư 90
Khái niệm 88
Phân phối:
Phân phối đủ điều kiện 91
Rút tiền:
Không chịu thuế 91
Tiền đóng thuế thặng dư 90
Tái xác định 85
Thiết lập tài khoản 88
Tiền đóng thuế thặng dư 90
Tiền thù lao, được xác định 88
Tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI):
Giảm dần (Bảng 9-3) 88
Tính toán (Mẫu Tính Toán 9-2) 88
Trách nhiệm đóng thuế 91
Tuổi:
Không giới hạn cho đóng góp 88
Không yêu cầu tuổi phân phối 91
Phân phối sau tuổi 59 1/2 91
Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế:
Chi phí giáo dục đại học, ngoại lệ không bị phạt tiền 78
IRA:
Hình phạt 85, 87
Phân phối sớm, đã xác định 87

S

Sai sót:
Báo cáo lương bổng và thuế sửa đổi 45
Hoàn thuế 18
Phát hiện sau khi nộp hồ sơ khai thuế, cần sửa đổi hồ sơ khai thuế 18
Samoa thuộc Hoa Kỳ:
Thu nhập từ 7
SEP (*Xinxem* Chương Trình Bảo Hiểm Hưu Trí Giản Đơn Cho Nhân Viên (SEP))
Sinh viên:
Chương trình tiền học, đủ điều kiện (*Xinxem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Định nghĩa 29
Học bổng (*Xinxem* Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)
Khoản vay (*Xinxem* Khoản vay sinh viên)
Miễn khấu lưu thuế 39
Nước ngoài 28
Sinh viên nước ngoài 28
Số an sinh xã hội (SSN) 12
Hình phạt cho hành vi không cung cấp 13
Mẫu SS-5 để đề nghị cấp 13
Ngoại nhân thường trú 13
Người phụ thuộc 2, 13
Trường hợp ngoại lệ 13
Số an sinh xã hội (SSN) 2
Mã số cần lấy khi sinh 37
Thư từ với Sở Thuế Vụ, nêu rõ SSN 13

Vợ/chồng là ngoại nhân không thường trú 13
Số nhận diện người đóng thuế (TIN):
Số nhận diện người đóng thuế (TIN):
Cá nhân (ITIN) 37
Cá nhân (ITIN) 13
Nhận con nuôi (ATIN) 13
Số an sinh xã hội (*Xinxem* Số an sinh xã hội (SSN))
Số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN) 37
Số nhận diện người đóng thuế cá nhân (ITIN) 13
Sổ xố và đánh bạc 76
(*Xin cũng xem* Tiền thắng và thua bạc)
Sở thích 102
Các hoạt động không vì lợi nhuận. 74
Lỗ 76
Sở Thuế Vụ (IRS):
Hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên, khai báo ẩn danh 3
Sứ mệnh của 4
Spa Chăm Sóc Sức Khỏe 103
SSN (*Xinxem* Số an sinh xã hội (SSN))
Sức khỏe:
Bảo hiểm y tế 49
(*Xin cũng xem* Bảo hiểm tai nạn)
Tài khoản bồi hoàn 50
Tài khoản chi tiêu linh hoạt 50
Tài khoản tiết kiệm 50
Sự cố bệnh than (*Xinxem* Tấn công khủng bố)
Sự khấu hao:
Máy tính gia đình 102
Sự tham ô:
Báo cáo quỹ tham ô 76

T

Tài khoản chung 56
Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA) 50, 77
(*Xin cũng xem* Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA)
Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage 77
Tài liệu đính kèm hồ sơ khai thuế 14
Tài sản:
Bị đánh cắp 77
Được tìm thấy 76
Tài sản bị đánh cắp 77
Tài sản cá nhân:
Thu nhập cho thuê từ 72
Tài sản căn bản:
Than và quặng sắt 72
Tài sản chung của vợ chồng 6, 59
IRA 79
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 24
Tài sản được tìm thấy 76
Tái xác định:
Đóng góp IRA 85
Tấn công khủng bố:
Hưu bổng thương tật cho nhân viên liên bang 55
Thanh toán 107, 108
Cứu trợ thiên tai 74
Thanh toán cho chương trình phục hồi 53
Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm 76
Thanh toán thuế ước tính 43
Bằng chi phiếu hoặc lệnh chuyển tiền 43
Ghi có khoản thanh toán vượt mức 43
Thanh toán tiền lãi 71
(*Xin cũng xem* Nợ vay mua nhà)
Khấu trừ khoản vay sinh viên 23
Nợ được hủy bao gồm 69
Thanh toán tiền lương chênh lệch 49
Thanh toán trễ hạn:
Hình phạt đối với việc nộp thuế 20
Thanh toán vượt mức thuế quy định 14
(*Xin cũng xem* Hoàn thuế)
Thành viên đội cứu hộ:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 70
Thành viên hộ gia đình 22
(*Xin cũng xem* Chủ gia đình)
Than và quặng sắt 72
Thay đổi địa chỉ của quý vị 18
Thay đổi tên 13, 45
Thẩm phán, liên bang:
Bao trả theo chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động 80
Thân nhân, đủ điều kiện 33
Thân nhân đủ điều kiện 33
Thẻ tín dụng:
Nộp thuế 3
Quyền lợi, tính thuế của bảo hiểm 75
Thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ:
Nộp thuế 11
Thiệt hại mang tính chất trừng phạt:
Dưới dạng thu thập 75
Thiệt hại từ tình huống pháp lý 75
Thiệt hại về cảm xúc 75
Thiệt hại vì tai biến 102, 104
Thỏa thuận trả dần 16
Thỏa thuận trợ cấp đa phương 36
Thổ dân da đỏ:
Quyền đánh/bắt cá 76
Thuế do chính quyền bộ lạc thu, khấu trừ 96
Thông tin kín đáo:
Luật Quyền Riêng Tư và thông tin giảm thủ tục hành chánh 3
Thông tin TTY/TDD 127
Thời hạn (*Xinxem* Ngày đến hạn)
Thuế, không phải tiền hỗ trợ 36
Thuế:
Cách tính
Thuế an sinh xã hội và Medicare:
Hỗ trợ, không tính vào 36
Thuế bất động sản:
Định giá (*Xinxem* Việc định giá ở địa phương)
Hoàn thuế, giải pháp 99
Hợp tác xã nhà ở (*Xinxem* Hợp tác xã nhà ở)
khấu trừ 97
Khấu trừ:
Bản Khai A, C, E hoặc F (Mẫu 1040) 100
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Thuế chuyển giao tài sản:
Giao dịch bất động sản và 100
Thuế còn nợ:
Giao dịch bất động sản, phân phối thuế 98
Thuế di sản:
Khấu trừ 100
Thuế do Sở Thuế Vụ tính 108
Thuế đánh trên tài sản thừa kế:
Khả năng Khấu trừ 100
Khấu trừ 100
Thuế gián thu 85
(*Xin cũng xem* Hình phạt)
IRA do không thực hiện được các phân phối tối thiểu 85
Khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Roth IRA 90
Thuế lao động 37, 38, 44
Thuế Medicare, không phải tiền hỗ trợ 36
Thuế nghề nghiệp:
Khấu trừ:
Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Thuế quà tặng:
Không thể khấu trừ 100
Thuế suất 22
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế (Bản khai Y-2) 23
Thuế tài sản cá nhân:
Các khoản thuế (*Xinxem* Thuế tài sản cá nhân)
Khấu trừ 100
Bản Khai A, C, E hoặc F (Mẫu 1040) 100
Thuế thu nhập:
Liên bang (*Xinxem* Thuế thu nhập liên bang)
Nước ngoài (*Xinxem* Thuế thu nhập từ nước ngoài)
Tiểu bang hoặc địa phương (*Xinxem* Thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương)
Thuế thu nhập địa phương, các khoản khấu trừ từng khoản 94
Thuế thu nhập liên bang:
Không thể khấu trừ:
Khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương 94
Hoàn thuế, giải pháp 96, 97
Hồ sơ khai thuế điện tử nộp cho liên bang 9
Khai chung thuế tiểu bang và địa phương nhưng khai riêng thuế liên bang 97
Khấu trừ 96
Bản Khai A (Mẫu 1040) 100
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Mẫu W-2 thể hiện thuế được khấu lưu 96
Ngoại lệ đối với khoản khấu trừ 96
Thay đổi liên bang, có hiệu lực ngày 20
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 97
Thuế thu nhập từ nước ngoài:
Khái niệm 96
Khấu trừ 97
Bản Khai A hoặc báo cáo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR 100
Mẫu 1116 để yêu cầu tín thuế 100
Thuế tiền lương 49
(*Xin cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)
Thuế tiểu bang hoặc địa phương:
Hoàn thuế 71
Thuế tính theo đầu người:
Khả năng Khấu trừ 100
Thuế tối thiểu thay thế (AMT) 107
Thuế trẻ em (*Xinxem* Trẻ em, *tiêu đề phụ:* Thu nhập không do lao động của)
Thuế trước bạ:
Giao dịch bất động sản và 100
Thuế tư doanh:
Khấu trừ:
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Thuế ước tính 37
Chứng từ thanh toán 44
Định nghĩa 37
Hình phạt cho trả thiếu 37, 43, 45, 46
Hồ sơ khai thuế riêng 45
Khoản thanh toán vượt mức được áp dụng cho 14
Không bắt buộc 41
Kỳ đầu tiên, không có thu nhập chịu thuế ước tính trong 43
Người nộp thuế đã kết hôn 41
Người nộp thuế đã ly hôn 45
Người nộp thuế theo năm tài chính 43
Quyền lợi an sinh xã hội hoặc quyền lợi hưu trí đường sắt 65
Số tiền thuế phải đóng để tránh bị phạt. 43
Thanh toán 16, 43
Bản khai 42, 43
Những người phải thực hiện 41
Thời điểm bắt đầu 43
Xác định số tiền cho từng kỳ thanh toán 43
Thay đổi tên 45
Thay đổi thuế ước tính 43
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ 96
Thứ Bảy, Chủ nhật, quy tắc ngày lễ 43
Tính toán số tiền thuế 42
Tín thuế cho 37, 44
Tránh 41
Trợ cấp thất nghiệp 73
Thu gom rác:
Khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Thu hồi các khoản đã khấu trừ trước đó 71
Hoàn thuế 71
Hoàn thuế từ tiền lãi nợ vay mua nhà 71
Khấu trừ từng khoản 71
Trong nhiều năm 71
Thù lao hoãn thuế:
Chương trình không đủ điều kiện 49
Hạn mức 52
Thu nhập 48, 68, 74
(*Xin cũng xem* Tiền công và tiền lương)
(*Xin cũng xem* Tiền cấp dưỡng sau ly hôn)
Công ty S 71
Doanh nghiệp theo hình thức hợp tác kinh doanh 70
Hoạt động bất hợp pháp 77
Miễn thuế 35
Nhận ngầm hiểu 12, 62
Nợ được hủy 69
Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm 76
Thuế chưa được báo cáo 18
Thu hồi 71
Tiền bản quyền 72
Tiền bảo hiểm nhân thọ 70
Tiền lãi 56
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên 75
Tổng 34
Trả cho bên thứ ba 12
Trả cho đại lý 12
Trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ 68
Trả trước 12
Thu nhập do lao động:
Định nghĩa:
Cho mục đích khấu trừ thuế tiêu chuẩn 93
Yêu cầu khai thuế đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) 6
Thu nhập được miễn thuế 35
Thu nhập không do lao động:
Trẻ em 56
Thu nhập không do lao động của trẻ em (*Xinxem* Trẻ em, *tiêu đề phụ:* Thu nhập không do lao động của)
Thu nhập từ nước ngoài:
Báo cáo về 2
Loại trừ thu nhập do lao động 3
Thu nhập từ tiền boa:
Khấu lưu thuế 40
Khấu lưu chưa đủ 40
Tiền boa được phân bổ 40
Thu nhập từ tiền lãi 56
Hoàn thuế, từ 18
Mẫu 1099-INT 12
Thu hồi thu nhập, trên 71
Tiền gửi đóng băng, từ 76
Trái phiếu tiết kiệm 76
Thu nhập từ trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ 68
Định nghĩa trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ 68
Mẫu 1099-B 68
Thu nhập và chi phí cho thuê:
Cho thuê tài sản cá nhân 72
Giá tăng vì thuế bất động sản cao hơn.:
Khấu trừ (Bảng 11-1) 99
Lỗ từ hoạt động cho thuê bất động sản 24
Thứ Bảy, thời hạn rơi vào 43
Thực thể truyền qua 102
Tiền bản quyền 72
Tiền bản quyền khí đốt 72
Tiền bản quyền khoáng sản 72
Tiền bảo hiểm:
Cổ tức, tiền lãi từ 57
Nhân thọ 61
Thanh toán từng đợt 61
Tiền bồi thường cho người lao động 55
Đóng góp bắt buộc vào quỹ tiểu bang, khấu trừ 97
Quay trở lại làm việc 55
Tiền cấp dưỡng sau ly hôn:
Báo cáo thu nhập 74
Tiền chuyển qua 83
Báo cáo:
Từ chương trình của đơn vị sử dụng lao động sang IRA 84
Từ IRA này sang IRA khác 84
Chuyển qua một phần 84
Giới hạn thời gian (quy định 60 ngày) 83
Khái niệm 83
Thặng dư do thông tin chuyển qua không chính xác 87
Thời gian chờ giữa 84
Trách nhiệm đóng thuế 83, 88
Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA kế thừa 84
Từ chương trình 403 đến IRA 83
Từ chương trình của đơn vị sử dụng lao động sang IRA 83, 84
Từ chương trình theo mục 457 đến IRA 83
Từ IRA Này Sang IRA Khác 83, 84
Từ IRA sang Roth IRA 90

Từ Roth IRA sang Roth IRA 91
Từ SIMPLE IRA sang Roth IRA 91
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Xử lý 83
Tiền còn thiếu phải trả 107
Tiền công và tiền lương 12, 48–56
(*Xin cũng xem* Mẫu W-2)
Bảo hiểm chăm sóc dài hạn 49
Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe 49
Bổ sung 39
Các khoản phụ cấp và bồi hoàn 39, 48
Công nhân nông trại 38
Công việc tình nguyện 54
Dịch vụ hỗ trợ tìm việc làm thay thế 49
Dòng tu 53
Đóng góp cho chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA 50
Đóng góp chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động 52
Đơn vị sử dụng lao động nước ngoài 53
Giáo sĩ 52
Hoãn thuế tự chọn 52
Khấu lưu thuế (*Xinxem* Khấu lưu thuế)
Khấu trừ 12
Lệnh yêu cầu trả lương truy lĩnh 48
Mẫu W-2 (*Xinxem* Mẫu W-2)
Ngân phiếu cho các dịch vụ 49
Nghĩa vụ quân sự 53
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em 48
Người làm thuê tại nhà 38
Nhận con nuôi, hỗ trợ của đơn vị sử dụng lao động 50
Phần thưởng và giải thưởng 48
Quân nhân về hưu 38, 53
Quyền chọn cổ phiếu 52
Quyền lợi giá trị tối thiểu 50
Quyền lợi phụ 49
Quyền tăng giá cổ phiếu 49
Tài sản bị hạn chế 52
Cổ tức trên cổ phiếu bị hạn chế 52
Thuế an sinh xã hội và Medicare do đơn vị sử dụng lao động chi trả 49
Thù lao của người lao động 48
Thù lao khác 48
Thu nhập của trẻ em 7
Thưởng thành tích cho người lao động 48
Tiền hoa hồng tạm ứng 48
Tiền lương nghỉ phép tích lũy 49
Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh 49, 55
Tiền thưởng 48
Trông trẻ 48
Trợ cấp sinh hoạt phí của chính phủ 49
Trợ cấp thôi việc 49
Tiền đút lót 74, 103
Tiền gửi:
Lỗ trên 102
Tiền gửi đóng băng:
Lỗ thời gian chuyển qua của IRA 83
Tiền lãi 76
Tiền học:
Chương trình đủ điều kiện (*Xinxem* Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Tiền lãi:
Nặng lãi 58
Phí cần thu 102
Tiền gửi đóng băng 58
Tiền lại quả 76
Tiền lãi từ cho vay nặng lãi 58
Tiền lương (*Xinxem* Tiền công và tiền lương)
Tiền lương chênh lệch:
Tiền lương của quân nhân trừ bị:
Quân đội trừ bị 53
Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh:
Các khoản thanh toán FECA 55
Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp Đường Sắt 55
Khấu lưu thuế 39, 40
Thỏa ước lao động tập thể 40
Thu nhập 49
Tiền Mặt:
Giảm giá 74
Tiền Phạt 10, 20, 21
(*Xin cũng xem* Hình phạt)
Khả Năng Khấu Trừ 103
Tiền thắng và thua bạc 76, 105
Khấu lưu thuế 40, 45
Tiền thu được từ hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp 70
Tiền thuế miễn trừ về bao trả cho dịch vụ sức khỏe 7
Tiền thuê văn phòng, khấu trừ 102
Tiền thù lao 48
(*Xin cũng xem* Tiền công và tiền lương)
Được xác định cho các mục đích IRA 79
Không phải nhân viên 75
Người lao động 48
Thất nghiệp 73
Thù lao khác 48
Xác định cho mục đích Roth IRA 88
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên 75
Tiền thưởng 39, 48, 77
Tiền tử tuất do tai nạn 50
Tiết kiệm:
Chứng thư 57, 62
Trái phiếu 58, 63
Trái phiếu sử dụng cho giáo dục 60
Tiểu bang:
Nghĩa vụ, lãi suất trên 61
Tiêu chí đánh giá hỗ trợ:
Thân nhân đủ điều kiện 35
Trẻ đủ điều kiện 30
Tiêu chí đối với người nộp thuế về người phụ thuộc 28
Tiêu chí mối quan hệ 28, 34
Tiêu chí thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ 34
Tiêu chí tổng thu nhập 34
Tiêu chí tuổi tác 28
Tiêu chí về khai thuế chung 28, 30
Tiêu chí xét tình trạng cư trú 28, 29
Tìm kiếm việc làm:
Khấu trừ chi phí cho Phỏng vấn 76
Tình huống dân sự 75
(*Xin cũng xem* Thiệt hại từ tình huống pháp lý)
Tình huống thương tật cá nhân:
Thiệt hại từ 75
Tình nguyện viên VISTA 54
Tính thuế 13
Làm tròn 13
Số tiền âm 13
Số tiền bằng nhau 13
Tính thuế và tín thuế 64, 106
(*Xin cũng xem* Mẫu Tính Toán)
Tình trạng cư trú:
Nhà bên ngoài Hoa Kỳ. (*Xinxem* Công dân bên ngoài Hoa Kỳ.)
Tình trạng khai thuế 6, 21–26
Chủ gia đình 22, 24
Người đủ điều kiện để nộp hồ sơ với tư cách 25
Hôn nhân bị hủy bỏ 22
Hồ sơ khai thuế chung 22
Người chưa kết hôn 6, 22
(*Xin cũng xem* Người nộp thuế độc thân)
Người nộp thuế đã ly hôn 22
Người vợ/chồng còn lại 22
Thay đổi, sau thời điểm khai thuế 18
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế 107, 108
Cơ hội Mỹ 23
Giáo dục trọn đời (*Xinxem* Tín thuế giáo dục trọn đời)
Thuế trẻ em (*Xinxem* Tín thuế trẻ em)
Thu nhập do lao động (*Xinxem* Tín thuế thu nhập từ việc làm)
Tín thuế cho người thuộc quyền khác 109
Tín thuế cho các chi phí chăm nuôi người sống phụ thuộc 108
Tín thuế cho người thuộc quyền khác 109, 110
Hạn mức tín thuế 110
Người đủ điều kiện 110
Yêu cầu tín thuế 110
Tín thuế dành cho người già hay người bị khuyết tật 108
Tín thuế dành cho việc chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí:
Giới hạn tổng thu nhập đã điều chỉnh 23
Tín thuế giáo dục:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế giáo dục trọn đời:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế hy vọng:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế kinh doanh:
Yêu cầu hoàn thuế 19
Tín thuế thu nhập từ việc làm 108
Nộp đơn yêu cầu 7
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Tín thuế trẻ em 7, 27, 109, 111
Hạn mức 23
Hạn mức tín thuế 110
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Yêu cầu tín thuế 110
Tổ Chức Dịch Vụ Của Các Giám Đốc Đã Nghỉ Hưu (Service Corps of Retired Executives, SCORE) 54
Tổ chức quốc tế, nhân viên của 53
Tổ chức tài chính 79
(*Xin cũng xem* Ngân hàng)
Tổ chức tôn giáo 7, 52, 53
(*Xin cũng xem* Giáo sĩ)
Tổng số tiền hỗ trợ 35
Tổng Thanh Tra của Bộ Ngân Khố:
Số điện thoại khai báo ẩn danh hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên IRS 3
Tổng thu nhập:
Định nghĩa:
Yêu cầu khai thuế (Bảng 1-1) 5
Tuổi, ngưỡng khai thuế cao hơn sau 65 tuổi 6
Yêu cầu khai thuế đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) 6
Tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI):
Theo luật thuế mới (*Xinxem* Tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI))
Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí 23
Tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI):
IRA, việc tính thuế cho:
Ảnh hưởng đến khoản khấu trừ nếu được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) 81, 82
Ảnh hưởng đến khoản khấu trừ nếu không được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) 82
Mẫu tính toán 9-1 82
Roth IRA, việc tính thuế cho:
Giảm dần (Bảng 9-3) 88
Mẫu Tính Toán 9-2 88
Tổn thất do trộm cắp 102, 104
Trách nhiệm của cha mẹ (*Xinxem* Trẻ em)
Trách nhiệm của Hoa Kỳ, tiền lãi 58
Trái phiếu:
Giảm giá 61
Giảm giá phát hành gốc 61
Miễn thuế 61
Phát hành với giá chiết khấu 61
Tiết kiệm 58
Trừ dần tiền trả thêm 104
Trái phiếu có phiếu trả lãi tách rời 63
Trái phiếu đô thị 61
Trái phiếu ngắn hạn, trái phiếu trung hạn và trái phiếu dài hạn 61
Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ:
Giáo dục, được sử dụng cho 23
Tiền lãi 76
Trái phiếu trung hạn 58
Trả trước:
Bảo hiểm 58
Trẻ, đủ điều kiện 28
Trẻ chết trước khi sinh 29
Trẻ còn sống khi sinh 29
Trẻ đủ điều kiện 28
Trẻ được sinh ra 29
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách 25, 26
Số an sinh xã hội cần lấy 37
Trẻ em 50
(*Xin cũng xem* Nhận con nuôi)
Bảo dưỡng 29
Bị bắt cóc 29, 33
Chết trước khi sinh 29
Cổ tức của (*Xinxem Tiêu đề này:* Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi)
Đưa đón trẻ em đến trường 77
Ký tên hồ sơ khai thuế, cha mẹ cho con 14
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho 92, 93
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc 48
Người trông trẻ 48
Nhận con nuôi (*Xinxem* Con nuôi)
Quà tặng 57
Thu nhập của 7
Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi:
Lợi nhuận và cổ tức 7
Lựa chọn của cha mẹ để báo cáo theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR 7
Yêu cầu khai thuế đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) 6
Thu nhập không do lao động của 56
Tín thuế (*Xinxem* Tín thuế trẻ em)
Tín thuế cho 7
(*Xin cũng xem* Tín thuế trẻ em)
Tín thuế trẻ em bổ sung 111
Trẻ được sinh ra:
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách 25, 26
Số an sinh xã hội cần lấy 37
Trẻ qua đời:
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách 25, 26
Trợ cấp (*Xinxem* Trợ cấp con cái)
Yêu cầu khai thuế:
Với tư cách là người phụ thuộc (Bảng 1-2) 6
Trẻ em bị bắt cóc:
Thân nhân đủ điều kiện 33
Trẻ đủ điều kiện 29
Trẻ mất tích:
Ảnh chụp, có trong các ấn phẩm của IRS 3
Trẻ nhận nuôi 28, 30, 34, 35
Trẻ qua đời 29
Trộm cắp danh tính 2, 21
Trông trẻ 48
Trốn thuế 21
Trợ cấp, cứu trợ thiên tai 73
Trợ cấp cho cựu chiến binh 53
Quyết định hồi tố 55
Thời hiệu đặc biệt. 55
Trợ cấp con cái 75
Trợ cấp cựu chiến binh:
Hỗ trợ giáo dục 77
Trợ cấp hao hụt 72
Trợ cấp nghiên cứu sinh (*Xinxem* Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)
Trợ cấp sinh hoạt phí 49
Trợ cấp sử dụng năng lượng cho mùa đông 75
Trợ cấp thất nghiệp 73
Báo cáo trên Mẫu 1040 73
Bảo hiểm thẻ tín dụng chi trả 75
Đóng góp bắt buộc vào quỹ tiểu bang, khấu trừ 97
Hoàn trả các quyền lợi. 73
Khấu lưu thuế 40, 73
Phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp 104
Quyền lợi bổ sung 73
Quỹ tư nhân, từ 73
Trợ cấp thôi việc 49
Dịch vụ hỗ trợ tìm việc làm thay thế 49
Tiền lương nghỉ phép tích lũy 49
Trợ cấp thực phẩm:
Chương trình dinh Dưỡng cho người cao niên 74
Trợ giúp (*Xinxem* Trợ giúp về thuế)
Trợ giúp về thuế 3, 10, 127
Chương Trình Tư Vấn Thuế Vụ Cho Người Cao Tuổi 10
Tư vấn tình nguyện (chương trình Hỗ trợ Khai thuế Thu nhập Tình nguyện) 10, 54
Trung tâm chăm sóc ban ngày 48
(*Xin cũng xem* Chăm sóc trẻ em)
Trương mục hưu trí cá nhân (IRA) 78, 83, 88
(*Xin cũng xem* Tiền chuyển qua)
(*Xin cũng xem* Roth IRA)

Báo cáo về:
Phân phối 86
Tái xác định khoản đóng góp 85
Các loại 79
Các mẫu để sử dụng:
Mẫu 1099-R nhằm báo cáo các khoản phân phối 86
Mẫu 8606 dành cho các khoản đóng góp không được khấu trừ 78
Cặp đôi đã kết hôn (*Xinxem tiêu đề này:* Kay Bailey Hutchison Spousal IRA)
Cho phép chuyển khoản 83
Đến Roth IRA 83, 84
Chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác 83
IRA sang Roth IRA 90
Cơ sở chi phí 83, 86
Đóng góp 23, 24
Chỉ định năm đóng góp 80
Đóng góp Roth IRA trong cùng năm 89
Khai thuế trước khi đóng góp 80
Không bắt buộc hàng năm 80
Không được khấu trừ 82
Rút tiền trước ngày đến hạn nộp hồ sơ khai thuế 85
Thặng dư 87
Thời gian 80
Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ 82
Rút tiền sớm 88
Thuế đối với các nguồn thu nhập trên 83
Giao dịch bị cấm 86
Giới hạn đóng góp 79
Dưới 50 tuổi, 79
Từ 50 tuổi trở lên, 79
Hình phạt:
Giao dịch bị cấm 86
Khai khống các khoản đóng góp không được khấu trừ 82
Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không được khấu trừ 78, 82
Phân phối bắt buộc, không thực hiện được 85, 88
Phân phối sớm (*Xinxem* Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)
Tiền đóng thuế thặng dư 87
Kay Bailey Hutchison Spousal IRA 79–81
Khái niệm 79
Khấu lưu thuế 14, 40, 86
Khấu trừ cho 80
Giảm dần 81
Người Tham Gia được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) 81
Người Tham Gia không được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) 82
Người nộp thuế đã ly hôn 84
Người tham gia chương trình hưu trí của đơn vị sử dụng lao động 80, 81
Người tư doanh 79
Phân phối:
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (*Xinxem tiêu đề này:* Phân phối bắt buộc)
Ở tuổi 59 1/2 87
Phân phối bắt buộc 84, 85
Tích lũy quá mức 88
Phân phối sớm (*Xinxem* Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)
Phí hành chính 79, 80, 102
Phí hành chính cho người được ủy thác 102
Rút tiền:
Bắt buộc (*Xinxem tiêu đề này:* Phân phối bắt buộc)
Sớm (*Xinxem* Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)
Tái xác định đóng góp 85
Thiết lập tài khoản 79
Nơi mở tài khoản 79
Thời gian 79
Thời điểm đánh thuế 79
Thu nhập thông thường, phân phối như 86
Tiền đóng thuế thặng dư 87
Tiền lãi trên, tính thuế 78
Tiền thù lao, được xác định 79
Tính Toán AGI theo luật thuế mới (Mẫu Tính Toán 9-1) 82
Tín thuế đóng góp từ chương trình tiết kiệm hưu trí 23
Tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI):
Ảnh hưởng đến khoản khấu trừ nếu được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) 81
Ảnh hưởng đến khoản khấu trừ nếu không được bao trả theo chương trình hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) 82
Mẫu tính toán 9-1 82
Tính toán 81
Trách nhiệm đóng thuế:
Phân phối 86
Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA kế thừa 76, 83, 84
Phân phối bắt buộc 86
Tuổi 59 1/2 cho phân phối 87
Ngoại lệ của quy định 87
Tuổi 72:
Phân phối bắt buộc ở 85, 88
Tuổi:
IRA:
Phân phối bắt buộc ở tuổi 72 85, 88
Phân phối trước tuổi 59 1/2 87
Khoản đầu tư của trẻ em (*Xinxem* Trẻ em, *tiêu đề phụ:* Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi)
Mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn cho người từ 65 tuổi trở lên 93
Roth IRA 88, 91
Tổng thu nhập và yêu cầu khai thuế (Bảng 1-1) 5
Tuyên bố về quyền của người nộp thuế:
IRS yêu cầu cung cấp thông tin 3
Tuyên úy:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 70
Tự động gia hạn thời gian khai thuế 11
Mẫu 4868 11

U

Uy Tín Nghề Nghiệp 104

V

Vàng và bạc:
Đầu tư IRA vào 87
Vắng mặt, tạm thời 29, 34
Vắng mặt tạm thời 29, 34
Vật di tặng 75, 76
(*Xin cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
(*Xin cũng xem* Di sản thừa kế)
Vé phương tiện công cộng, đơn vị sử dụng lao động cung cấp 51
Vé phương tiện giao thông 51
Vé phương tiện giao thông đại chúng, đơn vị sử dụng lao động cung cấp 51
Việc định giá ở địa phương:
Khả năng Khấu trừ 99
Việc làm:
Các khoản thuế:
Khấu lưu FICA 12
(*Xin cũng xem* Khấu lưu thuế)
Phí môi giới 75
Việc làm nước ngoài 7, 53
Công dân Hoa Kỳ 53
Thuế an sinh xã hội và Medicare 53
Từ bỏ tình trạng ngoại nhân 53
Việc làm ở nước ngoài 53
Việc làm quốc tế (*Xinxem* Việc làm nước ngoài)
Viên chức khu bầu cử:
Chi phí, báo cáo về 76
Vi phạm hợp đồng:
Thiệt hại dưới dạng thu nhập 75
Vi phạm luật địa phương 34
Vợ/chồng 6, 13, 14, 22, 23, 70
(*Xin cũng xem* Người nộp thuế đã kết hôn)
(*Xin cũng xem* Người vợ/chồng còn lại)
Vợ/chồng bị ảnh hưởng 15
Yêu cầu hoàn thuế 15
Vợ/chồng qua đời 93
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 23
Cách nộp hồ sơ khai thuế 23
Các khoản khấu trừ:
Thay đổi phương thức từ hoặc sang khấu trừ từng khoản 94
Xử lý 23
Chủ quyền trọn, phân phối thuế bất động sản 99
Khai chung thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nhưng khai riêng thuế liên bang 97
Khấu trừ từng khoản 23, 94
Một bên vợ/chồng đã liệt kê từng khoản nên người kia cũng phải làm như vậy 92
Quyền lợi an sinh xã hội và quyền lợi hưu trí đường sắt 65
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương 97
Tiền chuyển qua 23
Tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng 24
Tín thuế, xử lý 23
Tín thuế thu nhập từ việc làm 23
Vỡ Nợ:
Nợ được hủy không được coi là thu nhập 69

X

Xe ô tô 51, 77
(*Xin cũng xem* Đi lại và vận chuyển)
Thuế tài sản cá nhân trên, khấu trừ 100
Xóa sổ (*Xinxem* Hủy nợ)

Y

Yêu cầu khai thuế 5–21, 23
(*Xin cũng xem* Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ 7
Đa số người nộp thuế (Bảng 1-1) 5
Điện tử (*Xinxem Khai thuế điện tử*)
Đối tượng phải khai thuế 5, 7
Gia hạn 10
Khai thuế chung 22, 23
(*Xin cũng xem* Hồ sơ khai thuế chung)
Mức tổng thu nhập (Bảng 1-1) 5
Người chưa kết hôn (*Xinxem* Người nộp thuế độc thân)
Người khai thuế theo niên lịch 10
Người nộp thuế cá nhân 6
Người phụ thuộc 6, 7
Nơi nộp hồ sơ khai thuế 16
Thời điểm khai thuế 10
Tiền phạt do khai thuế trễ hạn (*Xinxem* Hình phạt)
Yêu cầu lưu giữ chứng từ 17
Bài bạc 76
Bản sao hồ sơ khai thuế 17
Chứng từ cơ bản 17
Chứng từ điện tử 17
Chứng từ thanh toán 17
Tại sao cần lưu giữ chứng từ 17
Thời gian lưu giữ 18

Nơi nộp hồ sơ khai thuế

Hãy gửi hồ sơ khai thuế của quý vị về địa chỉ được nêu dưới đây và phù hợp với quý vị. Nếu quý vị muốn sử dụng dịch vụ giao thư riêng tư, tham khảo *Dịch vụ giao thư riêng tư* ở chương 1.

TIP *Các bì thư không có đủ dấu bưu chính sẽ bị bưu điện gửi hoàn lại cho quý vị. Bì thư của quý vị có thể cần thêm dấu bưu chính nếu dài hơn năm trang hoặc ngoại cỡ (ví dụ như dày trên 1/4 inch). Ngoài ra, hãy cung cấp cả địa chỉ hồi âm hoàn chỉnh của quý vị.*

NẾU quý vị sống ở...	**THÌ gửi hồ sơ hoàn thuế tới địa chỉ bên dưới nếu quý vị yêu cầu hoàn thuế hoặc KHÔNG gửi kèm thanh toán...**	**HOẶC gửi hồ sơ hoàn thuế về địa chỉ dưới đây nếu quý vị CÓ gửi kèm thanh toán (chi phiếu hoặc lệnh phiếu)...**
Alabama, Georgia, North Carolina, South Carolina, Tennessee	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 1214 Charlotte, NC 28201-1214
Alaska, California, Hawaii, Ohio, Washington	**Sử dụng địa chỉ này nếu quý vị nộp hồ sơ từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến hết ngày 18 tháng 6 năm 2021:** Department of the Treasury Internal Revenue Service Fresno, CA 93888-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
	Bắt đầu từ ngày 19 tháng 6 năm 2021, hãy sử dụng địa chỉ sau: Department of the Treasury Internal Revenue Service Ogden, UT 84201-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Arkansas, Delaware, Illinois, Indiana, Iowa, Kentucky, Maine, Massachusetts, Minnesota, Missouri, New Hampshire, New Jersey, New York, Oklahoma, Vermont, Virginia, Wisconsin	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 931000 Louisville, KY 40293-1000
Arizona, Colorado, Idaho, Kansas, Michigan, Montana, Nebraska, Nevada, New Mexico, North Dakota, Oregon, South Dakota, Utah, Wyoming	Department of the Treasury Internal Revenue Service Ogden, UT 84201-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Connecticut, Đặc Khu Columbia, Maryland, Pennsylvania, Rhode Island, West Virginia	Department of the Treasury Internal Revenue Service Ogden, UT 84201-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 931000 Louisville, KY 40293-1000
Florida, Louisiana, Mississippi, Texas	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 1214 Charlotte, NC 28201-1214
Nước ngoài, địa hạt hoặc thuộc sở hữu của Hoa Kỳ,* hay sử dụng một địa chỉ bưu điện quân đội (APO, army post office) hay bưu điện hạm đội (FPO, fleet post office), hoặc nộp Mẫu 2555 hay 4563, hoặc là một ngoại nhân có tình trạng kép	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0215	Internal Revenue Service P.O. Box 1303 Charlotte, NC 28201-1303
* Nếu quý vị sinh sống tại Samoa thuộc Mỹ, Puerto Rico, Guam, Quần Đảo Virgin Hoa Kỳ hoặc vùng Commonwealth thuộc Bắc Quần Đảo Marian, xem Ấn Phẩm 570.		